**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 1 (54)**

**Năm học 2021 – 2022**

**Đà Nẵng, tháng 12 năm 2021**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Quan hệ quốc tế, môi trường và công nghệ Hóa, pháp luật, phát triển kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, ngôn ngữ, khoa học sức khỏe, văn học, điện tử - viễn thông – cơ khí, thiết kế thời trang ...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2021 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 3
* Chính trị 13
* Quan hệ quốc tế 15
* Phát triển kinh tế 33
* Tài chính 55
* Ngân hàng 93
* Môi trường và Công nghệ Hóa 119
* Giáo dục 143
* Luật học 155
* Ngôn ngữ 185
* Khoa học tự nhiên 190
* Khoa học sức khỏe 196
* Điện tử - viễn thông – cơ khí 220
* Xây dựng 223
* Kế toán – Kiểm toán 248
* Quản trị kinh doanh 301
* Kiến trúc 381
* Thiết kế Thời trang 392
* Nghiên cứu Văn học 401
* Du lịch 408

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. 10 xu hướng an toàn mạng hàng đầu năm 2022**/ Nguyệt Thu// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Bài viết trình bày 10 xu hướng an toàn mạng năm 2022: Nhận thức của người dùng, các mối đe dọa lừa đảo theo khu vực địa lý, các cuộc tấn công vào các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, học máy, an toàn điện toán đám mây, tuân thủ quy định bảo vệ dự liệu chung, tấn công mạng vào các dịch vụ tài chính, các mối đe dọa đối với giáo dục Đại học, Lỗ hổng của IOT, thiết bị di động là một hướng tấn công.

**Từ khóa**: An toàn mạng, An toàn thông tin

**2. 5 điều quan trọng cần thực hiện khi bị tấn công Ransomware**/ Dương San// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 66-67.

**Nội dung**: Tin tặc ngày càng sử dụng Ransomware như một công cụ hiệu quả để tấn công vào các tổ chức / doanh nghiệp nhằm thực hiện mục đích tống tiền và tài trợ cho các hoạt động độc hại khác. Theo nghiên cứu mới đây số lượng cuộc tấn công Ransomwar đã tăng gấp đôi năm 2020.

**Từ khóa:** Ransomwar, tin tặc, an toàn thông tin

**3. 7 bước đảm bảo an toàn giúp doanh nghiệp ngăn chặn mã độc tống tiền**/ Hoàng Thu Phương// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 48-50.

**Nội dung:** Bất kỳ thiết bị được kết nối nào, bao gồm điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy chủ, máy móc công nghiệp, … đều có thể trở thành mục tiêu cho tội phạm mạng tấn công sử dụng mã độc tống tiền vào các mạng và hệ thống của các công ty.

**Từ khóa**: An toàn mạng, doanh nghiệp, công nghệ mật mã

**4. A verification framework for specification centered developments/** Vũ Diệu Hương// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5 (48) .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Trong bài báo này đề xuất một số khung làm việc kiểm chứng cho tiến trình phát triển phần mềm lấy đặc tả làm trung tâm. Trong khung làm việc này đầu tiên chúng ta sẽ tập trung vào cải tiến chất lượng của đặc tả rồi sử dụng đặc tả có chất lượng được đảm bảo này để dẫn xuất cho hoạt động kiểm chứng thiết kế và chương trình. Khung làm việc này có thể được áp dụng trong miền các hệ thống phản ứng với tính tự động hóa cao tính thích nghi tốt và tính thực hành cao.

**Từ khóa:** Phần mềm, kiểm chứng, trung tâm, hệ thống phản ứng

**5. An ninh mạng trong chuyển đổi số ở EU**/ Đỗ Hồng Huyền// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Với Châu Âu khi quá trình chuyển đổi số tăng tốc trong toàn bộ đời sống kinh tế-xã hội, các lĩnh vực quan trọng như vận tải, năng lượng, y tế, … được kết nối với nhau chưa từng có, khiến an ninh mạng và khả năng phục hồi trở thành ưu tiên hàng đầu đối với các nhà hoạch định chính sách cũng như các doanh nghiệp. Bài viết này sẽ phân tích quan điểm của EU về an ninh mạng trong chuyển đổi số, thực trạng và giải pháp bảo đảm an ninh mạng EU trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: An ninh mạng, chuyển đổi số

**6. An ninh mạng: Trụ cột của doanh nghiệp khi chuyển đổi số**/ Đỗ Đoàn Kết// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 45-47

**Nội dung**: Khi các tổ chức/doanh nghiệp chuyển đổi số công việc kinh doanh và tự động hóa các hoạt động thì rủi ro an ninh mạng sẽ ngày càng gia tăng. Dưới đây là một số khuyến nghị giúp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ an ninh mạng có thể hỗ trợ cho các tổ chức/doanh nghiệp có được một kế hoạch chuyển đổi số an toàn.

**Từ khóa**: An ninh mạng, doanh nghiệp, chuyển đổi số

**7. Bảo đảm an toàn dữ liệu khi mua sắm trực tuyến**/ Quốc Trường// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Việc thanh toán và mua sắm trực tuyến thông qua các ứng dụng và ví điện tử đang dần trở thành nhu cầu tất yếu trong cuộc sống. Với số lượng người tiêu dùng cao như vậy những rủi ro, nguy cơ tiềm ẩn về việc bảo mật và an toàn thông tin là rất lớn. Vậy trong bài viết này sẽ đưa ra nhưng lưu ý để chúng ta có thể tăng cường bảo mật cũng như kiểm tra trên thiết bị của mình trước khi thực hiện mua sắm thanh toán điện tử.

**Từ khóa**: Mua sắm trực tuyến, an toàn dữ liệu

**8. Các nhà khoa học kêu gọi định hướng an ninh mạng toàn cầu**/ Nguyễn Ngoan// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Bất chấp những nỗ lực nghiên cứu liên tục của các nhà khoa học nhằm phát hiện và phòng thủ trước các cuộc tấn công mạng, mức độ an ninh hiện nay chưa được đảm bảo. Điều này đe dọa đến sự phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tài sản kỹ thuật số ảnh hưởng tới hầu hết các hoạt động hiện tại và tương lai của xã hội.

**Từ khóa:** An ninh mạng, định hướng an ninh mạng, nhà khoa học

**9. Chế tài xử lý các hành vi vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân**/ Nguyễn Ngọc Cương, Nguyễn Ngọc Quỳnh// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 11-14.

**Nội dung:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân là vấn đề không mới trong thực tiễn đời sống xã hội nước ta nhưng lại là vấn đề mới trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định trong hiến pháp. Xây dựng bảo vệ dữ liệu cá nhân là bảo vệ quyền bí mật cá nhân của con người đã được hiến pháp ghi nhận.

**Từ khóa**: Dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin

**10. Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025**/ Tuệ minh// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 39-40.

**Nội dung**: Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược đặt ra mục tiêu cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số năm 2025.

**Từ khóa**: Chính phủ số, Chính phủ điện từ, chiến lược phát triển

**11. Đảm bảo an toàn hệ thống điều khiển công nghiệp**/ Phạm Duy Trung// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Các cuộc tấn công vào hệ thống điều khiển công nghiệp đang ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ tinh vi, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, việc đảm bảo an toàn cho cac hệ thống điều khiển công nghiệp là vô cùng cần thiết và quan trọng nhằm giảm thiểu thiệt hại gây ra cho những cơ sở hạ tầng trọng yếu.

**Từ khóa**: Điều khiển công nghiệp, điều khiển hệ thống, an toàn hệ thống

**12. Đề xuất xây dựng hệ sinh thái AI cho Việt Nam : một mô hình sơ khởi nhưng mang tính quyết định thành bại**/ Trịnh Quang Vũ, Dương Tuấn Kiệt, Lương Thị Ngân, Nguyễn Thị Thanh Hằng, Trần Thảo Mi// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Đề xuất xây dựng hệ sinh thái AI cho Việt Nam, bao gồm 5 trụ cột cốt lõi và liên kết chặt chẽ với nhau: Trụ cột 1 – Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo toàn cầu; Trụ cột 2 – Nền kinh tế; Trụ cột 3 – Hệ thống tài chính; Trụ cột 4 – Doanh nghiệp và đội ngũ nhân sự (tài chính, tiếp thị và quản lý); và Trụ cột 5 – Các vấn đề liên quan đến xã hội và đạo đức. AI được hiểu đơn giản là sự mô phỏng trí thông minh của con người bằng các máy móc, phần mềm được lập trình để suy nghĩ giống con người và bắt chước hành động của họ, đã trở thành một trong những kỹ thuật và công nghệ “nóng” nhất hiện nay.

**Từ khóa**: Hệ sinh thái AI, máy móc, phần mềm, lập trình, mô phỏng trí thông minh

**13. Giải pháp và ứng dụng công nghệ bảo mật hai lớp trong Windows Logon**/ Lê Xuân Đức, Hà Thị Thu Trang, Đỗ Thị minh Phương// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Bảo mật hai lớp là giải pháp xác thực thêm một bước vào hoạt động đăng nhập thông thường của người dùng. Lớp bảo mật thứ hai được thêm vào sẽ giúp tài khoản người dùng trở nên an toàn hơn trước các cuộc tấn công mạng. Trong bài viết nhóm tác giả nêu lên một số vấn đề về tấn công đánh cắp mật khẩu cùng với tính cấp thiết trong việc ứng dụng công nghệ xác thực đa yếu tố hiện nay. Trên cơ sở phân tích các lựa chọn công nghệ, bài viết trình bày tính năng kỹ thuật của hệ thống xác thực sử dụng công nghệ bào mật 2 lớp cho Windows logon do nhóm tác giả phát triển.

**Từ khóa:** An ninh mạng, công nghệ bảo mật, Windows Logon

**14. “Giúp tôi!” : kết nối chuyên gia, vượt qua Covid-19**/ Vũ Hưng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 54-55.

**Nội dung**: “Giúp tôi!” (<http://giuptoi.vn>) là một dự án cộng đồng với mục đích chung tay hỗ trợ người dân Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, thuộc Trung tâm Công nghệ phòng, chống dịch Covid-19 quốc gia. Ứng dụng có thể tải trên 2 nền tảng: Android và IOS. Sau khi tải ứng dụng, mỗi khi cần tư vấn trực tiếp từ các y, bác sĩ hay các chuyên gia, người bệnh hoặc gia đình chỉ cần bấm nút để được kết nối từ thời và nhận sự trợ giúp thông qua tin nhắn hoặc cuộc gọi video. Dự án được thành lập từ tâm huyết của những chuyên gia công nghệ nhằm mục đích chung tay hỗ trợ người dân Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Từ khi khởi xướng, dự án nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các bộ/ban, ngành cùng hơn 150 tình nguyện viên từ Việt Nam và khắp nơi trên thế giới.

**Từ khóa**: Giúp tôi, tư vấn bác sĩ, Covid-19, ứng dụng công nghệ, công nghệ phòng dịch, dịch bệnh

**15. Hạ tầng chất lượng quốc gia trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Hà Minh Hiệp, Đoàn Anh Vũ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Phân tích hạ tầng chất lượng quốc gia trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) được coi là nền tảng cơ bản của thương mại quốc tế, là tiền đề để các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, tiếp cận thị trường quốc tế theo nguyên tắc hiện đại. Mặc dù nhiều sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ở các quốc gia đang phát triển đạt chất lượng cao nhưng vẫn rất khó để các quốc gia này có thể quảng bá ra thế giới nếu NQI không hoạt động một cách hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tương tự như hạ tầng vật lý (đường sá, bến cảng, hệ thống lưới điện…), phát triển NQI được coi là nhiệm vụ quan trọng của mỗi chính phủ trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

**Từ khóa**: Hạ tầng chất lượng quốc gia, NQI, thương mại quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0

**16. IoT và xu hướng “ngân hàng không giấy”**/ Vũ Ngọc Anh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 27-29.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng công nghệ IoT, ngân hàng có khả năng thu thập hàng ngàn đầu dữ liệu đặc trưng của từng khách hàng thông qua các điểm tiếp xúc như máy quét thẻ, các loại đầu đọc dữ liệu, Smartphone… hướng đến một ngành “ngân hàng không giấy”. Vạn vật kết nối hay Internet vạn vật (Internet of Thing – IoT) là một thuật ngữ không còn quá xa lạ hiện nay. IoT giúp cuộc sống trở nên thông minh, tiện lợi và kết nối tốt hơn. Là một trong những ngành đi đầu trong việc ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào hoạt động kinh doanh, ngành ngân hàng đã và đang có những bước tiến sâu rộng trong việc ứng dụng IoT phát triển hệ thống kết nối với khách hàng, mang lại cho khách hàng những trải nghiệm và tiện ích vượt bậc.

**Từ khóa**: Vạn vật kết nối, Internet vạn vật, IoT, ngân hàng không giấy

**17. Một mô hình ứng dụng trong chuyển đổi từ Chính phủ điện tử tới Chính phủ số**/ Phạm Hải Sơn, Hà Thị Phương Thảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Đề xuất mô hình chuyển đổi trong D-Gov phù hợp với điều kiện của Việt Nam, tránh được sự đầu tư trùng lắp không cần thiết trong việc triển khai cơ sở hạ tầng và tích hợp các dịch vụ. Cùng với sự phát triển của mạng không dây (3G, 4G) đã tạo ra nhiều thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong truy cập internet để sử dụng các dịch vụ của Chính phủ mọi lúc, mọi nơi. Điều này yêu cầu Chính phủ cần phải thay đổi phương thức cung cấp dịch vụ sao cho nhanh nhất, tiện dụng nhất tới người dân và doanh nghiệp. Sự hình thành một Chính phủ số (D-Gov) kế tiếp trong Chính phủ điện tử (E-Gov) đã diễn ra trên thế giới và chắc chắn sẽ diễn ra ở Việt Nam trong tương lai. Tuy là thế hệ tiếp theo của E-Gov nhưng D-Gov vẫn có có các đặc thù riêng về công nghệ, từ hạ tầng, bảo mật, ứng dụng cho đến phương thức quản lý.

**Từ khóa**: Chính phủ điện tử, Chính phủ số, D-Gov, E-Gov

**18. Một số thách thức về an toàn hệ thống thông tin quan trọng ngành hàng không dân dụng Việt Nam**/ Lê Tuấn// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 40-44.

**Nội dung:** Hiện nay, trên hệ thống thông tin quan trọng của ngành hàng không dân dụng ở Việt Nam vẫn còn tồn tại rất nhiều lỗ hổng bảo mật. Các lỗ hổng này chính là cơ hội để các thế lực thù địch, tin tặc, tội phạm mạng khai thác thực hiện các cuộc tấn công mạng vào hệ thống thông tin quan trọng ngành hàng không dân dụng với nhiều mục đích khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ một số nguy cơ, thách thức của các lỗ hổng bảo mật đối với an ninh, an toàn hệ thống thông tin quan trọng ngành hàng không dân dụng. Bài viết đề xuất một số nhiệm vụ để đảm bảo an cho hệ thống này.

**Từ khóa:** An toàn thông tin, hệ thống thông tin, hàng không dân dụng

**19. Một số vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tình hình hiện nay**/ Nguyễn Ngọc Cương// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 9-12.

**Nội dung:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân là vấn đề không mới trong thực tiễn đời sống xã hội nước ta nhưng lại là vấn đề mới trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bảo vệ dữ liệu cá nhân là vấn đề liên quan chặt chẽ đến quyền bảo vệ bí mật cá nhân đã được quy định trong điều 21 Hiến pháp năm 2013. Thế giới đã có nhiều quốc gia ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đây là nguồn tư liệu quý có thể tham khảo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu của nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Dữ liệu cá nhân, hệ thống pháp luật, bảo vệ dữ liệu cá nhân

**20. Những vấn đề đặt ra trong công tác đảm bảo an ninh phi truyền thống trong thời đại 4.0**/ Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Hà Thu// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Bài báo nhằm phân tích các thách thức về đảm bảo an ninh mạng, một trong các yếu tố của an ninh phi truyền thống trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra theo xu hướng toàn cầu hóa.

**Từ khóa**: An ninh phi truyền thống, an ninh mạng, công nghiệp 4.0

**21. Pháp luật cần xem xét mối nguy từ lỗi của các phần mềm cung cấp bằng chứng**/ Nguyễn Anh Tuấn// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 58-61.

**Nội dung:** Phần lớn mọi người đều hiểu phần mềm có thể có lỗi, khi họ thường xuyên phải cập nhật các loại phần mềm, từ các ứng dụng cho tới hệ điều hành. Tuy công chúng đã hiểu rõ điều đó nhưng tòa án vẫn chưa rút ra bài học từ điều tưởng như la hiển nhiên này. Những vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật khi phần mềm đóng vai trò như một nhân chứng.

**Từ khóa:** Pháp luật, phần mềm, bằng chứng, lỗi phần mềm

**22. Siemens sẵn sàng hỗ trợ phát triển AI trong ngành công nghiệp của Việt Nam**/ Bảo Hà// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 247+248 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) ngày nay đang tạo ra các cơ hội hoàn toàn mới trong công nghiệp. Chúng ta phải biết khai thác tiềm năng ứng dụng của công nghệ AI trong công nghiệp 4.0 và tạo ra nhiều cơ hội thách thức ứng dụng vào các nước đang phát triển.

**Từ khóa**: Công nghệ trí tuệ nhân tạo, Siemens, công nghiệp

**23. Thách thức trong đảm bảo an toàn thông tin trên không gian số**/ Nguyễn Tiến Dũng, Đặng Viết Thắng, Nguyễn Thúy Hằng// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Đảm bảo an toàn thông tin luôn la nhiệm vụ quan trọng, liên quan mật thiết đến sự phát triển bền vững của đời sống xã hội, quốc gia, dân tộc. Nguy cơ về mất an toàn thông tin đang có chiều hướng gia tăng, trở thành mối đe dọa trực tiếp tới sự ổn định, phát triển quốc gia. Bài báo phân tích thực trạng tội phạm mạng ảnh hưởng đến không gian số và đề xuất một số giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng trong không gian số phù hợp với bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: An toàn thông tin, không gian số

**24. Tiền điện tử pháp định và một số đề xuất cho Việt Nam**/ Nguyễn Đức Việt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Trình bày tiền điện tử pháp định, hiện trạng và hiệu quả sử dụng. Sự xuất hiện của tiền điện tử pháp định sẽ dẫn đến sự đổi mới hoàn toàn trong phương thức thanh toán, đem lại nhiều lợi thế trong quản lý tiền tệ của nhà nước. Những lợi thế này được thể hiện qua sự tiến bộ của chức năng phát hành và thanh toán, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Tiền điện tử pháp định còn là một đối tượng xứng tầm với những đồng tiền điện tử tự phát. Do đó, việc xây dựng chính sách về tiền điện tử pháp định ở Việt Nam là cần thiết để bắt kịp xu thế chung của thế giới.

**Từ khóa**: Tiền điện tử, tiền điện tử pháp định, phát hành tiền điện tử, thanh toán

**25. Tiêu chuẩn IEC 62443 nền tảng an toàn mạng công nghệp**/ Ngô Thế Minh// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Các hệ thống công nghiệp phụ thuộc vào công nghệ vận hành luon coi trọng vấn đề về an toàn mạng. Tiêu chuẩn IEC 62443 được phát triển để bảo đảm an toàn cho các mạng truyền thông công nghiệp và các hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp thông qua phương pháp tiếp cận có hệ thống.

**Từ khóa**: An toàn mạng, mạng công nghiệp, tiêu chuẩn IEC

**26. Ứng dụng công nghệ ảo hoá và điện toán đám mây phục vụ kết nối liên thông từ dữ liệu giữa các bệnh viện**/ Nguyễn Chí Ngọc, Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Thanh Qúy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 44-45.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng công nghệ ảo hoá và điện toán đám mây phục vụ kết nối liên thông từ dữ liệu giữa các bệnh viện. Phần mềm quản trị PACS-Cloud được xây dựng và phát triển trên nền tảng web để người dùng có thể dễ dàng sử dụng dịch vụ và có thể truy cập trên các thiết bị thông minh kết nối internet ở bất kỳ đâu. Việc chế tạo thành công hệ thống PACS-Cloud dựa trên nền tảng điện toán đám mây lai, đã giúp các bệnh viện trong nước nâng cao chất lượng điều trị nhờ khả năng hội chẩn xa.

**Từ khóa**: PACS-Cloud, công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, kết nối liên thông, bệnh viện

**27. Ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Hải quan Việt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ Nhan Cẩm Trí// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 82-89.

**Nội dung**: Ngành Hải quan Việt Nam trong nhiều năm qua đã nỗ lực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành các hoạt động hải quan và đóng góp nhiều giá trị cho sự phát triển kinh tế xã hội quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp cải thiện lĩnh vực hải quan Việt Nam và có những bứt phá ngoạn mục trong điều hành quản lý.

**Từ khóa:** Hải quan, công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ

**28. Vấn đề an ninh mạng tại Hội nghị Thượng đỉnh Nga – Mỹ/** Hoàng Hằng// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 4.

**Nội dung:** Tại cuộc họp báo tổng thống hai bên đã thẳn thắn trao đổi về vấn đề an ninh mạng. Cả hai bên mong muốn hợp tác chống lại tội phạm mạng trong tương lai.

**Từ khóa**: An ninh mạng, Hội nghị Thượng đỉnh, Nga, Mỹ

**29. Xác thực và trao đổi khóa trong mạng di động 5G**/ Trần Thị Ngà, Lê Hải Hường// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 3 (061) .- Tr. 32-36.

**Nội dung:** Xác thực và trao đổi khóa nhằm đảm bảo xác thực lẫn nhau giữa thiết bị người dùng và mạng, đồng thời cung cấp khóa gốc để sử dụng trong các thủ tục bảo mật tiếp theo giữa người dùng và mạng. Bài báo cung cấp tổng quan về các phương pháp xác thực và trao đổi khóa trong mạng 5G, đồng thời chỉ ra sự khác nhau giữa các giao thức này.

**Từ khóa:** Mạng đi động, mạng 5G, Trao đổi khóa

**30. Xây dựng giải pháp sử dụng USB an toàn trên Windows**/ Trần Ngọc Anh, Ngô Xuân Mai// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 66-69.

**Nội dung:** Bài viết này đưa ra một số giải pháp sử dụng USB an toàn trên Windows bằng cách sử dụng các tính năng, cộng cụ của hệ điều hành Windows như: định dạng NTFS, phân quyền truy cập thư mục tệp tin trên ổ đĩa cho người dùng, mã hóa Bitlocker, thiết lập chính sách nhóm, chính sách bảo mật. Trên cơ sở đó, tác giả xây dựng phần mềm tạo USB an toàn nhằm tự động hóa các thao tác sẵn có trên Windows.

**Từ khóa:** USB, Windows, an toàn thông tin

**31. Xu hướng trí tuệ nhân tạo trong năm 2022**/ Cộng Hòa// An toàn thông tin .- 2021 .- Số 5 (063) .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Trí tuệ nhân tạo (AI) đang có sự ảnh hưởng thiết thực đến mọi ngành công nghiệp lớn trên toàn thế giới. Việc xử lý máy tính nhanh tái tạo nhanh các thiết bị được kết nối Internet mạnh mẽ đã ngày càng khẳng định vị thế hiện diện của AI. Việc sử dụng AI đem lại cho máy móc khả năng đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác, giúp tránh được nhiều quyết định và kết luận sai lầm. Có thể chắc chắn một điều rằng, trong tương lai và gần đây nhất là trong năm 2022, những đột phá và phát triển của AI sẽ tiếp tục thúc đẩy việc sáng tạo và dẫn đầu những xu hướng mới.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo, sáng tạo

**CHÍNH TRỊ**

**1. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với khu vực Mỹ Latinh**/ Nguyễn Thị Kim Thu// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 6(279) .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế và xã hội ở khu vực Mỹ Latinh, bài viết nêu ra triển vọng phụ hồi của khu vực Mỹ Latinh trong những năm qua.

**Từ khóa**: Ảnh hưởng, Covid19, Mỹ latinh, tác động, kinh tế, xã hội

**2. Các trào lưu chính trị của khu vực Mỹ Latinh hiên nay**/ Nguyễn Anh Hùng// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 6(279) .- Tr. 32-41.

**Nội dung**: Nhìn nhận, phân tích thực trạng, nguyên nhân tạo nên các trào lưu đó và đánh giá mức độ, ảnh hưởng, sự phát triển của chúng hiện nay.

**Từ khóa**: Trào lưu, chính trị, Mỹ Latinh

**3. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay**/ Huỳnh Thị Bích Vân// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 10 .- Tr. 7-8.

**Nội dung**: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống qan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cách mạng Việt Nam. Bài báo nếu rõ thực trạng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường Đại học nước ta và đưa ra giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy tư tưởng hồ chí minh trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy

**4. Nguyễn Ái Quốc với tiếp nhận và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam**/ Lê Văn Lợi// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 81-87.

**Nội dung**: Giới thiệu sự hình thành, sự tiếp nhận, cơ sở và quá trình truyền bá học thuyết của Nguyễn Ái Quốc về chủ nghĩa Mác – Lênin, học thuyết ra đời từ phương Tây vào Việt Nam.

**Từ khóa**: Châu Á, chủ nghĩa Mác – Lênin, Nguyễn Ái Quốc, phương Tây, Việt Nam

**5. Phát triển quan điểm của C. Mác về lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư /** Nguyễn Hoài Thương// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 10 .- Tr. 5-6.

**Nội dung:** Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tạo ra bước nhảy vọt trong đời sống xã hội. Lực lượng sản xuất và sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất nhằm tạo ra một sức sản xuất vật chất nhất định. Trong giai đoạn hiện nay để tiếp tục vận dụng quan điểm của Mac cần mở rộng nội hàm trong lĩnh vực sản xuất phạm vi toàn thế giới.

**Từ khóa**: Chủ nghĩa Mac, cách mạng công nghiệp, lực lượng sản xuất

**6. Tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với Phật giáo từ năm 1945 đến nay**/ Nguyễn Tất Đại, Nguyễn Ngọc Quỳnh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 73-80.

**Nội dung**: Giới thiệu những điểm tương đồng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với phật giáo. Tiếp thu và vận dụng di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách đối với tôn giáo trong đó có phật giáo để vừa đảm bảo quyền tự do tôn giáo vừa thực hiện đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc tạo ra sức mạnh xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**Từ khóa**: Phật giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chính sách, Nhà nước

**7. Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị**/ Ngô Hùng Dũng// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 10 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy môn lý luận chính trị, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học theo thuyết kiến tạo. Thực trạng, hoạt động dạy và học của giảng viên, sinh viên từ đó đề ra giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy môn lý luận chính trị theo thuyết kiến tạo.

**Từ khóa**: lý luận chính trị, phương pháp dạy, đổi mới phương pháp, lý thuyết kiến tạo

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. 25 năm quan hệ đối tác đối thoại Nga – Asean – một hành trình hội nhập của Nga ở khu vực Đông Nam Á/** Võ Thụy Trang, Nguyễn Thanh Thương// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 8(257) .- Tr. 14-25.

**Nội dung**: Trình bày mối quan hệ 25 năm về đối tác đối thoại Nga – Asean. Nêu lên một số hạn chế của quan hệ, từ đó nhận định những định hướng cho sự phát triển mối quan hệ này trong tương lai.

**Từ khóa**: Quan hệ, đối tác, hợp tác, phát triển, Nga, Asean

**2. Ấn Độ trong chính sách của Chính quyền Tổng thống Joe Biden và triển vọng quan hệ Mỹ - Ấn**/ Nguyễn Lê Thy Thương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 6(103) .- Tr. 1-9.

**Nội dung**: Tóm lược những điểm nổi bật trong quan hệ Mỹ - Ấn trước và trong thời Tổng thống Biden để minh chững rằng Chính quyền Biden đã và đang thừa hưởng những thành tựu lớn về ngoại giao với Ấn Độ của các đời tổng thống tiền nhiệm. Từ đó làm sang tỏ chính sách của Chính quyền Tân tổng thống Joe Biden đối với Ấn Độ và triển vọng của mối quan hệ Mỹ - Ấn trong tương lai gần.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Ấn Độ, Mỹ, Tổng thống Joe Biden

**3. Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia Đông Nam Á hải đảo**/ Phạm Thanh Tịnh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 10(259) .- Tr. 32-40.

**Nội dung**: Đề cập đến một vài vấn đề liên quan đến sự có mặt của văn hóa Ấn Độ ở Đông Nam Á hải đảo và tác động của nó đối với việc làm thay đổi hoặc phát sinh nhiều thành tố mới của văn hóa Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Đông Nam Á hải đảo, văn hóa, giao thoa văn hóa

**4. Biển Đông trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và những tác động của nó đến Việt Nam/** Trịnh Đình Việt, Nguyễn Duy Dũng// Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng .- 2021 .- Số 138 .- Tr. 42-47.

**Nội dung**: Biển Đông là khu vực biển nằm trong vùng nước của Thái Bình Dương, nơi hợp nhiều của nhiều tuyến đường giao thông biển huyết mạch quan trọng của Thế giới. Đồng thơi la vùng biển có nguồn tài nguyên phong phú với trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao, nhất là tài nguyên dầu mỏ. Đứng trước những diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông, để bảo vệ lợi ích và an ninh Quốc gia, nhất la an ninh năng lượng, Nhật Bản từng bước điều chỉnh chính sách can dự vào tình hình Biển Đông ngày một chủ động hơn.

**Từ khóa:** Biển Đông, chính sách đối ngoại, Việt Nam, Nhật Bản

**5. Các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc/** Ngô Thị Mỹ Uyên, Nguyễn Thị Phương Hoa// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 35-49.

**Nội dung**: Nêu lên một số kiến nghị nhằm phát huy lợi thế và khắc phục khó khan nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ổn định và tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Xuất khẩu nông sản, quan hệ thương mai Việt – Trung, mô hình CMS, Việt Nam, Trung Quốc

**6. Cải cách quân đội ở Indonesia từ năm 1998 đến nay**/ Hồ Thị Thành// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Đưa ra một vài nhận xét về mối liên hệ giữa vấn đề cải cách quân đội Indonesia với triển vọng dân chủ tại Indonesia và Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Indonesia, cải cách quân đội, cơ sở cải cách

**7. Căng thẳng thương mại Australia – Trung Quốc/** Nguyễn Văn Lịch, Nguyễn Minh Trang// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 42-56.

**Nội dung**: Trình bày diễn biến, nguyên nhân và tác động về mối quan hệ căng thẳng thương mại giữa 2 nước Australia và Trung Quốc từ khi đại dịch Covid-19 xảy ra đến nay.

**Từ khóa**: Australia, Trung Quốc, căng thẳng thương mại

**8. Cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc : nguyên nhân và tác động**/ Hoàng Huệ Anh, Huỳnh Trọng Hiền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 1-8.

**Nội dung**: Trình bày lịch sử quan hệ phức tạp và sự mâu thuẩn mang tính cấu trúc. Tìm hiểu khu vực trọng điểm của cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc. Phân tích tác động của cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc đối với khu vực.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Cạnh tranh, địa chính trị, Trung Quốc

**9. Cạnh tranh Trung Quốc – Mỹ trên biển Đông và một vài hàm ý chính sách đối với Việt Nam**/ Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2021 .- số 4(188) .- Tr. 40-47.

**Nội dung**: Trình bày một vài xu hướng cạnh tranh Trung Quốc – Mỹ trên biển đông: Khả năng tiếp tục đối đầu; Khả năng hai nước đối thoại và hợp tác về vấn đề biển Đông; Khả năng xẩy ra xung đột. Đưa ra một vài hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Cạnh tranh địa chiến lược Trung Quốc – Mỹ, Biển Đông, bảo vệ biển, đảo

**10. Chíến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và tác động đối với quan hệ kinh tế Viêt - Trung**/ Đặng Thị Thúy Hà// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 10(242) .- Tr. 44-57.

**Nội dung**: Khái quát lại nguyên nhân, diễn biến của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Phân tích tác động của nó đối với quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc, từ đó nêu lên một số kiến nghị.

**Từ khóa**: Chiến tranh thương mại, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, quan hệ kinh tế Việt – Trung

**11. Chính sách của Astralia đối với người Muslim nhập cư gốc Pakistan từ năm 2003 đến nay**/ Nguyễn Minh Giang// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 34-41.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu, làm rõ những nhân tố chính trị - quan hệ quốc tế tác động đến sự điều chỉnh chính sách của Australia, cũng như những ảnh hưởng từ sự điều chỉnh này đến đời sống văn hóa – xã hội của người Muslim nhập cư gốc Pakistan.

**Từ khóa**: Autralia, Muslim, chính sách nhập cư, Pakistan

**12. Chính sách của Hoa Kỳ đối với cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan dưới thời tổng thống Barack Obama**/ Ngô Thị Bích Lan// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 7(280) .- Tr. 28-38.

**Nội dung**: Phân tích quá trình triển khai và kết quả thực hiện của Chính quyền B. Obama trong việc giải quyết vấn đề chiến tranh tại Iraq và Afghanistan dưới góc nhìn quyền lực mềm.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Hoa Kỳ, Barack Obama, Iraq, Afghanistan

**13. Chính sách của Trung Quốc về trí tuệ nhân tạo**/ Hoàng Vũ Linh Chi, Hồ Thanh Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 7(239) .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Tìm hiểu các chính sách hiện nay của Trung Quốc về trí tuệ nhân tạo, kế hoạch tương lai và những tiêu chuẩn đạo đức mà nước này đang thực hiện.

**Từ khóa**: Chính sách, trí tuệ nhân tạo, Trung Quốc

**14. Chính sách đối ngoại của Indonesia thời kỳ tổng thống Joka Widodo**/ Hoàng Thị Giang// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 9(259) .- Tr. 46-55.

**Nội dung**: Tìm hiểu bối cảnh ra đời, nội dung, đặc điểm của chính sách đối ngoại của Indonesia dưới thời Tổng thống Jokowi. Phân tích kết quả triển khai chính sách đối ngoại của Indonesia thời kỳ cầm quyền của ông Jokowi.

**Từ khóa**: Indonesia, tổng thống Joko Widodo, chính sách đối ngoại

**15. Chính sách đối ngoại của Sri Lanka và triển vọng quan hệ Việt Nam – Sri Lanka**/ Trần Ngọc Diễm// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 9(106) .- Tr. 7-13.

**Nội dung**: Phân tích yếu tố địa lý và lịch sử phát triển chính sách đối ngoại không liên kết qua các giai đoạn. Từ đó đưa ra những triển vọng phát triển quan hệ song phương Việt Nam – Sri Lanka.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Sri Lanka, Việt Nam

**16. Chính sách kiềm chế Ấn Độ của Trung Quốc ở Nam Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ Trần Mỹ Hải Lộc// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 25-33.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách kiềm chế Ấn Độ của Trung Quốc và những chiến lược mà Trung Quốc đã triển khai ở các quốc gia khu vực Nam Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Ấn Độ, khu vực Nam Á, chính sách kiềm chế

**17. Chính sách kinh tế tuần hoàn kép và mô hình toàn cầu hóa mới của Trung Quốc**/ TS. Nguyễn Vinh Thành// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 7(239) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích bối cảnh, nội dung của chính sách kinh tế “tuần hoàn kép” mà Trung Quốc vừa đưa ra. Từ đó, tác giả dự báo về mô hình toàn cầu hóa mới của Trung Quốc sẽ theo đuổi trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Trung Quốc, kinh tế tuần hoàn kép, toàn cầu hóa

**18. Chủ nghĩa tân tự do ở Ai Cập và bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển và Việt Nam**/ Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2021 .- số 5(189) .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Phân tích bối cảnh, nội dung những tác động của cải cách kinh tế và xã hội của Ai Cập, đồng thời tập trung vào mối quan hệ giữa cải cách kinh tế với biến động chính trị trong năm 2011. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển và Việt Nam.

**Từ khóa**: Ai Cập, chủ nghĩa tân tự do, Chế độ độc tài, biến động chính trị

**19. Chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay**/ Dương Văn Huy, Lê Chí Công// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 6(279) .- Tr. 3-19.

**Nội dung**: Cung cấp bức tranh tương đối toàn diện về diễn biến quan hệ Mỹ và Camphuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay. Mối quan hệ này được phân tích trên các khía cạnh khác nhau như Chính trị - Ngoại giao, kinh tế, quốc phòng – an ninh và trên các lĩnh vực khác.

**Từ khóa**: Mỹ, Campuchia, quan hệ Campuchia – Mỹ, Đông Nam Á

**20. Chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Trung hiện nay**/ Đinh Công Hoàng, Hoàng Thị Lan// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 8(281) .- Tr. 23-31.

**Nội dung**: Phân tích nhìn lại chiều dài lịch sử mối quan hệ Mỹ - Trung để thấy những biến chuyển trong quan hệ hai nước hiện nay; đồng thời đánh giá những nguyên nhân phía sau từ hai góc độ : sự điều chỉnh trong tâm thế của Trung Quốc và sự thay đổi trong cách tiếp cận của Mỹ.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, quan hệ Mỹ - Trung, Trung Quốc, Mỹ

**21. Cơ hội thách thức của xuất khẩu dệt may Việt Nam trong quá trình thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới**/ Chu Trọng Trí// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 9(259) .- Tr. 74-81.

**Nội dung**: Khái quát thực trạng xuất khẩu dệt may của Việt Nam, phân tích các thuận lợi và khó khan của hoạt động xuất khẩu dệt may, từ đó đưa ra một số nhận định và đánh giá về triển vọng xuất khẩu dệt may của Việt Nam giai đoạn tới.

**Từ khóa**: Việt Nam, xuất khẩu dệt may, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cơ hội, thách thức.

**22. Con đường tơ lụa Kỹ thuật số của Trung Quốc**/ Chu Công Hùng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 9(247) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Tìm hiểu mục đích, quá trình thực hiện Con đường tơ lụa kỹ thuật số của Trung Quốc, từ đó gợi mở bước đầu cho những lựa chọn của Việt Nam.

**Từ khóa**: Con đường tơ lụa, kỹ thuật số, Trung Quốc, vành đai con đường

**23. Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam : cơ hội và thách thức**/ Phạm Quỳnh Mai// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 7(280) .- Tr. 48-58.

**Nội dung**: Trên cơ sở đánh giá toàn bộ quá trình đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam, bài viết chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với việc thu hút FDI của Mỹ vào Việt Nam và nêu ra một số hàm ý chính sách

**Từ khóa**: Việt Nam, Mỹ, FDI, cơ hội, môi trường đầu tư

**24. Điều chỉnh sinh kế cư dân ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu : nghiên cứu trường hợp huyện Hà Phổ, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc**/ Hà Thị Hồng Vân, Trần Thị Hải Yến// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 6(238) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Phân tích các cách thức điều chỉnh sinh kế của một huyện ven biển miền Đông Phúc Kiến. Từ đây, có thể thấy rõ hơn cách chính quyền và người dân địa phương thích ứng với những thách thức do biến đổi khí hậu gây ra đối với chiến lược sinh kế của họ.

**Từ khóa**: Điều chỉnh sinh kế, cư dân ven biển, Trung Quốc

**25. Động thái mới cạnh tranh Mỹ - Trung và hàm ý đối với Việt Nam**/ Hoàng Thế Anh// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 7(280) .- Tr. 20-27.

**Nội dung**: Bài viết cho rằng, trong giai đoạn hiện nay, Mỹ và Trung Quốc đang có những động thái mới trong việc tập hợp lực lượng hình thành hai mặt trận cạnh tranh lẫn nhau. Xu hướng cạnh tranh và kiềm chế lẫn nhau giữa Mỹ và Trung Quốc hiện nay vẫn tiếp tục diễn ra, thậm chí còn quyết liệt hơn thời Tổng thống Donald Trump trước đây.

**Từ khóa**: Mỹ, Trung Quốc, kinh tế, ngoại giao vắc xin

**26. Đức : chính sách quốc tế hóa/** Sude Peksen, Liudvika Leisyte// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Đức trở thành điểm đến du học hàng đầu nhờ cách tiếp cận quốc tế hóa lâu dài và cụ thể thông qua hợp tác và định hướng phi lợi nhuận: phương pháp tiếp cận quyền lực mềm điển hình. Vai trò của các bên trung gian, đặc biệt là DAAD, rất quan trọng trong phương diện này. Những biện pháp hỗ trợ đang thúc đẩy quốc tế hóa ở cấp bang và cấp liên bang. Trong khi đó, việc những bang miền nam gần đây áp dụng thu học phí cho thấy có ít nhiều khác biệt so với định hướng phi lợi nhuận truyền thống của Đức.

**Từ khóa**: Đức, quốc tế hóa, chính sách quốc tế

**27. Hiệp định thương mại tự do lục địa Châu Phi (AfCFTA) và khả năng tham gia của Việt Nam**/ Kiều Thanh Nga// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2021 .- số 4(188) .- Tr. 9-14.

**Nội dung**: Phân tích cơ hội, thách thức và đánh giá triển vọng của AfCFTA đồng thời gợi mở khả năng tham gia của Việt Nam vào hiệp định thương mại tự do lục địa Châu Phi (AfCFTA).

**Từ khóa**: Hiệp định Thương mại Tự do lục địa châu Phi, triển vọng, cơ hội, thách thức

**28. Hoạt động đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam dưới thời thủ tướng Narendra Modi (2014-2020)**/ Trần Đăng Khoa// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 6(103) .- Tr. 10-16.

**Nội dung**: Trình bày một số hoạt động đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam dưới thời thủ tướng Narendra Modi (2014-2020) như: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ấn Độ vào Việt Nam giai đoạn 2014-2020; Cơ cấu đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam theo ngành; Đánh giá hoạt động đầu tư của Ấn Độ tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Ấn Độ, hành động phía đông, Narendra Modi, Việt Nam

**29. Hợp tác an ninh Philippines – Mỹ dưới thời tổng thống Duterte**/ Lộc Thị Thủy// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 6(279) .- Tr. 20-31.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ hợp tác an ninh Philippines – Mỹ về song phương, đa phương; những kết quả đạt được, hạn chế và đưa ra những dự báo về triển vọng hợp tác an ninh giữa hai nước trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Hợp tác an ninh Philipines – Mỹ, Mỹ - Philippines, an ninh

**30. Hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**/ Chử Bích Thu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 10(242) .- Tr. 58-68.

**Nội dung**: Đánh giá những điểm nổi bật trong hợp tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa giữa Việt Nam và Tring Quốc kể từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay.

**Từ khóa**: Hợp tác văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa, di sản văn hóa Việt Nam, di sản văn hóa Trung Quốc.

**31. Hợp tác lao động lĩnh vực điều dưỡng, hộ lý Việt Nam – Nhật Bản : thực trạng và triển vọng**/ Đinh Quốc Thắng, Nguyễn Duy Dũng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 8(246) .- Tr. 13-20.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng hợp tác lao động Việt Nam – Nhật Bản trong lĩnh vực điều dưỡng, hộ lý hiện nay.

**Từ khóa**: Già hóa dân số, điều dưỡng, lao động, Nhật Bản, Việt Nam

**32. Hợp tác thương mại Thái Lan – Lào giai đoạn 1991-2021/** Hà Lê Huyền, Trần Thị Minh Giang// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 8(257) .- Tr. 26-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu và nhận diện nhu cầu gia tăng hợp tác thương mại Thái Lan – Lào, từ đó làm rõ thực trạng hợp tác giữa 2 nước giai đoạn 1991-2021, đồng thời đánh giá những thành tựu cũng như các vấn đề còn tồn tại trong mối quan hệ thương mại hai nước.

**Từ khóa**: Thái Lan, Lào, hợp tác thương mại, 30 năm 1991-2021

**33. Hợp tác thương mại Việt Nam – Lào : thực trạng và giải pháp**/ Đặng Thu Thủy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng hợp tác thương mại giữa Việt Nam – Lào và đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển hơn nữa mối quan hệ giao hảo giữa hai quốc gia.

**Từ khóa**: Thương mại, hợp tác, giải pháp, Việt Nam, Lào

**34. Khai thác tiềm năng hợp tác về tài chính – tiền tệ giữa Việt Nam và Ấn Độ**/ Nguyễn Đắc Hưng, Lưu Minh Huyên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 6(103) .- Tr. 17-24.

**Nội dung**: Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tổng hợp tư liệu và số liệu thứ cấp của các cơ quan chức năng, bài viết tiến hành phân tích, so sánh và đánh giá, làm rõ về nội dungkhai thác tiềm năng hợp tác về tài chính – tiền tệ giữa Việt Nam và Ấn Độ.

**Từ khóa**: Ấn Độ, hợp tác kinh tế, tài chính – tiền tệ, Việt Nam

**35. Kinh nghiệm giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia và hàm ý cho Việt Nam**/ Lê Văn Tuyên// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 10(259) .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Phân tích những kinh nghiệm quý báu của Malaysia trong giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài. Từ đó đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam để giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong FDI, đó là xây dựng chiến lược thu hút FDI hợp lý, hạn chế chuyển giao công nghệ lạc hậu, đẩy mạnh hoạt động R&D.

**Từ khóa**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh tế xã hội, Malaysia, Việt Nam

**36. Lộ trình đổi mới sáng tạo ASEAN 2019-2025 trong bối cảnh mới**/ Bùi Thị Thu Lan// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Trình bày lộ trình đổi mới sáng tạo ASEAN 2019-2025 trong bối cảnh mới, với mục tiêu tăng cường hoạt động nghiên cứu KH&CN, đổi mới sáng tạo tại khu vực ASEAN để biến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng nổ mạnh mẽ trên thế giới. Cùng với tác động của đại dịch COVID-19 và ảnh hưởng từ sự cạnh tranh chiến lược của các quốc gia phát triển đã khiến cho cơ chế, chính sách của các quốc gia cũng như các khu vực cần có sự điều chỉnh, đặc biệt với khu vực ASEAN. Lộ trình đổi mới sáng tạo ASEAN 2019-2025 vì vậy trở thành ưu tiên thực hiện của các quốc gia thành viên ASEAN sau đại dịch COVID-19.

**Từ khóa**: ASEAN, COVID-19, đổi mới sáng tạo, KH&CN, nghiên cứu

**37. Lợi ích của Trung Quốc sau khi RCEP được ký kết/** Trần Thị Mỹ Hoa// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 7(245) .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ ý nghĩa của hiệp đinh RCEP đối với Trung Quốc cả về kinh tế và chính trị.

**Từ khóa**: Hiệp định RCEP, thương mại tự do, Trung Quốc

**38. Một số chương trình hỗ trợ và hợp tác kinh tế giữa Thái Lan và Nhật Bản từ năm 2010 đến nay/** Nguyễn Quế Thương// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 45-52.

**Nội dung**: Trình bày các chương trình hỗ trợ và hợp tác kinh tế. Từ đó đưa ra một vài nhận xét, đánh giá để xúc tiến nhiều chương trình hỗ trợ và hợp tác kinh tế giữa hai nước, đưa quan hệ hai nước lên một bước tiến mới.

**Từ khóa**: Quan hệ kinh tế, Thái Lan, Nhật Bản

**39. Ngoại giao công chúng Mỹ trong chính sách tái cân bằng tại Châu Á – Thái Bình Dương dưới thời Obama**/ Trần Thị Thu// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 8(281) .- Tr. 32-44.

**Nội dung**: Phân tích, làm rõ các hoạt động ngoại giao công chúng của chính quyền Obama đối với khu vực, nơi Mỹ có những lợi ích kinh tế và chiến lược sâu rộng.

**Từ khóa**: Mỹ, chính quyền Obama, ngoại giao công chúng, chính sách, Châu Á – Thái Bình Dương

**40. Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình qua trường hợp Myanmar**/ Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Xuân Vinh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Trình bày vị trí chiến lược của Myanmar đối với Trung Quốc. Nhìn lại quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình ở Myanmar. Đánh giá về chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc đối với trường hợp Myanmar.

**Từ khóa**: Chính sách ngoại giao láng giềng, quan hệ Trung Quốc – Myanmar, Trung Quốc, Myanmar

**41. Nhân tố Trung Quốc trong Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của tổng thống Mỹ Donald Trump/** Văn Ngọc Thành, Trần Ngọc Dũng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 7(245) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Đề cập đến nhân tố Trung Quốc trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Donal Trump với nhận định rằng, đây là nhân tố có tính then chốt thúc đẩy những hoạt động của Mỹ trong một khu vực rộng lớn.

**Từ khóa**: Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Donald Trump, Tập Cận Bình

**42. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa hiến pháp Trung Quốc 1954 và hiến pháp Việt năm 1959/** Trần Thị Hoa, Chử Đình Phúc// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 71-82.

**Nội dung**: Bài viết thông qua so sánh bối cảnh ban hành, hình thức cấu trúc và nội dung để làm sang tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hiến pháp Trung Quốc 1954 và hiến pháp Việt năm 1959.

**Từ khóa**: Hiến pháp, Trung Quốc, Việt Nam

**43. Những đổi mới trong sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc – nhìn từ vai trò “hạt nhân lãnh đạo” của Tập Cận Bình/** Trần Thu Minh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Khái quát quá trình xác lập vai trò “hạt nhân lãnh đạo” của Tập Cận Bình, phân tích các biện pháp của Đảng cộng sản Trung Quốc nhằm củng cố vai trò hạt nhân, đồng thời nhận diện một số đổi mới trong sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc từ góc độ này.

**Từ khóa**: Tập Cận Bình, hạt nhân lãnh đạo, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đại hội XIX

**44. Những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác giữa Kon Tum (Việt Nam) và tỉnh Attapeu (Lào) từ năm 1991 đến năm 2017/** Lê Thanh Hải// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 8(257) .- Tr. 63-72.

**Nội dung**: Tập trung phân tích, đánh giá những nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến quan hệ hợp tác giữa tỉnh Kon Tum (Việt Nam) và Attapeu (Lào) từ năm 1991 (khi Kon Tum được tách ra từ tỉnh Gia Lai – Kon Tum) đến năm 2017.

**Từ khóa**: Kon Tum, Attapeu, hợp tác, nhân tố tác động

**45. Những nhân tố tác động tới quan hệ Nhật – Trung giai đoạn 1972-1978**/ Hoàng Minh Lợi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 6(238) .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Trình bày những nhân tố trong nước và những nhân tố quốc tế tác động tới quan hệ Nhật – Trung giai đoạn 1972-1978.

**Từ khóa**: Quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc, nhân tố tác động, giai đoạn 1972-1978

**46. Phát triển công nghệ cao : kinh nghiệm của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam**/ Lại Trần Tùng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 8(246) .- Tr. 50-58.

**Nội dung**: Phân tích một số kinh nghiệm của Hàn Quốc về phát triển công nghiệp công nghệ cao, từ đó đúc rút kinh nghiệm cho Việt Nam trong phát triển công nghiệp công nghệ cao hiện nay.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, Việt Nam, công nghiệp công nghệ cao

**47. Quá trình đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế của Việt Nam**/ Bùi Nam Khánh, Dương Thùy Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 8(105) .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu quá trình đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn đổi mới, mở cửa; đồng thời, kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đổi mới tư duy, hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, Việt Nam

**48. Quá trình phát triển quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam - Ấn Độ**/ Trần Ngọc Diễm// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 9-16.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ và chỉ ra những cơ hội và thách thức của quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện giữa hai nước trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Đối tác chiến lược Toàn diện, Ấn Độ, Việt Nam

**49. Quan hệ Campuchia – Trung Quốc từ năm 2010 đến nay**/ Trương Quang Hoàn, Vũ Quý Sơn// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 10(259) .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Nhận diện các yếu tố tác động đến quan hệ Campuchia – Trung Quốc. Phân tích thực trạng quan hệ Campuchia – Trung Quốc kể từ năm 2010 đến nay trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế và viện trợ phát triển. Đưa ra một số đánh giá kết quả, hạn chế và thách thức trong quan hệ giữa hai nước.

**Từ khóa**: Campuchia, Trung Quốc, quan hệ, nhân tố

**50. Quan hệ chính trị - an ninh giữa Trung Quốc và Hàn Quốc trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Phan Thị Diễm Huyền// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 10(242) .- Tr. 69-80.

**Nội dung**: Phân tích những diễn biến mới trong quan hệ chính trị - an ninh giữa Trung Quốc và Hàn Quốc trong bối cảnh đại dịch Covid-19, từ đó đánh giá triển vọng mối quan hệ này.

**Từ khóa**: Hợp tác văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa, di sản văn hóa Việt Nam, di sản văn hóa Trung Quốc.

**51. Quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam - Australia**/ Nguyễn Trần Kim Ngọc// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 8(105) .- Tr. 47-54.

**Nội dung**: Điểm qua lịch sử phát triển quan hệ hai nước từ năm 1973 để làm rõ hơn ý nghĩa của những thành tựu và triển vọng trong quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Australia từ 2018 đến 2020.

**Từ khóa**: Australia, Đối tác Chiến lược, song phương, triển vọng, Việt Nam

**52. Quan hệ Mỹ - Nga và triển vọng**/ Đinh Công Tuấn// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 7(280) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quan hệ Mỹ - Nga. Trình bày những khác biệt trong quan hệ Mỹ - Nga. Nghiên cứu về triển vọng quan hệ Mỹ - Nga.

**Từ khóa**: Nga, Mỹ, quan hệ, Mỹ - Nga, triển vọng

**53. Quan hệ ngoại giao kinh tế của Ấn Độ với một số đối tác quan trọng ở Châu Á giai đoạn 1991-2021**/ Phan Thị Thanh Hương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 8(105) .- Tr. 14-21.

**Nội dung**: Trình bày khái quát về các chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Phân tích những nét chính trong quan hệ kinh tế của Ấn Độ với một số nước, tổ chức quan trọng ở châu Á. Đưa ra những thành tự và hạn chế trong quan hệ kinh tế của Ấn Độ với một số nước tổ chức quan trọng ở châu Á.

**Từ khóa**: Ấn Độ, châu Á, kinh tế, ngoại giao

**54. Quan hệ Thương mại Việt Nam – Myanmar từ năm 2011 đến nay**/ Nguyễn Hoàng Anh Tú// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 47-57.

**Nội dung**: Trình bày khái quát hợp tác Việt Nam – Myanmar. Phân tích thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam – Myanmar từ năm 2011 đến nay. Đánh giá quan hệ thương mại Việt Nam – Myanmar từ năm 2011 đến nay.

**Từ khóa**: Myanmar, Việt Nam, quan hệ thương mại

**55. Quan hệ Trung – Mỹ trong 100 ngày đầu của chính quyền tổng thống Joe Biden**/ Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 6(238) .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại và phân tích những sự kiện chủ yếu diễn ra trong 100 ngày qua và sự báo quan hệ Trung – Mỹ trong những năm tới.

**Từ khóa**: Quan hệ Trung – Mỹ, Trung Quốc, Mỹ, Joe Biden

**56. Quan hệ Việt Nam – Đài Loan trong chính sách hướng Nam mới nhìn từ hợp tác giáo dục – đào tạo/** Nguyễn Hữu Phúc// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 7(245) .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ mối quan hệ giữa Việt Nam – Đài Loan kể từ khi chính quyền Thái Anh Văn thực thi chính sách hướng Nam mới, đi sâu phân tích những tác động từ sự hợp tác giữa hai bên trên lĩnh vực giáo dục – đào tạo.

**Từ khóa**: Chính sách hướng Nam mới, Đài Loan, giáo dục – đào tạo, Việt Nam

**57. Quốc tế hóa trong nước: Nắm bắt thời cơ**/ Madeleine Greene// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 29-34.

**Nội dung:** Một trong những câu hỏi chính trong những cuộc tranh luận đang diễn ra về hình thức của giáo dục Đại học sau Covid-19 là liệu đại dịch có cung cấp năng lượng mới và tư duy mới để quốc tế hóa trong nước hay không. Để Quốc tế hóa cất cánh sẽ cần nắm bắt thời điểm, tạo mới ngôn ngữ và ý thức mới về mục đích, cũng như cam kết và sự lãnh đạo ở nhiều cấp của tố chức.

**Từ khóa:** Quốc tế hóa, Đại học, Covid-19

**58. Quốc tế hóa, chuyển đổi số và Covid-19 : góc nhìn của Đức**/ Dorothea Ruland// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 12-14.

**Nội dung**: Số hóa giáo dục Đại học vẫn là một vấn đề nghị sự cấp bách trong một thời gian khá dài và có lý do chính đáng. Giáo dục Đại học sẽ khác hẳn sau đại dịch Covid: thay đổi về kỹ thuật số không đơn thuần chỉ là tiến bộ công nghệ, mà là sự đổi mới về tổ chức và hệ thống điều đó ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của giáo dục Đại học và hệ thống giáo dục. Trường Đại học trong tương lai sẽ là trường Đại học quốc tế về mọi mặt, mặt vật lý cũng như ở trên mạng.

**Từ khóa**: Quốc tế hóa, chuyển đổi số, Covid-19

**59. Sự tham gia của Ấn Độ vào tứ giác đối thoại (Quad) : những vấn đề cơ bản**/ Nguyễn Lê Thy Thương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 7(104) .- Tr. 17-24.

**Nội dung**: Bài viết làm sang tỏ quan điểm và quá trình tham gia của Ấn độ vào Quad, những thuận lợi và khó khăn mà nước này gặp phải với tư cách một thành viên của Quad, đồng thời đưa ra nhận định về một tương lai gần khi mà Ấn Độ tiếp tục tham gia sâu vào các chương trình nghị sự Quad.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, tứ giác đối thoại

**60. Sức mạnh mềm của Trung Quốc nhìn từ ngoại giao Vắc-Xin/** Nguyễn Thành Trung, Phan Thị Nhung// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 28-41.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá hiệu quả của chính sách “ngoại giao vắc-xin” bằng cách chỉ ra những kết quả mà Trung Quốc đã đạt được trong việc tương tác và thu hút các nước khác nhằm xây dựng hình ảnh Quốc gia đáng tin cậy của mình.

**Từ khóa**: Vắc-xin, Covid-19, ngoại giao vắc-xin, sức mạnh mềm của Trung Quốc

**61. Tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nhật Bản và các giải pháp**/ Lê Hoàng Anh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 8(246) .- Tr. 40-49.

**Nội dung**: Phân tích những tác động của đại dịch Covid 19 đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa; nêu các giải pháp của Chính phủ Nhật Bản cũng như chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ, giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua được những tác động này.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nhật Bản, đại dịch Covid-19

**62. Thế giới hậu Covid-19 : cách để Sri Lanka có thể trở thành Dubai của Nam Á**/ Ganeshan Wignaraja// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 9(106) .- Tr. 1-6.

**Nội dung**: Nêu lên những mục tiêu của Sri Lanka để thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ trọng tâm và CPC, thực trạng FDI ở Dubai và Sri Lanka, và đưa ra hướng đi để CPC trở thành nhân tố thay đổi đối với sự phát triển kinh tế của Sri Lanka, đồng thời đánh giá triển vọng của mối quan hệ kinh tế bền chặt Sri Lanka – Việt Nam.

**Từ khóa**: Hậu Covid-19, quan hệ kinh tế, Sri Lanka, Thành phố Cảng Colombo

**63. Thích ứng của Asean trong bối cảnh toàn cầu hóa**/ Kim Ngọc Thu Trang, Hoàng Khánh Linh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 79-87.

**Nội dung**: Tìm hiểu về những nhân tố tác động đến quá trình thích ứng của Asean trong bối cảnh toàn cầu hóa, những biểu hiện thích ứng của Asean trong bối cảnh toàn cầu hóa đồng thời nhận xét quá trình thích ứng của Asean.

**Từ khóa**: Asean, toàn cầu hóa

**64. Thích ứng của Indonesia trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình**/ Trần Thu Minh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích nhu cầu gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình, sẽ đi sâu nhận diện sự gia tăng ảnh hưởng của Bắc Kinh tại Indonesia thông qua thích ứng của Jakarta trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và những tác động trong lĩnh vực xã hội.

**Từ khóa**: Gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, Indonesia, Tập Cận Bình

**65. Thực trạng phát triển Khu công nghệ cao tại Ấn Độ**/ Nguyễn Đức Trung// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 8(105) .- Tr. 22-31.

**Nội dung**: Nghiên cứu và đánh giá thực trạng phát triển một số khu công nghệ cao tại Ấn Độ và đưa ra gợi ý cho Việt Nam trong lĩnh vực tiềm năng này.

**Từ khóa**: Khu công nghệ cao, Ấn Độ, khu công nghệ sinh học, khu công nghệ phần mềm

**66. Tình hình triển khai chính sách hướng nam mới của Đài Loan ở Indonesia**/ Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Xuân Vinh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Trình bày vị trí chiến lược của Myanmar đối với Trung Quốc. Nhìn lại quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình ở Myanmar. Đánh giá về chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc đối với trường hợp Myanmar.

**Từ khóa**: Chính sách ngoại giao láng giềng, quan hệ Trung Quốc – Myanmar, Trung Quốc, Myanmar

**67. Vấn đề biển Đông và chính sách ngoại giao xung quanh của Trung Quốc sau đại hội XVIII/** Vũ Thị Vân Dung, Bùi Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 8(240) .- Tr. 74-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu một số vấn đề về biển Đông và chính sách ngoại giao xung quanh của Trung Quốc sau đại hội XVIII. Trên cơ sở đó bài viết đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam - một số quốc gia có lợi ích an ninh, kinh tế gắn bó chặt chẽ với biển Đông.

**Từ khóa**: Chính sách Ngoại giao xung quanh, biển Đông

**68. Văn hóa giao tiếp và ứng xử thích ứng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19**/ Vũ Tiến Đức// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 112-119.

**Nội dung:** Từ khi xuất hiện Đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới, hoạt động giao tiếp và ứng xử giữa người và người không còn diễn ra như các phương thức truyền thông trước đây. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp và khó kiểm soát, con người cần có những điều chỉnh tích cực và phù hợp trong văn hóa giao tiếp và ứng xử để thích ứng với bối cảnh dịch bệnh Covid.

**Từ khóa**: Covid-19, văn hóa gia tiếp, văn hóa ứng xử

**69. Vị thế thách thức của Hàn Quốc trong việc tham gia Bộ tứ**/ Huỳnh Tâm Sáng, Phạm Đỗ Ân// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 9(247) .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Tìm hiểu những thuận lợi và thách thức của Hàn Quốc trong việc gia nhập Bộ tứ cũng như đưa ra một số nhận xét về khả năng tham gia và cam kết của Hàn Quốc đối với Bộ tứ nói riêng và an ninh khu vực nói chung.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, Bộ tứ, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương

**70. Vị trí địa chính trị của Việt Nam ở biển Đông : cơ hội và thách thức**/ Phạm Kim Huế// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2021 .- số 5(189) .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Trình bày khái quát về Biển Đông cũng như vị trí của Việt Nam ở Biển Đông và phân tích để chỉ ra một số cơ hội và thách thức mà vị trí địa chính trị của Việt Nam ở Biển Đông mang lại.

**Từ khóa**: Biển Đông, Việt Nam, vị trí địa chính trị, cơ hội, thách thức

**71. Việt Nam trong chiến lược an ninh của Mỹ ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI/** Nghiêm Thị Hải Yến// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 53-60.

**Nội dung**: Phân tích những biến động an ninh ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Từ đó giải thích nguyên nhân điều chỉnh và việc lựa chọn phương pháp thực thi chiến lược an ninh của Mỹ; đồng thời xác định vị thế của Việt Nam trước tác động chiến lược an ninh của Mỹ triển khai ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

**Từ khóa**: Mỹ, an ninh, Châu Á – Thái Bình Dương, ngoại giao Việt Nam

**72. Xu hướng chia tách Mỹ - Trung và tác động tới Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hải Yến// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 5(278) .- Tr. 10-19.

**Nội dung**: Phân tích nguyên nhân dẫn đến chia tách và những biểu hiện trong thời gian vừa qua, bài viết chỉ ra một số tác động của xu hướng này đến Việt Nam.

**Từ khóa**: Xu hướng, chia tách, chiến tranh thương mại, Mỹ - Trung

**73. Xung đột tôn giáo, sắc tộc ở Philippines từ năm 2001 đến nay/** Hà Thị Đan// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Trình bày nguyên nhân, thực trạng và tác động của xung đột tại quốc gia Philippines, góp phần gợi cho việc giải quyết vấn đề xung đột tôn giáo, sắc tộc ở Philippines nói riêng và ở các nước Đông Nam Á nói chung trong quá trình hội nhập và liên kết khu vực.

**Từ khóa**: Philipines, sắc tộc, tôn giáo, xung đột

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Bất bình đẳng giới và rủi ro tín dụng trong tài chính vi mô**/ Đặng Trí Dũng// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 16-23.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng dữ liệu 224 tổ chức tài chính vi mô ở 11 quốc gia thuộc khu vực Châu Á để tìm bằng chứng tác động bất bình đẳng giới đối với rủi ro tín dụng trong lĩnh vực tài chính vi mô. Kết quả xác nhận rằng bất bình đẳng giới ngày càng tăng rủi ro tín dụng đối với các tổ chức tài chính vi mô. Sự gia tăng tỷ lệ nữ giới sẽ làm giảm các khoản nợ quá hạn có thời hạn 30 ngày.

**Từ khóa**: Rủi ro tài chính, tín dụng, vi mô

**2. Các kịch bản kinh tế thế giới năm 2021**/ Trần Kim Chung, Đỗ Thị Lê Mai/ Tài chính .- 2021 .- Số 744 + 745.- Tr. 87 – 92.

**Nội dung:** Bài viết điểm lại tình hình kinh tế thế giới năm 2020, xem xét bối cảnh, triển vọng và các kịch bản kinh tế thế giới năm 2021.

**Từ khóa:** Kinh tế thế giới

**3. Các mô hình giám sát tài chính trên thế giới và liên hệ với Việt Nam**/ Phạm Minh Tuấn, Hồ Văn Trị// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 79 - 81.

**Nội dung:** Dù áp dụng mô hình giám sát tài chính nào các nước cũng đều cần xem xét đảm bảo đạt được ba mục tiêu với nguồn lực hiện có và chi phí tối ưu đó là: Đảm bảo sự ổn định, vận hành thông suốt của toàn bộ thị trường tài chính và nền kinh tế; Đảm bảo sự lành mạnh, an toàn của các thể chế tài chính; Đảm bảo đạo đức kinh doanh thị trường tài chính và bảo vệ người tham gia thị trường.

**Từ khóa:** Giám sát tài chính, Việt Nam

**4. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Thị Thanh Tâm// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 58 - 60.

**Nội dung:** Bài báo tập trung vào nhóm các nhân tố vi mô bên trong doanh nghiệp trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra những khuyến nghị doanh nghiệp và nhà đầu tư để góp phần quản trị doanh nghiệp và giúp các nhà đầu tư có những hành vi đầu tư hợp lý hơn.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, cổ phiếu

**5. Các yếu tố tác động đến di cư việc làm ở Việt Nam**/ Huỳnh Hiền Hải// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung phân tích các yếu tố nhân khẩu học đối với di cư việc làm ở Việt Nam kết hợp phương pháp thống kê và phương pháp định lượng sử dụng từ bộ điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2018.

**Từ khóa**: việc làm, di cư, tìm việc làm

**6. Chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể của các nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Nguyễn Minh Sơn, Trần Vũ Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Kinh tế tập thể (KTTT) hình thành và phát triển ở hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Qua phân tích tình hình ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về KTTT, bài viết chỉ ra tình hình thực tế và kết quả phát triển KTTT của một số nước trên thế giới. Qua đó, rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để vận dụng vào quá trình phát triển KTTT đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chính sách, Pháp luật, Kinh tế tập thể, Hợp tác xã, Quốc hội

**7. Chính sách tài chính ứng phó với đại dịch covid 19 của một số quốc gia**/ Nguyễn Thị Tường Anh, Phạm Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Minh Thư// Tài chính .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 32 – 35.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các chính sách tài chính, tiền tệ nổi bật được thực hiện ở một số quốc gia trên thế giới như: Mỹ, Trung Quốc, Singapore và khu vực đồng tiền chung Châu Âu, từ đó hàm ý giải pháp cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính, dịch covid 19, chính sách tiền tệ, kích cầu kinh tế

**8. Chính sách tài khóa chủ động, tích cực ứng phó đại dịch covid 19 hỗ trợ tăng trưởng**/ Lê Thị Thùy Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 11 – 15.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những nổ lực và hiệu quả của chính sách tài khóa nhằm chủ động thực hiện mục tiêu kép trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, trên cơ sở đó nhận diện một số thách thức và kiến nghị giải pháp.

**Từ khóa:** Chính sách tài khóa, ứng phó đại dịch covid 19, miễn thuế, giảm thế, gia hạn thời hạn nộp thuế

**9. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Phú Thọ theo hướng hiện địa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững**/ Nguyễn Trọng Quyền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, có thể thấy những kết quả tích cực Tỉnh đã đạt được, còn tồn tại những khó khăn, hạn chế, từ đó đưa ra biện pháp đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và đạt được những mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

**Từ khóa**: cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, phát triển bền vững

**10. Đại học Đà Nẵng với sứ mệnh đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành mũi nhọn, vì sự phát triển của thành phố Đà Nẵng**/ Nguyễn Ngọc Vũ// Phát triển Kinh tế - Xã hội .- 2021 .- Số 142 .- Tr. 14-18.

**Nội dung**: Nguồn nhân lực được đào tạo từ Đại học Đà Nẵng và các trường Đại học, Cao đẳng khác cung cấp cho thị trường lao động Đà Nẵng dồi dào, có kiến thức kỹ năng cơ bản và bước đầu đáp ứng được nhu cầu của các dư án. Đại học Đà Nẵng với sứ mệnh đào tạo nhân lực chất lượng cho các ngành mũi nhọn, Định hướng chiến lược đào tạo, nâng cao chất lượng đổi mới phướng pháp và chương trình đào tạo. Định hướng phát triển của Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

**Từ khóa:** Đại học Đà Nẵng, đào tạo, nguồn nhân lực, ngành mũi nhọn

**11. Đánh giá các đặc tính cơ bản của thể chế kinh tế hiệu quả ở Việt Nam/** Nguyễn Minh Tuấn// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Bài viết căn cứ trên những lý thuyết của trường phái kinh tế học thể chế mới, phân tích những đặc tính cơ bản của một thể chế kinh tế hiệu quả. Trên cơ sở đó, vận dụng xem xét, đánh giá những đặc tính này trong bối cảnh thực tiễn nền kinh tế Việt Nam. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của thể chế kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa:** Thể chế kinh tế, Việt Nam, tính phổ biến

**12. Đánh giá lợi ích của các doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam/** Nguyễn Quang Huy// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 46 - 48.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các mục tiêu phát triển bền vững được sử dụng trong việc đánh giá lợi ích của các doanh nghiệp xã hội theo điều tra khảo sát hơn 100 nhà đầu tư tác động và nhà nghiên cứu hoạch định chính sách cho doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp xã hội, Việt Nam

**13. Đánh giá tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế**/ Lê Hằng Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, trên cơ sở tổng quan lý thuyết về xuất khẩu tác động đến tăng trưởng kinh tế, tác giả xây dựng được mô hình hiệu chỉnh sai số dạng vector (VECM) để ước lượng mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, cùng với yếu tố truyền dẫn là tỷ giá hối đoái, các biến ngoại sinh là lao động và đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm tăng chất lượng của mô hình.

**Từ khoá:** Xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, VECM, Tỷ fgias thực đa phương

**14. Đánh giá thực trạng kinh tế xanh ở Việt Nam**/ Nguyễn Tiến Đức, Nguyễn Thị Mai Phương// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 274(Tháng 08) .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề trong quá trình xây dựng nền kinh tế xanh ở Việt Nam trong giai đoạn 2012-2019.

**Từ khóa**: kinh tế xanh, phát triển bền vững

**15. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các doanh nghiệp ngành bưu chính viễn thông/ Đào Văn Thanh, Phạm Quốc Kiên, Dương Quốc Toản**// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra những giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các doanh nghiệp bưu chính viễn thông. Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp qua các tài liệu, các bài báo khoa học, các báo cáo có liên quan tới vấn đề nghiên cứu và phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê. Từ đó, nghiên cứu đề xuất những giải pháp thu hút FDI vào các doanh nghiệp bưu chính viễn thông đáp ứng nhu được nhu cầu chuyển đổi số của nền kinh tế.

**Từ khóa:** Dệt may Việt Nam, đại dịch Covid 19

**16. Đề xuất thuế carbon đối với hàng hóa nhập khẩu ở các nước thành viên Liên minh Châu Âu và tác động đến kinh tế thương mại Việt Nam**/ ThS. Hồ Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 09-13.

**Nội dung**: Bản chất thuế carbon; Tác động của thuế biên giới carbon đến kinh tế và ngoại thương của Việt Nam; Một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Thuế carbon, hàng hóa nhập khẩu, Liên minh Châu Âu, kinh tế thương mại

**17. Định hướng và giải pháp để Đà Nẵng phát triển bền vững, xứng tầm là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của khu vực miền Trung và Tây Nguyên/** Nguyễn Ngọc Vũ// Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng .- 2021 .- Số 138 .- Tr. 2-6.

**Nội dung:** Hiện nay cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động đến hầu hết mọi ngành sản xuất dựa trên nền tảng kỹ thuật số. Những cơ hội, thách thức và điều kiện để Đà Nẵng trở thành trung tâm đầu tầu kinh tế, văn hoá, xã hội khu vực. Cùng với những định hướng và các giải pháp phát triển bền vũng xứng tầm là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

**Từ khóa**: Kinh tế, văn hoá, xã hội, Đà Nẵng, miền Trung, Tây Nguyên

**18. Đo lường mối quan hệ giữa tăng trưởng việc làm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Tuấn// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.68 - 71.

**Nội dung:** Trong những năm vừa qua, Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức từ 5% đến 7%, một con số đáng mong ước của các nước trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, nhiều báo cáo cho rằng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lại chủ yếu đến từ việc gia tăng vốn đầu tư và sử dụng nhiều lao động. Để làm sáng tỏ điều này, bài viết tập trung đánh giá thực trạng và phân tích định lượng nhằm làm rõ mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, việc làm và năng suất lao động ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, nhân tố đảm bảo tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động, hệ số co giãn lao động

**19. Dệt may Việt Nam và những thách thức trước diễn biến của đại dịch Covid 19/** Nguyễn Thị Hải Hạnh, Phạm Văn Hậu// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các khó khăn mà các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang phải đối mặt trong đại dịch Covid 19. Ba khó khăn chính được đánh giá gồm nguyên liệu, lao động và chi phí logistic.

**Từ khóa:** Dệt may Việt Nam, đại dịch Covid 19

**20. Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, hỗ trợ nền kinh tế phát triển**/ Nguyễn Đức Trung, Lữ Hữu Chí, Trần Việt Dũng// Tài chính .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 16 – 19.

**Nội dung:** Khảo sát về nỗ lực trong điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng Nhà Nước, nhất là về các chính sách hỗ trợ nền kinh tế, chống đỡ đại dịch Covid 19, nhóm tác giả đề xuất một vài khuyến nghị đối với công tác này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chính sách tiền tệ, đại dịch covid 19, kinh tế xã hội

**21. Giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững vốn tự nhiên ở Việt Nam**/ Nguyễn Đình Đáp, Nguyễn Thị Bích Nguyệt// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 86-88.

**Nội dung**: Vốn tự nhiên là nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng và các dịch vụ hệ sinh thái, là nền tảng để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong thời gian qua chỉ ít quan tâm đến bảo tồn vốn tự nhiên. Điều này tiềm ẩn những rủi ro, thách thức tác động đến hệ sinh thái môi trường trong tương lai. Chính vì vậy, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã bổ sung nội dung thúc đẩy việc khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên cho phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Vốn tự nhiên, hệ sinh thái, phát triển bền vững

**22. Giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Hà Thị Thanh Nga, Chu Thị Thức// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 34 – 36.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ thực trạng phát triển của các doanh nghiệp nhỏ Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đưa ra một số giải pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam phát triển trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Phát triển kinh tế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thái Nguyên

**23. Giải pháp phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới/** Ngô Thị Ngọc Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.18 - 20.

**Nội dung:** Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7, khóa X ngày 5/8/2008 "" Về nông nghiệp, nông thôn, nông thôn"", nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đã được ghi nhận, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển này cũng bộc lộ những ""nút thắt"" cần được tháo gỡ để thực hiện thành công Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Bài viết này sơ lược kết quả việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và đề xuất những giải pháp có tính định hướng cho phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở nước ta thời gian tới.

**Từ khoá:** Kinh tế nông thôn, nông thôn mới, Ngành nông nghiệp, đại dịch Covid 19

**24. Giải pháp tăng thu ngân sách từ đất đai/** TS. Phạm Phương Nam, PGS. TS. Phan Thị Thanh Huyền// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Trình bày công tác tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật hiện hành và đưa ra những giải pháp tăng thu các khoản tài chính từ đất đai, góp phần phát triển đất nước.

**Từ khóa**: Ngân sách, đất đai

**25. Giải pháp thúc đẩy sử dụng tro, xỉ nhà máy nhiệt điện than làm vật liệu xây dựng trong xu thế nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam/** Lê Văn Tuấn, Nguyễn Quốc Toản// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 176-182.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sử dụng tro, xỉ nhà máy nhiệt điện than làm vật liệu xây dựng tại Việt Nam dưới góc độ quản lý nhà nước, góp phần phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong ngành xây dựng nói riêng và tại Việt Nam nói chung.

**Từ khóa**: Tro, xỉ, vật liệu xây dựng, kinh tế tuần hoàn

**26. Giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp quốc phòng**/ Nguyễn Văn Long// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.104 - 106.

**Nội dung:** Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng là chủ trương xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta. Trong những năm qua ngành công nghiệp quốc phòng đã đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện nhưng cũng còn không ít khó khăn, thách thức để phát triển. Nghị Quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: Tiếp tục xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học, công nghệ cao. Nghiên cứu, sản xuất được một số chủng loại vũ khí, trang bị khí tài hiện đại cần thiết cho phòng thủ, bảo vệ đất nước ...

**Từ khoá**: Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng

**27. Hoạt động xuất nhập khẩu trong bối cảnh đại dịch covid-1**9/ Nguyễn Hữu Nguyên Xuân// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.33 - 35.

**Nội dung:** Hoạt động xuất nhập khẩu có mối liên hệ khá chặt chẽ với các chỉ số tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch covid-19 đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, hoạt động xuất nhập khẩu của các quốc gia trên thế giới đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam, bài viết đưa ra các hàm ý chính sách nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt xuất khẩu, góp phần cải thiện tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá:** Xuất khẩu, covid-19, Việt Nam, thương mại

**28. Khái lược mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của tổ chức**/ Nguyễn Thị Việt Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp các lý thuyết cơ sở làm nền tảng, khái lược các mô hình nghiên cứu đã có từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu nhận diện 6 yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của tổ chức.

**Từ khoá**: mô hình nghiên cứu, các yếu tố ảnh hưởng, năng lực đổi mới sáng tạo

**29. Khu vực kinh tế chưa được quan sát : góc nhìn từu nguyên nhân và hậu quả**/ Nguyễn Đặng Hải Yến// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 20(581) .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Tổng hợp các quan điểm hiện nay về khu vực kinh tế chưa được quan sát, cũng như 5 bộ phận của khu vực kinh tế này. Đồng thời, xác định rõ các nguyên nhân và hậu quả khi khu vực kinh tế chưa được quan sát không được kiểm soát tốt. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm kiemr soát quy mô hoạt động của khu vực này.

**Từ khoá**: Khu vực kinh tế chưa được quan sát, kinh tế ngầm, kinh tế phi chính thức

**30. Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: thực trạng và khuyến ngh**ị/ Tô Trọng Hùng// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.29 - 32.

**Nội dung**: Tại các nước đang phát triển, việc làm được tạo ra tập trung nhiều ở khu vực phi chính thức. Tuy nhiên, những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội và các yếu tố biến đổi khí hậu, dịch bệnh đã khiến chính phủ các nước và các nhà hoạch định chính sách quan ngại về tính bền vững và đói nghèo ở khu vực này.Bài viết khái quát một số khái niệm và vai trò của khu vực phi chính thức, giới thiệu tổng quan thực trạng khu vực kinh tế phi chính thức và gợi ý mội số khuyến nghị để khu vực này phát triển bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khoá:** Chính sách, việc làm, người lao động, khu vực phi chính thức

**31. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Nguyễn Trần Phương// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 82 - 84.

**Nội dung:** Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đều coi phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng và lâu dài. Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế này. Việc tham khảo kinh nghiệm của một số nước phát triển như Hà Lan, Đức và Canada sẽ cung cấp cho các nhà nghiên cứu, nhà làm chính sách những bài học hữu ích cho quá trình thực hiện hóa mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, chính sách Việt Nam, phát triển kinh tế

**32. Kinh tế tuần hoàn : những vấn đề lý luận và thực tiễn**/ TS. Nguyễn Đình Đáp// Ngân hàng .- 2021 .- Số 17(Tháng 09) .- Tr. 02-09.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất, loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Việt Nam đang nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và nền kinh tế tuần hoàn là mô hình được quan tâm, định hướng phát triển.

**Từ khóa**: kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, môi trường, biến đổi khí hậu

**33. Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và hàm ý chính sách**/ Vũ Trường Sơn// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 2-7.

**Nội dung**: Xã hội loài người ra đời gắn liền với hoạt động lao động để tổn tại và phát triển, lịch sử phát triển nền kinh tế cũng bắt đầu từ nền kinh tế tự cung, tự cấp. Hình thức sản xuất tự cung, tự cấp vẫn tồn tại đến ngày naỵ, kinh tế phi chính thức đã và đang trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của các nền kinh tế trên thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Kinh tế phi chính thức Việt Nam luôn có vị trí, vai trò nhất định trong đời sống kinh tế - xã hội và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Đã đến lúc chúng ta cần có sự nghiên cứu đầy đủ, đánh giá đúng và có chính sách đối với kinh tế phi chính thức.

**Từ khoá**: Kinh tế phi chính thức, Hàm ý, Chính sách, Phát triển kinh tế - xã hội

**34. Kinh tế thế giới tiếp tục phân kỳ**/ Vũ Xuân Thanh// Thị trường Tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 16 .- Tr. 44-45

**Nội dung**: Trong báo cáo cập nhật vể triển vọng kinh tế toàn cầu, Quỹ Tìển tệ quốc tế (IMF) nhận định, tiến trình phục hối kinh tế tiếp tục phân kỳ giữa các nhóm quốc gia, do mức độ tiếp cận vắc xin không đổng đều và m ột số thay đổi về chính sách hỗ trợ tài chính. Trong số này, tiếp cận vắc xin không đồng đều, dần đến tình trạng phân nhánh quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu thành hai khối với tốc độ tăng trường khác nhau: Khối thứ nhất bao gồm các nước phát triển - những quốc gia đang trông chờ vào khả năng cuộc sống sẽ trở lại bình thường vào cuối năm nay; Khối thứ hai bao gồm những quốc gia đang tiếp tục đối mặt với rủi ro lan truyền đại dịch với số ca nhiễm COV1D-I9 và tử vong ngày càng tăng cao.

**Từ khoá**: Kinh tế thế giới, Đại dịch covid 19, Dự báo

**35. Kinh tế Việt Nam năm 2020 và triển vọng năm 2021**/ Bùi Văn Huyền, Đỗ Tất Cường/ Tài chính .- 2021 .- Số 744 + 745.- Tr. 22 – 26.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất 6 nhóm giải pháp lớn để nền kinh tế Việt Nam duy trì và thúc đẩy đà tăng trưởng kinh tế trong năm 2021.

**Từ khóa: T**ăng trưởng kinh tế , kinh tế Việt Nam

**36. Kinh tế Việt Nam và những dự báo về phát triển năm 2021**/ Phan Thị Phương Thảo, Cù Thi Nhung// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Kinh tế Việt Nam trong nửa cuối năm 2020 và 5 tháng đầu năm 2021 mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid - 19 nhưng đã có những tín hiệu phục hồi khả quan. Với kỳ vọng dịch bệnh sẽ tiếp tục được kiểm soát tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trạng thái bình thường, các chỉ số về triển vọng kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức ổn định và tạo đà để phát triển tích cực, bất chất dịch bệnh Covid - 19 đang có những diễn biến phức tạp.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, dự báo, GDP, cán cân thương mại

**37. Lý thuyết về phương trình sai phân và ứng dụng trong một số mô hình kinh tế động/**Lưu Trọng Đại//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 34 – 36.

**Nội dung:** Bài viết hệ thống lại một số vấn đề liên quan đến phương trình sai phân và ứng dụng trong một số mô hình kinh tế động như: Mô hình Cobweb cân bằng cung cầu; mô hình thị trường có hàng tồn kho; mô hình thu nhập quốc dân với nhân tử tăng tốc Samuelson.

**Từ khóa:** Phương trình sai phân, mô hình kinh tế động

**38. Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về nhà ở tái định cư trên địa bàn Tp. Hà Nội/** Trần Thị Út// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 58-61.

**Nội dung:** Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về nhà ở tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội, đáp ứng mục tiêu giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030, có tính cấp thiết và thời sự trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước, nhà ở tái định cư, Hà Nội

**39. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào khu kinh Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi/**Nguyễn Thị Hương Sen//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 99- 100.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng thu hút đầu tư tại khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi trong thời gian qua, rút ra một số vấn đề tồn tại cần phải giải quyết. Từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

**Từ khóa:** Khu kinh tế, vốn đầu tư, Dung Quất, Quảng Ngãi

**40. Nâng cao hoạt động và quản trị của doanh nghiệp nhà nước**/ Nguyễn Mạnh Hưng// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 44 – 47.

**Nội dung:** Trình bày những tồn tại, bất cập và nêu lên giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp trong triển khai các quy định về quản trị doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp Nhà Nước, nền kinh tế, cơ chế, chính sách

**41. Nâng cao kỹ năng nghề cho lực lượng lao động thúc đẩy việc làm có năng suất**/Đỗ Hữu Tùng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 63 – 65.

**Nội dung:** Bài viết phân tích sự thiếu hụt về lao động kỹ năng sẽ kìm hãm sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai, đồng thời là khó khăn chính mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động; nhu cầu phát triển kỹ năng cho người lao động đáp ứng tiềm năng phát triển của nền kinh tế; đồng thời đưa ra một số giải pháp nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động để thúc đẩy việc làm có năng suất ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

**Từ khóa:** Thiếu hụt lao động, kỹ năng nghề

**42. Năng suất nhân tố tổng hợp và đóng góp của nó vào tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam**/ Đoàn Hương Quỳnh, Trần Thanh Thu// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.77 - 80.

**Nội dung:** Nghị Quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021- 2025 chú trọng đến việc gia tăng năng suất lao động toàn nền kinh tế khi đặt ra mục tiêu nâng mức đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 45%. Sang giai đoạn 10 năm tiếp theo, nền kinh tế Việt Nam sẽ chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, thay vì tập trung chiều rộng như trước đây, với mục tiêu đến năm 2030 trở thành quốc gia đang phát triển có công nghiệp hiện đại và thu nhập trung bình cao. Đây là mục tiêu đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế, đặc biệt là ngành Nông nghiệp, ngành kinh tế đóng vai trò trụ cột trong đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, đảm bảo an ninh lương thực và an sinh xã hội. Tuy nhiên, năng suất lao động tăng trưởng nội ngành còn thấp và cải thiện chậm, cần có giải pháp đồng bộ để khắc phục những hạn chế này nhằm nâng cao TFP của nông nghiệp.

**Từ khoá:** Năng suất nhân tố tổng hợp, nông nghiệp, năng suất lao động, năng suất bền vững

**43. Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng : giải quyết hài hoà giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường**/ Nguyễn Đình Đáp// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 02-06.

**Nội dung**: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Đại hội XIII) xác định, bảo vệ môi trường (BVMT) là một trong những mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Mục 5 về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 trong Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ, phải xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Đây là mô hình kinh tế lần đầu tiên được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII.

**Từ khoá**: Đại hội XIII, môi trường, bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn

**44. Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội/** Phạm Thị Mai// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 31-33.

**Nội dung:** Tìm hiểu giá đất ở và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở do nhà nước quy định và giá đất ở thực tế trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm. Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về giá đất ở trên địa bàn quận.

**Từ khóa**: Giá đất ở, yếu tố ảnh hưởng, quận Bắc Từ Liêm

**45. Nhận diện khả năng tiếp cận vốn của các quỹ quốc tế dành cho các dự án năng lượng tái tạo Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Hữu Cung// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 49 - 51.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những khó khăn về nguồn lực vốn cho các dự án năng lượng trong những năm gần đây với ba trọng tâm chính: Thực trạng cung ứng vốn cho các dự án điển hình về năng lượng tái tạo tại Việt Nam; nhận diện cơ hội tiếp cận các nguồn vốn quốc tế, đặc biệt là các quỹ đầu tư xanh; hàm ý chính sách cho Việt Nam có thể lựa chọn các giải pháp phù hợp nhằm khai thác nguồn lực vốn từ các quỹ này.

**Từ khóa:** Nguồn vốn, quỹ quốc tế, doanh nghiệp

**46. Nhu cầu đào tạo ngắn hạn về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: công ty xuyên quốc gia và môi trường kinh doanh**/ Nguyễn Tiến Minh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cơ sở lý thuyết về chiến lược của các công ty xuyên quốc gia và đề xuất chương trình đào tạo ngắn hạn dựa trên cơ sở phân tích đối tượng và nhu cầu đào tạo trên thực tế, kết hợp với năng lực và đặc thù của đơn vị đào tạo.

**Từ khóa:** Hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam, môi trường kinh doanh

**47. Những đột phá mang tính chiến lược trong tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Nguyễn Đình Luận// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là nhiệm vụ quan trọng đã được Đảng, Nhà nước đặt ra và thực hiện từ nhiều năm qua. Nhiệm vụ này tiếp tục được triển khai quyết liệt trong giai đoạn tới. Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn 2021-2025 là việc tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng cần phải nhanh hơn và có sự bứt phá. Theo đó, cần xác định rõ những thành tựu, tồn tại và hạn chế, cũng nhận diện những tác động để có thể đưa ra những giải pháp hiệu quả. Bài viết phân tích những thành tựu cũng như hạn chế của chiến lược tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong những năm qua, đồng thời chỉ ra những đột phá mang tính chiến lược trong thời gian tới để thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước.

**Từ khoá**: Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế

**48. Phát triển doanh nghiệp xã hội tại Singapore và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Trương Thị Nam Thắng, Đoàn Thanh Nga/ Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 87 – 89.

**Nội dung:** Bài viết cung cấp bức tranh tổng thể về các chính sách, phương thức hỗ trợ giúp tạo ra một văn hóa tương hỗ cho việc thúc đẩy về số lượng, phạm vi, quy mô của khu vực doanh nghiệp xã hội tại Singapore. Bài báo cũng rút ra các điểm tương đồng và khác biệt trong tiếp cận hỗ trợ doanh nghiệp của hai nước và một số kinh nghiệm Việt Nam có thể học tập được trong phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp, Singapore, Việt Nam

**49. Phát triển đổi mới và sáng tạo trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam**/ Phan Huy Đường// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 76 - 78.

**Nội dung:** Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra với tốc độ nhanh và sức lan tỏa rộng khắp trên mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Điều đặc biệt là trong bối cảnh này, Việt Nam đang phải thực hiện một số nhiệm vụ lớn mang tính chiến lược để cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu dựa theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam

**50. Phát triển kinh tế đem ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị**/ Phạm Thị Kim Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 34 – 36.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về thực trạng kinh tế đêm và đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển mô hìn kinh tế này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kinh tế đêm, mô hình kinh tế

**51. Phát triển kinh tế đối ngoại trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay**/ Nguyễn Thị Ngát, Lê Thị Thu Hà, Bùi Thị Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 48-53.

**Nội dung**: Thời gian qua, phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước, tạo nền tảng cơ bản để thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới. Từ việc xem xét vai trò của kinh tế đối ngoại, bài viết trao đổi về thực trạng phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần phát triển lĩnh vực này trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài

**52. Phát triển kinh tế số ASEAN: thực trạng và giải pháp**/ Phạm Thị Thanh Bình// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.52 - 55.

**Nội dung:** Kinh tế số (Digital economy) là nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số. Ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là các quốc gia thuộc ASEAN, kinh tế số không chỉ ""bệ phóng"" cho tăng trưởng kinh tế, mà còn là cơ sở thúc đẩy kết nối ASEAN với các đối tác trong và ngoài khu vực. Kinh tế số của ASEAN đang phát triển mạnh, có tiềm năng trở thành một trong năm nền kinh tế số hàng đầu thế giới. Thị trường kỹ thuật số ASEAN đã tăng gấp ba lần trong ba năm (2017-2020) và chiếm 7% GDP của ASEAN sẽ lên tới 300 tỷ USD năm 2025.

**Từ khoá:** Kinh tế số, ASEAN, tăng trưởng kinh tế

**53. Phát triển kinh tế số ở Việt Nam: thách thức và gợi ý giải pháp**/ Đàm Thị Hiền// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.21 - 24.

**Nội dung:** Phát triển kinh tế số là xu hướng tất yếu của các nước trên thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Nhận thức tầm quan trọng của nền kinh tế số, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm, có nhiều chủ trương, giải pháp cho thực hiện Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi sang nền kinh tế số. bài viết đánh giá tổng quan về kinh tế số ở Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này trong tương lai.

**Từ khoá:** Kinh tế số, phát triển kinh tế, công nghệ, trí tuệ nhân tạo

**54. Phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng cho giai đoạn tới**/ Nguyễn Đình Luận/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747.- Tr. 6 – 11.

**Nội dung:** Xác định tầm nhìn và định hướng phát triển cụ thể, cũng như đề ra những giải pháp trọng tâm để Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội, sớm thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**Từ khóa:** Kinh tế xã hội, tăng trưởng, chiến lược, văn hóa, đột phá chiến lược

**55. Phát triển nhà ở xã hội ở Việt Nam hiện nay**/ Phạm Việt Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 64 – 66.

**Nội dung:** Bài viết khái quát chính sách cũng như thực trạng, kinh nghiệm của một số nước trong phát triển nhà ở xã hội, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển nhà ở xã hội, an sinh xã hội, người có thu nhập thấp

**56. Phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay/** Võ Hữu Phước, Trương Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Trên cơ sở tìm hiểu các yếu tố cấu thành của nông nghiệp xanh, cơ chế, chính sách và thực trạng phát triển nông nghiệp xanh Việt Nam hiện nay, bài viết nhận diện những điểm nghẽn trong quá trình phát triển nền nông nghiệp Việt Nam tiến tới nông nghiệp xanh. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, tồn tại, hướng đến phát triển nông nghiệp xanh bền vững.

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp

**57. Tác động của các yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế đến lạm phát tại Việt Nam**/ Hoàng Tuấn Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu đưa ra các yếu tố ảnh hưởng của các yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế tới lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn từ 1995-2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế đã có những tác động khác nhau đến lạm phát và nguyên nhân chủ yếu của lạm phát đến từ các yếu tố trong nước chứ không phải do các yếu tố bên ngoài.

**Từ khóa**: lạm phát, hội nhập kinh tế, kinh tế quốc tế

**58. Tác động của bảo hộ thương mại đến doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất khẩu nông sản Việt Nam/** Dương Hoàng Anh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 105 - 107.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ một số vấn đề lý luận về tác động của bảo hộ thương mại đến doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản và một số hàm ý chính sách giúp doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rài cản bảo hộ, phát triển bền vững xuất khẩu nông sản.

**Từ khóa:** Bảo hộ thương mại, nông sản, xuất khẩu nông sản

**59. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tới đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới và Việt Nam**/ TS. Bùi Thúy Vân// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 14(575) .- Tr. 36-41.

**Nội dung**: Tổng quan về cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Các đặc trưng của công nghệ 4.0 với FDI; Tác giả đưa ra một số đề xuất để thích ứng với các thay đổi của dòng vốn FDI.

**Từ khóa**: cách mạng công nghiệp lần thứ tư, FDI, kinh tế

**60. Tác động của đại dịch covid-19 lên chuỗi cung ứng toàn cầu: cơ hội và thách thức đối với Việt Nam**/ Lê Nguyễn Quỳnh Phương// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.153 - 155.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn lên chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các cú sốc cung cầu. Nghiên cứu này xem xét tác động của đại dịch covid - 19 kéo dài gây nên sự gián đoạn chuỗi cung ứng của công ty, các ngành công nghiệp ở khắp các quốc gia trên thế giới. Những tác động này có ảnh hưởng không nhỏ đến Việt Nam, tạo nên những thách thức và cơ hội cho Việt Nam trong kiểm soát dịch bệnh, ổn định nền kinh tế thời gian đại dịch diễn ra và trong tương lai.

**Từ khoá:** Chuỗi cung ứng, covid-19, sản xuất, công nghiệp

**61. Tác động của cảm nhận rủi ro đến quyết định mua hàng trên các nền tảng thương mại điện tử**/ Nguyễn Hải Ninh, Nguyễn Đức Nhân, Lê Kinh Trung Anh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 40 - 42.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các yếu tố cấu thành nên cảm nhận rủi ro của khách hàng cũng như ảnh hưởng của cảm nhận rủi ro tới hành vi mua sắm trực tuyến.

**Từ khóa:** Thương mại điện tử, khách hàng, mua hang

**62. Tác động của cơ cấu vốn tới giá trị của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Bùi Ngọc Phương// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 63 - 65.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của cơ cấu vốn tới giá trị của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2019. Bài viết sử dụng phương pháp hồi quy, gồm mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất, mô hình tác động cố định và mô hình tác động ngẫu nhiên để nghiên cứu dữ liệu bảng.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, doanh nghiệp

**63. Tác động của đại dịch covid-19 đến kinh tế xã hội của Việt Nam**/ Bùi Văn Huyền, Đỗ Tất Cường// Tài chính .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 6 – 10.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của đại dịch covid -19 đến phát triển kinh tế xã hội và đề xuất một số định hướng chính sách để đưa nền kinh tế Việt Nam trở về quỹ đạo bình thường.  
**Từ khóa: Đ**ại dịch covid-19, phát triển kinh tế xã hội, chính sách

**64. Tác động của đại dịch Covid-19 tới hệ thống cảng biển Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Nga// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 88-90.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng và giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Tác động của đại dịch Covid-19 đến ngành vận tải biển thế giới là rất rõ ràng. Năm 2020, sản lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường biển thế giới giảm 4,1% so với năm 2019. Dự báo, năm 2021 cũng không mấy khả quan khi đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát hoàn toàn. Bài viết này phân tích thực trạng hoạt động của hệ thống cảng biển Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid-19, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn thách thức trong phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động cho hệ thống cảng biển Việt Nam.

**Từ khoá**: Cảng biển Việt Nam, đại dịch Covid-19, kinh tế, vận tải biển

**65. Tác động của quản trị công và tỷ giá đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển**/ Hồ Thủy Tiên, Nguyễn Lâm Sơn// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.120 - 125.

**Nội dung:** Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá tác động tương tác của quản trị công và tỷ giá đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia có thu nhập trung bình. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy GMM hệ thống (SGMM) trên dữ liệu bảng của 83 quốc gia có thu nhập trung bình được chia thành 2 nhóm: những quốc gia có thu nhập trung bình cao (45 quốc gia) và những quốc gia có thu nhập trung bình thấp (38 quốc gia ) trong giai đoạn từ năm 2002 - 2019. Kết quả cho thấy, xét trên tổng thể các quốc gia đang phát triển, chất lượng quản trị không có tác động đến tăng trưởng kinh tế nhưng chất lượng quản trị công khi tương tác với tỷ giá có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá:** Quản trị công và tỷ giá, tăng trưởng kinh tế, quốc gia có thu nhập trung bình

**66. Tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu tới hiệu quả kỹ thuật doanh nghiệp nông nghiệp và thủy sản khu vực miền Trung**/ Phùng Mai Lan, Nguyễn Ánh Tuyết, Phạm Thị Thanh Trang// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 55 - 57.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu tới hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tại khu vực miền Trung Việt Nam giai đoạn 2000 - 2018.

**Từ khóa:** Thiên tai, biến đổi khí hậu, khu vực miền Trung

**67. Tác động của tiêu thụ năng lượng tới tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Khối Liên minh Châu Âu**/ Nguyễn Thị Kim Tín, Nguyễn Công Thắng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 130-131.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu tác động của tiêu thụ năng lượng tới tăng trưởng kinh tế tại khu vực EU. Để đạt được mục tiêu, nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng cho 23 quốc gia thuộc khu vực EU trong giai đoạn 1990-2019.

**Từ khóa**: tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế

**68. Tái tạo doanh nghiệp trước khi quá muộn/** Lê Tiến Trường// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 391 .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Sự khác biệt về cạnh tranh của các doanh nghiệp, tập trung duy trì và phát triển nhân tài, tím kiếm thị trường mở rộng thị trường, thay đổi cấp lãnh đạo, tạo ra tư duy lãnh đạo. Thành công trong quản lý giúp cho các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh với các đối thủ.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, cạnh tranh

**69. Tăng cường ngoại giao kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**/ Trần Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Thu Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá kết quả và những tồn tại hạn chế trong triển khai công tác NGKT theo định hướng của Ban Bí thư Khóa X của Bộ Tài chính thời gian qua, bài viết rút ra một số kinh nghiệm, đề xuất phương hướng đối với công tác NGKT, đáp ứng yêu cầu bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Ngoại giao kinh tế, hội nhập tài chính, đối tác, cam kết hội nhập

**70. Tăng trưởng kinh tế với bảo vệ và cải tạo môi trường/** ThS. Nguyễn Văn Giáp// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 41-42.

**Nội dung:** Thực trạng bảo vệ môi trường ở Việt Nam; Nhận thức về tăng trưởng kinh tế với bảo vệ và cải tạo môi trường; Gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo vệ và cải thiện môi trường ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường

**71. Thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Hữu Quỳnh Như// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4(47) .- Tr. 102-108.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu tập trung vào phân tích thực trạng pháp triển thị trường bảo hiểm nhân thọ tài Vệt Nam trong giai đoạn 2016-2020. Nguyễn nhân khiến số lượng tham gia bảo hiểm vẫn còn hạn chế và từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm pháp triển thị trường bảo hiểm nhân thọ tài Vệt Nam.

**Từ khóa:** Bảo hiểm nhân thọ, Việt Nam

**72. Thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nhằm mở rộng tiếp cận tín dụng trong sản xuất nông nghiệp**/ Nguyễn Cảnh Hiệp// Thị trường Tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 16 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Bài viết nhìn lại thực trạng chính sách hỗ trợ bảo hiểm đối với sản xuất nông nghiệp được ban hành và áp dụng trong những năm gần đây, chỉ ra một số hạn chế trong việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số nội dung cần hoàn thiện trong các quy định về hỗ trợ bảo hiểm nhằm góp phần mở rộng tiếp cận tín dụng trong sản xuất nông nghiệp.

**Từ khoá**: Thực hiện, Chính sách, Hỗ trợ bảo hiểm, Mở rộng tiếp cận, Tín dụng, Sản xuất nông nghiệp

**73. Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**/ Vũ Sỹ Cường/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747.- Tr. 22 – 25.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá khái quát về tình hình cân đối ngân sách nhà nước năm 2020 và đưa ra những vấn đề đặt ra khi thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

**Từ khóa:** Kinh tế, dự toán ngân sách nhà nước, dịch covid 19, chính sách tài khóa

**74. Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**/ Phạm Thị Thu Hương// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 10 – 12.  
**Nội dung:** Kinh tế thị trường là thành quả của văn minh nhân loại được Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, sáng tạo phù hợp với điều kiện nước ta và trở thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cho thấy được những lợi ích to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

**Từ khóa:** Kinh tế thị trường, phát triển kinh tế

**75. Thực trạng các nguồn lực đảm bảo sinh kế bền vững ở tỉnh Điện Biên**/Nguyễn Quang Hưng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 57 – 59.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số gợi ý giải pháp nhằm tìm ra và phát triển mô hình sinh kế bền vững ở tỉnh Điện Biên có hiệu quả nhất và phù hợp nhất.

**Từ khóa:** Nguồn nhân lực, sinh kế bền vững, Điện Biên

**76. Thực trạng chuỗi cung ứng sản phẩm gạch không nung tại đồng bằng sông Cửu Long**/ Hà Thị Thanh Tuyền, Đặng Thanh Sơn, Nguyễn Ngọc Minh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 70 - 72.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng chuỗi cung ứng sản phẩm gạch không nung tại đồng bằng sông Cửu Long. Phương pháp nghiên cứu là phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính bằng cách phỏng vấn sâu các chuyên gia và phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát. Từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm gạch không nung tại đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa:** Gạch xây, sản phẩm gạch không nung, đồng bằng sông Cửu Long

**77. Thực trạng nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam**// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 31 - 33.

**Nội dung:** Bài viết khái quát thực trạng nguồn nhân lực công nghệ thông tin ở Việt Nam hiện nay từ đó gợi ý một số giải pháp phát triển mạnh nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

**Từ khóa:** Nguồn lực công nghệ thông tin, phát triển kinh tế số, Việt Nam

**78. Thực trạng phát triển nền tảng số tại Việt Nam**/ Đặng Thị Huyền Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.25 - 28.

**Nội dung:** Nền tảng số hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế số và là tác nhân quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mức độ phát triển các nền tảng số trong sản xuất, thương mại, thanh toán, quản lý kinh tế quyết định mức độ số hoá nền kinh tế và nó có thể quyết định trình độ phát triển kinh tế số mỗi quốc gia.Là một nước đi sau nhưng Việt Nam đã và đang có nhiều điều kiện thuận lợi trong thu hút và phát triển các nền tảng số. Bài viết phân tích các điều kiện và thực trạng phát triển nền tảng số tại Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển nền tảng số.

**Từ khoá:** Phát triển, nền tảng số, công nghệ thông tin, Việt Nam

**79. Tổng quan về các phương pháp xây dựng chỉ số**/ Nguyễn Ngọc Thía, Nguyễn Trung Hạnh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 58 - 60.

**Nội dung:** Bài báo nghiên cứu tổng quan về phương pháp, quy trình, công cụ hỗ trợ cho việc xây dựng chỉ số. Từ đó gợi mở cho các nghiên cứu về việc sử dụng các phương pháp, quy trình để xây dựng chỉ số đánh giá vấn đề trong từng trường hợp cụ thể.

**Từ khóa:** Xây dựng chỉ số, phân loại chỉ số

**80. Tổng quan về các nhân tố tác động đến dự toán ngân sách**/ Nguyễn Hoàng Phượng// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 10-15 .- Tr.23.

**Nội dung:** Dự toán ngân sách là một tập hợp các kế hoạch liên kết với nhau để mô tả định lượng các hoạt động dự kiến trong tương lai của một đơn vị. Tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận đều có thể thu được lợi ích từ việc lập kế hoạch và kiểm soát được việc thực hiện dự toán ngân sách đã lập. Mục đích phục vụ cho việc hoạch định và kiểm tra hoạt động kinh doanh, thông qua đó mà người quản lý đạt được mục tiêu các doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận.

**Từ khóa:** Dự toán ngân sách, kế hoạch

**81. Vai trò của nhà nước đối với an sinh xã hội ở Singapore và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nhung// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 67 – 69.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá vai trò của nhà nước Singapore đối với an sinh xã hội, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam trong xây dựng các chính sách an sinh xã hội.

**Từ khóa:** Nhà nước, an sinh xã hội, chính sách xã hội, kinh tế thị trường

**82. Xây dựng và phát triển kinh tế biển xanh cho Việt Nam**/ TS. Nguyễn Đình Đáp, ThS. Đoàn Thị Hồng Hạnh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 02-08.

**Nội dung**: Bài viết tập trung làm rõ nội hàm về khái niệm, nội dung, cách tiếp cận kinh tế biển xanh, đánh giá tiềm năng và đề xuất một số kiến nghị, giải pháp xây dựng nền kinh tế biển xanh cho Việt Nam.

**Từ khóa**: kinh tế biển, biển xanh, biển Việt Nam

**83. Xu hướng phát triển kinh tế biển thế giới đến năm 2030/** Toán Dư// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 55-56.

**Nội dung:** Trình bày về cấu trúc ngành kinh tế liên tục thay đổi và đưa ra những dự báo cho ngành kinh tế biển thế giới đến năm 2030.

**Từ khóa**: Kinh tế biển, xu hướng phát triển

**84. Yếu tố tác động đến tuyển dụng sinh viên sau thực tập của doanh nghiệp**/ Lê Nguyễn Thành Đồng, Hà Thị Hồng Hà, Nguyễn Khúc Lan Nhi// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 106-115.

**Nội dung:** Vấn đề việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp luôn là mối quan tâm của cá nhân, gia đình, xã hội. Tất cả sinh viên đều trải qua thực tập doanh nghiệp. Thông qua kết quả nghiên cứu các yếu tố kiến thức chuyên môn, kỹ năng tin học, tác phong thái độ làm việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc tác động tích cực đến quyết định giữ lại sinh viên sau thực tập của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Sinh viên, doanh nghiệp, thực tập, kỹ năng, thái độ

**TÀI CHÍNH**

**1. Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của các công ty niêm yết Việt Nam**/ Hoàng Tuấn Sinh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán hiện tại vẫn chưa thống nhất. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán cần nghiên cứu tác động của cấu trúc sở hữu nhằm đánh giá thực về cấu trúc sở hữu của các công ty, phân tích những nguyên nhân và đưa ra những khuyến nghị tái cấu trúc sở hữu cho các công ty. Bài viết này phân tích ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của 50 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2017-2020.

**Từ khoá**: Cấu trúc tài chính, cấu trúc sở hữu, cấu trúc vốn, lợi nhuận sau thuế

**2. Ảnh hưởng của hành vi hối lộ tới tiếp cận tín dụng: Bằng chứng về hiệu ứng điều chỉnh của sức mạnh đàm phán và sức ép cạnh tranh**/ Lê Thanh Hà, Nguyễn Ngọc Mai, Đào Hạnh Lê// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 2-14.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa hành vi hối lộ và khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp dưới sự điều tiết của sức mạnh đàm phán và mức độ cạnh tranh thị trường. Bằng việc sử dụng dữ liệu doanh nghiệp từ 104 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2010-2019, kết quả cho thấy hối lộ có tác động tích cực tới khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp. Sức mạnh đàm phán đại diện bởi quy mô và trạng thái pháp lý cũng cho thấy tác động của hối lộ là lớn hơn đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn hoặc đã đăng ký chính thức. Kết quả ước lượng theo sức cạnh tranh thị trường chứng minh rằng cạnh tranh đã làm giảm tác động của hối lộ tới tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp. Tác động của hành vi hối lộ trở nên mạnh hơn khi chúng tôi tiến hành sử dụng mô hình biến công cụ để xử lý vấn đề nội sinh trong mô hình.

**Từ khoá**: Hối lộ, tiếp cận tín dụng, sức mạnh đàm phán, sức ép cạnh tranh

**3. Ảnh hưởng của việc phát hành nhân dân tệ số : Một số nhận định ban đầu**/ PGS.TS. Trần Hùng Sơn, ThS. Huỳnh Thị Ngọc Lý, ThS. Hồ Hữu Tín, ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 43-52.

**Nội dung**: Nội dung của bài viết sẽ tập trung vào quá trình phát triển của nhân dân tệ số hay tiền số thanh toán điện tử (DCEP) của Trung Quốc và các đặc điểm của loại tiền số này. Bài viết cũng trình bày một số nhận định ban đầu về các tác động của việc phát hành DCEP của Trung Quốc. Cuối cùng một số hàm ý chính sách sẽ được phác thảo.

**Từ khóa**: CBDC, DCEP, quốc tế hóa nhân dân tệ, nhân dân tệ số, tiền số, thanh toán điện tử

**4. Ảnh hưởng từ hiệu ứng điểm neo đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư chứng khoán**/ Phan Trần Trung Dũng, Mai Minh Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là khám phá ảnh hưởng của hiệu ứng điểm neo đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Phương pháp phân tích được sử dụng là phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các điểm neo đều có ảnh hưởng đến quyết đnh đầu tư của nhà đầu tư cá nhân Việt Nam, từ đó bài viết đưa ra một số khuyến nghị cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam để có thể tránh được các rủi ro trong đầu tư trên thị trường chứng khoán do hiệu ứng này mang lại.

**Từ khoá**: Hiệu ứng điểm neo, nhà đầu tư, thị trường chứng khoán, cổ phiếu

**5. Bảo hiểm liên kết đầu tư: kênh đầu tư an toàn cho nhà đầu tư cá nhân**/ Nguyễn Thị Cẩm Vân// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.48 - 50.

**Nội dung:** Bảo hiểm liên kết đầu tư là sản phẩm bảo hiểm gồm hai thành phần bảo hiểm và đầu tư. Những năm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong những tháng đầu năm 2021, VN-Index vượt mức 1.300 điểm; quy mô thị trường ngày càng lớn, nhà đầu tư tham gia thị trường tăng mạnh, đạt hơn 3 triệu tài khoản. Thị trường chứng khoán phát triển là cơ hội tốt để mở rộng loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư. Bàn về lợi ích của hoạt động bảo hiểm liên kết đầu tư, đánh giá thực trạng hoạt động của sản phẩm này tại Việt Nam, bài viết đưa ra một số kiến nghị cho nhà đầu tư khi tham gia vào kênh đầu tư này.

**Từ khoá:** Liên kết đầu tư, bảo hiểm, chứng khoán, tiền tệ

**6. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính - từ góc độ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**/ ThS. Phan Thị Thanh Bình// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 15(576) .- Tr. 27-29.

**Nội dung**: Bài viết đề cập vấn đề bảo vệ người tiêu dùng tài chính từ góc độ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; tìm hiểu kinh nghiệm và thông lệ quốc tế trong bảo vệ người tiêu dùng tài chính, đồng thời đưa ra một số giải pháp bảo vệ người tiêu dùng tài chính cũng như nâng cao vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam.

**Từ khóa**: bảo vệ người tiêu dùng tài chính, bảo hiểm tiền gửi, bảo vệ người gửi tiền, tài chính toàn diện

**7. Bước khởi động mới trong tiến trình chuyển đổi số của hệ thống kho bạc nhà nước**/ Bùi Thế Phương// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.22 - 24.

**Nội dung:** Mục tiêu tiến tới kho bạc số vào năm 2030, Kho bạc Nhà nước đã và đang xây dựng kế hoạch và thực hiện tiến trình chuyển đổi số theo 2 giai đoạn cụ thể sau: Giai đoạn 2021-2025, từng bước hình thành hệ sinh thái về dữ liệu số với các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương; Giai đoạn 2026- 2030, tiếp tục tập trung liên thông dữ liệu số và đẩy mạnh việc phân tích rủi ro, phân tích dự báo dựa trên dữ liệu lớn, công nghệ trí tuệ nhân tạo, hướng đến hình thành kho bạc số đầy đủ.

**Từ khoá:** Kho bạc điện tử, kho bạc số, kho bạc Nhà nước

**8. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin của báo cáo tài chính khu vực công tại Đà Lạt/**Lê Vũ Phương Thảo, Nguyễn Hoàng Nhật Hoa//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 31 – 33.

**Nội dung:** Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin tài chính khu vực công tại Đà Lạt. Báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc khu vực công cần đáp ứng các đặc điểm định tính. Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin của báo cáo tài chính ở các đơn vị thuộc khu vực công tại Đà Lạt là áp dụng chuẩn mực kế toán công, chất lượng nguồn lực, hệ thống kiểm soát nội bộ, sử dụng công nghệ thông tin và sự quan tâm của nhà quản lý.

**Từ khóa:** Chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, Đà Lạt

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam**/ Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh, Lê Việt// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 96 – 98.

**Nội dung:** Bài viết khái quát lý thuyết nền có thể vận dụng nhằm phân tích, tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS tại Việt Nam, cũng như các quốc gia trên thế giới. Trong đó, nổi bật nhất là lý thuyết về hành vi dự định và lý thuyết đẳng cấu thể chế, đây là hai lý thuyết nền cơ bản cần thiết khi nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS.

**Từ khóa:** IFRS, lý thuyết nền, báo cáo tài chính

**10. Các nhân tố ảnh hưởng đến trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam phát hành năm 2020**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, TS. Bùi Thị Minh Hải, Nguyễn Trung Kiên// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 34-38.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành năm 2020 và xác định được 2 nhân tố có ảnh hưởng đáng kể là lãi suất của trái phiếu và tính bảo đảm của trái phiếu phát hành. Từ đó, một số khuyến nghị về chính sách được đưa ra để hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư khi họ theo đuổi lãi suất trái phiếu doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, nhân tố ảnh hưởng, xếp hạng tín nhiệm, rủi ro đầu tư, kiểm toán

**11. Các nhân tố tác động đến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ**/ Phan Anh Tú, Hứa Thanh Nghị// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 24-32.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích các nhân tố tác động đến vốn đầu tư nước ngoài vào thành phố Cần Thơ từ năm 2009 đến năm 2018. Ứng dụng mô hình lực hấp dẫn, sử dụng phương pháp ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (Feasible Generalized Least Squares), kết quả cho thấy khoảng cách địa lý, khoảng cách thể chế, chi phí gia nhập thị trường, đào tạo lao động, thiết chế pháp lý có tác động đến vốn FDI của Tp. Cần Thơ. Trong khi đó, độ trễ FDI, khoảng cách văn hóa, tính minh bạch, chi phí thời gian và tính năng động không có tác động. Hàm ý của nghiên cứu nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tìm kiếm những nhà đầu tư tiềm năng, đồng thời các giải pháp giúp tăng cường hơn nữa các hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh thành khác nói chung.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, Chỉ số năng lực cạnh tranh, Cấp tỉnh, PCI, Vốn đầu tư ​

**12. Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**/ Đàm Thị Thanh Huyền// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 65-75.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), sử dụng dữ liệu bảng cân bằng từ 33 doanh nghiệp thuộc TKV, giai đoạn 2013 - 2019. Bằng những kiểm định lựa chọn kỹ thuật hồi quy phù hợp với bộ dữ liệu, nghiên cứu phát hiện các yếu tố ảnh hưởng rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc TKV là: Khả năng thanh toán nhanh (QR), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS), hiệu năng hàng tồn kho (IT), hiệu năng tài sản cố định (FAT), hiệu năng tổng tài sản (TAT) và hiệu năng các khoản nợ phải thu (RT), cơ cấu nguồn vốn (ES), cơ cấu tài sản cố định (FAS), tỷ lệ sở hữu nhà nước (STATE), tuổi của doanh nghiệp (AGE). Trên cơ sở đó khuyến nghị các chính sách thích hợp để phòng ngừa rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc TKV.

**Từ khoá**: Tài chính, Rủi ro tài chính, Tỷ lệ sở hữu nhà nước, Doanh nghiệp, Công ty thành viên, Chính sách, Quản trị, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

**13. Các cam kết lao động trong hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu**/ Nguyễn Vân Hà, Trần Tuấn Anh, Lương Thị Ngọc Mai, Nguyễn Hải Nam// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.65 - 67.

**Nội dung:** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) được ký kết ngày 01/08/2020 là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu. EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện hiệu quả các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động. Chính vì thế, EVFTA không chỉ mang lại lợi ích về số lượng việc làm mà còn có khả năng làm tăng tiền lương của người lao động thông qua hoạt động của thị trường hiệu quả, tác động lan toả về tiền lương từ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

**Từ khoá:** Cam kết lao động, hiệp định thương mại tự do, hiệp định EVFTA

**14. Chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ trong nông nghiệp Việt Nam và những vấn đề đặt ra**/ ThS. Phạm Văn Hào// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Bài viết đề cập về việc phân bổ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN trong nông nghiệp cả về mức độ và cơ cấu đầu tư, quản lý sử dụng các khoản chi ngân sách nhà nước để tránh lãng phí và phát huy được hiệu quả của chi ngân sách.

**Từ khoá**: Chi ngân sách nhà nước, khoa học và công nghệ trong nông nghiệp

**15. Chính sách cổ tức và giá trị công ty: Nghiên cứu ngành bất động sản**/ Bùi Kim Phương, Nguyễn Huỳnh Đoan Trang// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu mối quan hệ giữa chính sách cổ tức và giá trị công ty ở nhóm ngành bất động sản. Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ 66 công ty bất động sản niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và sở Giáo dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2010-2019. Như vậy ở nhóm ngành bất động sản các công ty có tỉ suất càng cao thì giá trị công ty càng thấp và ngược lại. Do đó khi ra quyết định về chính sách cổ tức, nhà quản lý nên xem xét tác động của thuế đến thu nhập của cổ đông nhằm tối đa hóa giá trị công ty.

**Từ khóa**: Bất động sản, chính sách cổ tức, giá trị công ty

**16. Chính sách công và hành chính công ở Việt Nam : một số vấn đề lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa chúng**/ Lê Văn Gấm, Bùi Văn An// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 118-120.

**Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống lý luận và thực tiễn cơ bản về đề xuất những giải pháp hoàn thiện về mối quan hệ giữa chính sách công và hành chính công ở Việt Nam.

**Từ khóa**: chính sách công, hành chính công

**17. Chính sách đầu tư của một số quốc gia trong bối cảnh COVID-19**/ Nguyễn Hồng Thu// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu vào phân tích các chính sách đầu tư của một số nước trong bối cảnh COVID-19, qua đó rút ra một số hàm ý về chính sách đầu tư.

**Từ khoá**: Chính sách đầu tư, COVID-19

**18. Chính sách tài chính, tín dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao - kinh nghiệm của một số nước và bài học cho Việt Nam**/ ThS. Ngô Xuân Thanh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 14(575) .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Chính sách hỗ trơ về tài chính-tín dụng nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Chính sách thuế hỗ trợ thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao; từ đó đưa ra bài học và khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: tài chính, tín dụng, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, CNC, chính sách hỗ trợ

**19. Chính sách tài khóa ứng phó với đại dịch COVID-19 ở các nước và những tác động đến nợ công**/ Nguyễn Như Quỳnh, Lê Thị Mai Liên// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã và đang tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế-xã hội tại nhiều quốc gia. Đại dịch đã làm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 sụt giảm, đứt gãy các chuỗi cung ứng do phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, khiến tổng cầu suy giảm. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia đã thực hiện chính sách tài khóa mở rộng thông qua công cụ thuế và chi tiêu ngân sách để ứng phó với dịch bệnh và kích thích kinh tế. Điều này cũng khiến các quốc gia phải đối mặt với nguy cơ nợ công tăng cao. Bài viết phân tích xu hướng chính sách tài khóa ứng phó với đại dịch COVID-19 và những tác động đến nợ công tại một số nước, từ đó rút ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm giảm thiểu rủi ro tài khóa, đảm bảo nợ công an toàn, bền vững.

**Từ khoá**: Chính sách tài khóa, nợ công, ngân sách nhà nước

**20. Chính sách thu hút vốn đầu tư tại tỉnh Kiên Giang /**Nguyễn Kông, Đặng Thành Thức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 19 – 21.

**Nội dung:** Bài viết nói về chính sách thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Kiên Giang, tác giả tìm hiểu nghiên cứu và đưa ra những thành quả cũng như những vấn đề còn tồn lại trong quá trình triển khai thực hiện công tác thu hút đầu tư. Trên cơ sở đó tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm cải thiện việc kêu gọi thu hút đầu tư vào Kiên Giang phù hợp với công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa.

**Từ khóa:** Vốn đầu tư, Kiên Giang

**21. Chính sách tiền tệ của Mỹ trong giai đoạn đại dịch Covid-19 và một số khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Trần Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Phân tích các giải pháp mà FED đã thực hiện trong giai đoạn vừa qua, trên cơ sở so sánh với những biện pháp đã triển khai tại Việt Nam, tác giả đề xuất một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, dịch Covid-19, FED

**22. Chuyển đổi số trong ngành tài chính: thực trạng và giải pháp/**Dương Thị Thiều//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 19 – 21.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về thực trạng, thách thức, khó khăn trong chuyển đổi số của ngành tài chính, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, ngành tài chính

**23. Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An**/ Nguyễn Hoài Nam// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 9-17.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng, đồng thời xây dựng và kiểm định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An. Với phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với so sánh, phân tích, tổng hợp dựa trên cơ sở điều tra khảo sát thực tế (250 đối tượng). Kết quả nghiên cứu cho thấy, về cơ bản cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính hiệu lực, phù hợp... Bên cạnh đó, vẫn còn những tồn tại (trong kiểm soát nguồn vốn lồng ghép, phân bổ ngân sách cho phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, năng lực và trách nhiệm chủ đầu tư...) đã ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu cũng chứng minh được rằng tất cả các biến đưa vào mô hình đều có tác động thuận chiều đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới, trong đó, trình độ quản lý có ảnh hưởng mạnh nhất. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tài chính, Ngân sách nhà nước, Ngân sách, Nông thôn mới, Cơ chế sử dụng

**24. Cơ chế, chính sách và một số khuyến nghị đối với giải ngân vốn đầu tư công**/ Nguyễn Thị Phương Liên// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Giải ngân có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công vừa là mục tiêu, vừa là biện pháp trong điều hành hàng năm của các cấp, các ngành và địa phương. Nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, cũng như định hướng về giải ngân vốn đầu tư công, gắn liền với cơ chế, chính sách quản lý đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ. Bài viết tổng quát cơ chế, chính sách về giải ngân vốn đầu tư công, qua đó, đề xuất một số khuyến nghị góp phần thúc đẩy việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư công, giải ngân vốn đầu tư, ngân sách nhà nước

**25. Cổ phần hóa lĩnh vực dịch vụ công: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Kinh nghiệm một số nước trong thực hiện cổ phần hóa lĩnh vực dịch vụ công; Thực tiễn ngành nghề, lĩnh vực thực hiện cổ phần hóa tại Việt Nam thời gian qua; Một số đề xuất, khuyến nghị.

**Từ khoá**: Xã hội hóa cung ứng dịch ụ công, cổ phần hóa, đơn vị sự nghiệp

**26. Cổ phần hóa lĩnh vực dịch vụ công: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Tăng cường xã hội hóa cung ứng dịch vụ công (DVC), trong đó cổ phần hóa (CPH) các đơn vị sự nghiệp công lập là một chủ trương lớn của Đảng đã được thực hiện hơn một thập kỷ qua. Hiện nay, cùng với việc xây dựng Danh mục ngành nghề thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021-2025, nhiều ý kiến băn khoăn về việc có nên thực hiện CPH các đơn vị sự nghiệp công lập trong một số lĩnh vực như bệnh viện, trường học, công viên cây xanh, kiểm định... hay không? Từ thực tiễn CPH trong lĩnh vực dịch vụ công ở một số nước trên thế giới, cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai tại Việt Nam, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị về danh mục lĩnh vực, ngành nghề thực hiện CPH đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong giai đoạn tới ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Xã hội hóa cung ứng dịch vụ công, cổ phần hóa, đơn vị sự nghiệp

**27. Đánh giá chính sách về nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước của người sử dụng đất**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 05-08.

**Nội dung** : Bài viết tập trung đánh giá chính sách về nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước của người sử dụng đất, trên hai phương diện là kết quả đạt được và quan trọng là nêu rõ những hạn chế của chính sách về nghĩa vị tài chính đối với nhà nước của người sử dụng đất hiện hành ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất

**28. Đánh giá tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức của chủ hộ gia đình Việt Nam**/ Lê Hoàng Đức// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 12-18.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình hồi quay Probit dựa trên bộ dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình để đánh giá khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính thông qua việc các yếu tố đặc tính cá nhân của chủ hộ. Kết quả cho thấy độ tuổi sử dụng tín dụng chính thức và mối quan hệ này la phi tuyến, đồng thời giới tính ảnh hưởng đến việc sử dụng tài khaorn chính thức và phụ nữa có khuynh hướng sử dụng kênh tín dụng chính thức nhiều hơn.

**Từ khóa**: Tài chính, chất lượng dịch vụ, hộ gia đình

**29. Đầu tư công và tác động lan tỏa của đầu tư công trong nền kinh tế/** Trần Kim Chung, Nguyễn Văn Tùng// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Việc thực hiện đầu tư công trong giai đoạn vừa qua đã đạt được những kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy phát triển và lan tỏa trong toàn nền kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng lãng phí, chất lượng công trình thấp, giải ngân vốn đầu tư công chậm, dẫn đến việc chậm đưa công trình vào sử dụng, qua đó ảnh hưởng đến tác động lan tỏa của đầu tư công. Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại đầu tư công, đẩy nhanh tốc độ giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư công, coi đây điều kiện cần để kịp thời tận dụng các cơ hội, tạo tiền đềphát triển kinh tế, chuyển đổi rõ nét hơn mô hình tăng trưởng, đưa đất nước lên nấc thang phát triển mới.

**Từ khoá**: Đầu tư công, tăng trưởng, phát triển kinh tế

**30. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam**/ Đỗ Thị Thu// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.138 - 140.

**Nội dung**: Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn với phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam những năm gần đây. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, nhiều dự án FDI đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên, tác động lan toả tích cực của FDI cũng còn hạn chế. Bằng phương pháp thống kê mô tả dựa trên các dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu này sẽ làm rõ một vài tác động tích cực, cũng như những hạn chế trong thu hút FDI ở Việt Nam thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp để tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những rủi ro tiềm ẩn cho nền kinh tế trong việc thu hút FDI.

**Từ khoá:** Đầu tư, FDI, kinh tế - xã hội, Việt Nam

**31. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế biển ở Việt Nam**/ Lê Minh Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Trình bày đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế biển ở Việt Nam; Vấn đề đặt ra và một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Đầu tư, ngân sách nhà nước, kinh tế biển, cơ sở hạ tầng giao thông

**33. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Đặng Thị Thuỷ// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.11 - 14.

**Nội dung:** Bài viết khái quát lại quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) giai đoạn vừa qua nhằm làm nổi bật những kết quả cũng như hạn chế tồn tại, những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ của các ĐVSNCL. Trên cơ sở đánh giá những kết quả, hạn chế của cơ chế, chính sách, bài viết đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực của quá trình đẩy mạnh cơ chế tự chủ các ĐVSNCL trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Khung pháp lý, cơ chế tự chủ, các đơn vị sự nghiệp công lập

**34. Định giá và bảo hộ quyền chọn với chi phí thanh khoản**/ Nguyễn Hữu Thái// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 64-80.

**Nội dung**: Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu một số phương trình đạo hàm riêng xuất hiện từ bài toán bảo định giá và bảo hộ hợp đồng quyền chọn với chi phí giao dịch và chi phí thanh khoản bằng cách sử dụng độ biến động hiệu chỉnh cho phương trình định giá cổ điển Black-Scholes. Chúng tôi nghiên cứu dáng điệu tiệm cận của sai số bảo hiểm rủi ro trong chiến lược của Leland với sự có mặt của chi phí thanh khoản trong mô hình CJP đề xuât trong [6]. Chúng tôi chỉ ra rằng đối với một đường cung liên tục, trong khi chi phí thanh khoản trung gian có thể bị bỏ qua ở tiệm cận khi sử dụng chiến lược của Leland, chi phí thanh khoản tại thời điểm ban đầu đóng một vai trò quan trọng và cần được tính đến trong định giá quyền chọn.

**Từ khoá**: Chi phí thanh khoản; Phi phí giao dịch; Chiến lược Leland; Độ biến động hiệu chỉnh; Bảo hộ xấp xỉ; Định lý giới hạn trung tâm; Bảo hộ quyền chọn: PDE định giá

**35. Định hướng phát triển thị trường tài chính Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030**/ Vũ Như Thăng// Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 34 – 37.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những tồn tại còn hạn chế, gợi ý một số định hướng phát triển thị trường tài chính Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030.

**Từ khóa:** Thị trường tài chính, doanh nghiệp, tín dụng ngân hàng, thị trường chứng khoán

**36. Đóng góp của dịch vụ công ngành tài chính đối với cổng dịch vụ công quốc gia**/ Nguyễn Kim Thoa, Hoàng Thành// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.18 - 21.

**Nội dung:** Với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm dịch vụ, thời gian qua, ngành Tài chính đã tập trung nguồn lực rà soát, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ; nâng cấp, chuẩn hoá dữ liệu tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia ... Đến nay đã đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết giảm chi phí hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của ngành Tài chính.

**Từ khoá:** Dịch vụ công, ngành Tài chính, cổng dịch vụ công quốc gia, chính phủ điện tử

**37. Động cơ đầu tư ra nước của công ty đa quốc gia ở các nước đang phát triển**/ Nguyễn Quang Trung// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 31-35.

**Nội dung:** Bằng chứng chứng minh không chỉ các công ty lớn, các tổ chức có năng lực tài chính mạnh, các tập đoàn đa quốc gia hùng hậu ở các nước phát triển mới quan tâm đến các kế hoạch ra nước ngoài mà các công ty đa quốc gia còn nhiều hạn chế về nguồn lực ở các nước đang phát triển cũng là nhà đầu tư ra nước ngoài. Bài viết khái quát về động cơ đầu tư ra nước ngoài, kỳ vọng sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho những người quan tâm.

**Từ khóa:** Đầu tư, công ty đa quốc gia, nước đang phát triển

**38. Giải ngân đầu tư công từ nguồn vốn vay nước ngoài năm 2021 và những vấn đề đặt ra**/ Phạm Hồng Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 bùng phát và diễn biến phức tạp đ. tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công nói chung, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài nói riêng. Mặc dù Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, địa phương và các chủ dự án, cũng như Bộ Tài chính đã có nhiều giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các chủ dự án, nhưng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn vay nước ngoài năm 2021 đến nay còn thấp và khó đạt mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh đó, để cải thiện tình trạng giải ngân vốn vay nước ngoài, thời gian tới, các bộ ngành, địa phương và các chủ dự án cần triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tranh thủ tối đa thời điểm không gi.n cách x. hội để đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn này.

**Từ khoá**: Đầu tư công, giải ngân vốn đầu tư, ngân sách nhà nước, vốn vay nước ngoài, vốn ODA

**39. Giải pháp giảm thiểu rủi ro từ sử dụng đòn bẩy tài chính trong đầu tư chứng khoán**/ Nguyễn Văn Hưởng// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Diễn biến này cho thấy thành công của Chính phủ Việt Nam trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô trước bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, kéo dài. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, dư nợ cho vay của các NĐT tại các CTCK, các ngân hàng thương mại liên tục tăng cao, vấn đề sử dụng đòn bẩy tài chính cũng tiềm ẩn rủi ro lớn. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá làm rõ thực trạng này và đưa ra một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khóa**: thị trường chứng khoán rủi ro, vốn cho vay, đầu tư chứng khoán

**40. Giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội khu vực phi chính thức ở Việt Nam**/ Đoàn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Vân Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Bảo hiểm xã hội là trụ cột của hệ thống an sinh xã hội, là tấm lá chắn bảo vệ cho người lao động và gia đình họ trước các rủi ro bị mất hoặc giảm thu nhập. Với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội đối với người lao động nói chung, người lao động khu vực phi chính thức nói riêng có ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo an sinh xã hội quốc gia; đảm bảo công bằng xã hội giữa những người lao động ở các khu vực kinh tế; đảm bảo đời sống người lao động, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

**Từ khoá**: Bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, người lao động

**41. Giải pháp nâng cao chất Iượng thông tin báo cáo tài chính cho doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Ngọc Bích, Thái Thị Hoài Thương// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu có nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam đã hình thành từ rất lâu nhưng đến nay vẫn chưa thực sự phát triển do còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Bài viết này được thực

**Từ khoá**: Chất lượng thông tin, Báo cáo tài chính, Doanh nghiệp

**42. Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội về quản lý tài sản công và Ngân sách Nhà nước**/ Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Ngày 23/05/2021 toàn dân Việt Nam sẽ đi bầu người đại diện của mình tham gia Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Phát huy những kết quả đạt được của 14 khóa Quốc hội, Quốc hội Khóa XV cần tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, trong đó có đổi mới hoạt động giám sát nói chung và trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản và ngân sách Nhà nước nói riêng. Đây là một chức năng của Quốc hội và là một chủ trương, nhiệm vụ đã và đang được Đảng, Nhà nước, Quốc hội quan tâm và thực hiện.

**Từ khoá**: Tài sản công, Ngân sách Nhà nước, Giám sát, Quốc hội, cơ quan dân cử

**43. Giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Liên// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam thời gian gần đây trên các khía cạnh: kết quả thanh toán qua các kênh, các phương tiện thanh toán: cơ sở hạ tầng và các tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, các hệ thống truyền dẫn thanh toán. Trên cơ sở đánh giá về những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thanh toán không dùng tiền mặt, tác giả bài viết đề xuất định hướng và một số giải pháp (với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước: với NHTM, tổ chức trung gian thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) nhằm phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá:** Thanh toán, Tiền mặt, Thanh toán không dùng tiền mặt, Phương tiện thanh toán, Cơ sở hạ tầng, Dịch vụ, Giải pháp phát triển, Thanh toán online, Thanh toán điện tử

**44. Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp phía Bắc tỉnh Bình Dương**/ Nguyễn Hồng Hà, Trần Văn Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 94-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu này thu thập dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của UBND tỉnh Bình Dương; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020 và thu thập dữ liệu sơ cấp 100 doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào các khu công nghiệp phía Bắc tỉnh Bình Dương. Bằng phương pháp thống kê mô tả, tổng hợp, phân tích, đánh giá, nhóm tác giả đánh giá thực trạng thu hút đầu tư thời gian qua, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào khu công nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất những giải pháp nhằm thu hút nhiều hơn nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp phía Bắc nói riêng và của Bình Dương nói chung giai đoạn sau dịch bệnh COVID-19.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư, khu công nghiệp, doanh nghiệp

**45. Giải pháp thúc đẩy hoạt động phát hành trái phiếu tại doanh nghiệp Việt Nam**/ Đoàn Quỳnh Phương, Trịnh Quốc Trung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 36-41.

**Nội dung**: Việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu có nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam đã hình thành từ rất lâu nhưng đến nay vẫn chưa thực sự phát triển do còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Bài viết này được thực hiện bằng phương pháp tổng hợp lý thuyết và các nghiên cứu trước, kết hợp với việc phân tích tình hình thực tế nhằm nêu lên những lợi ích của việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Đồng thời, nêu ra những nguyên nhân làm hạn chế sự phát triển và giải pháp đẩy mạnh hoạt động phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Huy động vốn, Phát hành trái phiếu doanh nghiệp, Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

**46. Giới thiệu lý thuyết tương hợp và khả năng ứng dụng trong một số bài toán xác lập thị trường ở Việt Nam**/ Trần Thị Tuấn Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 23-39.

**Nội dung**: Lý thuyết tương hợp là một nhánh quan trọng của lý thuyết trò chơi nhằm tìm lời giải cho những bài toán xác lập thị trường mà trong những thị trường đó vai trò của giá cả không còn được phát huy như các thị trường truyền thống. Bài viết này giới thiệu tóm tắt lý thuyết tương hợp thep những dạng chính, bao gồm tương hợp hai phía: như bài toán một – một, nhiều – một, nhiều – nhiều; tương hợp một phía như các bài toán phân bổ nguồn lực. Thuật toán chấp nhận trì hoãn (DAA – Deferred Acceptance Algorithm) tuy đơn giản nhưng khá hữu hiệu để tìm lời giải ổn định cho những bài toán xác lập thị trường dạng này. Các bài toán tương hợp đặt ra trong lý thuyết đều có những ứng dụng thực tiễn tại nhiều quốc gia trên thế giới và đem lại các kết quả khá nhân văn, như bài toán tuyển sinh, bài toán về hiến tạng, bài toán lao động việc làm, bài toán phân bổ nguồn lực và nhiều bài toán xác lập thị trường khác. Trong điều kiện Việt Nam, những bài toán tương tự cũng xuất hiện và vì vậy, tiềm năng ứng dụng lý thuyết tương hợp để giải quyết tình huống ở Việt Nam là khả thi và nhiều khả năng sẽ mang lại kết quả thực tiễn có ý nghĩa.

**Từ khoá**: Lý thuyết tương hợp; Thuật toán chấp nhận trì hoãn; Bài toán xác lập thị trường

**47. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước/** Trần Thanh Thu, Hồ Quỳnh Anh, Nguyễn Thu Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: So sánh hiệu quả hoạt động của nhóm doanh nghiệp (DN) cổ phần nhà nước với DN nhà nước (DNNN), DN khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và DN tư nhân cho thấy, cổ phần hoá (CPH) và thoái vốn nhà nước làm gia tăng hiệu quả hoạt động của DN. Nghiên cứu hai tình huống điển hình là Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tổng Công ty Cổ phần Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) cho thấy, động lực của sự thay đổi này đến từ sự thay đổi chiến lược toàn diện và đổi mới quản trị công ty.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa, thoái hóa, doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả hoạt động

**48. Hiệu quả xã hội của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn**/ Nguyễn Bích Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 14-25.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu khung lý thuyết về hiệu quả xã hội của tổ chức tài chính vi mô thông qua việc tổng hợp, phân tích khái niệm cũng như cách thức đo lường hiệu quả xã hội tại các tổ chức tài chính vi mô. Dựa trên cơ sở lý thuyết, tác giả đã tiến hành đánh giá hiệu quả xã hội của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam thông qua chỉ số SPI - một chỉ số được sử dụng trong đo lường hiệu quả xã hội tại các tổ chức tài chính vi mô với 8 chỉ tiêu bộ phận bao gồm: mức độ tiếp cận (A), tỷ lệ dư nợ bình quân trên thu nhập bình quân (B), chi phí trên một khách hàng vay (C), tỷ lệ khách hàng nữ (D), số lượng chi nhánh (E), tỷ lệ tự vững hoạt động (F), tỷ lệ nợ rủi ro (G) và tỷ lệ xóa nợ (H). Trên cơ sở nguồn dữ liệu thứ cấp kết hợp với dữ liệu từ quá trình phỏng vấn chuyên sâu với đại diện các tổ chức tài chính vi mô cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính vi mô, bài viết đã chỉ ra chi so SPI tại các tổ chức có đăng ký có phần cao hơn so với các tổ chức được cấp phép. Tuy nhiên, chỉ số hiệu quả xã hội của các tổ chức nói chung đều có xu hướng suy giảm từ năm 2011 trở về đây.

**Từ khoá**: Tổ chức tài chính, Tổ chức tài chính vi mô, MFI, Hiệu quả xã hội, SPI, Tín dụng, Khách hàng

**49. Hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại các bệnh viện công lập tự chủ tài chính**/ Nguyễn Thị Thanh Thuỷ// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.72 - 76.

**Nội dung:** Tự chủ các bệnh viện công lập là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị công lập với nhau, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân, giảm thiểu tình trạng ỷ lại, trông chờ vào ngân sách. Tuy nhiên, để tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, cần có những giải pháp hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. Trong phạm vi bài viết, tác giả xem xét khái niệm quản lý tài chính bệnh viện; nhận diện các nhân tố tác động tới quản lý tài chính bệnh viện công lập, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý tài chính của các bệnh viện công lập tự chủ tài chính.

**Từ khoá:** Quản lý tài chính, bệnh viện công lập, Hà Nội

**50. Hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp nhằm phát triển lành mạnh thị trường tài chính tiêu dùng ở Việt Nam**/ TS. Trần Thị Quang Hồng, ThS. Lưu Thị Phấn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 14(575) .- Tr. 29-35.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá về thực trạng và vai trò của cơ chế giải quyết tranh chấp áp dụng đối với các quan hệ tín dụng tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay và đưa ra một số đề xuất để giải quyết vấn đề.

**Từ khóa**: tài chính tiêu dùng, cơ chế giải quyết tranh chấp, tín dụng tiêu dung

**51. Hoàn thiện quy định pháp luật, đẩy mạnh hoạt động thu ngân sách nhà nước**/ Nguyễn Hoàn Hảo// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.41 - 44.

**Nội dung:** Việc sử dụng ngân sách nhà nước có ý nghĩa quốc gia, với phạm vi tác động rộng lớn và được sử dụng chủ yếu cho các nhu cầu có tính chất toàn xã hội. Nghiên cứu này phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động thu ngân sách nhà nước, những hạn chế của pháp luật về thu ngân sách nhà nước, công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, qua đó đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về thu ngân sách một cách hiệu quả, đảm bảo tăng nguồn thu và giúp tăng cường công tác quản lý thuế dễ dàng, thuận lợi hơn.

**Từ khoá:** Thu ngân sách nhà nước, đẩy mạnh cơ chế, hoàn thiện pháp luật

**52. Hội nhập tài chính và đói nghèo ở các nước đang phát triển khu vực Châu Á**/ Nguyễn Thị Thanh Dương, Đặng Ngọc Đức, Lương Thái Bảo, Phạm Trọng Cường// Ngân hàng .- 2021 .- Số 11(6/2021) .- Tr. 55-59.

**Nội dung**: Bài viết đánh giả xu thế toàn cầu hóa tài chính và tình trạng đói nghèo ở các nước đang phát triến khu vực châu Ả trong giai đoạn 2005 - 2020. Từ đó, bài viết đưa ra những nhận xét về mối quan hệ giữa hội nhập tài chính và đói nghèo của các quốc gia này. Cuối cùng, nhóm tác giả đề xuất một sổ khuyến nghị chính sách nhằm tối ưu hóa lợi ích của quá trình hội nhập tài chính quốc tế đối với vấn đề xóa đói giảm nghèo.

**Từ khoá**: Hội nhập tài chính, Đói nghèo, Nước đang phát triển, Khu vực châu Á

**53. Huy động vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ trên thế giới và gợi ý cho Nghệ An**/ Đoàn Thị Ngọc Hân// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 85-87.

**Nội dung**: Huy động vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế - xã hội của nền kinh tế. Nghiên cứu kinh nghiệm huy động vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ của các nước trên thế giới và của một số địa phương tại Việt Nam là bài học hữu ích cho Nghệ An trong quá trình thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ.

**Từ khoá**: Huy động vốn đầu tư, phát triển hạ tầng, giao thông

**54. Kết quả thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020 và những vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Thúy Quỳnh//Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747.- Tr. 12 – 16.

**Nội dung:** Trình bày những kết quả đạt được, những vấn đề đặt ra và định hướng xây dựng chiến lược tài chính giai đoạn 2021 tầm nhìn 2045.

**Từ khóa:** Chiến lược tài chính, cơ chế, chính sách, tài chính ngân sách

**55. Kết quả và một số yếu tố tác động đến giải ngân vốn đầu tư công**/ Dương Bá Đức// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 30/9/2021 đạt khoảng 218.550,92 tỷ đồng, bằng 47,38% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao. Như vậy, với việc trải qua 2/3 thời gian của năm 2021, tiến độ giải ngân hiện nay chưa đạt kết quả như kỳ vọng. Bài viết điểm lại tình hình, kết quả giải ngân vốn đầu tư công, từ đó nhận diện những yếu tố tác động cần tăng cường các giải pháp tháo gỡ trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Giải ngân vốn đầu tư công, kế hoạch vốn, ngân sách nhà nước

**56. Kiến trúc tổng thể tạo nền tảng để chuyến sang nền tài chính số**/ Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Hồng Đoàn, Lê Thành Trung// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.14 - 17.

**Nội dung:** Ngày 31/12/2020, Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã ký ban hành Quyết định số 2366/QĐ-BTC ban hành Kiến trúc tổng thể hướng tới Bộ Tài chính số. Quyết định này là cơ sở pháp lý quan trọng giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Tài chính và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời, tạo nền tảng cho ngành Tài chính tiếp cận, nắm vai trò chủ động, kiến tạo và đi đầu trong việc chuyển đổi sang nền tài chính số hiện đại tại Việt Nam. Bài viết giới thiệu kiến trúc tổng thể hướng dẫn tới Bộ Tài chính số, từ đó đưa ra định hướng xây dựng Bộ Tài chính số vào năm 2025 ...

**Từ khoá:** Kiến trúc tổng thể, Bộ Tài chính, ngành Tài chính, tài chính số, công nghệ thông tin

**57. Kinh nghiệm quốc tế trong triển khai cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính và gợi ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Xuân Thành// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 11(572) .- Tr. 31-38.

**Nội dung**: Trình bày về thuật ngữ cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát; Cơ chế quản lý thử nghiệm một số quốc gia và gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế số, ngân hàng số, cơ chế quản lý thử nghiệm

**58. Kinh nghiệm quốc tế về cải cách chính sách thuế trong lĩnh vực chứng khoán**/ Phạm Tiến Đạt// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Với vai trò là kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, thị trường chứng khoán là thị trường có tốc độ thay đổi nhanh nhất và tác động lớn đến kinh tế-xã hội của các quốc gia. Thị trường chứng khoán phát triển cũng đặt ra không ít thách thức trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách quản lý thuế. Vì vậy, việc cải cách chính sách thuế là yêu cầu bắt buộc trước những áp lực từ sự thay đổi của thị trường này. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm cải cách chính sách thuế trong lĩnh vực chứng khoán trên thế giới, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, thị trường chứng khoán, thị trường tài chính

**59. Lập kế hoạch dòng tiền tại doanh nghiệp: Nghiên cứu tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội**/ Nguyễn Thị Hải Yến// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Lập kế hoạch dòng tiền có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác quản trị tài chính doanh nghiệp, vì năng lực thanh toán của doanh nghiệp phụ thuộc vào khả năng dòng tiền của doanh nghiệp. Trong hoạt động kinh doanh thường nảy sinh sự không ăn khớp nhau về thời gian giữa thu và chi bằng tiền, dẫn đến sự mất cân đối giữa khả năng cung ứng và nhu cầu chi tiêu bằng tiền vào những thời điểm trong những thời kỳ nhất định. Tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (HANDICO), công tác lập kế hoạch dòng tiền chưa được quan tâm đúng mức. Nghiên cứu sau đây đề cập đến thực trạng lập kế hoạch dòng tiền cùng những đánh giá và các khuyến nghị về các giải pháp, nhằm cải thiện công tác lập kế hoạch dòng tiền tại HANDICO.

**Từ khoá**: HANDICO, Kế hoạch dòng tiền, Quản trị dòng tiền, Doanh nghiệp

**60. Lý luận về chính sách công và thực tiễn chính sách công ở Việt Nam hiện nay: nghiên cứu tổng quan**/Lê Văn Gấm//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 84 – 86.

**Nội dung:** Bài viết tiếp cận tổng quan tình hình nghiên cứu lý luận về chính sách công, thực hiện chính sách công ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Chính sách công, Việt Nam

**61. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực phi chính thức tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.84 - 86.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu chính sách, cũng như kết quả mở rộng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động khu vực phi chính thức, từ đó đề xuất giải pháp tiếp tục mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người lao động khu vực phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Bảo hiểm xã hội tự nguyện, người lao động, khu vực phi chính thức, đảm bảo an sinh xã hội.

**62. Mức độ ưu tiên đầu tư vàng trong bối cảnh sau covid-19**/ Huỳnh Thị Ngọc Lý, Nguyễn Vĩnh Khương, Trần Hùng Sơn// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Tác giả đưa ra các phân tích về biến động giá của các tài sản phòng hộ trong và ngoài nước, từ đó giải thích sự thay đổi trong xu hướng đầu tư và cuối cùng là những hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Vàng, covid-19, tài sản phòng hộ

**63. Nâng cao hiểu biết tài chính số góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện trong thời đại công nghệ số**/ Tố Minh Thu// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 17(578) .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Khái quát các khái niệm, tác động của việc nâng cao hiểu biết tài chính số tới tài chính toàn diện. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiểu biết tài chính số, góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện trong thời đại công nghệ số.

**Từ khoá**: Công nghệ số, tài chính số, tài chính toàn diện

**64. Nâng cao hiệu quả tài chính doanh nghiệp thông qua vốn trí tuệ: Bằng chứng tại các công ty niêm yết Việt Nam**/ Trần Thị cẩm Thanh, Lê Thị Mỹ Tú// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là điều tra tác động của vốn trí tuệ (IC) đến hiệu quả tài chính tại các công ty niêm yết Việt Nam. Hiệu suất tài chính được đo qua chỉ tiêu suất sinh lợi tài sản ROA. Hiệu quả vốn trí tuệ dựa trên mô hình Giá trị gia tăng của vốn trí tuệ điều chỉnh (VAIC). Mô hình hồi quy tĩnh OLS và hiệu ứng cố định FE được sử dụng trong phân tích. Kết quả cho thấy mối quan hệ tích cực giữa ROA và vốn trí tuệ của công ty có thể kéo dài sau đến 3 năm tài chính. Đặc biệt nghiên cứu này thực chứng vai trò của từng thành phần trong vốn trí tuệ (bao gồm vốn nhân lực, vốn cấu trúc và vốn quan hệ) có sức ảnh hưởng khác nhau đến hiệu quả tài chính. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng rằng, đầu tư cao hơn trong IC có thể cải thiện việc tạo giá trị trong các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam.

**Từ khoá**: Vốn trí tuệ, Hiệu quả tài chính, VAIC, Vốn nhân lực

**65. Ngành tài chính chuyển mình thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Đại Trí// Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 49 - 52.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngành tài chính luôn xác định chuyển đổi số là cơ hội để ngành đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá thực hiện cải cách quản lý, cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân sách, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, bộ tài chính đã từng bước xây dựng hành lang pháp lý và lộ trình chuyển đổi số nhằm chủ động tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0, phục vụ phát triển tài chính điện tử hướng tới tài chính số.

**Từ khóa:** Ngành tài chính, chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0, cải cách hành chính

**66. Nhân tố tác động đến sự phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế số/** Phan Thị Hoàng Yến, Trần Hải Yến, Đào Mỹ Hằng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 17(578) .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế số; các nhân tố tác động đến sự phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế số; một số giải pháp và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Thanh toán không dùng tiền mặt, nền kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0

**67. Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới quan hệ lợi ích trong thực hiện tự chủ tài chính ở các bệnh viện quân y**/ Nguyễn Đức Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những nhân tố ảnh hưởng tích cực và tiêu cực tới quan hệ lợi ích trong thực hiện tự chủ tài chính ở các bệnh viện quân y.

**Từ khóa**: tài chính, tài chính bệnh viện, nhân tố ảnh hưởng

**68. Những kết quả đạt được trong tái cấu trúc tài chính và sở hữu của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2012-2019**/ Dương Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Quỳnh Hoa, Trương Xuân Hương// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 20(581) .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu những kết quả đạt được trong tái cấu trúc tài chính và sở hữu của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2012-2019. Với cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả và thảo luận, kết luận.

**Từ khoá**: Tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc sở hữu, ngân hàng thương mại

**69. Phân tích tổng quan về nghiên cứu tài chính toàn diện trên thế giới và gợi ý xu hướng nghiên cứu**/ Nguyễn Minh Sáng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 47-52.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp trắc lượng thư mục để phân tích tổng quan tất cả 1.769 nghiên cứu về chủ đề tài chính toàn diện thuộc lĩnh vực kinh doanh - kinh tế và khoa học xã hội được xuất bản trên cơ sở dữ liệu Scopus. Kết quả của nghiên cứu cung cấp góc nhìn tổng thể về xu hướng xuất bản trên toàn thế giới về chủ đề tài chính toàn diện.

**Từ khoá**: khoa học xã hội, kinh doanh-kinh tế, tài chính toàn diện, trắc lượng thư mục

**70. Phát triển công nghệ tài chính ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/Lê Thị Mỹ Huyền//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 87 – 89.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng của phát triển fintech ở Việt Nam và đưa ra một số giải pháp nhằm xây dựng một môi trường pháp lý ổn định, công bằng giúp cho sự phát triển bền vững của fintech.

**Từ khóa:** Công nghệ tài chính, fintech,Việt Nam

**71. Phát huy vai trò của dự trữ quốc gia trong phòng, chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân**/ Nguyễn Văn Bình// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.5 - 7.

**Nội dung:** Dữ trữ quốc gia là nguồn lực vật tư, hàng hoá chiến lược, thiết yếu do Nhà nước tạo lập và quản lý nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh và phục vụ quốc phòng, an ninh. Với vai trò quan trọng đó, trong hơn một năm qua, ngành Dự trữ Nhà nước đã triển khai nhiều giải pháp ( từ hoàn thiện pháp luật đến điều hành sử dụng nguồn lực dự trữ quốc ), góp phần tích cực vào công tác phòng, chống dịch covid - 19 và ổn định đời sống nhân dân.

**Từ khoá:** Dự trữ quốc gia, dịch covid - 19, thiết bị y tế, hàng vật tư

**72. Phát triển bảo hiểm vi mô, góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam**/ Vũ Thị Yến Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.43 - 47.

**Nội dung:** Theo cách tiếp cận về dịch vụ tài chính, tài chính toàn diện là các dịch vụ có thể đáp ứng các mục đích sử dụng: giao dịch, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm. Một trong những nội dung của tiếp cận tài chính toàn diện là phát triển các sản phẩm bảo hiểm, trong đó có bảo hiểm vi mô cung cấp dịch vụ tài chính nhằm dự phòng rủi ro và tích lũy hướng đến những người có thu nhập thấp, dễ bị tổn thương. Nghiên cứu thực trạng Phát triển bảo hiểm vi mô ở Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp phát triển bảo hiểm vi mô, góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Bảo hiểm, vi mô, tài chính toàn diện, dịch vụ tài chính

**73. Phát triển quỹ hoán đổi danh mục tại Việt Nam và một số khuyến nghị**/ ThS. Vương Duy Lâm, ThS. Phạm Tiến Đạt// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 275(Tháng 09) .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Bài viết tập trung làm rõ bản chất của quỹ ETF, trên cơ sở nhận diện những khó khăn, thách thức để đề xuất các khuyến nghị chính sách đối với Nhà nước cũng như với các công ty quản lý quỹ.

**Từ khóa**: quỹ hoán đổi, thị trường chứng khoán, ETF

**74. Phát triển tài chính toàn diện hướng tới ổn định tài chính tại Việt Nam**/ PGS.TS. Lê Thị Diệu Huyền// Ngân hàng .- 2021 .- Số 14(Tháng 07) .- Tr. 02-07.

**Nội dung**: Bài viết xem xét phát triển tài chính toàn diện và tác động tới ổn định tài chính nhằm đề xuất kiến nghị phát triển tài chính toàn diện hướng tới ổn định tài chính tại Việt Nam.

**Từ khóa**: tài chính Việt Nam, tài chính toàn diện

**75. Phát triển thị trường phái sinh hàng hoá tại Trung Quốc và một số kinh nghiệm đối với Việt Nam**/ Mai Hương Giang// Ngân hàng .- 2021 .- Số 12(6/2021) .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu nghiên cứu các đặc điểm về quản lý và điều hành thị trường phái sinh hàng hóa cua quốc gia này, từ đó rút ra một số kinh nghiệm đối với thị trường phái sinh hàng hóa Việt Nam.

**Từ khóa**: Phát triển, Thị trường phái sinh, Hàng hóa, Kinh nghiệm

**76. Phát triển thị trường phái sinh hàng hoá tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Tân, Nguyễn Đức Dũng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 11(6/2021) .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Hiểu được tầm quan trọng của thị trường phái sinh, Chính phủ Việt Nam cũng đang quan tâm hơn tới việc xây dựng và phát triển thị trường phái sinh thể hiện qua việc dần hoàn thiện hành lang pháp lý. Do đó, sau một thời gian tạm dừng hoạt động, thị trường phái sinh hàng hóa tại Việt Nam đã bắt đầu trở lại vào giữa năm 2018. Kể từ khi bắt đầu lại, thị trường đã có những dấu hiệu phát triển rất khả quan, đặc biệt tốc độ tăng trưởng đã được phản ánh rõ nét trong khối lượng giao dịch từ nửa cuối năm 2020 đến nay. Điều đó cho thấy, nhu cầu và tiềm năng phát triển mạnh mẽ của thị trường phái sinh hàng hóa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Phát triển, Thị trường, Phái sinh hàng hóa

**77. Phương pháp ước lượng LASSO: Cơ sở toán học và ứng dụng**/ Bùi Thị Thiện Mỹ// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Bài báo giới thiệu phương pháp ước lượng LASSO cho phân tích hồi quy. Tương tự phương pháp OLS, LASSO tìm các ước lượng tham số của một mô hình hồi quy bằng cách cực tiểu hóa hàm mục tiêu là tổng bình phương các phần dư. Tuy nhiên, LASSO áp đặt ràng buộc tổng giá trị tuyệt đối của các tham số không vượt quá một tham số điều chỉnh. Bài viết trình bày tổng quan ý nghĩa, cơ sở toán học của phương pháp ước lượng LASSO. Bài viết đồng thời giới thiệu một tình huống thực nghiệm áp dụng phương pháp ước lượng LASSO nhằm xác định các yếu tố nội tại có ảnh hưởng đến các tỷ suất sinh lợi ROA, ROE của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Kết quả cho thấy, LASSO đã loại các yếu tố không có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc, cung cấp một mô hình hồi quy đơn giản hơn với sai số MSE nhỏ hơn so với phương pháp ước lượng OLS, tuy vậy sự cải thiện này chưa đáng kể.

**Từ khoá**: Hồi quy; LASSO; mô hình co gọn

**78. Quan hệ vốn đầu tư công trong nông nghiệp, giao thông, công nghệ thông tin truyền thông với tăng trưởng kinh tế tại Tiền Giang**/ Lâm Thái Bảo Ngọc// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.128 - 130.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa vốn đầu tư công trong nông nghiệp, giao thông, công nghệ thông tin và truyền thông với tăng trưởng kinh tế tỉnh Tiền Giang. Sử dụng dữ liệu thứ cấp, gồm chuỗi dữ liệu từ năm 1998-2018 thu thập từ Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang, Sở Kế hoạch - Đầu tư Tiền Giang, bằng việc sử dụng mô hình Var và phần mềm xử lý dữ liệu Eview 8.1, kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối quan hệ giữa vốn đầu tư công trong công nghệ thông tin truyền thông, nông nghiệp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Tiền Giang. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy vào tăng trưởng kinh tế tại Tiền Giang.

**Từ khoá:** Vốn đầu tư, giao thông, Tiền Giang, nông nghiệp truyền thông

**79. Quan điểm quản lý, sử dụng bitcoin trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam**/ Phạm Thị Thái Hà// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.169 - 171.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã kéo theo sự bùng nổ của các loại tiền điện tử, tiền ảo... trong khi đó, cơ quan quản lý của hầu hết các nước đều khá lúng túng và khó khăn trong việc xây dựng khung khổ pháp lý cũng như cách thức quản lý. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam chưa chấp nhận Bitcoin là phương tiện thanh toán, nhưng trong tương lai, vị thế của Bitcoin trong hệ thống tài chính tiền tệ có thể sẽ có những thay đổi, từ đó vấn đề quản lý tiền điện tử kỹ thuật số cũng được đặt ra.

**Từ khoá:** Tiền kỹ thuật số, bitcoin, phương tiện thanh toán

**80. Quản lý, điều hành giá thận trọng, linh hoạt, kiểm soát lạm dụng theo mục tiêu đề ra/** Nguyễn Anh Tuấn// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.8 - 10.

**Nội dung:** Nhằm thực hiện mục tiêu giữ ổn định mặt bằng giá, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, thời gian qua, Bộ Tài chính đã triển khai quyết liệt các giải pháp tăng cường quản lý, điều hành giá chủ động, linh hoạt. Nhờ đó, mặt bằng giá cả các mặt hàng trong những tháng đầu năm 2021 diễn biến trong phạm vi cho phép, góp phần quan trọng vào kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (4%) trong năm 2021. Trong những tháng cuối năm, công tác điều hành giá tiếp tục tăng cường bám sát diễn biến thị trường, quản lý chặt chẽ, điều hành linh hoạt và chủ động.

**Từ khoá**: Dịch Covid - 19, quản lý, điều hành giá, lạm phát, mặt hàng thiết yếu

**81. Quản lý nợ đọng thuế, bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Bình**/ Võ Minh Doang// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 7(214) .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Thuế là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho Nhà nước, là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường, là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối và là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Chính sách thuế được đặt ra, không chỉ nhằm mang lại số thu đơn thuần cho ngân sách, mà yêu cầu cao hơn là qua thu góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo hướng phát triển của kế hoạch Nhà nước. Góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mất cân đối lớn, trong nền kinh tế quốc dân.

**Từ khoá**: Thuế, Quản lý, Công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô

**82. Quản lý vốn đầu tư công trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Cạn**/ Đặng Kim Oanh, Nguyễn Thị Thúy Vân// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 31 – 33.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp và phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng công tác quản lý vốn đầu tư công trong xây dựng ngân hàng thương mại. Từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm quản lý hiệu quả vốn đầu tư công trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. Từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm quản lý hiệu quả vốn đầu tư công trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Từ khóa:** Đầu tư công, quản lý vốn đầu tư, Bắc Cạn

**83. Quản trị rủi ro tại quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã**/ PGS.TS. Phan Văn Tính, TS. Trịnh Thu Thủy// Ngân hàng .- 2021 .- Số 16(Tháng 08) .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Bài viết phân tích để nhận diện các rủi ro mà Quỹ có thể phải đối mặt trong quá trình hoạt động và đề xuất một số biện pháp nhằm quản trị rủi ro tại Quỹ.

**Từ khóa**: quản trị rủi ro, quỹ hỗ trợ, hợp tác xã

**84. Quy hoạch, phát triển nền tảng số phục vụ liên thông chia sẻ, tích hợp dữ liệu ngành tài chính**/ Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Cương, Phạm Đình Liệu, Nguyễn Hồng Đoàn// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.10 - 13.

**Nội dung**: Một trong các thành phần ""cốt lõi"" đóng vai trò ""đòn bẩy"" trong tiến trình thực hiện chuyển đổi số của mỗi quốc gia là hạ tầng số. Hạ tầng số bao gồm các thiết chế và cơ sở vật chất kỹ thuật làm nền tảng cho việc triển khai quá trình chuyển đổi số. Hạ tầng số có thể chia làm năm thành phần: hạ tầng kết nối, hạ tầng thiết bị, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng ứng dụng và hạ tầng phát triển công nghệ. Nền tảng liên thông chia sẻ, tích hợp dữ liệu là một trong các thành phần chủ chốt của hạ tầng kết nối. Để triển khai chuyển đổi từ nền tài chính điện tử sang nền tài chính số cần thiết phải phát triển nền tảng số phục vụ việc liên thông chia sẻ, tích hợp dữ liệu ngành Tài chính trong trung, dài hạn. Bài viết nghiên cứu, đề xuất quy hoạch, phát triển nền tảng số phục vụ việc liên thông chia sẻ, tích hợp dữ liệu ngành Tài chính số đến năm 2030.

**Từ khoá:** Ngành Tài chính, Bộ Tài chính, nền tảng số, tích hợp dữ liệu

**85. Rủi ro kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp niêm yết do Covid-19/** Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Dương Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Thanh Tùng// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 24-30.

**Nội dung:** Bài viết xác định các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro kiệt quệ tài chính của doanh nghiệp niêm yết. Bằng cách kết hợp các nhóm tài chính, nhóm biển số thị trường và nhóm biển số vĩ mô. Kết quả hồi quy cho thấy dịch Covid-19 có tác động thuận chiều với rủi ro rơi vào tình trạng kiệt quệ tài chính của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Rủi ro tài chính, doanh nghiệp, Covid-19

**86. Tác động của các biến vĩ mô lên độ biến động thị trường chứng khoán – Nghiên cứu thực nghiệm sử dụng mô hình GARCH-MIDAS tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Minh, Hoàng Thị Thu Hà// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 15-24.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu vai trò của các biến vĩ mô lên độ biến động dài hạn của chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam sử dụng mô hình GARCH-MIDAS – là mô hình cho phép nghiên cứu độ biến động sử dụng kết hợp các biến số có tần suất khác nhau. Phân tích thực nghiệm cho thấy các biến vĩ mô, nhìn chung, có tác động đáng kể đến độ biến động dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc biệt, kết quả cho thấy vai trò của các biến vĩ mô trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới thấp hơn rất nhiều so với các thời kỳ khác. Thậm chí trong thời kỳ này, vai trò của các biến này là không có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, vai trò của các biến vĩ mô cũng khá khác nhau, trong khi lãi suất có ảnh hưởng mạnh hơn nhưng tăng trưởng lại có tác động lâu dài hơn tới độ biến động dài hạn. Kết quả thực nghiệm cũng chỉ ra các biến vĩ mô có ảnh hưởng mạnh hơn tới chỉ số HNX-Index so với chỉ số VN-Index.

**Từ khoá**: Biến vĩ mô, Độ biến động, GARCH-MIDAS, HNX-Index, VN-Index

**87. Tác động của chính sách tỷ giá hối đoái đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam Sang Mỹ/** Nguyễn Thị Thu Hương// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.86 - 91.

**Nội dung:** Dựa trên mô hình trọng lực trong thương mại quốc tế, mô hình kinh tế lượng VAR và mô hình hiệu chỉnh sai số VECM, bài viết xem xét mức độ tác động của chính sách tỷ giá đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trên thị trường Mỹ trong ngắn hạn và dài hạn, từ đó đưa ra những đánh giá và khuyến nghị góp phần phát huy vai trò tích cực của chính sách tỷ giá đến xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường Mỹ.

**Từ khoá**: Chính sách tỷ giá, hối đoái, xuất khẩu Việt Nam, thị trường Mỹ

**88. Tác động của cơ cấu và mức chi tiêu tài chính đến kết quả đào tạo tại các trường đại học công lập ở Việt Nam**/ Vũ Thị Liên// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Giáo dục đại học đóng vai trò là hệ thống nuôi dưỡng của mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia, là nguồn cung cấp nhân lực cần thiết để phục vụ các công tác sản xuất, kinh doanh, quản lý, quy hoạch, thiết kế, giảng dạy, nghiên cứu... Sự tăng trưởng và phát triển của giáo dục đại học phụ thuộc vào hiệu quả quản lý tài chính của các trường đại học. Quản lý tài chính liên quan đến quyết định của tổ chức về cách tạo nguồn quỹ, kiểm soát các nguồn tài chính thông qua kiểm soát tài chính, phân bổ nguồn tài chính và các biện pháp giải trình trách nhiệm (Munge và các cộng sự, 2016). Vì thế, việc nghiên cứu tác động của cơ cấu và mức chi tiêu tài chính đến kết quả đào tạo tại các trường đại học là vấn đề bức thiết trong bối cảnh xu hướng tự chủ đại học ngày càng phổ biến hiện nay.

**Từ khoá**: Chi tiêu tài chính, Đào tạo, Đại học công lập, Quản lý tài chính

**89. Tác động của chính sách cổ tức đến giá trị công ty ngành xây dựng niêm yết ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thu Thương// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định mối quan hệ giữa chính sách cổ tức và giá trị công ty với dữ liệu gồm các quan sát của các công ty xây dựng niêm yết ở Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2020. Nghiên cứu sử dụng mô hình tác động cố định (FEM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) để kiểm định mối quan hệ.

**Từ khoá**: chính sách cổ tức, giá trị công ty, xây dựng, niêm yết

**90. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến mức độ đa dạng hóa xuất khẩu : bằng chứng thực nghiệm từ các nước đang phát triển**/ An Như Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu đóng góp một phân tích thực nghiệm cho chủ đề khi phân tích ảnh hưởng của dòng vốn đầu tư nước ngoài đến đa dạng hóa xuất khẩu. Kết quả phân tích định lượng trên mẫu 59 quốc gia đang phát triển giai đoạn 2000-2017 xác nhận vai trò mờ nhạt của kênh tác động, trái ngược với quan niệm và kỳ vọng chính thống.

**Từ khóa**: đầu tư trực tiếp, xuất khẩu, thương mại quốc tế

**91. Tác động của dòng tiền tự do và chi phí đại diện tới hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam**/ Trần Quang Chung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Giả thuyết dòng tiền tự do ngụ ý rằng nhà quản lý của các doanh nghiệp có dòng tiền tự do dư thừa lớn nhưng có rất ít cơ hội đầu tư, sẽ có xu hướng đầu tư dòng tiền dư thừa này vào các dự án mức sinh lời không cao, thậm chí là âm thay vi phân phối cho các cổ đông, điều này làm tăng chi phí đại diện, tác động không tốt tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đã có những nghiên cứu chỉ ra rằng, doanh nghiệp có giá trị dòng tiền tự do cao hoạt động hiệu quả hơn những doanh nghiệp có giá trị dòng tiền tự do thấp. Nghiên cứu này nhằm khẳng định, lý thuyết đại diện và kiểm tra giả thuyết dòng tiền tự do, trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi phí đại diện, Dòng tiền tự do, Hiệu quả tài chính

**92. Tác động của dự phòng rủi ro tín dụng đến hoạt động của các tổ chức tín dụng**/ Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Phan Ngọc Minh, Đinh Văn Hoàn// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 12-14.

**Nội dung**: Bài viết cho thấy: Bản chất của dự phòng rủi ro tín dụng; Tác động của dự phòng rủi ro tín dụng đến hoạt động của các tổ chức tín dụng; Để dự phòng rủi ro tín dụng phát huy tác dụng như kỳ vọng, nhóm tác giả đề xuất các biện pháp nhằm giúp các tổ chức tín dụng có được lượng “tiền tươi - thóc thật” dự phòng cho các tổn thất trong hoạt động tín dụng của mình.

**Từ khoá**: Chi phí không bằng tiền, tiết kiệm thuế, dự phòng rủi ro, phân loại nợ

**93. Tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Châu Á - vai trò của phát triển tài chính**/ ThS. Phạm Thanh Tuyền, PGS.TS. Hồ Thuỷ Tiên// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu kiều hối đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Châu Á, trong đó xem xét vai trò phát triển tài chính của các quốc gia này. Tác giả hồi quy tuyến tính với kỹ thuật xử lý SGMM, với 33 quốc gia Châu Á giai đoạn 2005-2018.

**Từ khoá**: Kiều hối, tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính

**94. Tác động của quyết định tài chính tới rủi ro tài chính của các DN niệm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Ngô Thu Giang, Nguyễn Thị Vũ Khuyên// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 11(572) .- Tr. 25-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ tác động của 3 quyết định tài chính chủ chốt: huy động vốn, đầu tư và phân phối thu nhập tởi rủi ro tài chính của doanh nghiệp. Số liệu của 420 DN phi tài chính niêm yết, trong đó 235 DN trên sàn HNX và 185 DN trên sàn HOSE trong thời gian từ năm 2010 đến 2017 được đưa vào mẫu nghiên cứu và chạy vòng lặp dựa trên mô hình hồi quy dữ liệu bảng. Kết quả cho thấy, các quyết định tài chính nói trên thực sự tác động có ý nghĩa thống kê tới rủi ro tài chính của DN phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ kết quả này, bài viết đưa ra một số khuyến nghị đối với DN, cơ quan quản lý Nhà nước và các nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Rủi ro tài chính, thị trường chứng khoán, doanh nghiệp niêm yết

**95. Tài chính toàn diện - Giải pháp đáp ứng nhu cầu về vốn tín dụng trong tiếp cận nhà ở xã hội**/ Võ Thị Mỹ Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Chính sách phát triển nhà ở xà hội là một trong nhừng chính sách nhân văn, bảo đam được đồng thời mục tiêu phát triển kinh tế với phát triên bền vừng về xà hội - một trong nhừng trụ cột cua phát triền bền vững. Đê phát triển bền vững, giừ chân người lao động trong các nhà máy, khu công nghiệp hoặc những nơi có nhiều cơ hội việc làm ờ các đô thị lớn thì giái quyết nhu cầu về chồ ở ôn định, với giá cá hợp lý vần là giải pháp toàn diện và lâu dài nhất.

**Từ khoá**: Tài chính, Vốn tín dụng, Tiếp cận, Nhà ở xã hội

**96. Tài chính toàn diện hướng tới nền kinh tế không dùng tiền mặt tại Việt Nam**/ TS. Phạm Hoài Bắc // Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 08-11.

**Nội dung**: Tài chính toàn diện là các dịch vụ tài chính được cung ứng tới mọi thành viên theo cách thức thuận tiện và phù hợp với nhu cầu, góp phần tạo cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tác giả đưa ra những giải pháp và khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện hướng tới nền kinh tế không dùng tiền mặt tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: tài chính toàn diện, kinh tế không dùng tiền mặt

**97. Tăng cường giám sát, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia giải ngân vốn đầu tư công**/ Nguyễn Quốc Điển// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá một số kết quả đạt được trong hoạt động giám sát, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian qua, đồng thời nhận diện một số tồn tại, bất cập và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp nhằm tăng cường vai trò giám sát, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình giải ngân vốn đầu tư công trong các tháng cuối năm, góp phần thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư công, giám sát, chủ thể đầu tư công

**98. Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên/** Đỗ Văn Chúc// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.191 - 193.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng công tác quản lý chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018 - 2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, giúp việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh hiệu quả và tiết kiệm hơn.

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, quản lý chi ngân sách nhà nước, tỉnh Điện Biên

**99. Tăng cường quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia**/ Nguyễn Văn Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Xăng dầu thành phẩm và dầu thô (sau đây gọi chung là xăng dầu) là các mặt hàng thuộc nhóm Nhiên liệu trong Danh mục hàng dự trữ quốc gia theo quy định pháp luật về dự trữ quốc gia. Đây là một trong những nhóm hàng dự trữ vừa mang tính chiến lược (đáp ứng mục tiêu chiến lược phục vụ an ninh, quốc phòng), vừa mang tính thiết yếu (đáp ứng yêu cầu cấp thiết cho sản xuất và đời sống nhân dân). Trong bối cảnh nhu cầu về nhiên liệu ngày càng tăng, an ninh năng lượng còn nhiều thách thức khó lường; dịch bệnh, chiến tranh thương mại và xung đột vũ trang còn diễn biến phức tạp trên thế giới; nguồn cung nhiên liệu trong nước còn phụ thuộc vào thị trường thế giới... đòi hỏi Việt Nam cần có giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường dự trữ quốc gia về xăng dầu và nâng cao hiệu quả quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia.

**Từ khoá**: Năng lượng, quản lý, xăng dầu dự trữ quốc gia

**100. Thị trường chứng khoán Việt Nam khẳng định kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế**/ Trần Văn Dũng// Tài chính .- 2021 .- Số 744 + 745.- Tr. 66 – 68.

**Nội dung:** Trải qua 20 năm hình thành và phát triển, thị trường chứng khoán Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện, khẳng định là kênh dẫn vốn quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Bước sang tuổi 20, trong bối cảnh dịch bệnh covid 19 tác động sâu rộng đến kinh tế xã hội thế giới và Việt Nam, nhưng với những nổ lực từ phía chính phủ và các cơ quan quản lý, với sự tích lũy nội tại qua 20 năm, thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì hoạt động ổn định và phục hồi nhanh, tích cực.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, huy động vốn, kinh tế

**101. Thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển**/ Vũ Thị Như Quỳnh// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.60- 64.

**Nội dung**: Sản phẩm tài chính xanh, trong đó có trái phiếu xanh đang dần trở thành công cụ hữu hiệu của các quốc gia trong việc thu hút vốn cho những dự án gắn liền với môi trường. Không nằm ngoài xu thế đó, Việt Nam cũng xem xét sử dụng trái phiếu xanh là kênh để huy động vốn quan trọng cho tăng trưởng bền vững. Bài viết phân tích, làm rõ khái niệm trái phiếu xanh; đánh giá những cơ hội, thách thức trong phát triển thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp nhằm phát triển thị trường này theo hướng bền vững hơn trong tình hình mới.

**Từ khoá:** Thị trường trái phiếu xanh, huy động vốn, thị trường trái phiếu, tài chính xanh

**102. Thống kê Bayes và ứng dụng trong dự báo giá chứng khoán của các ngân hàng - công ty tài chính ở Việt Nam**/ Lê Thanh Hoa, Nguyễn Phát Đạt, Phạm Thế Bảo// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 40-63.

**Nội dung**: Dự báo là một vấn đề rất được quan tâm, tức là ở thời điểm hiện tại sẽ dự báo thời điểm tương lai, đặc biệt trong các ứng dụng trong kinh tế - tài chính. Một khi dự báo tốt, kết quả dự báo sẽ hữu ích cho các doanh nghiệp đưa ra các chính sách quản lý cũng như các nhà đầu tư tối đa lợi nhuận. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 242/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu thị trường chứng khoán đến năm 2020 đòi hỏi các công ty phải chuẩn hóa hoạt động nghiệp vụ kinh doanh, báo cáo chính xác và minh bạch theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhờ các thông tin minh bạch, các nhà đầu tư có đầy đủ các thông tin giúp đưa ra các quyết định đầu tư góp vốn hiệu quả nhất. Thật vậy, thông qua việc các nhà đầu tư có các thông tin tiên nghiệm chính xác, một phần trong thống kê Bayes bên cạnh thông tin hàm hợp lý từ các giá trị quá khứ, sẽ đưa ra kết quả dự báo phù hợp với thực tế hơn nên chính xác hơn. Các bài toán dự báo ngắn hạn thường tại thời điểm t sẽ dự báo thời điểm ngay sau đó là (t+1), trong khi đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nhà đầu tư cần phải dự báo đến thời điểm (t+3), thời điểm nhà đầu tư mới có thể giao dịch cổ phiếu mới mua, tức là nhà đầu tư mở rộng hơn kết quả dự báo nhằm lường trước các rủi ro có thể xảy ra. Hơn thế nữa, khi thị trường chứng khoán liên tục có các tin tức cập nhật nên các các tham số dự báo được coi như là hằng số không còn phù hợp. Chính vì vậy, trong bài báo này có tín hiệu tốt khi chúng tôi ứng dụng thống kê Bayes trong bài toán dự báo giá chứng khoán của các ngân hàng thương mại và công ty tài chính trong khoảng thời gian đủ dài, đến thời điểm (t+3) với kết quả dự báo khoảng đúng khá cao 89.02% (dự báo khoảng với xác suất 68%).

**Từ khoá**: Thống kê Bayes, dự báo giá chứng khoán, mã chứng khoán ngân hàng, công ty tài chính

**103. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Lê Xuân Sang//Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 38 – 41.

**Nội dung:** Sau hơn ba thập niên mở cửa, Việt Nam đã đạt được không ít thành tựu về lượng trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nguồn vốn FDI đóng góp lớn trong tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư, xuất nhập khẩu, thu ngân sách địa phương và tạo việc làm. Tuy vậy, thực tế cũng cho thấy một số vấn đề đặt ra như: nguồn vốn FDI vào Việt Nam chưa đạt như kỳ vọng; những ưu đãi mà các doanh nghiệp khu vực FDI, nhất là các công ty xuyên quốc gia được hưởng là rất lớn. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu đối với Việt Nam là cần phải đổi mới, điều chỉnh chính sách thu hút FDI trong bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Đầu tư, vốn đầu tư, FDI, kinh tế, doanh nghiệp

**104. Thúc đẩy thị trường tài chính tiêu dùng phát triển lành mạnh, bền vữ**ng/ Lê Thị Thanh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.147 - 152.

**Nội dung:** Tài chính tiêu dùng được nhiều quốc gia coi là chỉ số để định hướng điều hành kinh tế và điều hành sản xuất, bởi đây là chỉ số có ý nghĩa rất lớn. Nếu phát triển lĩnh vực tài chính tiêu dùng thì sản xuất sẽ phát triển. Tại Việt Nam, thị trường tài chính tiêu dùng được đánh giá là một lĩnh vực rất giàu tiềm năng vì nhu cầu lớn. Bài viết trao đổi về tiềm năng phát triển của lĩnh vực tài chính tiêu dùng, những tồn tại hạn chế và đưa ra một số đề xuất nhằm thúc đẩy thị trường tài chính tiêu dùng phát triển lành mạnh, bền vững tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Thị trường tài chính tiêu dùng, tổ chức tín dụng, tiếp cận vốn

**105. Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**/ Vũ Sỹ Cường/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747.- Tr. 22 – 25.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá khái quát về tình hình cân đối ngân sách nhà nước năm 2020 và đưa ra những vấn đề đặt ra khi thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

**Từ khóa:** Kinh tế, dự toán ngân sách nhà nước, dịch covid 19, chính sách tài khóa

**106. Thực trạng phát triển dịch vụ tài chính bao thanh toán ở Việt Nam**/ Hoàng Thị Minh Châu// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Bao thanh toán không phải nghiệp vụ ngân hàng truyền thống nhưng đã được thực hiện nhiều năm qua trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam, bao thanh toán vẫn còn khá mới mẻ, chưa quen thuộc đối với các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp trong nước, do đó có thể coi đây là một sản phẩm tài chính hiện đại trên thị trường Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng, thanh toán, bao thanh toán, tài chính

**107. Thực trạng thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Thuận lợi, khó khăn và hàm ý chính sách/** Võ Thị Hồng Lan//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư tại Việt Nam, làm rõ những thuận lợi và khó khăn và gợi ý các hàm ý chính sách nhằm cải thiện hoạt động thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nâng cao nguồn vốn, đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời kỳ hội nhập.

**Từ khóa:** Nguồn vốn đầu tư nước ngoài, Việt Nam

**108. Thực trạng và giải pháp giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vay nước ngoài/**Nguyễn Thùy Hương//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 49 – 51.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tình hình giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vốn vay nước ngoài và đưa ra giải pháp nhằm phát huy hiệu quả của vốn đầu tư công từ nguồn vay nước ngoài.

**Từ khóa:** Quản lý nguồn vay nước ngoài, giải ngân vốn đầu tư công

**109. Thực trạng và giải pháp giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vay nước ngoài**/ Nguyễn Thị Thuỳ Dương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tình hình giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vốn vay nước ngoài và đưa ra giải pháp nhằm phát huy hiệu quả của vốn đầu tư công từ nguồn vay nước ngoài.

**Từ khoá**: giải ngân, vốn đầu tư công, nguồn vay nước ngoài

**110. Thực trạng và giải pháp phát triển dịch vụ tài chính số tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Tâm// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.58 - 61.

**Nội dung:** Tác động của đại dịch Covid-19 đặt ra yêu cầu cần tăng cường, thúc đẩy sử dụng các dịch vụ tài chính số, đảm bảo sự hoạt động liên tục của hệ thống tài chính, đồng thời góp phần đảm bảo sự an toàn cần thiết cho người dân. Bài viết nghiên cứu các sản phẩm dịch vụ tài chính số hiện nay; nhận diện những rủi ro, thách thức của loại hình dịch vụ tài chính số này và nêu ra giải pháp, thúc đẩy phát triển dịch vụ tài chính số trong trạng thái bình thường mới.

**Từ khoá:** Dịch vụ, tài chính số, đại dịch Covid-19, chi phí

**111. Tiền mã hoá và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, giám sát**/ Nguyễn Thế Bính// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Sự xuất hiện các đồng tiền mã hoá như đồng Bitcoin, Ethereum hay đồng Diem trong giao dịch và thanh toán đã, đang tạo ra những thay đổi trong quan niệm truyền thống về tiền tệ, cũng như đặt ra những thách thức đối với hệ thống thanh toán và chính sách tiền tệ quốc gia. Mặc dù, chưa được nhiều nền kinh tế chính thức công nhận là đơn vị tiền tệ trong giao dịch và thanh toán, nhưng những đồng tiền mã hoá, nhất là đồng Bitcoin, vẫn đang được giao dịch rộng rãi trên phạm vi toàn cầu. Vấn đề đặt ra là cần phải làm gì trong quản lý, giám sát các giao dịch tiền mã hoá nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các giao dịch bất hợp pháp góp phần đảm bảo an ninh tài chính và hệ thống thanh toán quốc gia.

**Từ khoá**: Tiền điện tử, tiền mã hóa, Bitcoin

**112. Tiền kỹ thuật số của NHTW : kinh nghiệm toàn cầu**/ TS. Nguyễn Đình Trung// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 15(576) .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Tiền NHTW; Thách thức số hóa; tác động của địa dịch; Các mô hình CBDC bán lẻ; Sand box cho CBDC.

**Từ khóa**: tiền kỹ thuật số, NHTW, CBDC

**113. Tiền kỹ thuật số pháp định và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thế Bính// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 15(576) .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm tổng hợp, phân tích một cách hệ thống và đầy đỷ những vấn đề liên quan đến đồng tiền, qua đó cung cấp thêm các bằng chứng thực tiễn cho công tác quản lý, điều hành.

**Từ khóa**: Tiền kỹ thuật số, ngân hàng trung ương, CBDC

**114. Tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế và giáo dục trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**/ PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ, TS. Hy Thị Hải Yến// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế và giáo dục, từ đó đưa ra một số đề xuất và gợi ý chính sách để góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị ở hai lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Từ khoá**: Tự chủ tài chính, y tế, giáo dục, tỉnh Cao Bằng

**115. Ứng dụng điện toán đám mây trong xây dựng chính phủ số ở một số nước**/ Nguyễn Lan Phương, Nguyễn Quang Đồng// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Chính phủ số là quá trình tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào các lĩnh vực, nâng cao hiệu quả vận hành, giúp phục vụ người dân và quản trị quốc gia hiệu quả hơn. Thời gian qua, Việt Nam đã đầu tư nguồn lực lớn vào xây dựng Chính phủ điện tử để hướng tới phát triển Chính phủ số. Bài viết khái quát việc xây dựng chính sách ứng dụng điện toán đám mây gắn với phân loại dữ liệu trong xây dựng Chính phủ số của một số quốc gia, từ đó đưa ra những khuyến nghị cho Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khoá**: Ứng dụng điện toán đám mây, chính phủ số, công nghệ thông tin

**116. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xếp hạng tín dụng tại Việt Nam : triển vọng và trở ngại**/ Nguyễn Thị Hồng Vinh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 17(578) .- Tr. 32-37.

**Nội dung:** Trình bày những triển vọng cũng như trở ngại của việc ứng dụng công nghệ AI trong chấm điểm tín dụng; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cung cấp sự giám sát đối với việc chấm điểm tín dụng bằng công nghệ để đảm bảo quá trình này minh bạch, chính xác và công bằng.

**Từ khoá**: Công nghệ nhân tạo, dữ liệu lớn, xếp hạng tín dụng, Việt Nam

**117. Ứng dụng và phát triển công nghệ tài chính tại Việt Nam**/ Vũ Thi Ánh Tuyết, Vũ Thị Thanh Thủy// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.54 - 57.

**Nội dung:** Công nghệ tài chính là thuật ngữ không còn xa lạ với lĩnh vực tài chính. Cùng với sự phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0, ngày càng nhiều người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ công nghệ tài chính. Tuy nhiên, đi cùng với những cơ hội phát triển, công nghệ tài chính tại Việt Nam vẫn còn không ít khó khăn, thách thức. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công nghệ tài chính tại Việt Nam trong những năm qua, bài viết đề xuất một số giải pháp phát triển lĩnh vực này.

**Từ khoá**: Công nghệ tài chính, phát triển công nghệ số, kỹ thuật số

**118. Vai trò của bảo hiểm tiền gửi trong phát triển sớm tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi yếu kém**/ Hải Nam// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 28-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu, đề xuất quy định cụ thể vai trò, nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát đặc biệt, cũng như cơ chế phối hợp giữa bảo hiểm tiền gửi và ngân hàng nhà nước khi phát hiện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nguy cơ mất khả năng chi trả. Đồng thời, bảo hiểm tiền gửi cần tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp, cung cấp thông tin và các cơ quan liên quan, xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu đầy đủ nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

**Từ khóa**: bảo hiểm tiền gửi, ngân hàng nhà nước

**119. Vai trò của chính sách an toàn vĩ mô trong việc ổn định hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ Đỗ Thu Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 46 – 48.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp thống kế mô tả để diễn đạt mối quan hệ giữa nguồn vốn FDI với các kết quả của tăng trưởng kinh tế nhằm đánh giá những tác động nổi bật đồng thời đề xuất những khuyến nghị nhằm đẩy mạnh thu hút FDI ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, kinh tế vĩ mô

**120. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển công nghệ tại Việt Nam**/ Mai Hương Giang, Bùi Huy Trung// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.141 - 143.

**Nội dung:** Hơn 30 năm qua, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều bất cập hạn chế. Dòng vốn FDI vào lĩnh vực công nghệ cao vẫn còn rất khiêm tốn so với tiềm năng. Bài viết làm rõ vai trò của FDI, đồng thời, chỉ ra những khó khăn, thách thức, từ đó đề xuất giải pháp thu hút hiệu quả nguồn vốn và phát triển công nghệ cao trong tương lai.

**Từ khoá:** Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh nghiệp, công nghệ cao

**121. Vai trò của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/ Ngô Thanh Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 40 – 42.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp thống kế mô tả để diễn đạt mối quan hệ giữa nguồn vốn FDI với các kết quả của tăng trưởng kinh tế nhằm đánh giá những tác động nổi bật đồng thời đề xuất những khuyến nghị nhằm đẩy mạnh thu hút FDI ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, vốn FDI

**122. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Huỳnh Giao, Nguyễn Thị Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn FDI không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế TP.HCM. Nguyên nhân là do lượng vốn FDI thu hút và thực hiện có cải thiện nhưng giá trị gia tăng và đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng còn thấp. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khuyến nghị thu hút và giải ngân dòng vốn FDI một cách hiệu quả gắn với mục tiêu chung về duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố.

**Từ khóa**: vốn đầu tư nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế

**123. Xu hướng chuyển đổi số quốc gia và những vấn đề đặt ra đối với ngành tài chín**h/ Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Hồng Đoàn, Nguyễn Cương// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.6 - 9.

**Nội dung:** Xác định cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là thời cơ để Việt Nam bắt kịp cùng các nước phát triển trong chuyển đổi số, trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm kiến tạo môi trường, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong cả 3 lĩnh vực: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Bài viết nhận diện xu hướng chuyển đổi số quốc gia, từ đó gợi mở những vấn đề đặt ra đối với ngành Tài chính trong tiến trình chuyển đổi sang nền tài chính số hiện đại.

**Từ khoá:** Chuyển đổi số quốc gia, ngành Tài chính, Tài chính số, chính phủ số, kinh tế số.

**124. Xu hướng tích hợp các dịch vụ tài chính: Lý thuyết đến thực tiễn tại một số quốc gia và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Đào Minh Phúc, Vũ Mai Chi// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.8 - 15.

**Nội dung:** Tích hợp các dịch vụ tài chính (Financial Services Intergration) đã được các quốc gia quan tâm từ đầu những năm 90 (OECD - 1992, 1993), đến năm 1999 nhóm các quốc gia G10 đã nghiên cứu mô hình tích hợp tài chính của các quốc gia này, cộng thêm Úc và Tây Ban Nha. Sau khủng hoảng tài chính 2008, sự tích hợp ngày càng tăng trên cả 3 lĩnh vực ngân hàng, chứng khoáng và bảo hiểm nên chủ đề này đã được sự quan tâm rộng rãi trong cả giới học thuật và kinh doanh. Tại Việt Nam, tích hợp tài chính mới chỉ diễn ra trong lĩnh vực ngân hàng và bảo hiểm( bancassurance). Do đó, để có cái nhìn tổng quan về vấn đề này, bài viết sẽ đưa ra lý luận chung, kinh nghiệm các quốc gia phát triển và khuyến nghị với Việt Nam trong quá trình đổi mới, tích hợp các dịch vụ tài chính.

**Từ khoá:** Dịch vụ tài chính, tích hợp các dịch vụ tài chính

**125. Yêu cầu và giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2021**/ Nguyễn Quang Huy// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Trình bày Mục tiêu phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công; Yêu cầu đặt ra trong tổ chức thực hiện; Giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

**Từ khoá:** Đầu tư công, giải ngân vốn đầu tư, ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế, mục tiêu kép

**NGÂN HÀNG**

**1. Agribank đưa dịch vụ ngân hàng đến từng hộ dân**/ Nguyên Vũ// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Là ngân hàng hoạt động chủ lực trên địa bàn nông nghiệp, nông thôn, được ví như ngân hàng của nhà nông, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nống thôn Việt Nam (Agribank) đã và đang nỗ lực không mệt mỏi đưa dịch vụ tài chính, ngân hàng đến với từng thôn, xã, từng gia đình địa bàn nống thôn, cùng ngành Ngân hàng hiện thực hóa Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia.

**Từ khoá**: Ngân hàng, Dịch vụ tài chính, Người dân, Thanh toán không dùng tiền mặt

**2. Áp dụng định danh điện tử tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phạm Thị Thái Hà// Tài chính .- 2021 .- Số756 .- Tr. 80 – 82.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về định danh điện tử trong lĩnh vực ngân hàng và thực tiễn áp dụng định danh điện tử tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Định danh điện tử, eKYC, thanh toán trực tuyến, ngân hàng thương mại

**3. Áp dụng mô hình COSO trong hoạt động kiểm soát, kiểm toán quỹ tín dụng nhân dân**/ Trương Hồng Quang// Ngân hàng .- 2021 .- Số 12(6/2021) .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Việc nghiên cứu, áp dụng chuẩn mực quốc tế để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các quỹ tín dụng nhân dân hiện nay sẽ góp phần giúp QTDND phát huy hiệu quả quản lý rủi ro, bảo đảm tính bền vững và ổn định trong quản trị và điều hành, hạn chế các rủi ro trọng yếu, ngăn chặn tình trạng mất an toàn trong hoạt động và thất thoát tài sản. Bài viết đề cập đến vấn để hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ ở các QTDND hiện nay, từ đó đề xuất nghiên cứu ứng dụng mô hình co so nhằm nâng cao chất lượng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của các QTDND

**Từ khóa**: Áp dụng, Mô hình COSO, Hoạt động kiểm soát, Kiểm toán, Quỹ tín dụng nhân dân

**4. Các biện pháp pháp lý nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam**/ Phan Ngọc Hà// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4(47) .- Tr. 125-130.

**Nội dung:** Trong hoạt động ngân hàng tín dụng được đánh giá là một trong các loại nghiệp vụ có độ rủi ro cao nhất. Bên cạnh đó ngân hàng thương mại cổ phần còn đối mặt với nhiều loại rủi ro lạm phát, thị trường, lãi suất, hối đoái, tái đầu tư, thanh khoản, chính sách, … Tùy nhiên những năm gần đây là rủi ro tín dụng. Từ tình hình thực tế đưa ra một số biện pháp pháp lý nhằm hạn chế rủi ro tín dụng ngân hàng.

**Từ khóa:** Rủi ro, ngân hàng thương mại, tín dụng, pháp lý

**5. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại nhà nước ở Việt Nam hiện nay**/ Đặng Thị Minh Nguyệt, Phạm Thu Trang, Nguyễn Bích Ngọc// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Trong bài biết, nhóm tác giả tìm kiếm các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối với bộ dữ liệu từ năm 2005 đến năm 2020.

**Từ khoá**: hiệu quả kinh doanh, ngân hàng, FEM, REM, yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh

**6. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam**/ GS.TS. Nguyễn Văn Tiến, ThS. Đỗ Phú Đông// Ngân hàng .- 2021 .- Số 16(Tháng 08) .- Tr. 17-23.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, bộ dữ liệu nghiên cứu lấy mẫu từ 30 ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động tại Việt Nam và thời gian nghiên cứu 9 năm từ 2012 đến 2020.

**Từ khóa**: Yếu tố, lợi nhuận, ngân hàng thương mại cổ phần, GLS

**7. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực chuyên môn của cán bộ quỹ tín dụng nhân dân**/ ThS. Lê Văn Hinh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 26-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến năng lực chuyên môn của cán bộ quỹ tín dụng nhân dân, tác giả khuyến nghị cải tiến phương pháp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quỹ tín dụng nhân dân để nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ và phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trong dài hạn.

**Từ khóa**: quỹ tín dụng nhân dân, năng lực chuyên môn, phát triển nghề nghiệp

**8. Cảm nhận của người lao động về mức độ công bằng trong trả lương tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Bùi Đức Thịnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 109-111.

**Nội dung**: Bài viết phân tích cảm nhận của người lao động về mức độ công bằng trong trả lương tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng hỏi để thu thập thông tin, Nghiên cứu điều tra 155 người lao động tại 4 ngân hàng thương mại cổ phần tại Hà Nội trong năm 2020. Các nhân tố tác động chính đến cảm nhận của nhân viên về mức độ công bằng trong trả lương. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công bằng trong trả lương đối với nhân viên các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Từ khóa**: người lao động, lương, ngân hàng thương mại

**9. Chính sách, pháp luật về ứng phó với rủi ro xã hội của hệ thống ngân hàng trong đại dịch covid-19**/ TS. Viên Thế Giang, ThS. Võ Thị Mỹ Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Rủi ro xã hội trong hoạt động ngân hàng: Bản chất và phạm vi ảnh hưởng; Đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng của tổ chức tín dụng từ khía cạnh rủi ro xã hội.

**Từ khóa**: ngân hàng, hoạt động ngân hàng, dịch vụ ngân hàng, tín dụng, dịch covid-19

**10. Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt trong quản trị dòng tiền tại tập đoàn TKV**/ Dương Thị Nhàn// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.88 - 92.

Nội dung: Bài viết nghiên cứu về chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của doanh nghiệp - điểm mấu chốt trong quản trị dòng tiền của doanh nghiệp. Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của doanh nghiệp cho biết tiềm lực của doanh nghiệp đó và khả năng chuyển đổi tiền mặt thành nhiều tiền mặt hơn trong thời gian nhanh hay chậm.Qua phân tích thực trạng chu kỳ chuyển đổi tiền mặt tại các công ty khai thác than thuộc Tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) bài viết làm rõ vai trò của hoạt động này trong doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, quản trị dòng tiền, TKV.

**11. Chuyển đổi số: xu thế phát triển tất yếu của ngân hàng bán lẻ**/ Phạm Thị Hồng Minh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 4 – 6.

**Nội dung:** Trình bày hiện trạng hoạt động và xu thế phát triển của ngân hàng bán lẻ trong bối cảnh hình thành nền kinh tế số.

**Từ khóa:** Ngân hàng bán lẻ, kinh tế số

**12. Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số đối với ngân hàng Việt Nam**/ Phan Thị Hoàng Yến, Nguyễn Thúy Hằng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 12(573) .- Tr. 27-31.

**Nội dung:** Khái quát về chuyển đổi số và vai trò của chuyển đổi số đối với ngành ngân hàng; thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng Việt Nam; cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số đối với ngành ngân hàng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, ngân hàng, chuyển đổi số, công nghệ số

**13. Cơ hội và thách thức trong phát triển ngân hàng số tại Việt Nam**/ Nguyễn Lê Hưng// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã, đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, ngân hàng số là xu hướng mới được triển khai ở nhiều nước trên thế giới và đang là lựa chọn hàng đầu của các ngân hàng Việt Nam.Tuy nhiên, thực tế triển khai chuyển đổi, phát triển ngân hàng số tại Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức về mặt pháp lý, công nghệ và nhân lực. Bài viết này nhằm đánh giá về phát triển ngân hàng số và thực trạng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá:** Ngân hàng số, phát triển ngân hàng số, công nghệ số

**14. Đảm bảo an toàn thông tin khách hàng, ngăn ngừa rủi ro trong giao dịch ngân hàng điện tử**/ Đặng Thị Phượng// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.172 - 176.

**Nội dung:** Theo cảnh báo của các chuyên gia an ninh mạng, với sự bùng của công nghệ số nói chung và ngân hàng số nói riêng, tình trạng lừa đảo ăn cắp thông tin khách hàng để chiếm đoạt tài sản trong giao dịch ngân hàng điện tử sẽ có xu hướng tăng mạnh. Trên cơ sở nghiên cứu các vụ việc gần đây và các cảnh báo của cơ quan chức năng, của hệ thống ngân hàng, tác giả hệ thống hóa một số thủ đoạn lừa đảo, gian lận phổ biến trong giao dịch ngân hàng điện tử, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm đảm bảo an toàn thông tin khách hàng, ngăn ngừa rủi ro trong giao dịch ngân hàng điện tử.

**Từ khoá:** Giao dịch ngân hàng, ngân hàng điện tử, thông tin khách hàng, hành vi lừa đảo

**15. Đánh giá vốn chủ sở hữu và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Huỳnh Thị Hương Thảo// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 19(580) .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Nêu thực trạng và tác động của vốn chủ sở hữu đối với hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó đưa ra một số gợi ý nhằm tăng trưởng vốn chủ sở hữu để nâng cao hiệu quả tài chính của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Vốn chủ sở hữu, ngân hàng thương mại, hiệu quả tài chính

**16. Digital marketing trong ngân hàng - kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Phan Thị Hoàng Yến, ThS. Trần Hải Yến// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 15(576) .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc phát triển digital marketing và đưa ra một số gợi ý cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa**: Digital marketing, marketing ngân hàng, ngân hàng thương mại

**17. Định hướng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/Nguyễn Thị Hương// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.78 - 81.

**Nội dung:** Hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng đóng vai trò quan trọng, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trong hoạt động của các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, trên thực tế, các ngân hàng thương mại đều khó khăn trong việc thiết lập và vận hành hệ thống này, mặc dù đã có quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Bài viết đề xuất giải pháp cho các ngân hàng thương mại Việt Nam hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các thông lệ quốc tế được thừa nhận.

**Từ khoá:** Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát nội bộ, ngân hàng thương mại

**17. Đổi mới cơ chế nhằm nâng cao tự chủ tài chính của Ngân hàng phát triển Việt Nam/** Nguyễn Cảnh Hiệp, Đặng Thị Minh Nguyệt// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 12(573) .- Tr. 37-42.

**Nội dung**: Phân tích tình hình tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ khi thành lập đến hết năm 2020, chỉ ra những nguyên nhân về cơ chế dẫn tới tình hình thâm hụt tài chính trong năm năm gần đây. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số cơ chế mà các cơ quan quản quản lý Nhà nước cần thực hiện nhằm giảm tình trạng thâm hụt và nâng cao tự chủ về tài chính của ngân hàng này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Cơ chế tài chính, thâm hụt tài chính, tự chủ tài chính, ngân hàng Phát triển Việt Nam

**18. Giả thuyết dòng tiền tự do: không phải lúc nào cũng được thừa nhận**/ Trần Quang Chung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.100 - 102.

**Nội dung:** Giả thuyết dòng tiền tự do đặt trong mối quan hệ với lý thuyết đại diện cho rằng luôn tồn tại mâu thuẫn lợi ích giữa các nhà quản lý và cổ đông của doanh nghiệp, khi các doanh nghiệp có dòng tiền tự do dư thừa lớn, các nhà quản lý và cổ đông của doanh nghiệp, khi các doanh nghiệp dòng tiền tự do dư thừa lớn, các nhà quản lý có xu hướng sử dụng dòng tiền này vào các dự án mức sinh lời không cao, thậm chí là âm thay vì phân phối cho các cổ đông, điều này đã làm tăng chi phí đại diện, và qua đó làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đã có những nghiên cứu chỉ ra rằng, doanh nghiệp có dòng tiền tự do cao hoạt động hiệu quả hơn những doanh nghiệp có giá trị dòng tiền tự do thấp. Từ đó cho thấy, tác động của dòng tiền tự do tới hiệu quả của hoạt động doanh nghiệp không phải lúc nào cũng tuân theo giả thuyết dòng tiền tự do.

**Từ khoá:** Dòng tiền tự do, doanh nghiệp

**19. Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro theo Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Phan Hữu Việt, PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, TS. Nguyễn Thanh Nhàn // Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 12-19.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng triển khai quản trị rủi ro theo Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro theo Basel II cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa**: quản trị rủi ro, Basel II, ngân hàng thương mại

**20. Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên/**Chu Thị Thức, Lê Thu Hoài//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Võ Nhai và một số giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khóa:** Chất lượng tín dụng, Ngân hàng chính sách, Thái Nguyên

**21. Giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng ở Việt Nam**/ Phạm Thị Minh Nguyệt// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.51 - 53.

**Nội dung:** Để phân phối sản phẩm bảo hiểm đến với khách hàng, các công ty bảo hiểm sử dụng các kênh phân phối rất đa dạng như: Đại lý, môi giới, bảo hiểm liên kết ngân hàng (bancassurance)…Trong đó, bancassurance là kênh phân phối tiềm năng, với sự tăng trưởng mạnh mẽ và đóng góp tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm ngày càng cao. Bài viết này đánh giá thực tiễn hoạt động phân phối sản phẩm bảo hiểm qua kênh bancassurance ở Việt Nam và đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động bancassurance phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Bancassurance, ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm

**22. Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực ngân hàng**/ Phạm Huyền Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 76 – 79.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về thực tiễn phát triển ngân hàng số tại Việt Nam từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực ngân hàng trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Ngân hàng số, dịch vụ ngân hàng, chiến lược kinh doanh

**23. Gửi tiết kiệm ngân hàng vẫn là kênh đầu tư sinh lời và an toàn trong bối cảnh hiện nay/** Tôn Thanh Tâm, Trần Việt Hương// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 11(572) .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Bài viết phân tích một số điểm cần lưu ý trong năm 2021 cũng như trong trung và dài hạn đối với một vài lĩnh vực đầu tư cơ bản đang được phần lớn người dân lựa chọn đó là chứng khoán, bất động sản, tiền kỹ thuật số, vàng và tiền gửi tiết kiệm ngân hàng.

**Từ khoá:** Chứng khoán, bất động sản, tiền kỹ thuật số, tiền gửi tiết kiệm, kênh đầu tư

**24. Hệ thống ngân hàng Tây Ninh đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**/ Đào Văn Công// Ngân hàng .- 2021 .- Số 12(6/2021) .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Trong thời gian qua, hoạt động của hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã phát triển nhanh và khá toàn diện; số lượng các tổ chức tín dựng (TCTD) và quy mô tín dụng tăng lên; các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng ngày càng đa dạng, hiện đại, chất lượng được nâng lên. Hoạt động của các TCTD tuân thủ đúng quy định pháp luật, phát triển an toàn, lành mạnh, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp... qua đó, đã đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tình.

**Từ khóa**: Hệ thống ngân hàng, Đóng góp tích cực, Phát triển, Kinh tế, Xã hội

**25. Hệ thống ngân hàng Việt Nam trong đại dịch Covid - 19/** Đào Thị Thanh Tú// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 4 - 6.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào việc phân tích thực trạng của hệ thống ngân hàng trong đại dịch, làm cơ sở đưa ra các khuyến nghị giúp các ngân hàng ứng phó với những khó khăn và tiếp tục hoạt động hiệu quả trong giai đoạn bình thường mới.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại Việt Nam, đại dịch Covid - 19

**26. Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trước xu hướng chuyển đổi số**/ TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 17(Tháng 09) .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của quỹ tín dụng nhân dân; Cơ hội và thách thức của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trước xu hướng chuyển đổi số; Định hướng phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trong thời kỳ chuyển đổi số; Một số đề xuất, kiến nghị để phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

**Từ khóa**: quỹ tín dụng nhân dân, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

**27. Hệ thống tiêu chí xếp hạng các tổ chức tín dụng : thông lệ quốc tế và giải pháp hoàn thiện**/ Cục giám sát an toàn hệ thống các TCTD - Cơ quan TTGSNH - Ngân hàng nhà nước Việt Nam// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 07-11.

**Nội dung**: Bài viết phân tích khái quát về: Điểm tương đồng giữa hệ thống tiêu chí xếp hạng của Việt Nam và quốc tế; Khác biệt và nguyên nhân; qua đó, nêu một số giải pháp hoàn thiện hệ thống tiêu chí xếp hạng các tổ chức tín dụng.

**Từ khoá**: Giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xếp hạng các tổ chức tín dụng

**28. Hiện tượng rủi ro cam kết và kỹ thuật ngăn ngừa, kiểm soát trong hoạt động tín dụng ngân hàng**/ Đào Văn Chung// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 11(572) .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Chỉ ra các loại hình của rủi ro cam kết nợ trong cấp tín dụng, hậu quả, nguyên nhân và phương pháp nhận diện loại hình rủi ro này, từ đó phân tích các kỹ thuật nhận diện để đề xuất các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu các hiện tượng qua các khâu cấp tín dụng.

**Từ khoá**: Ngân hàng, tín dụng, rủi ro tín dụng, rủi ro cam kết, kiểm soát rủi ro

**29. Hoạt động cho vay ưu đãi bảo vệ môi trường tại Việt Nam : Thực trạng và một số khuyến nghị**/ ThS. Dương Thị Phương Anh, ThS. Lê Hải Lâm// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Nhằm mục đích đánh giá thực trạng và đưa ra một số khuyến nghị, bài viết được thực hiện thông qua thu thập kết quả hoạt động cho vay ưu đãi của 48 Quỹ bảo vệ môi trường tại Việt Nam.

**Từ khóa**: cho vay ưu đãi, đầu tư bảo vệ môi trường, Quỹ bảo vệ môi trường, tài chính xanh

**30. Hoạt động của ngân hàng nhà nước Việt Nam trên thị trường ngoại tệ và một số hàm ý chính sách**/ GS.TS. Nguyễn Văn Tiến, ThS. Đỗ Phú Đông// Ngân hàng .- 2021 .- Số 16(Tháng 08) .- Tr. 11-16.

**Nội dung**: Bối cảnh và diễn biến tình hình của ngân hàng nhà nước Việt Nam trên thị trường ngoại tệ và một số hàm ý chính sách

**Từ khóa**: chính sách tỷ giá, tỷ giá giao ngay, tỷ giá kỳ hạn, Việt Nam

**31. Hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tại Việt Nam dưới khía cạnh chính sách, pháp luật về tín dụng ngân hàng**/ Trần Linh Huân// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 33-39.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng bị tạm ngừng hoạt động, đã có doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản do không đủ nguồn tài chính để duy trì.Trước tình hình đó, Nhà nước ta đã có những chính sách hỗ trợ tín dụng cụ thể cho các doanh nghiệp. Các chính sách này đã góp phần tích cực vào việc hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn trước mắt. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá về thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tại Việt Nam dưới khía cạnh chính sách, pháp luật, từ đó đé xuất một số kiến nghị tiép tục hoàn thiện.

**Từ khoá**: Hỗ trợ, Doanh nghiệp, Đại dịch Covid - 19, Tín dụng ngân hàng

**32. Khả năng tạo thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2007 - 2020 và hàm ý chính sách**/ Phạm Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Chu Thị Thanh Trang, Nguyễn Thị Bảo Ngọc// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Chức năng tạo thanh khoản là một trong hai chức năng hàng đẩu của hệ thống ngân hàng mọi nền kinh tế. Vì vậy, nghiên cứu tập trung vào phân tích chức năng nàỵ cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu công bố các phương pháp đo lường khả năng tạo thanh khoản, vận dụng tính toán cho từng ngân hàng thương mại Việt Nam, từng năm, xuyên suốt giai đoạn 2007 - 2020. Kết quả phân tích không chỉ cho phép phân hạng ngân hàng theo khả năng tạo thanh khoản, mà còn là cơ sở ban đẩu để khuyến nghị phát triển thị trường thứ cấp cho hoạt động tín dụng, giúp cải thiện thanh khoản của nhóm tài sản quan trọng nhưng kém tính lỏng này trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Basel, Chứng khoán hóa, Khả năng tạo thanh khoản, Chính sách, Việt Nam

**33. Khung pháp lý nhận diện và phân loại tài sản tài chính tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Hoa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 85-89.

**Nội dung**: Nhận diện và phân loại đóng vai trò quan trọng, trong quá trình kế toán tài sản tài chính (TSTC) của các ngân hàng thương mại (NHTM). TSTC được đo lường và ghi nhận ra sao, phụ thuộc vào việc chúng được phân vào loại nào và điều này sẽ quyết định giá trị của tài sản cũng như kết quả kinh doanh phát sinh từ tài sản. Do đó, sự nhất quán trong phân loại TSTC sẽ tạo ra sự nhất quán và tính so sánh được của thông tin tài chính giữa các ngân hàng. Trong bài viết này, tác giả tóm tắt thực trạng về khuôn khổ pháp lý, về phân loại TSTC tại các NHTM Việt Nam. Từ đó, đưa ra nhận xét và kiến nghị để hoàn thiện việc phân loại, góp phần nâng cao chất lượng và tính so sánh được của thông tin.

**Từ khoá**: Tài sản tài chính, Ngân hàng thương mại, Giá trị tài sản, Kinh doanh

**34. Kinh nghiệm cho vay ưu đãi bảo vệ môi trường của Hàn Quốc, Thái Lan và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam**/ Phạm Thị Hoàng Anh, Lê Hải Lâm// Thị trường Tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 16 .- Tr. 27-32.

**Nội dung**: Với sự hỗ trợ của các công cụ tài chính xanh. Thái Lan và Hàn Quốc là 2 quốc gia có nền phát triển kinh tế nhanh đi đôi với việc kiểm soát môi trường tốt. Trong khi Thái Lan sử dụng nguồn thu từ thuế xăng dầu để lập quỹ và dùng toàn bộ nguồn này để thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, đầu tư cho năng lượng tái tạo bào vệ môi trường; Hàn Quốc sử dụng kết hợp chính sách môi trường kèm theo các công cụ tài chính một cách đồng bộ không những góp phần cho công tác bảo vệ môi trường tốt hon mà còn khuyến khích hướng tới sự phát triển bền vừng. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động cho vay ưu đãi bão vệ môi trường tại Thái Lan và Hàn Quốc, từ đó rút ra các bài học và đề xuất một số khuyến nghị đối với hệ thống các Quỹ Bào vệ môi trường tại Việt Nam

**Từ khoá**: Kinh nghiệm, Cho vay ưu đãi, Bảo vệ môi trường, Khuyến nghị chính sách

**35. Kinh nghiệm của một số quốc gia về quản lý tài sản công và bài học cho Việt Nam**/ Tưởng Quốc Công// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 12(573) .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm của một số quốc gia về quản lý tài sản công và bài học cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh nghiệm, quản lý tài sản công, Việt Nam

**36. Kinh nghiệm sử dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tín dụng tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Tiến Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.88 - 90.

**Nội dung:** Trong xu hướng bùng nổ của cách mạng 4.0, trí tuệ nhân tạo đang dần thể hiện vai trò là công nghệ tiên phong đối với lĩnh vực ngân hàng nói chung và lĩnh vực tín dụng nói riêng. Công nghệ này đã được phát triển từ hơn 50 năm trước, tuy nhiên với sự tiến bộ của khoa học mấy tính, sự dồi dào về dữ liệu và nhu cầu của trị trường thì trí tuệ nhân tạo đang được phát triển một cachs mạnh mẽ và dần định hình cuộc chơi của các ngân hàng trong tương lai.

**Từ khoá:** Trí tuệ nhân tạo, ngân hàng thương mại, tín dụng

**37. Lợi nhuận ngân hàng 6 tháng đầu năm 2021 bức tranh đã hoàn chỉnh?**/ PGS.TS. Đỗ Hoài Linh, TS. Lại Thị Thanh Loan// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 14(575) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra góc nhìn tổng quan hơn về tình hình hoạt động của ngành ngân hàng trong 6 tháng đầu năm và những đánh giá bước đầu về năm 2021 cũng như giai đoạn sắp tới.

**Từ khóa**: lợi nhuận, ngân hàng, dự phòng rủi ro, chi phí, thu nhập từ lãi vay

**38. Mô hình nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Bình Thuận/**Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Ngọc Chiến//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 93- 95.

**Nội dung:** Bài viết phân tích tổng quát về sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ thông qua các công trình của các nhà nghiên cứu trước đây. Việc phân tích nội dung của các công trình khác nhau đã giúp chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng được các nhà nghiên cứu quan tâm và xây dựng được khung nghiên cứu lý thuyết. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Bình Thuận.

**Từ khóa:** Sự hài lòng của khách hàng, chất lượng dịch vụ tín dụng, ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

**39. Mối quan hệ giữa chính sách tiền tệ và mức chấp nhận rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phạm Thị Hoàng Anh, Lê Hải Lâm// Thị trường Tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 16 .- Tr. 33-38.

**Nội dung**: Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng của các quốc gia. Khủng hoàng đã thu hút sự chú ý của các nhà tạo lập chính sách và các nhà quản lý về mối liên hệ giữa chính sách tiền tệ (CSTT) với rủi ro của các ngân hàng thương mại (NHTM) nói riêng và sự ổn định của hệ thống tài chính nói chung. Trong bài viết này, các tác già đã khái quát những nghiên cứu trước đây về tác động của CSTT đến rủi ro của các NHTM, từ đó xây dựng mô hình định lượng để đánh giá tác động cùa CSTT đến rủi ro cùa các NHTM dựa ưên bộ dữ liệu dạng bàng cân đối (balanced panel data) của 12 ngân hàng trong khoảng thời gian từ quý 1/2010 đến quý IV/2019. Kết quà nghiên cứu cho thấy CSTT có tác động cùng chiều với rủi ro tín dụng (tỷ lệ nợ xấu) và tác động ngược chiều với rủi ro nói chung (Z-score) cùa các NHTM, cụ thể, khi CSTT nới lỏng được thực hiện sẽ làm cho rủi ro tín dụng của ngân hàng tàng, tuy nhiên rủi ro nói chung giảm.

**Từ khoá**: Môi quan hệ, Chính sách tiền tệ, Chấp nhận rủi ro, Ngân hàng thương mại

**40. Mô hình cho vay bán bán buôn trong tài chính vi mô ở các nước trên thế giới và gợi ý đối với Việt Nam**/ Hạ Thị Thiều Dao, Nguyễn Nhi Quang// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Bài viết hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về cho vay buôn bán và tổ chức cho vay buôn bán trong tài chính vi mô, đồng thời khái quát kinh nghiệm quốc tế về cho vay buôn bán, từ đó đưa ra một số gợi ý về mô hình cho vay buôn bán trong hoạt động tài chính vi mô tại Việt Nam.

**Từ khoá**: cho vay buôn bán, tài chính vi mô, tổ chức

**41. Một số đánh giá về khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi ngân hàng áp dụng Hiệp ước vốn Basal II**/ Trần Thị Ánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 111-113.

**Nội dung** : Bài viết bàn về nội dung: khái quát về mô hình nghiên cứu; đánh giá một ưu điểm và tồn tại trong khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh các ngân hàng thương mại áp dụng Hiệp ước vốn Basel II.

**Từ khóa**: tín dụng, tiếp cận tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng

**42. Một số khuyến nghị về thực hiện kiểm tra sức chịu đựng trong triển khai khung đánh giá an toàn vốn nội bộ của các NHTM tại Việt Nam**/ Lê Thanh Tùng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 19(580) .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Cơ sở lý luận về kiểm tra sức chịu đựng trong quá trình triển khai ICAAP tại Ngân hàng Thương mại (NHTM); Một số yêu cầu trong triển khai kiểm tra sức chịu đựng tại các NHTM Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Baasel II, kiểm tra sức chịu đựng, ngân hàng thương mại, ngân hang

**43. Một số ý kiến về lợi nhuận và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại hiện nay**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Mùi// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 14(575) .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Các ngân hàng thương mại công bố tình hình kết quả kinh doanh với chỉ tiêu lợi nhuận đa phần đạt khá cao cần có đánh gia toàn diện để tránh cái nhìn thiếu thiện cảm về hoạt động ngân hang.

**Từ khóa**: ngân hàng, lợi nhuận, lãi suất

**44. Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Cúc Hồng// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 116 – 118.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại các ngân hàng thương mại thành phố Hồ Chí Minh; Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Chất lượng dịch vụ, dịch vụ bán lẻ, ngân hàng thương mại cổ phần

**45. Nâng cao đạo đức của cán bộ ngân hàng: Bài học từ vụ bê bối của ngân hàng Wells Fargo**/ Trần Ngọc Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 75 – 77.

**Nội dung:** Bài viết phân tich vụ bê bối của ngân hàng Wells Fargo của Mỹ trong việc ép doanh số cán bộ ngân hàng và đối chiếu với những quy định của bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ ngân hàng tại Việt Nam. Sau cùng, một số giải pháp được đưa ra trong quá trình thực hiện bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong thực tiễn.

**Từ khóa: N**gân hàng Wells Fargo, đạo đức nhân viên

**46. Nâng cao hiệu quả huy động vốn ngân sách nhà nước trong công tác thi hành án dân sự tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Triệu Việt Quang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong công tác thi hành án dân sự để từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn ngân sách nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: huy động vốn, ngân sách nhà nước, án dân sự

**47. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bất động sản**/ Nguyễn Thúy Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Với mục tiêu tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết Việt Nam giai đoạn 2010-2019, nghiên cứu này phân tích hồi quy dữ liệu theo phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát (GLS) trên Eview. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố như: Quy mô doanh nghiệp; vòng quay khoản phải thu; vòng quay tổng tài sản; tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần và tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bất động sản Việt Nam. Ngược lại, cấu trúc vốn, tuổi doanh nghiệp và cấu trúc tài sản có tác động ngược chiều với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bất động sản Việt Nam.

**Từ khoá**: Khả năng sinh lời, doanh nghiệp, bất động sản, bình phương nhỏ nhất tổng quát

**48. Nhân tố tác động đến nợ xấu các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Phạm Quốc Hải, Lê Minh Huy// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 19-27.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá nợ xấu của 29 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn lớn nhất tại Việt Nam trong giai đoạn 2009-2019. Kết quả cho thấy nợ xấu năm trước, tỷ lệ đòn bẩy và tốc độ tăng trưởng tín dụng có tác động đến sự gia tăng nợ xấu của ngân hàng. Trong khi các nhân tố về tỷ lệ an toàn vốn và tỷ lệ dự phòng PRTD lại cho kết quả cùng chiều với nợ xấu. Từ các kết quả nghiên cứu sau khi thực nghiệm, các giải pháp liên quan dựa trên nhân tố trên được đề xuất hạn chế nợ xấu xuống mức thấp nhất có thể chấp nhận được.

**Từ khóa**: Rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại, nhân tố tác động, nợ xấu

**49. Nổ lực giảm lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại trong đại dịch COVID-19**/ Đỗ Thị Thủy// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 20(581) .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Phân tích thực tế lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại Việt Nma trước và từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, đồng thời gợi ý một số giải pháp cho vay của NHTM trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Lãi suất cho vay, ngân hàng, doanh nghiệp, đại dịch COVID-19

**50. Phát triển cho vay tiêu dùng tại ngân hàng Agribank Quảng Ng**ãi/ Đoàn Thị Thu Hương// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.100 - 103.

**Nội dung:** Khi nền kinh tế nỗ lực phục hồi thì tín dụng tiêu dùng sẽ góp phần kích thích tổng cầu, hỗ trợ tăng trưởng. Thời gian qua, dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và nhu cầu của người dân, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) đã đẩy mạnh các gói tín dụng tiêu dùng phục vụ nhu cầu chính đáng của người dân, với lãi suất hợp lý, thủ tục đơn giản và phù hợp quy định của pháp luật. Bài viết đánh giá thực trạng hoạt động cho vay tiêu dùng tại Agribank Quảng Ngãi giai đoạn 2017 –2019 và đưa ra khuyến nghị mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động này.

**Từ khoá:** Tiêu dùng, cho vay tiêu dùng, tiêu dùng cá nhân

**51. Phát triển hoạt động cho vay đối với mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp hiện nay/** Nguyễn Cảnh Hiệp// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 20(581) .- Tr. 23-27,31.

**Nội dung**: Tình hình cho vay đối với mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp những năm gần đây;một số vấn đề đặt ra trong phát triển hoạt động cho vay đối với mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp ; nguyên nhân giá tăng khu vực kinh tế chưa được quan sát;một số giải pháp nhằm kiểm soát hoạt động khu vực kinh tế chưa được quan sát.

**Từ khoá:** Cho vay, liên kết sản xuất, ngân hàng, nông nghiệp

**52. Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Thị Phương Thảo, Hoàng Thị Nguyệt// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 4 – 6.

**Nội dung:** Ngân hàng số đang là xu thế phát triển tất yếu trong bối cảnh ứng dụng các thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Ngân hàng số mang đến nhiều tiện ích và vai trò đối với cuộc sống hiện đại ngày nay. Thông qua ngân hàng số người dùng sẽ thực hiện được tất cả chức năng của một ngân hàng thông thường bằng hình thức trực tuyến. Với vai trò quan trọng cùng những ưu điểm vượt trội, ngân hàng số đang và sẽ trở thành hình thức ngân hàng ưu việt và phát triển rộng rãi trong hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** Ngân hàng số, phát triển ngân hàng, Việt Nam

**53. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công**/ Mai Thanh Bình, Lê Hoàng Oanh// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đã và đang trở thành mục tiêu và hướng đến của nhiều quốc gia. Đặc biệt hơn, đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng thì việc phát triển TTKDTM là cần thiết, góp phần giảm thiểu nguy cơ lây lan dịch bệnh. Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020, bài viết nghiên cứu các chính sách, quy định pháp lý của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và một số thành tựu trong phát triển TTKDTM nói chung, cũng như trong dịch vụ công nói riêng.

**Từ khoá**: Thanh toán, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công

**54. Phân tích lợi suất dài hạn trên hiệu quả kinh doanh ngành xây dựng - bất động sản tại Việt Nam**/ Nguyễn Cao Anh, Thái Hồng Thụy Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Thu thập số liệu từ 176 doanh nghiệp xây dựng - bất động sản, nghiên cứu này sử dụng phương pháp luận để tính lợi suất dài hạn trên hiệu quả kinh doanh được rút ra từ biến nghiên cứu giá trị kinh tế gia tăng, một chỉ số đo lường hiệu quả ròng sau khi thanh toán chi phí sử dụng vốn bằng tiền, dựa trên tiếp cận mới về quy luật số phụ thuộc của Gauss nhằm xác định tính bền vững của lợi suất trên hiệu quả kinh doanh ngành xây dựng - bất động sản tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy được vị thế cạnh tranh, đồng thời giúp các nhà hoạch định chính sách và hệ thống ngân hàng kiểm soát hiệu quả đòn bẩy tài chính dựa trên cấu trúc chi phí vốn của ngành xây dựng - bất động sản nhằm hạn chế rủi ro tín dụng.

**Từ khóa**: hiệu quả kinh doanh, giá trị kinh tế gia tăng, quy luật số phụ thuộc Gauss, xây dựng, bất động sản

**55. Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam - Bức tranh hiện tại và triển vọng**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Bài viết luận bàn và làm rõ nội hàm của khái niệm ngân hàng số trong mối quan hệ so sánh với ngân hàng điện tử và những bước phát triển của nó. Trên cơ sở đó, đưa ra một số gợi ý góp phần thúc đẩy phát triển ngân hàng số thành công đối với các ngân hàng thương mại hiện nay.

**Từ khóa**: ngân hàng số, ngân hàng điện tử

**56. Quản lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng trước tác động của đại dịch covid-19**/ Hoàng Nguyên Khai// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Đại dịch covid-19 bùng phát khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân gặp rất nhiều khó khăn, theo đó đã ảnh hưởng đến quản lý của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Bài viết phân tích thực trạng nợ xấu hệ thống Ngân hàng Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị quản lý nợ xấu.

**Từ khóa**: nợ xấu, ngân hàng, Việt Nam, đại dịch covid-19

**57. Quản trị rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Thanh Huyền, Cù Thị Lan Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 47-48.

**Nội dung:** Quản trị rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng của ngân hàng và góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bài viết phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại một số ngân hàng thương mại lớn ở Việt Nam trong thời gian qua, từ đó rút ra hàm ý cho hệ thống ngân hàng thương mại trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại Việt Nam

**58. Quản trị vốn của ngân hàng đảm bảo tỷ lệ đủ vốn theo chuẩn mực mới**/ Trần Quốc Bảo// khoa học Đại học Cửu Long .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 16-25.

**Nội dung**: Trình bày nội dung liên quan mục tiêu cần hướng tới là khẳng định tính chất quan trọng trong áp dụng chuẩn mực mới về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu mà ngân hàng thương mại Việt Nam cần tuân thủ. Đồng thời không những mang tính bắt buộc mà còn là kết quả của cả quá trình quản trị kinh doanh ngân hàng theo hướng quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

**Từ khóa:** Ngân hàng, quản trị vốn, ngân hàng thương mại

**59. So sánh trình độ phát triển kế toán quản trị của một số ngân hàng thương mại Việt Nam theo IFA**C/ Đào Thanh Bình, Nguyễn Thị Phương Dung// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.113 - 118.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước ngày càng gay gắt khiến các ngân hàng phải tập trung tăng cường năng lực quản trị nội bộ của mình. Một trong những công cụ hữu hiệu nhất giúp các ngân hàng thương mại có được thông tin quản trị hữu ích để phát triển sản phẩm dịch vụ đồng thời tăng cường khả năng cảnh báo và kiểm soát rủi ro là phát triển hệ thống kế toán quản trị.Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả áp dụng thang đo về trình độ phát triển kế toán quản trị do Liên đoàn Kế toán viên Quốc tế (IFAC) với sự điều chỉnh tiêu chí phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại cũng như điều kiện kinh tế của Việt Nam. Với kết quả khảo sát từ 05 NHTM đại diện, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao trình độ kế toán quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, kế toán quản trị trong ngân hàng thương mại, mô hình IFAC

**60. Tác động của cách mạng công nghệ 4.0 đến nguồn nhân lực tài chính-ngân hàng**/ Phạm Thị Lâm Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.163 - 165.

**Nội dung**: Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đã, đang tác động mạnh mẽ ở mọi lĩnh vực trên toàn cầu. Lĩnh vực tài chính ngân hàng cũng không nằm ngoài xu thế đó. Cuộc đổ bộ của công nghệ mới vào lĩnh vực tài chính ngân hàng đã tạo ra những đột phá trong lĩnh vực này cả về quy mô và tính hiệu quả.Tuy nhiên cuộc CMCN 4.0 cũng đang cho thấy những tác động rất lớn đến đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trong khi rất nhiều vị trí việc làm sẽ được thay bằng máy móc thì cũng nhiều công việc mới được tạo ra. Bài viết đánh giá tác động của cuộc CMCN 4.0 đến đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng trên thế giới và đưa ra một số đề xuất đối với nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng của nước ta.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp 4.0, tài chính-ngân hàng, nhân lực

**61. Tác động của cách mạng Công nghiệp 4.0 vào hoạt động các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Lê Anh, Trần Lê Thanh Tuấn, Vũ Thanh Tùng// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 75-81.

**Nội dung**: Nghiên cứu trình bày những khái niệm cơ bản về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Quá trình hình thành và phát triển của nó ở Việt Nam nói chung và trong hệ thống ngân hàng nói riêng, thông qua việc đánh giá và phân tích các cơ hội cững như thách thức mà ngân hàng thương mại trong nước phải đối mặt, từ đó đề xuất một số giải pháp thực tiễn giải quyết hiệu quả vấn đề.

**Từ khóa**: Cách mạng Công nghiệp 4.0, ngân hàng thương mại

**62. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến nguồn nhân lực ngân hàng**/ Nguyễn Văn Lành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Bài viết nêu tổng quan về cách mạng công nghiệp 4.0; thực trạng nguồn nhân lực của ngân hàng Việt Nam khi tiếp cận với cuộc cách mạng công nghiệp lần thư tư. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các tổ chức tín dụng nói chung và ngân hàng nói riêng.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, ngân hàng, cách mạng công nghiệp 4.0

**63. Tác động của đại dịch COVID-19 và một số khuyến nghị cho ngành ngân hàng tại Việt Nam**/ Vũ Cẩm Nhung, Lại Cao Mai Phương, Phan Minh Xuân// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 17(578) .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Trình bày tác động đại dịch COVID-19 đến ngành ngân hàng trong khu vực; tác động đại dịch COVID-19 đến ngành ngân hàng Việt Nam; chinhsachs ứng phó với những ảnh hưởng của dịch COVID-19 và khuyến nghị cho ngành ngân hàng Việt Nam; Kết luận.

**Từ khoá**: Ngân hàng, chính sách ứng phó, COVID-19

**64. Tác động của đổi mới công nghệ ngân hàng lõi đến kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại - nghiên cứu trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam/** Lưu Thị Minh Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung vào phân tích tác động của công nghệ ngân hàng lõi đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank). Phân tích hồi quy tuyến tính với biến độc lập là biến nhị phân được sử dụng để phân tích dữ liệu thu thập từ báo cáo tài chính trong 132 tháng của 11 năm từ năm 2009 đến năm 2019. Trong nghiên cứu này, ngân hàng lõi - Core banking, số dư cho vay trên tổng tài sản, số dư tiền gửi trên tổng tài sản, thu nhập từ hoạt động dịch vụ (không từ hoạt động thu lãi, ROA - lợi nhuận trên tổng tài sản, ROE - lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, AC - chi phí hoạt động là các biến quan sát được sử dụng để đo lường tác động. Biến phụ thuộc gồm các kết quả hoạt động của ngân hàng thông qua các chỉ số ROA, ROE, AC. Biến độc lập gồm CORE, DEP - A là tổng dư nợ tiền gửi trên tổng tài sản; LOAN - A là tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản, NON - I thu nhập từ hoạt động không từ hoạt động thu lãi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công nghệ ngân hàng lõi có tác động đến kết quả kinh doanh của ngân hàng VietinBank.

**Từ khoá**: Ngân hàng, Công nghệ lõi, Ngân hàng lõi, Ngân hàng thương mại, Kinh doanh, VietinBank

**65. Tác động của quy định đối với hoạt động ngân hàng và loại hình sở hữu lên mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng: Bằng chứng từ các quốc gia Châu Á**/ Võ Thị Thúy Anh, Thái Thị Hồng Ân// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 25-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu này khám phá mối quan hệ giữa các quy định đối với hoạt động ngân hàng (bank regulation) và mức độ chấp nhận rủi ro (risk-taking) của các ngân hàng. Sử dụng bộ dữ liệu các ngân hàng thuộc 19 quốc gia Châu Á trong giai đoạn 1996-2018, chúng tôi nhận thấy phần lớn các biến quy định có mối quan hệ cùng chiều với mức độ rủi ro của các ngân hàng trong mẫu quan sát. Điều này có nghĩa là, các quy định áp dụng cho hệ thống ngân hàng càng nghiêm ngặt, mức độ chấp nhận rủi ro càng cao. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy bằng chứng cho thấy rằng sở hữu nước ngoài làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro, trong khi sở hữu nhà nước làm tăng mức độ này của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Qui định, mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng

**66. Tác động của Thông tư 14/2021/TT-NHNN đối với nền kinh tế và khuyến nghị**/ Cấn Văn Lực và các cộng sự// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 19(580) .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào 3 nội dung chính: những điểm mới của Thông tư 14; tác động của Thông tư 14 đối với doanh nghiệp, người dân và hệ thống TCTD, và một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Ngân hàng, khách hàng vay, cơ cấu nợ, hoãn nợ, COVID-19, Thông tư 14

**67. Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến lợi nhuận và rủi ro của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Trần Huỳnh Thanh Huy// Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Đề tài nghiên cứu phân tích tác động của đa dạng hóa thu nhập đến lợi nhuận và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020, với bộ dữ liệu bảng thu thập từ 30 ngân hàng thương mại.

**Từ khóa**: đa dạng hóa thu nhập, lợi nhuận, rủi ro, ngân hàng thương mại

**68. Tác động của đại dịch covid-19 và vấn đề đặt ra cho nợ công ở Việt Nam**/ ThS. Ngô Thu Hoàng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 15(576) .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Đại dịch covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu; Những vấn đề đặt ra cho nợ công ở Việt Nam trong thời gian tới; và Hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Covid-19, nợ công, ngân sách

**69. Tác động động của giá trị điều lệ lên mức độ chấp nhận rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Chí Đức// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 19(580) .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác động của giá trị điều lệ lên mức độ chấp nhận rủi ro của 17 ngân hàng thương mại đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2008 đến 2020. Nghiên cứu phát hiện giá trị điều lệ có tương quan phi tuyến với chấp nhận rủi ro của các ngân hàng được kiểm tra. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số kết luận và gợi ý chính sách cho cơ quan quản lý ngành Ngân hàng, cụ thể là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, giá trị điều lệ, mức độ chấp nhận rủi ro

**70. Tái định vị thương hiệu ngân hàng - từ lý thuyết đến thực tiễn tại các ngân hàng thương mại**/ Đặng Thị Thu Hằng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 12(573) .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ khái niệm tái định vị thương hiệu, phương pháp tái định vị thương hiệu ngân hàng, đánh giá thực tiễn triển khai tái định vị thương hiệu của một số ngân hàng thương mại, từ đó đưa ra những khuyến nghị cần thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tái định vị, thương hiệu ngân hàng, ngân hàng thương mại

**71. Thách thức đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam trong chuyển đổi số**/ Lương Văn Hải// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.27 - 34.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang tác động sâu rộng đến nền kinh tế thế giới, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế số ở một số ở mọi quốc gia. Chính vì vậy, công nghệ số ngày càng được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực, đặc việt là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Việc chuyển đổi số ở các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam trong những năm qua đã mang lại cho các ngân hàng những lợi ích và lợi thế trong cạnh tranh. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số ở các NHTM đang gặp nhiều khó khăn, thách thức và vấn đề đặt ra cho các NHTM là cần chuyển đổi số thế nào cho phù hợp với điều kiện và xu hướng hiện nay. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng chuyển đổi số, chỉ ra những khó khăn, thách thức mà các NHTM đang phải đối mặt, từ đó đề xuất một số giải pháp và khuyến khích nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số ở các NHTM trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chuyển đổi số, thách thức trong chuyển đổi số, công nghệ ngân hàng số.

**72. Thách thức sử dụng Thẻ điểm cân bằng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Phạm Thị Kim Yến, Phan Nhật Linh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Hiện nay, nhiều doanh nghiệp lớn đã sử dụng Thẻ điểm cân bằng (BSC) để chuyển hóa tầm nhìn và chiến lược của tổ chức thành những mục tiêu và thước đo cụ thể thông qua việc thiết lập một hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động, nhưng với các các doanh nghiệp nhỏ và vừa thì mức độ sử dụng BSC thấp hơn đáng kể. Dựa trên tài liệu nghiên cứu, bài viết đưa ra các thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện BSC, đồng thời đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy việc áp dụng BSC trong các doanh nghiệp này với phạm vi nghiên cứu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Từ khoá**: Thẻ điểm cân bằng, BSC, Đánh giá, Hiệu quả hoạt động

**73. Thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long : thực trạng và một số khuyến nghị**/ Lê Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, Nguyễn Thị Ánh Ngọc// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 38-42.

**Nội dung**: Bài viết khái quát lại một số kết quả đạt được và hạn chế, thách thức trong quá trình triển khai các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020; từ đó gợi ý một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: thanh toán không dùng tiền mặt, ngân hàng

**74. Thị phần - mối quan ngại của ngân hàng trong bối cảnh cạnh tranh với Fintech**/ Nguyễn Thị Nhung// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 12(573) .- Tr. 20-26.

**Nội dung**: Trình bày thị phần và tầm quan trọng của thị phần; Fintech và thị phần kinh doanh của Ngân hàng; hướng đến mục tiêu duy trì và mở rộng thị phần - sự nổ lực thay đổi của các ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị phần, ngân hàng, cạnh tranh, Fintech

**75. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Bình// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Tổng hợp những vấn đề về chuyển đổi số, chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, kế hoạch, thành quả và những vấn đề đặt ra đối với quá trình chuyển đổi số trong ngành ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, ngân hàng, khung pháp lý

**76. Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng**/ Trần Thế Sao, Phan Hồng Hạnh, Phạm Thị Phương Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 89-91.

**Nội dung**: Trong thời gian qua, vấn đề tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục trở thành vấn đề thời sự, được bàn đến trên nhiều diễn đàn, thu hút được sự quan tâm lớn của dư luận, của các nhà khoa học. Bài viết đề cập đến một số vấn đề lý thuyết cơ bản và kinh nghiệm của một số nước phát triển, một số nước trong khu vực Đông Nam Á về đẩy mạnh tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Ngân hàng, vốn tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**77. Thúc đẩy hoạt động cho vay ngang hàng an toàn, hiệu quả ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Cẩm Nhung// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.177 - 181.

**Nội dung:** Cho vay ngang hàng (P2P lending) là hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ tài chính được thiết kế và xây dựng trên nền tảng giao dịch trực tuyến kết nối trực tiếp giữa người đi vay và người cho vay mà không thông qua các trung gian tài chính như tổ chức tín dụng. Cho vay ngang hàng là xu hướng tất yếu trong kỷ nguyên kinh tế số, là nhu cầu công nghệ hóa các hoạt động nhằm kết nối các nguồn vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, mô hình này đem đến những rủi ro, thách thức cho cả nhà quản lý và người dùng. Thực tế thời gian qua tại Việt Nam cho thấy nhiều vấn đề bất cập phát sinh cần giải quyết, đòi hỏi cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý đối với mô hình này, nhằm bảo vệ nhà đầu tư và người vay.

**Từ khoá:** Cho vay ngang hàng, giao dịch trực tuyến, giao dịch tài chính

**78. Thực trạng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại các ngân hàng thương mại Việt Nam và một số khuyến nghị**/ Phạm Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Lý, Lại Thu Hằng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 12(6/2021) .- Tr. 08-13.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ thực trạng áp dụng IFRS tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian qua, trong đó tập trung vào điểm khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards - VAS) và IFRS trong BCTC của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa**: Thực trạng, Áp dụng chuẩn mực, Báo cáo tài chính, Quốc tế, Ngân hàng thương mại, Khuyến nghị

**79. Thực trạng tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Thị Anh Quyên// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 19(580) .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Trình bày khái quát lại một số định nghĩa về tín dụng xanh, thực trạng hoạt động tín dụng xanh tại Việt Nam và đề xuất một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động tín dụng xanh của các TCTD.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, ngân hàng xanh, tổ chức tín dụng, khung tín dụng xanh

**80. Thực trạng triển khai ngân hàng số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**/ Võ Minh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 12(6/2021) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Xây dựng thành công ngân hàng số sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các ngân hàng như: Tự động hóa các quy trình nghiệp vụ giúp giảm chi phí giao dịch, chi phí quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, mờ rộng kênh phân phối, tiếp cận và khai thác dữ liệu lớn, phong phú từ hệ sinh thái số để thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu về khách hàng và đối thủ cạnh tranh, hồ trợ cho quá trình ra quyết định của các ngân hàng.

**Từ khóa:** Thực trạng, Triển khai, Ngân hang số, Thành phố

**81. Tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Lon**g/ Nguyễn Thị Tuyết Nga// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.96 - 99.

**Nội dung:** Phát triển nông nghiệp đòi hỏi nhu cầu vốn lớn, nhưng tỷ lệ vốn tự có của người dân Việt Nam tham gia vào sản xuất hiện nay còn ở mức thấp, nên nguồn vốn tín dụng được xem là nguồn vốn chủ yếu.Thực tế cho thấy, nông nghiệp, nông thôn vùng kinh tế trọng điểm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn gặp không ít khó khăn trong tiếp cận vốn. Từ thực tế này, bài viết này nghiên cứu về tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khoá:** Tín dụng ngân hàng, kinh tế nông nghiệp, Đồng bằng sông Cửu Long

**82. Trao đổi về việc quản lý nợ quá hạn thẻ tín dụng tại các ngân hàng thương mại/** Ngô Thị Tú Oanh, Lê Thị Dung// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 113 - 114.

**Nội dung:** Hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam qua nhiều năm hình thành phát triển, đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện. Tuy nhiên, hoạt động nợ tín dụng ngân hàng vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Mục tiêu hàng đầu trong công tác quản trị tín dụng là hạn chế nợ ở mức thấp nhất, đặc biệt là trong công tác quản lý và ngăn chặn nợ quá hạn thẻ tín dụng.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, thẻ tín dụng

**83. Triển khai tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức**/ Phạm Thị Thái Hà, Phạm Văn Rạng// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021, Chính phủ giao Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối, cho thấy đã đến lúc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần nghiên cứu, xây dựng đồng tiền kỹ thuật số riêng, giống như đồng tiền kỹ thuật số đang lưu hành hoặc đang được thí điểm tại nhiều quốc gia trên thế giới.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, ngân hàng trung ương, tiền pháp định, thanh toán

**84. Ứng dụng điện toán đám mây trong hoạt động ngân hàng**/ Lê Thị Anh Quyên// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 11(572) .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Giới thiệu sơ bộ về điện toán đám mây và thực tiễn ứng dụng điện toán đám mây trong hoạt động ngân hàng; một số đề xuất liên quan đến điện toán đám mây.

**Từ khoá**: Điện toán đám mây, hoạt động ngân hàng

**85. Ứng dụng hệ tư vấn xã hội cải thiện chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ**/ Nguyễn Thị Thùy Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.82 - 84.

**Nội dung**: Trong một thế giới mà các đối thủ cạnh tranh chỉ cách một hoặc hai cú nhấp chuột đã giành được sự trung thành của khách hàng và cung cấp cho họ những dịch vụ và sản phẩm tốt nhất dựa trên nhu cầu và sở thích của họ chính là một chiến lược kinh doanh cần thiết. Do đó, ứng dụng hệ tư vấn xác định nhu cầu của từng khách hàng, nhóm khách hàng dựa trên kho dữ liệu khổng lồ về thông ti và các giao dịch của khách hàng từ đó khuyến nghị các ản phẩm và dịch vụ phù hợp nhằm thu hút khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ là một bài toán quan trọng đối với các ngân hàng. Trong bài báo này, chúng tôi nghiên cứu vai trò của hệ tư vấn sản phẩm trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ và đề xuất mô hình ứng dụng hệ tư vấn xã hội.

**Từ khoá:** Dịch vụ ngân hàng bán lẻ, khách hàng, hệ tư vấn xã hội

**86. Ứng dụng ma trận Tows trong việc xây dựng trải nghiệm khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Vũ Hồng Thanh, ThS. Trần Thị Lan Hương // Ngân hàng .- 2021 .- Số 17(Tháng 09) .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng ma trận Tows để phân tích các cơ hội, thách thức, điểm yếu và điểm mạnh từ đó đề xuất các giải pháp để giúp các ngân hàng thương mại tại Việt Nam xây dựng trải nghiệm khách hàng hiệu quả

**Từ khóa**: ma trận Tows, khách hàng, ngân hàng thương mại

**87. Vốn tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**/ Lê Văn Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Do đại dịch kéo dài, phức tạp nên vốn tín dụng cho nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Bài viết phân tích, đánh giá nguồn vốn tín dụng ngân hàng và đề xuất các hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Ngân hàng, tín dụng ngân hàng, Covid-19

**88. Yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại**/ Phạm Ngọc Vân// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Tại Việt Nam, mặc dù hệ thống ngân hàng đã có nhiều cải cách, chất lượng dần được nâng cao, nhưng vấn đề rủi ro thanh khoản chưa được quan tâm đúng mức; đã có nhiều ngân hàng gặp khó khăn trong thanh khoản, gây ra tác động xấu đến thị trường tiện tệ. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề thanh khoản trong hệ thống ngân hàng là cần thiết trong điều kiện hiện nay. Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng, từ đó khuyến nghị giải pháp giúp các ngân hàng Việt Nam giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động.

**Từ khoá:** Rủi ro thanh khoản, ngân hàng, niên yết, thị trường chứng khoán

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ HÓA**

**1. An ninh nguồn nước bảo đảm cấp nước an toàn : hướng đến mục tiêu phát triển bền vững/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến, ThS. Phạm Ngọc Chính// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Tổng hợp phân tích những vấn đề về sự bảo đảm số lượng nước; chất lượng nước để phục vụ cho sức khỏe, cho sinh kế, cho hoạt động sản xuất, cho môi trường sinh thái đối với cộng đồng dân cư, đồng thời đảm bảo được bảo vệ trước các loại hình dịch bệnh, thiên tai liên quan từ đó đề xuất giải pháp phù hợp.

**Từ khóa**: An ninh nguồn nước, cấp nước an toàn, phát triển bền vững

**2. Ảnh hưởng tới môi trường của một số sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** ThS. Trần Bích Hồng, Trần Thị Giang// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 65-68.

**Nội dung:** Trình bày, phân tích, đánh giá những ảnh hưởng tới môi trường của một số sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón đã xảy ra trên thế giới trong thời gian qua.

**Từ khóa**: Hóa chất độc, môi trường, sản xuất phân bón

**3. Bài học kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị chính sách đối với Việt Nam về quản lý rác thải nhựa đại dương/** TS. Tạ Đình Thi, TS. Lưu Anh Đức, ThS. Nguyễn Ngọc Sơn, ThS. Nguyễn Chí Công// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Trình bày về chính sách, hành động của quốc tế đối với vấn đề rác thải nhựa đại dương, đưa ra một số bài học kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị một số chính sách giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, quản lý rác thải nhựa

**4. Bảo đảm an ninh công nghệ trong xây dựng đô thị thông minh và bền vững ở Việt Nam/** TS. Trần Thị Ngọc Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 16 (366) .- Tr. 37-38.

**Nội dung:** Phân tích các nguy cơ an ninh công nghệ tiềm ẩn; đề xuất một số giải pháp bảo đảm an ninh công nghệ trong xây dựng đô thị thông minh và bền vững ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Đô thị thông minh, công nghệ

**5. Bảo vệ môi trường trong phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam/** ThS. Nguyễn Việt Dũng, ThS. Bùi Thị Hồng Hiếu// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Cung cấp các đánh giá về tình hình phát triển của các khu kinh tế ven biển tại Việt Nam, từ đó đề xuất các định hướng phát triển các khu kinh tế theo hướng bền vững trong việc bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, bảo vệ môi trường ven biển, biến đổi khí hậu

**6. Chuyển đổi cấu trúc microRNA vào cây đậu nành (Glycine max (L.) Merr.) hạn chế sự ký sinh của tuyến trùng Meloidogyne incognita**/ Nguyễn Vũ Phong, Hà Thị Trúc Mai, Đặng Lê Trâm, Nguyễn Thế Phương, Nguyễn Thị Ngọc Loan// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Trình bày chuyển đổi cấu trúc microRNA vào cây đậu nành (Glycine max (L.) Merr.) hạn chế sự ký sinh của tuyến trùng Meloidogyne incognita. Effector là các protein được tuyến trùng tiết vào trong tế bào thực vật, tạo thuận lợi cho quá trình ký sinh cây chủ. Bất hoạt các gene mã hóa effector này có thể làm giảm khả năng ký sinh của tuyến trùng và giúp hạn chế tác hại do tuyến trùng gây ra. Dựa vào trình tự gene Minc14137, cấu trúc amiRNA có khả năng bất hoạt sự biểu hiện của gene này đã được tổng hợp và biến nạp thành công vào vi khuẩn A. tumefaciens LBA4404 để tạo cây đậu nành biến đổi gene. Thời gian đồng nuôi cấy 6 ngày giúp tăng số mẫu tạo chồi sau lây nhiễm và hiệu quả chuyển nạp gene so với thời gian nuôi cấy 4 ngày. Cần tiếp tục cải tiến quy trình chuyển gene và tạo cây đậu nành, sau đó thực hiện khảo sát thực tế với tuyến trùng M. incognita nhằm làm sáng tỏ vai trò của effector MINC14137.

**Từ khóa**: Chuyển đổi cấu trúc gene, biến đổi gene, microRNA, cây đậu nành

**7. Cơ chế bồi hoàn và giao dịch tín chỉ đa dạng sinh học, xu hướng mở rộng trên thế giới và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam/** Lại Văn Mạnh, Nguyễn Hoàng Nam// Môi trường .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 28-31.

**Nội dung:** Nghiên cứu về lượng giá đa dạng sinh học, cơ chế dựa vào thị trường cho bảo tồn đa dạng sinh học, lựa chọn phân tích mô hình cụ thể về cơ chế bồi hoàn và tín chỉ đa dạng sinh học ở tiểu bang New South Wale của Oxtraylia, qua đó nhận định về xu hướng mở rộng và cơ hội hình thành thị trường trên thế giới, khuyến nghị chính sách cho Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đa dạng sinh học, cơ chế bồi hoàn, tín chỉ

**8. COVID-19: An toàn thực phẩm trong chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu/** Huub Lelieveld, Vương Bảo Thy// khoa học Đại học Cửu Long .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 26-36.

**Nội dung:** Bài thuyết trình của Giáo sư Franco Pedreschi Placencia về thông tin Covid-19 và thực phẩm. Tập trung giới thiệu bối cảnh Covid-19 tình hình toàn cầu và các chiến lược trong chuỗi cung ứng thực phẩm, Covid-19 và ngành công nghiệp thực phẩm, tiến bộ khoa học và công nghệ triển vọng trong tương lai.

**Từ khóa**: Covid-19, an toàn thực phẩm, chuỗi cung ứng thực phẩm

**9. Đa dạng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị**/ Lê Tuấn Anh, Trần Thị Hân, Phạm Thị Thúy Hoài, Hà Văn Bắc// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Phân tích sự đa dạng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Kết quả là cơ sở để Khu bảo tồn quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại khu vực nghiên cứu. Đặc biệt, theo quy định mới, tát cả các loài lan đều thuộc phạm vi cấm khai thác, có 8 loài lan thuộc danh lục này được ghi nhận tại Đakrông. Số lượng nhiều các loài cây nguy cấp và quý hiếm trong danh lục cây lâm sản ngoài gỗ là tiềm năng của Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, nhưng cũng chính là những thách thức đối với các nhà quản lý. Cần có chế tài phù hợp để thực hiện tốt Nghị định này, bảo tồn được các loài lan rừng.

**Từ khóa**: Đa dạng thực vật, lâm sản ngoài gỗ, Đakrông, khu bảo tồn, Quảng Trị

**10. Đánh giá chất lượng nước mặt hồ khu vực nội thành Đà Nẵng**/ Nguyễn Khắc Thanh, Trần Quốc Tuấn, Phạm Huỳnh Khánh Duy, Nguyễn Quang Tuấn, Trần Nguyên Tiến, Nguyễn Xuân Cường, Trần Bá Quốc// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4(47) .- Tr. 54-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy đánh giá chất lượng nước ở các hồ đang bị ô nhiễm. Kết quả cho thấy trong sáu hồ được nghiên cứu chỉ có nước ở hồ xanh đạt tiêu chuẩn. Cac hồ còn lại sử dụng cho mục đích công nghiệp. Trong giai đoạn 2010-2013 ngoại trừ hồ xanh, các hồ còn lại khu vực nội thành Đà Nẵng đều có dấu hiệu ô nhiễm cần được cải tạo và bảo vệ nhằm nâng cao hiệu quả và mục đích sử dụng.

**Từ khóa**: Chất lượng nước, ô nhiễm, Đà Nẵng

**11. Đánh giá nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu đến một số khu vực của Việt Nam và triển khai các hoạt động thích ứng/** TS. Nguyễn Toàn Thắng, Đỗ Quang Hưng, Trần Thị Thu Trang, Phạm Thúy Hạnh// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 56-59.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến một số khu vực bị ảnh hưởng và dễ tổn thương nhất của nước ta, từ đó đưa ra định hướng trọng tâm về các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu tại những khu vực này.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, hoạt động thích ứng

**12. Đánh giá thích nghi sinh khối bùn và quá trình bẩn màng trong hệ Anoxic – MBR ứng dụng trong xử lý nước thải nhiễm mặn/** Trần Thành, Phạm Văn Tuấn, Ja Nong Sang K’Ido, Võ Thị Diệu Hiền// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 17 (367) .- Tr. 28-30.

**Nội dung:** Nghiên cứu thiết lập mô hình Anoxic – MBR thích nghi và xử lý nước thải tổng hợp mô phỏng nước thải thuộc da được thực hiện thử nghiệm đánh giá khả năng thích nghi độ mặn và sự phát triển của bùn hoạt tính. Đồng thời, xem xét mức độ bẩn màng của hệ thống, từ đó có các phương án phát triển và cải tiến hệ thống xử lý nước thải nhiễm mặn hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Nước thải nhiễm mặn, mô hình Anoxic – MBR

**13. Đánh giá thực trạng học tiếng Anh chuyên ngành đối với sinh viên ngành Trắc địa Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa/** ThS. Mai Thị Ngân, CN. Lê Thị Phúc Yên// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 28-29.

**Nội dung:** Thực trạng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại Phân hiệu; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành trắc địa; Kiến nghị.

**Từ khóa**: Tiếng Anh chuyên ngành, trắc địa, phân hiệu

**14. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang/** Trần Thanh Ngân, Nguyễn Võ Châu Ngân// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Nhằm giải quyết, khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đáp ứng “Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050”, việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho tỉnh Kiên Giang là rất cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, thực trạng, giải pháp

**15. Đánh giá tính khả thi và mức độ sẵn sàng tham gia Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) tại Việt Nam/** TS. Kim Thị Quý Ngọc, TS. Nguyễn Trung Thắng, ThS. Đặng Thị Phương Hà, TS. Nguyễn Đức Quảng, TS. Đinh Quang Hưng// Môi trường .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Khái niệm về Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất; Các quy định pháp lý về Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất; Đánh giá tính khả thi và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp khi triển khai Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất; Giải pháp đảm bảo sự sẵn sàng tham gia của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong triển khai Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất.

**Từ khóa**: Chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, EPR

**16. Đánh giá vi nhựa trong môi trường nước ở Việt Nam/** TS. Emilie Strady, Nguyễn Minh Trang// Môi trường .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Đánh giá vi nhựa trong môi trường nước tại Việt Nam; Sự tích lũy vi nhựa trong một số loài sinh vật thủy sinh ở Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khóa**: Vi nhựa, môi trường nước, Việt Nam

**17. Đánh giá thích hợp đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại tỉnh Thái Bình bằng mô hình tích hợp GIS-ALES**/ Hoàng Quốc Nam, Nguyễn Thị Thủy, Lưu Thế Anh, Nguyễn Ngọc Thành, Nguyễn Đức Thành// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63) .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Đánh giá thích hợp đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại tỉnh Thái Bình Dương bằng mô hình tích hợp GIS-ALES giúp đưa ra định hướng quy hoạch sử dụng hợp lý đất sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Thái Bình. Đánh giá thích hợp đất đai là căn cứ khoa học để quy hoạch sử dụng đất một cách hợp lý. Quy trình đánh giá này liên quan đến các điều kiện đất đai tự nhiên như địa hình, khí hậu, thủy văn… Tuy nhiên, các yếu tố này đang thay đổi do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD), đặc biệt là ở các vùng ven biển (sự xâm nhập mặn, ngập úng), đây là những yếu tố cần được đưa vào đánh giá.

**Từ khóa**: ALES, biến đổi khí hậu, đánh giá đất đai, GIS

**18. Đề xuất các biện pháp quản lý hiệu quả hệ thống cấp nước thành phố Nha Trang và vùng phụ cận/** Tôn Hoàng Hổ, Nguyễn Phương Tú// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước thành phố Nha Trang và khu vực phụ cận thuộc huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm, so sánh với quy hoạch cấp nước 2008. Dựa trên những đánh giá và so sánh đó, đề xuất các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả hệ thống cấp nước thành phố.

**Từ khóa**: Cấp nước, hệ thống cấp nước, Nha Trang, vùng phụ cận

**19. Định hướng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu tại các khu vực trọng điểm/** TS. Nguyễn Toàn Thắng, ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc, ThS. Hoàng Thị Thảo, Đỗ Quang Hưng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 27-29.

**Nội dung:** Trình bày những tác động tiêu cực của các hiện tượng khí hậu cực đoan đến các khu vực: đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển, miền núi. Từ đó có định hướng trọng tâm thích ứng biến đổi khí hậu khác nhau.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, khu vực trọng điểm

**20. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm phát triển kinh tế - xã hội/** PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ, TS. Nguyễn Thục Anh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 12 (362) .- Tr. 17-20.

**Nội dung:** Quy hoạch sử dụng đất tích hợp theo phương pháp tiếp cận cảnh quan dựa vào hệ sinh thái; Lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp tiếp cận cảnh quan dựa vào hệ sinh thái.

**Từ khóa**: Quy hoạch sử dụng đất, hệ sinh thái

**22. Enzyme công nghiệp trong thế kỷ XXI\***/ Phạm Thị Huế, Phạm Thị Lan Anh, Phan Văn Chi, Lê Thị Bích Thảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Trình bày sự phát triển ngành công nghiệp enzyme trong nhiều thập kỷ qua do nhu cầu ngày càng tăng về các công nghệ xanh và sạch hơn để bảo vệ môi trường. Enzyme có bản chất là các phân tử protein, có chức năng như các chất xúc tác hiệu quả làm tăng tốc độ phản ứng của các quá trình sinh hóa. Enzyme đã được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp và trở thành một phần không thể thiếu của các ngành công nghiệp khác nhau như thực phẩm và đồ uống, chất tẩy rửa, thức ăn chăn nuôi, nhiên liệu sinh học… Sự ra đời của kỹ thuật di truyền, công nghệ DNA tái tổ hợp, kỹ thuật protein đã tạo nên bước đột phá trong sản xuất enzyme. Tất cả đã làm cho việc sản xuất enzyme trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn so với việc sử dụng công nghệ sản xuất enzyme truyền thống.

**Từ khóa**: Enzyme công nghiệp, chất xúc tác, phản ứng sinh hóa, công nghệ sản xuất enzyme, enzyme

**23. Giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa trên biển một số nước trên thế giới/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh, ThS. Trần Thị Cẩm Thúy// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 60-61.

**Nội dung:** Trình bày một số giải pháp ở các nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Bali, Anh,…về rác thải nhựa trên biển.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, ô nhiễm môi trường biển

**24. Hạ tầng thoát nước đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của biến đổi khí hậu/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến, ThS. Huỳnh Trọng Nhân, ThS. Nguyễn Thị Kim Hoàng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 156-163.

**Nội dung:** Khái quát về hệ thống đô thị và phân bố đô thị, những tác động cơ bản của biến đổi khí hậu đến hoạt động thoát nước và chống ngập, khả năng thích ứng của hệ thống thoát nước hiện tại của các đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, trên cơ sở kinh nghiệm và bài học trong việc tổ chức triển khai Chương trình thoát nước và chống ngập đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu của GIZ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp đổi mới quản lý hoạt động thoát nước và chống ngập úng cho các đô thị vùng này.

**Từ khóa**: Đô thị, hệ thống thoát nước, biến đổi khí hậu, đồng bằng sông Cửu Long

**25. Hiện trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã dịch vụ môi trường/** TS. Nguyễn Đình Đáp// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Vai trò của hợp tác xã dịch vụ môi trường; Hiện trạng hoạt động và chính sách hỗ trợ hợp tác xã dịch vụ môi trường; Kiến nghị giải pháp.

**Từ khóa**: Hợp tác xã, môi trường

**26. Hiệu quả sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn ở quy mô trang trại**/ Nguyễn Thành Trung, Phạm Trường Giang, Vũ Ngọc Bích, Nguyễn Thị Hồng Vân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Phân tích hiệu quả sử dụng đệm lót sinh học (ĐLSH) trong chăn nuôi lợn ở quy mô trang trại đã được áp dụng tại một số dịa phương, tuy nhiên chủ yếu ở quy mô nhỏ với chuồng hở. Nhằm đánh giá khả năng áp dụng ĐLSH vào chăn nuôi ở quy mô trang trại với chuồng kín, các tác giả đã thực hiện nghiên cứu “Ứng dụng công nghệ ĐLSH trong nuôi lợn ở quy mô trang trại với chuồng kín”. Kết quả cho thấy, khả năng tăng trọng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn nuôi trên nền chuồng sử dụng ĐLSH cao hơn nuôi trên nền xi măng. Đồng thời, phương thức chăn nuôi này cho hiệu quả kinh tế cao hơn, có lợi về mặt xã hội và môi trường so với hình thức chăn nuôi lợn trên nền xi măng truyền thống.

**Từ khóa**: Đệm lót sinh học, chăn nuôi lợn, môi trường, công nghệ sinh học

**27. Hồi chuông cảnh báo thế giới về biến đổi khí hậu**/ Thu Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 52-53.

**Nội dung**: Trình bày những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đang diễn ra trên thế giới, những biến đổi do con người gây ra đã và đang ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu của mọi khu vực trên toàn cầu. Nhiều hiện tượng thay đổi chưa từng có và sẽ “không thể đảo ngược” trong nhiều thế kỷ, thậm chí là thiên niên kỷ. Báo cáo chính là hồi chuông báo động khẩn thiết đối với nhân loại về cách con người đối xử với trái đất và tương lai của hành tinh này.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, tác động con người, môi trường ô nhiễm, nóng lên toàn cầu

**28. Khảo sát, đánh giá dịch vụ hệ sinh thái và ảnh hưởng của công viên đến sự bền vững của hệ thống thoát nước đô thị/** Phạm Hoàng Phương Linh, Trần Thành, Mai Thùy Quyên, Nguyễn Kiều Lan Phương, Bùi Thị Thu Thảo, Nguyễn Thanh Luân, Trần Thị Bích Phượng, Hồ Hữu Lộc// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Xem xét những yếu tố có thể gây ra sự khác biệt giữa ý định và hành vi của người dân khi đến với công viên. Từ những dữ liệu đó, sẽ góp phần thiết kế hướng dẫn và khuyến khích tốt hơn để gia tăng mức độ bền vững của đô thị, cải thiện vấn đề sức khỏe của người dân và vừa đem lại lợi ích kinh tế cho nhà quản lý vừa mang lại các lợi ích về dịch vụ hệ sinh thái từ việc thăm quan công viên.

**Từ khóa**: Công viên, hệ thống thoát nước đô thị, hệ sinh thái

**29. “Khoa học cộng đồng” trong ứng phó khủng hoảng môi trường : cơ sở lý thuyết, kinh nghiệm quốc tế và triển vọng Việt Nam**/ Nguyễn Minh Quang, James Borton// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Phân tích “Khoa học cộng đồng” trong ứng phó khủng hoảng môi trường. Khoa học cộng đồng đang là một xu hướng tiếp cận mới, không chỉ với giới khoa học mà còn cần thiết cho chính quyền và cộng đồng địa phương ở những nơi dễ tổn thương bởi biến đổi môi trường. Việt Nam có nhiều lợi thế cho khoa học cộng đồng phát triển như hạ tầng số và tỷ lệ tiếp cận internet của người dân cao. Cơ cấu dân số trẻ, lực lượng nhà khoa học trẻ và sự tham gia của các nguồn lực phi chính phủ cũng là những cơ sở đảm bảo cho sự phát triển kho học cộng đồng.

**Từ khóa**: Khoa học cộng đồng, khủng hoảng môi trường, biến đổi môi trường

**30. Khuôn khổ pháp lý nhằm bảo đảm vai trò của công đồng trong giám sát thực thi pháp luật bảo vệ môi trường/** TS. Nguyễn Văn Phương// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giám sát cộng đồng đối với thực thi pháp luật bảo vệ môi trường; Thực trạng hoạt động giám sát cộng đồng đối với việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay ở Việt Nam; Một số giải pháp nhằm bảo đảm và nâng cao hiệu quả giám sát của cộng đồng đối với trong thực thi pháp luật bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Pháp luật bảo vệ môi trường, cộng đồng

**31. Kinh nghiệm của Nhật Bản trong vận dụng các công cụ thu hồi giá trị đất đai phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị và bài học cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thanh Lân// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 12 (362) .- Tr. 31-33.

**Nội dung:** Đề cập đến kinh nghiệm thực tiễn triển khai các công cụ thu hồi giá trị đất đai tại Nhật Bản, trên cơ sở đó rút ra một số định hướng và bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào điều kiện cụ thể của các đô thị tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Quy hoạch sử dụng đất, cơ sở hạ tầng đô thị

**32. Kinh nghiệm quốc tế trong việc đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư phát triển tới hệ sinh thái rừng/** ThS. Phan Thị Kim Oanh// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Khái quát chung; Kinh nghiệm trong việc đánh giá tác động môi trường của một số dự án đầu tư tới hệ sinh thái rừng; Tổng kết kinh nghiệm và một số vấn đề cần cân nhắc trong việc đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư phát triển đến hệ sinh thái rừng.

**Từ khóa**: Đánh giá tác động, môi trường, hệ sinh thái rừng

**33. Mặt đường hấp thụ khí thải và đề xuất áp dụng tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Nam, Vũ Đức Sỹ, Phạm Huy Khang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả nghiên cứu cho loại mặt đường bê tông nhựa hấp thụ khí thải được thực hiện trong điều kiện thực tiễn để đưa ra các đề xuất và kiến nghị trong việc áp dụng loại mặt đường này tại Việt Nam. Vấn đề ô nhiễm môi trường do khí thải của phương tiện giao thông gây ra đang là một vấn đề nóng và cấp thiết, cần phải giải quyết tại các thành phố lớn của nước ta. Mặt đường hấp thụ khí thải có sử dụng phụ gia là chất xúc tác quang hóa Titan dioxit (TiO2) đang nghiên cứu và áp dụng tại nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, đến nay loại mặt đường này vẫn chưa được nghiên cứu và áp dụng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa (BTN), mặt đường hấp thụ khí thải, phụ gia xúc tác quang hóa

**34. Mô hình cộng đồng dân cư tham gia quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng khôn khéo đất ngập nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long, tỉnh Ninh Bình/** Nguyễn Thị Huyền Thu, Cao Thị Thanh Nga// Môi trường .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 53-56.

**Nội dung:** Phân tích về vai trò của các bên liên quan trong quản lý rừng, bảo tồn và sử dụng khôn khéo đất ngập nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long, tỉnh Ninh Bình để xác định các tồn tại, khó khăn khi cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ rừng. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường vai trò công đồng tham gia quản lý đa dạng sinh học cho Khu bảo tồn thiên nhiên trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Khu bảo tồn thiên nhiên, đất ngập nước

**35. Nghiên cứu đặc điểm khí hậu và diễn biến các hiện tượng khí hậu cực đoan tỉnh Kiên Giang/** TS. Nguyễn Văn Hồng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Trình bày đặc điểm, xu thế khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa, bốc hơi, gió) và diễn biến các hiện tượng khí hậu cực đoan (hạn hán, nắng nóng, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa dông) tại tỉnh Kiên Giang.

**Từ khóa**: Khí hậu, biến đổi khí hậu

**36. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại tỉnh Quảng Bình/** Tôn Hoàng Hổ, Nguyễn Thu Huyền, Vũ Thị Minh Trang// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 17 (367) .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Trình bày kết quả khảo sát và đánh giá về hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, từ đó đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, Quảng Bình

**37. Nghiên cứu đánh giá nhận thức và hành vi của người tiêu dùng liên quan đến phát sinh rác thải nhựa tại Tp. Hà Nội/** Phạm Thị Mai Thảo, Trịnh Thị Ngọc Liễu, Nguyễn Duy Khôi, Phan Thị Thúy Ngân, Lại Thị Linh, Nguyễn Thị Duyên// Môi trường .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 40-44.

**Nội dung:** Đánh giá nhận thức và hành vi của người tiêu dùng liên quan đến phát sinh lượng rác thải nhựa ở thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu hiệu quả.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, người tiêu dùng, nhận thức, hành vi

**38. Nghiên cứu hiện trạng thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Ứng Hòa, Hà Nội/** Lương Thanh Tâm, Trương Đức Cảnh, Phạm Thu Huyền// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực huyện Ứng Hòa và trên cơ sở đó đề xuất biện pháp quản lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện khu vực.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, Hà Nội

**39. Nghiên cứu thực nghiệm mô hình xử lý nước thải phân tán ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào/** NCS. Xaignavong Langkone, KS. Nguyễn Tiến Quân, GS. TS. Nguyễn Việt Anh// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 52-57.

**Nội dung:** Đánh giá, kiểm chứng hiệu suất của các công trình xử lý nước thải phân tán hiện có và một số công nghệ xử lý nước thải phân tán đã nghiên cứu ứng dụng thành công ở nhiều nước trên thế giới, làm cơ sở đề xuất các giải pháp xử lý nước thải phù hợp, chi phí thấp, ổn định cho các khu dân cư có mật độ phân tán, thu nhập thấp, để tăng tỷ lệ che phủ của dịch vụ vệ sinh ở thủ đô Viêng Chăn một cách nhanh và khả thi nhất.

**Từ khóa**: Xử lý nước thải phân tán, thủ đô Viêng Chăn, Lào

**40. Nghiên cứu về quy hoạch xây dựng đô thị dựa trên ý tưởng thành phố bọt biển/** ThS. Trần Quang Huy// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 12 (362) .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Phân tích cụ thể tầm quan trọng của ý tưởng thành phố bọt biển, nghiên cứu một số nguyên tắc quy hoạch xây dựng đô thị được định hướng bởi ý tưởng thành phố bọt biển, phân tích kỹ hơn nội dung quy hoạch xây dựng đô thị theo ý tưởng thành phố bọt biển.

**Từ khóa**: Quy hoạch xây dựng đô thị, thành phố bọt biển

**41. Nghiên cứu xác lập bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tại các huyện đảo vùng biển Đông Bắc/** Nguyễn Văn Triều, Nguyễn An Thịnh, Lưu Thành Trung, Lê Đức Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 19 (369) .- Tr. 32-34.

**Nội dung:** Đề xuất các bước nghiên cứu xác định bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các huyện đảo vùng biển Đông Bắc. Bộ tiêu chí được tiếp cận nghiên cứu dựa trên phân tích chính sách pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường hải đảo ở nước ta và theo các nội dung đánh giá là hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý nhà nước; tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước; quản lý tài nguyên hải đảo; quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai hải đảo; phát triển bền vững kinh tế đảo.

**Từ khóa**: Tài nguyên, biển, bảo vệ môi trường, tiêu chí đánh giá

**42. Nghiên cứu hoạt tính kháng nấm gây bệnh trên cam của chủng xạ khuẩn XK1 phân lập từ đất trồng cam**/ Trần Bảo Trâm, Nguyễn Thị Hiền, Trần Bình Minh, Nguyễn Thị Thùy Linh, Hoàng Thị Vân Anh, Thái Hạnh Dung, Trần Văn Tuấn, Vũ Xuân Tạo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu hoạt tính kháng nấm gây bệnh trên cam của chủng xạ khuẩn XK1 phân lập từ đất trồng cam. Xạ khuẩn Streptomyces được đánh giá là chi xạ khuẩn có tiềm năng trong việc tạo chế phẩm vi sinh dùng trong nông nghiệp do chúng an toàn và có khả năng đối kháng mạnh với nhiều loài vi khuẩn và vi nấm gây bệnh thực vật. Nghiên cứu đã tuyển chọn được chủng xạ khuẩn S. albulus XK1 có khả năng kháng nấm P. digitatum và C. gloeospriodes mạnh và có tiềm năng ứng dụng trong việc sản xuất chế phẩm sinh học dùng trong phòng trừ bệnh thối và rụng quả trên cây cam.

**Từ khóa**: Hoạt tính nấm, cây cam, xạ khuẩn, đất trồng cam

**43. Nghiên cứu sử dụng nước thải sinh học trong trồng dưa lưới**/ Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Thị Hồng Vân, Phạm Trường Giang, Vũ Ngọc Bích// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá khả năng sử dụng nước thải công trình khí sinh học (biogas) làm phân bón cho cây dưa lưới. Việc thay thế một phần phân bón vô cơ bằng nước thải biogas không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, tình hình nhiễm một số loại sâu bệnh hại chính cũng như năng suất và chất lượng của cây dưa lưới. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc sử dụng nước thải biogas làm phân bón cho một số loại cây trồng khác, góp phần tận dụng lượng dinh dưỡng của nước thải biogas, hạn chế lượng nước thải này xả trực tiếp ra môi trường.

**Từ khóa**: Nước thải sinh học, dưa lưới, nước thải biogas, ô nhiễm môi trường

**44. Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu khởi đầu trong nhân giống in vitro cây hoa Dạ yến thảo (Petunia hybrida L.)**/ Nguyễn Tiến Long, Lã Thị Thu Hằng, Trần Thị Trêu Hà, Dương Thanh Thủy, Lê Như Cương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Với nghiên cứu tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho nhân giống in vitro cây hoa Dạ yến thảo, nghiên cứu này đã xác định được phương pháp khử trùng và môi trường dinh dưỡng trong các giai đoạn khác nhau: tái sinh chồi, nhân nhanh chồi và các cơ quan sinh dưỡng của cây in vitro sử dụng để nhân danh. Việc ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật để nâng cao hệ số nhân giống, cây giống tạo ra hoàn toàn sạch bệnh, đồng nhất về kiểu hình, ổn định về tính di truyền là hướng đi gần như tất yếu trong nền sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hiện nay.

**Từ khóa**: Nhân giống, in vitro, Dạ yến thảo

**45. Nghiên cứu tối ưu hóa công nghệ sấy cá lóc Channa maculata bằng phương pháp sấy phối hợp bơm nhiệt và bức xạ hồng ngoại**/ Lê Thị Hồng Ánh, Dương Hồng Quân, Bùi Huy Chích, Hoàng Ngọc Cương, Lâm Thế Hải, Trần Quốc Đảm, Đặng Xuân Cường, Nguyễn Thị Thảo Minh, Lê Hoàng Phượng, Đặng Văn Hải, Hoàng Thái Hà// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 55-59.

**Nội dung**: Trình bày về điều kiện sấy bức xạ hồng ngoại kết hợp bơm nhiệt trên đối tượng cá lóc dựa theo mô hình thực nghiệm đa nhân tố bậc 1 của Box-Wilson. Cá lóc sấy phối hợp đối lưu và bức xạ hồng ngoại đảm bảo được chất lượng cảm quan, các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh tốt hơn so với cá lóc sấy bằng phương pháp khác nhau. Hơn nữa, công nghệ sấy phối hợp đối lưu và bức xạ hồng ngoại hoàn toàn có thể triển khai ở điều kiện Việt Nam. Sấy phối hợp đối lưu và bức xạ hồng ngoại sẽ là công nghệ sấy được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, góp phần đảm bảo chất lượng các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên.

**Từ khóa**: Công nghệ sấy, cá lóc, bức xạ hồng ngoại, bơm nhiệt

**46. Nhận diện những nguy cơ chính trong hoạt động cấp nước tại một số đô thị lớn ở Việt Nam/** ThS. Phạm Ngọc Chính, PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Tổng hợp, nhận diện các nguy cơ chính từ hoạt động của hệ thống cấp nước thông qua đó hỗ trợ, giúp đỡ có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn của các doanh nghiệp ngành cấp nước.

**Từ khóa**: Cấp nước, đô thị, Việt Nam, nguy cơ

**47. Những hoạt động giảm thiểu rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Quang Việt Ngân// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 19 (369) .- Tr. 35-37.

**Nội dung:** Những hình thức truyền thông giảm thiểu rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cần Giờ; Những trở ngại cho các hoạt động giảm thiểu rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Rác thải sinh hoạt

**48. Những nguyên tắc và điều kiện cần có khu sử dụng công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính/** TS. Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Văn Hiếu// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 19 (369) .- Tr. 28-31.

**Nội dung:** Phân tích, làm rõ những nguyên tắc cơ bản và đưa ra một số điều kiện cần khi sử dụng các công cụ kinh tế trong việc bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính.

**Từ khóa**: Công cụ kinh tế, bảo vệ môi trường, thải khí nhà kính

**49. Những thách thức của biến đổi khí hậu và đại dịch trong quá trình phát triển đô thị : nhận diện và một số giải pháp/** KTS. Trần Ngọc Chính// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 20-25.

**Nội dung:** Thực trạng về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu và dịch bệnh tại các đô thị ở Việt Nam; Một số đề xuất, kiến nghị trong xây dựng giải pháp thực hiện.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, đô thị, Việt Nam

**50. Phân tích tình trạng ngập úng có xét tới biến đổi khí hậu tại Thành phố Hồ Chí Minh/** Lê Hướng Dương// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng ngập úng tại Tp. Hồ Chí Minh, từ đó gợi ý các giải pháp giải quyết ngập úng xuất phát từ căn nguyên gây ra nó.

**Từ khóa**: Ngập úng, biến đổi khí hậu

**51. Phát triển hệ kính hiển vi huỳnh quang siêu phân giải ứng dụng trong nghiên cứu vi-rút**/ Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Trần Hồng Nhung, Nguyễn Đức Toàn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63).- Tr. 6-11.

**Nội dung**: Trình bày phát triển hệ kính hiển vi (KHV) huỳnh quang siêu phân giải ứng dụng trong nghiên cứu vi-rút. Kính hiển vi huỳnh quang siêu phân giải là hệ kính ưu việt nhờ kết hợp tính năng chụp ảnh huỳnh quang với khả năng quan sát các mẫu sinh học vượt qua được giới hạn nhiễu xã của KHV quang học. Hệ kính này giúp quan sát được mẫu sống với độ chính xác và độ phân giải cao. Sự thuận tiện của kỹ thuật chuẩn bị mẫu và chụp được hình ảnh vi-rút sốt xuất huyết (SXH) Dengue nói riêng, các loại vi-rút nói chung bằng KHV huỳnh quang siêu phân giải với độ chính xác và độ phân giải cao sẽ đóng góp cho nghiên cứu, đào tạo và giảng dạy về vi-rút học.

**Từ khóa**: Định vị đơn điểm, kính hiển vi huỳnh quang siêu phân giải, nanoscopy, STORM, vi-rút sốt xuất huyết Dengue

**52. Pin mặt trời hết hạn : một vấn đề cần quan tâm**/ Phan Đình Tuấn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Phân tích tiềm năng pin năng lượng mặt trời hết hạn khi tình hình sản xuất và lắp đặt sử dụng nguồn năng lượng này ngày một tăng cao. Cơ quan Năng lượng tái tạo quốc tế (IRENA) ước tính tới năm 2050 toàn thế giới có khoảng 80 triệu tấn pin mặt trời (PMT) hết hạn sử dụng. Với tiềm năng năng lượng mặt trời dồi dào và chính sách ưu tiên dành cho loại năng lượng này, dự báo lượng rác thải từ PMT hết hạn tại Việt Nam cũng sẽ tăng lên nhanh chóng trong thời gian tới. PMT chưa nhiều hóa chất độc hại, do đó đã đến lúc Việt Nam cần quan tâm đến nguồn rác thải này để có biện pháp xử lý phù hợp trong tương lai.

**Từ khóa**: Pin mặt trời, năng lượng mặt trời, pn mặt trời hết hạn, rác thải

**53. Quản lý ô nhiễm bụi, tiếng ồn từ hoạt động xây dựng : kinh nghiệm một số nước/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 61-62.

**Nội dung:** Tổng hợp kinh nghiệm của một số quốc gia như Anh, Nhật Bản, Singapore, Hồng Kông, New Zealand, Nigeria, Australia, Trung Quốc trong quản lý ô nhiễm bụi, tiếng ồn từ hoạt động xây dựng.

**Từ khóa**: Ô nhiễm bụi, tiếng ồn, kinh nghiệm

**54. Quy định mới trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 về vấn đề rác thải nhựa/** Phạm Thị Gấm// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 15-18.

**Nội dung:** Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 sửa đổi, bổ sung và quy định mới nhiều nội dung nhằm hạn chế việc phát sinh rác thải nhựa; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định mới nhằm quản lý hiệu quả rác thải nhựa đã phát sinh.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, rác thải nhựa

**55. Quy hoạch sử dụng đất khu công nghiệp, khu kinh tế trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia tới năm 2030, tầm nhìn 2050/** PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Xuân Quang// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 19 (369) .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Để các nhà đầu tư, doanh nghiệp yên tâm làm ăn ở Việt Nam, cần đảm bảo ổn định cho các dự án đầu tư tại khu kinh tế, thời hạn sử dụng đất trong khu kinh tế được quy định phù hợp với dự án đầu tư, không quá 50 năm tùy từng loại đất khác nhau. Đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao đất, cho thuê đất không quá 70 năm.

**Từ khóa**: Quy hoạch sử dụng đất, khu công nghiệp, khu kinh tế

**56.** **Sáng kiến chống biến đổi khí hậu: Mô hình truyền thông thích ứng tại Việt Nam**/ Hoàng Mi // Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 56-61.

**Nội dung**: Kết quả nghiên cứu cho thấy các bên liên quan có những góc nhìn đa dạng về vấn đề này và có mối quan tâm riêng biệt. Để làm ra tăng tác động và thúc đẩy hành động, nghiên cứu đề xuất cần có những thay đổi cho phù hợp với các đối tượng công chúng khác nhau khi thực hiện các chiến lược truyền thông trong lĩnh vực này.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, truyền thông, Việt Nam

**57. Sản xuất bột nêm từ phụ phẩm chế biến cá ngừ bằng công nghệ sinh học**/ Bùi Xuân Đông// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 46-47.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng sản xuất bột nêm từ phụ phẩm chế biến cá ngừ bằng công nghệ sinh học. Nếu tận dụng tối đa phụ phẩm chế biến cá ngừ sẽ góp phần giảm đáng kể thất thoát nguồn protein có lợi, đồng thời thúc đẩy phát triển các sản phẩm mới hấp dẫn người tiêu dùng, tạo ra nhu cầu mới trên thị trường, nâng cao giá trị cho ngành chế biến và khai thác cá ngừ. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đang tiếp tục phân lập và định danh các đoạn peptide trong FPH bằng phương pháp sắc ký lỏng kết nối khối phổ để nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ người tiêu dùng.

**Từ khóa**: Sản xuất bột nêm, phụ phẩm, chế biến cá ngừ, công nghệ sinh học

**58. Sóc Trăng : hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm sinh học xử lý môi trường nước ao nuôi thủy sản**/ Vũ Thị Hiếu Đông// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Phân tích quy trình sản xuất chế phẩm sinh học xử lý môi trường nước ao nuôi thủy sản ở Sóc Trăng. Dịch bệnh là yếu tố kìm hãm sự phát triển của nuôi trồng thủy sản. Các phương pháp truyền thống không hiệu quả trong việc chống lại các dịch bệnh mới trong hệ thống nuôi công nghiệp. Vì vậy các phương pháp thay thế rất cần được phát triển để duy trì một môi trường lành mạnh trong các hệ thống nuôi trồng thủy sản, nhờ đó có thể đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi. Việc các nhà khoa học thuộc Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN (Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng) nghiên cứu sản xuất thành công chế phẩm sinh học Sta.EM-Pro và Sta.EM-Detox đã góp phần quan trọng nhằm kiểm soát dịch bệnh, tạo ra các sản phẩm sạch, hướng tới một ngành nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Sóc Trăng, nuôi trồng thủy sản, chế phẩm sinh học, môi trường nước

**59. Sử dụng tro đáy từ nhà máy đốt rác làm vật liệu xây dựng**/ Nguyễn Châu Lân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Trình bày việc sử dụng tro đáy từ nhà máy đốt rác làm vật liệu xây dựng. Phát triển nhà máy điện rác là xu thế tất yếu bởi nó đem lại lợi ích nhiều mặt. Tuy nhiên, quá trình đốt rác sẽ sản sinh một lượng tro đáy (hay còn gọi là tro xỉ) nhất định. Xu thế phát triển nhà máy điện rác ngày càng được quan tâm và ứng dụng, thay thế phương pháp chôn lấp truyền thống, giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên thiên nhiên. Không những thế, việc biến tro xỉ thành vật liệu hữu ích đã khẳng định năng lực sáng tạo của các nhà khoa học trong nước, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và chung tay bảo vệ môi trường để hướng tới một tương lai xanh.

**Từ khóa**: Tro đáy, nhà máy đốt rác, rác thải, ô nhiễm môi trường, vật liệu xây dựng

**60. Sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đô thị/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Khái quát sự tham gia của khu vực tư nhân, những khó khăn trong việc huy động sự tham gia và đề xuất một vài giải pháp qua đó giúp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét.

**Từ khóa**: Khu vực tư nhân, thoát nước, xử lý nước thải, đô thị

**61. Tác động của biến đổi khí hậu, phát triển thượng nguồn tới đồng bằng sông Cửu Long/** PGS. TS. Nguyễn Vũ Việt, GS. TS. Tăng Đức Thắng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 14-15.

**Nội dung:** Trình bày về tác động của phát triển thượng lưu và biến đổi khí hậu đến đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đưa ra giải pháp ứng phó chính trên đồng bằng.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, thượng nguồn, đồng bằng sông Cửu Long

**62. Tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thành Lam// Môi trường .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 13-14, 39.

**Nội dung:** Thực trạng và thách thức trong công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Căn cứ pháp lý để ban hành đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Một số nội dụng cơ bản về đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Chất thải nhựa, quản lý chất thải nhựa, Việt Nam

**63. Thích ứng biến đổi khí hậu và chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp/** Nguyễn Văn Mạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 52-53.

**Nội dung:** Thực trạng thiên tai và biến đổi khí hậu; Giải pháp ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, sản xuất nông nghiệp

**64. Thúc đẩy chế biến sâu, nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững ngành công nghiệp titan**/ Đào Công Vũ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trình bày thúc đẩy chế biến sâu, nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững ngành công nghiệp titan, đây cũng chính là định hướng phát triển của ngành công nghiệp titan Việt Nam theo chủ trương của Chính phủ. Nhằm phát triển bền vững ngành công nghiệp titan Việt Nam, khắc phục tình trạng khai thác tận thu và xuất khẩu quặng thô, gây lãng phí tài nguyên, hủy hoại môi trường…, những năm gần đây, Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim (VIMLUKI) đã đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chế biến sâu, góp phần nâng cao giá trị kinh tế, bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Công nghiệp titan, khai thác quặng thô, bảo vệ môi trường

**65. Thu gom và điều chỉnh đất : công cụ hiệu quả để tạo nguồn thu từ đất đai/** TS. Phạm Lan Hương// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 14 (364) .- Tr. 21-24.

**Nội dung:** Trình bày hai tình huống được nghiên cứu là quy định của pháp luật về thu gom và điều chỉnh đất, nghiên cứu tình huống thu gom và điều chỉnh đất. Từ đó đưa ra các bài học cho dự án thu gom và điều chỉnh đất đai quy mô nhỏ tại các vùng ven đô đang trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ.

**Từ khóa**: Thu gom, điều chỉnh đất, nguồn thu, đất đai

**66. Thực tiễn chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường biển do nước thải có nguồn gốc từ đất liền ở Việt Nam/** TS. Mai Văn Tiến// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 17 (367) .- Tr. 42-43.

**Nội dung:** Quy định về phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát nước thải; Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường biển do nước thải từ đất liền.

**Từ khóa**: Nước thải, môi trường biển

**67. Thực trạng áp dụng công cụ luật pháp – chính sách trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường/** Phan Tuấn Hùng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 13 (363) .- Tr. 63-66.

**Nội dung:** Trình bày về kết quả áp dụng công cụ luật pháp – chính sách, công cụ luật pháp – chính sách trong quản lý tài nguyên, công cụ luật pháp – chính sách trong bảo vệ môi trường, hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong việc áp dụng.

**Từ khóa**: Công cụ luật pháp, chính sách, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

**68. Thực trạng các vấn đề ô nhiễm môi trường vùng ven biển Việt Nam/** TS. Nguyễn Hải Yến// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 12 (362) .- Tr. 54-55.

**Nội dung:** Phân tích thực trạngcác vấn đề ô nhiễm môi trường vùng ven biển Việt Nam.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, vùng ven biển

**69. Thực trạng và giải pháp thu om, xử lý chất thải rắn trên một số đảo ven bờ tại Việt Nam/** Ứng Thị Thúy Hà, Phạm Tuấn Hùng, Chử Thị Hồng Nhung, Nguyễn Việt Phương// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 46-50.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng, đề xuất các giải pháp quy hoạch và kỹ thuật phù hợp với điều kiện trên các đảo nhằm quản lý chất thải rắn hiệu quả.

**Từ khóa**: Chất thải rắn, xử lý chất thải rắn, đảo ven bờ

**70. Tiềm năng và ứng dụng Berberine trong phòng chống Covid-19**/ Lê Thị Bích Phượng, Ngô Võ Kế Thành, Phan Văn Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Phân tích tiềm năng và ứng dụng Berberine (BBr) trong phòng chống dịch Covid-19. BBr – một alkaloid có nguồn gốc từ thực vật được đánh giá là một ứng cử viên tiềm năng trong việc ngăn chặn sự lây lan và nhân lên của virut SARS-CoV-2. BBr giữ vai trò là chất đối kháng cạnh tranh của SARS-CoV-2 với thụ thể ACE2 trên tế bào vật chủ. Bên cạnh đó, với hoạt tính kháng viêm và kháng virut, BBr hỗ trợ thải loại virut và bảo vệ mô phổi trước những tổn thương gây ra bởi đáp ứng miễn dịch quá mức ở bệnh nhân Covid-19…, mở ra một hướng mới về áp dụng dược liệu BBr trong phòng chống đại dịch này.

**Từ khóa**: Covid-19, SARS-CoV-2, Berberine, kháng viêm, kháng virut

**71. Ứng dụng công nghệ bức xạ trong sản xuất phân bón**/ Trần Minh Quỳnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 40-41.

**Nội dung**: Phân tích nhu cầu thực tiễn của phân bón trong sản xuất nông nghiệp và việc ứng dụng công nghệ bức xạ trong sản xuất phân bón. Phân bón là một trong những biện pháp kỹ thuật phổ biến để bổ sung các chất dinh dưỡng cho đất và cây trồng. Với những kết quả khoa học, quy trình công nghệ và sản phẩm đạt được, đề tài đã góp phần quan trọng thúc đẩy ứng dụng xử lý chiếu xạ biến tính vật liệu polyme tự nhiên để tận dụng làm chất mang trong sản xuất phân bón vi sinh, hay chất có hoạt tính sinh học làm thành phần phân bón lá thân thiện hiệu quả.

**Từ khóa**: Công nghệ bức xạ, phân bón, sản xuất nông nghiệp

**72. Ứng dụng công nghệ mới sản xuất CMC từ phế phụ phẩm công, nông nghiệp**/ Đinh Thị Thu Hiền// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 36-38.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng công nghệ mới sản xuất CMC từ phế phụ phẩm công, nông nghiệp nhằm góp phần xử lý cũng như tận thu nguồn phế phẩm nông nghiệp, công nghiệp để sản xuất các sản phẩm hữu ích. Thông qua thực hiện dự án, lần đầu tiên sản phẩm CMC đã được sản xuất trong nước và ứng dụng thành công trên gạch men. Kết quả này không chỉ giúp Viện Kỹ thuật Hóa học làm chủ được công nghệ tiên tiến mà còn đồng thời giải quyết được 2 bài toán quan trọng: tạo ra sản phẩm kinh tế từ nguồn phế phụ phẩm sẵn có và góp phần giảm ô nhiễm môi trường.

**Từ khóa**: Công nghệ sản xuất CMC, phế phụ phẩm, ô nhiễm môi trường, Viện Kỹ thuật Hóa học

**73. Ứng dụng công nghệ xử lý nước và môi trường tại Công ty Nam An**/ Văn phòng hội VLVN// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 45-46.

**Nội dung:** Công ty TNHH Môi trường Công nghệ cao Nam An một trong số những công ty tham gia thành lập chi hội vật lý doanh nghiệp của hội Vật lý Việt Nam. Gồm nhiều sản phẩm kinh doanh các hệ thống thiết bị công nghệ cao không ngừng nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu cạnh tranh trên thị trường. Với hệ thống thiết bị xử lý nước ngầm và nước mặt Công ty luôn mong muốn nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu người dùng.

**Từ khóa**: Xử lý nước, công nghệ môi trường, Công ty Nam An

**74. Ứng dụng của vi nấm trong thực phẩm**/ Lê Minh Nguyệt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng của vi nấm trong thực phẩm. Vi nấm (hay còn gọi là nấm sợi) rất phổ biến trong tự nhiên, tồn tại trên nhiều loại cơ chất như thực phẩm, quần áo, dụng cụ và đặc biệt có nhiều trong đất. Với nhiều khả năng như sinh tổng hợp enzym, các axit béo, tạo ra các axit hữu cơ…, vi nấm có vai trò ngày càng quan trọng công nghiệp thực phẩm nói riêng, trong chuyển hóa tự nhiên nói chung. Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, ngày càng có nhiều ứng dụng của vi nấm được đưa vào sử dụng.

**Từ khóa**: Vi nấm, thực phẩm, nấm sợi

**75. Ứng dụng mô hình học sâu trong xác định các giai đoạn sinh trưởng của cây dưa lưới trồng trong nhà màng**/ Đặng Hoàng Minh Tuấn, Nguyễn Minh Thắng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63) .- Tr. 1-5.

**Nội dung**: Trình bày kết quả triển khai một kiến trúc tiên tiến và gọn nhẹ có tên là YOLOv5 trong việc nhận dạng tự động các giai đoạn sinh trưởng của cây dưa lưới trong quá trình sinh trưởng, phát triển từ những hình ảnh thu thập được của hệ thống mạng camera lắp đặt trong nhà màng. Hơn nữa, kiến trúc YOLOv5 còn thực thi tốt trên các thiết bị có cấu hình thấp, điều này có thể mở ra hướng tiếp cận mới trong việc nhận dạng các đối tượng khác nhau theo thời gian thực, được thực thi trực tiếp trên các thiết bị như smartphone, Jetson Nano, camera ip…

**Từ khóa**: Dưa lưới, mô hình học sâu, nông nghiệp thông minh, thị giác máy tính, YOLOv5

**76. Ứng dụng mô hình phân tích dòng vật chất trong quản lý tài nguyên nước ngành công nghiệp gang thép/** ThS. Nguyễn Trà My, ThS. Chu Thị Bình, ThS. Nguyễn Hoàng Anh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Định lượng và mô hình hóa cụ thể quá trình sử dụng nước và xả nước thải trong các quy trình sản xuất của nhà máy. Từ đó, xác định các yếu tố ảnh hưởng tới từng quá trình, xây dựng sơ đồ dòng vật chất theo chu trình sử dụng nước.

**Từ khóa**: Mô hình phân tích dòng vật chất, tài nguyên nước, công nghiệp gang thép

**77. Ứng dụng nền tảng IoT trong thu nhận dữ liệu quan trắc ngành tài nguyên và môi trường/** Nguyễn Huyền Quang, Trần Văn Trung// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 19 (369) .- Tr. 45-48.

**Nội dung:** Hiện trạng thu nhận dữ liệu quan trắc; Kiến trúc IoT trong xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu quan trắc; Đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu quan trắc; Kết quả thử nghiệm xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu quan trắc dựa trên công nghệ IoT.

**Từ khóa**: Nền tảng IoT, dữ liệu quan trắc, tài nguyên môi trường

**78. Ứng dụng vật liệu PVA GEL làm giá có thể xử lý nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao**/ Phan Thế Anh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng vật liệu PVA GEL làm giá có thể xử lý nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao. Để xử lý nước thải chế biến thủy sản (CBTS), các hệ thống thường được thiết kế trên nguyên tắc kết hợp các phương pháp cơ học – hóa lý – vi sinh, với 5 công đoạn quan trọng là tuyển nổi, bể điều hòa, bể sinh học kỵ khí, bể sinh học bùn hoạt tính và bể khử trùng. Vì là hệ nước thải chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy nên phương pháp sinh học được chú ý hơn cả. Phương pháp này sử dụng khả năng sống và hoạt động của vi sinh vật, kết hợp với giá thể để tăng hiệu quả phân hủy các chất trong nước hữu cơ gây ô nhiễm.

**Từ khóa**: Xử lý nước thải, vật liệu PVA GEL, chất hữu cơ cao, phân hủy

**79. Vai trò của vi khuẩn sinh tổng hợp ACC deaminase trong giảm thiểu stress phi sinh học ở cây trồng**/ Vũ Thị Ngọc Diệp, Phạm Khánh Huyền, Nguyễn Văn Giang, Khuất Hữu Trung, Trần Đăng Khánh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 56-59.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của vi khuẩn sinh tổng hợp ACC deaminase trong giảm thiểu stress phi sinh học ở cây trồng. Cây trồng luôn phải đối mặt với các yếu tố stress phi sinh học trong môi trường. ACC deaminase từ PGPR bảo vệ cây trồng khỏi những tác động bất lợi của các yếu tố môi trường gây stress như hạn mặn, thiếu hụt nước, ngập úng, nhiệt độ cao, nhiễm độc kim loại và các chất gây ô nhiễm hữu cơ bằng cách làm giảm hoạt động của stress ethylene. Những stress phi sinh học này có thể trở nên trầm trọng hơn do biến đổi khí hậu trên toàn cầu.

**Từ khóa**: Vi khuẩn, ACC deaminase, stress, phi sinh học, cây trồng, biến đổi khí hậu

**80. Xác định các yếu tố điều hòa hoạt động (CRE) của gen RMP1 và RMP2 liên quan đến biểu hiện chuyên biệt ở hạt phấn lúa**/ Nguyễn Tiến Dũng, Triệu Bích Huệ, Nguyễn Xuân Vũ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 48-52.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố điều hòa hoạt động (CRE) của gen RMP1 và RMP2 liên quan đến biểu hiện chuyên biệt ở hạt phấn lúa. Gen chuyên biệt mô, cơ quan thường được kiểm soát bởi các yếu tố điều hòa hoạt động (Cis Regulator Elements – CRE) nằm trên vùng điều hòa gen (promoter). Ở lúa, promoter chuyên biệt hạt phấn đã được chứng minh có sự tham gia của các CRE đặc hiệu như GTGANTG10, POLIEN1LELAT52… và các mô típ đặc thù khác nhau. Hai gen, RMP1 và RMP2 biểu hiện chuyên biệt ở giai đoạn đầu hình thành hạt phấn lúa. Vùng promoter được phân tích bằng phần mềm NEW PLACE và PlantCARE đã xác định được 80 và 95 CRE nằm trên promoter RMP1 và RMP2.

**Từ khóa**: Điều hòa hoạt động, gen, hạt phấn lúa, promoter

**81. Xây dựng hệ thống công khai, minh bạch phát thải khí nhà kính từ các hoạt động xử lý chất thải trên địa bàn Hà Nội/** Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Thị Thanh Thủy// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 33-35.

**Nội dung:** Kiểm tra sự phát triển của ứng dụng WebGIS như một phần của hệ thống công khai phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải và tạo ra các bản đồ và các tệp dữ liệu với lượng khí thải được phân bổ theo vị trí không gian của các nhà máy xử lý chất thải trên địa bàn Hà Nội.

**Từ khóa**: Phát thải khí nhà kính, xử lý chất thải

**82. Xây dựng mô hình MRV và bộ tiêu chí đánh giá mức độ công khai, minh bạch các hành động giảm thiểu phát thải trong lĩnh vực quản lý chất thải/** Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Thị Thu Hương, Phạm Thị Thanh Thủy// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 16 (366) .- Tr. 27-29.

**Nội dung:** Đề xuất bộ tiêu chí với 29 tiêu chí phục vụ cho đánh giá mức độ công khai, minh bạch các hành động giảm nhẹ phát thải trong quản lý chất thải và mô hình MRV cho hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực chất thải của Việt Nam.

**Từ khóa**: Mô hình MRV, quản lý chất thải

**83. Xử lý rác thải y tế bằng phương pháp hấp nhiệt ướt**/ Nguyễn Văn Bình, Đỗ Đình Hưởng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 39-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu xử lý rác thải y tế bằng phương pháp hấp nhiệt ướt có ý nghĩa quan trọng trong việc ứng dụng xử lý chất thải tại các bệnh viện mang lại hiệu quả cao. Chất thải y tế là chất thải rất nguy hại, độc tính cao, khả năng lây nhiễm mạnh, nếu không xử lý khoa học sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Công nghệ URENCO 13 không phát sinh chất thải thứ phát là dioxin và furan như công nghệ đốt. Với công nghệ này, Việt Nam sẽ thực hiện tốt hơn các công ước về bảo vệ môi trường đã ký kết với quốc tế.

**Từ khóa**: Xử lý rác thải y tế, hấp nhiệt ướt, rác thải y tế, sức khỏe cộng đồng, ô nhiễm môi trường

**84. Yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh Streptococcosis ở các rô phi (Oreochromis sp.) nuôi nước ngọt**/ Trương Thị Mỹ Hạnh, Phan Thị Vân, Lê Thị Mây, Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Văn Nha, Nguyễn Đình Xuân Qúy, Đặng Thị Lụa// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 42-47.

**Nội dung**: Nhằm xác định các yếu tố nguy cơ và đánh giá mức độ liên quan đến sự bùng phát bệnh Streptococcosis ở cá rô phi (Oreochromis sp.) nuôi nước ngọt. Phân tích kết quả các yếu tố oxy hòa tan (DO), mật độ Aeromonas spp. và vi khuẩn hiếu khí tổng số cho thấy chúng không có tính tương quan và không phải là yếu tố nguy cơ liên quan đối với bệnh Streptococcosis ở cá rô phi. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để dự báo sớm khả năng xuất hiện bệnh ở cá rô phi và đưa ra các giải pháp phòng, trị bệnh Streptococcosis hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Streptococcosis, vi khuẩn hiếu khí, oxy hòa tan, cá rô phi

**GIÁO DỤC**

**1.** **Ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động nghiên cứu toàn cầu**/ Xin Xu// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Hợp tác và cạnh traanh thế giới vẫn diễn ra trong đại dịch. Cộng đồng nghiên cứu toàn cầu đang thể hiện sự cởi mở, sự kiên cường và tính nhân văn. Tình trạng hạn chế dịch chuyển đang làm tăng thêm những thách thức vừa tạo thêm cơ hội thay đổi với các nhà nghiên cứu. Đại dịch cũng làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng, những vấn đề đạo đức và tác động đến nghiên cứu. Suy ngẫm về những thay đổi đang diễn ra giúp chúng ta hình dung xây dựng tương lai nghiên cứu toàn cầu.

**Từ khóa:** Covid-19, Nghiên cứu, toàn cầu

**2.** **Ảnh hưởng của khoa học và công nghệ đến chức năng giáo dục trong gia đình Việt Nam hiện nay**/ Trịnh Thị thúy// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 8 .- Tr. 65-67.

**Nội dung:** Khoa học và công nghệ ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến chức năng giáo dục trong gia đình Việt Nam. Tích cực là khoa học và công nghệ mang lại nhiều tiện ích cho cha mẹ trong quá trình chăm sóc con cái, mang lại nhiều hình thức giải trí. Tiêu cực là khoa học và công nghệ phá vỡ sự liên kết trong gia đình khiến cho mối quan hệ các thành viên lỏng lẻo, làm thay đổi vai trò của cha mẹ trong quyền và khả năng kiểm soát con cái, đồng thời ảnh hưởng đạo đức và lối sống của thành viên trong gia đình.  
**Từ khóa**: Giáo dục gia đình, khoa học và công nghệ, chức năng giáo dục

**3. Bước đầu đánh giá mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng tại khoa Văn hóa học Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh**/ Lê Thị Hồng Quyên// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 105-111.

**Nội dung:** Trên cơ sở khái quát thực tiễn việc xây dựng, cải tiến chương trình cũng như quá trình tổ chức đào tạo tại khoa Văn hóa học Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết bước đầu đánh giá thực trạng của mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả của mô hình đào tạo này tại khoa Văn hóa học, góp phần cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa cho các tỉnh phía nam và của cả nước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

**Từ khóa**: Đào tạo, định hướng ứng dụng, Văn hóa học, Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

**4. Các vấn đề văn hóa trong dạy học kỹ năng nói Tiếng Anh cho sinh viên viện Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Thương Mại**/ Trần Thị Thu Hiền// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 55-57.

**Nội dung:** Trong thời đại giao lưu giữa các nên văn hóa như hiện nay, các biểu hiện văn hóa trở nên đa dạng, phong phú và phức tạp. Vì vậy dạy cho người học biết cách ứng xử có văn hóa , phù hợp linh hoạt với nhiều nền văn hóa khác nhau. Đòi hỏi mỗi giáo viên phải biết học hỏi, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn của mình mỗi ngày.

**Từ khóa**: Tiếng anh, kỹ năng nói, Đại học Thương Mại

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của giảng viên Trường Đại học Duy Tân**/ Võ Thị Thanh Thương, Nguyễn Thị Thảo, Mai Thị Hồng Nhung// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4 (47) .- Tr. 84-101.

**Nội dung**: Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp định tính khảo sát các giáo viên trong khuôn viên nhà trường, nhóm tác giả đã chỉ ra những yếu tố cơ bản bao gồm giao tiếp, quan tâm và rủi ro là những yếu tố tác động đến việc chia sẻ tri thức. Qua dó mạnh dạn đề xuất giải pháp thúc đẩy việc chia sẻ tri thức của giảng viên nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy.

**Từ khóa**: Tri thức, Đại học Duy Tân, giảng viên

**6. Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên tại Trường Đại học Tài chính – Kế toán**/ Trần Thị Thanh Thanh// Khoa học .- 2021 .- Số 20 .- Tr. 82-90.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên tại Trường Đại học Tài chính – Kế toán . Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên tại trường Đại học: xã hội, phương pháp giảng dạy của giảng viên, niềm tin của sinh viên, sự cải tiến về chất lượng dịch vụ, cơ hội việc làm trong tương lai.

**Từ khóa:** Phương pháp học, phương pháp dạy, sinh viên, Trường Đại học Tài chính – Kế toán, chất lượng giảng dạy

**7. Cần thiết hơn bao giờ hết: Quốc tế hóa giáo dục về y tế/** Anette Wu, Geoffroy P.J.C Noel, Betty Leask, Lisa Unangst, Edward Choi, Hans De Wit// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Bài viết xem xét vấn đề dưới góc nhìn của Hoa Kỳ, chỉ ra những khác biệt giữa hai khái niệm đôi khi có điểm trùng lặp là sức khỏe toàn cầu và quốc tế hóa chương trình đào tạo ngành y tế, đồng thời đề xuất một cách tiếp cận liên ngành. Không kết hợp quốc tế hóa và giáo dục y khoa sẽ làm hạn chế hiểu biết của sinh viên ngành y về những vấn đề toàn cầu, xã hội, văn hóa, và đạo đức liên quan đến thực hành và nghiên cứu y học không chỉ trong thời gian đang dễn ra đại dịch còn xa hơn thế.

**Từ khóa**: Quốc tế hóa, giáo dục, y tế, Đại học

**8. Chưa phải là niết bàn: Hệ quả của cuộc bầu cử Hoa Kỳ đối với giáo dục Đại học Quốc tế**/ Philip G. Altbach và Hans De Wit// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Việc Donal Trump rời Nhà Trắng sẽ mang lại một số thay đổi tích cực và tức thì đối với bức tranh giáo dục Đại học của Hoa Kỳ và Quốc tế. Nhưng chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa dân tộc mà Trump đại diện vẫn là một phần của thực tế ở Hoa Kỳ và ở nhiều quốc gia khác. Điều tốt nhất có thể nói được la giáo dục Đại học Quốc tế dướu thời Biden sẽ bớt thảm hại hơn dưới thời Trump và chỉ riêng điều này cũng đáng vui mừng.

**Từ khóa**: Đại học, Hoa Kỳ, giáo dục, Quốc tế

**9. Chuẩn đầu ra và niềm tin của công chúng vào giáo dục Đại học**/ Tia Loukkola và Helene Peterbauer// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Chuẩn đầu ra ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong khung trình độ đảm bảo chất lượng, chúng nhằm mục tiêu đảm bảo và thúc đẩy lòng tin của công chúng vào các nhà cung cấp giáo dục. Tuy nhiên trong bối cảnh giáo dục Đại học được quốc tế hóa, câu hỏi được đặt ra là có thể thực hiện được chức năng này ở quy mô toàn cầu hay không, và liệu có cách thức nào và có nhu cầu xác minh kết quả học tập hay không.

**Từ khóa**: Đại học, giáo dục, chuẩn đầu ra, niềm tin, công chúng

**10. Đặc điểm của quá trình dạy học hiện đại ở Trường Đại học**/ Châu Thị Lan Chi// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 10 .- Tr. 14-15.

**Nội dung**: Thực trạng, hoạt động hiện tại của các trường Đại học. Những hoạt động nhận thức tích cực của sinh viên trong điều kiện nội dung, phương pháp ngày càng hiện đại.Phương pháp giảng dạy hiện nay, mối quan hệ giữ thầy và trò trong quá trình dạy và học.

**Từ khóa**: Đại học, dạy và học, phương pháp dạy

**11. Đặc trưng ngữ nghĩa của các phương tiện biểu đạt tình thái trong bài báo khoa học ở tạp chí trong danh mục quốc tế và tạp chí chưa xếp trong danh mục**/ Tôn Nữ Mỹ Nhật, Nguyễn Thị Diệu Minh// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Vol 5 – N1 .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Công trình nghiên cứu đặc trưng ngữ nghĩa các phương tiện biểu đạt nghĩa tình thái trong bài báo khoa học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ học. Tần suất sử dụng phương tiện biểu đạt nghĩa tình thái về mặt ngữ nghĩa là phạm trù phổ biến. Các vấn đề trình bày đóng góp cho nghiên cứu, các phương tiện biểu đạt tình thái trong bài báo nói chung và ngành ngôn ngữ học nói riêng.

**Từ khóa**: Bài báo khoa học, đặc trưng ngữ nghĩa, tạp chí, ngôn ngữ học

**12. Đào tạo tiến sĩ hậu Covid không được chú trọng**/ Tessa DeLaquil, Lizhou Wang// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Đào tạo tiến sĩ hiện không còn được chú trọng thể hiện qua việc hạn chế hỗ trợ cho các chương trình tiến sĩ và cho nghiên cứu sinh do thiếu nguồn lực vì Covid-19. Việc này có thể đổi hướng dòng chảy nhân tài toàn cầu trong thời gian trước mắt và nhiều khả năng cả về lâu dài.

**Từ khóa**: Đào tạo, tiến sĩ, Covid-19

**13. Đào tạo tiến sĩ: Viễn cảnh toàn cầu**/ Victor Rudakov, Maria Yudkevich// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Không có mô hình đào tạo tiến sĩ nào được coi là tiêu chuẩn. Bức tranh đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới khá đa dạng và tính linh hoạt cũng như số lượng những biến thể ngày càng tăng thêm. Tuy nhiên đào tạo tiến sĩ đã trở thành một thị trường toàn cầu thu hút các luồng sinh viên quốc tế, giảng viên và sinh viên tốt nghiệp khiến hình thành nhu cầu thống nhất các tiêu chí và chuẩn mực.

**Từ khóa**: Đào tạo, tiến sí, toàn cầu hóa

**14.** **Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục trong thời kỳ giáo dục thông minh/** Lê Bá Lộc// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 11-13 .- Tr.19.

**Nội dung**: Đứng trước sự tác động mạnh mẽ, sâu rộng của giáo dục thông minh trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, chất lượng mọi mặt nhất là đội ngũ giảng viên các trường đào tạo, bồi dưỡng quản lý giáo dục phải được nâng lên để áp dụng tốt nhiệm vụ xây dựng nhà trường thông minh, tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**Từ khóa**: Giáo dục thông minh, Công nghiệp 4.0, quản lý giáo dục

**15. Đo lường cơ hội tiếp cận giáo dục Đại học : mục đích và bối cảnh/** C.M. Malish// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Tỷ lệ nhập học chung (GER) là một chỉ số được sử dụng rộng rãi để đo lường mức độ tiếp cận giáo dục. Gần đây một chỉ số khác được gọi la tỷ lệ nhập học đủ điều kiện (EER) được đưa ra. Bài viết này so sánh GER và EER và tính hữu ích của chúng trong việc đánh giá sự tiến bộ của giáo dục Đại học ở Ấn Độ. Bài viết này lập luận rằng GER dường như vẫn là chỉ số thích hợp nhất để đo lường mức độ tiếp cận giáo dục Đại học.

**Từ khóa**: Đại học, giáo dục, cơ hội tiếp cận

**16.** **Đổi mới phương pháp giảng dạy học phần kế toán thuế theo hướng tiếp cận thực tiễn ở trường Đại học hiện nay**/ Nguyễn Lan Hương// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 8 .- Tr. 42-43.

**Nội dung:** Học phần kế toán cung cấp kiến thức căn bản về kế toán. Giúp cho người được đào tạo biết được phương pháp hạch toán, kê khai, nộp và quyết toán các loại thuế hiện nay đang áp dụng đối với từng loại hình sản xuất kinh doanh.Bởi vậy cần tăng cường tập huấn kỹ năng nghề cho giảng viên và đổi mới phương pháp giảng dạy học tập cho sinh viên.

**Từ khóa**: Đại học, phương pháp giảng dạy, kế toán thuế

**17. Đổi mới quan hệ cơ bản tại các cơ sở giáo dục Đại học Việt Nam trong yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của thế kỷ XXI**/ Vũ Thị Huyền, Vũ Thị Bích Liên// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 7-10.

**Nội dung:** Với những thay đổi yêu cầu nhân lực và quan hệ lao động đã có những tác động lớn tới giáo dục Đại học và giáo dục nghề nghiệp. Định hướng nghề nghiệp là trách nhiệm của nhà trường là mục tiêu đào tạo. Trang bị cho người học kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo. Xây dựng mối quan hệ của trường học và yêu cầu đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội hiện nay.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực, Đại học, Việt Nam, giáo dục

**18. Dự án đào tạo sở hữu trí tuệ ngành văn hóa – du lịch và định hướng xây dựng chương trình tổ chức giảng dạy văn hóa sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục Đại học**/ Từ Mạnh Lương// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 95-104.

**Nội dung**: Trong bối cảnh giao lưu và hội nhập vấn đề sở hữu trí tuệ ngày càng quan trọng là chìa khóa hội nhập với thế giới. Trong lĩnh vực văn hóa và du lịch nước ta hiện nay các tổ chức cá nhân vẫn chưa nhận thức chính xác, đầy đủ về sở hữu trí tuệ cũng như vấn đề liên quan. Đặc biệt trong công tác đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng sở hữu trí tuệ như các hình thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ… trong ngành văn hóa và du lịch ở Việt Nam còn bỏ ngỏ nhiều bất cập và hạn chế. Bài viết góp phần định hướng, tổ chức, giảng dạy, tập huấn về vấn đề sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực văn hóa và du lịch ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Văn hóa – du lịch, sở hữu trí tuệ, đào tạo, định hướng xây dựng, giáo dục Đại học

**19. Giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng người Hoa vùng Tây Nam Bộ**/ Nguyễn Ngọc Thơ, Cao Thanh Tâm, Huỳnh Hoàng Ba// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 3-20.

**Nội dung**: Giáo dục đạo đức, lối sống, gia đình và giáo dục văn hóa-tinh thần tộc người trong cộng đồng người Hoa là hai khía cạnh quan trọng của toàn bộ đời sống lễ tục cộng đồng này, nhất là trong bối cảnh Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập sau rộng hơn trong nền kinh tế toàn cầu.Với nhiệm vụ định hướng và bồi dưỡng tinh thần và hàm dưỡng văn hóa tộc người, các hoạt động ở quy mô cộng đồng. Giáo dục trong gia đình người Hoa là một phương diện có tính khép kín thì các hoạt động mang tính giáo dục ở cấp độ cộng đồng mang tính mở yếu tố đồng thời thúc đẩy giao lưu văn hóa liên tộc người.

**Từ khóa**: Người Hoa, Tây Nam Bộ, gia đình, giáo dục

**20. Giáo dục trực tuyến E – Learning: Xu thế tất yếu của thời đại công nghệ số**/ Trần Thị Thu Hiền// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 14-15.

**Nội dung:** Giáo dục trực tuyến E – Learning là một phương thức đào tạo dựa trên công nghệ thông tin. Với sự bùng nổ phát triển của công nghệ hiện đại, E – Learning ngày càng được ưa chuộng bởi tính linh hoạt và tiện dụng về thời gian lẫn địa điểm. Giúp giải quyết nhiều vấn đề khó khăn khi người học có thể học mọi lúc mọi nơi. Hiện nay giáo dục trực tuyến E – Learning được áp dụng rộng rãi và tạo ra hiệu quả cao đối với người học và người dạy.

**Từ khóa:** Dạy và học, giáo dục trực tuyến E – Learning, công nghệ số

**21. Hậu Brexit : giáo dục Đại học Anh đi về đâu**/ Anne Corbett// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Bài báo này đánh giá những tác động của Brexit đến giáo dục Đại học và nghiên cứu của Vương Quốc Anh (UK). Bài báo đưa ra nhận định rằng kịch bản, tương lai không chỉ bị chi phối bởi những hiệp ước với EU mà còn bởi những ưu đãi chính sách được quy định chính sách sau đó: tiếp tục tham gia chương trình Khoa học và Đổi mới EU, tăng cường mối quan hệ thương mại, bao gồm giáo dục Đại học với khu vực Thái Bình Dương.

**Từ khóa**: Đại học, giáo dục, Anh, Brexit

**22. Hiệu quả của ứng dụng điện thoại Memrise trong việc học từ vựng của sinh viên chuyên ngữ Tiếng Anh**/ Nguyễn Phước Bảo Châu, Võ Thị Liên Hương// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Vol 5 – N1 .- Tr. 1-9.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung vào tìm hiểu về hiệu quả của Memrise đối với vốn từ vựng thông qua khả năng đọc hiểu của sinh viên EFL.Nghiên cứu thực nghiệm trong vòng 3 tháng với 40 sinh viên. Kết quả cho thấy sự khác biệt đáng kể về vốn từ vựng của sinh viên trong nhóm sử dụng Memrise và đạt được hiệu quả cao trong học tập.

**Từ khóa:** Tiếng Anh , từ vựng, ứng dụng điện thoại, sinh viên

**23.** **Hiệu quả từ các mô hình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho thanh thiếu niên**/ Nguyễn Tấn Lâm// Trung tâm thanh thiếu niên miền trung .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 30-37.

**Nội dung:** Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với thế hệ trẻ. Lứa tuổi thanh thiếu niên la lứa tuổi đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu ước mơ ham hiểu biết. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay thế hệ trẻ thường xuyên chịu tác động sâu sắc của xã hội, nếu không giáo dục kỹ năng sống thanh thiếu niên dễ bị lôi kéo và có hành vi bạo lực tiêu cực, lối sông ích kỷ, lệch lạc.

**Từ khóa:** Kỹ năng sống, thanh thiếu niên, giáo dục

**24. Hiệu trưởng Đại học có tiếng nói trong cộng đồng hay không**/ Robert A. Scott// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Trong thời kỳ tràn ngập những phát ngôn giả dối và xuyên tạc từ những người nổi tiếng và quan chức được bầu chọn, ai là người phải nói lên sự thật, ai là người sẽ hỗ trợ kiến thức khoa học và vai trò của tiêu chuẩn đạo đức luật pháp khoa học trong việc hướng dẫn xây dựng chính sách. Trong quá khứ hiệu trưởng nhà trường đã lên tiếng vì sự thật và công lý. Bài báo giải thích lý do vì sao cần có những tiếng nói.

**Từ khóa**: Hiệu trưởng, Đại học, cộng đồng, giáo dục

**25. Hòa nhập khi du học: Các chương trình trao đổi hỗ trợ sinh viên**/ Mary Mackenty// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Bài báo này nêu ra một cách nhìn về những thách thức và lợi thế của chương trình trao đổi du học Mỹ.Câu hỏi đặt ra là nếu những chương trình trao đổi sinh viên được hỗ trợ tốt hơn thì có giúp sinh viên hòa nhập tốt hơn khi học tập ở nước ngoài hay không.

**Từ khóa:** Du học, hòa nhập, sinh viên, chương trình trao đổi

**26. Hòa nhập toàn cầu và phù hợp địa phương : xem xét lại giáo dục Đại học**/ Janet Llieva, Vangelis Tsiligiris// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 106 .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Bài báo này đề cập những áp lực hiện tại đối với việc cung cấp giáo dục Đại học và gợi ý những vấn đề dài hạn mà các trường Đại học và các nhà hoạch định chính sách nên xem xét. Bài báo kêu gọi tái nhận thức về giáo dục Đại học quốc tế, đưa tinh thần công dân toàn cầu thành cốt lõi. Cung cấp giáo dục theo cách như vậy nhằm mục đích gắn kết địa phương, phù hợp với toàn cầu và kỳ vọng của đội ngũ sinh viên đa dạng.

**Từ khóa**: Toàn cầu hóa, Đại học, hòa nhập

**27.** **Mô hình tự chủ giáo dục Đại học của Hoa Kỳ và một số kinh nghiêm đối với tự chủ Đại học ở Việt Nam**/ Cao Thị Phương Thúy// // Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 8 .- Tr. 63-65.

**Nội dung:** Tự chủ Đại học là điều kiện, tiền đề cần thiết để thực hiện các phương pháp quản trị Đại học nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh và nâng cao uy tín, vị thế. Nhằm thực hiện tính khách quan công bằng hiệu quả.

**Từ khóa**: Đại học, Hoa Kỳ, giáo dục

**28. Một số yêu cầu khi viết bài báo khoa học đối với học viên sau Đại học chuyên ngành khoa học giáo dục/** Nguyễn Thu Tuấn// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Bài báo trình bày một số yêu cầu cần thiết trong việc chọn tạp chí phù hợp, kinh phí, cỡ chữ, cấu trúc, cách viết, nguồn trích dẫn…., để giúp các học viên sau đại học tạo nên những thành công bước đầu khi viết một bài báo khoa học. Qua đó mong muốn sẽ có những bài báo chất lượng, uy tín trong và ngoài nước.

**Từ khóa:** Bài báo khoa học, nghiên cứu khoa học, Sau Đại học, khoa học giáo dục

**29.** **Nâng cao hiệu quả tự học, tự nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên hiện nay**/ Nguyễn Thị Thanh Thảo// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 8 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Đào tạo tín chỉ là phương pháp đào tạo có nhiều ưu thế so với phướng thức đào tạo truyền thống.Việc áp dụng hình thức này sao cho phù hợp với tình hình hiện nay đối với giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý là rất cần thiết. Giải pháp đưa ra nhằm tăng cường hướng dẫn hoạt động tự học giảng viên phải có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Áp dụng các phương pháp dạy học mới khơi dậy tính chủ động, sáng tạo, tư duy của sinh viên.

**Từ khóa**: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử, sinh viên, giảng viên, nghiên cứu

**30. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên các trường Đại học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp hiện nay**/ Trần Đình Thành// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 8 .- Tr. 14 .- Tr. 17.

**Nội dung**: Trình bày những nhận thức, trách nhiệm thái độ, động cơ nghiên cứu cho sinh viên. Bồi dưỡng kỹ năng học, tự nghiên cứu, phát huy và tôn trọng ý kiến của sinh viên về những vấn đề nghiên cứu khoa học nhất định trong định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.

**Từ khóa**: Sinh viên, Đại học, nghiên cứu khoa học, nghề nghiệp

**31. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ Thư viện tại Trường Đại học Duy Tân**/ Trần Thị Yến Phương// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4 (47) .- Tr. 143-151.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ Thư viện của Trường. Mô hình nghiên cứu gồm 5 nhân tố: Phương tiện hữu hình, tin cậy, đáp ứng, năng lực phục vụ và đồng cảm. Kết quả cho thấy có 4 nhân tố tác động tích cực đến chất lượng dịch vụ Thư viện. Qua đó đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao sự hài lòng của sinh viên về chất lượng Thư viện.

**Từ khóa**: Sự hài lòng, chất lượng dịch vụ, Thư viện, sinh viên

**32. Phản hồi của sinh viên khi học kỹ năng nói theo hình thức E-learning: Trường hợp sinh viên Tiếng Pháp năm 2, Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế**/ Hoàng Thị Thu Hạnh// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Vol 5 – N1 .- Tr. 31-38.

**Nội dung:** Hiện nay E-learning trở thành một phương thức dạy và học phổ biến, nó đáp ứng nhu cầu của người dạy và học giúp họ tận dụng hiệu quả công việc thông tin và truyền thông đặc biệt trong giảng dạy ngoại ngữ. Trong bài báo này đưa ra kết quả nghiên cứu, những vấn đề thảo luận nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học E-learning trong dạy ngoại ngữ nói chung và kỹ năng nói Tiếng Pháp.

**Từ khóa**: E-learning, kỹ năng nói, sinh viên

**33. Phát triển những phương pháp tiếp cận toàn hệ thống để giảng dạy xuất sắc**/ Paul Ashwin// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Có hai cách tiếp cận thúc đẩy giảng dạy xuất sắc toàn hệ thống: cách tiếp cận hình mẫu và lập bản đồ. Những phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu tập trung vào việc xác định những tường hợp giảng dạy xuất sắc cụ thể giảng viên hoặc tổ chức ở cấp quốc gia và đã được áp dụng ở một số nước. Phương pháp lập bản đồ tìm cách đánh giá công việc giảng dạy trên toàn bộ hệ thống có thể là phạm vi quốc gia hoặc quốc tế.

**Từ khóa**: Phương pháp giảng dạy, giáo dục

**34. Sử dụng kỹ thuật phân tích yếu tố khám phá (EFA) để đánh giá mô hình đo lường trong nghiên cứu khoa học**: **Một số tổng kết và hàm ý**/ Cao Quốc Việt// khoa học Yersin .- 2021 .- Tập 9 . – Tr. 3-11.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố là một phương pháp thống kê đa biến được sử dụng nhiều trong tâm lý học, marketing, kinh doanh và quản trị. Bài tổng hợp này cung cấp cho các nhà nghiên cứu cách tiếp cận để thực hiện phân tích các yếu tố khám phá (EFA). Phân tích yếu tố là một công cụ quan trọng có thể sử dụng trong việc phát triển, sàng lọc, đánh giá các thang đo. Mục đích bài viết cung cấp chiến lược , phương pháp tiếp cận có hệ thống, đơn giản đa dạng cho việc lựa chọn liên quan đến thực hiện EFA trong nghiên cứu.

**Từ khóa**: Nghiên cứu khóa học, yếu tố khám phá EFA, kỹ thuật phân tích

**35. Tác động của Covid-19 đến giáo dục Đại học nhìn từ quan điểm công bằng**/ Jamil Salmi// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Những gián đoạn do đại dịch Covid-19 gây ra ảnh hưởng đến mọi quốc gia cả giàu và nghèo, sinh viên từ những nhóm thiểu số phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Ở những quốc gia có Internet chưa phổ biến và băng thông thấp, cơ hội học tập trực tuyến bị hạn chế đáng kể. Các trường Cao đẳng Đại học và ở những quốc gia có thu nhập thấp chật vật triển khai những chương trình đào tạo từ xa có chất lượng do thiếu những học giả có kinh nghiệm và thiếu nguồn lực.

**Từ khóa**: Covid-19, Đại học, giáo dục

**36. Thách thức trong thế giới biến đổi: Các phân hiệu Đại học từ Hoa Kỳ/** Daniel C.Kent// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Số lượng các phân hiệu quốc tế của Đại học Hoa Kỳ tăng nhanh trên khắp thế giới trong những thập kỷ gần đây. Nhiều cơ sở đã thành công nhưng cũng không ít cơ sở đã thất bại. Mặc dù với nhiều nhà quản trị tổ chức, các phân hiệu này có vẻ hứa hẹn nhưng các nhà quản trị nên biết rằng họ có thể gặp vô số thách thức trong quá trình thành lập và tiếp tục những dự án mạo hiểm, đặc biệt trong bối cảnh chuyển dịch toàn cầu hiện nay.

**Từ khóa**: Hoa Kỳ, Đại học, giáo dục, thế giới, biến đổi

**37. Thông tin và thị trường giáo dục Đại học**/ Janja Komljenovic// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 13-15.

**Nội dung:** Để thị trường hóa, giáo dục Đại học cần được nhà nước hỗ trợ và cần một khung pháp lý phù hợp. Tuy nhiên như vậy vẫn chưa đủ để thị trường hoạt động. Thị trường còn cần đến những tác nhân thị trường những người tính toán và hành xử phù hợp với logic kinh tế. Các phương tiện thị trường giúp biến sinh viên, nhân viên người sử dụng lao động và những người khác trở thành tác nhân như vậy. Bài viết đề cập đến những công cụ thông tin thị trường giúp ta tình toán về mặt kinh tế tổ chức những hoạt động được coi là có giá trị và xây dựng xã hội tương lai.

**Từ khóa**: Giáo dục, Đại học, thị trường

**38. Tranh đấu tìm nguồn tài trợ và chống lại bất bình đẳng hậu Covid-19**/ Hans de Wit, Philip G. Altbach// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 2-4.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã mở ra chiếc hộp Pandora về vai trò giáo dục Đại học trong tương lai. Giáo dục trực tuyến được chấp nhận trong một thời gian ngắn, nhưng cũng cho thấy rõ rằng các cơ sở giáo dục Đại học cũng là một cộng đồng sống gồm giảng viên và sinh viên. Đại dịch đã làm nổi bật tầm quan trọng của sự hợp tác nghiên cứu quốc tế nhưng do kinh tế suy thoái nghiêm trọng, đại dịch làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục Đại học và nghiên cứu.

**Từ khóa:** Tài trợ, Đại dịch Covid-19, bất bình đẳng

**39. “Tương lai học” và giáo dục Đại học trong môi trường hậu Covid-19**/ William Locke// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 105 .- Tr. 7-10.

**Nội dung:** Ngay cả trước khi có Covid-19 các nhà tương lai học từng khẳng định rằng một số gián đoạn diễn ra trong giáo dục Đại học kết hợp lại với nhau sẽ tạo ra những Kịch bản tàn phá đối với các trường Đại học. Những tuyên bố này cho biết về một chính sách ngày càng chiếm ưu thế và những tranh luận của nhà quản lý về như cầu chuyển đổi nhanh chóng và triệt để trong các quy ước học thuật, mô hình kinh doanh và phương thức làm việc.

**Từ khóa:** Giáo dục, Đại học, Covid-19, tương lai học

**40. Ứng dụng phương pháp phân tích thành phần chính và phân cụm dữ liệu đánh giá kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Đại học**/ Lê Phước Thành// Khoa học .- 2021 .- Số 20 .- Tr. 91-100.

**Nội dung:** Bài báo chỉ ra những điểm mạnh, yếu về hoạt động của các trường theo các tiêu chuẩn, mối quan hệ giữa các lĩnh vực cũng như so sánh mức độ đánh giá giữa các trung tâm kiểm định với nhau. Đây là cơ sở để thực hiện việc đối sánh và cải tiến chất lượng tại cơ sở giáo dục.

**Từ khóa:** Đại học, chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng, giáo dục

**41. Ưu điểm và hạn chế của hoạt động dạy học trực tuyến trong giai đoạn hiện nay/** Ngyễn Thị Tuyến// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 9 .- Tr. 22-24 .- Tr. 27.

**Nội dung**: Trình bày những ưu điểm và hạn chế khi dạy học trực tuyến. Giúp người học, người dạy tiết kiệm thời gian chi phí, yếu tố tâm lý, dễ dàng học tập truy cập, khả năng lưu trữ tài liệu, khả năng tương tác trong lúc học, môi trường học tập trực tuyến…

**Từ khóa**: Dạy học trực tuyến, sinh viên, giáo dục

**42. Vai trò của du học trong việc tăng cường chống phân biệt chủng tộc**/ Motun Bolumole, Nicole Barone// Giáo dục Đại học Quốc Tế .- 2021 .- Số 104 .- Tr. 4-6.

**Nội dung:** Các chuyên gia giáo dục quốc tế kiên trì thuyết giảng về sự cần thiết đa dạng hóa và tạo ra những chương trình du học mang tính công bằng hòa nhập. Tuy nhiên những vấn đề về chủng tộc và phân biệt chủng tộc vẫn len lỏi vào trải nghiệm du học của sinh viên da màu. Chúng tôi cho rằng có thể đã đến lúc lĩnh vực du học phải vượt ra ngoài phạm vi những lời hùng biện về sự đa dạng và hòa nhập, và bắt đầu tập hợp lại, dẫn dắt một chương trình nghị sự chống ;ại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong giáo dục quốc tế.

**Từ khóa:** Du học, phân biệt chủng tộc, giáo dục

**43. Vai trò của Thư viện đối với giáo dục Đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa về tri thức và văn hóa/** Nguyễn Trọng Bình, Võ Ngọc Hạnh, Phạm Thị Ánh Nguyệt, Lê Thị Kim Lanh// khoa học Đại học Cửu Long .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 68-74.

**Nội dung:** Giáo dục Đại học là nơi diễn ra những hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ nhằm phục vụ cuộc sống. Bài viết dưới đây trình bày tầm quan trọng của Thư viện trong các hoạt động nhằm hỗ trợ cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học ở các trường Đại học. Đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa về tri thức và văn hóa hôm nay.

**Từ khóa**: Thư viện, toàn cầu hóa, đào tạo, văn hóa, tri thức

**LUẬT HỌC**

**1. Bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người trong khuôn khổ Liên hợp quốc – Thành tựu và thách thức**/ Mạc Thị Hoài Thương, Lã Minh Trang// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 36-49.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu cơ chế bảo vệ và thíc đẩy quyền con người của Liên hợp quốc, khái quát các thành tựu của Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền văn hóa nhân quyền, lập pháp, thành lập các cơ quan có chức năng bảo vệ, thúc đẩy quyền con người, chỉ ra những thách thức mà Liên hợp quốc đang phải đối mặt hiện nay.

**Từ khóa**: Liên hợp quốc, quyền con người, thành tựu, thách thức

**2. Bàn về hoạt động pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật ở Việt Nam**/ Nguyễn Hoài Anh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.213 - 215.

**Nội dung:** Nhằm xây dựng một hệ thống pháp luật đầy đủ, công khai, minh bạch, giúp người dân dễ tiếp cận, Nhà nước Việt Nam đã có chủ trương thực hiện hoạt động pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật và ban hành những quy định cụ thể nhằm đem lại hiệu quả cao cho hoạt động này. Bài viết đánh giá những thành tựu, vấn đề còn tồn tại, hạn chế của hoạt động pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động này trong tương lai.

**Từ khoá:** Pháp điển hóa, quy phạm pháp luật, hệ thống quy phạm pháp luật.

**3. Bất cập về chế tài xử phạt vi phạm trong kinh doanh bất động sản**/ Liêu Chí Trung// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.49 - 50.

**Nội dung:** Thời gian qua, việc mua bán nhà ở, công trình hình thành trong tương lai hoặc mua bán đất nền khá phổ biến, người bán (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hoặc môi giới bất động sản - gọi chung là doanh nghiệp) đưa ra những phương thức quảng cáo, tiếp thị để tiếp cận nhu cầu người mua, đồng thời kêu gọi vốn cho doanh nghiệp dưới các hình thức như là hợp đồng góp vốn, hợp đồng đầu tư thay vì hợp đồng đặt cọc hoặc hợp đồng mua bán khi giao kết hợp đồng các dự án bất động sản hoặc bất động sản hình thành trong tương lai. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp không tư vấn đầy đủ và chưa có đầy đủ điều kiện theo yêu cầu của pháp luật nhưng vẫn công khai đăng tin rao bán tài sản. Vì chưa hoàn thành xong thủ tục nên dẫn đến nhiều trường hợp tranh chấp giữa doanh nghiệp và người mua đã diễn ra liên tục. Tiêu biểu như vào năm 2019, chủ doanh nghiệp kinh doanh bất động sản là Alibaba và các đồng phạm đã bị bắt và bị cơ quan chức năng khởi tố [1]. Nhiều doanh nghiệp có hành vi hứa hẹn hoặc không thực hiện được hoặc do bất động sản không đủ điều kiện trao đổi, mua bán nhưng vẫn đưa ra chào bán, dẫn đến hệ quả quả là người mua phải chờ đợi “sổ đỏ” rất lâu.

**Từ khoá:** Luật xử phạt vi phạm hành chính, kinh doanh bất động sản.

**4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng cá nhân trước tội phạm công nghệ cao**/ Nguyễn Thị Tú Trinh, Vũ Minh Hường, Hà Nhật Minh, Nguyễn Văn Mạnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Phân tích và trình bày về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng cá nhân trước tội phạm công nghệ cao. Tội phạm công nghệ cao trong hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đang gia tăng với thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây hậu quả nặng nề cho xã hội, đặc biệt là đối với khách hàng cá nhân. Xuất phát từ tình hình thực tiễn còn nhiều bất cập trong công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao của các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa**: Khách hàng cá nhân, ngân hàng thương mại, tội phạm công nghệ cao

**5. Bảo hộ sáng chế về công nghệ xanh tại Việt Nam**/ Vũ Ngọc Dương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam.- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Cung cấp một số điểm nổi bật về thực trạng phát triển của công nghệ xanh tại Việt Nam, toàn cảnh việc bảo hộ sáng chế công nghệ xanh trong những năm gần đây cùng xu hướng nộp đơn đăng ký sáng chế trong một số lĩnh vực cụ thể của công nghệ xanh tại Việt Nam. Các dữ liệu sáng chế công nghệ xanh là ý tưởng để nhận biết sự thay đổi môi trường. Dữ liệu này cho phép các công nghệ môi trường nhanh chóng được biết đến. Nó cũng cho phép các công nghệ môi trường đặc biệt sẽ được nhận biết, hỗ trợ thêm cho sự phát triển của năng lượng xanh.

**Từ khóa**: Bảo hộ sáng chế, công nghệ xanh, sở hữu trí tuệ

**6. Các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm trong thực tế cấp tín dụng**/ Luật sư Trần Quang Vinh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Bài viết đưa lại cái nhìn tổng quan về hai biện pháp xử lý tài sản đảm bảo.

**Từ khóa**: Tài sản đảm bảo, tín dụng, phi tố tụng, ngân hang

**7. Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam**/ Hoàng Xuân Châu// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 3-15.

**Nội dung**: Bài viết bàn về khái niệm người chưa thành niên trong pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới, các triết lí phổ biến trong việc xử lí người chưa thành niên phạm tội; qua đó lí giải tại sao trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên lại có điểm khác biệt so với trách nhiệm hình sự của người đã thành niên. Bài viết đưa ra gợi ý cho việc thiết kế, xây dựng cà tổ chức vận hành hệ thống tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Người chưa thành niên, hệ thống tư pháp hình sự, triết lí xử lí người chưa thành niên phạm tội.

**8. Cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lí thi hành án hình sự theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019**/ Nguyễn Thị Mai// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 44-55.

**Nội dung**: Bài viết tập trung làm rõ những quy định mới tại Chương II Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về cơ quan có thẩm quyền thi hành án hình sự, cơ quan Nhà nước trong quản lí thi hành án hình sự; luận giải tính cần thiết và phù hợp của những quy định mới này với đòi hỏi của thực tiễn.

**Từ khóa**: Cơ quan nhà nước, quản lí, thẩm quyền, thi hành án hình sự

**9. Các điều khoản hợp đồng nhượng quyền thương mại trong mối tương quan với pháp luật cạnh tranh**/ Ngô Thị Duyên, Nguyễn Thị Hương Thảo// Tài chính .-  2021 .- Số 761 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Hợp đồng nhượng quyền thương mại là hình thức cơ bản cho việc thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại, là căn cứ pháp lý cho hoạt động hợp tác của các bên, từ đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên cũng như là cơ sở để giải quyết tranh chấp. Ở Việt Nam, pháp luật về nhượng quyền thương mại và pháp luật cạnh tranh có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau. Bài viết phân tích một số vấn đề pháp lý cơ bản của hợp đồng nhượng quyền thương mại trong mối tương quan với pháp luật cạnh tranh. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về nhượng quyền thương mại.

**Từ khoá**: Hợp đồng, nhượng quyền thương mại, cạnh tranh

**10. Các cam kết riêng về môi trường trong thương mại hàng hóa của Hiệp định CPTPP và EVFTA**/ Nguyễn Thị Nhung// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.53 - 56.

**Nội dung:** Xuất phát từ những nguyên tắc nền tảng trong Hiệp định chung về thuế quan năm 1947 (GATT 1947), đến nay ngoại lệ bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, động thực vật, các nguồn tài nguyên quý hiếm… trong thương mại quốc tế đã trở thành nguyên tắc nền tảng, được quy định trong hơn 300 hiệp định thương mại tự do.

**Từ khoá:** Môi trường, Hiệp định chung về thuế quan, Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA.

**11. Cải cách hệ thống Tòa án của Phần Lan và kinh nghiệm cho Việt Na**m/ Trương Thị Hồng Hà// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.56 - 59.

**Nội dung:** Hiến pháp Phần Lan bảo đảm mọi người có quyền được xét xử vụ án của mình một cách thích hợp và không bị trì hoãn quá mức bởi một tòa án hoặc cơ quan công quyền khác. Mọi người cũng có quyền có một quyết định ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mình được xem xét bởi một tòa án hoặc cơ quan tư pháp khác. Ngoài ra, Hiến pháp còn có các quy định cơ bản về xét xử công bằng và quản trị tốt. Các bảo đảm chính của những điều này là công khai tố tụng, quyền được xét xử, quyền nhận quyết định có căn cứ và quyền kháng cáo quyết định. Trong quá trình hoạt động, để tuân thủ những quy định đó của Hiến pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và bảo vệ công lý, hệ thống tòa án Phần Lan đã thực hiện nhiều cải cách, đổi mới về tổ chức và hoạt động. Bài viết tập trung phân tích mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống tòa án Phần Lan và quá trình cải cách, đổi mới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp.

**Từ khoá:** Cải cách hệ thống Tòa án Phần Lan, hệ thống Tòa án Phần Lan, bài học kinh nghiệm.

**12. Cần có những giải pháp đồng bộ để thu hồi tài sản tham nhũng đạt hiệu quả cao** / Đặng Văn Cường// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.56 - 59.

**Nội dung:** Thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở Việt Nam hiện nay là câu chuyện khá phức tạp, khó khăn. Nhiều tội phạm tham nhũng gây thiệt hại rất lớn cho Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, việc thu hồi tài sản tham nhũng hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vậy nguyên nhân vì sao và các giải pháp như thế nào để việc thu hồi tài sản tham nhũng đạt hiệu quả trong thời gian tới?

**Từ khoá:** Thu hồi tài sản, thu hồi tài sản tham nhũng, giải pháp đồng bộ.

**13. Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa chính phủ và nhà đầu tư trong EVIPA**/ Ngô văn Hiệp// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.29 - 33.

**Nội dung:** Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ và nhà đầu tư (Investment State Dispute Settlement - ISDS) trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới luôn có tính chất đặc thù bởi lẽ chủ thể tham gia tranh chấp này không chỉ là các quốc gia ký kết hiệp định mà còn là nhà đầu tư mang quốc tịch của nước ký kết hiệp định đó được trao quyền khởi kiện chính phủ nước tiếp nhận đầu tư. Chính vì vậy, việc nắm rõ những nội dung mới của cơ chế ISDS được quy định trong Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU - Vietnam Investment Protection Agreement - EVIPA) vừa được ký kết có ý nghĩa rất quan trọng.

**Từ khoá:** Giải quyết tranh chấp, chính phủ, nhà đầu tư.

**14. Dòng chảy dữ liệu cá nhân xuyên biên giới: thực trạng và khuyến nghị chính sách**/ Nguyễn Quang Đồng, Nguyễn Lan Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 10(751) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Phân tích dòng chảy dữ liệu cá nhân xuyên biên giới để thấy rõ thực trạng và đưa ra những kiến nghị chính sách phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế số. Dữ liệu cá nhân (DLCN) được chuyển qua biên giới trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế, thương mại, khoa học, văn hóa, giải trí…, là một bộ phận của khối dữ liệu được trao đổi trên môi trường internet toàn cầu giữa các quốc gia. Nằm trong nhóm 10 quốc gia có khối lượng DLCN luân chuyển qua biên giới lớn nhất thế giới, Việt Nam cần xác lập các quy định pháp lý cụ thể về vấn đề này theo hướng bảo vệ DLCN, đồng thời vẫn thúc đẩy được dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới thông suốt để phục vụ cho phát triển nền kinh tế số.

**Từ khóa**: Dòng chảy dữ liệu cá nhân, kinh tế số, dữ liệu cá nhân

**15. Doanh nghiệp tư nhân cũng cần có tư cách pháp nhâ**n/ Đinh Trọng Liên// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.4 - 8.

**Nội dung:** Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 với nhiều qui định mới đã và đang góp phần tạo nên hành lang pháp lý an toàn, thông thoáng hơn cho hoạt động doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, các qui định về việc tổ chức, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân hầu như không có gì thay đổi so với Luật doanh nghiệp 2014, mặc dù trên thực tế doanh nghiệp tư nhân gặp không ít các trở ngại, khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình so với các loại hình doanh nghiệp khác khi "" không có tư pháp pháp nhân"". Chính vì vậy, các nhà làm luật nên nghiên cứu về mặt lý luận cũng như thực tiễn, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân thực sự có địa vị pháp lý ngang bằng với các loại hình doanh nghiệp khác.

**Từ khoá:** Pháp nhân, doanh nghiệp tư nhân, tư cách pháp nhân, Luật doanh nghiệp.

**16. Đảm bảo quyền con người của bị cáo trong tố tụng hình sự/** Trần Văn Độ// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.16 - 22.

**Nội dung:** Tố tụng Hình sự là lĩnh vực hoạt động nhà nước nhạy cảm mà trong đó quyền con người của bị cáo dễ bị xâm phạm nhất. Bài viết khái quát lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật tố tụng hình sự, thực tiễn thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền con người của bị cáo và đưa ra một số kiến nghị tăng cường bảo đảm quyền của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự.

**Từ khoá:** Tố tụng Hình sự, bị cáo, Bộ luật tố tụng Hình sự, đảm bảo quyền con người.

**17. Để vai trò đại diện nhân dân trong xét xử thực chất, hiệu quả hơn**/ Bảo Hương// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.4 - 5.

**Nội dung:** Cải cách tư pháp đã và đang tiếp tục đòi hỏi cần có sự đổi mới trong hoạt động xét xử nhằm tạo ra các quy trình, thủ tục tố tụng thật sự khoa học, hợp lý để giải quyết kịp thời, hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp trong xã hội và ngăn ngừa, xử lý nghiêm minh các loại tội phạm.

**Từ khoá:** Cải cách tư pháp, thủ tục tố tụng.

**18. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài**/ Hoàng Đình Dũng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.42 - 44.

**Nội dung**: Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài là một vấn đề vô cùng phong phú, quan hệ này xảy ra vượt ra ngoài phạm vi của một quốc gia. Trong quan hệ dân sự này, vấn đề thừa kế được coi là một lĩnh vực vô cùng quan trọng. Việc xác định việc để lại thừa kế và hưởng thừa kế có ý nghĩa lớn đối với việc xác lập quyền sở hữu. Vấn đề thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài cũng được pháp luật các quốc gia xây dựng rất chặt chẽ. Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam đã quy định rất cụ thể cách giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài.

**Từ khoá:** Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật về thừa kế, di chúc, quan hệ dân sự.

**19. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giám sát ngân sách nhà nước của Quốc hội**/ Khuất Việt Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Chức năng giám sát tối cao của Quốc hội có một vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động của Quốc hội. Trong đó, hoạt động giám sát ngân sách nhà nước của Quốc hội là nhằm đảm bảo pháp luật được thực thi một cách nghiêm túc. Việc giám sát cũng phải đảm bảo hiệu lực hiệu quả, thể hiện tính quyền lực của Nhà nước, thông qua các kết luận giám sát và việc thực thi kết luận giám sát của Quốc hội.

**Từ khoá**: Quốc hội, giám sát, ngân sách nhà nước, tài chính ngân sách

**20. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến ở Hoa Kỳ**/ Lê Xuân Tùng// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ORD) được phát triển dưới dạng công nghệ ở Hoa Kỳ và Canada vào những năm 1990. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ, các hình thức giải quyết tranh chấp trực tuyến đã phát triển do các tiến bộ công nghệ bao gồm trọng tài, hòa giải, thương lượng và đàm phán và Bắc Mỹ được xem là địa điểm mà hầu hết các hoạt động ban đầu của ODR diễn ra.Bài viết nghiên cứu đường hướng pháp luật đối với việc giải quyết tranh chấp trực tuyến ngoài Tòa án tại Bắc Mỹ (Hoa Kỳ), từ đó đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Trọng tài, hòa giải, Hoa Kỳ, ODR

**21. Hòa giải trong tranh chấp lao động cá nhân**/ Phạm Thị Bích Hảo// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.38 - 40.

**Nội dung:** Tranh chấp lao động là những tranh chấp về quyền và lợi ích phát sinh trong quan hệ lao động giữa người lao động, tập thể lao động với người sử dụng lao động. Tranh chấp lao động là những mâu thuẫn bất đồng không thể tự dàn xếp được giữa các cá nhân hoặc tập thể người lao động và người sử dụng lao động liên quan đến quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ lao động.

Từ khoá: Tranh chấp lao động, Bộ luật Lao động, hòa giải tranh chấp

**22. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại họ**c/ Phạm Tất Thành, Nguyễn Thị Tuyết Nga// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.14 - 18.

**Nội dung:** Bài viết này muốn tìm câu trả lời cho câu hỏi vì sao chúng ta đã xây dựng được hệ thống pháp lý khá đầy đủ về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học (BĐ&KĐCL), nhưng thực tế hoạt động BĐ&KĐCL còn nhiều bất cập, tồn tại, yếu kém. phải chăng do đây là lĩnh vực mới nên cách tiếp cận trong xây dựng chính sách, pháp luật của Việt nam suốt thời gian qua là tiếp cận từng phần, ít nhiều mang tính chắp vá, thoạt đầu chịu ảnh hưởng tư tưởng kiểm định chất lượng của Mỹ, rồi chuyển sang học tập mô hình BĐCL Châu Âu, đến nay thì vay mượn gần như nguyên vẹn các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng AUN-QA. Nội dung bài viết chỉ ra rằng, để tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật BĐ&KĐCL một cách bền vững, nhanh chóng tiếp cận trình độ quốc tế thì cần chuyển sang cách tiếp cận tổng thể theo hướng xây dựng Khung BĐCL quốc gia trên cơ sở học tập các Khung BĐCL khu vực, đặc biệt là Khung BĐCL ASEAN.

**Từ khoá:** Bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng, giáo dục đại học, khung bảo đảm chất lượng

**23. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm hoạt động tranh tụng của Luật sư tại phiên t**òa/ Nguyễn Văn Tuấn// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.31 - 32.

**Nội dung:** Bảo đảm tranh tụng trong hoạt động xét xử là nguyên tắc cốt yếu của tư pháp được quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tòa án phải bảo đảm các quyền lợi, nghĩa vụ hợp pháp của các bên trong tranh tụng, trong đó bảo đảm các quyền của Luật sư. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn một số vấn đề ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng của Luật sư tại các phiên tòa.

**Từ khoá:** Bảo đảm tranh tụng, Hiến pháp, tranh tụng Luật sư tại phiên tòa.

**24. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hợp tác Asean phòng chống tội phạm xuyên quốc gia**/ Vũ Ngọc Dương// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.10 - 14.

**Nội dung:** Tội phạm xuyên quốc gia là một trong những mối đe dọa đối với an ninh toàn cầu. Các loại tội phạm xuyên quốc gia nguy hiểm và phổ biến nhất hiện nay có thể kể đến như khủng bố, buôn bán người, buôn bán trái phép vũ khí, các tội phạm về ma túy, cướp biển... Những loại tội phạm này đặt ra thách thức lớn đối với pháp luật, sự phát triển kinh tế - xã hội và vấn đề bảo vệ quyền con người tại mỗi quốc gia. Đặc biệt, tội phạm xuyên quốc gia có thể làm suy giảm chất lượng cuộc sống của người dân, đe dọa an ninh con người thông qua việc hạn chế khả năng tiếp cận các cơ hội việc làm và giáo dục. Trong những năm qua, ASEAN đã ban hành nhiều văn kiện pháp lý điều chỉnh vấn đề hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia khu vực. Việt Nam là một trong những thành viên chủ động và tích cực trong việc thực thi pháp luật ASEAN về vấn đề này, tuy nhiên vẫn còn một số quy định của pháp luật Việt Nam chưa tương thích với pháp luật khu vực. Bài viết này đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong việc thực thi pháp luật ASEAN về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

**Từ khoá:** Pháp luật, Asean, tội phạm xuyên quốc gia

**25. Hoàn thiện pháp luật khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay**/ Bùi Tuấn Thành, Vũ Đức Đam Quang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Đánh giá những ưu, nhược điểm của hệ thống pháp luật về KH&CN của Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp hỗ trợ công tác hoàn thiện pháp luật về KH&CN, góp phần đưa hoạt động KH&CN của nước ta phát triển bền vững, đạt được mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ (KH&CN) ở Việt Nam hiện nay là vấn đề mang tính cấp thiết, nhất là trong bối cảnh nước ta đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Bên cạnh vai trò, đặc điểm của pháp luật về KH&CN, nghiên cứu này còn chỉ ra những nội dung, tiêu chí và điều kiện cơ bản đảm bảo công tác hoàn thiện pháp luật về KH&CN.

**Từ khóa**: Hoàn thiện pháp luật, khoa học và công nghệ, pháp luật về khoa học và công nghệ, Việt Nam

**26. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam hiện nay**/ TS. Hà Lệ Thủy// Ngân hàng .- 2021 .- Số 14(Tháng 07) .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng; Pháp luật hình sự một số nước quy định; Thực trạng tội phạm và những đề xuất hoàn thiện pháp luật về tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: luật hình sự, luật ngân hàng, tội phạm

**27. Hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong điều kiện luật xử lý vi phạm hành chính đã sửa đổi, bổ sung**/ ThS. Võ Thị Mỹ Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 17(Tháng 09) .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Nội dung quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong điều kiện Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 đã được sửa đổi, bổ sung.

**Từ khóa**: Vi phạm hành chính, Luật xử lý vi phạm hành chính, tiền tệ, hoạt động ngân hang.

**28. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự**/ Nguyễn Văn Hương// Nghiên cứu Lập pháp .-  2021 .- Số 17 .- Tr. 43-49.

**Nội dung**: Trong phạm vi bài viết này trình bày, phân tích các quy định về những trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015, chỉ ra những hạn chế của các quy định này và đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá**: Loại trừ, Trách nhiệm hình sự, Bộ luật Hình sự, Hạn chế, Kiến nghị

**29. Hoàn thiện pháp luật nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam**/ Bùi Hữu Toàn// Ngân hàng .-  2021 .- Số 19 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Chuyển đổi số trong đời sống kinh tế không chi là tiếp nối sự phát triên của nhân loại mà còn phai đáp ứng ngày càng tốt hon nhu cầu của khách hàng và người tiêu dùng, trong đó phát triền các dịch vụ số nhằm thúc đây sự phát triên của hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Chuyển đổi số, Thanh toán không dùng tiền mặt, Pháp luật, Việt Nam

**30. Hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm về cho thuê lại lao động**/ Cao Vũ Minh// Nghiên cứu Lập pháp .-  2021 .- Số 17 .- Tr. 50-56.

**Nội dung**: Hiện nay, xử phạt vi phạm hành chính về cho thuê lại lao động được quy định chủ yếu trong Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ. Bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm cho thuê lại lao động trong Nghị định số 28/2020/NĐ-CP đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được tiếp tục hoàn thiện.

**Từ khoá**: Bộ luật Lao động, Vi phạm hành chính, Xử phạt, Lao động

**31. Hành lang pháp lý về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhìn từ thực tiễn**/ Bùi Đức Giang// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.35 - 39.

 Nội dung: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (LDN 2020) Văn bản luật này có khá nhiều qui định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cả trên phương diện chỉ định lẫn trên phương tiện quyền và nghĩa vụ của chức danh này. Bài viết tập trung phân tích các ưu điểm và hạn chế của các qui định dưới góc nhìn thực tiễn, đồng thời, đánh giá một số tác động tới hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng.

**Từ khoá:** Hành lang pháp lý, người đại diện theo pháp luật, doanh nghiệp

**32. Hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai cho phát triển thị trường quyền sử dụng đất/** TS. Phạm Phương Nam, PGS. TS. Phan Thị Thanh Huyền, PGS. TS. Trần Trọng Phương// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 15 (365) .- Tr. 19-22.

**Nội dung:** Trình bày những tác động tích cực, hạn chế và nguyên nhân của chính sách, pháp luật đất đai hiện hành đến thị trường quyền sử dụng đất và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai nhằm phát triển thị trường quyền sử dụng đất. Một số đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai.

**Từ khóa**: Pháp luật đất đai, quyền sử dụng đất

**33. Kiểm soát xuất nhập khẩu hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ**/ Nguyễn Thị Ngọc Bích// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.19 - 23.

**Nội dung:** Việc kiểm soát hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ tại các cửa khẩu và khu vực biên giới được thực hiện bởi cơ quan hải quan. Thông qua các hoạt động, quy trình nghiệp vụ trong dây chuyền và ngoài dây chuyền thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan góp phần ngăn chặn và xử lý kịp thời hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ.

**Từ khoá:** Kiểm soát sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ, hải quan Việt Nam, biện pháp kiểm soát biên giới

**34. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hệ thống an sinh xã hội và bài học cho Việt Nam**/ Trần Văn Kiên// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.129 - 134.

**Nội dung:** An sinh xã hội là một trong những vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Từ ý nghĩa này, để duy trì ổn định kinh tế - xã hội, nhiều nước trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và không ngừng cải cách hệ thống an sinh xã hội nhằm gia tăng quyền tiếp cận an sinh xã hội của người dân. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về xây dựng hệ thống an sinh xã hội bền vững trong tương lai.

**Từ khoá:** An sinh xã hội, chính sách pháp luật, chăm sóc y tế, ILO.

**35. Kỳ án kêu oan đến Bác Hồ**/ Nguyễn Trọng Tỵ// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.44 - 48.

**Nội dung:** Luật sư Nguyễn Trọng Tỵ (nguyên là Điều tra viên của Viện kiểm sát quân sự Trung ương, nguyên Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), trong cuộc đời làm cán bộ tư pháp của ông đã tham gia giải quyết rất nhiều kỳ án lý kỳ. Bài viết này của tác giả kể lại kỷ niệm khi ông làm. Điều tra viên đã minh oan cho người bị oan, cách đây hơn nữa thế kỷ. Vụ án được xem xét minh oan, nhờ lá đơn kêu oan của đương sự gửi đến Chủ tịch Hồ Chí Minh...

**Từ khoá:** Kỳ án kêu oan, đơn kêu oan

**36. Kỹ năng cơ bản trong khởi kiện vụ án ly hôn**/ Lê Hồng Lam// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.59 - 60.

**Nội dung:** Tranh chấp ly hôn làm thay đổi, phát sinh các quyền và nghĩa vụ liên quan tới cả quyền nhân thân và quyền tài sản của đương sự. Khi giải quyết tranh chấp ly hôn, đồng thời phải giải quyết ba mối quan hệ có thể phát sinh từ quan hệ hôn nhân bao gồm quan hệ nhân thân, quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản. Việc các bên có thể thỏa thuận giải quyết một trong ba quan hệ trên không làm mất đi tranh chấp trong các quan hệ còn lại và tiền đề để xem xét giải quyết các quan hệ còn lại một cách đúng đắn vẫn phải dựa trên bản chất là tranh chấp ly hôn.

**Từ khoá:** Kỹ năng cơ bản vụ án ly hôn, vụ án ly hôn

**37. Li-xăng nhãn hiệu và rủi ro nhượng quyền thương mại “ngoài ý muốn”**/ Nguyễn Huy Hoàng, Trần Văn Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 10(751) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Phân tích sự chồng lấn giữa li-xăng nhãn hiệu và NQTM cũng như những hậu quả có thể xảy ra cho các bên do NQTM “ngoài ý muốn”. Li-xăng nhãn hiệu (hay chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu) và nhượng quyền thương mại (NQTM) là hai hoạt động có mối liên hệ khá gần gũi và có nhiều điểm tương đồng. Việc phân biệt giữa li-xăng nhãn hiệu và NQTM không phải lúc nào cũng dễ dàng, nên trên thực tế tại Việt Nam cũng như thế giới, một số doanh nghiệp khi tiến hành li-xăng nhãn hiệu đã gặp phải tình huống NQTM “ngoài ý muốn” khi vô tình các điều khoản hoặc thực tế thực hiện hợp đồng li-xăng nhãn hiệu giữa các bên lại chưa đựng các yếu tố NQTM. Điều này có thể dẫn đến hậu quả pháp lý bất lợi cho các bên nếu chưa đăng ký NQTM và/hoặc chưa đáp ứng các quy định của pháp luật NQTM.

**Từ khóa**: Li-xăng nhãn hiệu, nhượng quyền thương mại, chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu

**38. Liên hợp quốc với cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm quốc tế và khủng bố quốc tế - Thành tựu và thách thức**/ Nguyễn Thị Thuận// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 24-35.

**Nội dung**: Bài viết phân tích vai trò của Liên hợp quốc thông qua các hạt động phù hợp với chức năng, thẩm quyền được ghi nhận tại Hiến chương Liên hợp quốc trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm quốc tế và khủng bố quốc tế, trên cơ sở đó, đánh giá những thành tựu nổi bật mà Liên hợp quốc đã đạt được trong lĩnh vực này cũng như những thách thức mà Liên hợp quốc phải đối diện.

**Từ khóa**: Tội phạm quốc tế, khủng bố quốc tế, vai trò của Liên hợp quốc, Tòa án hình sự quốc tế

**39. Liên hợp quốc với vấn đề phát triển bền vững**/ Phạm Hồng Hạnh, Phạm Thị Bắc Hà// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 50-64.

**Nội dung**: Là trung tâm phối hợp hành động, Liên hợp quốc đã phát huy vai trò của mình trong các hoạt động hợp tác quốc tế không chỉ giải quyết các vấn đề duy trì hòa bình và an ninh quốc tế mà còn trong giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội và thúc đẩy quyền con người. Phát triển bền vững là một trong những vấn đề cấp thiết đặt ra với nhân loại trong thế kỉ XXI, bao trùm trên cả khía cạnh kinh tế, môi trường và quyền con người. Bài viết phân tích vai trò của Liên hợp quốc đối với vấn đề phát triển bền vững, từ đó đánh giá thành tựu và thách thức đặt ra đới với Liên hợp quốc trong lĩnh vực này trong tương lai.

**Từ khóa**: Liên hợp quốc, phát triển bền vững, mục tiêu

**40. M&A - Một vài lưu ý cho các luật s**ư/ Nguyễn Thanh Hà// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.23 - 25.

**Nội dung:** Giai đoạn 2016 - 2019, thị trường Việt Nam đã chứng kiến hàng loạt thương vụ M&A đình đám. Điển hình nhất là vụ một trong những công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển lớn nhất Đông Nam Á – Grab đã mua lại toàn bộ cổ phần của Uber tại chính thị trường Đông Nam Á. Vậy M&A nghĩa là gì? Có những cách nào để nhận biết một thương vụ M&A? Trong lĩnh vực tư vấn pháp lý liên quan đến M&A cần chú ý những điểm gì quan trọng? Bài viết dưới đây sẽ giải đáp những thắc mắc trên.

**Từ khoá:** M&A, tư vấn pháp lý liên quan đến M&A.

**41. Một số vấn đề pháp lý và thực** tiễn/ Trần Sơn Hải, Nguyễn Mai Linh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.49 - 52.

**Nội dung:** Quyền khởi kiện vụ án dân sự được thừa nhận tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015. Hiện nay đang tồn tại 02 quan điểm khác nhau về khái niệm khởi kiện vụ án dân sự: (i) “Khởi kiện vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật yêu cầu tòa án giải quyết vụ án dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước”; (ii) “Quyền khởi kiện vụ án dân sự là một quyền tố tụng được ghi nhận trong pháp luật, theo đó cá nhân, tổ chức và các chủ thể khác trong phạm vi quyền hạn của mình có quyền tự quyết định việc yêu cầu tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, lợi ích của người khác hay lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp đó bị xâm phạm”.

**Từ khoá:** Quyền khởi kiện vụ án dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án dân sự.

**42. Một vài góp ý về dự thảo luật điện ảnh (sửa đổi)/** Chu Hồng Thanh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.38 - 41.

Nội dung: Để phát triển điện ảnh xứng đáng với tầm vóc của ngành nghệ thuật rất quan trọng và có giá trị xã hội rất cao trong phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế thì Luật Điện ảnh cần được chuẩn bị kỹ lưỡng và công phu hơn, cần được bổ sung rất nhiều nội dung quan trọng và cần thiết như đã nêu trên. Sản phẩm điện ảnh có chất lượng cao về nội dung và giá trị nghệ thuật phục vụ xã hội sẽ có tác đông trực tiếp và tích cực đến các quan hệ chính trị, kinh tế, bản sắc văn hóa, đạo đức, văn minh, công bằng xã hội, truyền thống, mở rộng "biên giới mềm", nâng tầm uy thế Việt Nam trên trường quốc tế và góp phần xứng đáng vào phát triển văn minh nhân loại.

**Từ khoá**: Luật điện ảnh, dự thảo luật điện ảnh.

**43. Nâng cao hiệu quả thi hành quy phạm pháp luật về quyền sử dụng đất lâm nghiệp ở Việt Nam**/Nguyễn Thị Thu Hiền// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.216 - 218.

**Nội dung:** Ở Việt Nam hiện nay, pháp luật hiện hành quy định rõ ràng và tương đối đầy đủ về các nội dung liên quan đến quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Các quy định pháp luật đã có sự bảo vệ nghiêm ngặt và khuyến khích phát triển đất lâm nghiệp, tạo thuận lợi cho các chủ thể khai thác tối đa công dụng của đất lâm nghiệp để thu lại lợi ích và bảo đảm lợi ích của Nhà nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, vẫn còn tồn tại những hạn chế, bấp cập trong triển khai các quy định về quyền sử dụng đất nói chung và đất lâm nghiệp nói riêng. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế này, cần có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành quy định pháp luật về quyền sử dụng đất lâm nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Nâng cao hiệu quả, thi hành pháp luật, sử dụng đất lâm nghiệp

**44. Nhà đầu tư trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam - nhìn dưới góc độ pháp lý**/ ThS. Nguyễn Hằng Hà, ThS. Đỗ Thị Kiều Phương// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Bài viết phân tích một số bất cập của các quy định pháp luật Việt Nam về nhà đầu tư trên thị trường này, trong đó chủ yếu tập trung vào hai loại hình nhà đầu tư là nhà đầu tư chuyên nghiệp và nhà đầu tư không chuyên nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về nhà đầu tư trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

**Từ khoá**: nhà đầu tư chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp

**45. Nguyên tắc Luật có mối liên hệ gắn bó nhất trong tư pháp quốc tế và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam**/ Lê Thị Bích Thủy// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 65-79.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu về nguyên tắc xác định luật có mối quan hệ mật thiết nhất theo các điều ước quốc tế và pháp luật của các quốc gia trên thế giới, trên cơ sở đó đóng góp kinh nghiệm cho việc giải thích áp dụng quy định này tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Quan hệ dân sự, có yếu tố nước ngoài, luật có mối liên hệ gắn bó nhất, Bộ luật Dân sự năm 2015

**46. Nên quy định hành vi cưỡng bức mại dâm thành một tội danh độc lập**/ Nguyễn Huyền Ly// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.28 - 31.

**Nội dung**: Hành vi “cưỡng bức mại dâm” là một tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS). Nhìn về tổng quan thì BLHS năm 2015 có nhiều thay đổi về hình thức và nội dung so với các trước đây và cũng đã phát huy được sức mạnh trong hoạt động phòng và chống tội phạm. Tuy nhiên, đối với hành vi cưỡng bức mại dâm và các hành vi phạm tội có liên quan thì trong quy định của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999 không có nhiều thay đổi. Điều đó đã tạo nên sự hạn chế của quy phạm này so với các quy định có liên quan trong BLHS năm 2015. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ đồng thời chỉ ra một số điểm hạn chế đó và đây cũng chính là các căn cứ lý giải nhìn từ góc độ quyền con người, cho đề xuất kiến nghị về việc nên quy định hành vi cưỡng bức mại dâm thành một tội danh riêng trong BLHS để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp dụng pháp luật và quyết định hình phạt nhằm phân hóa trách nhiệm hình sự đạt hiệu quả cao.

**Từ khoá:** Cưỡng bức mại dâm, Bộ luật Hình sự, tình dục

**47. Nhận diện vi phạm, tội phạm liên quan đến ""tín dụng đen""/** Trần Thúy Vân// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.34 - 37.

**Nội dung:** Trong thời gian qua, vấn nạn “tín dụng đen” đã gây nhiều hệ lụy xấu cho xã hội. Nhiều người dân do nhu cầu cần thiết của cuộc sống đã không chủ động tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng mà lại nhẹ dạ cả tin, nghe theo lời dụ dỗ của các đối tượng cho vay theo kiểu “tín dụng đen”. Nhiều trường hợp ban đầu chỉ vay vài triệu hoặc chục triệu đồng nhưng đến khi số tiền đã trả lên đến hàng trăm triệu đồng mà “nợ vẫn hoàn nợ”.

**Từ khoá:** Tín dụng đen, Bộ luật Hình sự, nhận diện vi phạm tội phạm.

**48. Nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện mục tiêu chung của Liên hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế**/ Nguyễn Hữu Phú, Mai Ngân Hà// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 65-79.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá những nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện các mục tiêu chung của Liên hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế thời gian qua trên cơ sở phân tích sự vận động của tình hình thế giới về hòa bình, an ninh từ góc nhìn pháp lý quốc tế; phân tích nghĩa vụ của quốc gia thành viên Liên hợp quốc theo Hiến chương; từ đó nhìn lại chủ trương, chính sách và các hành động cụ thể của Việt Nam cũng như đánh giá kết quả những nỗ lực này.

**Từ khóa**: Hòa bình và an ninh quốc tế, giải trừ quân bị, ngoại giao đa phương, pháp luật quốc tế

**49. Những bất cập về pháp lý trong mô hình liên thông 9+ của giáo dục nghề nghiệp**/ Chu Hồng Thanh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.26 - 29.

**Nội dung**: Giáo dục Việt Nam mặc dù đã trải qua nhiều cuộc cải cách và đổi mới nhưng vẫn đang trong vòng xoay vần của sự ""thí nghiệm"", ""thí điểm"", mà càng thí điểm dường như càng lạc hậu và bị tàn phá bởi sự cục bộ và cách nhìn phiến diện. Việc giao cho nhiều bộ cùng quản lý hệ thống giáo dục quốc dân, tách cao đẳng của giáo dục đại học về GDNN và duy trì quá lâu cơ chế chủ quản đã là những trải nghiệm đi ngược lại với mô hình tiêu chuẩn quốc tế ISCED của UNESCO năm 2011, có hiệu lực trên toàn thế giới từ 2014. Không thể nào có phân luồng và liên thông nếu giáo dục quốc dân không được tồn tại với tư cách là một hệ thống thống nhất. Việc đưa ra mô hình 9+ lại một lần nữa tàn phá thêm hệ thống giáo dục quốc dân, làm suy giảm thêm sức mạnh của toàn bộ hệ thống. Vì vậy, không thể không xem xét mô hình này một cách nghiêm túc và đặc biệt là không thể dung túng cho sự tùy tiện và cục bộ như cách làm từ trước đến nay trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

**Từ khoá:** Hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục nghề nghiệp, mô hình liên thông 9+

**50. Những điểm mới của luật doanh nghiệp 2020 về Hội đồng quản trị trong Công ty Cổ phần**/ Trần linh Huân// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.19 - 22.

**Nội dung:** Luật Doanh nghiệp 2020 được Quốc hội khóa 14 thông qua vào ngày 17/6/2020. Luật có tổng cộng 10 chương, 218 Điều với nhiều quy định mới và tiến bộ, trong đó có các quy định về Hội đồng quản trị trong Công ty Cổ phần. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá và đưa ra một số luận bàn về những điểm mới và tiến bộ của Luật Doanh nghiệp 2020 trong quy định về Hội đồng quản trị trong Công ty Cổ phần trên cơ sở so sánh với Luật Doanh nghiệp 2014.

**Từ khoá:** Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần, điểm mới, luật doanh nghiệp.

**51. Những điểm mới của luật xử lý vi phạm hành chính về các biện pháp xử lý hành chính**/ Phạm Thu Giang// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.34 - 37.

**Nội dung:** Năm 2020 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bài viết này tác giả nêu lên những điểm mới của Luật Xử lý vi phạm hành chính về các biện pháp xử lý hành chính.

**Từ khoá**: Luật Xử lý vi phạm hành chính, các biện pháp xử lý hành chính."

**52. Những khuyến nghị cải cách từ APCI 2020**/ Lê Hồng Lam// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.37 - 40.

**Nội dung:** APCI 2020 xoay quanh việc phân tích quá trình doanh nghiệp trải nghiệm dịch vụ do các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương cung cấp trong 09 nhóm TTHC quan trọng, gồm: đầu tư; giao dịch thương mại qua biên giới; khởi sự doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh; môi trường; giấy phép, chứng chỉ hành nghề; đất đai; xây dựng; thuế và kiểm tra chuyên ngành. Kết quả ghi nhận được từ chính những nhóm TTHC này phần nào phản ánh môi trường kinh doanh của Việt Nam trong năm qua, bởi đây cũng chính là các TTHC đã và đang được các tổ chức quốc tế lựa chọn để đánh giá môi trường kinh doanh quốc gia (Chỉ số Doing Business của Ngân hàng Thế giới) và năng lực cạnh tranh quốc gia (Chỉ số về năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn Kinh tế thế giới - VVorld Economic Forum).

**Từ khoá:** APCI 2020, thủ tục hành chính.

**53. Nội luật hóa Công ước La Hay năm 1996 - kinh nghiệm của Liên bang Nga và gợi mở cho Việt Nam**/ Phan Hoài Nam, Nguyễn Thị Kim Duyên// Nghiên cứu Lập pháp .-  2021 .- Số 17 .- Tr. 57-64.

**Nội dung**: Việc gia nhập Công ước La Hay năm 1996 là cần thiết đối với việc giải quyết xung đột về thẩm quyền, pháp luật áp dụng cũng như công nhận và cho thi hành các biện pháp bảo vệ trẻ em. Hiện nay, Việt Nam chưa là thành viên của Công ước La Hay năm 1996. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày kinh nghiệm nội luật hóa Công ước La Hay năm 1996 của Liên bang Nga và đưa ra những gợi mở cho Việt Nam khi gia nhập Công ước này.

**Từ khoá**: Công ước La Hay, Luật pháp, Thẩm quyền, Xung độ, Nội luật hóa

**54. 44 năm quan hệ Việt Nam và Liên hợp quốc – Thành tựu và những thách thức trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Toàn Thắng, Trần Thị Thu Thủy// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 80-92.

**Nội dung**: Việt Nam trở thành thành viên của Liên hợp quốc từ năm 1977, đến nay đã là 44 năm. Trong suốt quãng thời gian đó, Việt Nam đã luôn cố gắng để thực hiện tốt những nghĩa vụ thành viên của mình và được đánh giá là “ thành viên có trách nhiệm” trong các hoạt động của Liên hợp quốc nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung. Bài viết phân tích những thành tựu trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên hợp quốc qua từng giai đoạn phát triển, đồng thời chỉ ra những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong giai đoạn tới.

**Từ khóa**: Liên hợp quốc, thành viên, trách nhiệm, vai trò của Việt Nam

**55. Pháp luật về quản trị ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam/** Trần Thế Hệ// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.20 - 24.

**Nội dung:** Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Để các NHTMCP có thể tồn tại, phát triển và cung ứng nguồn vốn tốt cho nền kinh tế thì một trong những vấn đề cần quan tâm lớn nhất, đó là hoạt động quản trị. Hoạt động quản trị của NHTMCP được chú trọng và thực hiện hiệu quả sẽ góp phần giúp cho ngân hàng tránh được các rủi ro tiển ẩn trong quá trình hoạt động, giảm thiểu tình trạng mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, không gây phương hại cho hoạt động tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung. Hoạt động quản trị trong NHTMCP là hết sức quan trọng. Vì vậy, việc nghiên cứu quy định pháp luật về quản trị tại NHTMCP ở Việt Nam là cần thiết.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại cổ phần, đào tạo, hội đồng quản trị, pháp luật về quản trị.

**56. Pháp luật về bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng khi nhà nước thu hồi đất : kiến nghị và giải pháp**/ Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Phan Quốc Việt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các vấn đề có liên quan đến cơ chế bồi dưỡng tài sản như nhà ở, công trình xây dựng, cây trồng, vật nuôi,... trong tiến trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Từ khoá**: pháp luật, bồi thường thiệt hại, nhà ở, công trình xây dựng, luật đất đai

**57. Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và đề xuất, kiến nghị**/ Trần Minh Chương// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 99-102.

**Nội dung**: Quản lý chất thải nguy hại là một trong những hoạt động quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, con người. Để quản lý hiệu quả đối với loại chất thải này, Nhà nước đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh, qua đó góp phần mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý chất thải nguy hại. Bài viết tập trung khái quát, phân tích một số quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại, đánh giá chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong triển khai các quy định, từ đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá**: Pháp luật, chất thải nguy hại, môi trường

**58. Pháp luật đầu tư và pháp luật môi trường về đầu tư kinh doanh loài ngoại lai ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mai// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 56-64.

**Nội dung**: Phụ thuộc vào khả năng, đặc tính của loài ngoại lai, loài ngoại lai có thể gây hại hoặc không gây hại đến hệ sinh vật bản địa, đến phát triển kinh tế. Để hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những ảnh hưởng tích cực tới môi trường, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế, pháp luật đầu tư và pháp luật môi trường có những quy định về đầu tư kinh doanh loài ngoại lai. Tuy nhiên, các quy định này có mâu thuẫn, chưa thống nhất, chưa đầy đủ và có những cách hiểu khác nhau, cản trở quá trình đầu tư kinh doanh đối với loài ngoại lai. Bài viết đánh giá, bình uận các quy định hiện hành của pháp luật đầu tư, pháp luật môi trường về đàu tư kinh doanh loài ngoại lai và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

**Từ khóa**: Loài ngoại lai, pháp luật đầu tư, pháp luật môi trường

**59. Pháp luật và thực tiễn tiếp cận đất đai của doanh nghiệp Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Quỳnh Trang// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 13-16.

**Nội dung:** Vai trò của tiếp cận đất đai đối với thuận lợi hóa kinh doanh và thu hút đầu tư của doanh nghiệp; Quy định pháp luật về tiếp cận đất đai đối với thuận lợi hóa kinh doanh và thu hút đầu tư của doanh nghiệp; Giải pháp khuyến khích tiếp cận đất đai để thuận lợi hóa kinh doanh và thu hút đầu tư đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích các bên.

**Từ khóa**: Pháp luật, đất đai, doanh nghiệp, Việt Nam

**60. Qui định pháp luật về cho thuê đất trong các khu công nghiệp và thực tiễn tại Tỉnh Bắc Ninh**/ Mạc Văn Trọng// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.131 - 133.

Nội dung: Hiện nay, quy định pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp ngày càng được hoàn thiện, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong mối quan hệ sử dụng đất trong khu công nghiệp Tuy nhiên, thực tiễn thi hành các quy định trong thời gian cho thấy, vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc nhất là trong thực thi các qui định liên quan đến việc đáp ứng các điều kiện để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp. Nghiên cứu thực trạng triển khai các qui định pháp luật về cho thuê đất trong các khu công nghiệp, thực tiễn áp dụng tại Bắc Ninh, bài viết đề xuất giải pháp góp phần khắc phục những hạn chế còn tồn tại hiện nay.

**Từ khoá:** Cho thuê đất, khu công nghiệp, Tỉnh Bắc Ninh, chính sách.

**61. Quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự**/ Trần Văn Hùng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.23 - 25.

**Nội dung:** Phòng chống oan sai trong hoạt động tư pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân luôn là vấn đề quan trọng và cần thiết trong công tác cải cách tư pháp. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ quyền con người trên mọi phương diện. Bảo đảm thực hiện quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự đã được Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) ghi nhận. Các quy định của pháp luật ghi nhận quyền im lặng là điều kiện cần nhưng việc các cơ quan tư pháp bảo đảm quyền này thực hiện trong thực tiễn mới là điều kiện đủ. Bài viết này đi sâu phân tích nội dung của quyền im lặng trong tố tụng hình sự và một số đề xuất nhằm bảo đảm thực hiện và phát huy hiệu quả quyền im lặng trong quá trình tố tụng nới chung và hoạt động xét xử tại các phiên tòa hình sự nói riêng.

**Từ khoá:** Quyền im lặng, Bộ luật tố tụng hình sự

**62. Quyết định về lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của tòa án**/ Phùng Nguyễn Hoàng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.56 - 59.

**Nội dung:** Đối với trường hợp bên có quyền không yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án thì bên có nghĩa vụ phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong (như điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP).

**Từ khoá:** Quyết định về lãi, lãi suất

**63. Qui chế mới về đào tạo trình độ đại học**/ Nguyễn Thị Nhung// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.41 - 43.

**Nội dung:** Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được quy định trong quy chế của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

**Từ khoá:** Qui chế mới về đào tạo, trình độ đại học

**64. Sự phát triển về thành viên, cơ cấu tổ chức và phương thức làm việc của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay**/ Nguyễn Thị Kim Ngân// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: Liên hợp quốc chính thức được thành lập ngày 24/10/1945. Trải qua hơn 75 năm xây dựng và phát triển, Liên hợp quốc đã trở thành tổ chức chính trị quốc tế toàn cầu lớn nhất. So với thời điểm thành lập, số lượng thành viên Liên hợp quốc đã gia tăng đáng kể, cơ cấu tổ chức, phương thức làm việc đã có sự điều chỉnh và hoạt động của Liên hợp quốc cũng được mở rộng về mọi mặt. Để khẳng định rõ hơn vai trò quan trọng không thể thiếu của tổ chức này trong đời sống chính trị quốc tế, bài viết phân tích sự phát triển về thành viên, sự điều chỉnh về cơ cấu tổ chức và phương thức làm việc của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay.

**Từ khóa**: Liên hợp quốc, 75 năm thành lập Liên hợp quốc, sự phát triển của Liên hợp quốc

**65. Sở hữu trí tuệ: nền tảng cho doanh nghiệp khởi nghiệp lớn mạnh**/ Phương Nghi// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Giới thiệu một số vấn đề quan trọng cần lưu ý liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với các hoạt động phát triển ý tưởng, tuyển dụng và khi xây dựng chiến lược SHTT của star-up theo chia sẻ của Tạp chí Forbes. SHTT là một trong những mối quan tâm hàng đầu và quan trọng nhất với doanh nghiệp khởi nghiệp (star-up) bên cạnh việc phát triển sản phẩm, nguồn nhân lực chất lượng cao, huy động vốn… Bảo vệ quyền SHTT là điều cần thiết để thu hút nguồn vốn đầu tư hoặc ngăn chặn các đối thủ cạnh tranh lành mạnh.

**Từ khóa**: Sở hữu trí tuệ, star-up, doanh nghiệp khởi nghiệp

**66. Thực tiễn triển khai luật quản lý thuế năm 2019 và những vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Văn Phụng// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 04-08.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thực tiễn triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế; những kết quả bước đầu cần ghi nhận, cũng như nhận diện những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực thi tuân thủ pháp luật thuế.

**Từ khóa**: quản lý thuế, người nộp thuế, thuế điện tử, thủ tục hành chính

**67. Tiếp cận liên ngành quản trị - Luật trong quản trị nhà nước hiện đại: Kinh nghiệm thế giới và việc vận dụng ở Việt Nam**/ Bùi Tiến Đạt// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 16-28.

**Nội dung**: Bài viết phân tích sự thay đổi về lí thuyết cũng như thực tiễn trong việc áp dụng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển từ kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới. Thay vì các mô hình nhà nước chú trọng tang trưởng của thế kỉ XX, thực tiễn về các nhà nước kiến tạo phát triển kiểu mới của thế kỉ XXI ở một số quốc gia là kinh nghiệm quý giá cho việc cải cách nền quản trị nhà nước của Việt Nam. Bài viết phân tích những vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện pháp luật ở Việt Nam nhằm đảm bảo bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ kinh nghiệm của nền quản trị công hiện đại phục vụ phát triển.

**Từ khóa**: Kiến tạo phát triển, quản trị, chức năng của nhà nước, vai trò của pháp luật

**68. Tiếp cận đất đai của doanh nghiệp ở địa phương Việt Nam : thực tiễn và đề xuất một số giải pháp/** PGS. TS. Doãn Hồng Nhung// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 18 (368) .- Tr. 17-20.

**Nội dung:** Phân tích và bình luận về những khó khăn tiếp cận đất đai của doanh nghiệp ở địa phương trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả tiếp cận đất đai của doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư doanh nghiệp nước ngoài.

**Từ khóa**: Đất đai, luật đất đai, doanh nghiệp, Việt Nam

**69.Tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp**/ Mai Thanh Hiếu// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 29-43.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu so sánh tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc theo hướng tương đồng với mô hình của Pháp – mô hình điển hình của dòng họ Civil law, nhưng vẫn bảo lưu một số điểm khác biệt trong truyền thống pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

**Từ khóa**: Tính chất, giám đốc thẩm, tố tụng hình sự, Việt Nam, Pháp

**70. Tăng cường đổi mới cải cách tư pháp trên phương diện lập pháp: một đòi hỏi cấp bác**h/ Nguyễn Thị Hoài Thu// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.37 - 38.

**Nội dung:** Những kết quả trên là sự nỗ lực, từng bước cải thiện thể chế pháp luật của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Tuy nhiên, qua thực tiễn hành nghề Luật sư của mình, tôi nhận thấy còn có một số quy phạm pháp luật chưa rõ, chưa có cách hiểu thống nhất, còn gây tranh cãi hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong việc áp dụng; chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời.

**Từ khoá:** Cải cách tư pháp, lập pháp, tư pháp.

**71. Thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với các vụ kiện phát sinh từ vận đơn**/ Võ Nhật Thăng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.57 - 58.

**Nội dung:** Việc xác định thẩm quyền xét xử vụ kiện có yếu tố nước ngoài khác hẳn với việc xác định hệ thống pháp luật được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Một mặt phải dựa vào các quy định được pháp luật trong nước hoặc điều ước quốc tế liên quan quy định để quyết định thẩm quyền xét xử của mình. Mặt khác, phải căn cứ vào các hệ thuộc của quy phạm xung đột pháp luật để tìm ra hệ thống luật của nước có liên quan để áp dụng. Việc xác định thẩm quyền xét xử là hành vi tố tụng luôn được thực hiện trước khi giải quyết xung đột pháp luật.

**Từ khoá:** Thẩm quyền tòa án Việt Nam, vụ kiện phát sinh vận đơn.

**72. Thẩm quyền và hoạt động của Tòa án tối cao Hoa Kỳ**/ Nguyễn Anh Hùng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.15 - 18.

**Nội dung:** Trong hệ thống chính trị Hoa kỳ, Tòa án tối cao liên bang là cơ quan độc lập và nắm giữ quyền lực tư pháp cao nhất. Vị thế, vai trò, chức năng, aanhr hưởng của nó thể hiện qua thẩm quyền và hoạt động. Bài viết này nghiên cứu, phân tích, chứng minh, đánh giá những thẩm quyền và hoạt động của Tòa án tối cao Hoa Kỳ.

**Từ khoá:** Thẩm quyền, hoạt động, Tòa án tối cao Hoa Kỳ.

**73. Thủ tục tố tụng của tòa án luật sư ở Cộng hòa Liên Bang Đức**/ Nguyễn Quang Du// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.60 - 62.

**Nội dung:** Như chúng ta được biết, đối với hệ thống pháp luật Đức, để giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tùy theo loại hình tài phán, tòa án sử dụng các thủ tục thuộc luật tố tụng dân sự, hình sự, hành chính, tài chính, xã hội, trọng tài… để giải quyết. Thủ tục tố tụng của tòa án Luật sư mang nhiều nét đặc trưng. Trải qua 62 năm, kể từ khi Luật Luật sư liên bang (sau đây gọi là LLS Đức 1959) quy định tại phần 7, gồm 5 chương, 5 tiết, 52 điều, đã khẳng định cơ sở pháp lý, vai trò và ý nghĩa của nó.

**Từ khoá**: Thủ tục tố tụng của tòa án Luật sư, hệ thống pháp luật Đức, luật sư.

**74. Thế chấp tài sản trí tuệ: những khía cạnh pháp lý và thực tiễn thi hành**/ Hoàng Lan Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Phân tích những khía cạnh pháp lý, từ đó chỉ ra những khó khăn trong thực hiện các giao dịch thế chấp tài sản trí tuệ (TSTT) tại Việt Nam hiện nay. Việc sử dụng tài sản trí tuệ như một tài sản đảm bảo cho quá trình thế chấp đã được phát triển rộng khắp trên thế giới, nhưng tại Việt Nam đây là một vấn đề còn tương đối mới. Pháp luật hiện hành cũng đã có những quy định về việc chấp nhận tài sản đảm bảo khi vay vốn là TSTT. Đây được coi là một cơ hội mở cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hiện thực hóa việc vay vốn kinh doanh bằng TSTT. Tuy nhiên, để có thể vay vốn bằng việc thế chấp TSTT tại các ngân hàng ở Việt Nam là điều không dễ dàng. Những khó khăn có thể xuất phát từ việc chưa có những hướng dẫn chi tiết, từ phía pháp luật hoặc từ chính bản chất “vô hình” của TSTT, dẫn tới khó khăn trong định giá TSTT khi thế chấp, xử lý TSTT sau khi bên thế chấp không có khả năng thực hiện nghĩa vụ.

**Từ khóa**: Tài sản đảm bảo, tài sản trí tuệ, thế chấp, thế chấp tài sản trí tuệ

**75. Thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian và những vấn đề đặt ra**/ Võ Khánh Vinh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.6 - 15.

**Nội dung:** Việc xây dựng Chiến lược mới về cải cách tư pháp cần phải dựa vào những nền tảng lý luận và nền tảng thực tiễn, trong đó có thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua. Bài viết này tìm hiểu một cách khái quát thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua, góp phần cung cấp những cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng Chiến lược mới về cải cách tư pháp ở nước ta. Cụ thể là làm sáng tỏ những kết quả, những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế của cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua; từ đó nêu những vấn đề đặt ra đối với tiếp tục cải cách tư pháp ở nước ta thời gian tới.

**Từ khoá:** Kết quả cải cách tư phá, hạn chế của cải cách tư phá, những vấn đề đặt ra đối với tiếp tục cải cách tư pháp ở nước ta.

**76. Thực trạng pháp luật dân sự liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam**/ Trần Thúy Vân// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.45 - 48.

**Nội dung:** Hiện nay, trên thế giới chưa có định nghĩa thống nhất về “kinh tế chia sẻ”. Mặc dù có rất nhiều định nghĩa khác nhau nhưng đặc điểm chung của loại hình kinh tế này là các hoạt động được thực hiện trên các nền tảng số cho phép các cá nhân chia sẻ/trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các nguồn lực hoặc các kỹ năng chưa được sử dụng hoặc sử dụng không hết. Nói cách khác, mô hình kinh tế chia sẻ cho phép cung gặp cầu đối với các tài sản hoặc kỹ năng chưa được sử dụng hết thông qua các trung gian với sự hỗ trợ của công nghệ số một cách nhanh chóng, hiệu quả và trên quy mô lớn.

**Từ khoá:** Luật dân sự, mô hình kinh tế, Việt Nam.

**77. Tìm hiểu tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, giáo dục pháp luật của Nhà nước**/ Nguyễn Quang Anh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.5 - 9.

**Nội dung:** Rất nhiều người tham gia tố tụng khi ra trước tòa án đã ""thật thà"" thú nhận rằng họ không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, thực tế, việc không biết luật không loại trừ trách nhiệm của một người về hành vi trái pháp luật mà họ đã thực hiện trên cơ sở nguyên tắc ""ai cũng phải biết luật"". Bài viết sẽ phân tích và làm rõ nguyên tắc này, đồng thời chỉ ra trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền được phổ biến, giáo dục pháp luật của người dân.

**Từ khoá:** Nguyên tắc mọi người phải biết luật, trách nhiệm Nhà nước.

**78. Tình hình tội phạm về môi trường và một số dự báo về xu hướng vận động/** Ngô Ngọc Diễm// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.9 - 13.

**Nội dung:** Thực tế cho thấy, tình hình tội phạm về môi trường (TPMT) sẽ ngày càng diễn biến phức tạp, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh truyền nhiễm, biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học, suy thoái đất, tài nguyên nước, môi trường biển… tiếp tục là vấn đề mang tính toàn cầu, làm thay đổi hệ sinh thái tự nhiên, đời sống kinh tế – xã hội trên toàn thế giới, trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với an ninh phi truyền thống. Xu hướng toàn cầu hóa, tội phạm môi trường có yếu tố nước ngoài gia tăng, diễn biến phức tạp, tinh vi khó phát hiện… sẽ hình thành những vi phạm pháp luật mới, thậm chí những vi phạm có tính chất nguy hiểm biến đổi thành tội phạm về môi trường, mang tính quốc tế cần phải phòng ngừa.

**Từ khoá:** Tội phạm, tội phạm về môi trường, tình hình tội phạm, xu hướng vận động

**79. Tội gây rối trật tự công cộng trong Bộ Luật hình sự 2015**/ Nguyễn Huyền Ly// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.32 - 33.

**Nội dung**: Theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, hành vi gây rối trật tự công cộng là hành vi gây mất ổn định trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, hành vi gây rối trật tự cộng cộng phải thỏa mãn điều kiện, hành vi đó xảy ra tại nơi công cộng và làm ảnh hưởng đến trật tự nơi công cộng, đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS.

**Từ khoá:** Gây rối trật tự công cộng, Bộ luật Hình sự 2015

**80. Ủy ban nhân quyền và các hướng dẫn liên quan đến quy trình thực hiện báo cáo định kì thực thi công ước ICCPR**/ Nguyễn Thị Hồng Yến// Luật học.- 2021 .- Số 2 .- Tr. 80-92.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích các vấn đề pháp lí về Ủy ban Nhân quyền và các quy định liên quan đến quy trình thực hiện báo cáo định kì về viêc thực thi công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1996 của các quốc gia thành viên. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra những thay đổi chính trong quy trình thực hiện báo cáo theo khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền bắt đầu từ năm 2019, trên cơ sở đó đưa ra những bình luận ưu, nhược điểm của từng quy trình và những đề xuất cho việc thực hiện báo cáo định kì tiếp theo của Việt Nam.

**Từ khóa**: Báo cáo quốc gia, quyền con người, quyền dân sự và chính trị, Ủy ban Nhân quyền

**81. Vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp theo tinh thần hiến pháp 2013**/ Nguyễn Văn Tuân// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.26 - 30.

**Nội dung:** Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận các nguyên tắc về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, bình đẳng, công bằng trong hoạt động tư pháp, trong đó có quyền bào chữa được bảo đảm. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về quyền bào chữa của người bị buộc tội và thực trạng vai trò của người Luật sư trong việc bào chữa cho người bị buộc tội. Từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Luật sư trong hoạt động tư pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013.

**Từ khoá:** Hiến pháp, hoạt động tư pháp, quyền bào chữa, luật sư

**82. Vai trò của luật sư trong vụ kiện dân sự**/ Phạm Thị Bích Hảo// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.34 - 36.

**Nội dung:** Luật Luật sư năm 2006 sửa đổi năm 2012 tại Điều 2 quy định Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng). Chức năng xã hội của Luật sư là góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; giáo dục mọi người nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Luật sư bảo vệ trong vụ kiện dân sự góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, góp phần bình ổn xã hội. Để tìm hiểu vai trò của Luật sư trong bảo vệ vụ kiện dân sự cần tìm hiểu về nội dung tranh chấp dân sự.

**Từ khoá:** Luật sư, luật dân sự, vụ kiện dân sự.

**83. Về hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc**/ Phan Thị Tuyết// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.54 - 55.

**Nội dung:** Theo quy định chi tiết tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, hành vi quấy rối tình dục có thể xảy ra dưới dạng trao đổi như đề nghị, yêu cầu, gợi ý, đe dọa, ép buộc đổi quan hệ tình dục lấy bất kỳ lợi ích nào liên quan đến công việc; hoặc những hành vi có tính chất tình dục không nhằm mục đích trao đổi, nhưng khiến môi trường làm việc trở nên khó chịu và bất an, gây tổn hại về thể chất, tinh thần, hiệu quả công việc và cuộc sống của người bị quấy rối.

**Từ khoá:** Hành vi quấy rối tình dục, quấy rối tình dục nơi làm việc.

**84. Về quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số**/ Lương Văn// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 7.- Tr.45 - 46.

**Nội dung:** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khi Việt Nam đã ký kết tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và thời đại của công nghệ 4.0, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, đòi hỏi việc hoàn thiện khung pháp lý về quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số càng trở nên cấp thiết.

Từ khoá: Luật sở hữu trí tuệ, môi trường số."

**85. Về thẩm quyền của Tòa án cấp huyện đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**/ Nguyễn Chế Linh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.55 - 56.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến trường hợp các vụ việc mà đương sự là người nước ngoài nói chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện (không bao gồm yếu tố tài sản nước ngoài và ủy thác tư pháp ra nước ngoài).

**Từ khoá:** Thẩm quyền của Tòa án, Tòa án cấp huyện, dân sự.

**86. Về việc thay đổi di chúc đã lập**/ Phan Thị Tuyết// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 5.- Tr.57 - 58.

**Nội dung:** Ông N.X.M và bà N.T.L kết hôn và có 5 người con chung. Tài sản hai ông bà tạo lập là khối nhà, đất 86m2. Năm 2016, bà N.T.L qua đời không để lại di chúc. Nhà, đất vẫn do ông M. quản lý toàn bộ chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Tháng 5/2017, ông N.X.M lập di chúc tại phòng công chứng có nội dung định đoạt 1/2 khối tài sản kể trên (phần thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông), sau khi ông qua đời sẽ cho con trai út. Việc lập di chúc do con trai út ông M. tự đưa bố đến phòng công chứng không cho các anh chị biết. Bản di chúc lập xong con trai út ông M. giữ không đưa cho ông M. Sau khi có bản di chúc trong tay, con trai út ông M. mặc nhiên cho rằng phần tài sản coi như thuộc về mình nên bắt đầu thay đổi thái độ ứng xử, không hiếu kính chăm sóc bố như trước, coi thường các anh chị, không quan tâm đến công việc chung trong gia đình. Thái độ ngang ngược của con trai út khiến ông M. suy nghĩ rất nhiều và cho rằng cách cư xử thiên vị của mình khiến các con bất hòa. Ông M. muốn thay đổi di chúc đã lập năm 2017, theo đó 1/2 khối tài sản ông không cho một mình con trai út nữa mà sẽ chia đều năm phần bằng nhau cho cả 5 người con. Khó khăn là anh con trai út luôn tránh mặt bố và các anh chị. Anh này giấu bản di chúc không đưa ra dù ông M. đã yêu cầu, nên ông M. vô cùng hoang mang. Ông không biết di chúc đã lập tại phòng công chứng có thể sửa lại nội dung theo mong muốn của ông nữa hay không?.

**Từ khoá:** Nhân tố, đào tạo, ý định khởi nghiệp, khởi nghiệp, sinh viên.

**87. Vai trò của Liên hợp quốc trong xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật quốc tế**/ Nguyễn Hồng Thao// Luật học.- 2021 .- Số 7 .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Luật quốc tế được coi là công cụ hữu hiệu và cần thiết để thực hiện ba mục đích của Liên hợp quốc được Hiến chương quy định nhằm xây dựng trật tự thế giới dựa trên luật lệ. Bài viết tổng hợp thành tựu chính của Liên hợp quốc trong xây dựng hệ thống pháp luật quốc tế, phân tích việc thực hiện chức năng của các cơ quan của Liên hợp quốc trong phát triển và pháp điển hóa luật quốc tế, vai trò của Liên hợp quốc trong hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc tế và xu thế cải tổ Liên hợp quốc, hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc tế cũng như thực thi luật quốc tế.

**Từ khóa**: Gìn giữ hòa bình, Liên hợp quốc, luật quốc tế, pháp điển hóa

**88. Vi phạm pháp luật về đất đai qua công tác thanh tra và một số giải pháp hoàn thiện/** TS. Đinh Văn Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 16 (366) .- Tr. 46-48.

**Nội dung:** Những sai phạm về đất đai được phát hiện qua công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chồng chéo, mâu thuẫn và không thống nhất giữa Luật Đất đai với các luật chuyên ngành; Một số góp ý hoàn thiện chính sách pháp luật về đất đai.

**Từ khóa**: Vi phạm pháp luật, đất đai, thanh tra

**89**.**Vi phạm pháp luật môi trường ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và một số giải pháp phòng ngừa/** Nguyễn Tiến Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 16 (366) .- Tr. 49-51.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng và nguyên nhân phát sinh những vi phạm pháp luật về môi trường. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường.

**Từ khóa**: Vi phạm pháp luật môi trường,doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

**90. Xây dựng đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế**/ Phạm Văn Đàm// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 4.- Tr.25 - 28.

**Nội dung:** Hội nhập kinh tế đã, đang và sẽ tiếp tục diễn ra ngày càng mạnh mẽ, đây được xem là xu thế không thể đảo ngược trong một thế giới toàn cầu. Tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam, khi gia nhập""sân chơi"" toàn cầu, đều phải cam kết tuân thủ ""luật chơi"" chung, phải tôn trọng và áp dụng các nguyên tắc và quy phạm luật quốc tế mà quốc gia đó đã kí kết hoặc tham gia. Tuy nhiên, do nước ta hiện là một quốc gia đang phát triển, việc tham gia hội nhập quốc tế cũng chậm hơn so với nhiều quốc gia trên thế giới. Do vậy trình độ, kinh nghiệm hội nhập quốc tế còn nhiều mặt hạn chế, đặc biệt là về luật pháp quốc tế. Đa phần người dân, doanh nghiệp chưa hiểu nhiều về pháp luật quốc tế, vì thế khi tham gia vào các quan hệ pháp luật có các yếu tố nước ngoài thường rơi vào vị trí của người yếu thế. Trong bối cảnh đó, vai trò của đội ngũ luật sư là hết sức quan trọng. Thực tế trong những năm qua, đội ngũ luật sư Việt Nam đã có những đóng góp hết sức to lớn vào tiến trình hội nhập toàn diện của đất nước. Bài viết đi vào phân tích những nét cơ bản của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng đội ngũ luật sư trong tiến trình hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khoá:** Luật sư, hội nhập quốc tế, pháp luật quốc tế.

**91. Xung đột giữa quyền tiếp cận thông tin KH&CN với bảo hộ quyền tác giả tiếp cận dưới giác độ pháp luật**/ Lê Tùng Sơn, Trần Văn Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 46-51.

**Nội dung**: Trình bày xung đột giữa quyền tiếp cận thông tin KH&CN với bảo hộ quyền tác giả tiếp cận dưới giác độ pháp luật. Quyền tiếp cận thông tin (TCTT) khoan học và công nghệ (KH&CN) và quyền tác giả (QTG) là hai chế định pháp luật có vai trò quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, tạo nền tảng để thực hiện các quyền con người, quyền công dân khác như: học tập, nghiên cứu khoa học, tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa tinh thần. Đồng thời, tạo động lực thúc đẩy phát triển xã hội học tập và nền kinh tế tri thức. Tuy vậy, trên thực tế, qua nghiên cứu về thực trạng pháp luật hiện hành, hai chế định pháp luật này đang có những xung đột nhất định. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật và nhận diện những xung đột hiện hữu giữa quyền TCTT KH&CN với bảo hộ QTG, bài viết đề xuất giải pháp chính sách nhằm khắc phục những xung đột trên.

**Từ khóa**: Bảo hộ quyền tác giả, quyền tiếp cận thông tin, sở hữu trí tuệ, thông tin KH&CN

**92. Xung đột lợi ích giữa bên thuê, bên mượn và bên nhận thế chấp tài sản : nhìn từ quy định mới**/ TS. Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2021 .- Số 16(Tháng 08) .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Quy định mới của pháp luật về giao dịch bảo đảm đã cố gắng bổ sung hành lang pháp lý giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa bên thuê tài sản, bên mượn tài sản và ngân hàng nhận thế chấp. Những quy định mới vẫn bộc lộ một số điểm bất cập, bài viết sẽ đưa lại một góc nhìn về vấn đề này.

**Từ khóa**: hợp đồng thế chấp, hợp đồng thuê, hợp đồng mượn, thế chấp tài sản

**NGÔN NGỮ**

**1. Ẩn dụ ý niệm “cuộc đời là thực phẩm” trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt**/ Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Văn Chính// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 11-22.

**Nội dung**: Bài viết áp dụng khung lí thuyết của ngôn ngữ học tri nhận vào khối liệu thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Việt để tìm ra được các biểu thức ẩn dụ ý niệm “cuộc đời là thực phẩm” và các ẩn dụ bậc dưới của ý niệm này, từ đó chứng minh mối quan hệ mật thiết giữa bộ ba ngôn ngữ - văn hóa – tư duy được thể hiện qua các biểu thức ý niệm.

**Từ khóa**: Ẩn dụ ý niệm, thực phẩm, cuộc đời, ánh xạ

**2. Ẩn dụ ý niệm “Tình yêu là căn bệnh”**/ Lê Đức Luận, Ngô Thị Thanh Viện// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 9(316) .- Tr. 35-41.

**Nội dung**: Tìm hiểu về ẩn dụ ý niệm tình yêu là căn bệnh dựa trên cơ sở lý luận về ẩn dụ ý niệm, thông qua khảo sát trong cuốn “Kho tàng ca dao người Việt” để tìm các biểu thức ngôn từ thể hiện ẩn dụ ý niệm này.

**Từ khóa**: Tình yêu, căn bệnh, ẩn dụ, ý niệm, miền nguồn, miền đích

**3. Ẩn dụ ý niệm “tình yêu là cuộc hành trình” trong ca dao Nam Trung Bộ**/ Đào Duy Tùng, Trần Văn Thịnh, Đoàn Thị Phương Lam// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 23-30.

**Nội dung**: Phân tích ẩn dụ ý niệm “tình yêu là cuộc hành trình (trên cạn, trên sông nước), qua cứ liệu ca dao Nam Trung Bộ. Ngoài thuộc tính phổ quát, ẩn dụ này còn mang những đặc trưng của ca dao Nam Trung Bộ. Do đó, bên cạnh việc cung cấp, khẳng định giá trị văn hóa của cứ liệu, bài viết còn lý giải cách mà người Việt Nam Trung Bộ nhận thức và sống bằng ẩn dụ này như thế nào.

**Từ khóa**: Ẩn dụ ý niệm, miền nguồn, miền đích, ánh xạ, tình yêu, cuộc hành trình, ca dao Nam Trung Bộ

**4. Áp dụng lớp học đảo ngược trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành**/ Nguyễn Hoàng Thanh Trang// khoa học Yersin .- 2021 .- Tập 9 . – Tr. 90-100.

**Nội dung**: Bài báo này nhằm xem xét hiệu quả của việc áp dụng lớp học đảo ngược trong phương pháp giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành bằng cách phân tích kết quả của những tài liệu đánh giá về phương pháp lớp học đảo ngược và tìm ra những ưu điểm của phương pháp này. Sử dụng phương pháp định tính, bài báo đề xuất các phương pháp áp dụng lớp học đảo ngược một cách cụ thể trong lớp học Tiếng Anh chuyên ngành.

**Từ khóa**: Tiếng Anh, phương pháp giảng dạy, lớp học đảo ngược

**5. Biến đổi ngữ nghĩa của điển cố, điển tích trong tác phẩm văn chương cổ điển Việt Nam (trường hợp Thu vịnh của Nguyễn Khuyến)**/ Nguyễn Thị Hải, Lê Văn Tấn// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 9(316) .- Tr. 92-98.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu 3 nội dung: Khái niệm điển cổ, điển tích; Nguyên tắc biến đổi ngữ nghĩa của điển cố, điển tích và nghiên cứu trường hợp biến đổi ngữ nghĩa của điển cổ, điển tích trong bài thơ Thu vịnh (nguyễn khuyến).

**Từ khóa**: Điển cố điển tích, tác phẩm văn chương, Thu vịnh, Nguyễn Khuyến, biến đổi ngữ nghĩa

**6. Các dạng thức của ca dao – dân ca và vấn đề diễn giải nghĩa**/ Trần Văn Thịnh, Bùi Thanh Thảo// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 116-125.

**Nội dung**: Nghiên cứu và nhận dạng các dạng thức tồn tại của ca dao – dân ca trong thực tế sẽ đặt ra một số vấn đề về việc tiếp cận và diễn giải nghĩa của ca dao – dân ca trong thực tế nghiên cứu.

**Từ khóa**: Ca dao – dân ca, văn bản, diễn xướng, nghĩa

**7. Câu bị động trong tiếng Hàn và các phương tiện tương đương trong tiếng Việt**/ Vũ Hoàng Mai Linh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 87-96.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan về biểu hiện bị động trong tiếng Hàn và các phương tiện tương đương trong tiếng Việt, nhằm góp phần lấp bớt những khoảng trống đó trong nghiên cứu đối chiếu biểu hiện bị động trong tiếng Hàn và tiếng Việt.

**Từ khóa**: Nghiên cứu tổng quan, biểu hiện bị động, phương tiện tương đương, tiếng Hàn, tiếng Việt

**8. Chất liệu thẩm mĩ trong tục ngữ tiếng Hàn, tiếng Việt (trên ngữ liệu tục ngữ có yếu tố chỉ con giáp)**/ Hoàng Thị Yến// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 9(316) .- Tr. 60-74.

**Nội dung**: Nghiên cứu về đặc điểm nhóm từ ngữ chỉ chất liệu thẩm mỹ trong phạm vi ngữ liệu hẹp của tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt có yếu tố chỉ con giáp. Qua đó, bài viết phác thảo một phần bức tranh về đặc điểm tư duy và cách thức tri nhận thế giới của hai dân tộc Việt – Hàn thể hiện qua tục ngữ có yếu tố chỉ con giáp.

**Từ khóa**: Chất liệu thẩm mĩ, tục ngữ, con giáp, tiếng Hàn, tiếng Việt

**9. Đặc điểm của hành động ngôn ngữ “tặng” trong tiếng Hán hiện đại**/ Nguyễn Thị Minh Khoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 97-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu, khảo sát đặc điểm của hành động ngôn ngữ “tặng” trong tiếng Hán hiện đại, chỉ ra các phương thức ngôn ngữ của hành động ngôn ngữ tặng. Khảo sát cách sử dụng các phương thức ngôn ngữ tặng theo phân tầng xã hội qua 8 bộ phim truyền hình Trung Quốc.

**Từ khóa**: Hành động ngôn ngữ, tặng, tiếng Hán hiện đại, phim truyền hình Trung Quốc

**10. Đề xuất mô hình giảng dạy kỹ năng nghe, nói Tiếng Nhật**/ Nguyễn Thị Phong Nhã// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 58 (68) .- Tr. 116-123.

**Nội dung:** Dạy và học hiện nay đang theo lối truyền thống làm cho sự truyền tải cho sinh viên gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng đủ theo yêu cầu nhân lực của các nhà tuyển dụng, Bài viết trình bày những nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xây dựng phần mềm minh họa nhằm mục đích bước đầu để xuất mô hình dùng công cụ phần mềm hỗ trợ người tự học, tự luyện tập nâng cao kỹ năng nghe và nói Tiếng Nhật.

**Từ khóa:** Tiếng Nhật, kỹ năng nghe, kỹ năng nói, phương pháp giảng dạy.

**11. Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành kế toán: Khó khăn và giải pháp**/ Đoàn Thị Trà My// Khoa học .- 2021 .- Số 20 .- Tr. 29-38.

**Nội dung**: Tiếng Anh chuyên ngành hiện nay đang được giảng dạy ở các trường Đại học trên cả nước và đóng vai trò quan trọng trong hành trang của sinh viên sau khi ra trường. Thực tế cho thấy nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường có khả năng Tiếng Anh tốt sẽ tìm được cộng việc tốt hơn các em không thông thạo Tiếng Anh. Sinh viên dù đã được trang bị kiến thức chuyên ngành nhưng các em chưa đáp ứng được nhu cầu môn học. Bài viết chỉ ra một số khó khăn trong việc dạy và học Tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp sinh viên nâng cao và học tốt hơn.

**Từ khóa:** Tiếng Anh chuyên ngành, giảng dạy, kế toán, nâng cao chất lượng

**12. Một nguyên bản, nhiều bản dịch : điều tạo ra khác biệt?**/ Vũ Văn Đại// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 9(316) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lí thuyết của nghiên cứu liên quan đến những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược dịch. Giới thiệu nguyên bản và các bản dịch được dung làm dữ liệu nghiên cứu. Trình bày kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận về nguồn gốc những khác biệt giữa các bản dịch.

**Từ khóa**: Nguyên bản, thông điệp, ý định giao tiếp, độc giả dịch, Hoàng tử bé

**13. Một hướng tiếp cận khác về phương pháp phân tích câu trong tiếng Việt**/ Nguyễn Thị Minh Trang, Phan Văn Hòa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 9(316) .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Nghiên cứu 3 bình diện kết học, nghĩa học, dụng học cùng việc kết hợp phương pháp phân tích truyền thống (Phân tích câu theo cấu trúc chủ - vị), phương pháp phân tích thành tố trực tiếp (phân tích tầng bậc) vào việc phân tích câu tiếng Việt nhằm tìm ra một hướng đi thỏa đáng, có thể ứng dụng vào thực tiễn dạy và học tiếng Việt.

**Từ khóa**: Lý luận 3 bình diện, phân tích cấu trúc câu, phân tích thành phần, phân tích tầng bậc

**14. Một vài ghi nhận về diễn ngôn trần thuật trong hồi kí cách mạng Việt Nam**/ Lê Thị Nhiên// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 57-63.

**Nội dung**: Phân tích một số đặc điểm trong diễn ngôn trần thuật của hồi kí cách mạng Việt Nam. Trong đó, hoạt lực trần thuật của diễn ngôn được biểu hiện thông qua việc lựa chọn hình thức mở đầu và kết thúc tác phẩm.

**Từ khóa**: Hồi kí cách mạng, diễn ngôn, nghệ thuật trần thuật, đặc điểm, thể loại

**15. Ngọa dụ trong tục ngữ, ca dao**/ Nguyễn Văn Nở// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Trong tục ngữ, ca dao, ngọa dụ được sử dụng với nhiều mục đích và nội dung biểu đạt khác nhau như : thể hiện quan niệm về đời sống tinh thần, biểu lộ tình cảm, và hài hước, đùa vui. Qua biện pháp ngoa dụ trong tục ngữ, ca dao ta thấy được cách nói năng cũng như tư duy liên tưởng và phần nào dấu ấn văn hóa – dân tộc của người Việt.

**Từ khóa**: Biện pháp tu từ, ngọa dụ, sự phóng đại, tục ngữ, ca dao

**16. Nhân sinh quan của người Mường được thể hiện qua biểu thức ngôn ngữ so sánh**/ Lưu Văn Minh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 150-156.

**Nội dung**: Tìm hiểu vấn đề nhân sinh quan của người Mường thể hiện trong các biểu thức ngôn ngữ so sánh qua khảo sát trong tục ngữ, dân ca mường. So sánh là thao tác diễn ra trong tư duy và được biểu hiện bằng biểu thức ngôn ngữ so sánh.

**Từ khóa**: So sánh, biểu thức ngôn ngữ so sánh, nhân sinh quan của người Mường, tục ngữ, dân ca Mường, ngữ liệu khảo sát

**17. Phương thức định dạng các từ ngữ chỉ trang phục phần thân trên trong Tiếng Việt và Tiếng Anh**/ Bùi Thị Oanh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 82-86.

**Nội dung**: Tìm hiểu các phương thức định danh từ ngữ chỉ trang phục phần thân trên trong tiếng Anh và tiếng Việt. Phân tích sự giống và khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

**Từ khóa**: Phương thức định danh, từ ngữ chỉ trang phục phần thân trên, tiếng Việt, tiếng Anh

**18. Sử dụng mô hình Blended Learning trong giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên không chuyên**/ Ngô Thị Khánh Chi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 7(239) .- Tr. 75-83.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô hình Blended leaning cũng như thực tế học tập tiếng Trung của sinh viên không chuyên tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, từ dó đưa ra quy trình cấu trúc bài giảng ứng dụng Blended learning và thuwch nghiệm sư phạm trong giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên.

**Từ khóa**: Blended learning, tiễng Trung không chuyên

**19. Xây dựng ứng dụng hỗ trợ đánh giá độ khó của các văn bản Tiếng Việt**/ Lương An Vinh, Lê Thị Mỹ Dung, Ngô Đức Kha, Lý Gia Huy// Khoa học & Đào tạo .- 2021 .- Số 01 .- Tr. 5-27.

**Nội dung**: Trong bài báo này chúng tôi hướng đến việc xây dựng một trang web có thể giúp người dùng đo lường chính xác độ khó của văn bản Tiếng Việt. Công cụ của chúng tôi sẽ phân tích, thống kê văn bản của người dùng nhập vào và cho ra các chỉ số thống kê, phân tích độ khó của văn bản dựa trên các công thức tính toán độ khó văn bản, công cụ cũng sẽ xác định cấp lớp cho văn bản.

**Từ khóa:** Tiếng việt, độ khó văn bản

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Ảnh hưởng của nồng độ tạp chất và áp suất đến điện trở suất của hợp kim FeNi/** Nguyễn Thị Hồng// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5(48) .- Tr. 93-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu điện trở suất của hợp kim FeNi dưới ảnh hưởng của nồng độ pha tạp và áp suất dựa trên quy tắc Matheiessen và mô hình do Cooote và Meisel đề xuất. Kết quả tính số điện trở suất với các hợp kim loãng FeNi đến áp suất 100 Gpa cho thấy, khi áp suất tăng thì điện trở suất của hợp kim giảm dần theo áp suất đến giá trị bão hòa. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng khi nồng độ Ni nhỏ hơn 20% điện trở suất của hợp kim FeNi tặng gần như tuyến tính với nồng độ của tạp chất Ni.

**Từ khóa**: Điện trở suất, hợp kim FeNi, áp suất cao, điện trở suất

**2. Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức với ngành công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Văn Đắng// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 34-41.

**Nội dung**: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đnag diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Những ảnh hưởng to lớn và khó lường của cuộc cách mạng đang dần định hình tương lai của Việt Nam nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng. Ngành Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh với trình độ phát triển thấp cả về công nghiệp hóa hiện đại hóa cũng như nền tảng tri thức, sẽ thay đổi căn bản, toàn diện thúc đẩy đổi mới sáng tạo nắm bắt cơ hội của cuộc cách mạng Công nghiệp mang lại nhằm xây dựng theo hướng hiện đại hóa.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, hiện đại hóa, công nghiệp hóa, cơ hội, thách thức, công nghiệp

**3. Chặng đường nghiên cứu cơ bản về Vật lý hạt nhân thực nghiệm ở lò phản ứng Đà Lạt/** Vương Hữu Tân// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 54-63.

**Nội dung:** Xây dựng nhóm nghiên cứu cơ bản về vật lý hạt nhân thực nghiệm ở lò phản ứng Đà Lạt giúp cho thế hệ sau tìm hiểu duy trì và phát triển nhóm. Các sự kiện liên quan đến vật lý hạt nhân và những triển vọng của vật lý hạt nhân trong những năm cuối thập niên 90.

**Từ khóa**: Vật lý, vật lý hạt nhân, Đà Lạt, lò phản ứng

**4. Đánh giá đa dạng di truyền các quần thể cá Tra (Pangasianodon hypophthalmus) bằng 20 chỉ thị phân tử microsatellite mới phát triển**/ Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Minh Thành, Nguyễn Hoàng Thông, Trần Hoàng Gia Linh, Lê Hoàng Khôi Nguyên, Nguyễn Hồng Lộc// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định được 20 chỉ thị đa hình trong số 26 chỉ thị microsatelltile mới được phát triển dựa vào hệ gen của cá Tra để đánh giá và so sánh đa dạng di truyền các quần thể cá Tra tự nhiên được sử dụng trong Chương trình chọn giống cá Tra. Kết quả phân tích các microsatelltile cho thấy, các quần thể cá Tra có mức đa dạng di truyền cao, phù hợp để sử dụng cho Chương trình chọn giống. Ngoài ra, bộ chỉ thị mới cũng cho thấy nhiều ưu điểm so với các chỉ thị đã công bố trước đây và có tiềm năng ứng dụng trong các nghiên cứu về di truyền phân tử ca Tra trong tương lai.

**Từ khóa**: Cá Tra, chỉ thị microsatelltile, đa dạng di truyền, Pangasianodon hypophthalmus

**5. Đánh giá độ nhạy các thông số và hiệu chỉnh mô hình DNDC phục vụ tính toán phát thải khí nhà kính từ hoạt động canh tác lúa nước**/ Bùi Thị Thu Trang, Chu Sỹ Huân, Mai Văn Trịnh, Đinh Thái Hưng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Trình bày kết quả đánh giá độ nhạy thông số của mô hình DNDC (Denitrification – Decomposition: Phân hủy – Phân nitrat) khi tính toán phát thải khí nhà kính (KNK) từ hoạt động canh tác lúa nước vùng Đồng bằng sông Hồng trên 4 loại đất: phù sa, đất mặn, đất phèn, đất xám. Mô hình DNDC là mô hình sinh địa hóa mô tả các quá trình hóa học đất trong điều kiện biến đổi các yếu tố sinh học và môi trường tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa…) ảnh hưởng đến quá trình hình thành và giải phóng KNK từ đất vào khí quyển. Mô hình được xây dựng với cấu trúc chi tiết, có độ phân giải theo thời gian.

**Từ khóa**: DNDC, độ nhạy mô hình, hiệu chỉnh mô hình KNK, phát thải, khí nhà kính

**6. Giải pháp về chính sách để phát triển công nghệ cao với ngành công nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Đóa, Nguyễn Mạnh Quân, Nguyễn Văn Hải// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, xu hướng phát triển các ngành lĩnh vực hiện nay luôn gắn liền với công nghệ cao. Các chính sách phát triển công nghệ cao tại Việt Nam đang hướng đến thực hiện mục tiêu nghiên cứu làm chủ và phát triển. Tại Tp. Hồ Chí Minh cơ chế chính sách đã được triển khai tuy nhiên vẫn bộc lộ nhiều bất cập cần được điều chỉnh tháo gỡ nhằm hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển.

**Từ khóa:** Công nghệ cao, công nghiệp, chính sách phát triển

**7. Nghiên cứu ảnh hưởng của tính chất nguyên liệu đến quá trình tạo hạt xúc tác cracking dạng công nghiệp bằng công nghệ sấy phun**/ Trương Đức Hoan, Ngô Thúy Phượng, Đinh Đức Mạnh, Đặng Thanh Tùng, Đào Thị Kim Thoa, Vũ Xuân Hoàn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát ảnh hưởng của tính chất nguyên liệu trong quá trình sấy phun tạo hạt cracking dạng công nghiệp ở quy mô phòng thí nghiệm. Quá trình sấy phun là quá trình chuyển đổi dòng nhập liệu dạng lỏng thành sản phẩm dạng hạt. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình tạo hạt xúc tác gồm điều kiện sấy phun và tính chất hỗn hợp nguyên liệu. Tuy nhiên, khả năng điều chỉnh điều kiện sấy phun với thiết bị sẵn có khá hạn chế, hai thông số chính của nguyên liệu sấy phun là pH và hàm lượng rắn trong nguyên liệu sấy phun được khảo sát. Mục tiêu là tìm ra được giá trị pH và hàm lượng rắn tối ưu để thu được xúc tác cracking dạng công nghiệp có kích thước hạt tốt và diện tích bề mặt lớn.

**Từ khóa**: Cracking, sấy phun, zeolite, xúc tác

**8. Nghiên cứu lan truyền khối nước mang mầm bệnh trong hệ thống nuôi trồng thủy sản ven biển**/ Nguyễn Đình Vượng, Tăng Đức Thắng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Trình bày kết quả ứng dụng lý thuyết thành phần nguồn nước kết hợp sử dụng mô hình toán chất lượng một chiều (MIKE11) để tính toán mô phỏng thành phần nước mang mầm bệnh thủy sản lan truyền trong hệ thống nuôi trồng thủy sản (NTTS) vùng ven biển tỉnh Kiên Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ lan truyền khối nước bệnh trong hệ thống khá nhanh và mở rộng ra phạm vi lớn, các trường hợp vận hành tiêu thoát nước mang nguồn bệnh đã được đề xuất nhằm khống chế và giảm thiểu dịch lây lan. Việc ứng lý thuyết thành phần nguồn nước vào nghiên cứu riêng sự lan truyền mầm bệnh theo đường nước là vấn đề mới, đây cũng là cơ sở khoa học quan trọng phục vụ thiết kế quy hoạch hệ thống thủy lợi các vùng nuôi tôm ven biển hợp lý và bền vững.

**Từ khóa**: Khối nước mầm bệnh, nuôi trồng thủy sản, nguồn nước mang mầm bệnh (TPN bệnh)

**9. Nhân dòng, biểu hiện và tinh sạch chaperone AcrH của vi khuẩn Aeromonas hydrophila sử dụng vật chủ Escherichia coli**/ Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Thị Uyên// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Phân tích nhân dòng, biểu hiện và tinh sạch chaperone AcrH của vi khuẩn Aeromonas hydrophila sử dụng vật chủ Escherichia coli. Vi khuẩn Aeromonas hydrophila và vi khuẩn gram âm, sử dụng hệ tiết loại III (T3SS). Đây là hệ tiết đóng vai trò quan trọng trong các tương tác của vi khuẩn với tế bào vật chủ, đặc biệt là quá trình xâm nhập vào tế bào vật chủ. Mục đích của nghiên cứu là tinh sạch chaperone AcrH với độ tinh sạch cao, giúp phát triển nghiên cứu cấu trúc của protein này, góp phần làm sáng tỏ cơ chế hình thành kênh chuyển vị xuyên màng của T3SS ở vi khẩn A. hydrophila cũng như ở nhiều vi khuẩn gram âm khác.

**Từ khóa**: Biểu hiện gen, chaperone AcrH, protein tái tổ hợp, sắc ký ái lực

**10. Phương pháp lý thuyết xác định nhiệt độ từ cấu trúc tinh tế phổ hấp thụ tia X mở rộng**/ Hồ Khắc Hiếu, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Phước Thể// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5(48) .- Tr. 99-104.

**Nội dung:** Trình bày mô hình Einstein tương quan phi điều hòa và áp dụng mô hình này để nghiên cứu sự phụ thuộc nhiệt độ của hệ số Debye-Waller trong cấu trúc tinh tế phổ hấp thụ tia X mở rộng. Đồng thời chúng tôi cũng trình bày cách thức xác định nhiệt độ thí nghiệm bằng phương pháp lý thuyết dựa trên mô hình ACEM. Nghiên cứu cho thấy nhiễu loạn nhiệt đóng vai trò quan trọng vào hệ số Debye-Waller ở nhiệt độ cao. Kết quả tính số nhiệt độ thí nghiệm từ mô hình ACEM cho kết quả phù hợp tốt với thực nghiệm, sai số lớn nhất chỉ vào khoảng 4%. Điều này cho thấy mô hình ACEM có thể áp dụng hiệu quả và tin cậy trong nghiên cứu các đại lượng nhiệt động trong lý thuyết EXAFS.

**Từ khóa**: Phương pháp, đo nhiệt độ, mô hình Einstein, hệ số Debye-Waller

**11. So sánh hiệu quả của các thuật toán metaheuristic cho bài toán tối ưu khung thép sử dụng phân tích phi tuyến**/ Hà Mạnh Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Phân tích và so sánh hiệu quả của các thuật toán metaheuristic cho bài toán tối ưu khung thép sử dụng phân tích phi tuyến. Ngày nay thiết kế tối ưu công trình sử dụng thuật toán metaheuristic được sử dụng một cách thường xuyên hơn nhờ hiệu quả vượt trội của các thuật toán tối ưu này trong việc giải quyết các bài toán có mức độ phức tạp cao. Bốn thuật toán tối ưu sử dụng phổ biến gần đây cho dạng bài toán này được xem xét so sánh gồm: bản nâng cấp thuật toán tiến hóa vi phân (EpDE), bản nâng cấp thuật toán tối ưu va chạm giữa các vật chất (ECBO), kỹ thuật tìm kiếm hài hòa (HS) và thuật toán Rao.

**Từ khóa**: Khung thép, phân tích phi tuyến, thuật toán metaheuristic, tối ưu

**12. Sử dụng phương pháp Markov Chain Monte Carlo ước lượng hàm mũ ma trận**/ Lê Văn Dũng, Trần Đông Xuân// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5(48) .- Tr. 43-51.

**Nội dung:** Trình bày về phương pháp ước lượng hàm phụ thuộc vào một hoặc nhiều phân phối mũ ma trận. Phương pháp được chúng tôi đề nghị sử dụng là Markov Chain Monte Carlo nhằm xây dựng quá trình Markov Chain Monte Carlo dưới biến mũ ma trận kết hợp với mẫu Gibbs để thu được một dãy độ đo xác suất mũ ma trận dừng từ phân phối hậu nghiệm của quan trắc đã cho. Bên cạnh đó chúng tôi cũng dựa vào biến đổi Laplace-Stieltjes và biến đổi Laplace-Stieltjes ngược của phân phối mũ ma trận để đề ra công thức tính xác suất phá sản của công ty bảo hiểm trong mô hình rủi ro hai chiều.

**Từ khóa**: Laplace-Stieltjes, phương pháp Markov Chain Monte, hàm lượng mũ ma trận

**13. Tách phân đoạn Limonoids có trong hạt các loại bưởi khác nhau sử dụng các loại dung môi khác nhau và khả năng kháng oxy hóa của chúng**/ Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Lan Phi, Châu Trần Diễm Ái// Khoa học & Đào tạo .- 2021 .- Số 01 .- Tr. 91-98.

**Nội dung**: Hàm lượng Limonoids và khả năng háng oxy hóa được xác định bằng phản ứng DPPH. Hàm lượng Limonoids tổng và hàm lượng Limonoids phân đoạn được tách bằng ethyl acetate cao hơn. Tất cả các phân đoạn tách từ hạt bưới Tân Triều có chưa hàm lượng Limonoids cao hơn hạt bưởi Đoan Hùng. Tuy nhiên khả năng kháng oxy hóa của các dịch chiết từ bưởi Đoan Hùng cao hơn so với dịch chiết bưởi Tân Triều.

**Từ khóa**: Khả năng oxy hóa, hạt bưởi, Limonoids

**14. Thiết kế nền tảng Biosensing quang học dựa trên cấu trúc nano điện môi – kim loại – điện môi**/ Phạm Đình Đạt, Phạm Tiến Thành// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 1-5.

**Nội dung**: Trình bày thiết kế nền tảng Biosensing quang học dựa trên cấu trúc nano điện môi – kim loại – điện môi. Cấu trúc chất điện môi – kim loại – chất điện môi (IMI) là một cấu trúc tiềm năng trong thiết kế nền tảng cảm biến sinh học bởi các đặc tính quang học ưu việt, đặc biệt là hiện tượng cộng hưởng bề mặt (SPR). Đặc tính quang học của cấu trúc IMI trong dải bước sóng nhìn thấy được tính toán bằng phương pháp transfer matrix. Các kết quả tính toán độ nhạy chỉ ra rằng, cấu trúc IMI có độ nhạy cao hơn chip sinh học sử dụng phương pháp phản xạ toàn phần (ATR), SPR và tương đương với phương pháp sử dụng cấu trúc kim loại – chất điện môi – kim loại (MIM).

**Từ khóa**: Cấu trúc nano điện môi, kim loại, chất điện môi, phản xạ toàn phần

**15. Trao đổi về năng lượng hạt nhân: liệu nó có phải là giải pháp cho biến đổi khí hậu/** Nguỵ Hữu Tâm// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 35-40.

**Nội dung:** Năng lượng hạt nhân có phải là giải pháp cho biến đổi khí hậu không? Paul Dorfman và Staffan Qvit đều muốn cứu khí hậu. Nhưng một người muốn loại bỏ thế giới của các lò phản ứng hạt nhân trong khi người kia lại muốn xây dựng thêm chúng. Chúng ta cùng theo dõi họ tranh luận qua cuộc phỏng vấn của tờ tuần báo Đức Der Spiegel.

**Từ khóa**: Hạt nhân, biến đổi khí hậu

**16. Viện Ứng dụng Công nghệ nghiên cứu sản phẩm hỗ trợ chống dịch Covid-19**/ Giang Mạnh Khôi// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 6-8.

**Nội dung:** Viện Ứng dụng Công nghệ nghiên cứu những sản phẩm: Robot lau nhà khử khuẩn Narovid 1, phần mềm hỗ trợ phân luồng bệnh nhân, áo hạ nhiệt làm mát cơ thể, công nghệ Laser hỗ trợ điều trị Covid-19. Mục tiêu chung là đem khoa học phục vụ nhân dân, phục vụ loài người đưa Việt Nam và thế giới vượt qua những khó khăn.

**Từ khóa:** Covid-19, Viện Ứng dụng Công nghệ, nghiên cứu sản phẩm

**17. Tổng hợp vật liệu phát quang màu đỏ đậm Ca2Al2SiO7:Mn4+/** Hồ Văn Tuyến, Nguyễn Hạ Vi, Nguyễn Thị Quỳnh Liên// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5(48) .- Tr. 52-56.

**Nội dung**: Trình bày kết quả tổng hợp vật liệu phát quang màu đỏ đậm Ca2Al2SiO7 bằng phương pháp phản ứng pha rắn và khảo sát tính chất quang của vật liệu thu được. Cấu trúc pha vật liệu cũng như hình thái hạt được khảo sát bằng kĩ thuật phân tích nhiễu xạ tia X và ảnh hiển vi điện tử SEM. Kết quả XRD cho thấy sự dịch chuyển vị trí đỉnh nhiễu xạ với mặt phẳng tinh thể 121 khi thay đổi nồng độ tạp Mn4+, nguyên nhân sự thay đổi này được cho là do sự khác biệt về kích thước các ion tạp Mn4+ và ion Ca2 của mạng tinh thể.

**Từ khóa:** Vật liệu tổng hợp, phát quang

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Ảnh hưởng của một số yếu tố lên quá trình sinh trưởng và phát triển lan Thạch Hộc Tía (Dendrobium officinale Kimura et Migo) trong nuôi cấy in vitro và ex vitro**/ Vũ Quốc Luận, Hoàng Thanh Tùng, Vũ Thị Hiền, Hoàng Đắc Khải, Đỗ Mạnh Cường, Trịnh Thị Hương, Bùi Văn Thế Vinh, Vũ Thị Tư, Dương Tấn Nhựt// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 2(Tập 19) .- Tr. 321-335.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của một số yếu tố lên quá trình sinh trưởng và phát triển lan Thạch Hộc Tía (Dendrobium officinale Kimura et Migo) trong nuôi cấy in vitro và ex vitro. Lan Thạch Hộc Tía là một loài phong lan cho hoa đẹp và có nhiều dược chất quan trọng trong việc chống ung thư, chống lão hóa, tăng cường miễn dịch và giãn mạch máu; do đó, chúng được sử dụng làm thuốc trong y học cổ truyền ở nhiều nước Châu Á. Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của một số yếu tố lên chất lượng cây giống trong nuôi cấy in vitro cũng như sinh trưởng và phát triển tiếp theo ở giai đoạn vườn ươm.

**Từ khóa**: Chất lượng cây giống, giá thể, lan Thạch Hộc Tía, môi trường SH, nuôi cấy thoáng khí

**2. Báo cáo ca bệnh khảm trisomy một phần nhiễm sắc thể số 9**/ Hoàng Thị Hải, Hoàng Ngọc Lan, Vũ Thị Hà, Nguyễn Thị Sim, Hồ Khánh Dung, Đoàn Thị Kim Phượng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Trình bày báo cáo ca bệnh khảm trisomy một phần nhiễm sắc thể số 9. Hội chứng trisomy nhiễm sắc thể (NST) số 9 (trisomy 9) và dạng bất thường khác liên quan như khảm trisomy 9 toàn phần hoặc một phần là các chứng rối loạn NST ở người rất hiếm gặp, thường chết ngay ở giai đoạn phôi thai hoặc có đời sống rất ngắn, chỉ 20 ngày sau sinh kèm theo nhiều dị tật hệ cơ quan. Báo cáo cho thấy các biểu hiện lâm sàng đa dạng của bất thường trisomy 9 dạng khảm ở người, đóng góp vào nguồn dữ liệu hiếm các trường hợp mắc bệnh này. Từ đó bổ sung vào kiến thức tư vấn di truyền đối với các ca bệnh hiếm của trisomy một phần NST 9 thể khảm, đặc biệt là tư vấn di truyền chẩn đoán trước sinh để tiên lượng tình trạng của thai nhi.

**Từ khóa**: Khảm, aray CGH, nhiễm sắc thể, trisomy 9 một phần

**3. Bệnh Melioidosis ở Việt Nam: Những nổ lực trong nâng cao hiệu quả chẩn đoán và dự phòng**/ Trần Thị Lệ Quyên, Phạm Công Hoạt, Bùi Thị Việt Hà, Trịnh Thành Trung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Melioidosis là bệnh nhiễm trùng cấp tính nguy hiểm. Với sự nỗ lực, miệt mài, sự phối hợp của các bác sĩ tại hơn 40 bệnh viện trong cả nước, cũng như sự ủng hộ của Bộ KH&CN, chúng ta có thể sàng lọc nhanh về bệnh Melioidosis tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu không những đóng góp tri thức hiểu biết về dịch tễ học mà còn giúp các nhà khoa học và các bác sĩ lâm sàng hiểu được đặc tính của chủng vi khuẩn B. pseudomallei, từ đó có định hướng nghiên cứu cũng như điều trị bệnh.

**Từ khóa**: Melioidosis, nhiễm trùng, dịch tễ học, điều trị

**4. Biến đổi nồng độ VEGF thủy dịch do tiêm Bevacizumab nội nhãn trong điều trị bệnh võng mạc đái tháo đường tăng sinh biến chứng**/ Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Tuấn Thanh Hảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự biến đổi nồng độ yếu tố tăng sinh tân mạch (VEGF) trong thủy dịch trước và sau tiêm nội nhãn Bevacizumab điều trị võng mạc đái tháo đường (ĐTĐ) tăng sinh biến chứng. Bệnh võng mạc ĐTĐ giai đoạn tăng sinh là giai đoạn bệnh lý nặng, tiến triển của bệnh võng mạc ĐTĐ. Nồng độ VEGF trong thủy dịch giảm đáng kể sau tiêm nội nhãn Bevacizumab 1 tuần ở nhóm bệnh võng mạc ĐTĐ tăng sinh có biến chứng. Qua đó bước đầu cho thấy vai trò điều trị của Bevacizumab trong việc hỗ trợ phẫu thuật. Hướng nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới cần đánh giá mối liên quan giữa nồng độ VEGF với kích thước và khối lượng tân mạch võng mạc nhằm tối ưu hóa quá trình phẫu thuật điều trị bệnh (liều lượng, thời gian).

**Từ khóa**: Biến đổi nồng độ VEGF, Bevacizumab, đái tháo đường, biến chứng

**5. Biểu hiện một số gen điều hòa miễn dịch ở bệnh bạch cầu tủy mạn**/ Nguyễn Hoàng Giang, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Thị Xuân// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Tiến hành xác định biểu hiện mRNA của các gen này trên tế bào bạch cầu của bệnh nhân CML bằng kỹ thuật realtime-PCR. Kết quả cho thấy có sự tăng rõ rệt biểu hiện của các gen tín hiệu STAT-1 và STAT-6 và biểu hiện của gen LAG3 giảm đi ở bệnh nhân CML. Bệnh bạch cầu dòng tủy mạn tính (CML) là bệnh ung thư máu có sự tăng trưởng bất thường của các tế bào bạch cầu dòng tủy ở tất cả các giai đoạn biệt hóa. Biểu hiện tăng bất thường của STAT1 và STAT6 cho thấy vai trò quan trọng của các gen tín hiệu này điều hòa hoạt động của tế bào miễn dịch dẫn tới sự hình thành và phát triển CML và có thể là các marker quan trọng và tiềm năng trong chẩn đoán phát hiện sớm ung thư CML.

**Từ khóa**: Bệnh bạch cầu tủy mạn CML, klotho, CTLA4, IkB-α, PD1, LAG3, STAT

**6. Bimedtech : ứng dụng công nghệ sản xuất chip sinh học phục vụ chẩn đoán một số bệnh ở người**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 37-38.

**Nội dung**: Phân tích ứng dụng chip sinh học Bimedtech vào chẩn đoán một số bệnh ở người. Chip sinh học được xem là thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới trong việc ứng dụng công nghệ nano vào lĩnh vực chẩn đoán y học. Các chip sinh học này như phòng thí nghiệm thu nhỏ, đủ khả năng thực hiện đồng thời hàng trăm, thậm chí hàng ngàn phản ứng xét nghiệm sinh hóa khác nhau. Tiến bộ này giúp các nhà nghiên cứu có những công cụ mới để khám phá những quy định sinh hóa phức tạp xảy ra bên trong tế bào, đồng thời giúp tiết kiệm thời gian và giảm chi phí cho người bệnh.

**Từ khóa**: Bimedtech, chip sinh học, sinh hóa, xét nghiệm

**7. Các chỉ số phân tích quan trọng dùng trong nghiên cứu đánh giá khả năng chịu mặn ở thực vật**/ Hoàng Thị Lan Xuân, Nguyễn Thị Phương Thảo// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 2(Tập 19) .- Tr. 197-212.

**Nội dung**: Phân tích những chỉ số quan trọng dùng trong việc đánh giá về khả năng chịu mặn của cây để thu thập bộ dữ liệu đầy đủ liên quan đến thay đổi hình thái và điều chỉnh sinh lý, sinh hóa và phân tử; hoặc từ các phân tích ở quy mô –omics để có cái nhìn tổng quan về mạng lưới các con đường tham gia đáp ứng mặn. Trong số các nhân tố stress phi sinh học, stress mặn là một trong những mối đe dọa chính, gây ra độc ion nội bào, stress mất nước và stress oxy hóa. Tác động của stress mặn được dự báo là ngày càng nghiêm trọng hơn do biến đổi khí hậu. Vì vậy, phát triển các giống cây trồng mới có khả năng chịu mặn tốt hơn bằng phương lai tạo truyền thống hay bằng kỹ thuật di truyền luôn là mối quan tâm của các nhà khoa học.

**Từ khóa**: Các chỉ số phân tích, khả năng chống chịu stress của thực vật, phân tích chức năng gen, stress mặn, stress thẩm thấu

**8. Các yếu tố ảnh hưởng đến mật độ xương ở phụ nữ cho con bú**/ Hoàng Tiến Mạnh, Nguyễn Thị Thanh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Cung cấp thông tin tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến mật độ xương ở phụ nữ cho con bú như độ tuổi sinh nở, lối sống, phương thức nuôi con cũng như cơ chế điều hòa chuyển hóa xương. Các hành vi sinh lý đặc biệt khi mang thai và cho con bú gây mất một lượng lớn xương và làm gia tăng nguy cơ xuất hiện chứng loãng xương sau mãn kinh, nghiêm trọng hơn có thể gây chứng loãng xương liên quan đến mang thai và cho con bú.

**Từ khóa**: Mật độ xương, chuyển hóa xương, loãng xương

**9. Cách tiếp cận mới để phân loại ung thư tế bào hắc tố và ung thư da không phải u hắc tố ở người**/ Nguyễn Thanh Trúc, Lưu Thanh Ngân, Lê Thanh Hải, Phạm Thị Thu Hiền// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 10(751) .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Giới thiệu cách tiếp cận mới để phân loại ung thư tế bào hắc tố và ung thư da không phải u hắc tố ở người bằng cách sử dụng thuật toán cây phân loại và hồi quy (CART). Các thông số quang học hiệu dụng của mô dị hướng sinh học được tính toán từ phương pháp ma trận Stokes-Mueller, sau đó được đưa vào thuật toán phân loại CART như là các yếu tố dự đoán cho mô hình. Phương pháp mới này có tiềm năng hỗ trợ thông tin cho các bác sỹ trong việc đưa ra quyết định y tế kịp thời trong phát hiện ung thư da.

**Từ khóa**: Ung thư tế bào hắc tố, ung thư da, u hắc tố ở người

**10. Chế độ ăn giàu omega-3 giúp giảm chứng đau nửa đầu**/ Tô Thị Hằng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 51-52.

**Nội dung**: Phân tích lợi ích của chế độ ăn giàu omega-3 giúp giảm chứng đau nửa đầu. Chứng đau nửa đầu là một bệnh về thần kinh, xếp hạng trong só những nguyên nhân phổ biến nhất gây ra các cơn đau mạn tính. Các nhà nghiên cứu cũng lưu ý rằng, việc tăng lượng omega-3 thông qua chế độ ăn sẽ tốt hơn dùng dầu cá bổ sung. Có rất nhiều thực phẩm giàu omega-3 như cá hồi, cá trích, hàu, hạt chia, hạt lanh, quả óc chó, đậu nành,… Cơn đau này có thể kéo dài hàng giờ, thậm chí vài ngày và hiện nay chưa có cách chưa trị bệnh này. Việc bổ sung chế độ ăn uống giàu omega-3 giúp giảm tần suất của cơn đau hơn.

**Từ khóa**: Đau nửa đầu, omega-3, chế độ ăn, bệnh thần kinh

**11. Công nghệ đông khô và triển vọng đơn giản hóa quy trình bảo quản vắc-xin**/ Đặng Xuân Thắng, Phạm Đức Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Trình bày công nghệ đông khô và triển vọng đơn giản hóa quy trình bảo quản vắc-xin. Trong thời kỳ đại dịch như hiện nay, vắc-xin vẫn được xem là giải pháp chính để đối phó. Mặc dù vậy, bài toán thúc đẩy phân phối tiêm chủng nhanh chóng cho người dân vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa. Một trong số các nguyên nhân đó đến từ yêu cầu nghiêm ngặt trong quy trình bảo quản với nhiệt độ âm sâu (đòi hỏi nhiều chi phí hậu cần và thiết bị) của hầu hết các loại vắc-xin phòng ngừa Covid-19 hiện nay. Công nghệ đông khô đang được triển khai nhằm biến đổi vắc-xin từ dạng lỏng sang dạng bột khô, qua đó giúp vắc-xin có thể bảo quản ở nhiệt độ cao hơn sẽ là triển vọng cho việc giải quyết khó khăn trên.

**Từ khóa**: Công nghệ đông khô, bảo quản vắc-xin, vắc-xin Covid-19

**12. Đánh giá chỉ số độ sâu tiền phòng và chiều dài trục nhãn cầu trên mắt cận thị cao**/ Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Thị Minh Châu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 6-9.

**Nội dung**: Đánh giá chỉ số độ sâu tiền phòng và chiều dài trục nhãn cầu trên mắt cận thị cao. Với những mắt cận thị cao, để lựa chọn được phương pháp phẫu thuật tối ưu nhất cho từng đối tượng, bác sĩ nhãn khoa sẽ phải cân nhắc các yếu tố: tuổi, mức độ cận thị, một số chỉ số của mắt như độ dày giác mạc, khúc xạ giác mạc, chiều dài trục nhãn cầu, độ sâu tiền phòng… và nhu cầu của người bệnh để có thể tư vấn cho bệnh nhân phẫu thuật laser trên bề mặt giác mạc hay phẫu thuật đặt kính nội nhãn. Những bệnh nhân cận thị cao nếu độ dày giác mạc không cho phép sẽ không phẫu thuật được bằng phương pháp laser trên bề mặt giác mạc, nhưng có phẫu thuật bằng phương pháp đặt kính nội nhãn được hay không lại phụ thuộc vào độ sâu tiền phòng có đủ sâu hay không. Để đo được các chỉ số nêu trên, hiện nay với sự phát triển của công nghệ, với phương pháp đo quang học không tiếp xúc trực tiếp trên nhãn cầu, máy IOL Master giúp các bác sĩ nhãn khoa có thể đo nhanh chóng và an toàn một số chỉ số sinh trắc nhãn cầu.

**Từ khóa**: Trục nhãn cầu, mắt cận thị, phương pháp laser, chỉ số sinh trắc nhãn cầu

**13. Đánh giá độc tính và tác dụng của viên nén an thần – TN trên động vật thực nghiệm**/ Trương Thị Thu Hương, Hoàng Công Huy// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.97-109.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác dụng an thần giải lo âu, đánh giá tác dụng của viên An thần – TN cho thấy không có độc tính cấp và có tác dụng điều trị rối loạn giấc ngủ. Cơ sở của thử nghiệm này là dựa trên khả năng phối hợp thần kinh – cơ, khả năng định hướng không gian, sức căng cơ, khả năng giữ thăng bằng của động vật. Thuốc an thần ức chế thần kinh trung ương, làm giảm phối hợp thần kinh cơ, khả năng giữ thăng bằng và định hướng không gian nên giảm khả năng đeo bám trên thanh quay của chuột.

**Từ khóa**: An thần – TN, ngộ độc cấp tính, độc tính bán cấp

**14. Đánh giá tác dụng của “Giáng đường thông lạc HV” điều trị biến chứng thần kinh ngoại vi ở người bệnh đái tháo đường type 2 trên một số chỉ số lâm sàng và cận lâm sàng**/ Trần Thị Thu Vân, Nguyễn Trường Nam, Thịnh Thị Minh Thu// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.47-55.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của “Giáng đường thông lạc HV” điều trị biến chứng thần kinh ngoại vi ở người bệnh đái tháo đường type 2 trên một số chỉ số lâm sàng và cận lâm sàng. Hiệu quả điều trị được đánh giá dựa trên sự thay đổi điểm đau theo thang VAS, sự biến đổi về tỷ lệ các triệu chứng cơ năng và thực thể như dị cảm, tê bì chân tay, kim châm, chuột rút, nhận cảm nhiệt độ. Đánh giá sự biến đổi trên các chỉ số về công thức máu và sinh hóa máu để nhận định tác động của bài thuốc trên chỉ số đường huyết, chức năng tạo máu và chức năng gan thận. Kết quả nghiên cứu cho thấy “Giáng đường thông lạc HV” có hiệu quả cải thiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp do biến chứng thần kinh ngoại vi ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 như đau, tê bì, dị cảm và không làm biến đổi các chỉ số trên công thức máu, đường huyết và chức năng gan thận.

**Từ khóa**: Giáng đường thông lạc HV, đái tháo đường, biến chứng thần kinh ngoại vi

**15. Đánh giá tác dụng của kiện náo an thần đan trên động vật thực nghiệm và trong điều trị thiếu máu não mạn tính**/ Nguyễn Văn Dũng, Trần Danh Tiến Thịnh, Nguyễn Văn Ánh, Bùi Tứ, Trần Quang Minh, Nguyễn Nguyên Xuân, Thái Thị Hải Yến// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.15-25.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của hoàn cứng kiện não an thần đan trên mô hình động vật thực nghiệm và trên bệnh nhân thiếu máu não mạn tính. Nghiên cứu cho thấy, kiện não an thần có tác dụng cải thiện tình trạng suy giảm trí nhớ, giảm độ nhớt của máu và huyết tương trên mô hình động vật thực nghiệm. Cải thiện tốt các triệu chứng lâm sàng trên bệnh nhân thiếu máu não mạn tính, an toàn khi sử dụng.

**Từ khóa**: Thiếu máu não mạn tính, kiện não an thần đan, Bệnh viện Y học cổ truyền Đà Nẵng

**16. Đánh giá tác dụng của viên nang tiền liệt HV điều trị chứng long bế trên bệnh nhân tăng sản lành tính tuyến Tiền liệt**/ Lê Thị Thanh Nhạn, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Lê Ngọc Bích Sơn, Trần Minh Nghĩa// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.56-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hiệu quả điều trị chứng long bế của viên nang Tiền liệt HV trên bệnh nhân tăng sản lành tính tuyến tiền liệt. Bệnh nhân nếu không điều trị tích cực, hoặc điều trị không đúng phác đồ sẽ gây nhiều biến chứng như niệu đạo và cổ bàng quang bị chèn ép do sự tăng về kích thước, khối lượng tuyến tiền liệt và tăng trương lực cơ trơn; hậu quả là gây nhiễm trùng đường niệu, sỏi bàng quang, bí tiểu và suy thận cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy “Viên nang Tiền liệt HV” có tác dụng điều trị tốt tăng sản lành tính tuyến tiền liệt.

**Từ khóa**: Tiền liệt HV, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt

**17. Đánh giá tác dụng điều trị hỗ trợ của bài thuốc thập toàn đại bổ trên bệnh nhân ung thư vú đang hóa trị theo phác đồ AC**/ Nguyễn Thị Bích Thảo// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.26-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy bài thuốc Thập toàn đại bổ có tác dụng điều trị hỗ trợ bệnh nhân ung thư vú đang hóa trị theo phác đồ AC. Điều trị hóa chất cho bệnh nhân ung thư vú, bên cạnh lợi ích điều trị bệnh ung thư thường gặp các triệu chứng không mong muốn trên hệ tiêu hóa (buồn nôn, nôn, chán ăn, rối loạn tiêu hóa) và hệ tạo huyết (giảm bạch cầu, giảm hồng cầu) hoặc tăng men gan, rụng tóc làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Thập toàn đại bổ là một bào thuốc được Y học cổ truyền thừa kế và phát huy một cách sáng tạo để điều trị chứng khí huyết lưỡng hư mang lại kết quả tốt.

**Từ khóa**: Thập toàn đại bổ, ung thư vú, hóa trị AC

**18. Đánh giá thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học của tinh dầu cây Bạc hà (Mentha arvensis L.) trồng tại Việt Nam**/ Trần Bảo Trâm, Nguyễn ThỊ Hiền, Trương Thị Chiên, Phan Xuân Bình Minh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Hoàng Quốc Chính, Vũ Xuân Tạo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu, tìm kiếm và đánh giá các hoạt chất có hoạt tính sinh học từ thực vật là hướng nghiên cứu tiềm năng trong việc tạo ra các sản phẩm chăm sóc sức khỏe con người. Phân tích thành phần hóa học của tinh dầu Bạc hà bằng sắc ký khí GC/MS đã nhận diện được 29 chất, tuy nhiên số lượng và hàm lượng các chất khác nhau giữa các mẫu tinh dầu. Cây Bạc hà (Mentha arvensis L.) hiện đã được trồng nhiều tại Việt Nam, dùng làm nguyên liệu sản xuất tinh dầu phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

**Từ khóa**: Hoạt tính sinh học, Bạc hà, tinh dầu

**19. Đánh giá tiềm năng sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ của các hợp tác xã nông nghiệp tại Thừa Thiên – Huế**/ Nguyễn Tiến Dũng, Võ Trọng Thức, Lê Thị Hoa Sen, Lê Văn Nam, Nguyễn Văn Thành, Hoàng Gia Hùng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 5-12.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá tiềm năng sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ của các hợp tác xã nông nghiệp tại Thừa Thiên – Huế. Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm hữu cơ là xu hướng toàn cầu và ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp được xem là tác nhân giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, mở rộng sản xuất và thúc đẩy tiêu thụ lúa hữu cơ. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, để nâng cao tiềm năng sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ, các HTX cần trọng tâm vào mở rộng các mối liên kết hợp tác với các công ty giống – vật tư, các tác nhân tiêu thụ, các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học. Tỉnh cần tập trung vào các vùng sản xuất lúa có các HTX có tiềm năng cao và rất cao như ở Phú Vang và Hương Thủy, từ đó phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa hữu cơ mang thương hiệu của tỉnh.

**Từ khóa**: Hợp tác xã lúa hữu cơ, sản xuất, Thừa Thiên - Huế, tiêu thụ, tiềm năng

**20. Giải trình tự hệ gen mã hóa xác định đột biến gen COL2A1 gây hội chứng Stickler ở một gia đình người Việt Nam**/ Nguyễn Đăng Tôn, Phạm Minh Châu, Nguyễn Thị Xuân, Dương Thu Trang, Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Hải Hà// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 4(Tập 18) .- Tr.609-615.

**Nội dung**: Phân tích di truyền bằng cách sử dụng giải trình tự toàn bộ vũng mã hóa (WES) phát hiện một thay thế nucleotide trong exon 42 của gen COL2A1. Biến thể này đã được báo cáo trước đây là một biến thể gây ra hội chứng Stickler. Hội chứng Stickler là một nhóm bệnh di truyền hiếm liên quan đến những bất thường trong mô liên kết, cụ thể là collagen ở mắt, tai, vùng sọ mặt, xương và khớp. Hội chứng này di truyền trên nhiễm sắc thể thường, có thể trội hoặc lặn tùy theo loại gen gây bệnh. Hội chứng Stickler được đặc trưng bởi cận thị nặng, thủy tinh thể dị thường, các đặc điểm khuôn mặt đặc biệt, các vấn đề về thính giác và dị tật khớp.

**Từ khóa**: Giải trình tự hệ gen mã hóa (WES), hội chứng Stickler, gen COL2A1, cận thị nặng bẩm sinh, bong võng mạc

**21. Hạt nano bọc berberine cảm ứng biệt hóa tế bào tạo xương in vitro**/ Nguyễn Thị Hồng Minh, Trần Tuấn Anh, Lê Thị Thùy Dương, Nguyễn Viết Linh, Nguyễn Thị Mai Phương// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 4(Tập 18) .- Tr.633-641.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy, hạt nano berberine mới (nanoberberine, NBB) có sự phân tán tốt trong nước đã được tổng hợp để làm gia tăng tính khả dụng sinh học của nó. Berberine chứa nhiều tính chất dược lý được sử dụng để điều trị một số bệnh như ung thư, tiểu đường, tim mạch, tăng lipid máu, viêm nhiễm do vi khuẩn và virus, chấn thương do thiếu máu não và bệnh thần kinh. Hơn nữa, berberine còn được biết đến như một chất chống loãng xương bằng cách kiểm soát chức năng của cả tế bào hủy xương và tạo xương. Ngoài ra, hoạt tính phosphatase kiềm (ALP), một dấu hiệu phân tử của quá trình biệt hóa tế bào tạo xương, khi xử lý với NBB là cao hơn đáng kể so với berberine ở cùng nồng độ thử nghiệm. Kết quả này chỉ ra rằng NBB có thể là một tác nhân sinh học tiềm năng cho cảm ứng sự hình thành xương. NBB có thể cải thiện tính sinh khả dụng, đặc biệt là hoạt tính tái tạo xương in vitro so với berberine ở dạng tự do.

**Từ khóa**: Berberine, hạt nano, biệt hóa tế bào tạo xương, tái tạo xương, loãng xương

**22. Hình thái và hoạt tính sinh học của các giống sâm Panax ginseng nổi tiếng ở Hàn Quốc và Việt Nam**/ Đinh Văn Phê, Chu Đức Hà, Khuất Thị Mai Lương, Lê Thị Ngọc Quỳnh, Phạm Phương Thu, Hà Minh Tâm, Lê Hùng Lĩnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Cung cấp thông tin về hình thái và hoạt tính sinh học quan trọng của các giống P. ginseng nổi tiếng đang được trồng phổ biến tại Hàn Quốc, đồng thời đưa ra một số gợi ý trong chiến lược bảo tồn và phát triển sâm Ngọc Linh nổi tiếng của Việt Nam. Panax là một trong những chi quan trọng của họ Arraliaceae, bao gồm 17 loại dược liệu quý. Trong đó P. ginseng và chiết xuất từ cây đã được chứng minh tác dụng dược lý, được sử dụng như những thực phẩm chức năng và thuốc. Việc kiểm định về mặt hình thái, hóa sinh và đặc biệt là phân tử đối với những cây và sản phẩm từ sâm được xem là những công cụ hiệu quả nhằm kiểm soát chất lượng đối với quốc bảo này.

**Từ khóa**: Hoạt tính sinh học, sâm, Pnanax ginseng, dược liệu

**23. Hiện trạng của lĩnh vực nghiên cứu và phát triển thuốc có sự trợ giúp của máy tính/** Phạm Thị Ly, Lê Quốc Chơn// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4(47) .- Tr. 37-44.

**Nội dung:** Bài báo khái quát nguyên lý hoạt động, những đóng góp của ứng dụng máy tính trong nghiên cứu và phát triển thuốc. Việc ứng dụng máy tính vào nghiên cứu thuốc nhằm tìm ra giải pháp nghiên cứu thuốc hiệu quả hơn giảm chi phí, giảm thời gian.

**Từ khóa**: Nghiên cứu thuốc, máy tính, phát triển thuốc

**24. Hiệu quả sản xuất lúa gạo theo hướng VietGAP tại Đồng bằng sông Cửu Long**/ Vũ Anh Pháp, Lê Thành Phiêu, Bùi Chúc Ly// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 1-4.

**Nội dung**: Trình bày sản xuất lúa theo hướng VietGAP ở một số địa phương tại Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy tăng hiệu quả về kỹ thuật, tài chính, môi trường. Nếu cải thiện thị trường và giá trị đầu ra của sản phẩm thì lợi nhuận sẽ tăng nhiều hơn. Xây dựng và phát triển mô hình theo hướng VietGAP là tiền đề để bảo đảm sản xuất lúa gạo bền vững. Phát triển nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng theo hướng VietGAP là rất phù hợp với phát triển nền nông nghiệp hiện đại trong xu thế hội nhập. Áp dụng thành công VietGAP cần có sự liên kết của các bên tham gia, đặc biệt là liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi sản xuất từ đầu vào tới sản phẩm đầu ra cuối cùng trên cơ sở quyền lợi và trách nhiệm của hai bên.

**Từ khóa**: Hiệu quả sản xuất, hướng VietGAP, truyền thống

**25. Khảo sát khả năng kháng ung thư in vitro của doxorubicin bao trong hạt nano oxy hóa khử chạy pH**/ Nguyễn Thị Hoàng, Trịnh Như Thùy, Vòng Bính Long// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Khảo sát khả năng kháng ung thư in vitro của doxorubicin bao trong hạt nano oxy hóa khử chạy pH. Doxorubicin (DOX) được biết đến là một tác nhân hóa trị liệu nhiều loại ung thư. Tuy nhiên, DOX bị hạn chế trong các ứng dụng lâm sàng do tác dụng phụ nghiêm trọng gây ra bởi việc phân bổ không đặc hiệu dẫn đến hiệu quả điều trị thấp. Kết quả cho thấy, sự kết hợp DOX với hạt nano oxy hóa khử nhạy pH này không những làm tăng khả năng kháng ung thư trên dòng tế bào ung thư đại trực tràng (C-26), ung thư vú (MCF-7) mà còn làm giảm độc tính trên tế bào nội mô (BAEC), ức chế sự di truyền của tế bào C-26 in vitro.

**Từ khóa**: Doxorubicin, hệ thống phân phối thuốc, oxy hóa, stress, ung thư, y học nano

**26. Kiến thức và thái độ về quản lý đau của sinh viên Điều dưỡng năm thứ 3 và 4 của Trường Đại học Duy Tân**/ Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Dương Thị Hoài Thương// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5 (48) .- Tr. 126-134.

**Nội dung**: Đau đớn làm ảnh hưởng đến sự phục hồi của người bệnh, tăng thời gian nằm viện, dẫn đến sự khó chịu, mất ngủ, lo lắng trầm cảm. Điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát cơn đau hiệu quả. Mục tiêu nghiên cứu mô tả thực trạng kiến thức và thái độ về quản lý đau của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân và xác định một số yếu liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ 1,7% sinh viên đạt kiến thức về quản lý đau, 4,6% ở mức khá, và 93,7% ở mức chưa đạt. Kết luận sinh viên Điều dưỡng thiếu kiến thức về quản lý đau, cần cung cấp thêm nội dung về đau và quản lý đau vào chương trình đào tạo điều dưỡng, góp phần cải thiện công tác chăm sóc cho người bệnh.

**Từ khóa**: Điều dưỡng, sinh viên, Đại học Duy Tân, quản lý đau, thái độ, kiến thức

**27. Liệu có thể sớm đạt được miễn dịch cộng đồng Covid-19**/ Lê Thị Lý// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Phân tích nguyên nhân từ đó đưa ra góc nhìn toàn diện hơn về miễn dịch cộng đồng với Covid-19. Việc phát triển thành công vắc-xin Covid-19 và triển khai tiêm chủng đại trà ở nhiều quốc đã mang lại hy vọng cho thế giới trong việc sớm đẩy lùi được đại dịch này nhờ miễn dịch cộng đồng. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của đại dịch hiện nay, nhiều nhà khoa học nhận định, ý tưởng đạt miễn dịch cộng đồng Covid-19 khi có đủ số người được tiêm chủng vắc xin là khó có thể xảy ra. Trong khi miễn dịch cộng đồng chưa hình thành, các biến chủng mới xuất hiện liên tục và hiệu quả vắc xin chưa thật sự tối ưu, điều quan trọng là phải tiếp tục tuân thủ các biện pháp bảo vệ, ngay cả đối với người đã được tiêm chủng.

**Từ khóa**: Vắc-xin, Covid-19, miễn dịch cộng đồng

**28. Máy khử khuẩn thang máy Airtech : giải pháp phòng dịch Covid-19 hiệu quả**/ Ngô Ngọc Huy, Đoàn Hữu Đạt, Vương Hải Yến, Trần Văn Đức, Phạm Ngọc Hiếu, Vương Quang Hưng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 43-44.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng máy khử khuẩn thang máy Airtech, một giải pháp để phòng dịch hiệu quả. Trong đại dịch Covid-19, nguy cơ lây nhiễm chéo ở những nơi có không gian kín, chật hẹp như thang máy tại các công ty, tòa nhà văn phòng là rất lớn. Để góp phần hạn chế tối đa nguy cơ này, với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thiết kế, lắp đặt và thi công phòng sạch, sản xuất thiết bị phòng sạch, các loại lọc và thiết bị cơ khí, Công ty Cổ phần Airtech Thế Long đã nghiên cứu sản xuất thành công máy khử khuẩn lắp đặt trong thang máy với nhiều ưu điểm vượt trội: gọn, nhẹ, dễ lắp đặt, sử dụng, đặc biệt là không khí được lọc sạch và khử khuẩn hoàn toàn, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, tránh được nguy cơ lây lan dịch bệnh, đặc biệt là khi đại dịch Covid-19 vẫn đang hoành hành.

**Từ khóa**: Máy khử khuẩn, khử khuẩn thang máy, Covid-19

**29. Mối liên hệ giữa đa hình rs1801321 gen RAD51 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng**/ Lê Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Thu Thúy, Nguyễn Quý Linh, Trần Vân Khánh, Trần Huy Thịnh, Tạ Thành Văn, Nguyễn Viết Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 1-5.

**Nội dung**: Trình bày mối liên hệ giữa đa hình rs1801321 gen RAD51 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng. Ung thư buồng trứng là một trong những bệnh lý phụ khoa ác tính phổ biến. Gen RAD51 tham gia vào quá trình tái tổ hợp tương đồng, sửa chữa đứt gãy sợi đôi DNA, do đó những đa hình và đột biến gen RAD51 có thể liên quan đến nguy cơ mắc ung thư. Bằng mô hình phân tích bệnh chứngkết quả xét nghiệm đa hình đơn nucleotide rs1801321 gen RAD51 góp phần đánh giá khả năng mắc ung thư buồng trứng ở phụ nữ Việt Nam. Từ đó, có những biện pháp tầm soát, dự phòng nhằm chẩn đoán, phát hiện kịp thời ung thư buồng trứng ở giai đoạn sớm để điều trị hiệu quả và ít tốn kém hơn. Kết quả đóng góp vào cơ sở dữ liệu cho những nghiên cứu phân tích lớn hơn và đa yếu tố để đánh giá chính xác hơn nguy cơ mắc ung thư buồng trứng.

**Từ khóa**: Ung thư buồng trứng, gen, bệnh phụ khoa

**30. Nano bạc nâng cao hiệu quả khử trùng mẫu cấy và phát sinh phôi soma cây Thu hải đường (Begonia tuberous) thông qua nuôi cấy lớp mỏng tế bào**/ Hoàng Thanh Tùng, Hoàng Thị Vân, Huỳnh Gia Bảo, Lê Thế Biên, Hoàng Khắc Khải, Vũ Quốc Luận, Đỗ Mạnh Cường, Trương Hoài Phong, Dương Tấn Nhựt// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 2(Tập 19) .- Tr. 337-347.

**Nội dung**: Phân tích hiệu quả về nano bạc nâng cao hiệu quả khử trùng mẫu cấy và phát sinh phôi soma cây Thu hải đường (Begonia tuberous) thông qua nuôi cấy lớp mỏng tế bào. Thiết lập mẫu cấy in vitro là một trong những giai đoạn quan trọng nhất trong vi nhân giống. Hiệu quả khử trùng thì phụ thuộc vào loại chất khử trùng bề mặt, nồng độ và thời gian xử lý. Trong nghiên cứu bước đầu này, nano bạc (AgNPs) đã được sư dụng như một chất khử trùng mẫu cấy cuốn lá, phát hoa và đoạn thân của cây Thu hải đường. Bên cạnh đó, kỹ thuật nuôi cấy lớp mỏng tế bào (TCL) đã được ứng dụng cho mục đích phát sinh phôi soma.

**Từ khóa**: Nano bạc, khử trùng, Thu hải đường, phát sinh phôi soma

**31. Nghiên cứu cải thiện độ tan của quercetin trong nước bằng cách tạo phức với cyclodextrin trong dung môi hỗn hợp**/ Phạm Thị Lan, Phạm Long Khánh, Nguyễn Thị Ngoan, Lê Hải Khoa, Vũ Xuân Minh, Nguyễn Anh Sơn, Trần Đại Lâm// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 4(Tập 18) .- Tr.701-708.

**Nội dung**: Nghiên cứu cải thiện độ tan của quercetin trong nước bằng cách tạo phức với cyclodextrin trong dung môi hỗn hợp. Khả năng chống oxy hóa của polyphenol đã được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp thực phẩm và dược phẩm. Quercetin (Quer) là một trong những flavonoid polyphenolic có nhiều tác dụng sinh học như hoạt tính chống oxy hóa, chống ung thư, kháng khuẩn và tác dụng chống đông máu cả in-vivo. Tuy nhiên, độ hòa tan của quercetin trong nước kém làm giảm sinh khả dụng. Bởi vậy, nghiên cứu các phương pháp và kỹ thuật để cải thiện độ tan của quercetin là hết sức cần thiết và thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học.

**Từ khóa**: Cyclodextrin, inclusion complexation, mixed solvent, nanoparticle, quercetin

**32. Nghiên cứu chế tạo mẫu chuẩn RNA bền với nucleases dùng trong định lượng virut viêm gan C**/ Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Thị Lệ Thủy, Trương Thị Thu Thủy, Nguyễn Ngọc Lệ, Nguyễn Mạnh Kiên, Lê Quang Trí, Nguyễn Bảo Toàn, Tatyana Ilinhichan, Phạm Thị Kim Trâm, Nguyễn Hoàng Chương, Nguyễn Đăng Quân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu chế tạo mẫu chuẩn RNA bền với nucleases dùng trong định lượng virut viêm gan C. Chứng dương (hay mẫu chuẩn) là thành phần không thể thiếu trong các xét nghiệm sinh học phân tử ứng dụng trong định lượng axit nucleic mục tiêu. Mẫu chuẩn thường được sử dụng phổ biến nhất là plasmid DNA, cDNA hay RNA trần với đặc tính kém bền và dễ bị phân hủy bởi các enzyme phân cắt axit nucleic tồn tại trong môi trường, vì vậy có thể ảnh hưởng tới độ chính xác của kết quả định lượng. Trong nghiên cứu, mẫu chuẩn bản chất là một vùng trình tự RNA của virut viêm gan C (HCV) được đóng gói trong protein vỏ của thực khuẩn thể MS2 bằng công nghệ thiết kế armored RNA. Khắc phục được hạn chế của các loại chất chuẩn khác, AR-HCV có thể bổ sung trực tiếp vào mẫu, giúp kiểm soát và đảm bảo độ chính xác của toàn bộ quy trình định lượng HCV.

**Từ khóa**: Viêm gan C, mẫu chuẩn RNA, định lượng, virut

**33. Nghiên cứu sự biểu hiện của kháng nguyên S1 tái tổ hợp của virus gây bệnh tiêu chảy cấp ở lợn (Porcine Epidemic Diarrhea Virus) trong cây thuốc lá Nicotiana**/ Hồ Thị Thương, Lê Thu Ngọc, Nguyễn Thu Giang, Trịnh Thái Vy, Phan Trọng Hoàng, Phạm Bích Ngọc, Vũ Huyền Trang, Hoàng Thị Thu Hằng, Chu Hoàng Hà// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 95-105.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu sự biểu hiện của kháng nguyên S1 tái tổ hợp của virus gây bệnh tiêu chảy cấp ở lợn (Porcine Epidemic Diarrhea Virus) trong cây thuốc lá Nicotiana. Tiêu chảy cấp ở lợn là một bệnh truyền nhiễm với tỷ lệ tử vong cao, đặc biệt ở heo con đang bú mẹ. Đây là nghiên cứu tiền đề cho việc phát triển vaccine tiểu đơn vị ở thực vật phòng chống sự lây nhiễm của FEDV.

**Từ khóa**: Agrobacterium tumefaciens, biểu hiện tạm thời, FEDV, protein S1 tái tổ hợp, vaccine thực vật

**34. Nghiên cứu thực nghiệm tinh chế tinh dầu hồi trên tháp chưng luyện chân không gián đoạn**/ Nguyễn Thị Thảo, Đỗ Xuân Trường// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63).- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu thực nghiệm tinh chế tinh dầu hồi trên tháp chưng luyện chân không gián đoạn, kết quả nghiên cứu thực nghiệm là rất hữu ích cho tính toán, thiết kế, chế tạo và vận hành hệ thống tinh chế tinh dầu hồi quy mô công nghiệp. Việt Nam là một trong những nước có sản lượng hồi thu hoạch hàng năm lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, các sản phẩm từ hồi của chúng ta hiện nay chủ yếu ở dạng quả hồi sấy khô và tinh dầu thô có giá trị kinh tế thấp. Thành phần chính của tinh dầu hồi thô là trans-anethole cần được tinh chế để sản xuất các sản phẩm có giá trị cao hơn. Nghiên cứu này tập trung vào xây dựng hệ thống thực nghiệm để tinh chế tinh dầu hồi bằng tháp chưng luyện gián đoạn loại đệm làm việc ở áp suất chân không. Các sản phẩm thu được trong quá trình tinh chế được phân tích bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ (GC-MS). Kết quả phân tích được dùng để đánh giá khả năng tách các tạp chất dễ bay hơi trong hỗn hợp tinh dầu hồi thô.

**Từ khóa**: Chưng luyện gián đoạn, anethole, tháp đệm, tinh dầu hồi

**35. Nghiên cứu thuốc ức chế virut SARS-CoV-2 từ thảo dược**/ Minh Nguyệt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 34-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu tiền lâm sàng thuốc điều trị Covid-19 từ thảo dược. Trước tình hình hiện nay, nghiên cứu vắc xin, đồng thời rút ngắn thời gian thử nghiệm để sớm có được vắc xin đối phó với tình hình đại dịch hiện nay là nhiệm vụ cấp bách. Nghiên cứu sử dụng công nghệ tin sinh học để sàng lọc các loại chất chính có ái lực liên kết mạnh với các phân tử đích trong thảo dược. Qua đó, lựa chọn được thảo dược không chỉ có dược tính mạnh mà còn có khả năng cộng hưởng để nâng hiệu quả điều trị lên mức cao nhất. Từ cao chiết của các thảo dược này, nhóm nghiên cứu đã điều chế thành công sản phẩm dưới dạng viên nang cứng. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh tính an toàn và khả năng ức chế phát triển virut SARS-CoV-2 cũng như tác dụng tăng cường miễn dịch của thuốc.

**Từ khóa**: Thuốc ức chế, SARS-CoV-2, COVID-19, thảo dược

**36. Nghiên cứu tính ức chế thực vật của 6 loài cây cúc (Asteraceae) và định lượng hàm phenolic và flavonoid tổng**/ Ngô Chí Nam, Phan Khánh Linh, Hồ Lệ Thi// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 5(Tập 63).- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Xác định khả năng đối kháng thực vật của dịch MeOH từ 6 loài cây họ cúc (Asteraceae), bao gồm sài đất (Wedelia chinesis), hướng dương (Heianthus annuus), sao nháy (Cosmos bipinnatus), vạn thọ (Tagetes crecta), dã quỳ (Tithonia diversifolia) và cúc nhám (Zinnia elegans) lên cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli L.) và cải bẹ xanh (Brassica juncea) ở các nồng độ khác nhau: 0,03, 0,1, 0,3, và 1 g/ml. Trong dịch trích cây sao nháy, hàm lượng phenolic tổng và flavonoid tổng cao vượt trội so với dịch trích từ những cây còn lại. Tuy nhiên, khả năng ức chế của dịch trích MeOH từ 6 loài cúc tại một số nồng độ không khác biệt ý nghĩa. Điều đó chứng tỏ khả năng ức chế của các loại dịch trích này còn có thể phụ thuộc vào sự đóng góp của một số hợp chất khác ngoài phenolic và flavonoid.

**Từ khóa**: Tính ức chế thực vật, Asteraceae cải bẹ xanh, cỏ lồng vực nước, phenolic, flavonoid

**37. Nghiên cứu sự ảnh hưởng đến chức năng tạo máu và tác dụng điều chỉnh rối loạn lipid máu của viên nang “Hạ mỡ NK” trên thực nghiệm**/ Phạm Thủy Phương, Phạm Quốc Bình, Nguyễn Trọng Thông// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.72-84.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy viên nang “Hạ mỡ NK” không gây ảnh hưởng đến chức năng tạo máu, có tác dụng điều chỉnh rối loạn lipid máu trên thực nghiệm. Để nâng cao chất lượng thuốc cũng như tiện sử dụng và bảo quản, bài thuốc Hạ mỡ được bào chế dưới dạng viên nang cứng. Ngày nay, việc kiểm soát và điều trị rối loạn Lipid máu đang đạt được hiệu quả hiệu quả khả quan. Một trong những xu hướng hiện nay là hướng về các thuốc có nguồn gốc tự nhiên, mang lại hiệu quả điều trị, hạn chế các tác dụng không mong muốn cũng như giảm chi phí điều trị cho người bệnh.

**Từ khóa**: Rối loạn Lipid máu, “Hạ mỡ NK”

**38. Nhận xét thói quen ăn uống, lâm sàng ở bệnh nhân viêm teo niêm mạc dạ dày**/ Đào Trần Tiến, Vũ Trường Khanh, Phí Thị Thùy Ngân, Nguyễn Công Long, Nguyễn Thế Phương, Nguyễn Hoài Nam, Bùi Quang Thạch, Hoàng Nam// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 11-16.

**Nội dung**: Tập trung phân tích bệnh nhân viêm teo niêm mạc dạ dày (VTNMDD) mạn tính với các triệu chứng tiêu hóa nhằm xác định mối liên quan giữa chế độ ăn, lối sinh hoạt và biểu hiện lâm sàng của bệnh nhân viêm teo niêm mạc dạ dày. Trên cơ sở đó có thể thiết lập mô hình chế độ ăn uống lành mạnh, giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của bệnh nhân. Viêm teo niêm mạc dạ dày là một trong những bệnh đường tiêu hóa phổ biến nhất nhưng diễn biến từ từ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các chế độ ăn thường xuyên ăn mặn, ăn nhiều thịt, ăn nhiều thực phẩm rán kỹ, hoặc ăn nhiều các loại hạt/lạc có góp phần làm tăng nguy cơ biểu hiện các triệu chứng lâm sàng ở các bệnh nhân viêm teo niêm mạc dạ dày.

**Từ khóa**: Viêm teo niêm mạc dạ dày, thói quen ăn uống, biểu hiện lâm sàng, tiêu hóa

**39. Những thay đổi hình thái hệ thống mạch máu của gan đối với tác ruột non cấp tính**/ Nguyễn Cao Cường// Khoa học Yersin .- 2021 .- Tập 9 .- Tr. 48-58.

**Nội dung**: Nghiên cứu dựa trên phân tích mẫu vật sinh thiết thu được thông qua mô hình tắc ruột non cấp tính cơ học trên động vật thí nghiệm. Một phương pháp được sử dụng để đánh giá những thay đổi về thể tích của lòng mạch trên cơ sở nghiên cứu hình thái của các mạch máu trên một đơn vị diện tích của nhu mô gan. Theo tiến triển của bệnh, chúng tôi đã phát hiện ra sự khác biệt và mô hình chung những thay đổi của hệ thống mạch máu của gan so với thắt nghẹt và tắc nghẽn ruột non cấp tính.

**Từ khóa**: Mạch máu, gan, ruột non

**40. Phát hiện đột biến gen WASP trên bệnh nhân mắc hội chứng Wiskott-Aldrich**/ Lương Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Hoa, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Đăng Tôn// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 61-68.

**Nội dung**: Nhằm xác định các đột biến có trên gen WASP ở một số gia đình có con mắc WASP. Hội chứng Wiskott-Aldrich (WAS) là một bệnh hiếm gặp gây sự suy giảm miễn dịch nguyên phát liên kết với nhiễm sắc thể X, đặc trưng bởi sự giảm tiểu cầu và tiểu cầu kích thước nhỏ, bệnh chàm, tăng các nguy cơ ác tính, nhiễm trùng tái phát và nhiễm virus. Nghiên cứu này cung cấp dữ liệu của các đột biến trong gen WASP ở bệnh nhân WAS Việt Nam. Sàng lọc đột biến gen WASP có thể giúp xác định nguyên nhân di truyền và góp phần quan trọng trong chẩn đoán sớm, quản lý lâm sàng và tư vấn di truyền cho bệnh nhân và các gia đình bị ảnh hưởng.

**Từ khóa**: Wiskott-Aldrich, WASP, giải trình tự, tư vấn di truyền

**41. Phát hiện đột biến mới D252N trên gen SCN5A ở bệnh nhân hội chứng Brugada**/ Đặng Duy Phương, Nguyễn Minh Hà, Đỗ Doãn Lợi, Trần Vân Khánh, Trần Huy Thịnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 1-6.

**Nội dung**: Phân tích đột biến mới D252N trên gen SCN5A ở bệnh nhân hội chứng Brugada. Hội chứng Brugada là tình trạng rối loạn nhịp tim di truyền, mang tính trội trên nhiễm sắc thể thường, gây đột tử do tim. Điện tâm đồ biểu hiện đặc điểm của hội chứng Brugada típ 2, Nghiệm pháp fleccainide dương tính. Phân tích gen cho thấy người bệnh có một đột biến thay thế acid amin D252N trên gen SCN5A. Đây là đột biến chưa được báo cáo trên các cơ sở dữ liệu di truyền liên quan đến hội chứng Brugada. Phân tích chức năng protein bằng phần mềm cho thấy đột biến xảy ra ở vùng gen được bảo tồn cao và có khả năng gây bệnh cao. Đây là trường hợp hội chứng Brugada đầu tiên được báo cáo có đột biến trên gen SCN5A tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Đột biến thay thế mới, gen SCN5A, hội chứng Brugada, phần mềm Polyphen-2

**42. Phát triển biosensor từ tế bào saccharomyces Y486 mang phức hợp CPR-CY3A4 và DIN7-GFP để thử nghiệm phát hiện hợp chất tiền ung thư**/ Nguyễn Thị Thu Huyền, Bùi Văn Ngọc// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 185-196.

**Nội dung**: Trình bày việc phát triển biosensor từ tế bào saccharomyces Y486 mang phức hợp CPR-CY3A4 và DIN7-GFP để thử nghiệm phát hiện hợp chất tiền ung thư. Trên thế giới và ở Việt Nam, mỗi ngày đều có một lượng lớn các chất độc hại từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất thực phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe thải ra môi trường. Trong đó nhiều hợp chất ngoại sinh bản chất là vô hại và không gây ung thư (tiền ung thư), nhưng khi vào cơ thể được hệ enzyme cytochrome P450 monoxygenase (CYP) chuyển hóa thành hợp chất nguy hại gây đột biến gen và có khả năng gây ung thư. Do đó, việc phát triển công cụ phân tích sinh học để nhanh chóng xác định các hợp chất tiền ung thư sẽ có ý nghĩa rất lớn trong công tác an toàn thực phẩm và kiểm soát môi trường.

**Từ khóa**: Cytochrome P450 monoxygenase (CYP), CYP3A4, hợp chất tiền ung thư, hằng số động học enzyme, NADPH cytochrome P450 reductase (CPR)

**43. Phân lập và xác định cấu trúc một số hợp chất từ loài Adinandra poilanei Gagnep**/ Vũ Thị Kim Oanh, Bùi Thu Hà, Đinh Ngọc Thức, Lê Nguyễn Thành// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 7(Tập 63).- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu báo cáo việc phân lập và xác định cấu trúc của 5 hợp chất lupeol (1), acid 2β-hydroxypomolic (2), 2,6-dimethoxy-1,4-benzoquinine (3), scopoletin (4) và tyrosol (5) từ dịch chiết ethyl acetat của thân cành loài A. poilanei. Các hợp chất 2-5 lần đầu được phát hiện từ chi Adinandra, còn hợp chất 1 đã được tìm thấy từ loài A. hainanensis. Cấu trúc hóa học của các hợp chất được xác định dựa trên phổ khối, phổ cộng hưởng từ hạt nhân và so sánh với tài liệu tham khảo.

**Từ khóa**: Phân lập cấu trúc, hợp chất, Adinandra, phenolic, quinone, điều trị ung thư

**44. Proteogenomics, các ứng dụng trong sinh học và y học chính xác**/ Phan Văn Chi, Lê Thị Bích Thảo// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 1-14.

**Nội dung**: Trình bày ngắn gọn về proteogenomics, tích hợp proteomics với proteomics và transcriptomics, theo đó các công nghệ nền tảng là giải trình tự thế hệ tiếp theo (NGS) và phép đo phổ khối (MS) với xử lý các dữ liệu thu được, một lĩnh vực mới nổi hứa hẹn thúc đẩy nhanh những nghiên cứu cơ bản liên quan đến quá trình phiên mã, dịch mã, cũng như các khả năng ứng dụng. Bằng cách kết hợp các thông tin của hệ gen và hệ protein, các nhà khoa học đang đạt được những kết quả mới do sự hiểu biết đầy đủ và thống nhất hơn về các quá trình sinh học phân tử phức tạp. Đặc biệt, bài báo cũng thảo luận về tiềm năng của proteogenomics thông qua các thành tựu nghiên cứu về bộ gen/hệ protein người trong y học chính xác, đặc biệt là trong các dự án về nghiên cứu quá trình phát sinh, chẩn đoán và điều trị ung thư.

**Từ khóa**: Proteogenomics, Genomics, Transcriptomics, Proteomics, Next-generation sequencing (NGS), Mass spectrometry (MS)

**45. Phân lập và tuyển chọn nấm men có khả năng lên men rượu từ trái mãng cầu xiêm Annona muricata**/ Đoàn Thị Kiều Tiên, Đỗ Thị Tuyết Nhung, Lê Trí Ân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63).- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Nhằm phân lập và tuyển chọn nấm men có khả năng lên men rượu từ trái mãng cầu xiêm Annona muricata. Rượu vang là loại thức uống có lợi sức khỏe và đang có xu hướng phát triển ngày càng đa dạng nhờ các chất có hoạt tính sinh học cao, khả năng kháng oxy hóa trong trái cây được giữ nguyên sau khi lên men bởi nấm men. Rượu mãng cầu xiêm sau khi lên men cũng được đánh giá cảm quan theo thời gian tồn trữ nhất định nhằm lựa chọn được thời gian tồn trữ tích hợp cho rượu khi đưa vào sử dụng và cho những nghiên cứu xa hơn về thời gian tồn trữ cũng như bảo quản rượu trong tương lai.

**Từ khóa**: Annona muricata, kháng oxy hóa, mãng cầu xiêm, nấm men, rượu vang mãng cầu xiêm

**46. Số lần xét nghiệm cần thiết virus SARS-COV-2 để khẳng định một âm tính thật**/ Võ Nhân Văn, Nguyễn Phúc Minh Tú, Trần Bàn Thạch, Lưu Văn Hiền, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Tấn Trung// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 5 (48) .- Tr. 3-7.

**Nội dung**: Tromg bài báo này các dự đoán về kết quả xét nghiệm virus SARS-COV-2 sử dụng xác suất có điều kiện theo định lý Bayes sẽ được phân tích. Đầu tiên bài báo sẽ định nghĩa một số thuật ngữ được dùng trong dự đoán xác suất bị lây nhiễm Virus. Sau đó bài báo khảo sát một số ví dụ để phân tích việc dự đoán khả năng âm tính giả và dương tính giả về số lần xét nghiệm để đạt được xác suất âm tính thật là chính xác.

**Từ khóa:** SARS-COV-2, xét nghiêm, âm tính

**47. Telehealth : y tế không khoảng cách**/ Nguyễn Lân Hiếu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng Telehealth đưa vào hoạt động giúp ngành y tế phát triển đồng bộ, góp phần tích cực trong công cuộc chuyển đổi số của ngành y tế Việt Nam, mặc dù nó không thay thế tuyệt đối cho hệ thống y tế truyền thống (có những ca bệnh khó, bệnh nhân vẫn phải đến bệnh viện để có được chẩn đoán chính xác nhất). Ứng dụng Telehealth cũng góp phần giúp cả ngành y tế đồng bộ với nhau (không phân biệt tuyến trên tuyến dưới; bác sĩ trẻ và bác sĩ có kinh nghiệm lâu năm…)

**Từ khóa**: Telehealth, ngành y tế, chuyển đổi số, đồng bộ

**48. Tế bào gốc trung mô và ứng dụng trong điều trị đái tháo đường type 2**/ Phạm Tấn Pháp, Lê Thị Bích Phượng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu liệu pháp tế bào gốc trung mô (mesenchymal stem cell – MSC) nổi lên như là một ứng viên giàu tiềm năng, và còn giúp điều trị được nhiều bệnh lý khác. Đái tháo đường (ĐTĐ) là một nhóm bệnh lý rối loạn chuyển hóa thường gặp, biểu hiện đặc trưng bởi sự tăng đường huyết mạn tính. Tỷ lệ bị bệnh ĐTĐ đã gia tăng nhanh chóng trên thế giới, trong đó có Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau. Hầu hết các trường hợp ĐTĐ diễn tiến mạn tính suốt phần đời còn lại và là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và tàn phế với những biến chứng cấp tính.

**Từ khóa**: Đái tháo đường, tế bào gốc trung mô, công nghệ sinh học

**49. Thu nhận, đông lạnh tinh trùng lợn bản từ mào tinh hoàn và đánh giá khả năng thụ tinh in vitro sau giải đông**/ Nguyễn Việt Linh, Nguyễn Thị Nhung// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 4(Tập 18) .- Tr.625-632.

**Nội dung**: Nghiên cứu thu nhận, đông lạnh và kiểm tra khả năng thụ tinh đã được tiến hành với tinh trùng thu từ mào tinh hoàn lợn Bản. Nhiều nghiên cứu trên đối tượng tinh trùng thu bằng phương pháp xuất tinh thủ công trên các giống lợn thương phẩm phổ biến tại các trung tâm giống hoặc nông hộ đã được thực hiện ở Việt Nam. Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu trên đối tượng tinh trùng thu trực tiếp từ mào tinh hoàn, đặc biệt trên lợn Bản, một giống lợn mini bản địa thường được nuôi ở một số tỉnh miền núi vùng sâu, vùng xa phía Bắc Việt Nam. Kết quả thu được đã cũng cấp các thông tin cần thiết cũng như các lô tinh trùng đạt tiêu chuẩn làm nguồn nguyên liệu quan trọng cho các nguyên cứu thụ tinh ống nghiệm lợn Bản tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Lợn Bản, mào tinh hoàn, thu nhận tinh trùng, thụ tinh ống nghiệm

**50. Thành phần hóa học và hoạt tính in vitro kháng nấm *Colletotrichum* spp. Gây bệnh thán thư trên cây trồng của dầu nghệ (*Curcuma longa* L.)**/ Lê Tùng Sơn, Trần Văn Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 6(Tập 63).- Tr. 6-10.

**Nội dung**: Phân tích thành phần hóa học và hoạt tính in vitro kháng nấm *Colletotrichum* spp. Gây bệnh thán thư trên cây trồng của dầu nghệ (*Curcuma longa* L.) nhằm thu nhận một phần lượng dầu nghệ từ phụ phẩm này và khảo sát hoạt tính kháng nấm hại cây trồng. Qúa trình sản xuất curcumin sản sinh ra lượng lớn sản phẩm phụ là nhựa dầu nghệ ở dạng keo, gây ô nhiễm môi trường. Dầu nghệ thu được bằng phương pháp chiết phân bố với n-hexan của phần nhựa dầu nghệ thu từ củ nghệ vàng thể hiện hoạt tính mạnh đối với các chủng nấm gây bệnh thán thư trên cây vải. Các thành phần dễ bay hơi của dầu nghệ đã được xác định bằng phương pháp sắc ký khí nối ghép khối phổ (GC-MS).

**Từ khóa**: Bệnh thán thư, cây vải, dầu nghệ

**51. Tổng quan về thuốc kháng virus SARS-CoV-2 trong điều trị COVID-19**/ Lê Thị Luyến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 10(751) .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Cung cấp thông tin tổng quan 10 loại thuốc kháng virus SARS-CoV-2, bao gồm cả những thuốc đã được cấp phéo sử dụng và các thuốc đang nghiên cứu phát triển cho đến thời điểm hiện tại (tháng 8/2021), dựa trên các nghiên cứu đã công bố và các hướng dẫn quốc tế về điều trị COVID-19. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, virus SARS-CoV-2 nhân lên rất sớm trong các bệnh nhân mắc COVID-19. Do đó, thuốc kháng virus đối với các giai đoạn bệnh và biểu hiện bệnh ở các mức độ khác nhau sẽ giúp tối ưu hóa chiến lược điều trị, từ đó giảm thiểu tỷ lệ tử vong của bệnh nhân mắc COVID-19.

**Từ khóa**: Thuốc kháng virus SARS-CoV-2, điều trị COVID-19, COVID-19

**52. Tiềm năng ứng dụng dược liệu tự nhiên trong phòng ngừa và điều trị virus SARS-CoV-2**/ Phí Thị Cẩm Miện, Nguyễn Quốc Hưng, Trần Bá Trung, Nguyễn Đức Bách, Nguyễn Thị Lan// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Phân tích tiềm năng ứng dụng dược liệu tự nhiên trong phòng ngừa và điều trị virus SARS-CoV-2. Các loài thảo dược như đông trùng hạ thảo, xuyên tâm liên, thanh hao hoa vàng và những loại thực phẩm giàu dinh dưỡng (tảo xoắn) đang là những ứng cử viên tiềm năng cho việc phòng ngừa, ngăn chặn sự lây lan và nhân lên của virus SARS-CoV-2. Việc nghiên cứu phát triển các bài thuốc y học cổ truyền, sử dụng các nguồn thảo dược bản địa, tạo ra các bài thuốc có giá trị, có tác dụng phòng ngừa và điều trị Covid-19, nhằm góp phần rút ngắn thời gian đẩy lùi dịch bệnh trước khi đạt được miễn dịch cộng đồng là cần thiết.

**Từ khóa**: Dược liệu tự nhiên, phòng ngừa dịch bệnh, Covid-19, điều trị, SARS-CoV-2

**53. Tiêm trộn lẫn vắc xin Covid-19 có an toàn?**/ Hoàng Yến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 50-51.

**Nội dung**: Phân tích mức độ an toàn của việc trộn lẫn vắc xin khi tiêm trong thời kỳ đại dịch hoành hành. Đại dịch đã gây ra cái chết của hàng triệu người trên khắp thế giới. Tình trạng nguồn cung cấp vắc xin khan hiếm dẫn đến việc thiếu hụt ở nhiều quốc gia; tác dụng phụ hiếm gặp của một số loại vắc xin khiến cho không ít người lo lắng nếu tiếp tục tiêm liều thứ 2 cùng loại; sự xuất hiện của biến chủng mới…Tất cả những lý do này khiến cho ý tưởng tiêm trộn lẫn các loại vắc xin Covid-19 ngày càng được nhiều người quan tâm.

**Từ khóa**: Vắc xin, Covid-19, trộn vắc xin

**54. Tổng hợp hệ vật liệu nanocomposite kháng virus SARS-CoV-2**/ Lê Tiến Khoa// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Cho thấy tiềm năng ứng dụng của hệ thống nanocomposite trong cuộc chiến chống virus SARS-CoV-2 lây lan. Trong thời gian qua, nhiều loại vaccin cũng như thuốc đặc trị đã được phát triển nhằm ngăn chặn sự lây lan trên phạm vi toàn cầu của đại dịch COVID-19. Bên cạnh những sản phẩm dược liệu truyền thống, nhiều nhà khoa học cho rằng vật liệu nano kim loại có thể đóng vai trò quan trọng trong các giải pháp ngăn ngừa và điều trị. Hệ vật liệu nanocomposite TPN1 dựa trên sự kết hợp của ba loại vật liệu nano: nano bạc, nano ZnO và nano vàng nhằm khắc chế hiệu quả virut SARS-CoV-2, qua đó hứa hẹn có thể ứng dụng trong nhiều giải pháp mới chống COVID-19.

**Từ khóa**: Nanocomposite, kháng virut, SARS-CoV-2, COVID-19

**55. Ứng dụng AI trong chẩn đoán hình ảnh y khoa tại Việt Nam**/ Phạm Huy Hiệu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 36-38.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng AI trong chẩn đoán hình ảnh y khoa và một số thành tựu bước đầu tại Việt Nam. Dữ liệu lớn (Big Data) và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những đột phá rộng khắp trên mọi lĩnh vực. Ứng dụng AI và khai thác dữ liệu y tế trong hỗ trợ chẩn đoán bệnh và xây dựng nền y tế thông minh đã trở thành vẫn đề cốt lõi trong lộ trình phát triển y tế của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

**Từ khóa**: Ứng dụng AI, chẩn đoán hình ảnh, y khoa, trí tuệ nhân tạo

**56. Ứng dụng bùn hạt hiếu khí trên mô hình công nghệ (SBR) để xử lý nước thải có tải trọng hữu cơ thấp**/ Lê Tùng Sơn, Trần Văn Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 11(Tập 63).- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải (XLNT) có tải trọng hãu cơ thấp của việc ứng dụng bùn hạt hiếu khí trên mô hình công nghệ SBR. Công nghệ XLNT theo mẻ (Sequencing Batch Reactor – SBR) có nhiều ưu điểm hơn so với các quy trình XLNT khác. Nhiều nghiên cứu cho thấy, bùn hạt hiếu khí có thể thích ứng với các loại nước thải có mức độ tải trọng hữu cơ khác nhau như: nước thải công nghiệp, nước thải nhà máy rượu bia, nước thải từ rỉ rác, nước thải đô thị… So với bùn hoạt tính thông thường, bùn hạt hiếu khí có cơ cấu tốt, có khả năng duy trì sinh khối cao và có thể xử lý các hợp chất độc hại có trong nước thải. Bùn hạt hiếu khí không chỉ có tác dụng loại bỏ tốt carbon mà còn có khả năng loại bỏ nitơ và phốt pho nhờ quá trình hoạt động của các vi sinh vật hiếu khí.

**Từ khóa**: Bể xử lystheo mẻ SBR, bùn hạt hiếu khí, loại bỏ COD, nước thải đô thị tải trọng thấp

**57. Ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen ở thực vật**/ Nguyễn Đức Thành// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 1(Tập 19) .- Tr. 15-40.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề cơ bản của các công cụ này và ứng dụng của chúng trong chỉnh sửa gen ở thực vật, đặc biệt là cung cấp các thông tin cập nhật nhất về ứng dụng trong cải tiến giống cây trồng. Công nghệ chỉnh sửa gen là các kỹ thuật sửa đổi gen như gây đột biến có mục tiêu hoặc chèn/xóa/thay thế tại các vị trí cụ thể trong gen của các sinh vật sống. Chỉnh sửa hệ gen dựa vào việc tạo ra sự đứt sợi đôi DNA ở vị trí chuyên biệt và việc sửa chữa DNA thông qua kết nối đầu cuối không tương đồng hoặc sửa trực tiếp tương đồng.

**Từ khóa**: Chỉnh sửa hệ gen, sự đứt sợi đôi DNA, enzyme cắt trình tự chuyên biệt DNA, gen mục tiêu, thực vật

**58. Vắc xin mRNA : cuộc cách mạng mới chỉ bắt đầu**/ Trần Trung Thành// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Phân tích vắc xin mRNA trong thời kỳ đại dịch Covid-19, sự ra đời của nhiều loại vắc xin làm thay đổi cuộc chơi, đặc biệt là vắc xin mRNA – công nghệ hiện đang được các nhà khoa học đánh giá là tạo nên cuộc cách mạng trong nghiên cứu chế tạo vắc xin. Đa số vắc xin chúng ta sử dụng từ trước đến nay vẫn được tạo ra dựa trên các mầm bênh đã được làm suy yếu, giảm độc tính hoặc làm bất hoạt dưới tác động của nhiệt và hóa chất. Trong khi đó cơ chế hoạt động của vắc xin mRNA lại hoàn toàn khác. Thay vì dùng mầm bệnh giảm độc tính hoặc bị xử lý bất hoạt để “huấn luyện” cơ thể ngăn chặn sự lây nhiễm như các loại vắc xin truyền thống, các nhà nghiên cứu đã sử dụng phân tử mRNA đã được thay đổi mã di truyền thay vì mầm bệnh. Sau khi được đưa vào cơ thể, các mRNA này sẽ “dạy” hay “hướng dẫn” các tế bào của chúng ta tạo ra một protein hoặc một mảnh protein giống của các tác nhân gây bệnh. Cụ thể đối với vi rút SARS-CoV-2 là các protein dạng “gai”. Khi thấy cơ thể xuất hiện nhiều protein gai lạ, hệ miễn dịch sẽ được kích hoạt nhằm tiêu diệt các protein này. Quá trình đó sẽ tạo ra kháng thể để bảo vệ chúng ta không bị nhiễm vi rút SARS-CoV-2 thực sự trong tương lai.

**Từ khóa**: Vắc xin, mRNA, SARS-CoV-2, nhiễm vi rút

**59. Vắc-xin mRNA và DNA : cuộc đua trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Trần Thụy Hương Quỳnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Phân tích, so sánh điểm mạnh/yếu của hai loại vắc-xin mRNA và DNA trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Nhìn chung, công nghệ vắc-xin mRNA và DNA tiết kiệm và hiệu quả hơn phương pháp vắc xin truyền thống dựa vào vi-rút bất hoạt hoặc vi-rút giảm độc lực, tốc độ nghiên cứu và sản xuất nhanh. Bên cạnh đó, vắc-xin mRNA và DNA chỉ mã hóa vật liệu di truyền, không chứa những loại protein có thể gây hại hoặc không phù hợp với sự hình thành miễn dịch. Tuy nhiên, để có thể nói chính xác tiềm năng của hai loại vắc-xin này có bền vững hay không, và nguy cơ lâu dài có thực sự thấp hơn so với vắc-xin truyền thống hay không, vẫn còn là những câu hỏi cần có thêm nhiều nghiên cứu đánh giá hơn trong tương lai.

**Từ khóa**: Vắc-xin, vắc-xin mRNA, vắc-xin DNA, Covid-19

**60. Xác định đột biến gen COL6A1 gây bệnh rối loạn cơ bẩm sinh bằng giải trình tự hệ gen mã hóa**/ Đinh Hương Thảo, Nguyễn Phương Anh, Noriko Miyake, Nông Văn Hải, Naomichi Matsumoto, Nguyễn Thùy Dương// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 2(Tập 19) .- Tr. 213-220.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định đột biến gen COL6A1 gây bệnh rối loạn cơ bẩm sinh bằng giải trình tự hệ gen mã hóa. Kết quả giải trình tự Sanger sequencing trên bệnh nhân và bố mẹ bệnh nhân xác nhận rằng đột biến này được di truyền ở dạng dị hợp trội. Nghiên cứu này góp phần mở rộng hiểu biết về các bệnh loạn dưỡng bẩm sinh, đồng thời nhấn mạnh tính hiệu quả của phương pháp WES trong việc xác định chính xác yếu tố di truyền trong chẩn đoán các bệnh loạn dưỡng cơ. Tìm ra nguyên nhân di truyền gây bệnh góp phần đáng kể vào việc xây dựng phác đồ điều trị lâu dài cho bệnh nhân, từ đó giúp họ có thể đưa ra những quyết định liên quan tới xây dựng cũng như kế hoạc hóa gia đình.

**Từ khóa**: COL6A1, giải trình tự Sanger, loạn dưỡng Ullrich, Việt Nam, giải trình tự hệ gen mã hóa

**61. Xây dựng và cải thiện mô hình 3D từ ảnh tĩnh 2D bằng mạng học sâu và mô hình gan**/ Quách Thị Bích Nhường// Khoa học & Đào tạo .- 2021 .- Số 01 .- Tr. 5-14.

**Nội dung**: Hiện nay mô hình 3D được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực: Y học, điện ảnh, kiến trúc…, tuy nhiên không phải lúc nào cũng đủ thông tin để xây dựng mô hình 3D. Vì vậy việc tái tạo 3D từ hình ảnh tĩnh 2D là rất cần thiết. Trong bài báo náy đề xuất một mô hình có thể huấn luyện từ đầu đến cuối bằng cách tích hợp mô hình học sâu, có khả năng ước tính tuần tự từ ảnh 2D thành hình dạng 3D của đối tượng và tinh chỉnh hình dạng này.

**Từ khóa**: Hình ảnh 2D, hình ảnh 3D, mạng học sâu, tái tạo mô hình

**62. Xây dựng quy trình chế biến Hà thủ ô đỏ và đề xuất tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm/** Bùi Thị Thương, Phạm Xuân Sinh, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thị Thanh Bình// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 66(Số đặc biệt) .- Tr.1-14.

**Tóm tắt**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm thiết lập cải thiện quy trình bào chế giúp giảm thiểu hàm lượng THSG trong khi tăng tỷ lệ giữa EM và THSG. Phương pháp PHLC-DAD được sử dụng để định lượng các chất này trong nguyên liệu và mẫu sau mỗi giai đoạn để khảo sát sự ảnh hưởng của các điều kiện bào chế dược liệu khác nhau. Công tác chế biến Hà thủ ô đỏ là một quy trình đóng vai trò quan trọng với tác dụng làm giảm độc tính cũng như tăng cường hiệu quả bổ sung của vị thuốc này. Từ kết quả đạt được, đề xuất nghiên cứu theo hướng nâng cấp quy mô quy trình bào chế, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở, đánh giá độ ổn định, đề xuất thời hạn sử dụng đối với chế phẩn Hà thủ ô đỏ.

**Từ khóa**: Hà thủ ô đỏ, Quy trình bào chế, Giảm độc tính, Bào chế dược liệu

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG – CƠ KHÍ**

**1. Điều khiển ảo lựa chọn thích hợp trong bối cảnh Covid-19**/ Trương Đình Châu// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 247+248 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Trong bối cảnh Covid-19 việc tiếp cận với hiện trường thực tế sản xuất để thực hiện dự án tự động hóa rất hạn chế. Nên cần có bộ điều khiển dễ dàng vận hành và sử dụng, tác giả giới thiệu bô điều khiển ảo, nguyên lý hoạt động, Plcsim Advanced và vận hành ảo, Plcsim Advanced với các thành phần khác.

**Từ khóa**: Điều khiển ảo, Covid-19

**2. Giải quyết bài toán khó về phát hiện mục tiêu, ứng dụng trong ra-đa cảnh giới bờ**/ Trần Vũ Hợp, Lưu Hoài Nam, Đồng Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lương, Lê Trung Đức// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Trình bày hướng giải quyết bài toán khó về phát hiện mục tiêu, ứng dụng trong ra-đa cảnh giới bờ. Chất lượng hoạt động của một đài ra-đa được thể hiện bằng khả năng quan sát, phát hiện mục tiêu thực tế trong điều kiện môi trường nhiễu (nhiễu tiêu cực, nhiễu tích cực). Để nâng cao chất lượng đài ra-đa thì vấn đề then chốt là phải phân tích, nhận diện được đặc tính của môi trường trong thời gian thực hiện để có những tham số thích nghi với sự thay đổi của môi trường. Nhóm tác giải đã sáng tạo ra công nghệ mới, đạt trình độ tiên tiến quốc tế, đó là “Công nghệ phát hiện mục tiêu mặt nước trong môi trường nhiễu sử dụng trí tuệ nhân tạo”. Sáng chế này là một trong những thành tựu quan trọng của Tổng công ty Công nghệ cao Viettel (VHT) nói riêng và Tập đoàn Viettel nói chung, góp phần vào nghiên cứu, chế tạo hệ thống ra-đa phát hiện mục tiêu mặt nước trong môi trường nhiễu, ứng dụng trong quân sự và dân sự (Đài ra-đa VRS-CSX).

**Từ khóa**: Ra-đa cảnh giới

**3. Hệ thống điện sinh học “kiểu mới”/** Mỹ Hạnh// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Tiến sĩ Hồ Tú Cường và các đồng nghiệp đã nghiên cứu thành công pin nhiên liệu vi sinh vật không sử dụng mạch điện ngoài một dạng hệ thống điện sinh học có khả năng chuyển hóa năng lượng hóa học có trong hợp chất hữu cơ thành năng lượng điện nhờ hoạt tính xúc tác của vi sinh vật.

**Từ khóa**: Hệ thống điện, sinh học, pin nhiên liệu

**4. Kim cương chuyển thành chất dẫn điện**/ Trần Anh Tuấn// Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 27-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu từ lý thuyết và thực nghiệm trên cây kim nano cho thấy có thể điều chỉnh độ rộng vùng cấm của kim cương từ 5.6eV về 0. Điều này chứng tỏ chúng ta hoàn toàn có thế khiến kim cương từ một chất điện môi thành một chất dẫn điện mạnh như kim loại hay chất bán dẫn dùng trong các linh kiện điện tử thông dụng bằng cách sử dụng kỹ thuật điều khiển biến dạng mà không làm thay đổi các đặc tính cấu tạo về phương diện hóa học của kim cương.

**Từ khóa:** Kim cương, chất dẫn điện

**5. Phân tích ảnh hưởng của hệ thống điện mặt trời áp mái tới tổng nhu cầu phụ tải tại Việt Nam 2020/** Bùi Duy Linh, Nguyễn Hữu Đức// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 4(47) .- Tr. 20-31.

**Nội dung:** Bài báo phân tích số liệu của điện mặt trời áp mái năm 2020 trong bối cảnh có sựu tăng trưởng đột biến về công suất đặt các tháng cuối năm đồng thời tính toán khôi phục lại phụ tải hệ thống điện quôc sgia phục vụ vận hành hệ thống điện.

**Từ khóa**: Điện mặt trời, công suất điện, hệ thống điện

**6. Schneider electric ra mắt Gateway thế hệ mới giúp đơn giản hóa việc thu thập và phân tích dữ liệu**// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 247+248 .- Tr. 56-57.

**Nội dung**: Bộ Gateway thế hệ mới Schneider electric ra mắt với 3 phiên bản khác nhau đều có khả năng kết nối với các thiết bị hỗ trợ truyền thông không dây hoặc có dây giúp đơn giản hóa việc thu thập và phân tích dữ liệu để tăng cường sự thấu hiểu về hệ thống điện, nâng cao khả năng vận hành liên tục cũng như bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

**Từ khóa**: Gateway, dữ liệu, Schneider electric

**7. Tương lai của lưới điện tự động hóa: Lưới điện độc lập sử dụng giải thuật tự động hóa để vận hành tối ưu các nguồn năng lượng tái tạo và hệ thốn lưu trữ năng lượng/** Phạm Minh Đức, Nguyễn Đình Tuyên**//** Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 247+248 .- Tr. 30-31.

**Nội dung**: Hiện nay việc chia sẻ công suất độc lập giữa các nguồn năng lượng tái tạo mà không cần sự can thiệp của con người đang là xu thế tất yếu. Tự động hóa trong lưới điện cho thấy khả năng nâng cao hiệu quả vận hành lưới điện, giảm thời gian phục hồi hệ thống khi có sự cố, góp phần tối ưu lượng điện năng tiêu thụ. Áp dụng tự động hóa lưới điện mang nhiều lợi ích cho khách hầng đầu tư hệ thống điện tái tạo.

**Từ khóa**: Điện tự động, tự động hóa, điện lưới

**8. Vật liệu 2 chiều : bước đột phá trong khoa học vật liệu và ứng dụng công nghệ**/ Đinh Văn Chiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu lý thuyết vật lý lượng tử và ứng dụng, sự xuất hiện của những vật liệu 2 chiều mới trong đó những vật liệu này có thể sử dụng để tạo nên những dãy vật liệu 2 chiều hoặc kết hợp với graphene để tạo ra những vật liệu thiết kế mới có những đặc tính ưu việt trong ứng dụng của các ngành công nghiệp chế tạo linh kiện bán dẫn, sản xuất thiết bị quang điện, pin năng lượng, vật liệu bền nhiệt, vật liệu cường lực… Cùng với vật liệu 2 chiều như: graphene, silicene, phosphorene, germanene, borophene…, beryllonitrene là vật liệu 2 chiều mới nhất vừa được công bố trên Tạp chí Physical Review Letters (Mỹ).

**Từ khóa**: Vật liệu 2 chiều, khoa học vật liệu, vật liệu, công nghệ

**XÂY DỰNG**

**1. An ninh nguồn nước cho các đô thị ở Đông Nam Á và thách thức đối với Việt Nam dưới tác động của biến đổi khí hậu và đô thị hóa/** TS. Đỗ Thu Nga, ThS. Nguyễn Việt Dũng// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 71-75.

**Nội dung:** Tổng hợp và chỉ ra các tác động ngắn hạn và dài hạn của biến đổi khí hậu cũng như đô thị hóa lên an ninh nguồn nước tại các đô thị. Từ đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề an ninh nguồn nước của đô thị Việt Nam.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng nước, đô thị hóa, biến đổi khí hậu

**2. Ảnh hưởng của các tham số hình học đến ứng xử ổn định phi tuyến của cột thép tiết diện thay đổi/** TS. Võ Mạnh Tùng// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 10-18.

**Nội dung:** Khảo sát sự ảnh hưởng tỷ lệ độ dốc của cấu kiện, sự thay đổi bề rộng bản cánh đến sự ứng xử của cột tiết diện thay đổi theo điều kiện ổn định phi tuyến phục vụ cho người thiết kế và thi công trong việc xác định sức chịu tải của cột thép tiết diện thay đổi.

**Từ khóa**: Tham số hình học, ổn định phi tuyến, cột thép tiết diện thay đổi

**3. Ảnh hưởng của chiều rộng khe nứt giới hạn trong thiết kế kết cấu bê tông cốt thép vùng ven biển/** TS. Võ Mạnh Tùng// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Phân tích so sánh quy định chiều rộng khe nứt giới hạn và ảnh hưởng của những quy định này tới việc thiết kế công trình bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, khe nứt, ven biển, tiêu chuẩn thiết kế

**4. Ảnh hưởng của hàm lượng hạt mịn đến độ sụt của hỗn hợp bê tông sử dụng cát nghiền/** TS. Hoàng Minh Đức, KS. Lê Văn Thắng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 56-61.

**Nội dung:** Làm rõ ảnh hưởng của hàm lượng hạt mịn trong cát nghiền đến tính công tác của hỗn hợp bê tông thông thường nhằm khuyến cáo các điều chỉnh trong lựa chọn lượng nước trộn khi thiết kế thành phần bê tông.

**Từ khóa**: Cát nghiền, hạt mịn, độ sụt, bê tông, mô đun độ lớn

**5. Áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) để lựa chọn phương án thiết kế xây dựng/** ThS. Lê Hải Quân// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Trình bày nội dung phương pháp thứ bậc (AHP) và đề xuất giải pháp áp dụng phương pháp này để lựa chọn phương án thiết kế xây dựng qua một ví dụ minh họa.

**Từ khóa**: Phân tích thứ bậc (AHP), phương án thiết kế xây dựng

**6. Applications of Gaussian steerable filters in detecting structural damages**/ Hoàng Nhật Đức// Khoa học & Công nghệ Địa học Duy Tân .- 2021 .- Số 5 (48) .- Tr. 14-18.

**Nội dung:** Khảo sát định kỳ là một nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo sự an toàn và khả năng làm việc của kết cấu. Nghiên cứu phát triển một công cụ thị giác máy tính để phát hiện các khuyết tật trên bề mặt kết cấu dân dụng sử dụng các bộ lọc có hướng Gaussian. Công cụ này đã được chúng tôi phát triển với ngôn ngữ Visual C#.NET và xây dựng thành phần mềm để tăng tính ứng dụng của công cụ. Chương trình phần mềm đã được kiểm chứng với các mẫu ảnh chứa các khuyết tật trên bề mặt kết cấu bao gồm vết nứt, hố trên đường và vết lở trên tường bê tông.

**Từ khóa**: Gaussian, khuyết tật, kết cấu, ứng dụng máy tính

**7. Assessment of moisture distribution in a pre-cracked asphalt concrete pavement based on finite element method = Nghiên cứu sự phân bố độ ẩm trong vết nứt ca bê tông nhựa đường bằng phương pháp phần tử hữu hạn/** Nguyen Tan Hung, Nguyen Truong Phu, Dang Cong Danh, Pham Anh Du, Pham Minh Triet// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 283-286.

**Nội dung:** This present study assesses the moisture distribution in a pre-cracked asphalt concrete pavement during a short-term rain event based on finite element method = Khảo sát sự phân bố độ ẩm trong vết nứt của nền đường bê tông nhựa trong điều kiện ngắn hạn bằng phương pháp phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Moisture distribution, a pre-cracked asphalt concrete pavement, finite element method, phân bố độ ẩm, vết nứt ca bê tông nhựa đường, phương pháp phần tử hữu hạn

**8. Back analysis on deep excavations = Phân tích ngược các hố đào sâu/** Tran Hoang Tin// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 113-117.

**Nội dung:** This paper is to present two case studies that include 3 basements excavated up-to 15m below current street level. Both Hardening Soil model and Mohr Coulomb model were applied for the analyses of geotechnical aspects. Inclinometers were installed to record diaphragm wall’s deflections before construction = Trình bày hai trường hợp nghiên cứu ở 3 tầng hầm đào sâu đến 15m dưới nền đường. Cả hai mô hình đất cứng và mô hình Mohr Coulomb đã được áp dụng để phân tích các khía cạnh địa kỹ thuật. Các thiết bị máy đo độ nghiêng đã được lắp trước khi thi công để ghi nhận độ lệch ngang của tường vây.

**Từ khóa**: Deflection, deep excavations, độ lệch ngang, hố đào sâu

**9. Các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu trong đánh giá thực thi quy hoạch xây dựng/** Phạm Trần Hải// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 66-69.

**Nội dung:** Nêu các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu trong đánh giá thực thi quy hoạch xây dựng và đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề nhằm nâng cao chất lượng đánh giá thực thi quy hoạch xây dựng.

**Từ khóa**: Quy hoạch xây dựng, cơ sở dữ liệu, chỉ số phát triển

**10. Chuyển đổi số trong quản trị đô thị Phú Quốc, Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang/** ThS. KTS. Hà Văn Thanh Khương// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Đánh giá và dự báo chính xác về khả năng phát triển của đô thị, hoạch định chính sách phù hợp, quản lý phát triển đô thị hiệu quả, tránh rủi ro trong đầu tư và góp phần xây dựng hệ thống thông tin quy hoạch, hỗ trợ tích cực trong công tác công khai quy hoạch để người dân và các đơn vị tham gia phát triển đô thị và giám sát thực hiện.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, quản trị đô thị, quản lý đô thị

**11. Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện khu vực đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh thị trấn sinh thái trong chùm đô thị Hà Nội/** PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, KTS. Phạm Thị Nhâm// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 48-57.

**Nội dung:** Tổng quan về quy hoạch chung Hà Nội 1259; Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, thị trấn trong chùm đô thị Hà Nội.

**Từ khóa**: Đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, Hà Nội

**12. Công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật ở cấp quận : phân tích trường hợp Tp. HCM/** ThS. Nguyễn Thế Lữ// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 82-89.

**Nội dung:** Đưa ra những tổng quan thực trạng công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật ở cấp quận, từ đó gởi mở những nghiên cứu về cách tiếp cận quản lý tích hợp và hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý đô thị

**13. Đánh giá hiệu quả giải pháp cách nhiệt phần mái công trình nhà ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long/** Lê Hồ Tuyết Ngân, Huỳnh Trọng Nhân// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp kiểm nghiệm kết quả tính toán lý thuyết về khả năng cách nhiệt với các thiết bị ghi lại nhiệt độ thực tế nhằm đánh giá chính xác hơn về hiệu quả cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giải pháp cách nhiệt phần mái công trình nhà ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa**: Cách nhiệt kết cấu mái, công trình nhà ở, Đồng bằng sông Cửu Long

**14. Đánh giá rủi ro về chi phí trong giai đoạn lập hồ sơ dự thầu xây lắp/** Nguyễn Thị Diệu Thùy, Nguyễn Minh Thư// Xây dựng .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 66-69.

**Nội dung:** Phân tích khái niệm, đánh giá rủi ro về chi phí trong giai đoạn lập hồ sơ dự thầu xây lắp nhằm giúp cho các doanh nghiệp xây dựng giảm thiểu được các rủi ro không mong muốn trong bối cảnh ngày nay.

**Từ khóa**: Rủi ro, dự án xây dựng, chi phí

**15. Đánh giá, lựa chọn giải pháp kỹ thuật công nghệ của hệ thống quan trắc (SHMS) phù hợp áp dụng cho công trình cầu nhịp lớn ở Việt Nam/** PGS. TS. Hoàng Hà// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Giới thiệu kết quả nghiên cứu đánh giá tác dụng của hệ thống quan trắc áp dụng cho một số công trình cầu lớn ở Việt Nam nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác thiết kế lắp đặt, vận hành, khai thác, bảo trì hệ thống thiết bị quan trọng này.

**Từ khóa**: Hệ thống quan trắc kết cấu công trình, công trình cầu nhịp lớn, Việt Nam

**16. Đề xuất một số giải pháp gia cố mở rộng nền đường đắp trên nền đất yếu vùng đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Nguyễn Thị Thu Ngà, ThS. Nguyễn Tuấn Tú// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 33-37.

**Nội dung:** Đề xuất một số giải pháp để tăng sức chịu tải, tăng độ ổn định bền vững của nền đường, giảm thời gian thi công và có giá thành xây dựng hợp lý, đặc biệt giải pháp kỹ thuật phù hợp cho gia cố nền đường khi cần mở rộng.

**Từ khóa**: Nền đường đắp, nền đất yếu, cọc bê tông nhẹ

**17. Đổi mới công tác lập quy hoạch xây dựng : bài học từ quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội/** ThS. KTS. Lê Hoàng Phương// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 78-83.

**Nội dung:** Nhìn lại quá trình Lập triển khai Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau 10 năm; Thực hiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội; Những bài học cho đổi mới công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị; Đề xuất đối với điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội.

**Từ khóa**: Thủ đô Hà Nội, quy hoạch xây dựng

**18. Dự đoán sức kháng chọc thủng của sàn phẳng bê tông cốt sợi thép (SFRC) bằng thuật toán lan truyền ngược Bayesian/** TS. Nguyễn Thùy Anh, ThS. Lê Nho Thiện// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 42-45.

**Nội dung:** Sử dụng mô hình mạng nơ ron nhân tạo với thuật toán lan truyền ngược Bayesian chính quy để dự báo sức kháng chống chọc thủng của sàn phẳng bê tông cốt sợi thép.

**Từ khóa**: Sức kháng chọc thủng, sàn phẳng bê tông cốt sợi thép, mạng nơ ron nhân tạo, thuật toán lan truyền ngược Bayesian

**19. Giải pháp khối phá sóng tetrapod bê tông lắp ghép thân thiện môi trường/** GS. TS. Phan Quang Minh, PGS. TS. Nguyễn Việt Phương, TS. Phạm Thái Hoàn// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 77-81.

**Nội dung:** Trình bày ý tưởng thiết kế và thực nghiệm chế tạo của giải pháp khối phá sóng tetrapod bằng bê tông lắp ghép thân thiện môi trường.

**Từ khóa**: Khối phá sóng tetrapod, bê tông lắp ghép

**20. Giải pháp quy hoạch đô thị tích hợp/** ThS. KTS. Nguyễn Thành Hưng, ThS. KTS. Cao Sỹ Niêm// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 58-63.

**Nội dung:** Rà soát và đề xuất kết nối hệ thống quy hoạch, xác định các nội dung và phương pháp tích hợp quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch đô thị đổi mới, đảm bảo phù hợp với hệ thống quy hoạch hiện hành và phát triển phương pháp lập quy hoạch theo lý thuyết tiến bộ.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, giải pháp

**21. Giới thiệu công cụ giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch ở Hà Nội/** ThS. KTS. Lưu Quang Huy, TS. Trần Ngô Đức Thọ// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 76-81.

**Nội dung:** Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đánh giá quy hoạch và sự cần thiết xây dựng bộ công cụ đánh giá quy hoạch; Đề xuất công cụ giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch ở Hà Nội.

**Từ khóa**: Quy hoạch xây dựng

**22. Hiệu chỉnh giản đồ gia tốc động đất đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam/** TS. Nguyễn Xuân Đại, TS. Nguyễn Văn Tú// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 69-76.

**Nội dung:** Trình bày quy trình hiệu chỉnh giản đồ gia tốc động nhân tạo đất đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9386:2012.

**Từ khóa:** Giản đồ gia tốc động đất, tiêu chuẩn Việt Nam, thiết kế công trình

**23. Hình thành khu chức năng động lực phát triển các khu kinh tế ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long/** Nguyễn Công Hưng// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 50-55.

**Nội dung:** Khái quát chung về các khu kinh tế ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long; Những điểm nghẽn phát triển khu kinh tế ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long; Điều chỉnh định hướng phát triển không gian khu kinh tế Năm Căn.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, khu nông nghiệp công nghệ cao

**24. Khái quát một số mô hình khu kinh tế ven biển Việt Nam : từ ý tưởng đến hiện thực/** TS. KTS. Ngô Minh Hùng// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Khái quát hóa một số mô hình khu kinh tế ven biển, nằm trong Chiến lược biển Việt Nam phê duyệt từ năm 2008, đồng thời nhìn lại quá trình hình thành khu kinh tế Vân Đồn, Khu kinh tế Dung Quất, khu kinh tế Nam Phú Yên từ giai đoạn thai nghén – hình thành ý tưởng – trải qua quá trình hình thành – phát triển đạt những thành tựu ngày nay.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, mô hình khung, phát triển bền vững

**25. Không gian đô thị hẻm tại các hẻm Tp. HCM/** TS. Nguyễn Bảo Thành, Trần Đông Đông// Xây dựng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 110-113.

**Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm mạng lưới các con hẻm tại Sài Gòn. Qua khảo sát thực địa tại các con hẻm phân loại được đặc điểm của ba loại hẻm là: hẻm ba gác, hẻm xe hơi và hẻm cụt.

**Từ khóa**: Hẻm, không gian đô thị, Tp. Hồ Chí Minh

**26. Lựa chọn phương án sử dụng ván khuôn trong thi công nhà cao tầng bằng phương pháp AHP/** Nguyễn Quốc Toản, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 108-113.

**Nội dung:** Đưa ra phân tích lựa chọn giải pháp ván khuôn cho thi công xây dựng nhà cao tầng ở Việt Nam trên cơ sở đánh giá bằng phương pháp AHP.

**Từ khóa**: Ván khuôn, thi công nhà cao tầng, phương pháp AHP

**27. Mô hình hóa và thực nghiệm xác định sự khuếch tán ion clo vào kết cấu bê tông cốt thép trong môi trường biển Việt Nam/** Đặng Thị Thu Hiền, Nguyễn Trọng Chức, Nguyễn Thanh Sang// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 14-18.

**Nội dung:** Sử dụng mô hình phần tử hữu hạn để dự đoán sự phân bố hàm lượng hàm lượng ion clo theo chiều sâu cho công trình cầu cảng K12C ở Việt Nam với thời gian sử dụng 20 năm và được so sánh với kết quả thực nghiệm ở hiện trường.

**Từ khóa**: Ion clo, khuếch tán, bê tông cốt thép, môi trường biển, Việt Nam

**28. Mô hình phát triển đô thị : nền tảng để đạt mục tiêu phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh/** Phạm Xuân Anh, Phạm Văn Thành// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 102-107.

**Nội dung:** Trình bày các chỉ tiêu phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh trong các thể chế của Việt Nam để định hướng giúp chính quyền và nhà quản lý phát triển đô thị hiểu rõ hơn về nội hàm để thúc đẩy mô hình phát triển đô thị của Việt Nam trong bối cảnh mới.

**Từ khóa**: Mô hình phát triển đô thị, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững

**29. Mô hình phát triển khu kinh tế ven biển ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** TS. Trần Thị Thu Hương// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 34-39.

**Nội dung:** Vai trò của khu kinh tế ven biển trong phát triển đất nước; Kinh nghiệm quốc tế về hình thành và phát triển các khu kinh tế ven biển; Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, chính sách khu kinh tế ven biển

**30. Mô hình số thí nghiệm cọc khoan nhồi phụt vữa thân cọc/** Lê Thanh Trung, Bạch Vũ Hoàng Lan, Nguyễn Nghĩa Hùng, Trần Hữu Bằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Trình bày mô hình số theo phương pháp phần tử hữu hạn, thông số của mô hình được xác định từ phương pháp phân tích ngược kết quả thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn của đất nền và sức kháng thành của cọc khoan nhồi phụt vữa thân cọc.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, cọc khoan nhồi phụt vữa thân cọc, mô phỏng cọc

**31. Một số phương pháp xác định tuổi thọ còn lại của công trình xây dựng/** ThS. Nguyễn Hoàng Anh, PGS. TS. Nguyễn Xuân Chính// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Giới thiệu một số phương pháp xác định tuổi thọ còn lại đang được quan tâm ở Việt Nam và nước ngoài, đồng thời nêu các nhận xét và kiến nghị.

**Từ khóa**: Tuổi thọ còn lại, công trình xây dựng

**32. Một số vấn đề đặt ra trong thiết kế, xây dựng các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay/** GS. TS. Bùi Xuân Cậy, TS. Bùi Tuấn Anh// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Tổng kết những dạng phá hoại công trình do hạn, mưa lũ phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp thiết kế công trình thích ứng nhằm giảm tác hại.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, công trình thích ứng

**33. Một số vấn đề liên quan đến ứng suất kéo trong quá trình thi công đóng cọc bê tông cốt thép dự ứng lực/** ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết, TS. Phạm Thắng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 50-61.

**Nội dung:** Phân tích một ví dụ điển hình của trường hợp ứng suất kéo lớn phát sinh khi thi công đóng cọc, đồng thời đưa ra một số kiến nghị giúp khắc phục tình trạng này.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, thi công đóng cọc

**34. Một số vấn đề quy hoạch sử dụng đất tại các khu kinh tế ven biển nước ta/** TS. KTS. Nguyễn Trung Dũng// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 16-21.

**Nội dung:** Phân tích các số liệu thống kê chính thức để chỉ ra những vấn đề tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong quy hoạch sử dụng đất các khu kinh tế ven biển nước ta hiện nay để hướng tới sự phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng

**35. Nghị định số 69/2021/NĐ-CP về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư : những nội dung mới/** ThS. Nguyễn Mạnh Khởi// Xây dựng .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 16-21.

**Nội dung:** Giới thiệu một số nội dung mới của chính sách cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư vừa được Chính phủ thông qua tại Nghị định số 69/2021/NĐ-CP: phạm vi áp dụng và nguyên tắc thực hiện chính sách cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư cũ; hoạt động kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư; việc lập và công bố kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; quy hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; việc lựa chọn chủ đầu tư dự án; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tạm cư.

**Từ khóa**: Nhà chung cư, chính sách cải tạo

**36. Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp trộn khi cải tạo nền đất hoàng thổ bằng biện pháp đầm chặt hỗn hợp hoàng thổ - xi măng/** TS. Nguyễn Công Định, ThS. Nguyễn Công Kiên// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 73-80.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của các phương pháp trộn hỗn hợp đất – xi măng – nước khi cải tạo đất hoàng thổ bằng xi măng.

**Từ khóa**: Đất lún ướt, hoàng thổ, cải tạo đất, xi măng, phương pháp trộn

**37. Nghiên cứu các yêu cầu về cường độ thép kết cấu của EN 1993-1-1 và sự phù hợp của mác thép SS400/** TS. Cao Duy Khôi, ThS. Phan Anh Tuấn// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 69-74.

**Nội dung:** Đề cập đến một số kết quả nghiên cứu về giới hạn chảy fy, giới hạn bền fu, tỉ lệ fu/fy đối với thép kết cấu của EN 1993-1-1 và các tiêu chuẩn sản phẩm EN được viện dẫn; các yêu cầu đối với mác thép SS400 của Tiêu chuẩn Nhật JIS G3101-2010; đánh giá giới hạn chảy và giới hạn bền thực tế của SS400 trên cơ sở xử lý thống kê 2590 mẫu thử thực hiện tại LAS-XD01 thuộc Viện KHCN Xây dựng, từ đó xem xét sự phù hợp của SS400 đối với các yêu cầu của EN 1993-1-1 và đưa ra một số đề xuất về việc xây dựng phục lục quốc gia mác thép cho Việt Nam khi biên soạn Tiêu chuẩn thiết kế cấu thép theo định hướng mới.

**Từ khóa**: Kết cấu thép, EN 1993-1-1, mác thép SS400

**38. Nghiên cứu công nghệ bê tông siêu tính năng – UHPC, để áp dụng vào thực tế sản xuất tại Việt Nam/** TS. Trần Bá Việt, KS. Lương Tiến Hùng// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 108-112.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép, chế độ dưỡng hộ đến các tính chất của UHPC. Và phân tích các ưu nhược điểm của các loại máy trộn tăng cường hiện có trên thế giới để là cơ sở lựa chọn thiết bị, chế độ bảo dưỡng cũng như cấp phối định hướng phục vụ đầu tư để chế tạo UHPC trong thực tiễn Việt Nam.

**Từ khóa**: UHPC, bê tông siêu tính năng, Việt Nam

**39. Nghiên cứu đánh giá thực trạng sử dụng móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô ở Việt Nam/** ThS. Trần Thị Thúy// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 29-32.

**Nội dung:** Trình bày một số vấn đề cần chú ý khi thi công mặt đường hỗn hợp, móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng để hạn chế hiện tượng nứt trên các Quốc lộ tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cấp phối đá dăm, xi măng, kết cấu áo đường ô tô

**40. Nghiên cứu khảo sát chế tạo bê tông cốt sợi đay/** TS. Nguyễn Hùng Minh, KS. Nguyễn Thế Tú// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 48-55.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng sợi đay trong thành phần đến các tính chất của bê tông cốt sợi.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi, sợi đay

**41. Nghiên cứu kiểm soát dao động trên mô hình cầu trong phòng thí nghiệm/** ThS. Trần Quang Minh, Đào Thùy Linh, Nguyễn Văn Đạt, Hoàng Thị Giang, Vũ Đình Phóng, Hồ Đình Hào// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Xây dựng mô hình cầu treo trong phòng và thí nghiệm để đề ra các biện pháp kiểm soát dao động trên mô hình nhằm ứng dụng trong thực tế.

**Từ khóa**: Kiểm soát dao động, mô hình cầu, thí nghiệm

**42. Nghiên cứu một số đặc tính cơ học của bê tông geopolymer cốt liệu tái chế/** Lê Hoài Bão, Bùi Quốc Bảo// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 171-175.

**Nội dung:** Trình bày về việc tối ưu hóa thành phần bê tông cốt liệu tái chế để đạt được cường độ chịu nén tốt nhất, những liên quan đến cường độ bám dính với cốt thép và khả năng chống cháy của bê tông cốt liệu tái chế.

**Từ khóa**: Cơ học, bê tông geopolymer cốt liệu tái chế

**43. Nghiên cứu phân vùng nguy cơ sạt lở sử dụng mô hình giá trị thông tin /** Nguyễn Đức Đảm, Đặng Phương Nam, Lê Thanh Bình, Dư Ngọc Thái, Vũ Thế Song, Lê Văn Hiệp, Phạm Thái Bình// Địa kỹ thuật .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 56-65.

**Nội dung:** Ứng dụng mô hình giá trị thông tin trong đánh giá phân vùng nguy cơ sạt lở đất. trong đó mô hình giá trị thông tin là mô hình thống kê đơn giản và không yêu cầu chuyên môn đặc biệt. Các yếu tố ảnh hưởng đến sạt lở, mối quan hệ không gian giữa các vụ sạt lở và nguyên nhân sử dụng mô hình giá trị thông tin.

**Từ khóa**: Mô hình, giá trị thông tin, sạt lở

**44. Nghiên cứu quan hệ tải trọng và chuyển vị của cọc trong hệ móng bè cọc bằng mô hình tỉ lệ nhỏ/** Võ Văn Đấu, Võ Phán, Trần Văn Tuẩn, Trương Trung Hiếu, Trần Nhật Lâm, Nguyễn Ngọc Em// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 140-144.

**Nội dung:** Tìm hiểu tổng quan về mối quan hệ giữa độ lún và tải trọng nhằm đưa ra những phân tích, đánh giá và đề xuất những ứng dụng của kết quả thí nghiệm, xác định những chỉ tiêu cơ lý của đất và thí nghiệm, xác định sức chịu tải và độ lún của cọc, nhóm cọc trong hệ móng bè cọc bằng mô hình vật lý thí nghiệm.

**Từ khóa**: Tải trọng, hệ móng bè cọc, mô hình tỉ lệ nhỏ

**45. Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp đất và xỉ than để làm nền đường giao thông/** Huỳnh Văn Hiệp, Lâm Văn Chúc, Huỳnh Hồng, Bùi Phước Hảo// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 163-170.

**Nội dung:** Sử dụng xỉ than để nghiên cứu mối quan hệ giữa các hàm lượng vật liệu trong hỗn hợp đất – xỉ than thông qua thực nghiệm các chỉ tiêu cơ lí của hỗn hợp vật liệu như: thành phần hạt, cường độ kháng nén, sức chống cắt, hệ số thấm, đầm nén tiêu chuẩn.

**Từ khóa**: Đất, xỉ than, nền đường giao thông

**46. Nghiên cứu sử dụng kết hợp tro bay nhiệt điện với xỉ lò cao để chế tạo bê tông chất lượng cao hạt mịn không xi măng/** Tăng Văn Lâm, Vũ Kim Diến, Bulgakov Boris Igorevich// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 183-190.

**Nội dung:** Nghiên cứu chế tạo hỗn hợp bê tông hạt mịn có tính công tác tốt và cường độ nén ở tuổi 28 ngày đạt trên 60MPa.

**Từ khóa**: Bê tông chất lượng cao hạt mịn, tro bay, xỉ lò cao, cường độ nén

**47. Nghiên cứu sự làm việc của tường chắn đất có cốt sau mố có chức năng riêng biệt trong điều kiện Việt Nam/** Nguyễn Mạnh Hà, Phạm Tuấn Thanh// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 10-15.

**Nội dung:** Làm rõ một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn khi ứng dụng loại kết cấu này trong xây dựng phần đất đầu mố đã được thiết kế tách biệt khỏi mố trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Tường chắn đất có cốt sau mố, cầu thành phố, nền đường

**48. Nghiên cứu thực hiện công tác đánh giá nhà chung cư giai đoạn vận hành, khai thác/** TS. Trần Thị Quỳnh Như// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến công tác thực hiện đánh giá trong thời gian vận hành khai thác nhà chung cư sẽ góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư đối với xã hội.

**Từ khóa**: Nhà chung cư, đánh giá, khai thác, vận hành

**49. Nghiên cứu thực nghiệm một số tính chất của bê tông sử dụng cát biển/** TS. Nguyễn Phan Duy, ThS. Lê Văn Đồng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 62-68.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm cường độ chịu nén và kéo uốn của bê tông sử dụng cát biển thay thế một phần hoặc toàn bộ cát sông.

**Từ khóa**: Bê tông, cát biển, cường độ, cốt liệu nhỏ, clorua

**50. Nghiên cứu thực nghiệm và mô phỏng ứng xử của kết cấu tường bê tông đất chịu tác dụng của tải trọng ngoài mặt phẳng/** Trần Đức Cường, TS. Bùi Thị Loan// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 20-26.

**Nội dung:** Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp thực nghiệm nhằm xác định ứng xử của kết cấu tường bê tông đất chịu tác dụng của tải trọng ngoài mặt phẳng. Đồng thời nghiên cứu mô phỏng số bằng phương pháp phần tử hữu hạn cũng được thực hiện. Kết quả mô phỏng được đối chiếu với kết quả thực nghiệm nhằm xác minh sự phù hợp của mô hình.

**Từ khóa**: Tường bê tông đất, ứng xử ngoài mặt phẳng, nghiên cứu thực nghiệm, mô phỏng số

**51. Nghiên cứu thực nghiệm xác định chiều dài mối nối chồng yêu cầu của tấm CFRP/** TS. Đào Sỹ Đán// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Trình bày cách chuẩn bị mẫu và thí nghiệm xác định chiều dài mối nối chồng yêu cầu của tấm CFRP.

**Từ khóa**: Mối nối chồng, tấm CFRP, keo epoxy

**52. Nghiên cứu thực nghiệm xác định ứng xử của vách liên hợp thép – bê tông được gia cường bằng bê tông cốt lưới dệt/** TS. Nguyễn Hoàng Quân, ThS. Lê Đăng Dũng, TS. Nguyễn Huy Cường, PGS. TS. Nguyễn Xuân Huy, Nguyễn Thành Tâm// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 27-34.

**Nội dung:** Thí nghiệm mẫu vách liên hợp chịu tải trọng đứng và ngang đồng thời đến khi biên chịu kéo bị nứt và cốt thép đai đạt giới hạn chảy; Thí nghiệm mẫu vách trên được gia cường bằng bê tông cốt lưới dệt.

**Từ khóa**: Vách liên hợp thép – bê tông, bê tông cốt lưới dệt

**53. Nghiên cứu ứng dụng bê tông Geopolymer cho kết cấu dầm dự ứng lực công trình cầu hướng tới phát triển bền vững/** Lê Bá Danh, Phạm Duy Hòa, Nguyễn Bình Hà, Cao Bắc Đăng// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 148-152.

**Nội dung:** Giới thiệu về ứng dụng bê tông Geopolymer thiết kế dầm I dự ứng lực căng sau cho công trình cầu có chiều dài điển hình 33m.

**Từ khóa**: Bê tông Geopolymer, dầm dự ứng lực, công trình cầu, phát triển bền vững

**54. Nghiên cứu ứng dụng bê tông siêu tính năng trong xây dựng dầm cầu cho giao thông nông thôn tại đồng bằng sông Cửu Long/** Trần Bá Việt, Ngô Văn Thức, Lương Thế Hùng// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 159-162.

**Nội dung:** Trình bày những nghiên cứu về bê tông siêu tính năng và đề xuất dạng mặt cắt dầm Double Tee nhịp tải trọng 0,45 HL93 ứng dụng cho cầu giao thông nông thôn tại khu vực đồng bằng song Cửu Long.

**Từ khóa**: Bê tông siêu tính năng, dầm cầu, giao thông

**55. Nghiên cứu ứng dụng bê tông tro bay cát mặn cho công trình hạ tầng ven biển hướng tới phát triển bền vững/** Phạm Duy Hòa, Nguyễn Việt Phương, Lê Bá Danh// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 153-158.

**Nội dung:** Giới thiệu về quá trình nghiên cứu chế tạo cấp phối bê tông kết hợp tro bay cát mặn cho công trình hạ tầng ven biển hướng tới phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Bê tông tro bay cát mặn, công trình hạ tầng ven biển, phát triển bền vững

**56. Nghiên cứu xử lý nền đường đắp cao trên đất yếu bằng cọc cát/** TS. Đỗ Thắng, KS. Nguyễn Duy Hoàng// Xây dựng .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 48-51.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu giải pháp xử lý nền đất yếu bằng cọc cát của một công trình thực tế đang trong quá trình thi công. Các số liệu quan trắc được phân tích, đánh giá và dùng để kiểm chứng lại mô hình tính toán, các số liệu đầu vào và độ tin cậy của giải pháp.

**Từ khóa**: Cọc cát, nền đất yếu, đường đắp cao, ổn định, độ lún

**57. Nghiên cứu, các loại vật liệu sơn polyurea và sợi FRP trong gia cường kết cấu chính công trình chịu tác động của tải trọng nổ**/ TS. Nguyễn Hữu Thế// Xây dựng .-2021 .- Số 7 .- Tr. 104-109.

**Nội dung:** Trình bày kết quả thí nghiệm hiện trường xác định biến dạng của các kết cấu chính trong các công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc công trình dân sự khi chịu tác động của tải trọng đặc biệt ở các khoảng cách khác nhau, trọng lượng thuốc nổ thay đổi trong điều kiện thời tiết bình thường khi được gia cường bằng vật liệu sơn polyurea hoặc sợi FRP.

**Từ khóa:** Sơn polyurea, sợi FRP, tải trọng nổ, kết cấu công trình

**58. Nghiên cứu, đánh giá sự hình thành các vết nứt nhiệt cục bộ trong kết cấu bê tông khối lớn ở tuổi sớm ngày/** TS. Nguyễn Trọng Chức, PGS. TS. Mariusz Zych, TS. Đỗ Thị Mỹ Dung, ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 72-76.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp số để xác định sự phân bố nhiệt độ bên trong kết cấu bê tông khối lớn. Đánh giá sự hình thành vết nứt nhiệt cục bộ trong kết cấu ở tuổi sớm ngày.

**Từ khóa**: Vết nứt nhiệt cục bộ, bê tông khối lớn

**59. Ngoại suy quan hệ tải trọng – độ lún của cọc từ kết quả thí nghiệm nén tĩnh trên cơ sở các phương pháp hàm xấp xỉ/** ThS. Nguyễn Văn Mót, PGS. TS. Bùi Trường Sơn// Xây dựng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 128-132.

**Nội dung:** Các phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của cọc từ kết quả thí nghiệm nén tĩnh trên cơ sở hàm số toán học; Phân tích đánh giá khả năng chịu tải của cọc bằng phương pháp ngoại suy theo kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Nén tĩnh cọc, khả năng chịu tải cọc, quan hệ tải trọng – độ lún

**60. Nhân tố ảnh hưởng đến “làm lại” trong giai đoạn thiết kế dự án xây dựng/** ThS. Trương Mỹ Phẩm, ThS. Cao Văn Tuấn// Xây dựng .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 59-65.

**Nội dung:** Khảo sát các nguyên nhân dẫn đến việc “làm lại” trong giai đoạn thiết kế dự án xây dựng tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa**: Thiết kế lại, giai đoạn thiết kế, dự án xây dựng

**61. Phân tích ảnh hưởng của mức độ ăn mòn cốt thép trong bê tông đến ứng xử của dầm bê tông cốt thép/** Võ Văn Nam, Trần Thế Truyền// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 62-65.

**Nội dung:** Làm rõ ảnh hưởng của việc cốt thép bị ăn mòn đến khả năng kháng uốn của dầm bê tông cốt thép, đến ứng xử của kết cấu dầm bê tông cốt thép có xét đồng thời ảnh hưởng của tải trọng và điều kiện môi trường.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, dầm bê tông cốt thép, mức độ ăn mòn

**62.** **Phân tích ảnh hưởng của việc dâng mực nước ngầm đến sức chịu tải cọc**/ Lê Bá Vinh, Võ Chí Khang, Liên Phước Huy Phương// Địa kỹ thuật .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 20-27.

**Nội dung**: Khai thác nước ngầm đô thị đang diễn ra với cường độ cao, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt nhiều. Việc thay đổi mực nước ngầm ảnh hưởng đến công trình kết cấu. Việc khai thác nước ngầm nhiều nơi đang bị khai thác bừa bãi cạn kiệt. Với quan điểm hiện nay mực nước ngầm sẽ không thay đổi và sẽ không đánh giá hết được sức chịu tải cọc khi mực nước ngầm thay đổi.Vì vậy ta cần xem xét đến sức chịu tải của cọc khi mực nước ngầm thay đổi.

**Từ khóa:** Nước ngầm,công trình

**63. Phân tích dao động tự do của thanh có xét đến biến dạng trượt ngang bằng phương pháp chuyển vị cưỡng bức - lời giải số/** TS. Đoàn Văn Duân// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 42-48.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp chuyển vị cưỡng bức để tìm trị riêng và véc tơ riêng của các bài toán theo lời giải số.

**Từ khóa**: Chuyển vị cưỡng bức, dao động tự do, lời giải số

**64. Phân tích dẻo tấm mỏng Kirchhoff bằng phương pháp trực tiếp có xét đến tính ngẫu nhiên của giới hạn chảy của vật liệu/** ThS. Ngô Quang Hưng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 35-40.

**Nội dung:** Đề xuất việc tính toán giới hạn và thích nghi của tấm Kirchhoff dưới các điều kiện ngẫu nhiên của giới hạn chảy. Thiết kế theo độ tin cậy của kết cấu bằng kỹ thuật Chance constrained programming là rất hiệu quả nếu nó được xây dựng như một bài toán tối ưu tất định tương đương.

**Từ khóa**: Tấm Kirchhoff, giới hạn chảy, vật liệu, ngẫu nhiên

**65. Phân tích động lực học của bể nước ngầm có xét sự tương tác của nước và kết cấu/** KS. Đặng Duy Linh, PGS. TS. Nguyễn Trọng Phước// Xây dựng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 118-123.

**Nội dung:** Phân tích ứng xử động lực học của bể nước ngầm chịu tác động của tải trọng điều hòa có xét tương tác nước và kết cấu.

**Từ khóa**: Bể nước ngầm, phương pháp phần tử hữu hạn, tương tác động

**66. Phân tích động lực học khung 20 tầng có xét bể chất lỏng/** PGS. TS. Nguyễn Trọng Phước, ThS. Văng Quốc Khánh, ThS. Sharma Kumar Greesh// Xây dựng .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 76-80.

**Nội dung:** Nghiên cứu về hiệu quả giảm chấn của bể nước mái trong kết cấu nhà nhiều tầng chịu tải trọng động với thiết bị là hệ thống giảm chấn sử dụng chất lỏng của chính bể nước.

**Từ khóa**: Hệ giảm chấn chất lỏng có tấm nổi, hệ kết cấu kết hợp cản chất lỏng có tấm nổi, phần tử hữu hạn, tải điều hòa

**67. Phân tích hệ kết cấu phẳng bằng phương pháp phân tử hữu hạn ứng dụng Matlab/** TS. Trịnh Tự Lực// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 62-64.

**Nội dung:** Trình bày cách áp dụng phần mềm Matlab vào phương pháp phần tử hữu hạn để tính toán nội lực, chuyển vị hệ kết cấu phẳng.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử hữu hạn, Matlab, hệ kết cấu phẳng

**68. Phân tích phi tuyến hình học kết cấu dàn vòm trụ không gian một lớp/** TS. Phạm Văn Đạt// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 25-32.

**Nội dung:** Trình bày kết quả phân tích phi tuyến hình học kết cấu dàn vòm trụ không gian một lớp dựa trên phương pháp nguyên lý cực trị Gauss và kết quả phân tích này được so sánh với kết quả phân tích tuyến tính để thấy được sự chênh lệch giữa hai cách phân tích. Nghiên cứu sự ảnh hưởng độ vồng kết cấu dàn vòm không gian một lớp đến độ chênh lệch kết quả giữa phân tích tuyến tính và phân tích phi tuyến hình học.

**Từ khóa**: Phi tuyến hình học, dàn vòm trụ không gian một lớp

**69. Phân tích sự làm việc của móng bè cọc theo mô hình hệ số nền/** Võ Văn Đấu, Trần Văn Tỷ, Đỗ Anh Hào, Lâm Tấn Phát// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 130-134.

**Nội dung:** Nghiên cứu mô hình hệ số nền Winkler được áp dụng để phân tích sự làm việc của bè và cọc trong móng bè cọc làm việc đồng thời dưới tác động của tải trọng của công trình Cống thứ Sáu tại tỉnh Kiên Giang.

**Từ khóa**: Mô hình Winkler, móng bè cọc, mô hình hệ số nền

**70. Phân tích ứng xử hố đào sâu trong nền sét bão hòa nước bằng phương pháp FEM**/ Lại Văn Quí, Huỳnh Quốc Thiện, Trà Hữu Thời, Trần Duy Tân// Địa kỹ thuật .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Đánh giá mô hình đất và phân tích ứng xử của đất sét bão hòa nước để có thể dự đoán chính xác chuyển vị ngang của tường chắn hố đào sâu trong đất yếu khu vực Tp Hồ Chí Minh. Từ đó lựa chọn mô hình tính toán và phương pháp phân tích phù hợp nhất với mục tiêu dự đoán chính xác chuyển vị ngang của tường chắn trong đất yếu.

**Từ khóa:** Đất sét, phương pháp FEM

**71. Phân tích vùng dẻo bậc hai khung thép phẳng với dầm thép – bê tông liên hợp/** ThS. Lê Phương Bình, ThS. Lê Văn Bình, TS. Đinh Thế Hưng, PGS. TS. Ngô Hữu Cường// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 13-24.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phát triển một phần tử dầm – cột để áp dụng trong phân tích phi tuyến khung thép phẳng gồm cột thép và dầm thép – bê tông liên hợp. Phần tử này không những có khả năng mô phỏng ứng xử vùng dẻo mà còn kể đến hiệu ứng bậc hai trong phân tích.

**Từ khóa**: Dầm thép, khung thép-bê tông liên hợp, vùng dẻo, hiệu ứng bậc hai, phân tích phi tuyến

**72. Phương án phát triển các khu kinh tế Việt Nam cần được nghiên cứu, tích hợp trong quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050/** ThS. KTS. Lê Anh Dũng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Đưa ra một số ý kiến đề xuất tích hợp phương án phát triển các khu kinh tế Việt Nam vào trong quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu các khu kinh tế tiếp tục phát triển một cách hiệu quả, đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

**Từ khóa**: Khu kinh tế, quy hoạch xây dựng

**73. Quản lý chất lượng thi công cọc khoan nhồi/** TS. Đỗ Thị Mỹ Dung, TS. Lâm Thanh Quang Khải, TS. Nguyễn Trọng Chức, PGS. TS. Đoàn Văn Duẩn// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 94-100.

**Nội dung:** Trình bày tóm tắt những nội dung chính mà người kỹ sư giám sát phải nắm vững để nâng cao hơn nữa trách nhiệm giám sát cũng như quản lý chất lượng thi công cọc khoan nhồi.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, quản lý chất lượng, thi công cọc

**74. Quản lý phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh/** Phạm Văn Thành, PGS. TS. Phạm Xuân Anh// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 96-101.

**Nội dung:** Nghiên cứu cách quản lý phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh dựa trên việc phân tích đề xuất hệ thống các tiêu chí, trong đó làm sâu sắc các tiêu chí cần thiết để áp dụng cho sự tăng trưởng và phát triển đô thị tại tỉnh Quảng Ninh – một trong những tỉnh đang có tốc độ đô thị hóa nhanh và phát triển năng động nhất cả nước.

**Từ khóa**: Quản lý phát triển đô thị, tăng trưởng xanh, tiêu chí, tiêu chuẩn

**75. Quy hoạch tỉnh ở Việt Nam và vai trò của lĩnh vực xây dựng/** GS. TS. KTS. Nguyễn Tố Lăng// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Trình bày tình hình thực hiện các loại quy hoạch ở Việt Nam hiện nay, một số nét về thực trạng công tác quy hoạch tỉnh và vai trò của lĩnh vực xây dựng trong các quy hoạch tỉnh.

**Từ khóa**: Quy hoạch tỉnh, xây dựng, vai trò

**76. Quy trình lập tiến độ dự án bằng lý thuyết tập mờ/** Trương Công Bằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 101-107.

**Nội dung:** Trình bàyquy trình lập tiến độ dự án đầu tư xây dựng khu vực đồng bằng song Cửu Long bằng lý thuyết tập mờ.

**Từ khóa**: Lý thuyết tập mờ, quản lý tiến độ thi công

**77. Seismic analysis of plan frame with energy dissipation device = Phân tích khung gắn thiết bị tiêu tán năng lượng dưới tác động của động đất/** Dr. Nguyen Tien Chuong, Dr. Nguyen Hai Quang, Pham Thu Hien// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 86-89.

**Nội dung:** The paper studies type of energy dissipation device installed in the beam. The research includes two main points: first, to develop mathematical models for building a structural element with finite element method; and second, to investigate various cases to consider the effect of the device on the frame’s response to earthquake actions = Nghiên cứu thiết bị tiêu tán năng lượng gắn trong dầm của kết cấu khung bê tông cốt thép. Nghiên cứu bao gồm hai vấn đề chính: thứ nhất, mô hình toán học của phần tử dầm có gắn thiết bị tiêu tán năng lượng; thứ hai, phân tích các trường hợp khác nhau để xem xét ảnh hưởng của thiết bị đến phản ứng của khung dưới tác động động đất.

**Từ khóa**: Energy dissipation capacity, seismic behavior, finite element method, khả năng tiêu tán năng lượng, phương pháp phần tử hữu hạn, thiết bị tiêu tán năng lượng

**78. Sử dụng cốt sợi thủy tinh kháng kiềm và cốt liệu tái chế để sản xuất bê tông ứng dụng cho các công trình thủy lợi/** PGS. TS. Nguyễn Quang Phú// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 53-60.

**Nội dung:** Sử dụng hiệu quả về công nghệ sản xuất cốt liệu tái chế cho bê tông từ việc tái sử dụng các chất thải xây dựng và phụ phẩm công nghiệp, đánh giá đặc tính kỹ thuật của bê tông cốt liệu tái chế, từ đó đề xuất cần thiết để có thể áp dụng các loại vật liệu này trong xây dựng cho hầu hết các công trình ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi, cốt sợi thủy tinh kháng kiềm, cốt liệu tái chế, công trình thủy lợi

**79. Sử dụng lưu biến kế quay đồng trục dạng cánh để xác định thông số tính chất lưu biến của hỗn hợp vữa/** TS. Nguyễn Khánh Sơn, KS. Võ Thị Kim Ngọc, ThS. Lê Minh Sơn, TS. Nguyễn Ngọc Trí Huỳnh// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 42-52.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu phát triển thiết bị lưu biến kế loại cánh quay từ máy khuấy đũa đồng thời áp dụng mô hình Bingham nhằm ước tính một số thông số đặc trưng lưu biến của vữa xi măng - bê tông.

**Từ khóa**: Lưu biến kế, xi măng, bê tông, hỗn hợp vữa

**80. Sử dụng mô hình thông tin công trình cho các dự án xây dựng khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu/** Trần Phu Lộc// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 191-196.

**Nội dung:** Làm rõ tính khả thi của việc áp dụng mô hình thông tin công trình để phát triển xây dựng bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu cho các dự án xây dựng ở đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa**: Mô hình thông tin công trình, biến đổi khí hậu, dự án xây dựng

**81. Sử dụng tập mờ trong lập tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng/** Trương Công Bằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 136-140.

**Nội dung:** Với khả năng giải quyết các bài toán thiếu thông tin chắc chắn, tập mờ có khả năng mô tả đại lượng không chắc chắn dưới dạng các đại lượng ngẫu nhiên như các yếu tố rủi ro tác động đến quá trình thi công dự án.

**Từ khóa**: Dự án xây dựng, lý thuyết mờ, quản lý dự án

**82. Tác động của đô thị hóa và định hướng quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô/** TS. KTS. Lê Thị Bích Thuận, TS. KTS. Nguyễn Trung Dũng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 112-117.

**Nội dung:** Tác động của đô thị hóa và phát triển đô thị đến các xã nông thôn mới ven đô; Định hướng quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô nhằm tăng cường liên kết đô thị và nông thôn; Định hướng quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô phù hợp với định hướng đô thị hóa nhằm tiết kiệm nguồn lực đầu tư.

**Từ khóa**: Đô thị hóa, quy hoạch xây dựng, nông thôn mới

**83. Thảm bê tông : vật liệu xây dựng mới nhiều ưu điểm**/ Đào Văn Hưng// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752) .- Tr. 53-54.

**Nội dung**: Phân tích ưu điểm của thảm bê tông, loại vật liệu mới được áp dụng nhiều hiện nay có tác dụng chống thấm, chống nứt nẻ, cháy, xói mòn… đã được ứng dụng nhiều trong các công trình xây dựng. Đặc biệt trong các công trình thủy lợi, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai (xây kênh mương, đường hầm; xây dựng các hồ chứa nước; bảo vệ mái đê, đập, bờ sông, bờ biển; chống sạt lở mái dốc…) sử dụng thảm bê tông còn giúp giảm chi phí nhân công và thời gian thi công so với bê tông truyền thống, đồng thời có thể thi công trong môi trường nước hay trên những địa hình phức tạp.

**Từ khóa**: Thảm bê tông, vật liệu xây dựng, công trình xây dựng

**84. Thiết lập mô hình vật lý xác định sự phân bố tải trọng dọc trục của cọc trong hệ móng bè cọc/** Võ Văn Đấu, Võ Phán, Trần Văn Tuẩn// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 119-123.

**Nội dung:** Tập trung xác định sự phân bổ tải trọng dọc trục của cọc trong hệ móng bè cọc dựa trên số lượng cọc, khoảng cách cọc và kích thước bè thay đổi trong móng bè cọc bằng thí nghiệm trên mô hình tỉ lệ nhỏ.

**Từ khóa**: Hệ móng bè cọc, tải trọng dọc trục, mô hình tỉ lệ nhỏ

**85. Tiêu chí xây dựng đô thị xanh cho các khu đô thị mới tại Tp. HCM/** Lưu Thị Thanh Mẫu, Lê Thị Hồng Na// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 90-95.

**Nội dung:** Đưa ra một số nghiên cứu tổng quan về hiện trạng phát triển các khu đô thị mới theo hướng xanh tại Việt Nam hiện nay cả về hành lang pháp lý lẫn xây dựng đô thị trên thực tế, thông qua những nguyên tắc xây dựng và phát triển khu đô thị xanh để đưa ra hệ tiêu chí xây dựng đô thị xanh cho các khu đô thị mới ở Tp. HCM.

**Từ khóa**: Tiêu chí đô thị xanh, đô thị xanh, phát triển bền vững

**86. Tối ưu giàn thép phi tuyến có biến thiết kế rời rạc bằng thuật toán tiến hóa vi phân cải tiến/** TS. Hà Mạnh Hùng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 12-19.

**Nội dung:** Một thuật toán tối ưu cải tiến dựa trên thuật toán tiến hóa vi phân và nguyên lý bộ giá trị (S-DE) được trình bày nhằm tối ưu hóa dàn thép phi tuyến có biến thiết kế rời rạc. S-DE hoàn toàn tuân theo quy trình ban đầu của thuật toán DE nhưng có sự thay đổi về các khái niệm cơ bản liên quan đến thực hiện các toán tử trong kỹ thuật đột biến nhằm phù hợp với không gian rời rạc của biến thiết kế. Một giàn không gian 72 thanh được nghiên cứu để đánh giá hiệu quả của thuật toán được đề xuất.

**Từ khóa**: Tiến hóa vi phân, giàn thép, phân tích trực tiếp, tối ưu

**87. Tối ưu hóa hệ móng bè cọc của cống kênh thủy lợi**/ Lê Bá Vinh, Đoàn Bá Tần Duy, Nguyễn Nhứt Nhứt// Địa kỹ thuật .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 81-88.

**Nội dung**: Tính toán nhanh và bố trí cọc đơn giản sẽ không phản ánh đúng mô hình làm việc của hệ móng ngoài thực tế. Kết quả phân tích giúp ta hiểu rõ sự làm việc thực tế của móng bè cọc và có phương án bố trí cọc làm việc tối ưu hiệu quả hơn về kinh tế nhưng vẫn đảm bảo công trình.

**Từ khóa:** Móng, thủy lợi, kết cấu công trình

**88. Tổng kết kinh nghiệm tại một số quốc gia phát triển về mô hình phát triển khu kinh tế ven biển/** KTS. Nguyễn Thị Hồng Diệp// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Giới thiệu thực tiễn phát triển các khu kinh tế ven biển tại một số quốc gia như Pháp, Ấn Độ, Cu Ba, Trung Quốc…Từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam trong quá trình phát triển hiện nay, khi chúng ta đang phát triển ồ ạt các khu kinh tế ven biển với hiệu quả khai thác và kinh tế còn tương đối thấp và phải đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường biển và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển

**89. Tổng quan hiện trạng đô thị biển Việt Nam & một số quan điểm phát triển/** KTS. Phạm Thị Nhâm// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 64-73.

**Nội dung:** Hình thành các điểm định cư đô thị - nông thôn vùng ven biển; Khái niệm đô thị biển; Vùng đô thị hóa ven biển Việt Nam – tiềm năng chưa sẵn sang; Quỹ đô thị biển – đảo; Quan điểm phát triển đô thị biển trong giai đoạn tới.

**Từ khóa**: Đô thị biển, Việt Nam

**90. Tổng quan và một số vấn đề về quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam/** TS. Vũ Tuấn Vinh// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 10-15.

**Nội dung:** Tổng quan chung về các khu kinh tế ven biển Việt Nam; Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam và các vấn đề tồn tại; Đánh giá sơ bộ nguyên nhân và nhận định các vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để tăng cường hiệu quả công tác quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển.

**Từ khóa**: Khu kinh tế ven biển, quy hoạch phát triển, quy hoạch chung xây dựng

**91. Tương quan giữa chuyển vị với bề dày và chiều sâu tường vây phục vụ thi công hố đào sâu bằng phương pháp Top-down tại khu vực quận Phú Nhuận – Tp. Hồ Chí Minh/** Tạ Quốc Hùng, Đặng Đổ Bảo Sang, Trần Thanh Danh// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 45-51.

**Nội dung:** Khảo sát sự ảnh hưởng của hai yếu tố là bề dày và chiều sâu đến chuyển vị của tường vây một công trình hố đào sâu thi công bằng phương pháp Top-down tại quận Phú Nhuận – Tp. Hồ Chí Minh bằng cách thay đổi các thông số bề dày và chiều sâu tường trong mô hình phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Chuyển vị, bề dày, chiều sâu tường vây, thi công hố đào sâu, phương pháp Top-down

**92. Ứng dụng mạng thần kinh nhân tạo để dự báo sức chịu tải cọc/** TS. Phạm Tuấn Anh// Xây dựng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 124-127.

**Nội dung:** Trình bày kết quả ứng dụng mô hình mạng thần kinh nhân tạo trong việc xác định sức chịu tải cọc. Một mô hình mạng thần kinh nhân tạo đã được xây dựng và đào tại trên phần mềm Excel và được sử dụng để xác định sức chịu tải cọc. Một bộ số liệu nén tĩnh cọc được sử dụng để đào tạo và kiểm tra mô hình.

**Từ khóa**: Sức chịu tải cọc, mạng thần kinh nhân tạo

**93. Ứng dụng mạng thần kinh nhân tạo trong dự báo sức chịu tải móng nông/** TS. Phạm Tuấn Anh, ThS. Nguyễn Thanh Tâm// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 38-41.

**Nội dung:** Trình bày việc ứng dụng mô hình mạng thần kinh nhân tạo để xác định sức chịu tải cực hạn của móng nông. Ngoài ra, mô hình mạng thân kinh nhân tạo cho kết quả vượt trội so với kết quả tính theo hồi quy tuyến tính. Trên cơ sở kết quả tính toán, kiến nghị nên nghiên cứu đưa ra mô hình mạng thần kinh nhân tạo đã được tối ưu vào các tiêu chuẩn nền móng để đạt độ chính xác cao hơn trong thiết kế thực tế.

**Từ khóa**: Mạng thần kinh nhân tạo, sức chịu tải móng nông, thuật toán di truyền

**94. Ứng dụng phương pháp mô phỏng Monte Carlo để phân tích thời gian thi công xây dựng công trình/** TS. Trần Trung Kiên// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 29-32.

**Nội dung:** Đề xuất vận dụng phương pháp mô phỏng Monte Carlo để phân tích thời gian thi công xây dựng công trình dựa trên cơ sở các số liệu thống kế hoặc ý muốn chủ quan của người lập kế hoạch.

**Từ khóa**: Công trình xây dựng, phương phápmô phỏng Monte Carlo

**95. Vẽ đường tần xuất lý luận theo phương pháp 3 điểm trong xử lý số liệu quan trắc thủy văn công trình giao thông/** PGS. TS. Phạm Văn Thoan// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Trình bày chi tiết phương pháp 3 điểm được sử dụng trong tính toán thủy văn công trình. Đưa ra kết luận và kiến nghị cần thiết cho người làm công tác khảo sát, nghiên cứu thủy văn và thiết kế công trình.

**Từ khóa**: Đường tần xuất lý luận, phương pháp 3 điểm, thủy văn, thống kê xác suất

**96. Về vấn đề đảm bảo an toàn cháy đối với nhà cao tầng/** TS. Hoàng Anh Giang// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 3-12.

**Nội dung:** Phân tích khái niệm nhà cao tầng gắn với yêu cầu an toàn cháy đồng thời trình bày một số yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến an toàn cháy cũng như những định hướng các giải pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ cháy và thiệt hại khi có cháy xảy ra đối với nhà cao tầng.

**Từ khóa**: An toàn cháy, nhà cao tầng

**97. Xác định tải trọng gió tác dụng lên dây co của trụ viễn thông theo tiêu chuẩn Mỹ TIA-222-G tại Việt Nam/** TS. Trương Việt Hùng, PGS. TS. Vũ Quốc Anh// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 19-26.

**Nội dung:** Trình bày lý thuyết tính toán áp lực gió lên công trình tháp trụ thép, tải gió lên dây co theo tiêu chuẩn TIA-222-G và ví dụ tính toán cụ thể như tính tải gió lên dây co.

**Từ khóa**: Tải trọng gió, trụ viễn thông, tiêu chuẩn TIA-222-G, trụ dây co

**98. Xây dựng danh mục công trình kiến trúc tiêu biểu tại thành phố Cần Thơ/** TS. KTS. Vũ Thị Hồng Hạnh// Xây dựng .-2021 .- Số 7 .- Tr. 97-103.

**Nội dung:** Giới thiệu một vài luận điểm cơ sở xây dựng khung đánh giá xếp loại kiến trúc công trình ở nhiều khía cạnh, góc độ; từ đó, thực hiện đánh giá và xếp loại các công trình tiêu biểu ở Cần Thơ.

**Từ khóa:** Kiến trúc tiêu biểu, danh mục công trình, đánh giá giá trị, hình thái, Cần Thơ

**99. Xây dựng quy trình bảo trì dự phòng cho cầu bê tông cốt thép dự ứng lực thi công bằng phương pháp đúc hẫng cân bằng/** ThS. Trần Quang Minh, Lê Hồng Điệp// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 21-27.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu về bảo trì dự phòng ứng dụng cho cầu bê tông cốt thép dự ứng lực thi công bằng phương pháp đúc hẫng cân bằng, từ đó xây dựng được chế độ kiểm tra, khai thác dự phòng để công trình đạt được hiệu quả khai thác cao nhất, duy trì được tuổi thọ lớn nhất.

**Từ khóa**: Bảo trì dự phòng, phương pháp đúc hẫng cân bằng, cầu bê tông cốt thép dự ứng lực

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ và cơ sở hạ tầng đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng**/ Trần Đình Khôi Nguyên, Võ Hồng Tâm// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cơ sở hạ tầng của thành phố đến thành quả hoạt động của các doanh nghiệp, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Mẫu nghiên cứu gồm 480 doanh nghiệp được thu thập ngẫu nhiên, bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp, nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Tác giả sử dụng các kỹ thuật: phân tích nhân tố khám phá (EFA), hồi quy tuyến tính bội (OLS) để xử lý dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố các chinh sách hỗ trợ của chính quyền và cơ sở hạ tầng của địa phương tác động thuận đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Chính sách, Hỗ trợ doanh nghiệp, Cơ sở hạ tầng

**2. Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội lên chất lượng kiểm toán tại các công ty niêm yết trong ngành sản xuất tại Việt Nam**/ Thái Minh Hạnh, Đào Thanh Bình, Nguyễn Thúc Hương Giang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 70-75.

**Nội dung**: Thực hiện trách nhiệm xã hội (CSR) và thông tin về CSR luôn thể hiện chiến lược phát triển của mỗi doanh nghiệp trên các khía cạnh như quản lý thu nhập, kiểm soát thị trường và năng lực quản trị rủi ro. Mức độ thực hiện và thông tin về CSR của doanh nghiệp có thể dẫn đến nhận định và xét đoán chuyên môn khác nhau của kiểm toán viên, khi kiểm toán báo cáo tài chính. Để làm rõ hơn mối quan hệ ảnh hưởng giữa CSR và nỗ lực kiểm toán, chất lượng kiểm toán trong điều kiện đặc thù của nền kinh tế Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi áp dụng mô hình định lượng để nghiên cứu thực nghiệm khả năng tác động của CSR đối với hoạt động kiểm toán tài chính của các công ty niêm yết trong lĩnh vực sản xuất. Để từ đó, đề xuất một số khuyến nghị cho cà các doanh nghiệp và kiểm toán viên, góp phần tăng tính minh bạch thông tin tài chính doanh nghiệp trên thị trường.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội, Nỗ lực kiểm toán, Chất lượng kiểm toán, Công ty niêm yết, Sản xuất

**3. Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo tới nghề kế toán**/ Đỗ Thị Thu Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 92-97.

**Nội dung**: Sự phát triển của công nghệ số, với mạng Internet, Dữ liệu lớn, Trí tuệ nhân tạo (AI)... đang làm thay đổi mọi mặt của đời sống kinh tế và xã hội. Nghề kế toán cũng đang chứng kiến những sự thay đổi lớn về vai trò của mình trong tổ chức và các chức năng thực hiện. Bài viết này nhằm mục đích thảo luận một số thách thức mà nghề kế toán phải đối mặt hiện nay và làm sáng tỏ một số xu hướng phát triển có thể có trong tương lai của nghề này trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo được ứng dụng ngày càng rộng rãi.

**Từ khoá**: Giáo dục kế toán, Nghề kế toán, Thách thức, Trí tuệ nhân tạo

**4. Ảnh hưởng sự không chắc chắn trong môi trường doanh nghiệp đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại Việt Nam**/ Trịnh Viết Giang, Trần Mạnh Dũng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 47-51

**Nội dung**: Nghiên cứu này tiếp cận và sử dụng khung lý thuyết ngẫu nhiên trong các tổ chức, khung khổ kiểm soát nội bộ (KSNB) của COSO 2013 và các học giả nghiên cứu trên thế giới. Với biến độc lập là sự không chắc chắn của môi trường doanh nghiệp được nhận thức ảnh hưởng đến cấu trúc KSNB được phản ánh bởi 5 thành phần gồm (i) Môi trường kiểm soát, (ii) Đánh giá rủi ro, (iii) Thông tin và truyền thông, (iv) Hoạt động kiểm soát và (v) Hoạt động giám sát của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS, AMOS đề đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach’s Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Tác giả sử dụng mô hình phân tích SEM. Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự chắc chắn của môi trường doanh nghiệp (DN) và các thành phần của cấu trúc KSNB là phù hợp với mô hình đề xuất. Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy cấu trúc KSNB có tác động thuận chiều với tính hữu hiệu KSNB.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Tính hữu hiệu của kiểm siast nội bộ, COSO, Sự không chắc chắn

**5. Áp dụng IFRS tại Việt Nam: Những khó khăn đặt ra**/ Phan Thị Anh Đào// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích những khó khăn mà doanh nghiệp, các cơ quan quản lý Nhà nước, trường đại học và các nhà nghiên cứu, công ty kiểm toán, hội nghề nghiệp gặp phải, khi triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục các khó khăn này, giúp doanh nghiệp áp dụng IFRS vào thực tiễn.

**Từ khoá**: IFRS, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Khó khăn

**6. Áp dụng phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC) trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam**/ Trần Thị Hồng Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 20-23,10.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ đặc điểm, tình hình nghiên cứu về phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC). Các nghiên cứu cho thấy, thực hiện phương pháp này đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp (DN) nhưng khá phức tạp, đòi hỏi một số điều kiện nhất định. Xuất phát từ đặc điểm của các DN sản xuất Việt Nam, tác giả cho rằng cần thiết áp dụng phương pháp ABC. Tuy nhiên, các DN có thể lựa chọn áp dụng nguyên bản phương pháp hoặc ABC điều chỉnh (theo ma trận, theo thời gian).

**Từ khoá**: Phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động, Doanh nghiệp sản xuất

**7. Áp dụng thủ tục phân tích trong xét đoán chuyên nghiệp của kiểm toán viên**/ Nguyễn Thị Khánh Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 107-111.

**Nội dung**: Thủ tục phân tích được thực hiện trong hầu hết các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Tầm quan trọng của thủ tục phân tích được nêu rõ trong cả các chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cũng như nhiều nghiên cứu trước. Mục tiêu bài viết nhằm làm sáng tỏ quá trình phát triển thủ tục phân tích trong kiểm toán, sự cần thiết cũng như các kỹ thuật phân tích được vận dụng trong xét đoán chuyên nghiệp của kiểm toán viên.

**Từ khoá**: Thủ tục phân tích, Xét đoán chuyên nghiệp, Xét đoán kiểm toán

**8. Bàn về định hướng kiểm soát chuyển giá đối với các công ty đa quốc gia tại Việt Nam**/ Nguyễn Đức Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Bài viết bàn về thực trạng chuyển giá của các công ty đa quốc gia hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam từ đó tác giả đề xuất một số định hướng liên quan đến kiểm soát chuyển giá của các công ty quốc gia.

**Từ khóa:** Kiểm soát chuyển giá, công ty đa quốc gia, Việt Nam

**9. Bàn về kế toán di sản và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm, Mai Thị Hoàng Minh// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 105-107.

**Nội dung**: Giới thiệu những vấn đề cơ bản về kế toán di sản, từ đó đề xuất một số hướng nghiên cứu về kế toán di sản tại Việt nam trong thời gian tới, qua đó giúp cơ quan quản lý, tổ chức ban hành chuẩn mực kế toán có thể nắm rõ, tiến tới ban hành chuẩn mực kế toán di sản.

**Từ khoá**: Tài sản di sản, chuẩn mực kế toán công, kế toán di sản

**10. Bàn về kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất cấu kiện kim loại**/ Nguyễn Thị Lệ Hằng, Võ Châu Ý Nhi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr.81-85.

**Nội dung**: Kế toán quản trị (KTQT) đã và đang là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ của các doanh nghiệp (DN). Theo đó, việc xây dựng một mô hình kế toán quản trị chi phí (KTQT CP) tốt sẽ giúp tăng cường hiệu quả quản lý, làm tăng khả năng tồn tại và phát triển cho các DN. Bài viết này được thực hiện nhằm bàn luận và trao đổi về nội dung KTQT CP cho các DN lĩnh vực sản xuất cấu kiện kim loại với minh chứng điển hình tại Công ty TNHH Thiết Đồng, Bình Định trên các nội dung về (i) phân loại chi phí (CP), (ii) xây dựng định mức và lập dự toán CP, (iii) ghi nhận chi phí sản xuat (CPSX) và tính giá thành, (iv) phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng CP, và (v) báo cáo KTQT CP nhằm cung cấp thông tin hữu ích hơn cho các nhà quản lý ở các DN lĩnh vực sản xuất cấu kiện kim loại.

**Từ khoá**: Sản xuất cấu kiện kim loại, Chi phí, Kế toán, Quản trị chi phí, Mô hình

**11. Các giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả nợ công ở Việt Nam/** Thái Đình Hoàng// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 111 - 112.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu, phân tích thực trạng nợ công tại Việt Nam trong những năm qua. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả nợ công ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Nợ công, quản lý công nợ, Việt Nam

**12. Các kỹ thuật của kế toán quản trị chiến lược**/ Đinh Thị Kim Xuyến, Nguyễn Ánh Hông// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Kế toán quản trị chiến lược (SMA) với hệ thống các kỹ thuật đã và đang cho thấy vai trò quan trọng, trong việc hỗ trợ các nhà quản trị đưa ra các quyết định mang tính chiến lược. Bài viết hướng tới việc tổng hợp các kỹ thuật của SMA trong các nghiên cứu trước đây đồng thời đưa ra một số vận dụng kỹ thuật của SMA trên thế giới và tại Việt Nam, để thấy được vai trò, ý nghĩa của các kỹ thuật này, trong quá trình tồn tại và phát triển các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chiến lược (SMA), Kỹ thuật, Doanh nghiệp

**13. Các mô hình lý thuyết và xu hướng xử lý mối quan hệ giữa các quy định về kế toán và thuế thu nhập doanh nghiệp**/ Đỗ Thị Hướng Dương// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 115-117.

**Nội dung**: Mối quan hệ giữa các quy định về kế toán, tài chính và thuế đối với doanh nghiệp là vấn đề được các nhà xây dựng chính sách của các quốc gia đặc biệt quan tâm. Các nhà nghiên cứu lịch sử thông lệ kế toán và chính sách thuế các nước có thể thấy tồn tại các quan điểm khác nhau về mối quan hệ này. Bài viết này nghiên cứu các quan điểm khác nhau đó và xác định các mô hình chủ yếu về mối quan hệ giữa các quy định về kế toán, thuế trong tiến trình lịch sử phát triển các quy định này. Từ đó, phân tích chỉ ra mô hình xử lý mối quan hệ này, trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá**: Kế toán, Thuế, Quy định kế toán, Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp

**14. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu**/ Trần Thị Thanh Thanh, Trần Phạm Hương Giang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 121-125.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính (BCTC) của các doanh nghiệp (DN) kinh doanh mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Nghiên cứu được thực hiện với đối tượng phân tích là BCTC báo cáo thường niên đã được kiểm toán năm 2018 của 24 DN ngành hàng tiêu dùng thiết yếu được niêm yết trên sàn HOSE. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian hoạt động, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) có sự tương quan thuận đến chất lượng thông tin BCTC của DN.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Chất lượng báo cáo tài chính, Doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu

**15. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các Chi nhánh Agribank tại TP. Hồ Chí Minh**/ Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo, Trần Phương Hải// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 42-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính (BCTC) của các chi nhánh Agribank tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Tác giả đã sử dụng mô hình định lượng nhân tố khám phá (EFA) nhằm kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích EFA và phân tích hồi quy. Kết quà cho thấy có 7 nhân tố tác động, trong đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán, môi trường pháp lý, môi trường văn hóa là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng thông tin trên BCTC của các đơn vị. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin trên BCTC của các đơn vị.

**Từ khoá**: Chất lượng thông tin, Báo cáo tài chính, Agribank.

**16. Các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận kế toán các doanh nghiệp niêm yết trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Ngô Thị Linh, Nguyễn Thị Thu Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận kế toán, tại các doanh nghiệp niêm yết trong lĩnh vực tài chính, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu áp dụng và kế thừa mô hình gốc của Wilopo (2006), kết hợp với mô hình của SA Irwandi và Purnomo, & Muhammad Khafid (2017). Kết quả cho thấy, các nhân tố: Khó khăn về tài chính (F1); Bất cân xứng thông tin (F2); Tuân thủ nguyên tắc kế toán (F3); Hiệu quả kiểm soát nội bộ (F4); Đạo đức nhà quản lý (F5); Tính phù hợp của hệ thống bồi thường (F6): đều có ảnh hưởng đến gian lận kế toán.

**Từ khoá**: Gian lận kế toán, Doanh nghiệp niêm yết, Lĩnh vực tài chính

**17. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng IFRS của các doanh nghiệp Đồng Nai/** Nguyễn Văn Hải, Lê Kim Uyên, Hà Nguyễn Thùy Dung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 57-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu đề xuất một mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định vận dụng IFRS cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Mô hình được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu định lượng phân tích EFA và hồi quy tuyến tính đa biến của bộ dữ liệu thu thập được, từ 185 doanh nghiệp khác nhau. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, 60,6% ý định vận dụng IFRS của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ảnh hưởng bởi 5 nhân tố theo thứ tự mức độ ảnh hưởng giảm dần như sau: Thị trường vốn, Hệ thống pháp luật, Trình độ giáo dục, Tăng trưởng kinh tế, Văn hóa.

**Từ khoá**: IFRS, Báo cáo tài chính, Ý định vận dụng, Doanh nghiệp

**18. Các nhân tố ảnh hưởng đến sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính của công ty niêm yết tại Việt Nam Áp dụng mô hình Beneish đối với ngành hàng tiêu dùng**/ Trần Khánh Linh, Đỗ Thành Trí, Đặng Thị Tâm Ngọc, Nguyễn Tuấn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 46-52.

**Nội dung**: Để hỗ trợ cho công việc kiểm toán của kiểm toán viên, nghiên cứu sử dụng mô hình M-Score của Beneish, năm 1999, để phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (BCTC) tại các công ty cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) thuộc nhóm ngành hàng tiêu dùng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy nhị phân dựa trên các biến số tài chính trong mô hình M-Score của Beneish, để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sai sót trọng yếu trong BCTC. Kết quả nghiên cứu có thể giúp ích cho kiểm toán viên trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, bổ sung thêm thủ tục phân tích trong kiểm toán để nhận định liệu có sai sót trọng yếu trong BCTC các công ty hay không.

**Từ khoá**: Sai sót trọng yếu, Beneish M-Score, Kiểm toán, Báo cáo tài chính, Hồi quy nhị phân

**19. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Đồng Nai**/ Nguyễn Vãn Dũng, Phạm Nguyễn Khánh Linh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 80-85.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 257 doanh nghiệp, đối tượng khảo sát là các giám đốc điều hành và kế toán trưởng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Phần mềm SPSS 26.0 đã được sử dụng, để hỗ trợ cho phân tích dữ liệu.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán, Doanh nghiệp, Thuế thu nhập

**20. Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Biên Hòa**/ Lâm Ngọc Nhẫn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 76-80.

**Nội dung**: Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến đến chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Biên Hòa. Từ đó, tác giả khuyến nghị các nhằm cải thiện chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Chất lượng báo cáo tài chính, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**21. Các nhân tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai**/ Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Trang, Lê Thị Mãi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 68-71,78.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định các nhóm yếu tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán, trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, tại tỉnh Đồng Nai. Kết quả cho thấy, 5 yếu tố: chất lượng hệ thống thông tin kế toán; chất lượng thông tin kế toán: năng lực của người dùng; nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán; sự hỗ trợ của các nhà quản lý có tác động cùng chiều đến sự thành công của việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp FDI, tại tỉnh Đồng Nai.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, FDI, Hệ thống thông tin kế toán

**22. Các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm thao túng lợi nhuận, kinh nghiệm từ thực tế nghiên cứu trên thế giới**/ Nguyễn Thanh Tùng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 95-98.

**Nội dung**: Báo cáo tài chính là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp nhà đầu tư và các chủ nợ đánh giá được tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một trong những loại báo cáo không thể thiếu, trong việc ra quyết định liên quan đến thị trường vốn. Sự minh bạch của báo cáo tài chính thúc đẩy sự tin tưởng trong các giao dịch trong thị trường vốn. Tuy nhiên, trên thực tế, báo cáo tài chính thường bị thao túng hay điều chỉnh theo các mục đích nào đó của người lập, nhất là các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh như thu nhập hay lợi nhuận. Bài viết trình bày tầm quan trọng của việc nghiên cứu thực nghiệm thao túng lợi nhuận cũng như các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm của chủ đề trên, cũng như tác dụng của từng phương pháp.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Minh bạch, Kinh doanh, Doanh nghiệp

**23. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định theo chuẩn mực kế toán quốc tế**/ Phan Minh Nguyệt// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.119 - 121.

**Nội dung:** Khấu hao tài sản cố định là một phương pháp kế toán nhằm phân bổ nguyên giá của tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính của nó. Mục đích của việc trích khấu hao tài sản cố định là giúp cho các doanh nghiệp tính đúng, tính đủ chi phí sử dụng tài sản cố địnhvà thu hòi vốn đầu tư để tái tạo tài sản cố định. Tài sản cố định của doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, do đó các doanh nghiệp cần phải xác định phương pháp tính khấu hao cho phù hợp cho từng loại tài sản cố định. Bài viết nghiên cứu sự khác biệt giữa Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) 16 với IAS 38, cũng như quy định của Việt Nam về các phương pháp trích khấu hao, từ đó đề xuất kiến nghị áp dụng các phương pháp khấu hao phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

**Từ khoá:** Tài sản cố định, phương pháp khấu hao, tài sản cố định, IAS16, IAS 38

**24. Các thành phần tạo nên chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế trong các quy định ở Việt Nam**/ Trương Thùy Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 62-67.

**Nội dung**: Tác giả nghiên cứu các quy định hiện hành của kế toán và thuế, qua đó rút ra được các nhóm thành phần có thể tạo nên chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế trong các quy định ở Việt Nam, bao gồm: ưu đãi thuế, lợi nhuận giữ lại và các khoản lỗ, các khoản không được trừ, chênh lệch tạm thời không ghi sổ, thay đổi thuế suất, điều chỉnh cho kỳ trước, chênh lệch vĩnh viễn khác, chênh lệch tạm thời được ghi nhận.

**Từ khoá**: Chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế, Chênh lệch vĩnh viễn, Chênh lệch tạm thời

**25. Các yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh**/ Phan Thanh Huyền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từ kết quả nghiên cứu đề xuất các giải pháp giúp hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hữu hiệu, đảm bảo doanh nghiệp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực mà đơn vị có được giúp tồn tại và phát triển bền vững.

**Từ khoá**: các yếu tố ảnh hưởng, hệ thống kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**26. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế của nhân viên kế toán**/ Phạm Quang Huy, Cao Thị Thu Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 142-144.

**Nội dung**: Qua khảo sát các công trình nghiên cứu, bài viết này nhận diện hệ thống lý thuyết nền tác động đến tính sẵn sàng chấp nhận áp dụng IFRS của nhân viên kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam, để làm cơ sở thay đổi hành động trong thời gian tới khi triển khai chuẩn mực này vào công tác kế toán.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, nhân viên kế toán

**27. Các yếu tố tác động đến sự phù hợp của hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Dũng, Vũ Mạnh Chiến// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 16-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các yếu tố tác động đến mức độ phù hợp của hệ thống thông tin kế toán (AIS) trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) ở Việt Nam. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 634 giám đốc điều hành và kế toán trưởng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, sự ảnh hưởng cùng chiều của các yếu tố công nghệ hiện đang được sử dụng tại doanh nghiệp; Hiểu biết của chủ sở hữu/ người quản lý và quy mô về vốn của doanh nghiệp đến sự phù hợp AIS của các doanh nghiệp. Trong đó, yếu tố hiểu biết của chủ sở hữu/người quản lý có tác động mạnh nhất.

**Từ khoá**: AIS, Sự phù hợp, Doanh nghiệp vừa và nhỏ

**28. Chất lượng báo cáo tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Bình Thuận**/ Lê Đức Thắng, Đoàn Thị Thu Hà// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 37-42.

**Nội dung**: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Bình Thuận. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hệ số Cronbach's Alpha, phân tích khám phá nhân tố (EFA) và hồi quy tuyến tính bội.

**Từ khoá**: Chất lượng, báo cáo tài chính, sự nghiệp công lập, Bình Thuận

**29. Chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mai Hương, Hồ Thị Bích Nhơn, Nguyễn Thị Đoan Trang, Đỗ Thị Hương, Trần Thị Hải Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 62-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của các Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam, dựa trên kế thừa kết quả nghiên cứu của Husam Al-Khaddash và cộng sự (2013). Kết quả nghiên cứu cho biết nhân tố có sự tác động mạnh nhất thuộc về kiểm toán viên, đó là tính độc lập của kiểm toán viên và năng lực chuyên môn của kiểm toán viên; Tiếp đến là nguyên nhân nội tại thuộc về Ngân hàng Thương mại qua đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Giá phí kiểm toán của các doanh nghiệp kiểm toán cũng là nhân tố cần lưu tâm và sau cùng là quy mô của doanh nghiệp kiểm toán và hoạt động kiểm soát chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán từ các cơ quan quản lý.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, Kiểm toán, Báo cáo tài chính, Ngân hàng Thương mại

**30. Chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch covid 19**/ Võ Hồng Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 55 – 57.

**Nội dung:** Bài viết trình bày và xác định những chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời kỳ đại dịch covid 19.

**Từ khóa:** Chi phí hợp lý, thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán, doanh nghiệp

**31. Chi phí môi trường trong kế toán quản trị môi trường tại doanh nghiệp**/ Dương Thị Thanh Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 114-116.

**Nội dung**: Trình bày một số kỹ thuật sử dụng trong kế toán quản trị môi trường; Nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất tại TP. Đà Nẵng; Vận dụng kế toán quản trị môi trường trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại TP. Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Chi phí môi trường, kế toán quản trị môi trường, tài chính doanh nghiệp

**32. Chi phí tuân thủ và giải pháp cắt giảm chi phí tuân thủ thuế ở Việt Nam**/ Nguyễn Đăng Khoa// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.45 - 47.

**Nội dung:** Chi phí tuân thủ thuế là chi phí phải trả nhằm thực hiện các nghĩa vụ thuế. Chi phí này về mặt tự nhiên luôn có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của doanh nghiệp. Bài viết đưa ra các khái niệm cũng như cơ sở phát sinh của chi phí tuân thủ thuế và giải pháp để giảm bớt chi phí này tại Việt Nam

**Từ khoá:** Chi phí tuân thủ thuế, thuế, giải pháp

**33. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và lộ trình áp dụng tại Việt Nam**/ Nguyễn Khánh Thu Hằng/ Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.110 -112.

**Nội dung:** Kế toán không còn là vấn đề mang tính nội tại, riêng biệt của từng quốc gia trong xu hướng toàn cầu hoá về hợp tác và phát triển kinh tế. Nhằm đáp ứng yêu cầu đa dạng của doanh nghiệp, cũng như các nhà đầu tư, các quốc gia thường cho phép các doanh nghiệp lựa chọn Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc gia hoặc Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) khi lập và trình bày báo cáo tài chính. Ở Việt Nam, trên cơ sở thực tiễn, Bộ Tài chính đã ban hành Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính với những lộ trình cụ thể trong việc áp dụng toàn bộ hay từng phần có điều chỉnh phù hợp với thực tiễn nước ta.

**Từ khoá:** IFRS, báo cáo tài chính, kế toán, doanh nghiệp

**34. Chuẩn mực kế toán công quốc tế - những thách thức và kinh nghiệm khi áp dụng trên thế giới**/ Phạm Thị Minh Tuệ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Hệ thống Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS - International Public Sector Accounting Standard) là một tập hợp các chuẩn mực kế toán được ban hành, để sử dụng cho các đơn vị thuộc lĩnh vực công trên thế giới trong việc lập báo cáo tài chính (BCTC). Bài viết tổng hợp hệ thống IPSAS hiện nay, thực tế cùng những thách thức khi áp dụng IPSAS, kinh nghiệm đã áp dụng thành công, các giải pháp IPSAS, cho các quốc gia trên thế giới.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán công quốc tế, IPSAS, Kinh nghiệm

**35. Chức năng mới của kế toán trong tương lai**/ Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Nghề kế toán, giống như tất cả các ngành nghề, đều trải qua giai đoạn đánh giá, định vị lại vai chức năng trong tương lai trong bối cảnh mới của nền kinh tế kết quả của những thay đổi, biến động về thể chế kinh tế, về văn hóa, về phát triển khoa học - công nghệ và môi trường kinh tế - xã hội. Cần nhận thức cho đúng chức năng của kế toán, kiểm toán trong tương lai, trước những, biến động của các thể chế và sự phát triển của khoa học công nghệ. Hãy tìm giải pháp để tôn vinh giữ gìn kế toán là một nghề đáng được tôn trọng, đánh giá cao trong tương lai cho các thế hệ mai sau.

**Từ khoá**: Kế toán, Kiểm toán, Chức năng kế toán, Chuyên gia kế toán

**36. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán**/ Nguyên Thanh Tùng, Phan Thanh Hải, Hồ Văn Nhàn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 61-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu về giá trị hợp lý trong kế toán và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng giá trị hợp lý đã được nhiều tác giả thực hiện, từ trước đến nay. Tuy nhiên, dưới góc độ nhận thức của nhà quản lý, các kế toán viên hiện đang công tác trong các doanh nghiệp tại Việt Nam, các nghiên cứu dạng này chưa thực sự nhiều. Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở khảo cứu các nghiên cứu có liên quan, phân tích, đánh giá và nhận định, để rút ra cơ sở lý thuyết giải thích cho giá trị hợp lý trong kế toán và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị hợp lý. Bài viết cũng đề xuất mô hình nghiên cứu lý thuyết và các giả thuyết về vấn đề này, cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

**Từ khoá:** Giá trị hợp lý, Nhận thức áp dụng, Nhận thức của kế toán, Mô hình nghiên cứu lý thuyết

**37. Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp**/ Nguyên Xuân Hưng, Đoàn Thị Thu Thủy, Từ Thanh Hoài, Vũ Hải Yến// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 42-48.

**Nội dung**: Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (TNXHDN) là một vấn đề đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp (DN) và các bên liên quan. Công bố thông tin TNXHDN là việc DN phải báo cáo về những hành động đem lại giá trị cho các bên liên quan và xã hội. Việc DN công bố thông tin về vấn đề môi trường cũng như đóng góp cho cộng đồng sẽ đem lại cho DN những lợi ích nhất định, gia tăng lợi thế cạnh tranh và hướng đến sự phát triển bền vững. Đứng trước yêu cầu công bố thông tin TNXHDN ngày càng tăng từ các bên liên quan và cộng đồng quốc tế cũng như nhu cầu hội tụ báo cáo toàn cầu, các DN tại Việt Nam cần xây dựng các chính sách cũng như thực hiện hoạt động TNXHDN phù hợp với thông lệ chung. Vì vậy, những hoạt động thuộc về TNXHDN cũng như công bố thông tin TNXHDN ngày càng trở nên quan trọng và đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao giá trị DN. Những điều trên đã làm cho hoạt động công bố thông tin TNXHDN của các DN tại Việt Nam cần được quan tâm nhiều hơn nữa. Trên cơ sở này, nhóm tác giả tiến hành lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới và Việt Nam về các tiền tố và hậu tố của công bố thông tin TNXHDN. Lược khảo nghiên cứu cung cấp cho người đọc những thông tin sơ lược và thiết yếu về công bố thông tin TNXHDN. Đỗng thời, lược khảo nghiên cứu cho thấy các yếu tố bên trong DN (hội đồng quản trị, chiến lược, quyền lực,...) và các yếu tố bên ngoài DN (quyền lực và lợi ích của bên liên quan, thông lệ về công bố TNXHDN, người tiêu dùng, môi trường pháp lý và thể chế,...) có những tác động khác nhau đến công bố thông tin TNXHDN. Bên cạnh đó, chi phí vốn chủ sở hữu, hiệu quả hoạt động và quyết định của các bên liên quan cũng chịu sự ảnh hưởng đáng kể bởi thông tin TNXHDN mà đơn vị đã cung cấp. Do đó, DN cần đảm bảo cung cấp thông tin TNXHDN đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm thực thi trách nhiệm đối với các bên liên quan cũng như hướng đến hội nhập và phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, Doanh nghiệp, Lược khảo

**38. Cơ hội, thách thức, giải pháp và điều kiện để triển khai thực hiện, phát triển kiểm toán tuân thủ ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế/** Lê Thị Thanh Hằng// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 118 - 119.

**Nội dung:** Với mục đích của kiểm toán tuân thủ là nhằm đánh giá xem đơn vị được kiểm toán có chấp hành tuân thủ các quy định mà các cơ quan có thẩm quyền cấp trên hoặc cơ quan chức năng của Nhà nước hoặc cơ quan chuyên môn đề ra hay không, kết hợp với thực tiễn khi tiến hành kiểm toán tuân thủ thường kết hợp với các cuộc kiểm toán khác nên kiểm toán tuân thủ thực sự cần thiết khi Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa:** Kiểm toán tuân thủ, Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế

**39. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường kiểm soát chi thường xuyên tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi**/ Đặng Quốc Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 123-126.

**Nội dung**: Môi trường kiểm soát là nền tảng cho tất cả các yếu tố khác trong hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động tạo lập nề nếp kỷ cương, đạo đức, cơ cấu tổ chức. Nếu thiếu một môi trường kiểm soát hiệu quả thì các thành phần còn lại dù có chất lượng cũng sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả của kiểm soát nội bộ, ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Kho bạc Nhà nước, trong đó có kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Bài viết này, đánh giá môi trường kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động này.

**Từ khoá**: Môi trường kiểm soát, kho bạc nhà nước, chi thường xuyên

**40. Đánh giá hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Hồ Thị Vinh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Ở nước ta, đơn vị sự nghiệp công lập giữ vai trò chủ đạo, vị trí then chốt trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Thông tin báo cáo tài chính giúp cho việc đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Các thông tin này luôn được yêu cầu phải minh bạch, hữu ích và giúp xác định được giá trị đơn vị.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Đơn vị sự nghiệp công lập, Chế độ kế toán hành chính

**41. Đào tạo về IFRS 15 trong trường đại học, cao đẳng: Trở ngại và giải pháp**/ Nguyễn Ngọc Tiến, Đào Nhật Minh, Lê Trần Hạnh Phương, Nguyễn Thị Lệ Hằng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Theo lộ trình áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của Bộ Tài chính, từ nay đến năm 2024, sẽ là giai đoạn chuẩn bị về đào tạo nhân lực, quy trình triển khai và các công việc khác cho việc áp dụng. Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm so sánh Chuẩn mực IFRS 15 về doanh thu từ hợp đồng với khách hàng với Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) 14 về doanh thu và thu nhập khác. Chỉ ra những khó khăn, trở ngại khi triển khai đào tạo về IFRS 15 ở các trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam. Qua đó, tác giả đề xuất một số định hướng và giải pháp.

**Từ khoá**: IFRS 15, VAS 14, Giảng dạy kế toán

**42. Doanh nghiệp tinh gọn và hệ thống thông tin tinh gọn**/ Nguyễn Bích Ngọc// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Thuật ngữ Lean (tinh gọn) được sử dụng lần đầu tiên bời Womack, Jones và Roos để mô tả hệ thống sản xuất của Toyota. Tinh gọn ở đây không chỉ đơn giản là cắt giảm chi phí mà còn hơn thế nữa. Vào đầu thế kỷ 20, các nhà sản xuất xe hơi của Mỹ như Ford và General Motors đã phát triển hệ thống nhà sản xuất hàng loạt. Điều này cho phép các nhà sản xuất ô tô sản xuất hàng nghìn chiếc xe giống hệt nhau, sử dụng các bộ phận và linh kiện tiêu huấn hóa. Dây chuyền sản xuất chuyển động ra đời, nơi thùng xe di chuyển dọc theo băng chuyền và ở mỗi công đoạn, công nhân nhà máy thêm các thành phần vào cho đến khi thành phẩm ra khỏi dây chuyền sản xuất. Hiệu quả kinh tế theo quy mô, đồng nghĩa với việc ô tô trở nên hợp túi tiền hơn nhiều đối với các gia đình có thu nhập mức thu nhập trung bình. Năm 1950, Eiji Toyoda, một kỹ sư và là thành viên của gia đình thành lập Công ty Toyota, đến thăm nhà máy Ford Rouge ở Detroit. Ông đã nghiên cứu kỹ các kỹ thuật sản xuất đang được sử dụng tại Ford và khi trở về Nhật Bản, ông đã thảo luận với giám đốc sản xuất Taiichi Ohno. Hai người đi đến kết luận rằng, không thể sao chép trực tiếp các phương pháp sử dụng tại Ford cho Toyota. Trong những năm qua, họ đã thực hiện một số đổi mới trong phương pháp sản xuất và ngày nay chúng ta gọi là phương pháp sản xuất tinh gọn. Bài viết này nhằm mục đích, làm rõ những đặc điểm của phương pháp sản xuất tinh gọn so với phương pháp sản xuất truyền thống và những lưu ý khi áp dụng phương pháp luận tinh gọn vào hệ thống thông tin doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Tinh gọn, Hệ thống thông tin, Sản xuất hàng loạt

**43. Đổi mới chương trình đào tạo kế toán công ở Việt Nam**/ Lê Hoàng Phương, Nguyễn Thị Thu Hoàn// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu được triển khai dựa trên phương pháp lý thuyết nền tảng, kết hợp phương pháp khảo sát với các công cụ phân tích thống kê mô tả, để đánh giá tổng quan về công tác đào tạo kế toán công tại các trường đại học. Trên cơ sở thực trạng chương trình đào tạo kế toán công của một số trường đại học ở Việt Nam và nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán công trong giai đoạn hiện nay, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp đổi mới về chương trình đào tạo kế toán công nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý tài chính ngân sách nhà nước.

**Từ khoá:** Kế toán công, đào tạo kế toán, khu vực công

**44. Đổi mới đào tạo kế toán quản trị trong thời đại số**/ Đặng Thị Huyền Hương// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 23-26.

**Nội dung:** Bài viết phân tích bốn giai đoạn phát triển của phương pháp kế toán quản trị (Management Accounting Practices -MAPs) và thực trạng đào tạo các phương pháp này tại trường đại học của Việt Nam. Trên cơ sở các đánh giá thực tế, tác giả khuyến nghị các trường đại học có chuyên ngành kế toán cân nhắc đưa các nội dung MAPs hiện đại vào giảng dạy nhằm tăng cường năng lực của người học sau khi tốt nghiệp, trong đó tập trung vào các MAPs liên quan đến quản trị chiến lược, tối đa hoá chi phí và tăng giá cho doanh nghiệp.

**Từ khoá**: MAPs, Phương pháp kế toán quản trị, Kế toán quản trị truyền thống

**45. Ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến quá trình thành lập doanh nghiệp: Góc nhìn từ kế toán và pháp lý**/ Trần Kỳ Hân, Nguyễn Thị Lệ Hằng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Điều 18 Luật Doanh nghiệp (2020), cho phép người thành lập doanh nghiệp được ký hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng này sẽ làm phát sinh các khoản chi phí, trước khi doanh nghiệp được thành lập. Theo đó, các khoản chi phí liên quan đến quá trình thành lập doanh nghiệp nên cần phải ghi nhận trên phương diện kế toán, khi doanh nghiệp đã được cấp phép và đi vào hoạt động. Bài viết này tập trung bàn về các quy định hiện hành về ghi nhận các khoản chi phí phát sinh từ các hợp đồng này và cách thức hạch toán, phân bổ các chi phí này trên phương diện kế toán. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất một số khuyến nghị cho các doanh nghiệp và cơ quan pháp luật trong việc hoàn thiện các thể chế liên quan.

**Từ khoá**: Hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp, Hạch toán chi phí thành lập doanh nghiệp, Phân bổ chi phí thành lập doanh nghiệp

**46. Ghi nhận Tài sản cố định vô hình theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam**/ Phan Thị Anh Đào// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Chuẩn mực kế toán Việt Nam về tài sản cố định (TSCĐ) vô hình (VAS 04) được ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2002. Mục đích của chuẩn mực này là, quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán TSCĐ vô hình. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân biệt TSCĐ vô hình với các nguồn lực vô hình và khi nào thi được ghi nhận (hay không ghi nhận) TSCĐ vô hình. Trường hợp ghi nhận TSCĐ vô hình, thì việc xác định giá trị ban đầu và sau ghi nhận ban đầu như thế nào.

**Từ khoá**: Tài sản cố định, Tài sản cố định vô hình, Chuẩn mực kế toán

**47. Giải pháp áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào Việt Nam**/ GS.TS. Nguyễn Đình Đỗ// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến quá trình hình thành hệ thống khuôn khổ pháp lý của kế toán Việt Nam và sự cần thiết của việc hoàn thiện hệ thống để đưa ra các giải pháp áp dụng IFRS vào Việt Nam đáp ứng yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông lệ quốc tế.

**Từ khoá**: Áp dụng IFRS, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam; giải pháp áp dụng

**48. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy luyện gang**/ Nguyễn Thị Sâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.91 - 93.

**Nội dung:** Ngày nay xu thế hội nhập khu vực và trên thế giới ngày càng sâu rộng, để có thể tồn tại, cạnh tranh và phát triển trong nền kinh tế thị trường nhiều khó khăn đòi hỏi các doanh nghiệp phải có tầm nhìn chiến lược. Muốn vậy, ngoài việc nắm bắt tốt nhu cầu thị trường, các doanh nghiệp cần phải tìm cách nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Để có được các quyết định đúng đắn đòi hỏi hệ thống kế toán của doanh nghiệp phải vận hành thực sự hiệu quả, chính xác, kịp thời. Thông tin do kế toán cung cấp là bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống thông tin kinh tế của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Kinh tế thị trường, doanh nghiệp, hệ thống kế toán

**49. Giảm thiểu rủi ro kiểm toán trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Thị Diệu Thúy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 101-114.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 bùng phát, đã ảnh hưởng vô cùng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặt ra cho nền kinh tế nói chung và cho các công ty kiểm toán nói riêng, nhiều vấn đề cần phải được giải quyết. Nghiên cứu tác động của đại dịch Covid-19 trong quá trình kiểm toán dưới nhiều góc độ khác nhau của mô hình kiểm toán, giúp kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra được những giải pháp hữu ích nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán, giảm thiểu rủi ro kiểm toán.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, Giảm thiểu rủi ro kiểm toán, Mô hình kiểm toán

**50. Gian lận hoá đơn trong thương mại quốc tế ở Việt Nam**/ Đoàn Ngọc Thắng, Nguyễn Thị Diệu Linh, Nguyễn Thị Huyền Trang// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 34-44.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu thực trạng gian lận hoá đơn trong thương mại quốc tế ở Việt Nam và xác định các nhân tố chính tác động tới gian lận thương mại. Gian lận hóa đơn được thực hiện qua việc khai sai giá trị hàng xuất khẩu và nhập khẩu nhằm chuyển vốn phi pháp giữa các nước. Nhóm tác giả sử dụng số liệu mảng về xuất nhập khẩu của Việt Nam theo mã HS2 từ năm 2000 - 2017 để đo lường gian lận hoá đơn, sau đó sử dụng phương pháp hồi quy để ước lược tác động của các nhân tố tới gian lận hoá đơn của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy khi lãi suất và tính ổn định chính trị ở quốc gia đối tác càng cao thì càng làm tăng gian lận khai thiếu hoá đơn xuất khẩu. Trong khi đó, thặng dư cán cân vãng lai và tỷ giá có tác động cùng chiều tới gian lận khai thừa hoá đơn nhập khẩu, nhưng các nhân tố về lạm phát, lãi suất và tính ổn định chính trị ở quốc gia đối tác của Việt Nam lại làm giảm gian lận thông qua khai báo hoá đơn nhập khẩu. Những kết quả nghiên cứu này có hàm ý chính sách quan trọng trong việc định vị và định hướng chính sách của chính phủ nhằm kiểm soát và ngăn chặn kịp thời gian lận hóa đơn xuất nhập khẩu.

**Từ khoá**: Gian lận hoá đơn, xuất khẩu, nhập khẩu

**51. Hạch toán hoa hồng đại lý: thực trạng và và một số kiến nghị hoàn thiện**/ Đào Thị Đài Trang// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.95 - 97.

**Nội dung:** Đại lý thương mại là hoạt động trung gian mua hộ, bán hộ để hưởng thù lao. Với các lợi ích mang lại cả cho bên giao đại lý và bên nhận đại lý nên hình thức bán hàng này ngày càng trở nên phổ biến.Tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hướng dẫn cách hạch toán hoa hồng đại lý cho cả bên giao và bên nhận, tuy nhiên, trong thực tế không ít doanh nghiệp hạch toán chưa thống nhất. Bài viết tìm hiểu cách thức hạch toán hoa hồng đại lý bán đúng giá, thực trạng hạch toán của các doanh nghiệp giao, nhận đại lý và đề xuất ý kiến để hoàn thiện công tác này.

**Từ khoá:** Đại lý bán hàng, giao đại lý, hoa hồng đại lý, nhận đại lý.

**52. Hệ thống biên nhận kho điện tử cho ngành hàng nông sản: kinh nghiệm thế giới và gợi ý cho Việt Nam**/ Vũ Thị Thùy Linh, Lê Thị Thu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.109 - 111.

**Nội dung:** Ở nhiều quốc gia, hệ thống kho cho phép nông dân lưu trữ sản phẩm sau khi thu hoạch, cấp giấy biên nhận kho và sử dụng giấy này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dựa trên giá trị thị trường của hàng hóa của họ, do đó tạo ra các quỹ để trang trải chi phí ngay lập tức và giúp chuẩn bị cho vụ mùa tiếp theo, đảm bảo tài chính, nông dân có thể chờ giá thị trường cải thiện trước khi bán sản phẩm của họ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cần xây dựng hệ thống kho nhận lưu trữ nông sản sau thu hoạch và hệ thống biên nhận nông sản được chấp nhận và có khả năng giao dịch bất chấp khoảng cách địa lý. Do đó nếu xây dựng được hệ thống biên nhận kho điện tử phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường vay thế chấp bằng nông sản lưu trữ trong các kho lưu trữ.

**Từ khoá:** Hệ thống biên nhận, kho điện tử, nông sản, thuế thu nhập cá nhân

**53. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các cửa hàng xăng dầu tỉnh Cà Mau**/ Lê Đức Thắng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 75-80.

**Nội dung**: Hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) đóng vai trò to lớn trong việc giảm bớt nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong quản lý quỹ ngân sách, bảo vệ tài sản khỏi bị hư hỏng, mất mát, hao hụt, gian lận, lừa gạt, trộm cắp. Bên cạnh đó, HTKSNB đàm bảo mọi cán bộ công nhân viên tuân thủ nội quy, quy chế của ngành xăng dầu cũng như các quy định của pháp luật nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Bằng việc sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng, tác giả thực hiện nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB, tại các cửa hàng xăng dầu tỉnh Cà Mau. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có năm nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại các cửa hàng xăng dầu tỉnh Cà Mau theo thứ tự giảm dần như sau: Hoạt động giám sát, hoạt động kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông và môi trường kiểm soát. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao tính hữu hiệu HTKSNB tại các cửa hàng xăng dầu tỉnh Cà Mau phù hợp với các nguyên tắc của COSO 2013 và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, kinh doanh xăng dầu, Tính hữu hiệu

**54. Hoàn thiện kiểm soát nội bộ báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT/** Hoàng Thanh Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 82-84.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ (KSNB) là toàn bộ các chính sách và thủ tục của đơn vị nhằm bảo vệ tài sản của đơn vị, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý, đảm bảo việc lập báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo hiệu năng của các hoạt động. KSNB càng có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo quyết toán nói riêng và các đơn vị thi công công trình cầu đường bộ nói chung. Với ý nghĩa đó, bài viết trình bày những nội dung của KSNB đối với báo cáo quyết toán (BCQT) vốn đầu tư của chủ đầu tư theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT). Trên cơ sở đánh giá hạn chế và tìm ra các nguyên nhân, tác giả kiến nghị một số giải pháp để hoàn thiện hoạt động kiểm soát nội bộ đối với BCQT vốn đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT.

**Từ khoá**: Báo cáo quyết toán, kiểm soát nội bộ, quyết toán vốn đầu tư

**55. Hoàn thiện phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà Nước**/ Đoàn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Hương, Hoàng Thiên Long// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 48 – 51.

**Nội dung:** Bài viết phân tích phương pháp định giá hiện hành, từ đó đề xuất giải pháp nhằm xây dựng phương pháp định giá riêng đối với nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

**Từ khóa:** Phương pháp, định giá, dịch vụ sự nghiệp công, ngân sách nhà nước

**56. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các trường đại học công lập trên bàn Hà Nội**/ Nguyễn Văn Hải, Vũ Thế Vinh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Hiện nay, các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội hoạt động bằng nguồn kinh phí của Nhà nước cấp hoặc bằng các nguồn kinh phí khác như: Thu sự nghiệp, phí, lệ phí hay viện trợ không hoàn lại. Để quản lý và chủ động trong các khoản chi tiêu hàng năm các trường đại học đều phải lập dự toán cho từng khoản chi tiêu này. ậy nên, việc tổ chức hạch toán ban đầu, phân công nhiệm vụ cho từng kế toán trong các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội sẽ là cơ sở để các trường đại học tiết kiệm chi phí, quản lý tài sản hiệu quả. Trước yêu cầu đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán trong các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội.

**Từ khoá:** Tổ chức công tác kế toán, trường Đại học công lập

**57. Hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan**/ Trần Vũ Minh// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.56- 59.

**Nội dung:** Kiểm tra sau thông quan là nghiệp vụ quan trọng của cơ quan Hải quan. Kiểm tra sau thông quan sử dụng nhiều công cụ hỗ trợ như kế toán, kiểm toán, điều tra, xử lý vi phạm, công cụ toán kinh tế. Bài viết này làm rõ sự khác biệt giữa kiểm tra sau thông quan và kiểm toán, từ đó xem xét hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan, với tư cách là công cụ hỗ trợ chủ yếu. Sử dụng lý thuyết mô hình kinh tế để xây dựng một mô hình kiểm tra sau thông quan tổng quát, bài viết cũng khảo sát hoạt động kiểm toán, đề xuất các giải pháp ứng dụng kỹ thuật kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan.

**Từ khoá:** Kiểm toán, kiểm tra sau thông quan, cơ quan Hải quan.

**58. Kế toán bất động sản ở Mỹ, Trung Quốc và kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam/** Nguyễn Thị Tấm// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Chuẩn mực kế toán, các hướng dẫn kế toán bất động sản của Việt Nam hiện nay chưa hội tụ, tiệm cận quy định quốc tế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát sinh từ thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Bài viết nghiên cứu kế toán bất động sản ở Mỹ và Trung Quốc, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán, bất động sản, chuẩn mực kế toán, doanh nghiệp

**59. Kế toán chi phí hoạt động trong doanh nghiệp và một số đề xuất/** Lê Thị Thúy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580 .- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về kế toán chi phí hoạt động, đưa ra một số đề xuất đối với nhà quản trị về vận dụng kế toán chi phí hoạt động tại các doanh nghiệp hiện nay.

**Từ khóa:** Kế toán chi phí hoạt động, doanh nghiệp

**60. Kế toán cổ phiếu phát hành cho người lao động theo IFRS 2 và thực tiễn tại Việt Nam**/ Vũ Quang Trọng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 98-102.

**Nội dung**: Tác giả nghiên cứu thực tế kế toán và trình bày thông tin kế toán cổ phiếu thường phát hành cho người lao động (ESOP) tại một số doanh nghiệp niêm yết trong danh mục VN30 và đưa những kiến nghị, nhằm tăng cường sự hội tụ với chuẩn mực kế toán quốc tế. Đảm bảo thông tin từ các giao dịch phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được trình bày đầy đủ và trung thực hơn, giúp người sử dụng thông tin hiểu rõ hơn bản chất của các giao dịch.

**Từ khoá**: IFRS 2, Kế toán cổ phiếu, Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu, ESOP, Cổ phiếu phát hành cho người lao động

**61. Kế toán quản trị chi phí, doanh thu trong doanh nghiệp xây dựng**/ Nguyễn Thị Nhinh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 109-114.

**Nội dung**: Bài viết trình bày ý nghĩa của kế toán quản trị chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh đối với quản trị doanh nghiệp, cũng như mục tiêu và yêu cầu thông tin kế toán quản trị chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị trong doanh nghiệp xây dựng.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xây dựng, Kế toán quản trị, Chi phí, Doanh thu, Kết quả kinh doanh

**62. Kế toán quản trị môi trường ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/Đào Thị Hiền//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 74 – 76.

**Nội dung:** Bài viết phản ánh thực trạng áp dụng kế toán quản trị môi trường hiện nay ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh kế toán quản trị môi trường hướng đến phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị môi trường, Việt Nam

**63. Kế toán quản trị môi trường trong doanh nghiệp sản xuất Việt Nam: Sự tương đồng và hạn chế so với thế giới**/ Nguyễn Đăng Học, Hoàng Thị Mai Anh, Trần Minh Huệ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 90-94.

**Nội dung**: Bài viết này hệ thống hóa sự hình thành và phát triển của kế toán quản trị môi trường và thực trạng kế toán quản trị môi trường, tại một số quốc gia phát triển trên thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đã chỉ ra những điểm tương đồng về thực hành kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam, với các quốc gia trên thế giới.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị môi trường, Chi phí môi trường, Doanh nghiệp

**64. Kế toán tài sản cố định, khoảng cách giữa chuẩn mực quốc tế và chuẩn mực Việt Nam**/ Hồ Xuân Thủy, Lê Hữu Tuấn Anh, Phạm Nhật Quyên, Phạm Thị Kim Loan, Võ Sông Ngân Hà// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào phân tích sự khác biệt cơ bản giữa IAS 16- Chuẩn mực kế toán quốc tế về tài sản cố định hữu hình và VAS 03 - Chuẩn mực kế toán Việt Nam về tài sản cố định hữu hình. Bài viết đưa ra những hạn chế của VAS 03 khi áp dụng trong thực tiễn hiện nay cũng như khi so sánh với IAS 16 và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong việc vận dụng IAS 16 tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số kiến nghị cấn quan tâm về việc hoàn thiện VAS 03 theo hướng phù hợp hơn với IAS 16 đối với việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Áp dụng IFRS, Giá trị hợp lý, IAS 16, Tài sản cố định hữu hình, VAS 03

**65. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp**/ Lê Hồng Kỳ// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 108-110.

**Nội dung**: Hiện nay, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về những thuận lợi và khó khăn trong công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của các công ty hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Công tác kế toán, tiền lương, khoản trích theo lương

**66. Kế toán tinh gọn - giải pháp về kế toán cho doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid - 19**/ Bùi Thị Thanh Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 53-55.

**Nội dung:** Đại dịch toàn cầu Covid - 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, làm hoạt động kinh doanh bị thu hẹp, chuỗi cung ứng cạn kiệt và nhu cầu bị suy giảm. Những rủi ro này có thể nhanh chóng dẫn đến rủi ro thanh khoản, áp lực đối với các giao ước, yêu cầu tái cấp vốn và gia tăng rủi ro, của bên thứ ba. Các doanh nghiệp phải thực hiện những thay đổi to lớn, để phản ứng lại với những thách thức trong tình hình này. Bài viết đề xuất mô hình kế toán tinh gọn, như là một giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam trong và sau đại dịch.

**Từ khoá**: Kế toán, Kế toán tinh gọn, Sản xuất tinh gọn

**67. Kế toán trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp xây dựng ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Vân Anh, Vũ Thị Thanh Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Doanh nghiệp và xã hội là các thực thể có mối quan hệ hai chiều, mật thiết với nhau. Doanh nghiệp nhận các lợi ích từ xã hội, được xã hội tạo các điều kiện cần thiết để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó cần thực hiện các trách nhiệm đối với xã hội. Đây là thuật ngữ phổ biến trên thế giới, tuy nhiên vẫn còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam. Thực hiện báo cáo phát triển bền vững và kế toán trách nhiệm xã hội đã trở thành xu hướng đang được khuyến khích tại các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây dựng nói riêng… Bài viết trình bày một số nội dung tổng quan về kế toán trách nhiệm xã hội, sự cần thiết phải thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội cũng như gợi ý một số nội dung trong thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp xây dựng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp xây dựng

**68. Kế toán, công cụ hỗ trợ định giá nguồn nhân lực**/ Đinh Thị Kim Xuyến, Nguyễn Ánh Hồng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Nguồn nhân lực là tài sản đặc biệt quan trọng của một doanh nghiệp. Việc định giá nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế do quan niệm của kế toán truyền thống, tất cả các chi phí hình thành vốn nhân lực được coi là một khoản phí trừ vào doanh thu trong kỳ, vì nó không tạo ra bất kỳ tài sản vật chất nào. Tuy nhiên, quan điểm này dần đã được thay đổi với việc định giá nguồn nhân lực, thông qua các phương pháp kế toán nguồn nhân lực.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, Kế toán nguồn nhân lực, Công cụ định giá

**69. Kế toán, Kiểm toán trong cuộc chiến chống tham nhũng giữa đại dịch Covid-19**/ Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 2-4.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã diễn ra hơn một năm, vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường. Tất cả các Chính phủ đang rút ra bài học từ cuộc khủng hoảng này và nhu cầu hành động nhanh chóng đã đặt ra thách thức cho tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, hầu hết các Chính phủ sẽ sớm phải đối mặt với những thách thức không thể tránh khỏi xung quanh vấn đề tài chính khu vực công trong và sau cuộc khủng hoảng. Các Chính phủ rất cần chi tiêu nhiều hơn để cứu mạng sống và cứu sinh kế cho nhân dân. nhưng khi chi tiêu cần đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Chính phủ, hạn chế tối đa những gian lận.

**Từ khoá**: Covid-19, Phòng chống, Tham nhũng, Mua sắm công, Kế toán, Kiểm toán

**70. Khám phá chất lượng xét đoán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Khánh Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Các kiểm toán viên (KTV) hình thành các xét đoán quan trọng và kết quả xét đoán của họ ảnh hưởng đến nhiều bên có liên quan. Tuy nhiên, các KTV này phải đối mặt với một thách thức quan trọng: họ cần phải đưa ra những xét đoán, dựa trên những thông tin không chắc chắn và khó đoàn trước. Bài viết này khám phá một ví dụ nhỏ về việc các KTV có khả năng đưa ra các xét đoán chưa chinh xác, và không phải tất cả các xét đoản đều được chứng minh đầy đủ bằng bằng chứng.

**Từ khoá**: Chất lượng xét đoán, Xét đoán chuyên nghiệp, Xét đoán kiểm toán, Kiểm toán báo cáo tài chính

**71. Kiểm soát nội bộ đối với báo cáo quyết toán vốn đầu tư trong trường hợp chủ đầu tư là đơn vị theo hợp đồng BOT**/ Hoàng Thanh Hạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Bài báo trình bày về những nội dung của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo quyết toán vốn đầu tư của chủ đầu tư theo hợp đồng BOT. Sau đó đánh giá hạn chế và tìm hiểu nguyên nhân. Cuối cùng tác giả đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với báo cáo quyết toán vốn đầu tư của chủ đầu tư theo hợp đồng BOT.

**Từ khóa**: Kiểm soát nội bộ, vốn đầu tư

**72. Kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp**/ Nguyễn Quang Cúc Hòa, Trần Thị Lan Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 31 – 33.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra các nội dung liên quan đến kiểm soát nội bộ theo khung kiểm soát COSO 2013, hiệu quả hoạt động thông qua các tiêu chí cũng như mối quan hệ giữa kiểm soát nội bộ với hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp nhằm làm cơ sở cho các doanh nghiệp thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ để đạt được mục tiêu kiểm soát cũng như hiệu quả hoạt động.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp

**73. Khoảng cách giữa quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ quỹ tín dụng nhân dân và thông lệ quốc tế**/ Nguyễn Minh Phương// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Khung khổ lý thuyết về kiểm soát nội bộ (KSNB) đã được COSO, IIA, BIS phát triển và nhiều tổ chức quốc tế ứng dụng ở các lĩnh vực khác nhau, trong đó có tổ chức tài chính. Các khung khổ lý thuyết bao gồm mô hình hệ thống KSNB với 5 cấu phần (COSO) hay mô hình ba tuyến, bốn tuyến bảo vệ nhằm thiết kế các tầng lớp phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp một cách khoa học, hợp lý (IIA, BIS). Hướng đến xây dựng, hoàn thiện những quy định về hệ thống KSNB đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ngoài việc đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành thì một trong những giải pháp quan trọng là xem xét, lĩnh hội khung khổ lý thuyết mà thông lệ quốc tế đã xây dựng, áp dụng và được kiểm chứng.

**Từ khoá**: Hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ, Quỹ tín dụng nhân dân

**74. Kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc áp dụng IFRS của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 114-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, dựa trên dữ liệu khảo sát quy mô mẫu 489 doanh nghiệp. Các phương pháp kiểm định gồm Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có 7 nhân tố tác động đến việc áp dụng IFRS của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết Việt Nam, trong đó 05 nhân tố tác động thuận chiều gồm thái độ nhà quản trị, hội nhập kinh tế, năng lực kế toán viên, quy mô doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và 02 nhân tố tác động ngược chiều gồm hệ thống pháp luật, chi phí.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, Áp dụng, Doanh nghiệp phi tài chính niêm yết

**75. Kiểm toán báo cáo trách nhiệm xã hội đòi hỏi cấp thiết thực tiễn**/ Lê Thị Thanh Nhật, Hoàng Ý Duyên// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Nhằm nghiên cứu sự cần thiết của hoạt động kiểm toán hoặc dịch vụ bảo đảm cho báo cáo trách nhiệm xã hội (TNXH) bằng cách tổng quan các nghiên cứu có liên quan và thực trạng về hoạt động này trên thế giới, đồng thời xem xét về thực trạng của Việt Nam. Sau khi tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và nhà nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số định hướng cho hoạt động này ở Việt Nam, trọng thời gian tới.

**Từ khoá**: Báo cáo trách nhiệm xã hội, Công bố thông tin trách nhiệm xã hội, Kiểm toán, Dịch vụ bảo đảm, Dịch vụ kiểm toán hoặc bảo đảm cho báo cáo trách nhiệm xã hội

**76. Kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán và một số quy định đáng chú ý**/ Nguyễn Văn Hòa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trong những năm qua, với vai trò là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực kế toán, Bộ Tài chính đã tích cực triển khai hoạt động kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, hoạt động quản lý, công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ pháp luật về kế toán, kiểm toán chưa đạt hiệu quả cao. Cơ quan quản lý Nhà nước chưa nắm được đầy đủ, kịp thời các vướng mắc để có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xử lý, ngăn chặn các vi phạm. Trong bối cảnh đó, cần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán. Mới đây, nhằm tổ chức và thực hiện kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2021/TT-BTC hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

**Từ khoá:** Dịch vụ kế toán, Kiếm tra, Doanh nghiệp, Luật kế toán

**77. Kinh nghiệm thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước**/ Đinh Doãn Cường// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa và phát hiện gian lận trong các doanh nghiệp, do vậy, các quốc gia đều quan tâm, có cơ chế thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, mỗi nước thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ riêng phù hợp với hành lang pháp lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước ở một số quốc gia.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế - xã hội

**78. Lợi ích và trở ngại khi áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế của các quốc gia**/ Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 56-60.

**Nội dung**: Hơn 140 quốc gia đại diện trên toàn cầu đã áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế (1AS/IFRS), trong đó có nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á. Xu hướng và cách thức áp dụng IAS/IFRS của các quốc gia cũng khác nhau. Có những quốc gia áp dụng toàn bộ cho các doanh nghiệp, có những quốc gia chi áp dụng cho những công ty đại chủng, có những quốc gia chỉ yêu cầu áp dụng, có những quốc gia đang trong quá trình lựa chọn. Lợi ích của việc áp dụng IAS/IFRS tại các quốc gia cũng rất nhiều, nhưng áp dụng hệ thống này thực sự cũng là một thách thức cho các quốc gia. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả hệ thống những lợi ích và thách thức khi áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại các quốc gia.

**Từ khoá**: IAS/IFRS, Lợi ích, Trở ngại

**79. Lựa chọn phương án trả lương trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự phù hợp với chi phí và các khoản bảo hiểm bắt buộc/**Trần Cẩm Vân, Nguyễn Thị Xuân//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 96- 98.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến cơ sở lý thuyết về tiền lương, mối quan hệ giữa tiền lương, chi phí, và các khoản bảo hiểm xã hội và một số phương án trả lương trong đơn vị sử dụng lao động.

**Từ khóa:** Tiền lương, bảo hiểm bắt buộc, doanh nghiệp

**80. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp**/ Chu, Thị Huyền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Kế toán trách nhiệm (KTTN) là một công cụ quản lý hiện đại giúp doanh nghiệp (DN) thực hiện việc kiểm soát trên cả góc độ tài chính và chiến lược, tăng cường sự phát triển bền vững cho các DN trong giai đoạn hội nhập. Tuy nhiên, việc áp dụng KTTN trong DN phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố cả bên trong lẫn bên ngoài DN. Qua tổng hợp các nghiên cứu và các lý thuyết liên quan, các tác giả đã đề xuất mô hình cho các nghiên cứu thực nghiệm về các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng KTTN trong các DN ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, Nhân tố ảnh hưởng, Doanh nghiệp

**81. Mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên mức độ hoạt động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định**/ Lê Văn Tân, Trần Thị Yến// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 64-69.

**Nội dung**: Phương pháp kế toán chi phí dựa trên mức độ hoạt động (ABC - Activity Based Costing) là một phương pháp đo lường chi phí và hiệu suất hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả trong doanh nghiệp. Dựa vào các thông tin do phương pháp ABC cung cấp, sẽ giúp nhà quản trị xác định được giá thành và giá bán sản phẩm chính xác hơn phương pháp kế toán chi phí truyền thống. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tại Bình Định, các doanh nghiệp đã bước đầu quan tâm đến việc triển khai công cụ này trong công tác quản lý. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp ABC còn nhiều lúng túng và nguyên nhân nhà quản trị chưa nhận diện được các nhân tố tác động đến việc vận dụng phương pháp ABC. Bằng việc tổng quan các nghiên cứu liên quan kết hợp với phỏng vấn chuyên gia, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất về các nhân tố tác động đến việc vận dụng phương pháp ABC trong các doanh nghiệp tỉnh Bình Định, nhằm hỗ trợ nhà quản trị xác định được các yếu tố để áp dụng phương pháp này, trong công tác quản trị doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán chi phí, Nhân tố tác động, Vận dụng, Phương pháp ABC, Kế toán, Doanh nghiệp

**82. Môi trường pháp lý về kế toán cơ sở trình bày báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết**/ Mai Thị Hoa// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 99 – 101.

**Nội dung:** Báo cáo tài chính là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, phản ánh các thông tin kinh tế tài chính tổng hợp về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng để nhà đầu tư đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp và ra quyết định đầu tư. Tại Việt Nam, thị trường chứng khoán ngày càng phát triển, theo đó các quy định về pháp lý liên quan ngày càng được bổ sung hoàn thiện, đặc biệt là các quy định liên quan đến lập, trình bày và công bố thông tin trên báo cáo tài chính.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, báo cáo tài chính

**83. Mối quan hệ giữa các phương pháp kế toán**/ Đặng Xuân Định// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 71-72.

**Nội dung**: Trong chương trình giảng dạy môn Nguyên lý Kế toán và các môn Kế toán ở các trường đại học, việc bố trí nội dung và sắp xếp cơ cấu phần Các phương pháp kế toán có sự khác nhau. Nhiều trường vẫn cơ cấu sắp xếp nội dung giảng dạy Các phương pháp kế toán theo lối truyền thống, đó là phương pháp chứng từ trước, sau đó đến phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và sau cùng là phương pháp tổng hợp - cân đối. Một sở trường sắp xếp phương pháp tổng hợp - cân đối trước, sau đó đến phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản và sau cùng đến phương pháp tính giá,.... Bài viết trao đổi và đưa ra ý kiến về cấu trúc trong môn học Nguyên lý Kế toán sao cho hợp lý, phù hợp tính khoa học của môn học và tư duy nhận thức.

**Từ khoá**: Nguyên lý Kế toán, Phương pháp kế toán

**84. Mối quan hệ giữa công bố thông tin kế toán, trách nhiệm xã hội và danh tiếng doanh nghiệp**/ Từ Thanh Hoài, Nguyễn Phong Nguyên// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Thực tiễn cho thấy, việc công bố thông tin kế toán không đầy đủ và thiếu chính xác đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định của nhà đầu tư, thậm chí dẫn đến sự sụp đổ của một số tổ chức tài chính - ngân hàng hàng đầu thế giới, do vậy, các doanh nghiệp niêm yết phải thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin kế toán.

**Từ khóa**: thông tin kế toán, trách nhiệm xã hội, công bố thông tin, danh tiếng doanh nghiệp

**85. Mối quan hệ giữa phân cấp quản lý và kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp**/ Bùi Thị Mai Linh, Lại Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Phân cấp quản lý là phương pháp quản lý khoa học và được áp dụng phổ biến tại các doanh nghiệp. Sự phân cấp quản lý giúp giảm tải công việc cho nhà quản trị cấp trên, đồng thời tạo điều kiện cho các bộ phận cấp dưới được tự chủ hơn trong việc triển khai các công việc chuyên môn. Đây chính là sự trao quyền độc lập tương đối cho người đứng đầu các bộ phận chịu trách nhiệm trước tổ chức về công việc của bộ phận mình phụ trách. Theo đó, Nhà quản trị cấp trên, cần có cách thức để quản lý các bộ phận này một cách khoa học và phù hợp. Để đáp ứng yêu cầu này, kế toán trách nhiệm ra đời với chức năng cung cấp thông tin kinh tế - tài chính một cách cụ thể về thành quả đạt được của các bộ phận trong tổ chức. Tuy nhiên, kế toán trách nhiệm chỉ thực sự phát huy hiệu quả chức năng của mình khi doanh nghiệp có sự phân cấp một cách rô ràng, khoa học. Điều này khẳng định, mối quan hệ không thể tách rời giữa phân cấp quản lý và kế toán trách nhiệm trong các tổ chức nói chung và khối doanh nghiệp nói riêng.

**Từ khoá**: Phân cấp quản lý, Kế toán trách nhiệm

**86. Mối quan hệ của tính hữu hiệu kiểm soát nội bộ đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô ở Việt Nam**/Bùi Duy Thọ//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 60 – 62.

**Nội dung:** Bài viết tập trung giải quyết mối quan hệ giữa tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ và kết quả hoạt động của doanh nghiệp bằng cách ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính dựa trên bộ dữ liệu khảo sát từ 189 doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu khẳng định, tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ có tác động tích cực đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh dich vụ vận tải hành khách bằng ô tô ở Việt Nam, bao gồm cả kết quả tài chính và phi tài chính.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp vận tải hành khách, Việt Nam

**87. Mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả kiểm soát nội bộ/** Nguyễn Thị Phương Lan// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 591 .- Tr. 43 - 45.

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yêu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm soát nội bộ cho đến nay và gợi ý một số hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ

**88. Một số đặc điểm tạo nên sự khác biệt của kế toán quản trị chiến lược về kế toán quản trị truyền thống**/ Đỗ Thị Thu Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Xuất phát từ những thắc mắc kế toán quản trị chiến lược có phải là tiến bộ không hay chỉ là lớp vỏ mới của kế toán quản trị truyền thông, bài viết là sự tổng hợp, phân tích những đặc điểm vượt trội tạo nên sự ưu việt hơn của kế toán quản trị chiến lược về mặt thông tin hữu ích mà kế toán cung cấp trong bối cảnh nền kinh

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Kế toán quản trị chiến lược

**89. Một số giải pháp đề xuất về quá trình triển khai đào tạo chuẩn mực kế toán công Việt Nam**/ Mai Thị Hoàng Minh, Phạm Ọuang Huy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Kế toán công là một lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế, nhằm tạo lập, cung cấp thông tin kế toán cũng như tình hình tài chính của các đơn vị công mang tính minh bạch. Nếu như hệ thống kế toán này có thể áp dụng bộ chuẩn mực kế toán công vào quá trình thao tác trên thực tế thì sẽ giúp nâng cao tính hiệu lực trong việc sử dụng kinh phí hoạt động để đảm bảo những công việc, chức năng, nhiệm vụ do nhà nước giao phó. Thông qua việc rà soát các nghiên cứu có liên quan cùng với những nhận định về thực trạng hiện nay, bài viết đã rà soát được thực trạng về kế toán công tại Việt Nam cùng với 10 giải pháp chính liên quan đến quá trình triển khai và công tác đào tạo Chuẩn mực kế toán công Việt Nam, dự kiến ban hành trong thời gian tới.

**Từ khoá**: VPSAS, Kế toán công, Chuẩn mực kế toán, Đơn vị công, Khu vực công

**90. Một số vấn đề về khấu trừ thuế thu nhập cá nhân**/ Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Quốc Huy, Ngô Thị Thu Liên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.97 - 99.

**Nội dung:** Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập. Bài viết trao đổi về một số điểm lưu ý trong quá trình sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và theo dõi trên Bảng kê sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

**Từ khoá:** Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân.

**91. Mức độ áp dụng các phương pháp hạch toán chi phí và tính giá thành trong các doanh nghiệp xây dựng**/ Phạm Thị Phương// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.122 - 124.

**Nội dung:** Xây dựng là ngành kinh tế có tính đặc thù đối với hoạt động và hạch toán kế toán. Để đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, đòi hỏi cán bộ kế toán phải cung cấp kịp thời đầy đủ các thông tin liên quan, nhất là các vấn đề về chi phí, giá thành công trình. Vì vậy, việc nghiên cứu mức độ vận dụng các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và giá thành trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam là cần thiết. Từ phương pháp nghiên cứu định lượng, tác giả phân tích tần suất của phần mềm SPSS để thực hiện thống kê mô tả thực trạng các phương pháp hạch toán chi phí và giá thành trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam.

**Từ khoá:** Hạch toán chi phí, tính giá thành, doanh nghiệp, xây dựng

**92. Nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán**/ Vũ Đức Chính// Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 53 - 56.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngành tài chính luôn xác định chuyển đổi số là cơ hội để ngành đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá thực hiện cải cách quản lý, cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân sách, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, bộ tài chính đã từng bước xây dựng hành lang pháp lý và lộ trình chuyển đổi số nhằm chủ động tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0, phục vụ phát triển tài chính điện tử hướng tới tài chính số. Đánh giá chung về hệ thống kế toán, kiểm toán hiện nay, một số tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán kiểm toán.

**Từ khóa:** Dịch vụ kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp

**93. Nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ Dương Thị Thiều// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và lĩnh vực tài chính nói riêng đã và đang đặt ra yêu cầu Việt Nam cần tạo lập một hệ thống kế toán, kiểm toán hoàn chỉnh, phù hợp với cơ chế quản lý của Nhà nước và xu thế phát triển dịch vụ kế toán, kiểm toán của khu vực và thế giới. Đối với lĩnh vực kế toán, trong những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa thì nhu cầu sử dụng dịch vụ kế toán và các dịch vụ có liên quan trong nền kinh tế ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đòi hỏi Việt Nam triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, góp phần phục vụ đắc lực, hiệu quả cho các hoạt động kinh tế - tài chính.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, kế toán, tài chính

**94. Nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm niêm yết trên TTCK Việt Nam**/ PGS.TS. Trương Thị Thuỷ// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, xác định các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin kế toán, từ đó đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: chất lượng thông tin kế toán, nhân tố ảnh hưởng, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm

**95. Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp qua phân tích lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ**/ Ngô Thị Kiều Trang, Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 117-119.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá lợi nhuận các doanh nghiệp, các nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận và đề ra các biện pháp nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Lợi nhuận, phân tích lợi nhuận, doanh nghiệp

**96. Ngành kiểm toán trong đại dịch Covid-19: Sử dụng phương pháp kiểm toán từ xa**/ Nguyễn Thị Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đang diễn ra, đã có những tác động đáng kể đến hầu hết các lĩnh vực, dẫn việc sử dụng các phương pháp kiểm toán truyền thống (phương pháp kiểm toán tại chỗ) không còn phù hợp. Các công ty kiểm toán và các kiểm toán viên cần sử dụng các phương pháp kiểm toán hiện đại hơn, để vượt qua những thách thức trong cuộc khủng hoảng đại dịch Covid-19, điển hình là phương pháp kiểm toán từ xa. Bài viết phân tích sự cần thiết lợi ích của phương pháp kiểm toán từ xa và việc sử dụng phương pháp này, trong đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: Kiểm toán từ xa, Phương pháp kiểm toán, Covid-19

**97. Nghề kế toán giữa đại dịch Covid -19/**Đào Thị Thanh, Trần Phương Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Sau gần năm kể từ khi bùng phát dịch bệnh covid 19 đến nay, mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội trên toàn thế giới bị tác động tiêu cực. Đại dịch covid 19 đã ảnh hưởng đến hoạt động kế toán tại các doanh nghiệp như: không trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp, những chính sách mới được chính phủ đưa ra và được yêu cầu thực hiện, giảm thu nhập và thậm chí bị mất việc làm. Những thực tế này khiến cho những người làm kế toán cần phải thích nghi với những thực tế này và ngày càng khẳng định vai trò của mình trong doanh nghiệp nói riêng và toàn xã hội nói chung.

**Từ khóa:** Nghề kế toán, đại dịch Covid 19

**98. Nghiên cứu hệ thống kế toán chi phí, quản trị chi phí và ra quết định quản trị**/ Hoàng Huy Cường// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Hệ thống kế toán chi phí là hệ thống đo lường, xử lý và cung cấp thông tin chi phí cho các đối tượng có nhu cầu thông tin, trong đó trọng tâm là các nhà quản lý nhằm thực hiện lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực, kiểm soát, đánh giá và ra các quyết định quản trị. Ở mức độ phức tạp, CAS được liên kết với chiến lược và nhu cầu ra quyết định của công ty… Thông tin hoạt động và chi phí được tích hợp cao và phản ánh các mối quan hệ nguyên nhân và kết quả định lượng mà các nhà quản lý yêu cầu khi đưa ra quyết định.

**Từ khoá:** Hệ thống kế toán chi phí, kế toán quản trị, quản trị chi phí, báo cáo tài chính

**99. Nghiên cứu tiền lương của công nhân làm việc trong một số khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Hà Nội**/ Đỗ Thị Mỹ Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Bài viết nhận dạng các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương của công nhân đang làm việc tại một số KCN-KCX trên địa bàn Hà Nội năm 2020. Kết quả nghiên cứu và các gợi ý về chính sách tiền lương đối với công nhân sẽ góp phần nâng cao hiệu suất lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực phục vụ cho tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam.

**Từ khoá**: tiền lương, công nhân, khu công nghiệp, khu chế xuất, các yếu tố ảnh hưởng

**100. Nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến giá phí và chất lượng kiểm toán qua nhận thức của kiểm toán viên tại các doanh nghiệp kiểm toán trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**/ Phan Thanh Hải// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 11-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện triển cơ sở thu thập dữ liệu khảo sát nhận thức của 180 kiểm toán viên (KTV), nhân viên chuyên nghiệp (gọi chung là KTV) hiện đang làm việc tại trên 20 doanh nghiệp kiểm toán (DNKT), chi nhánh, văn phòng đại diện các DNKT tại Thành phố Đà Nẵng. Mục đích của nghiên cứu, nhằm xác định các yếu tố và đo lường ảnh hưởng của chúng đến giá phí kiểm toán, chất lượng kiểm toán (CLKT). Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), phân tích ANOVA được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy, có 5/6 nhân tố (ngoại trừ nhiệm kỳ KTV) thực sự tác động đến giá phí kiểm toán theo thứ tự tầm quan trọng như sau: (1) loại hợp đồng kiểm toán và tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán; (2) lĩnh vực chuyên sâu kiểm toán; (3) danh tiếng và uy tín của DNKT; (4) rủi ro kiểm toán; (5) quy mô DNKT. Trong khi đó, cũng có 5/7 nhân tố (ngoại trừ nhiệm kỳ KTV và lĩnh vực chuyên sâu kiểm toán) thực sự tác động đến giá phí kiểm toán theo thứ tự tầm quan trọng như sau: (1) giá phí kiểm toán; (2) loại hợp đồng kiểm toán và tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán; (3) danh tiếng và uy tín của DNKT; (4) quy mô DNKT; (5) rủi ro kiểm toán. Đặc biệt, kết quả của nghiên cứu chỉ rõ mối quan hệ thuận chiều khi giá phí kiểm toán tăng lên thì chất lượng cuộc kiểm toán cũng được gia tăng đáng kể. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề tác giả rút ra các hàm ý chính sách đối với các nhà quản trị, tại các DNKT trên địa bàn.

**Từ khoá**: Giá phí kiểm toán, Chất lượng kiểm toán, Doanh nghiệp kiểm toán, Nhận thức của kiểm toán viên, Mô hình cấu trúc tuyến tính(SEM)

**101. Nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa kinh nghiệm kiểm toán của kiểm toán viên và chất lượng kiểm toán**/ Trương Hoàng Tú Nhi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 72-77.

**Nội dung**: Dựa trên mẫu gồm 1.615 quan sát của 323 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong 5 năm từ 2013 - 2017, nghiên cứu này xem xét liệu rằng số năm kinh nghiệm kiểm toán của kiểm toán viên có ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán, với chất lượng kiểm toán được đo lường bằng biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh. Kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết rằng kiểm toán viên có số năm kinh nghiệm càng nhiều thi cung cấp chất lượng kiểm toán càng cao.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, Kinh nghiệm kiểm toán của kiểm toán viên, Biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh, Quản trị lợi nhuận, Chất lượng lợi nhuận

**102. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại ở TP. Hồ Chí Minh/** Huỳnh Xuân Hiệp, Nguyễn Túc Nhiên// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.113 - 115.

**Nội dung:** Chất lượng thông tin kế toán đã và đang trở thành nhu cầu cấp thiết trong mọi lĩnh vực. Để tìm hiểu các nhân tố, cũng như mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh là: Sự tham gia các nhà quản trị, Chính sách về thuế, Trình độ nhân viên kế toán, Ứng dụng công nghệ thông tin, Hệ thống kiểm soát nội bộ.

**Từ khoá:** Tổ chức, dịch vụ xã hội, cung ứng dịch vụ xã hội.

**103. Nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp/** Phạm Thị Liên// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 120-122.

**Nội dung**: Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đầy biến động, các doanh nghiệp xây lắp cần phải đưa ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả để đảm bảo sự tồn tại và phát triển. Để làm được điều đó cần phải có những thông tin hữu ích phục vụ cho quá trình quản lý, đặc biệt là những thông tin được cung cấp từ hệ thống thông tin kế toán quản trị là các thông tin quan trọng ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định. Bài viết đề cập một số nội dung liên quan đến hệ thống thông tin kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp, từ đó phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống thông tin kế toán quản trị trong loại hình doanh nghiệp này.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin, kế toán quản trị, doanh nghiệp xây lắp

**104. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp du lịch**/ Trần Thị Bích Duyên// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.82 - 85.

**Nội dung:** Bài viết xây dựng một mô hình nghiên cứu tổng quát về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch. Trên cơ sở kế thừa, phát triển các nghiên cứu trước đây, bài viết phân tích, tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch. Bên cạnh nền tảng lý thuyết về kiểm soát nội bộ, tác giả kết hợp với các nhân tố tác động bên trong và bên ngoài doanh nghiệp để đưa vào mô hình nghiên cứu.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bộ, tính hữu hiệu, doanh nghiệp lưu trú du lịch

**105. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán**/ Nguyễn Thúc Hương Giang, Vi Trí Lực, Lê Thu Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Với mục tiêu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến khả nắng tiếp cận và học tập Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, từ đó đưa ra các đề xuất để giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và học tập IFRS dễ dàng hơn. Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 250 sinh viên đang học chuyên ngành kê toán, kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và học tập IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán gồm: bàn thân sinh viên, nhà trường và các kênh học tập IFRS hiện nay.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, IFRS, Nhân tố, Khả năng tiếp cận, Học tập, Sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán

**106. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán**/ Nguyễn Thúc Hương Giang, Vi Trí Lực, Lê Thu Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Với mục tiêu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến khả nắng tiếp cận và học tập Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, từ đó đưa ra các đề xuất để giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và học tập IFRS dễ dàng hơn. Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 250 sinh viên đang học chuyên ngành kê toán, kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và học tập IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán gồm: bàn thân sinh viên, nhà trường và các kênh học tập IFRS hiện nay.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, IFRS, Nhân tố, Khả năng tiếp cận, Học tập, Sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán

**107. Nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đồng Nai**/ Phạm Thị Ngọc Bích, Thái Thị Hoài Thương/ Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.194 - 196.

**Nội dung:** Để tồn tại và phát triển trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì kế toán quản trị là công cụ hỗ trợ đắc lực không thể thiếu, quyết định đến quá trình quản lý trong doanh nghiệp. Nhóm tác giả nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước về tầm quan trọng của việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, từ đó đề xuất giả thuyết nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đồng Nai.

**Từ khoá:** Vận dụng kế toán quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đồng Nai.

**108. Nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng phần mềm kế toán của các khách sạn**/ Dương Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Hồng Sương// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 66-70.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tổ ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán, tại các khách sạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, dựa trên các kiểm định độ tin cậy Cronbach Alpha, kiểm định nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán tại các khách sạn; đó là: Giá trị cảm nhận, Sự sẵn sàng của khách sạn, Chi phí, Sức ép cạnh tranh. Rủi ro ứng dụng.

**Từ khoá**: Chấp nhận sử dụng, Phần mềm kế toán, Khách sạn

**109. Nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn TP. Đà Nẵng**/ Lê Thị Huyền Trâm, Đinh Thị Thu Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 88-92.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc tổ chức vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp dệt may. Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, dựa trên các kiểm định độ tin cậy Cronbach Alpha, kiểm định nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy, kết quả của nghiên cứu đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp dệt may gồm: Quy mô doanh nghiệp; Nhận thức về kế toán quản trị của người lãnh đạo; Chất lượng nguồn nhân lực; Mức độ cạnh tranh.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Doanh nghiệp dệt may, Nhân tố ảnh hưởng

**110. Nhân tố tác động đến trình bày và công bố kế toán công cụ phái sinh tại doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thu Thủy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 44-45,52.

**Nội dung**: Thông qua phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng kèm với bảng câu hỏi, nghiên cứu cho thấy, các nhân tố (i) pháp lý; (ii) thị trường; (iii) người làm kế toán; (iv) nhà quản lý; (v) công nghệ thông tin, truyền thông có tác động đến việc trình bày và công bố thông tin công cụ tài chính phái sinh trong doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Công bố kế toán, Công bố thông tin, Công cụ tài chính phái sinh, Doanh nghiệp

**111. Những tác động của sự phát triển công nghệ thông tin đến vai trò của kế toán quản trị/** Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 2-4.

**Nội dung**: Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT), đặc biệt là những phát triển to lớn gần đây như tự động hóa quy trình, trí tuệ nhân tạo (AI), trực quan hóa dữ liệu và Internet vạn vật đã có những tác động không nhỏ đến mọi ngóc ngách của đời sống kinh tế - xã hội, kế toán quản trị (KTQT) không phải là một ngoại lệ. Bài viết khái quát hóa một số thành tựu của công nghệ thông tin gần đây, cũng như xem xét tác động của sự phát triển đó đến vai trò và công việc của nhân viên kế toán quản trị. Từ đó, người quản lý doanh nghiệp, nhân viên kế toán quản trị có thể có những phán đoán và điều chỉnh về công việc quản trị trong tương lai.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin; Kế toán quản trị; Tác động

**112. Những vấn đề đặt ra khi áp dụng hóa đơn điện tử ở các quốc gia và Việt Nam**/ Nguyễn Như Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 75-78.

**Nội dung**: Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước cho thấy, hóa đơn điện tử đã được áp dụng bắt buộc tại nhiều quốc gia và đang có xu hướng ngày càng mở rộng trên toàn cầu. Hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, chi phí, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, đồng thời giúp cơ quan thuế, hải quan dễ dàng quản lý, truy xuất các số liệu thống kê báo cáo, phát hiện hành vi vi phạm gian lận về thuế, hải quan. Ngoài ra, hóa đơn điện tử giúp Chính phủ đánh giá được sự phát triển của các ngành nghề kinh doanh, các loại hình kinh tế, từ đó có các chính sách thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Bài viết này nghiên cứu kinh nghiệm các nước về hóa đơn điện tử, xem xét trường hợp của Việt Nam và đề xuất giải pháp áp dụng hóa đơn điện tử hiệu quả.

**Từ khoá:** Hóa đơn điện tử, thường mại, thương mại điện tử chính sách

**113. Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tại tỉnh Đồng Nai/** Lê Vũ Hà// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 57-61, 101.

**Nội dung**: Hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là vấn đề cốt lõi của chính sách quản lý thuế hiện đại, là mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu này, nhằm xác định các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNCN, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) từ 500 người có thu nhập chịu thuế tại tỉnh, trong năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế là nhận thức và tâm lý, hệ thống chính sách thuế, đặc thù nghề nghiệp, nơi làm việc và môi trường kinh tế.

**Từ khoá**: Hành vi tuân thủ, Thuế thu nhập cá nhân, Chính sách, Quản lý

**114. Phân tích biến động chi phí sản xuất giữa thực tế và dự toán tại các doanh nghiệp thép Đà Nẵng**/ Dương Thị Mỹ Hoàng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Chi phí sản xuất là một trong những vấn đề cốt lõi được nhà quản trị đặc biệt quan tâm, vì nó tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để có thể đạt được mức lợi nhuận cao, doanh nghiệp cần phải cố gắng tăng doanh thu và giảm chi phí. Phân tích biến động chi phí sản xuất giữa thực tế và dự toán có ảnh hưởng lớn đến chất lượng của các quyết định mà nhà quản trị đưa ra, nhằm giúp nhà quản trị ước tính được chi phí phát sinh, kiểm soát và tiết kiệm chi phí. Trên cơ sở đó. chủ động trong việc định hướng sử dụng, huy động và phát triển nguồn lực kinh doanh tối ưu.

**Từ khoá**: Chi phí sản xuất, Doanh nghiệp thép, Kinh nghiệm, Doanh thu

**115. Phân tích chênh lệch biến phí dịch vụ khám chữa bệnh phục vụ chức năng kiểm soát chi phí tại các bệnh viện công lập**/ Lê Thanh Dung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 105-106, 111.

**Nội dung**: Việc kiểm soát chi phí được thực hiện cả trước, trong và sau khi thực hiện kế hoạch về chi phí dịch vụ khám, chữa bệnh (KCB) tại các bệnh viện công lập (BVCL). Phương pháp so sánh, đối chiếu, xác định và phân tích mức chênh lệch chi phí là một biện pháp hữu hiệu có thể dùng kiểm soát chi phí, từ đó có thông tin tư vấn cho nhà quản trị. Căn cứ vào mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động, chi phí dịch vụ KCB bao gồm biến phí và định phí. Trong phạm vi bài viết, tác giả đi sâu phân tích chênh lệch biến phí dịch vụ KCB phục vụ chức năng kiểm soát chi phí tại các BVCL.

**Từ khoá**: Phân tích chênh lệch, Biến phí, Dịch vụ khám chữa bệnh, Bệnh viện công lập

**116. Phân tích chi phí sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp**/ Đinh Thị Thu Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu về chi phí sản xuất kinh doanh luôn là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác quản lý chi phí, ảnh hưởng lớn đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp. Bài viết đề cập đến các nội dung phân tích chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó đánh giá những ưu nhược điểm và gợi ý các kiến nghị phù hợp cho hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Chi phí sản xuất, Kinh doanh, Quản lý chi phí, Định phí, Biến phí

**117. Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp thép Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Minh Phương, Ngô Kim Chi, Lê Nguyễn Thảo Chi, Phan Bảo Ngân, Nguyễn Thị Như Ngọc, Trần Thị Lan Nhi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 68-74.

**Nội dung**: Một trong những nội dung phản ánh năng lực tài chính của doanh nghiệp (DN) đó là tình hình và khả năng thanh toán của DN, tình hình công nợ cũng như khả năng trang trả các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn của DN. Phân tích tình hình và khả năng thanh toán giúp các đối tượng quan tâm như ngân hàng, khách hàng, nhà cung cấp, ...và ngay cả với nhà quản trị DN có được những thông tin hữu ích, trong việc ra quyết định kinh doanh. Thép là ngành có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng, tuy nhiên vài năm trở lại đây mặc dù tỷ lệ tăng trưởng vẫn tăng nhưng có xu hướng giảm dần, dãy cũng là khó khăn các DN thép cần quan tâm. Phân tích tình hình và khả năng thanh toán của các DN thép sẽ cung cấp các thông tin hữu ích giúp các đối tượng quan tâm có cái nhìn khái quát từ đó có những quyết định kinh doanh, đầu tư phù hợp và hiệu quả.

**Từ khoá**: Khả năng thanh toán, Doanh nghiệp thép, Năng lực tài chính

**118. Phát hiện của kiểm toán độc lập từ báo cáo tài chính và hoạt động của doanh nghiệp – những trở ngại, vướng mắc cho đơn vị dịch vụ kiểm toán độc lập**/ Lê Trọng Huấn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Kiểm toán giữ vai trò quan trọng đối với chất lượng báo cáo tài chính (BCTC) là nền tảng cho sự công khai minh bạch về tình hình tài chính của doanh nghiệp (DN). Kiểm toán độc lập (KTĐL) là một trong những công cụ để trợ giúp minh bạch hóa thị trường, thông qua BCTC đã được kiểm toán.

**Từ khoá**: Kiểm toán, Kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính, Doanh nghiệp

**119. Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro trong kiểm toán nội bộ hoạt động đào tạo tại các trường đại học công lập**/ Đào Thanh Bình, Nguyễn Thúc Hương Giang, Thái Minh Hạnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Trong những năm qua, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các trường đại học công lập (ĐHCL) đã tạo điều kiện cho các trường đại học được chủ động trong tổ chức hoạt động chuyên môn, gắn việc quản lý, sử dụng nguồn lực với chất lượng và hiệu quả hoạt động nhưng cũng đặt ra cho họ nhiều thách thức và rủi ro trong hoạt động cốt lõi như hoạt động đào tạo. Bài viết dưới đây sẽ tập trung phân tích rủi ro.

**Từ khoá**: Tiếp cận định hướng rủi ro, Kiểm toán nội bộ, Đại học công lập, Hoạt động đào tạo của đại học công lập

**120. Phương pháp xác định hàng tồn kho xuất trong kỳ theo giá thực tế đích danh và tác động lợi nhuận doanh nghiệp**/ Lê Thanh Bằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 66 – 67.

**Nội dung:** Đánh giá về hệ thống kế toán kiểm toán hiện nay và nêu một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán.

**Từ khóa:** Hàng tồn kho, hàng xuất kho, lợi nhuận doanh nghiệp

**121. Quy định hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân - một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị**/ TS. Nguyễn Thị Kim Thanh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 14(Tháng 07) .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Những yếu tố chi phối quy định hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ; Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị đối với quy định hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân.

**Từ khóa**: kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ tín dụng

**122. Quy định mới về khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài**/ Mai Hoàng Hạnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Việc áp dụng kế toán quản trị nói chung và Bảng điểm cân bằng (BSC) trong các doanh nghiệp là rất quan trọng, để tăng cường khả năng quản lý và đánh giá kết quả hoạt động của các doanh nghiệp. Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng BSC của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Từ đó khuyến nghị các giải pháp nâng cao khả năng vận dụng BSC, để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Luật Quản lý thuế, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập cá nhân, Lệ phí môn bài, Khai thuế

**123. Sự khác biệt giữa Iợi nhuận kế toán trước thuế với thu nhập chịu thuế**/ Đinh Thị Lan// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 89-91.

**Nội dung**: Thực thể cho thấy, khi các cơ quan quản lý thuế kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp thì không ít doanh nghiệp lập quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp không đúng với quy định. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do các doanh nghiệp thường đồng nhất khái niệm giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập chịu thuế, Lợi nhuận kế toán

**124. Sử dụng biện pháp phi thuế quan trên thế giới và những tác động đối với xuất khẩu ở Việt Nam**/ Trần Ngọc Tú// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 58 – 60.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng sử dụng hàng rào phi thuế quan trên thế giới; nhận diện những tác động của rào cản phi thuế quan đến xuất khẩu của Việt Nam. Từ đó hàm ý chính sách nhằm đảm bảo những lợi ích thương mại cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

**Từ khóa:** Rào cản phi thuế quan, xuất khẩu, chính sách thương mại, hiệp định thương mại tự do

**125. Tác động của công bố thông tin ESG đến hiệu quả hoạt động tài chính**/ Mai Hồng Chi, Hồ Hạnh Mỹ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Trên thế giới, ngày càng có nhiều cơ quan quản lý thị trường chứng khoán thừa nhận tầm quan trọng của các thông tin phi tài chính, chính sách môi trường - xã hội - quản trị (ESG) trong đánh giá sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp cũng như cho thấy rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp. Hiện có hơn 60 khu vực pháp lý, bao gồm cả các thành viên của G20, yêu cầu hoặc khuyến khích các công ty công bố thông tin ESG cùng với báo cáo tài chính. ESG là thuật ngữ được sử dụng trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông tin ESG đang trở thành mối quan tâm của mọi người, vì ảnh hưởng có thể lâu dài đối với nhà đầu tư và các bên liên quan khác nói chung. Nhưng hầu hết các công ty không sẵn sàng tự nguyện tiết lộ thông tin ra bên ngoài, vì vậy các thông tin về ESG không dễ dàng có được. Mục đích của bài viết là khái quát các nghiên cứu về ảnh hưởng của báo cáo ESG lên hiệu quả hoạt động của công ty.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Thông tin phi tài chính, Chính sách môi trường, Xã hội, Quản trị, Doanh nghiệp

**126. Tác động của công nghệ blockchain đến hệ thống thông tin kế toán**/ Bùi Văn Dương, Nguyễn Hữu Quy, Võ Thị Trúc Đào// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Xem xét công nghệ blockchain và việc ứng dụng công nghệ này trong hệ thống thông tin kế toán (AIS), đồng thời xác định các tác động quan trọng của công nghệ blockchain với AIS. Các tác giả sử dụng phương pháp mô tả nhằm thảo luận nền tảng công nghệ blockchain và những hàm ý kế toán quan trọng. Nghiên cứu cho thấy, việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực kế toán cần phải phân tích các tác động liên quan đến phát triển AIS cùng với cách thức triển khai các phần hành nghiệp vụ và thiết kế AIS sử dụng công nghệ blockchain.

**Từ khóa**: Blockchain, hệ thống thông tin kế toán, tác động

**127. Tác động của niềm tin tổ chức, kế toán mở và quản trị chi phí liên doanh nghiệp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh**/ Nguyễn Thị Minh Hiệp// Kế toán& Kiểm toán .- 2020 .- Số 8(215) .- Tr. 56-60.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là nghiên cứu việc thực hiện quản lý chi phí và cõng bố thông tin chi phí ở các luồng kế toán mở trong sự tin tưởng mối quan hệ nhà cung cấp - người bán, nhằm giảm chi phí, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp (DN). Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 108 giám đốc điều hành, giám đốc tài chính, trưởng phó phòng kinh doanh và kế toán ở DN khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh là: (1) quản trị chi phí liên DN; (2) dữ liệu mở; (3) niềm tin tổ chức tác động đến kết quả kinh doanh thông qua dữ liệu mở.

**Từ khoá**: Quản trị chi phí liên tổ chức, Niềm tin tổ chức, Kế toán sổ mở, Kết quả kinh doanh

**128. Tác động của phương pháp tính giá ABC đến nhận thức của nhà quản trị về chi phí gián tiếp tại Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3**/ Nguyễn Thị Bích Lài, Nguyễn Như Nguyệt// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) là một trong các phương pháp kẽ toán quần trị hiện đại. Đây là mọt phương pháp tính chi phí sử dụng để tính thắng chi phí chung vào các đối tượng tính chi phí. Những đôi tượng này có thể là sàn phẩm, dịch vụ, quá trình hoặc khách hàng... Bài viết nhằm phân tích tác động của phương pháp ABC đến nhận thức của nhà quản trị về chi phí gián tiếp, đế đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp hơn.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Giá thành, Chi phí gián tiếp, Phương pháp tính giá ABC

**129. Tác động của tự chủ tài chính đến mức độ thực hiện kiểm soát nội bộ trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Dương**/ Phạm Quốc Thuần, Nguyễn Thị Kim Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 35-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu này hướng đến việc đo lường mức độ thực hiện của kiểm soát nội bộ (KSNB) trong điều kiện hướng đến tự chủ tài chính (TCTC) và xem xét tác động của TCTC đối với mức độ thực hiện KSNB, trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ thực hiện KSNB của các đơn vị sự nghiệp công lập đã TCTC so với các đơn vị chưa TCTC.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Tự chủ tài chính, Đơn vị sự nghiệp công lập

**130. Tác động từ đại dịch covid - 19 đến hoạt động kế toán tại Việt Nam**/ Phan Thị Nhật Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 93 – 95.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số kiến nghị đối với hoạt động kế toán nói riêng và doanh nghiệp nói chung vượt qua khó khăn do đại dịch covid 19 gây ra.

**Từ khóa:** Hoạt động kế toán, đại dịch covid - 19, sản suất, kinh doanh, doanh nghiệp

**131. Tài sản công và quản lý tài sản công trong Nhà nước pháp quyền**/ Nguyễn Thị Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 17-18,32.

**Nội dung**: Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tài sản công thuộc sở hữu toàn dân. Tài sản của toàn dân phải có chủ sở hữu đích thực đề thực hiện quyền sở hữu trong việc phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước. Để sử dụng tài sản của nhân dân có hiệu quả, cần phải trao quyền cho Nhà nước. Khi tài sản thuộc sở hữu toàn dân được đầu tư vào doanh nghiệp thì Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng nắm chắc, phản ánh đầy đủ tài sản công cả về giá trị và hiện vật, coi tài sản công là nguồn lực quan trọng, tạo cơ chế khai thác tài sản công hợp lý, tạo ra nguồn lực tài chính từ tài sản đóng góp có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội.

**Từ khoá**: Tài sản, Tài sản công, Chủ sở hữu, Sở hữu toàn dân, Quốc hội, Nhà nước, Pháp luật về Tài sản công

**132. Tầm quan trọng của xét đoán chuyên nghiệp trong thành công của một cuộc kiểm toán/** Nguyễn Thị Khánh Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 37-38,98.

**Nội dung**: Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA 200) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện xét đoán chuyên nghiệp trong giai đoạn lập kế hoạch và trong công việc kiểm toán của kiểm toán viên. Trọng tâm của nghiên cứu này là tầm quan trọng của xét đoán chuyên nghiệp trong quá trình kiểm toán và nghĩa vụ của mỗi kiểm toán viên trong việc sử dụng xét đoán một cách thích hợp.

**Từ khoá**: Xét đoán, Xét đoán chuyên nghiệp, Xét đoán kiểm toán, Xét đoán hoài nghi

**133. Thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp khi sử dụng hóa đơn điện tử**/ Trần Thị Lan Hương, Trần Thùy Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Bài viết khái quát một số nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử cũng như chỉ ra một số tiện ích cũng như khó khăn của các doanh nghiệp gặp phải khi sử dụng hóa đơn điện tử.

**Từ khoá:** Hóa đơn điện tử, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh

**134. Thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị môi trường trong doanh nghiệp sản xuất xi măng/**Nguyễn Thị Thảo, Khương Kiều Trang//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Bài viết này chỉ ra trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam, khả năng tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị môi trường đã đem lại những hiệu quả và lợi ích mang lại cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

**Từ khóa:** Hệ thống thông tin, kế toán quản trị, doanh nghiệp sản xuất xi măng

**135. Thực trạng lập và trình bày báo cáo tài chính công và đề xuất nhằm hoàn thiện chuẩn mực kế toán công Việt Nam**/ Cao Thị Cẩm Vân, Trương Á Bình// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 24-30.

**Nội dung:** Xây dựng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) trên cơ sở vận dụng Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nhằm tạo nên một khuôn mẫu chung cho hoạt động kế toán công Việt Nam. Dự thảo Thông tư ban hành 5 VPSAS đợt 1, theo lộ trình ban hành vừa được Bộ Tài chính công bố. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, nhóm tác giả tiến hành phân tích thực trạng các quy định hiện áp dụng trong quản lý tài chính công, lập và trình bày báo cáo tài chính (BCTC) công Việt Nam, nhận diện những vấn đề bất cập, đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện nội dung Dự thảo VPSAS số 1, góp phần đạt được tính khả thi trong áp dụng thực tiễn.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), Phân tích thực trạng lập báo cáo tài chính công, Góp ý hoàn thiện VPSAS số 1

**136. Tìm hiểu một số điểm mới trong quy định về giao dịch liên kết đối với doanh nghiệp theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP**/ Trần Thị Mơ, Nguyễn Minh Thùy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 112-113.

**Nội dung**: Ngày 05/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định 132/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20/12/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020. Nghị định 132 đã kế thừa nhiều nội dung của Nghị định 20/2017/NĐ-CP (Nghị định 20) và Nghị định 68/2020/NĐ-CP (Nghị định 68) nhưng có thêm nhiều thay đổi phù hợp hơn theo xu thế phát triển về thuế quốc tế. Nghị định 20 và Nghị định 68 sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định 132 có hiệu lực thi hành.

**Từ khoá**: Giao dịch liên kết, Chuyển giá, Doanh nghiệp

**137. Tính chính xác tương đối trong báo cáo tài chính doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Chinh Lam// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 83-86.

**Nội dung:** Theo Luật Kế toán năm 2015, báo cáo tài chính (BCTC) là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Hệ thống kế toán của đơn vị nếu chia theo phạm vi cung cấp thông tin thì chia làm 2 loại: kế toán tài chính và kế toán quản trị, BCTC là kết quả của kế toán tài chính. Khác với yêu cầu thông tin khi cung cấp của loại hình kế toán quản trị là nhanh chóng và mức độ chính xác có thể tương đối với thông tin do kế toán tài chính cung cấp thì độ chinh xác yêu cầu rất cao, vì phạm vi ảnh hưởng do các thông tin này là khá rộng. Trên thực tế, có nhiều văn bản pháp luật quy định về mục đích, yêu cầu, hướng dẫn cách lập, trình bày thông tin trên BCTC nhằm đảm bảo phản ánh chính xác tình hình tài chính của đơn vị. Tuy nhiên, liệu có phải tất cả các thông tin trên BCTC có chính xác tuyệt đối?.

**Từ khoá**: Tính chính xác tương đối, Báo cáo tài chính doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán

**138. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ và tổ chức xây dựng quy chế kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp**/ Trần Minh Giang// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 77-82.

**Nội dung**: Tổ chức kiểm toán nội bộ (KTNB) trong các doanh nghiệp (DN) ngày càng được các đơn vị quan tâm. Tại Việt Nam, cơ quan Nhà nước đã bước đầu tạo ra hành lang pháp lý ràng buộc cho việc tổ chức KTNB tại các DN ở Việt Nam. Các DN Việt Nam ngày càng quan tâm đến KTNB do nhận thức rõ hơn về vai trò của KTNB, xem KTNB là tuyến phòng thủ hữu hiệu giúp bảo vệ tài sản, cũng như gia tăng già trị DN. Theo đó, vấn để tổ chức KTNB trong DN sao cho phù hợp, hiệu quả đang là vấn đề nhiều DN đặt ra. Trong bài viết này, tác giả sẽ đi sâu phân tích làm rõ về vấn đề tổ chức bộ máy KTNB và tổ chức xây dựng quy chế KTNB trong DN, với mong muốn giúp các DN có thể tham khảo thêm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện KTNB cho DN mình.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, Doanh nghiệp, Bảo vệ tài sản, Giá trị doanh nghiệp

**139. Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp tư nhân**/ Trần Ngọc Diệp// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 111-113.

**Nội dung**: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Với chức năng thu nhận, xử lý, và cung cấp thông tin cũng như kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính trong doanh nghiệp, công tác kế toán ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả quản lý ở một doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung phân tích đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân, để từ đó làm rõ nội dung tổ chức công tác kế toán tại loại hình doanh nghiệp này.

**Từ khoá**: Tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp tư nhân, tài chính

**140. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Mai Thị Hoa// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 102 – 108.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ tại một số ngân hàng thương mại Việt Nam, qua đó đề xuất giải pháp phát huy vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ trong hệ thống quản trị rủi ro của các ngân hàng.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ ngân hàng thương mại

**141. Tổ chức kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ: Những vấn đề cần hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Vân, Đoàn Vân Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 52-46.

**Nội dung:** Tổ Luật Quản lý nợ công năm 2017, lần đầu đưa ra quy định về kế toán nợ công, tổ chức công tác kế toán tài chính đối ngoại. Năm 2019, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại đã công khai bộ báo cáo tình hình vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ đầu tiên theo hướng dẫn của Thông tư 74/2018/TT-BTC. Sau 2 năm triển khai áp dụng, Bộ Tài chính đang tiến hành rà soát lại hệ thống văn bản pháp quy, rà soát lại thực tế về bộ máy kế toán nợ công nói chung và nợ nước ngoài nói riêng đế hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ.

**Từ khoá**: Kế toán, Nợ công, Quản lý, Kế toán tài chính đối ngoại, Chính phủ

**142. Tổ chức kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp Nhà nước**/ Đặng Văn Quang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Hành lang pháp lý về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp Nhà nước dần được hoàn thiện, với việc quy định tại Luật Kế toán 2015, Nghị định của Chính phủ về kiểm toán nội bộ và Thông tư của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ cho các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Trong thời gian tới, các đơn vị cần khẩn trương áp dụng các quy định vào trong thực tiễn, trong đó chú trọng đến tổ chức và vận hành kiểm toán nội bộ đảm bảo phù hợp, hiệu quả nhằm đáp ứng được các yêu cầu mà Nhà nước đã đặt ra.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, Doanh nghiệp nhà nước, Tính pháp lý

**143. Tổng quan nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế**/ Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 49-55.

**Nội dung**: Bài báo này nhằm mục đích cung cấp một bức tranh gắn kết với các nghiên cứu trước về các nhân tố tác động đến việc áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế/Chuẩn mực tài chính quốc tế (IAS/IFRS). Từ đó tác giả xác định được những tồn tại trong các nghiên cứu trước, để thực hiện các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực tài chính quốc tế, Áp dụng IAS, Tổng quan nghiên cứu về IAS/IFRS

**144. Tổng quan nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến giá phí kiểm toán và mối quan hệ với chất lượng dịch vụ kiểm toán**/ Phan Thanh Hải// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 9-14.

**Nội dung**: Giá phí kiểm toán là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng và tác động đến chất lượng dịch vụ kiểm toán (CLKT). Với mục tiêu giúp cho người đọc tổng quan được tình hình nghiên cứu có liên quan đến chủ đề này, tác giả đã sử dụng việc khảo cứu các công trình khoa học tiêu biểu đã công bố trong, ngoài nước và thực hiện việc phân tích, đánh giá để rút ra khoảng trống cho nghiên cứu có liên quan. Nghiên cứu này đóng góp nền tảng khoa học cho việc hình thành các mô hình nghiên cứu lý thuyết và khảo sát thực nghiệm, để đưa ra các hàm ý chính sách cho các nhà quản lý tại các doanh nghiệp kiểm toán (DNKT), hội nghề nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước.

**Từ khoá**: Giá phí kiểm toán, Chất lượng dịch vụ kiểm toán, Doanh nghiệp kiểm toán

**145. Tổng quan về kế toán điều tra**/ Lâm Thị Trúc Linh, Nguyễn Hồng Nga, Nguyễn Ngọc Thọ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Bài viết trình bày tổng quan về kế toán điều tra, phương pháp sử dụng tà tổng quan các tài liệu từ sách, tạp chí và các bài báo về kế toán điều tra. Đầu tiên, trình bày khái niệm và lịch sử hình thành kế toán điều tra; Thứ hai, mô tả sự khác nhau giữa kế toán điều tra và kiểm toán; Thứ ba, mô tả các nội dung và quy trình kế toán điều tra; Thứ tư; thảo luận những kỹ năng cần thiết của kế toán điều tra; Cuối cùng là kỹ thuật được sử dụng phát hiện gian lận.

**Từ khoá:** Kế toán điều tra, Kỹ năng của kế toán điều tra, Kỹ thuật kế toán điều tra

**146. Tổng quan về kế toán môi trường trong doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Huyền Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 77-79.

**Nội dung:** Bài viết phác thảo một số nghiên cứu về kế toán môi trường, công bố thông tin kế toán môi trường, mối quan hệ giữa kế toán môi trường với danh tiếng của doanh nghiệp, sự ảnh hưởng của kế toán môi trường đến khả năng sinh lợi, hoạt động tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Kế toán môi trường, Công bố thông tin kế toán môi trường, Lợi nhuận của doanh nghiệp, Chi phí bảo vệ môi trường

**147. Trao đổi về tính ổn định của lợi nhuận và các thành phần trong lợi nhuận của doanh nghiệp/** Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Thời gian qua, vấn đề tính ổn định của lợi nhuận và các thành phần của lợi nhuận được nhiều nhà nghiên cứu, học giả quan tâm nghiên cứu thông qua các phương pháp định tính và định lượng. Hầu hết các nghiên cứu chỉ ra rằng: Lợi nhuận có tính ổn định và các thành phần trong lợi nhuận cũng có tính ổn định. Bài viết trao đổi về một số nghiên cứu về tính ổn định của lợi nhuận và các thành phần trong lợi nhuận, từ đó đưa ra một số hàm ý cho các nhà quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, nhà quản trị, lợi nhuận, dòng tiền, tính ổn định

**148. Trao đổi về vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào phát triển chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán tại Trường Đại học Quy Nhơn**/ Nguyễn Ngọc Tiến, Trần Thị Cẩm Thanh, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Ngô Nữ Mai Quỳnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 56-58,100.

**Nội dung**: Dựa trên lộ trình áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của Bộ Tài chính, từ nay đến năm 2024, sẽ là giai đoạn quan trọng để các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành kế toán, kiểm toán tại Việt Nam gấp rút chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đưa IFRS vào giảng dạy, đáp ứng yêu cầu về lộ trình của Bộ Tài chính và nhu cầu của xã hội về nhân lực ngành kế toán, kiểm toán trong bối cảnh mới. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm trao đổi những vấn đề về khó khăn, thách thức và hướng phát triển chương trình đào tạo trên cơ sở vận dụng IFRS vào cập nhật và phát triển chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán, cũng như công tác giảng dạy IFRS tại Trường Đại học Quy Nhơn.

**Từ khoá**: Vận dụng IFRS, Chương trình đào tạo, Kế toán, Kiểm toán, Đại học Quy Nhơn

**149. Ứng dụng phương pháp kế toán theo dòng vật liệu trong triển khai mô hình sản xuất sạch Nghiên cứui tình huống tại Tổng Công ty Giấy Việt Nam**/ Phạm Vũ Hà Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 72-76.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào nghiên cứu ứng dụng cơ sở lý luận của phương pháp kế toán theo dòng vật liệu, một phương pháp hiện đại của kế toán quản trị chi phí môi trường vào quá trình triển khai mô hình sản xuất sạch hơn ngành giấy và bột giấy tại Việt Nam, nghiên cứu tình huống tại Tổng Công ty Giấy Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán theo dòng vật liệu, Sản xuất sạch hơn, Kế toán chi phí môi trường

**150. Vai trò của kế toán quản trị chiến lược đối với nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp du lịch**/ Nguyễn Thùy Linh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.107 - 109.

**Nội dung:** Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp du lịch là cần phải vượt qua nhiều rủi ro, sức ép cạnh tranh đến từ nhiều phía. Để đảm bảo thắng thế trong cạnh tranh, phát triển bền vững, doanh nghiệp phải thay đổi tư duy kinh doanh và cách thức quản trị, khai thác hiệu quả các công cụ quản trị để hạn chế rủi ro. Một trong những công cụ quản trị quan trọng là kế toán quản trị chi phí.

**Từ khoá:** Du lịch, kế toán quản trị, năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp du lịch

**151. Vai trò của kế toán trách nhiệm trong quản lý**/ Bùi Thị Mai Linh, Lại Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 46-48,69.

**Nội dung:** Kế toán trách nhiệm là một bộ phận của hệ thống kế toán quản trị, đang dần khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, tổ chức, đặc biệt tại các đơn vị có quy mô lớn. Thông tin do kế toán trách nhiệm cung cấp giúp nhà quản trị có cái nhìn khách quan và toàn diện về sự đóng góp của các cấp, các bộ phận hay cá nhân gắn với trách nhiệm của họ vào thành quả chung của doanh nghiệp, tổ chức. Dựa vào thông tin kế toán trách nhiệm, bản thân các nhà quản trị cũng tự đánh giá được trách nhiệm quản lý của mình, để có những điều chỉnh phù hợp hơn trong quá trình điều hành nhằm tối đa hoá lợi ích của bộ phận, cũng như lợi ích chung của doanh nghiệp, tổ chức.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Kế toán trách nhiệm, Phân cấp quản lý

**152. Vai trò của kiểm toán nhà nước trong kiểm toán thu ngân sách từ thuế**/ Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Tài chính .- 2021 .- Số 756 .- Tr. 52 – 54.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ vai trò của kiểm toán nhà nước trong kiểm toán thuế, kiểm tians nguồn thu ngân sách thuế từ đó đề xuất giải pháp phát huy hơn nữa vai trò của kiểm toán nhà nước trong kiểm toán thu ngân sách thuế.

**Từ khóa:** Quản lý thuế, thu thế, kiểm toán nhà nước

**153. Vai trò của thông tin kế toán quản trị chiến lược trong quản lý điều hành doanh nghiệp/**Hoàng Văn Huệ//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 13 – 15. **Nội dung:** Kế toán quản trị chiến lược đóng vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Các thông tin về kế toán quản trị sẽ giúp cho các nhà quản trị, quản lý điều hành doanh nghiệp một cách thuận lợi và đưa ra các quyết định kịp thời nhằm đảm bảo sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị chiến lược, quản trị chiến lược, doanh nghiệp

**154. Vai trò của tổ chức chuẩn mực kế toán quốc tế đến việc ban hành các chuẩn mực kế toán/** Chúc Anh Tú// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: IFRS Foundation là một tổ chức phi lợi nhuận, thành lập nhằm mục tiêu phát triển một bộ tiêu chuẩn kế toán chất lượng cao, dễ hiểu, có tính thực thi và được công nhận trên toàn cầu – Tiêu chuẩn IFRS – Nhằm thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc áp dụng các tiêu chuẩn này cho các kế toán Các tiêu chuẩn IFRS được thiết lập bởi cơ quan thiết lập tiêu chuẩn của Tổ chức IFRS, Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Quốc tế.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực kế toán, Tiêu chuẩn

**155. Vận dụng kế toán quản trị cho phát triển bền vững của doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam**/ Lê Đoàn Minh Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích, đánh giá thực trạng khởi nghiệp để từ đó đề xuất những định hướng, công cụ quản trị chiến lược giúp cho doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển bền vững.

**Từ khóa**: kế toán quản trị, phát triển bền vững, doanh nghiệp khởi nghiệp

**156. Vận dụng kế toán quản trị đối với đơn vị sự nghiệp công lập và một số vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành của hệ thống thông tin kế toán. Sự phát triển của kế toán quản trị gắn liền với xu thế cạnh tranh của các doanh nghiệp, tập đoàn... trong tổng thể nền kinh tế cũng như yêu cầu của nhà quản trị về một công dụng hữu hiệu để quyết định điều hành mọi hoạt động hướng đến mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Hiện nay, kế toán quản trị chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp mà chưa phổ biến đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Do đó, cần tăng cường vận dụng kế toán quản trị trong đơn vị sự nghiệp công lập để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị này.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo tài chính

**157. Vận dụng kế toán thông lượng xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu trong bối cảnh dịch Covid - 19/**Nguyễn Anh Hiền//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 84 – 86.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về kế toán thông lượng và việc vận dụng kế toán thông lượng để xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu cho các doanh nghiệp đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid 19 đã ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Kế toán thông lượng, dịch Covid – 19

**158. Vận dụng thông tin kế toán quản trị trong việc ra quyết định của các doanh nghiệp Việt Nam**/ Ngô Thị Hiên, Vũ Thị Hường// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 43 - 45.

**Nội dung:** Ra quyết định là một chức năng quan trọng và xuyên suốt các khâu của quản trị doanh nghiệp, nó được vận dụng liên tục trong suốt quá trình cung cấp nhằm phục vụ các nhà quản trị ra quyết định. Quá trình ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp là quá trình lựa chọn phương án tốt nhất, có lợi nhất và hiệu quả nhất từ nhiều phương án khác nhau. Các quyết định của nhà quản trị sẽ ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cả hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, doanh nghiệp, Việt Nam

**159. Xu hướng ứng dụng công nghệ trong hệ thống thông tin kế toán**/ Nguyễn Nam Trung, Nguyễn Thị Hồng Thúy// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.62 - 64.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các xu hướng áp dụng công nghệ trong hệ thống thông tin kế toán trên thế giới. Kết quả cho thấy, có nhiều lợi ích mang lại, một số công nghệ đang được áp dụng mạnh mẽ, một số công nghệ đang trong giai đoạn đầu phát triển và ứng dụng còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ trong hệ thống thông tin kế toán cũng phụ thuộc vào một số yếu tố mang tính tiền đề như công nghệ, rủi ro-bảo mật, lợi ích-chi phí, chiến lược - mục tiêu doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ đáp mây, công nghệ chuỗi khối, hệ thống thông tin kế toán

**160. Yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Đồng Nai**/ Lê Vũ Hà, Đỗ Văn Lộc// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 102-106.

**Nội dung**: Bài viết được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Dữ liệu được thu thập thông qua việc khảo sát 150 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phương pháp định lượng bằng mô hình phương trình cấu trúc bình phương nhỏ nhất riêng phần (PLS-SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp là (1) Hình thức cưỡng chế và hình phạt; (2) Kỹ năng của công chức thuế; (3) Niềm tin vào sự liêm chính của cơ quan thuế; (4) Tổ chức hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thuế; (5) Tổ chức hoạt động kiểm tra; (6) Tính đơn giản của thủ tục kê khai; (7) Thuế suất đều ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Hành vi tuân thủ thuế, Doanh nghiệp

**161. Yếu tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí tại Công ty Viễn thông Bắc Ninh**/ Nguyễn Văn Hậu// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Kết quả khảo sát thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Viễn thông Bắc Ninh không những cho thấy thực trạng công tác lập dự toán chi phí, thực hiện chi phí, kiểm soát chi phí, mà còn góp phần làm rõ những yếu tố tác động đến công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty này.

**Từ khoá**: Yếu tố tác động, Kế toán quản trị chi phí, Công ty Viễn thông Bắc Ninh

**162. Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Tỉnh Thanh Hóa**/ Phạm Thị Bích Thu// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Qua khảo sát 220 nhà quản lý cấp cao tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa và thực hiện mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic, bài viết nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê ngoài dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm cơ sở đưa ra các khuyến nghị trong việc thuê ngoài dịch vụ kế toán đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung.

**Từ khoá:** Thuê ngoài, dịch vụ kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. An ninh nguồn nước hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ở các nước CLMV**/ Nguyễn Đình Ngân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 102 – 104.

**Nội dung:** Bài viết trình bày cơ sở lý luận, thực tiễn, chỉ ra những vấn đề chung của các nước CLMV trong việc đảm bảo an ninh nguồn nước hướng tới thực hiện SDG, từ đó đề ra những khuyến nghị cụ thể cho các nước này và đặc biệt là Việt Nam nhằm xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước có tính tổng thể và bền vững, phù hợp với thực tế đất nước và khu vực hơn.

**Từ khóa:** An ninh nguồn nước, phát triển bền vững

**2. Ảnh hưởng của áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp dệt may**/ Đỗ Thị Bình, Trần Văn Trang// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Là một trong những ngành kinh tế quan trọng nhất trên thế giới, tác động có hại của ngành dệt may đến môi trường và xã hội ngày càng gia tăng, đòi hỏi các doanh nghiệp cần có các chiến lược môi trường nói chung và chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường nói riêng. Mục tiêu của nghiên cứu là kiểm định ảnh hưởng của các áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh. Dữ liệu được thu thập từ 191 nhà quản lý của các doanh nghiệp dệt may và được phân tích bằng PLS SEM. Kết quả cho thấy các áp lực thị trường, áp lực qui chuẩn và áp lực cạnh tranh ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc theo đuổi chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường của công ty. Đặc biệt, chiến lược này gia tăng hợp tác trong chuỗi cung ứng và do đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số hàm ý về quản lý và chính sách.

**Từ khoá**: Áp lực thể chế, chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng, lợi thế cạnh tranh, doanh nghiệp dệt may

**3. Ảnh hưởng của bất ổn chính sách kinh tế thế giới đến Việt Nam và một số khuyến nghị**/ TS. Lê Hải Trung, Phan Công Duy, Tô Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 16(Tháng 08) .- Tr. 02-10.

**Nội dung**: Bài viết hướng tới đánh giá tác động của bất ổn chính sách kinh tế thế giới tới nền kinh tế Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số chính sách để có thể hạn chế những tác động của GEPU có thể gây ra cho nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa**: bất ổn chính sách kinh tế, GDP, IIP, VAR

**4. Ảnh hưởng của các nhân tố đào tạo sau đại học đến ý định khởi nghiệp của sinh viê**n/ Nguyễn Lê Nhân// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.225 - 228.

Nội dung: Trên thế giới và Việt Nam, có rất nhiều tác giả đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Để có góc nhìn tổng thể về vấn đề này, tác giả trích lọc và trình bày một số nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về nghiên cứu khoa học; từ đó đánh giá sự ảnh hưởng của các nhân tố của đào tạo đại học đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả đối với hoạt động đào tạo và học tập tại các trường đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên hiện nay, bao gồm: (i) Môi trường giáo dục; (ii) Nguồn vốn; (iii) Ý kiến người xung quanh; (iv) Đam mê; (v) Thái độ. Kết quả này tương thích với 5 nhóm nhân tố được đề xuất trong mô hình nghiên cứu ban đầu.

**Từ khoá:** Nhân tố, đào tạo, ý định khởi nghiệp, khởi nghiệp, sinh viên

**5. Ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế vi mô đến tính thanh khoản của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE**/ Nguyễn Phương Hà, Trương Bá Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu này là xác định ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế vĩ mô đến tính thanh khoản của 145 doanh nghiệp niêm yết, trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) liên tục 10 năm, giai đoạn 2009 -2018. Để giải quyết các vấn đề nội sinh, nghiên cứu sử dụng mô hình GMM trong phân tích dữ liệu bảng động. Kết quả cho thấy, ngoại trừ GDP không có ảnh hưởng nào đến tính thanh khoản công ty thì lạm phát và lãi suất ngắn hạn đều có tác động ngược chiều đến tính thanh khoản. Nghiên cứu đã mở rộng nền lý thuyết về tính thanh khoản và cung cấp bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam rằng, ngoài các yếu tố đặc thù doanh nghiệp thì tính thanh khoản của doanh nghiệp còn chịu sự tác động từ các chính sách kinh tế vĩ mô.

**Từ khoá**: Tính thanh khoản, Kinh tế vĩ mô, Nhân tố vĩ mô, Mô hình dữ liệu bảng động

**6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đào tạo đến sự hài lòng và truyền miệng của sinh viên trong đào tạo tiếng Anh trực tuyến**/ Huỳnh Vũ Chi, Hoàng Lệ Chi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 67-69.

**Nội dung**: Bài viết xem xét các nhân tố đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo tiếng Anh trực tuyến và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự hài lòng và truyền miệng của sinh viên. Dữ liệu được khảo sát từ 502 sinh viên và được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Từ đó đưa ra một số hàm ý để các nhà quản lý giáo dục và các nhà nghiên cứu đưa ra các chính sách phù hợp nhằm phát triển loại hình đào tạo tiếng Anh trực tuyến theo hướng hiện đại.

**Từ khoá**: chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, quản lý giáo dục

**7. Ảnh hưởng của đào tạo tới hiệu quả làm việc của kế toán viên tại các doanh nghiệp du lịch tại Đà Nẵng**/ Hồ Tuấn Vũ, Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu này là nhằm xác định ảnh hưởng của đào tạo tới hiệu quả làm việc của kế toán viên tại các công ty du lịch trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Thông qua nghiên cứu, tác giả đã xác định được 5 yếu tố thuộc đào tạo bao gồm: Phương pháp đào tạo, nội dung đào tạo, nhu cầu đào tạo, cam kết đào tạo, đánh giá đào tạo có tác động đến hiệu quả làm việc của kế toán viên tại các công ty du lịch trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Dựa vào kết quả của nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác đào tạo cũng như hiệu quả làm việc của kế toán viên tại các công ty này.

**Từ khoá**: Ảnh hưởng, Đào tạo, Hiệu quả làm việc, Kế toán viên, Du lịch

**8. Ảnh hưởng của điều kiện làm việc đến năng suất lao động của công nhân xây dựng/** TS. Nguyễn Hoài Nghĩa, ThS. Trần Phi Hùng, ThS. Phạm Văn Bảo// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 70-74.

**Nội dung:** Tìm hiểu các nhân tố liên quan đến điều kiện làm việc gây ảnh hưởng đến năng suất lao động của công nhân với các khảo sát được thực hiện tại các công trình khu vực phía Nam.

**Từ khóa**: Năng suất lao động, công nhân xây dựng, nhân tố ảnh hưởng

**9. Ảnh hưởng của giá cổ phiếu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Hoa Hồng, TS. Trương Thị Việt Phương, Lê Thị Tú Anh// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 39-45.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của giá cổ phiếu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam giai đoạn 2011-2019.

**Từ khoá**: giá cổ phiếu, hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận ròng, mô hình hồi quy, tỷ suất sinh lời trên tài sản, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu

**10. Ảnh hưởng của lợi thế thương mại đến giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam market**/ Đoàn Thị Hồng Nhung// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 26-34.

**Nội dung**: Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định lợi thế thương mại có ảnh hưởng tích cực đến giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (McCarthy và Schneider, 1995: Qureshi và Ashraf, 2013). Điều này cho thấy giá trị thị trường của các công ty biến động tăng khỉ thông tin lợi thế thương mại được công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các nhà đầu tư cho rằng lợi thế thương mại là một tài sản sẽ mang lại những lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp. Tại Việt Nam, phương pháp kế toán lợi thế thương mại được điều chỉnh thay đổi theo hướng phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Kết quả là thông tin lợi thế thương mại được công bố trên báo cáo tài chính cũng thay đổi. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của lợi thế thương mại đến giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh Bộ Tài Chính ban hành thông tư 202/2014/TT-BTC để điều chỉnh thay đổi phương pháp kế toán lợi thế thương mại. Dữ liệu nghiên cứu gôm 872 quan sát của 109 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong 8 năm từ 2010 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi thế thương mại có ảnh hưởng tích cực lên giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhưng chưa chứng minh được ảnh hưởng của lợi thế thương mại đến giá trị thị trường của các công ty niêm yết có sự khác nhau trước và sau khi Bộ Tài Chính ban hành thông tư 202/2014/TT-BTC.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Công ty niêm yết, Lợi thế thương mại, Giá trị thị trường, Thông tư 202/2014/TT-BTC

**11. Ảnh hưởng của năng lực canh tranh động đến kết quả kinh doanh: Trường hợp các công ty du lịch tại Miền Trung**/ Nguyễn Phúc Nguyên, Hoàng Anh Viện// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm khám phá các nhân tố cấu thành năng lực cạnh tranh động và xác định ảnh hưởng của nó tới kết quả kinh doanh của các công ty du lịch tại Miền Trung. Chúng tôi đã phân tích dữ liệu thu thập được từ 209 nhà quản lý của các công ty du lịch ở Miền Trung bằng SmartPLS 3.2.7. Kết quả cho thấy có 8 yếu tố năng lực cạnh tranh động tác động lên kết quả kinh doanh của các công ty du lịch. Các nhân tố có ảnh hưởng quan trọng nhất là năng lực marketing, năng lực thích nghi và định hướng kinh doanh. Bài báo gợi mở những hàm ý nhằm xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh động của các doanh nghiệp, qua đó góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.

**Từ khoá**: Năng lực động, kết quả kinh doanh, năng lực đổi mới, định hướng thị trường, du lịch

**12. Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng nghề nghiệp và mối quan hệ với sự hài lòng công việc của nhân viên**/ Trương Đức Thao, Phùng Đức Thiện// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 72 – 74.

**Nội dung:** Tổng quan một số nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ tác động của phong cách lãnh đạo, sự căng thẳng nghề nghiệp và sự hài lòng công việc của người lao động. Kết quả nghiên cứu này giúp cung cấp cơ sở lý luận cho việc tiếp cận nghiên cứu về tác động của phong cách lãnh đạo, sự căng thẳng nghề nghiệp và sự hài lòng công việc của người lao động nói chung và trong kinh doanh khách sạn nói riêng.

**Từ khóa:** Phong cách lãnh đạo, sự hài lòng công việc, nhân viên

**13. Ảnh hưởng của quy mô doanh nghiệp tới kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam**/ Trần Trung Tuấn, Trần Thị Song Lam// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 97-106.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ được xây dựng trong doanh nghiệp nhằm hạn chế các rủi ro, bảo vệ tài sản và thông tin của doanh nghiệp. Do vậy, kiểm soát nội bộ là một công cụ quản lý không thể thiếu trong bất kỳ doanh nghiệp hoạt động nào. Bài viết nghiên cứu về kiểm soát nội bộ và ảnh hưởng của quy mô doanh nghiệp tới kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để xem xét mối quan hệ của quy mô doanh nghiệp và 5 yếu tố của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng 205 bảng hỏi gửi tới các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và thu được 106 bảng hỏi hợp lệ. Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy, có mối quan hệ một cách có ý nghĩa thống kê giữa quy mô của doanh nghiệp với việc xây dựng 5 yếu tố của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh thu bình quân, số lao động bình quân, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát

**14. Ảnh hưởng của quyền sở hữu nước ngoài đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam**/ Hà Xuân Thạch, Trần Thị Thu, Đỗ Thị Hải Yến// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là kiểm tra mối quan hệ giữa quyền sở hữu nước ngoài đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam thông qua phương pháp hồi quy phân vị. Với số liệu thu thập được trong giai đoạn từ 2015 – 2017 của 243 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, kết quả chỉ ra rằng quyền sở hữu nước ngoài ảnh hưởng tích cực tới thành quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ tác động này mạnh hơn tới doanh nghiệp có kết quả kinh doanh cao so với doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thấp. Đồng thời, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị liên quan tới doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư nước ngoài, Thành quả doanh nghiệp, Hồi quy phân vị

**15. Ảnh hưởng của xuất khẩu đến năng suất lao động trong doanh nghiệp : nghiên cứu thực nghiệm cho ngành chế tác Việt Nam**/ Đàm Đình Mạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 103-106.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tác động của hoạt động xuất khẩu đến năng suất lao động ở cấp độ doanh nghiệp. Phạm vi nghiên cứu được thực hiện trong ngành chế biến, chế tác của Việt Nam giai đoạn 2009-2018 với 136846 quan sát. Nghiên cứu cũng cho thấy các ảnh hưởng ngược chiều của môi trường thể chế kinh doanh lên năng suất lao động của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: năng suất lao động, xuất khẩu, nghiên cứu, thực nghiệm

**16. Agribank sẵn sàng bức phá cho nấc thang phát triển vươn tầm nông thôn mới kiểu mẫu của Việt Nam**/ Phạm Tuấn// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.40 - 43.

**Nội dung:** Agribank sẵn sàng bức phá cho nấc thang phát triển vươn tầm nông thôn mới kiểu mẫu của Việt Nam theo chương trình mục tiêu Agribank thực hiện chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới; và hành trình 10 năm ""thay áo mới"" thực sự đã tạo ra bước đột phá lịch sử làm thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam.

**Từ khoá:** Agribank, nấc thang phát triển, nông thôn mới

**17. Bàn về quy định cung cấp thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng cho cơ quan thuế**/ TS. Nguyễn Thị Kim Thoa// Ngân hàng .- 2021 .- Số 13(Tháng 07) .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến cơ sở lý luận của việc cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng cho cơ quan thuế, xem xét lại giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ này, đưa ra một vài khuyến nghị nhằm bảo đảm quyền được bảo mật thông tin khách hàng, quyền của người nộp thuế trong sự hài hòa với nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng cho cơ quan thuế.

**Từ khóa**: Bảo mật, ngân hàng, cung cấp thông tin, khách hàng, cơ quan thuế

**18. Bàn về vấn đề chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp/** Hồ Thị Ngọc Thùy**/**/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 775 – 76.

**Nội dung:** Việc chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được xem là giải pháp cốt lõi để tăng khả năng thích ứng trong thế giới việc làm đang thay đổi nhanh chóng trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Để bắt kịp xu thế này, giáo dục nghề nghiệp cần triển khai những giải pháp như: xây dựng được hệ thống dữ liệu lớn trong hệ thống cơ sở dạy nghề; tạo được các nền tảng công nghệ; chuẩn bị nhân lực phục vụ cho quá trình chuyển đổi số.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, giáo dục nghề nghiệp, công nghệ, nhân lực, kỹ năng nghề

**19. Báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Minh Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 55 – 57.  
**Nội dung:** Bài báo đưa ra một số bất cập trong quá trình cung cấp thông tin qua báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện việc trình bày và công bố các báo cáo này.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp**,** thị trường chứng khoán, Việt Nam

**20. Các hành vi và giải pháp chống gian lận thuế trong doanh nghiệp FDI tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Linh Nhâm//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 101 – 103.

**Nội dung:** Bài viết trình bày khái quát các hình thức và giải pháp chống gian lận thuế trong các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam để có cái nhìn tổng quát nhất.

**Từ khóa:** Gian lận thuế, doanh nghiệp FDI, Việt Nam

**21. Các nghiên cứu trên thế giới về nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng thẻ điểm (PSS) trong đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị công**/ Nguyễn Tiến Dũng// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 14-15,31.

**Nội dung**: Hệ thống đơn vị công được thành lập và hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ cung cấp những dịch vụ hành chính, dịch vụ công thiết yếu, liên quan trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của người dân và hoạt động của các tổ chức trong xã hội. Hiệu quả hoạt động của hệ thống đơn vị công phụ thuộc vào nhiều yếu tố như cơ cấu tổ chức các đơn vị theo ngành, lĩnh vực tinh gọn, hợp lý; cơ chế tài chính thích hợp, quản trị tiên tiến và nguồn nhân lực có chất lượng cao… Sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu hưởng thụ dịch vụ công của người dân và xã hội ngày càng cao và đa dạng. Để đáp ứng nhu cầu đó, đồng thời bảo đảm khả năng cạnh tranh của các đơn vị công cần phải nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị công. Vì vậy, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị công là rất cần thiết để giữ được vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ công, đồng thời góp phần bảo đảm ổn định chính trị, xã hội nói chung và từng ngành, lĩnh vực cụ thể nói riêng.Trong bài viết này sẽ trình bày các nghiên cứu của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng thẻ điểm khu vực công (PSS) trong đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị công.

**Từ khoá**: Áp dụng thẻ điểm (PSS), Đánh giá hiệu quả hoạt động, Đơn vị công

**22. Các nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược hội nhập theo chiều ngang của các doanh nghiệp nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Văn Tuyên, Phạm Đình Dzu// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 137-141.

**Nội dung**: Bài viết này kiểm định mô hình nghiên cứu để phân tích các yếu tố tác động đến rủi ro trong chiến lược hội nhập theo chiều ngang của các doanh nghiệp (DN) nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố rủi ro trong chiến lược hội nhập theo chiều ngang của các DN tại TP. Hồ Chí Minh chịu sự tác động của 6 yếu tố, theo thứ tự giảm dần gồm: (i) Theo đuổi sự tương quan viển vông; (ii) Hiểu sai vị thế đối thủ cạnh tranh; (iii) Theo đuổi mối tương quan nhỏ, ít ảnh hưởng; (iv) Hiểu sai sự đóng góp từ các đơn vị kinh doanh; (v) Ảnh hưởng tiêu cực trong chuyển giao bí quyết; (vi) Sai lầm trong quản lý danh mục sản phẩm.

**Từ khoá**: Chiến lược, doanh nghiệp nhỏ, hội nhập ngang, TP. Hồ Chí Minh

**23. Các nhân tố ảnh hưởng tới đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa**/ Ngô Đức Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Bài viết phân tich các nhân tố ảnh hưởng tới đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa.

**Từ khóa: Q**uản lý doanh nghiệp, cổ phần hóa

**24. Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ Mytv trên địa bàn tỉnh Nghệ An**/ Thái Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Kim Thoa// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu dựa vào lý thuyết về lòng trung thành của khách hac nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng cũng như thực tiễn các mô hình nghiên cứu trước đây có liên quan để đề xuất mô hình nghiên cứu ban đầu về lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ MyTV tại thị trường Nghệ An. Dựa trên phân tích độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính, kết quả nghiên cứu cho thấy giá cả có ảnh hưởng mạnh nhất đến lòng trung thành của khách hàng. Nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa lòng trung thành của khách hàng theo nghề nghiệp, nhưng có sự khác biệt về mức độ trung thành của khách hàng theo thời gian sử dụng dịch vụ. Trên cơ sở kết quả phân tích và kiểm định số liệu điều tra, nghiên cứu đề ra khuyến nghị phù hợp nhằm tăng cường, nâng cao sự tín nhiệm, lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ MyTV tại thị trường Nghệ An trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Khách hàng, lòng trung thành khách hàng, dịch vụ MyTV

**25. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Xuân Hưng, Đỗ Thị Ngọc Mai, Chu Thị Thanh, Nguyễn Thị Phương Thúy// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 94-104.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bài viết sử dụng kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích các nhân tố EFA và mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các nhân tố từ dữ liệu được thu thập từ điều tra khảo sát 243 khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng 6 nhân tố chủ yếu tác động đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân bao gồm: (1) Lợi ích tài chính và công nghệ; (2) Cung cấp dịch vụ; (3) Chiến lược xúc tiến; (4) Sự thuận tiện; (5) Tính bảo mật và (6) Ảnh hưởng của những người xung quanh… Từ kết quả này, một vài hàm ý quản trị đã được đề xuất giúp các ngân hàng nhằm thu hút các khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán nội địa.

**Từ khoá**: Dịch vụ thanh toán nội địa, Hà Nội, khách hàng cá nhân

**26. Các nhân tố tác động đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng tại Việt Nam/** Cao Cẩm Linh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Nghiên cứu các yếu tố tác động đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng, đưa ra một số khuyến nghị nhằm năng lực đổi mới của doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa: N**ăng lực đổi mới, chuỗi cung ứng, doanh nghiệp logistics

**27. Các nhân tố tác động đến quyết định mua của người tiêu dùng tại các cửa hàng tiện lợi Ministop trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Ngọc Duyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố tác động cũng như mức độ tác động của chúng đến quyết định mua của người tiêu dùng tại các cửa hàng tiện lợi Ministop trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, từ đó có thể căn cứ để đưa ra hàm ý quản trị để Ministop có những cải thiện toàn diện về chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút thêm người tiêu dùng trên địa bàn mua hàng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: các nhân tố tác động, quyết định mua hàng, người tiêu dùng, của hàng tiện lợi

**28. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ chơi giải trí tại các nhà thiếu nhi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Yến Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách đã sử dụng dịch vụ vui chơi giải trí tại các nhà thiếu nhi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 250 khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ vui chơi giải trí tại các nhà thiếu nhi, kết quả nghiên cứu chỉ ra 5 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng gồm: Phương tiện hữu tính; sự đáp ứng; sự tin cậy; sự đồng cảm; năng lực phục vụ.

**Từ khóa:** Sự hài lòng, khách hàng, sân chơi trẻ em

**29. Các nhân tố ảnh hưởng đến trình độ phát triển kế toán quản trị tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Thị Hương Liên, Nguyễn Thị Hải Hà// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 86-96.

**Nội dung**: Việc áp dụng các phương pháp kế toán quản trị hiện đại được coi là chìa khóa giúp doanh nghiệp thành công trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay. Năm 1998, Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) đã ban hành mô hình giải thích sự phát triển của kế toán quản trị trên thế giới (mô hình IFAC). Hiện nay, tại Việt Nam các nghiên cứu sử dụng trực tiếp mô hình IFAC để định vị trình độ phát triển kế toán quản trị tại các doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng tới trình độ này còn rất khiêm tốn. Do vậy, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 173 doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam và thu được kết quả là phần lớn các doanh nghiệp (69,3%) có trình độ phát triển kế toán quản trị thấp thuộc 2 giai đoạn đầu tiên của mô hình IFAC, chỉ có (30,7%) doanh nghiệp đã áp dụng kế toán quản trị hiện đại của Giai đoạn 3 và 4. Đồng thời, nghiên cứu đã xác định được các nhân tố đặc điểm sản phẩm, nhu cầu thông tin của nhà quản lý, trình độ của kế toán, môi trường kinh doanh ổn định, quy mô doanh nghiệp, và tuổi của doanh nghiệp có tác động tích cực tới trình độ phát triển kế toán quản trị của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, mô hình IFAC, nhân tố, doanh nghiệp sản xuất và thương mại, Việt Nam

**30. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng phương pháp abc tại các doanh nghiệp sản xuất thép trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh**/ Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo, Trần Phương Hải// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trên cơ sở sử dụng việc kiểm định độ tin cậy Cronbach’s Alpha, kiểm định nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy, nhằm kiểm chứng các nhân tố ảnh hưởng đến việc việc vận dụng phương pháp ABC tại các doanh nghiệp sản xuất thép trên địa bàn TP.HCM. Từ đó, đề xuất các kiến nghị, nhằm có thể vận dụng phương pháp này cho các doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố bao gồm: Nhận thức của nhà quản trị; Kỹ thuật vận dụng; Trình độ nhân viên kế toán; Huấn luyện đào tạo; Nguồn lực thực hiện. Đều tác động cùng chiều đến việc vận dụng phương pháp chi phí ABC tại các doanh nghiệp sản xuất thép trên địa bàn TP.HCM, trong đó, nhân tố nhận thức của nhà quản trị tác động mạnh nhất.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Phương pháp ABC, Cơ sở hoạt động, Sản xuất thép

**31. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân tại Agribank chi nhánh Tân Phú**/ Nguyễn Duy Phong, Nguyễn Đông Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580 .- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến việc dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tân Phú, đồng thời mở rộng sản phẩm dịch vụ này một cách có hiệu quả theo tiến trình hiện đại hóa ngân hàng, cung cấp sản phẩm dịch vụ hiện đại nhất cho khách hàng, tạo ra lợi thế cạnh tranh, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, tạo đà cho sự phát triển và hội nhập của chi nhánh.

**Từ khóa**: Dịch vụ ngân hàng điện tử, khách hàng, ngân hàng Agribank chi nhánh Tân Phú

**32. Các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Tô Trung Thành, Hồ Hải Yến// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 34-44.

**Nội dung**: Sử dụng số liệu từ 34 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2006-2018 (thời gian trải qua hai lần tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại theo đề án 254/QĐ-TTg cho giai đoạn 2011-2015 và đề án 1058/QĐ-TTg cho giai đoạn 2016-2020), nghiên cứu này xem xét các yếu tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng thương mại Việt Nam bằng phương pháp S-GMM. Kết quả cho thấy các nhân tố tác động đến CAR gồm: (i) Các nhân tố kinh tế vĩ mô: lãi suất, lạm phát (ii) Các nhân tố đặc trưng của ngân hàng: CAR năm trước, quy mô ngân hàng, tỷ lệ tiền gửi, tài sản chứng khoán đầu tư dài hạn, ROE và (iii) hai giai đoạn tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại. Các kết quả này mở ra hàm ý chính sách trong giai đoạn tới nhằm giúp các ngân hàng thương mại điều chỉnh CAR phù hợp với điều kiện của từng ngân hàng và bối cảnh kinh tế.

**Từ khoá:** Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, tỷ lệ an toàn vốn, ngân hàng thương mại

**33. Các nhân tố tác động tới chất lượng thể chế khu vực Châu Á giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu**/ Đinh Thị Thanh Vân, Trần Thị Phương Dịu// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 45-54.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng bao gồm 16 quốc gia khu vực Châu Á, giai đoạn 2007-2017 để đánh giá các nhân tố tác động tới chất lượng thể chế. Mô hình nghiên cứu sử dụng đánh giá tác động cố định và hồi quy hệ thông hai giai đoạn GMM cho phép xử lý các yếu tố không quan sát được, không thay đổi theo thời gian và hiện tượng nhân quả đồng thời giữa tăng trưởng kinh tế tới chất lượng thể chế. Bên cạnh thu nhập bình quân đầu người, hai nhóm biến được xem xét bao gồm các yếu tố vĩ mô và các yếu tố liên quan đến quản trị nhà nước. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế kết hợp với sự ổn định các thông số vĩ mô tác động mạnh mẽ tới cải thiện chất lượng thể chế. Hơn nữa, ngược lại với tác động không rõ ràng của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cấu trúc nguồn thu ngân sách của chính phủ có ảnh hưởng rõ ràng tới chất lượng thể chế.

**Từ khoá**: Chất lượng thể chế, Châu Á, tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô, chất lượng quản trị công

**34. Các phát hiện về triển khai hệ thống quản lý quan hệ khách hàng tích hợp mạng xã hội ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành du lịch ở Việt Nam**/ Lê Giang Nam/ Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 78 – 80.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm khai thác thực trạng quy trình triển khai quản lý quan hệ khách hàng tích hợp mạng xã hội (S-CRM), các tiền đề cho hệ thống S-CRM, cơ chế quản trị sự thay đổi trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các yếu tố bổ trợ cho hệ thống S-CRM của doanh nghiệp Việt Nam trong ngành du lịch Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản lý quan hệ khách hàng, mạng xã hội tích hợp, du lịch, Việt Nam

**35. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận và ý định mua đất nền dự án của khách hàng cá nhân tại khu vực Đông thành phố Hồ Chí Minh**/ Hồ Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 121-123.

**Nội dung**: Nghiên cứu hướng đến khám phá, đo lường, kiểm định và đánh giá các tác động của giá trị tiền tệ, giá trị chức năng, giá trị xã hội, môi trường sống và bằng chứng thực tế đến giá trị cảm nhận và ý định mua đất nền của khách hàng thuộc khu vực phía đông TP. Hồ Chí Minh, đồng thời kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các nhân tố được đề xuất trong mô hình nghiên cứu.

**Từ khóa**: ý định mua, dự định của khách hàng

**36. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đổi mới sáng tạo của phụ nữ nông dân/**Phùng Thị Quỳnh Trang, Phạm Thị Bạch Huệ//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 86 – 88.

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi đổi mới sáng tạo của phụ nữ nông dân như đặc điểm cá nhân; đặc điểm, tính chất công việc; môi trường cho đổi mới sáng tạo; người lãnh đạo, nhóm làm việc trong các tổ chức mà phụ nữ nông dân tham gia.

**Từ khóa:** Đổi mới sáng tạo, phụ nữ nông dân

**37. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của thế hệ Z Việt Nam**/ Ao Thu Hoài, Nguyễn Thị Bích Hiền, Lê Minh Quốc, Tiêu Dình Tú, Thạch Hoàng Liên Sơn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Mục tiêu khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của thế hệ Z. Các tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với 338 mẫu khảo sát tại 3 địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh. Kết quả đã chỉ ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của thế hệ Z bao gồm: nhận thức về môi trường, đặc tính sản phẩm xanh, giá sản phẩm xanh, tính sẵn có của sản phẩm, ảnh hưởng xã hội. Trên cơ sở đó, một số hàm ý quản trị đã được đề xuất cho các nhà quản lý để có các chính sách và chiến lược kinh doanh phù hợp, giúp thúc đẩy hành vi tiêu dùng xanh của người tiêu dùng (NTD) thế hệ Z.

**Từ khóa**: Các yếu tố ảnh hưởng, hành vi tiêu dùng xanh, thế hệ Z

**38. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**/ Bùi Văn Thụy, Nguyễn Tiến Quang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 107-110,117.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện, nhằm chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kêt quà cho thầy, các yếu tố: Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT), Quy mô doanh nghiệp (QM), Trình độ nhân viên kế toán (TD), Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT), Nhận thức của chủ doanh nghiệp về công tác kế toán (NT), Quy định pháp luật về kế toán (QD) giải thích được 60,90% sự biến thiên về công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, giúp doanh nghiệp cải thiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sự hài lòng, Các yếu tô ảnh hưởng, Nhân viên kế toán

**39. Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong khối khách hàng cá nhân miền Nam/**Nguyễn Minh Tuấn, Bùi Phạm Quang Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 89 – 91.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong khối khách hàng cá nhân miền Nam bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng. Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 7 yếu tố: Tiền lương; đồng nghiệp; lãnh đạo; đào tạo và thăng tiến; môi trường làm việc; phúc lợi và khen thưởng.

**Từ khóa: L**òng trung thành, ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong

**40. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hệ thống TABMIS trong công tác quản lý ngân sách tại các kho bạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ Trịnh Thị Huyền Thương, Mai Thanh Sơn// Ngân hàng .- 2021 .- Số 11(6/2021) .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Bài viết xác định và kiểm nghiệm mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) trong công tác quản lý ngân sách tại các kho bạc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Yếu tố ảnh hưởng, Tính hiệu quả, Hệ thống TABMIS, Công tác, Quản lý ngân sách, Kho bạc

**41. Các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ở khu vực Tây Nguyên**/ Nguyễn Văn Đạt, Phạm Quỳnh My// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ở khu vực Tây Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển các doanh nghiệp một cách bền vững trong tương lai.

**Từ khóa**: năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp, bảo hiểm phi nhân thọ

**42. Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ**/ Nguyễn Thị Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã kết hợp một số lý thuyết nghiên cứu về hành vi và cách tiếp cận đạo đức khi nghiên cứu ý định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ của người nông dân Việt Nam, từ đó đề xuất mô hình xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

**Từ khóa**: nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp

**43. Cải cách thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu : phản ứng của các nước và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Tiến Kiên// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Bài viết tổng quát về thỏa thuận thống nhất về thuế tối thiểu toàn cầu; phản ứng của một số quốc gia về thỏa thuận này; đồng thời, nhận diện những ảnh hưởng khi áp dụng thoả thuận, từ đó đưa ra đề xuất, khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: cải cách thuế, thuế tối thiểu, tập đoàn đa quốc gia

**44. Cải cách, hiện đại hóa ngành thuế tạo thuận lợi cho người nộp thuế**/ Nguyễn Quang Tiến, Hoàng Vân Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Từ những kết quả đạt được chưa như kỳ vọng; thực tiễn triển khai còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi ngành Thuế cần tiếp tục có giải pháp khắc phục, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới; Bài viết đưa ra giải pháp đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa.

**Từ khóa**: người nộp thuế, công nghệ thông tin, thủ tục hành chính, doanh nghiệp, quản lý thuế, ngân sách nhà nước

**45. Cải thiện môi trường kinh doanh phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa/ Lê Thanh Tùng, Ngô Chí Thành**// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 61 – 63.

**Nội dung**: Bài viết nêu tổng quan về thực trạng môi trường kinh doanh của tỉnh Thanh Hóa cũng như kết quả trong việc phát triển doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh nhằm phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

**Từ khóa**: Môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, Thanh Hóa

**46. Cấu trúc sở hữu và mức độ chấp nhận rủi ro: Trường hợp các công ty niêm yết Việt Nam/** Lê Thị Thu Hà, Lương Thị Đài Trang, Đào Thị Mai Quyên, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thị Hồng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế, tự do kinh tế, độ mở nền kinh tế, giáo dục và sự gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đến mức độ bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) tại 29 quốc gia đang phát triển tại châu Á trong giai đoạn 2006-2016. Nghiên cứu này ứng dụng mô hình của Chen & Puttitanun (2005) cùng bộ chỉ số GP (Park & Ginarte, 1997) và các nguồn dữ liệu nghiên cứu thứ cấp. Sử dụng mô hình dữ liệu bảng thông qua ước lượng GLS để hiệu chỉnh mô hình, các tác giả đã chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế, tự do kinh tế và sự gia nhập WTO có tác động tích cực tới mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trong khi đó, giáo dục và độ mở của nền kinh tế được chứng minh là hạn chế mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nghiên cứu này cung cấp một cơ sở lý thuyết để chính phủ quốc gia và nhà hoạch định chính sách tại các quốc gia đang phát triển tại châu Á đưa ra chiến lược phù hợp nhằm tối ưu hóa quyền sở hữu trí tuệ.

**Từ khoá**: Giáo dục, quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế, tăng trưởng kinh tế

**47. Cấu trúc sở hữu và mức độ chấp nhận rủi ro: Trường hợp các công ty niêm yết Việt Nam/** Nguyễn Thị Minh Huệ, Nguyễn Hữu Trúc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 45-54.

**Nội dung**: Bài báo này nghiên cứu tác động của cấu trúc sở hữu đến mức độ chấp nhận rủi ro. Sử dụng dữ liệu gồm 577 công ty phi tài chính niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2007-2017, kết quả hồi quy cho thấy sở hữu nhà nước (nước ngoài) tác động nghịch chiều (thuận chiều) đến mức độ chấp nhận rủi ro. Kết quả này ủng hộ cho quan điểm sở hữu nhà nước có các mục tiêu khác ngoài tối đa hóa giá trị công ty đồng thời liên quan đến một cơ chế bồi thường kém, do đó hạn chế công ty tham gia vào các dự án rủi ro. Sở hữu nước ngoài thúc đẩy đa dạng hóa đầu tư và cải thiện quản trị công ty, dẫn đến công ty chấp nhận rủi ro nhiều hơn.

**Từ khoá**: Sở hữu nước ngoài, cấu trúc sở hữu, chấp nhận rủi ro, sở hữu nhà nước, Việt Nam

**48. Chất lượng nguồn nhân lực và việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam**/ Bùi Quang Tuyến, Đỗ Vũ Phương Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 54-63.

**Nội dung:** Mục tiêu chính của bài viết nhằm phân tích thực trạng chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng công việc của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam. Bài viết sử dụng dữ liệu điều tra lao động việc làm năm 2018. Kết quả cho thấy người lao động trong doanh nghiệp nhà nước có trình độ học vấn và kỹ năng cao hơn so với người lao động ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, mức lương trung bình và trung vị là cao hơn ở các doanh nghiệp nhà nước. Phân tích hồi quy logit đa thức cho thấy trình độ học vấn có tác động đáng kể tới lựa chọn công việc ở doanh nghiệp nhà nước so với doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, trình độ giáo dục cao hơn giúp họ có được công việc tốt hơn như được ký hợp đồng lao động dài hơn và được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Phát hiện nghiên cứu hàm ý rằng chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng với quyết định lựa chọn công việc và chất lượng công việc của các cá nhân ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng công việc, doanh nghiệp nhà nước, trình độ học vấn

**49. Chiến lược kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 52-53,39.

**Nội dung**: Tác giả nghiên cứu và phân tích thực trạng triển khai các chiến lược kinh doanh quốc tế mà các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống Việt Nam đang theo đuổi, từ đó đưa ra những giải pháp để giúp các doanh nghiệp trong ngành có thể thành công khi phát triển ra thị trường quốc tế.

**Từ khóa**: chiến lược kinh doanh, kinh doanh quốc tế, kinh doanh đồ uống

**50. Chính sách năng suất của Nhật Bản : kinh nghiệm và bài học đối với Việt Nam**/ Nguyễn Đức Thành, Ohno Kenichi// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 19-20.

**Nội dung**: Trình bày chính sách năng suất của Nhật Bản, đề xuất Việt Nam nên áp dụng chính sách năng suất của Nhật Bản một cách mạnh mẽ và nhất quán, đặc biệt là trong tổ chức bộ máy và kinh nghiệm thúc đẩy phong trào năng suất quốc gia (PTNSQG) hữu hiệu. Nhật Bản không phải là quốc gia duy nhất mà Việt Nam có thể học hỏi về năng suất. Tuy nhiên, Nhật Bản là hình mẫu tuyệt vời trong cải thiện năng suất (đặc biệt trong sản xuất), có nhiều kinh nghiệm trong việc chuyển giao một cách hệ thống những phương pháp của họ tới quốc gia khác. Hơn thế nữa, Chính phủ Nhật Bản và các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản tại Việt Nam đã thể hiện sự sẵn sàng tiếp tục hợp tác với Việt Nam cho mục đích công nghiệp.

**Từ khóa**: Chính sách năng suất, năng suất quốc gia, cải thiện năng suất

**51. Chính sách thúc đẩy phát triển điện mặt trời, điện gió ở Nhật Bản**/ Hoàng Thị Xuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Bài viết nhận diện những khó khăn và chính sách để thúc đẩy phát triển điện mặt trời, điện gió ở Nhật Bản, từ đó rút kinh nghiệm cho việc phát triển điện mặt trời, điện gió ở Việt Nam.

**Từ khóa**: điện mặt trời, chính sách phát triển

**52. Chính sách thuế đối với tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Thị An// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Các chính sách thuế liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản ngày càng hoàn thiện và thể hiện vai trò quan trọng trong hoạt động thu ngân sách nhà nước, cũng như khuyến khích việc khai thác tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm, tuy nhiên, thực tiễn triển khai các quy định pháp luật liên quan đến thuế tài nguyên vẫn còn tồn tại một số bất cập. Vì vậy, việc hoàn thiện chính sách thuế đối với tài nguyên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với hoạt động thu ngân sách nhà nước, đối với việc điều chỉnh hành vi của người nộp thuế và sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

**Từ khoá**: Thuế tài nguyên khoáng sản, chính sách thuế, nguồn thu ngân sách

**53. Chính thức hóa khu vực hộ kinh doanh cá thể: thực trạng và kiến nghị**/ Phạm Văn Hồng, Phạm Minh Đạt// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Kinh doanh cả thể (HKD) là loại hình kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế Việt Nam. Với số lượng lớn, quy mô nhỏ, dễ dàng đăng ký kinh doanh, có mặt ở hầu hết mọi nơi, nên HKD có vai trò to lớn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, do nhiều hạn chế về mặt pháp lý như không có tư cách pháp nhân, không được kinh doanh quá một địa điểm, không được sử dụng quá 10 lao động... khiến các HKD khó có cơ hội phát triển lớn mạnh, khó có thể tham gia trực tiếp vào các dự án lớn. Bài viết sử dụng các kết quả nghiên cứu và số liệu thống kê sẵn có về HKD, kết hợp với phương pháp chuyên gia, tham vấn ý kiến từ các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp, nhằm đánh giá thực trạng khu vực HKD, phân tích và luận giải sự cần thiết phải chính thức hóa khu vực HKD trong nền kinh tế. Từ đó, bài viết để xuất một số giải pháp từ phía Chính phủ, chính quyền địa phương, các hiệp hội ngành nghề, cũng như bản thân các HKD nhằm chính thức hóa hoạt động kinh doanh khu vực kinh tế quan trọng này. Các đề xuất từ bài viết sẽ giúp cho các HKD hoạt động có hiệu quả hơn, tạo động lực cho HKD chuyển đổi hình thức kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động bền vững vào năm 2020 của Chính phủ.

**Từ khoá**: Hộ kinh doanh cá thể, Loại hình kinh doanh, Chính quyền địa phương, Doanh nghiệp, Phát triển bền vững, Chính thức hóa

**54. Cơ chế quản lý, giám sát IPO gắn với niêm yết giao dịch - kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam**/ ThS. Lê Minh Hùng, ThS. Phạm Ngọc Mai Hương// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 275(Tháng 09) .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Tác giả chia sẻ một vài nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đối với hoạt động IPO gắn với niêm yết giao dịch từ đó đưa ra một số đề xuất trong công tác quản lý, giám sát hoạt động IPO gắn với niêm yết giao dịch tại Việt Nam.

**Từ khóa**: thị trường chứng khoán, giao dịch chứng khoán, niêm yết, IPO

**55. Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số của cơ quan thuế**/ Nguyễn Quang Hiếu, Đinh Công Hiếu// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.25 - 28.

**Nội dung:** Sự chuyển đổi số mạnh mẽ của các nền kinh tế đã tạo ra nhiều cơ hội cho các nền kinh tế nhưng đi cùng với đó là không ít thách thức đặt ra đối với cho cơ quan thuế trong việc xây dựng chính sách, quản lý tài chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Những rào cản, thách thức có thể đề cập tới như: Tình trạng thiếu kỹ năng, cơ sở hạ tầng thiết bị, nguy cơ an ninh mạng, an toàn và bảo mật dữ liệu ... Những thách thức này đòi hỏi sự nỗ lực các cơ quan thuế trong việc định hướng mục tiêu, cũng như xây dựng chiến lược chuyển đổi sốphù hợp với tình hình mới, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế cho cơ quan thuế.

**Từ khoá:** Số hoá, chuyển đổi số, cơ quan thuế, an ninh mạng.

**56. Công cụ tạo động lực cho nhân công tại doanh nghiệp/**Nguyễn Thị Hoa//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 63 – 64.

**Nội dung:** Quản trị nguồn nhân lực là hoạt động của doanh nghiệp để thu hút, sử dụng, đánh giá, tạo động lực, ổn đinh quân số lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực, động lực làm việc của người lao động là một nội dung được quan tâm đặc biệt không chỉ bởi động lực biểu hiện cho sức sống, sự linh hoạt mà còn là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp, quyết định tới sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Để tạo ra động lực cho người lao động, các doanh nghiệp thường sử dụng hai công cụ tạo động lực chính là công cụ tài chính và công cụ phi tài chính.

**Từ khóa:** Quản trị nguồn nhân lực, doanh nghiệp

**57. Đặc tính an toàn của trái phiếu chính phủ: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam/** Lý Đại Hùng, Bùi Thị Hải Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các yếu tố chi phối đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ, dựa trên một bộ dữ liệu mảng gồm 147 nền kinh tế giai đoạn 1990-2016. Với phương pháp hồi quy với hiệu ứng cố định và với biến công cụ, bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng nền tảng kinh tế vĩ mô, dựa trên tăng trưởng, lạm phát và quy mô thị trường, tương tác với chất lượng thể chế cùng chi phối đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ. Phân tích trường hợp điển hình chỉ ra rằng độ an toàn trong thực tế của trái phiếu Chính phủ Việt Nam đang được đánh giá thấp hơn so với dự báo bằng mô hình định lượng, trong khi điều ngược lại xảy ra đối với trái phiếu Chính phủ Hoa Kỳ và Thái Lan. Từ đó, bài báo khuyến nghị rằng đối với nền kinh tế Việt Nam, ổn định mức lạm phát thấp và tăng cường hiệu quả quản trị hành chính công giữ vai trò then chốt để nâng cao đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ.

**Từ khoá**: Trái phiếu Chính phủ, phân tích dữ liệu mảng, xếp hạng tín nhiệm

**58. Đại dịch Covid-19 đã khiến làn sóng nợ thứ tư trở nên nguy hiểm và rủi ro h**ơn / Nguyễn Thị Thúy Linh// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.47- 51.

Nội dung: Sự suy thoái nghiêm trọng của kinh tế toàn cầu năm 2020 và các phản ứng chính sách kinh tế nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 đã làm gia tăng mức nợ tại các thị trường mới nổi và đang phát triển. Tuy nhiên, ngay cả trước khi đại dịch xảy ra, khối nợ tại các nền kinh tế này cũng đã được tích lũy và phá triển nhanh chóng, có thể được gọi là "" Làn sóng nợ thứ tư"".

**Từ khoá:** Covid-19, làn sóng nợ thứ tư, kinh tế

**59. Đánh giá hoạt động Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản tư nguồn Ngân sách Nhà nước - Trường hợp của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn**/ Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Thị Hải Bình, Đặng Thị Thu Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 38-43.

**Nội dung**: Đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn Ngân sách Nhà nước (NSNN) những năm qua tại Việt Nam, đã góp phần quan trọng trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất - kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước nhà. Tuy nhiên, hiện tượng nợ đọng vốn, tiến độ thi công chậm hiệu quả hoạt động ở nhiều công trình trong thời gian qua cũng cho thấy công tác quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản còn nhiều hạn chế. Bài viết tập trung, đánh giá hoạt động Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bàn từ nguồn Ngân sách Nhà nước tại Ban quản lý dự án cấp tỉnh, với trường hợp điển hình của tỉnh Lạng Sơn, nhằm làm rõ những tồn tại cần khắc phục trong công tác quản lý chi đầu tư nói chung. Từ đó đề xuất các giải pháp, góp phần hoàn thiện công tác quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bàn từ nguồn Ngân sách Nhà nước và các nội dung quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản tại Ban quản lý đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

**Từ khoá**: Quản lý chi, Ngân sách Nhà nước, Ban Quản lý dự án cấp tỉnh

**60. Đánh giá tác động của chương trình trợ cấp khai thác thuỷ sản theo Nghị định 67**/ Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Kế Nghiệp, Nguyễn Trọng Lương// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 45-52.

**Nội dung**: Trợ cấp thuỷ sản là một trong những công cụ quản lý thường được các quốc gia trên thế giới áp dụng nhằm mục tiêu hiện đại hoá đội tàu khai thác để có thể tham gia đánh bắt xa bờ và ở vùng biển quốc tế. Nghiên cứu này phân tích, đánh giá tác động của chương trình trợ cấp tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá hoạt động khai thác thuỷ sản tại Việt Nam theo Nghị định 67 trên cơ sở xem xét quan điểm kinh tế, môi trường và xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy các tàu được nhận trợ cấp hoạt động có lãi, và sự gia tăng lợi nhuận này chủ yếu là do doanh thu tăng hơn là do chi phí giảm. Tuy nhiên, chương trình này chủ yếu mang lại lợi ích cho các chủ tàu lớn, và có thể làm cạn kiệt nguồn lợi và ảnh hưởng đến lợi nhuận của nghề cá trong dài hạn.

**Từ khoá:** Tín dụng, thuỷ sản, trợ cấp

**61. Đánh giá tác động của covid-19 tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết ngành hàng tiêu dùng tại Việt Nam**/ TS. Dương Ngân Hà// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 274(Tháng 08) .- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của đại dịch covid-19 tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết thuộc nhóm ngành hàng tiêu dùng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp niêm yết, hàng tiêu dùng, dịch covid-19

**62. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho thuê nhà xưởng tại Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành**/Nguyễn Văn Tiến//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 99 – 101.

**Nội dung:** Bài viết phân tích đánh giá thực trạng sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch của Công ty và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng góp phần duy trì, ổn định hoạt động kinh doanh đạt mục tiêu và phát triển bền vững Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành.

**Từ khóa: S**ự hài lòng của khách hàng, chất lượng dịch vụ cho thuê nhà, Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành

**63. Đào tạo nguồn nhân lực và hoạt động cải tiến của các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Đỗ Vũ Phương Anh, Bùi Quang Tuyến// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 75-82.

**Nội dung**: Bài báo này phân tích những thay đổi trong đào tạo nhân viên ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp, trong khi có kiểm soát các đặc điểm của cả doanh nghiệp và nhân viên. Nghiên cứu này sử dụng các mô hình kinh tế lượng vi mô cho dữ liệu mảng liên kết giữa người sử dụng lao động và người lao động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sự tác động lan tỏa tích cực của đào tạo việc làm đến đổi mới, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ vừa và cao. Kết quả này hàm ý chính rằng cần thúc đẩy các chương trình đào tạo tại chỗ và nâng cao hơn nữa sự liên kết giữa doanh nghiệp và các trường đai học để thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao năng suất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Hoạt động cải tiến, đào tạo nhân viên, SMEs, Việt Nam

**64. Đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Lê Thị Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 52-54.

**Nội dung**: Hội nhập kinh tế quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại nhiều cơ hội và thách thức đối với hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kế toán và nhân lực kế toán. Bối cảnh đó đòi hỏi nhân lực kế toán cần hội tụ được nhiều yếu tố từ tư duy, sáng tạo, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, ngoại ngữ, tin học…Đây cũng là vấn đề đặt ra với các cơ sở đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán phải thay đổi để thích ứng với nhu cầu và đòi hỏi mới. Bài viết này phân tích thực trạng cơ hội, thách thức của hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra đối với đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp cho vấn đề này.

**Từ khoá:** Đào tạo kế toán, kiểm toán, cách mạng công nghệ 4.0

**65. Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi**/ Lê Xuân Trường// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Bài viết khái quát bản chất của chuyển đổi số trong quản lý thuế, phân tích sự cần thiết phải chuyển đổi số trong quản lý thuế ở Việt Nam. Thông qua đánh giá quá trình số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý dữ liệu quản lý thuế ở Việt Nam trong hơn 10 năm qua, bài viết chỉ ra Việt Nam đang ở đâu trong tiến trình chuyển đổi số ở lĩnh vực quản lý thuế và đề xuất một số khuyến nghị đẩy mạnh chuyển đổi số để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi ở Việt Nam thời gian tới.

**Từ khóa**: Số hóa, ứng dụng kỹ thuật số, chuyển đổi số, quản lý thuế

**66. Để sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp/** Trần Thị Vân Anh**/**/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 73 - 72.

**Nội dung:** Bài viết phân tích nguồn lực từ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục nghề nghiệp và định hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp.

**Từ khóa:** Ngân sách nhà nước, giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề

**67. Đề xuất hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Dao// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.36 - 38.

**Nội dung:** Thuế tài nguyên là một công cụ quan trọng góp phần quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay, việc quản lý tài nguyên thông qua chính sách thuế tài nguyên vẫn chưa cao, chưa mở rộng nhằm điều chỉnh hành vi sử dụng và khai thác tài nguyên theo hướng tăng trưởng bền vững. Bài viết làm rõ những hạn chế và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách.

**Từ khoá:** Thuế tài nguyên, phát triển bền vững, thu ngân sách, chính sách thuế.

**68. Đề xuất mô hình đo lường thông tin bất cân xứng của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh**/ Phan Bùi Gia Thủy, Nguyễn Trần Phúc, Ngô Vi Trọng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục đích đo lường thông tin bất cân xứng của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) giai đoạn 2009- 2015, từ đó đề xuất mô hình đo lường phù hợp ở thị trường chứng khoán Việt Nam. Bằng cách sử dụng các mô hình kinh tế lượng để đo lường thông tin bất cân xứng và phương pháp ước lượng hệ số tương quan, kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình theo biến chỉ báo của George & cộng sự (1991) là mô hình phù hợp có thể được áp dụng để đo lường thông tin bất cân xứng trong bối cảnh ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Thông tin bất cân xứng, thành phần lựa chọn ngược, chênh lệch yết giá, biên độ dao động giá

**69. Định hướng ứng dụng đa trí tuệ AI vào chiến lược tiếp thị/**Lại Vĩnh Phúc//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng khung chiến lược 3 giai đoạn trong tiếp thị vào việc định hướng sử dụng đa trí tuệ ở: giai đoạn nghiên cứu thị trường; giai đoạn lên kế hoạch chiến lược tiếp thị và giai đoạn triển khai chiến lược tiếp thị. Đồng thời bài viết đưa ra những minh họa cụ thể đang được áp dụng trong cho lộ trình triển khai đa trí tuệ AI trong tiếp thị một cách có hệ thống và trình tự.

**Từ khóa: C**hiến lược tiếp thị, trí tuệ nhân tạo

**70. Đo lường hiệu quả hoạt động doanh nghiệp qua chỉ số giá trị thị trường và chỉ số giá trị sổ sách bằng phương pháp máy học**/ Nguyễn Anh Phong, Phan Huy Tâm, Nguyễn Ngọc Hiếu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp máy học (Machine Learning) để đanh giá tính hữu hiệu của hai nhóm chỉ số này trong mô hình phân tích định lượng. Kết quả cho thấy nhóm các chỉ số sổ sách có tính ổn định và hiệu quả hơn khi phân tích tính hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp niêm yết.

**Từ khoá**: hiệu quả hoạt động kinh doanh, giá trị thị trường, giá trị sổ sách

**71. Đo lường tác động của các yếu tố tâm lý tới thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nhung, Trần Thị Vân Anh, Hoàng Bảo Ngọc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu tác động của các yếu tố tâm lý lên thị trường chứng khoán tại Việt Nam thông qua phân tích giá và khối lượng giao dịch của 30 cổ phiếu thuộc chỉ số VN30 giai đoạn từ khi VN30 được công bố vào ngày 06/02/2012 tới ngày 31/07/2020. Kết quả cho thấy không cóbằng chứng về tác động của tính hợp lý trong đầu tư và tâm lý quá tự tin lên khối lượng giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong khi tác động của tâm lý bi quan và tâm lý lạc quan là thuận chiều. Đặc biệt, khối lượng giao dịch chịu ảnh hưởng lớn nhất của tâm lý bi quan. Ngoài ra, dựa trên phân tích Monter Carlo trên phần mềm JMP, bài viết đã minh hoạ độ nhạy của khối lượng giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước những thay đổi của từng cặp yếu tố tâm lý trên thị trường, đặc biệt là cặp yếu tố tâm lý bi quan và lạc quan.

**Từ khoá**: Tâm lý của nhà đầu tư, nhà đầu tư hợp lý, nhà đầu tư lạc quan, nhà đầu tư bi quan, nhà đầu tư quá tự tin, thị trường chứng khoán tại Việt Nam

**72. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường đại học công lập tại Việt Nam - thực trạng và giải pháp**/ Lê Quân, Mai Hoàng Anh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 70-79.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung làm rõ khái niệm doanh nghiệp KH&CN trong trường đại học và phân tích thực trạng doanh nghiệp KH&CN trong trường đại học công lập tại Việt Nam. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống điển hình. Doanh nghiệp KH&CN được lựa chọn nghiên cứu thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU). Đây là hai trường đại học uy tín và đi đầu trong hoạt động nghiên cứu và chuyên giao KH&CN. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của mô hình doanh nghiệp này. Trên cơ sở phản tích thực trạng, tác giả hàm ý một số giải pháp nhằm phát triển mô hình doanh nghiệp KH&CN trong trường đại học tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Đại học công lập, Giải pháp phát triển

**73. Doanh nghiệp Spin -offs trên thế giới và bài học cho Việt Nam về phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ**/ Đinh Văn Toàn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Bài báo tập trung nghiên cứu về các công ty Spin -offs và chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp này từ các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số đề xuất thúc đẩy phát triển Spin -offs trong các trường đại học Việt Nam, nhằm khai thác và phát huy tiềm năng khoa học công ngệ và đổi mới sáng tạo to lớn của các trường đại học.

**Từ khóa:** Phát triển doanh nghiệp, khoa học công nghệ, doanh nghiệp Spin -offs

**74. Dự báo tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn Việt Nam theo ngành và vị thế việc làm giai đoạn 2021-2030**/ Trần Văn Hòe, Nguyễn Ánh Tuyết, Phùng Mai Lan// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 12-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này dự báo tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở phương pháp hồi quy tương quan có tính đến yếu tố thời gian, nghiên cứu thực hiện ước lượng độ co giãn của việc làm tại chỗ theo thu nhập và dự báo việc làm tại chỗ theo bốn vị thế việc làm và ba nhóm ngành kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy độ co giãn của lao động gia đình và làm công ăn lương theo thu nhập ở ngành công nghiệp là co giãn nhất trong khi độ co giãn theo các vị thế việc làm ở ngành nông nghiệp đều ít co giãn. Từ 2021 đến 2030, việc làm tại chỗ khu vực nông thôn dự báo sẽ tăng từ 37,1 triệu năm 2021 đến 42,4 triệu năm 2030 với mức tăng mạnh trong ngành công nghiệp. Số lượng lao động làm công sẽ tăng mạnh nhất trong khi lao động gia đình sẽ giảm, lao động tự làm tăng chậm và nhường chỗ cho chủ cơ sở hoặc lao động làm công ăn lương.

**Từ khoá**: Dự báo việc làm, lao động nông thôn, việc làm tại chỗ

**75. Đổi mới sáng tạo mở : cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam**/ Đào Lê Linh Chi, Từ Minh Hiệu, Phạm Hồng Quất// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Trình bày cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đổi mới sáng mở. Trong một thời địa thay đổi nhanh chóng và nhiều biến động như hiện nay, việc các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) chỉ dựa vào nguồn lực của chính mình để phát triển không còn phù hợp. Họ vừa cần phát huy sức mạnh nội tại vừa cần sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài. Trong đó, ĐMST mở (Open Innovation) và hình thái của nó – nền tảng ĐMST mở là một giải pháp có tính hiệu quả cao, giúp các doanh nghiệp giải quyết các khó khăn. Nền tảng này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp mà còn hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST tiếp cận với những cơ hội làm việc, hợp tác mới trong hệ sinh thái.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo mở, doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp

**76. Fintech : nắm xu hướng để phát triển**/ Nguyễn Thu Hiền// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Phân tích ứng dụng công nghệ tài chính (Financial Technology – Fintech) đang tác động đến hầu hết các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng như tiền gửi, thanh toán, tín dụng…, ảnh hưởng đến cơ cấu thị trường và chiến lược phát triển của các tổ chức tài chính, ngân hàng. Các công ty Fintech đã làm thay đổi kênh phân phối và các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng truyền thống thông qua xu thế phát triển của các kênh giao dịch trực tuyến như internet banking, mobile banking, mạng xã hội, ngân hàng điện tử… Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngày càng nhiều người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ Fintech. Tuy nhiên, đi cùng với những cơ hội phát triển, Fintech tại Việt Nam vẫn còn không ít khó khăn, thách thức.

**Từ khóa**: Fintech, công nghệ tài chính, cách mạng công nghiệp 4.0

**77. Giải pháp để doanh nghiệp nhỏ và vừa trụ vững trong đại dịch covid-1**9/ Trương Thu Phương, Đỗ Văn Chúc// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.72 - 74.

Nội dung: Theo thống kê, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đóng góp tới 45% vào GDP, 31% vào tổng số thu ngân sách và thu hút hơn 5 triệu lao động. Mặc dù, có vai trò quan trọng, song khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khá nhiều khó khăn, thách thức, nhất khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng.Bài viết nghiên cứu thực trạng phát triển cũng như nhận diện những tồn tại, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, bài viết đề xuất giải pháp giúp khu vực doanh nghiệp này trụ vững trong đại dịch covid-19.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, sản xuất kinh doanh, đại dịch covid-19.

**78. Giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước**/ Phạm Thị Vân Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.52 - 55.

**Nội dung:** Doanh nghiệp nhà nước được xác định là lực lượng quan trọng của kinh tế nhà nước, hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực, địa bàn then chốt, có vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu; góp phần điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tiến độ, công bằng xã hội, ổn định an ninh, chính trị... Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thời gian qua cho thấy, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh chưa như kỳ vọng so với tiềm lực hiện có, chưa thực sự phát huy vai trò chủ đạo trong khu vực kinh tế nhà nước. Thực trạng này đòi hỏi cần đẩy mạnh đổ mới, nâng cao hiệu quả hơn nữa hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhà nước, đổi mới, nâng cao hiệu quả, cổ phần hoá, thoái vốn

**79. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân trong kỷ nguyên số**/ Nguyễn Tiến Mạnh/Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 43 – 45.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào vấn đề năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp qua việc khái quát khái niệm về năng lực cạnh tranh, đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khóa: N**ăng lực cạnh tranh, kỷ nguyên số, doanh nghiệp tư nhân

**80. Giải pháp nguồn lực khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay/**Lê Lan Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực trạng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay để từ đó đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu mới là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thiết thực.

**Từ khóa:** Nguồn lực khoa học, phát triển kinh tế, Việt Nam

**81. Giải pháp phát triển bền vững doanh nghiệp sản xuất giấy và bao bì tỉnh Thanh Hóa**/ Lê Thị Mỹ Dung, Lê Thị Diệp// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.204 - 206.

**Nội dung:** Sản xuất giấy là một ngành quan trọng trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng. Những năm gần đây sản xuất giấy có tốc độ tăng trưởng cao, tuy nhiên, cùng với sự phát triển ngành giấy, chất lượng môi trường cũng bị suy giảm nặng nề.Để phát triển hài hòa giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ mội trường, các nhà máy sản xuất giấy nói chung cũng như các doanh nghiệp giấy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói riêng cần chú trọng giảm thiểu tác hại đến môi trường như: đầu tư đúng mức ở quy trình sản xuất, xử lý chất thải, sử dụng nguyên vật liệu hợp lý để gia tăng giá trị sản xuất hướng tới phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, doanh nghiệp, sản xuất giấy, bao bì

**82. Giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp tại tỉnh Trà Vinh/** Nguyễn Hồng Hà, Bùi Thị Thúy/ Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580 .- Tr. 19 – 21.

**Nội dung:** Phân tích, đánh giá độ tin cậy bộ thang đo, phân tích nhân tố và đánh giá ý nghĩa trung bình các nhân tố về thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở xác định những ưu điểm, hạn chế tác giả đề xuất một số giair pháp khả thi, hiệu quả để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động lĩnh vực công nghiệp tăng lên cả về số lượng và chất lượng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Dịch vụ ngân hàng điện tử, khách hàng, ngân hàng Agribank chi nhánh Tân Phú

**83. Giải pháp phát triển giáo dục khởi sự doanh nghiệp xã hội tại các trường đại học**/ Trần Phan Thanh Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 46 – 48.

**Nội dung:** Bài viết nêu một số vấn đề trong phát triển doanh nghiệp xã hội dưới góc độ giáo dục đại học để từ đó đề ra các giải pháp.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp xã hội, phát triển doanh nghiệp

**84. Giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**/Nguyễn Văn Phú//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 75 – 77.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm vào tạo động lực làm việc cho người lao động trong khu vực ngân hàng thương mại qua các giải pháp thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, nhằm giúp cho một lý luận nhận thức trong quản lý ngân hàng được lưu tâm.

**Từ khóa: N**gân hàng thương mại, việc làm

**85. Giải pháp tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh game online trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Thị Diệu Thu, Nguyễn Thị Kim Oanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 35-37

**Nội dung**: Hoạt động sản xuất, kinh doanh game online là một loại hình kinh doanh mới nên cơ quan thuế gặp không ít khó khăn trong quá trình quản lý và thu thuế đối với lĩnh vực này. Bài viết trình bày thực trạng quản lý và thu thuế đối với hoạt động kinh doanh game online, trên địa bàn Hà Nội và đề xuất những giải pháp để công tác quản lý được tốt hơn.

**Từ khoá**: Game online, Thuế giá trị gia tăng, Thuế, Quản lý

**86. Giám sát của Quốc hội đối với quản lý, sử dụng tài sản và ngân sách nhà nước**/ Nguyễn Thị Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thiết chế có vị trí, vai trò đặc biệt trong cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập pháp, quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đổi mới hoạt động giám sát của Quốc hội, trong đó có giám sát đối với quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, ngân sách Nhà nước là cần thiết, nhưng không phải là ý muốn chủ quan của Đảng, Nhà nước hay Quốc hội mà xuất phát từ chính những yêu cầu, đòi hỏi mang tính thực tiễn khách quan trong hoạt động của Quốc hội.

**Từ khoá**: Quốc hội, Giám sát, Giám sát tối cao, Tài sản nhà nước, Ngân sách nhà nước

**87. Hệ thống chỉ tiêu phân tích rủi ro tài chính tại các bệnh viện công lập**/ Trần Thanh Tâm// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Thời gian qua, Việt Nam đã không ngừng đổi mới cơ chế, chính sách, thực hiện cải cách hệ thống y tế với trọng tâm là trao quyền tự chủ cho các bệnh viện công lập, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Bài viết nghiên cứu về hệ thống chỉ tiêu phân tích rủi ro tài chính tại các bệnh viện công lập nhằm giúp nhà quản trị nhận diện và xác định được khả năng rủi ro tài chính, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này để kịp thời có biện pháp quản trị rủi ro hữu hiệu trong tương lai.

**Từ khoá**: Quản trị tài chính, rủi ro tài chính, phân tích

**88. Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và vai trò trung tâm của doanh nghiệp**/ TS. Nguyễn Hải Đăng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 14(Tháng 07) .- Tr. 27-35.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tình hình hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam và chỉ ra một số hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống này.

**Từ khóa**: Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, doanh nghiệp, trung tâm

**89. Hệ thống rào cản kỹ thuật trong thương mại thủy sản của thị trường Nhật Bản : các giải pháp ứng phó của Việt Nam**/ Phạm Thị Thùy Linh, Nguyễn Mạnh Cường// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 10(Tập 63) .- Tr. 12-18.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng một số rào cản kỹ thuật trong thương mại thủy sản nói chung và thủy sản Việt Nam nói riêng khi tiếp cận thị trường này, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để thủy sản nước ta đáp ứng được các rào cản thương mại do Nhật Bản quy định. Việt Nam và Nhật Bản đang cùng tham gia 3 hiệp định thương mại tự do là: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản khi các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của nước ta được hưởng thuế suất 0%. Tuy nhiên, để được hưởng những ưu đãi này, ngành thủy sản Việt Nam phải vượt qua các rào cản phi thuế quan (NTBs) của Nhật Bản như: tiêu chuẩn về dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, mức độ nhiễm khuẩn, nhãn mác bao bì…

**Từ khóa**: Hiệp định, Nhật Bản, rào cản, thủy sản, xuất khẩu

**90. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước/** Trần Thanh Thu, Hồ Quỳnh Anh, Nguyễn Thu Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ hiệu quả hoạt động của các DN nhà nước sau cổ phần hóa và thoái vốn giai đoạn 2015-2020. So sánh hiệu quả hoạt động của nhóm doanh nghiệp (DN) cổ phần nhà nước với DN nhà nước (DNNN), DN khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và DN tư nhân cho thấy, cổ phần hoá (CPH) và thoái vốn nhà nước làm gia tăng hiệu quả hoạt động của DN. Nghiên cứu hai tình huống điển hình là Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tổng Công ty Cổ phần Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) cho thấy, động lực của sự thay đổi này đến từ sự thay đổi chiến lược toàn diện và đổi mới quản trị công ty.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa, thoái vốn, doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả hoạt động

**91. Hiệu quả trong dự báo giá dầu thô: Một so sánh giữa mô hình VAR, mô hình Lasso và mô hình LSTM**/ Nguyễn Đức Trung, Lê Hoàng Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Bài báo này nhằm cung cấp một sự so sánh về hiệu quả dự báo giá dầu thô giữa các phương pháp phổ biến hiện nay. Trong đó, mô hình dự báo giá dầu được nhóm tác giả xây dựng trên các khía cạnh chính của động lực giá dầu là chính sách tiền tệ và tình trạng cạn kiệt dầu thô. Với dữ liệu được thu thập hàng tháng từ tháng 1 năm 1986 đến tháng 5 năm 2020, giá dầu thô được dự báo thông qua 3 mô hình là mô hình vectơ tự hồi quy (VAR), mô hình hồi quy toán tử co gọn và lựa chọn tối thiểu (LASSO), mô hình mạng bộ nhớ ngắn hạn dài hạn (LSTM). Kết quả cho thấy theo cả ba chỉ số là độ lệch sai số trung bình (RMSE), phần trăm sai số tuyệt đối trung bình (MAPE) và trung bình sai số bình phương (MSE), mô hình LSTM sẽ cho kết quả dự đoán chính xác hơn so với mô hình VAR và LASSO.

**Từ khoá**: Mô hình VAR, Mô hình LASSO, Mô hình LSTM

**92. Hỗ trợ của nhà nước và cơ chế thực thi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đại dịch Covid-19**/ Vũ Mai Quỳnh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.24 - 27.

**Nội dung**: Dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, khiến cho tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phản ứng chính sách của Chính phủ khá hợp lý, chủ trương chính sách là đúng đắn nhưng thiết kế chính sách có vấn đề, thực thi chính sách chưa thực sự suôn sẻ. Bài viết tập trung vào những phân tích cần thu hẹp khoảng cách từ chính sách đến thực tiễn trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để vượt qua đại dịch và những vấn đề cần đặt ra đối với chính sách của Nhà Nước.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, đại dịch Covid-19, hỗ trợ, thực thi, chính sách

**93. Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất**/ Lê Xuân Trường, Nguyễn Đình Chiến// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr.61-65.

**Nội dung**: Bài báo khái quát các kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của chính sách thuế đối với đất đai sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với đất đai để thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, đất đai, hiệu quả sử dụng đất

**94. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành du lịch Việt Nam**/ Lê Giang Nam// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580 .- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Khái quát đặc điểm hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch. Đồng thời, bài viết cũng khái quát về hệ thống quản lý quan hệ khách hàng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**Từ khóa**: Hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp, quan hệ khách hàng, du lịch Việt Nam

**95. KH&CN góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới**/ Nguyễn Văn Thịnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Phân tích sự phát triển của KH&CN góp phần vào hoàn thiện cơ sở lý luận và cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới. Tập trung vào các mô hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao thu nhập, nhất là mô hình hỗ trợ cho thôn, bản khó khăn xây dựng nông thôn mới… Đồng thời, cần phát huy vai trò của các nhà khoa học, cơ quan nghiên cứu trong việc gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn xây dựng nông thôn mới, tổ chức các đoàn nghiên cứu đi thực tế để phát hiện, đề xuất các vấn đề thiết thực, nảy sinh từ thực tiễn. Chương trình cần phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các hội thảo chuyên đề phục vụ tìm kiếm các giải pháp xây dựng nông thôn mới bền vững.

**Từ khóa**: KH&CN, nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu sản xuất

**96. Khai thác tài sản trí tuệ thành công cụ tài chính : những gợi mở về khung chính sách tại Việt Nam**/ Lương Văn Thường, Nguyễn Minh Ngọc// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Khai thác tài sản trí tuệ (TSTT) thành công cụ tài chính là yêu cầu tất yếu trong phát triển hệ sinh thái tài chính sở hữu trí tuệ (SHTT). Thông qua đó sẽ góp phần tạo nguồn lực tài chính ổn định cho các chủ thể nắm giữ TSTT, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tăng cường đổi mới sáng tạo. Tài chính SHTT là một hệ sinh thái gồm nhiều chủ thể tham gia với các mối liên hệ thiết yếu, tương tác với nhau thông qua các nghiệp vụ có tính đặc thù, chuyên sâu gắn với tài chính, tài sản và SHTT.

**Từ khóa**: Tài sản trí tuệ, công cụ tài chính, sở hữu trí tuệ

**97. Khuôn khổ pháp lý về việc công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp niêm yết**/ Nguyễn Thị Kim Tuyến, Nguyễn Thị Mai Hương, Đào Quyết Thắng, Trương Thị Hoàng Hoa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 86-90.

**Nội dung**: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR - Corporate social responsibility) đã phát triển đáng kể và được tích hợp vào tất cả các khía cạnh trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp (DN) trên toàn thế giới. Chuyển sang thế kỷ 21, công bố thông tin CSR lại càng trở nên quan trọng đã trở thành trọng tâm trong việc ra quyết định chiến lược cũng như chính sách báo cáo bên ngoài của mọi tổ chức kinh doanh. Tuy nhiên, khía cạnh về khuôn khổ pháp lý đang nhận được sự quan tâm của các DN thực hiện hoạt động công bố thông tin CSR một cách đầy đủ và minh bạch. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, chúng tôi thực hiện bài báo nhằm giới thiệu khái quát về CSR, và tập trung trình bày một số khuôn khổ tác động đến công bố thông tin CSR của các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Để giúp các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như DN hoàn thiện và chủ động, tự tin đối với các hoạt động CSR.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp niêm yết, Khuôn khổ trách nhiệm xã hội, Thông tin môi trường, Thông tin xã hội, Trách nhiệm xã hội

**98. Kết quả cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng cho giai đoạn mới/** Trương Bá Tuấn//Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747.- Tr. 17 – 21.

**Nội dung:** Tổng quan về quá trình cải cách hệ thống thuế ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2021 - 2030.

**Từ khóa:** Cải cách thuế, thuế gián thu, ngân sách nhà nước, hệ thống thuế

**99. Kiểm định vai trò tài sản trú ẩn an toàn của vàng đối với chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh dịch COVID-19: Tiếp cận bằng DCC-GARCH**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng dữ liệu về tỷ suất sinh lợi của vàng giao sau, vàng giao ngay và VN-Index thu thập trong giai đoạn từ đầu tháng 1 năm 2019 đến cuối tháng 7 năm 2020 để kiểm tra vai trò tài sản trú ẩn an toàn của vàng đối với chỉ số VN-Index của thị trường chứng khoán Việt Nam. Mô hình DCC-GARCH được áp dụng để thực hiện phân tích theo nghiên cứu của Baur & Lucey (2010). Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tài sản vàng luôn là nơi trú ẩn an toàn cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, vai trò tài sản trú ẩn an toàn của thị trường vàng giao sau mạnh mẽ và rõ nét hơn so với thị trường vàng giao ngay. Kết quả nghiên cứu cũng hàm ý rằng việc các nhà đầu tư lựa chọn vàng làm tài sản trú ẩn an toàn là một quyết định hợp lý nhằm xây dựng danh mục đầu tư tối ưu trong bối cảnh diễn biến của dịch COVID-19 trên thế giới vẫn còn có thể kéo dài.

**Từ khoá**: Dịch bệnh COVID-19, hệ số tương quan động, mô hình DCC-GARCH, tài sản trú ẩn an toàn, tỷ suất sinh lợi hàng ngày của vàng, tỷ suất sinh lợi hàng ngày của VN-Index

**100. Kinh nghiệm mua sắm công xanh của một số quốc gia và đề xuất cho Việt Nam/** Trần Anh, Vũ Văn Doanh// Môi trường .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 66-68.

**Nội dung:** Qua kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới thực hiện chính sách mua sắm công xanh sẽ là bài học giúp Việt Nam giảm thiểu các tác động môi trường, hướng tới mở rộng thị trường xanh và tiêu dùng bền vững.

**Từ khóa**: Mua sắm công xanh, kinh nghiệm

**101. Kinh nghiệm quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách Nhà nước và một số hàm ý về chính sách**/ ThS. Thân Như Hà// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 09-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu về kinh nghiệm quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại một số quốc gia cũng như một số Bộ, ngành, địa phương tại Việt Nam; từ đó, đề xuất các hàm ý về chính sách trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, xây dựng cơ bản

**102. Kinh nghiệp quốc tế trong việc nâng cao tính tuân thủ thuế đối với doanh nghiệp**/ Nguyễn Thế Khang// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.48 - 51.

**Nội dung:** Tuân thủ thuế là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý thuế quan tâm. Các quốc gia đều hướng đến việc xây dựng chiến lược tuân thủ tổng thể để quản lý thuế hiệu quả. Do vậy, tác giả nghiên cứu kinh nghiệm các nước để nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp là hết sức cần thiết, để từ đó đưa ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Thuế, tuân thủ thuế, trốn thuế.

**103. Lạm bàn về mạng lưới tổ chức KH&CN**/ Hồ Sĩ Thoảng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Phân tích, lạm bàn về mạng lưới tổ chức KH&CN. Mạng lưới các tổ chức KH&CN công lập đang tồn tại, mặc dù còn có những chỗ bất hợp lý, nó vẫn đã và đang được đổi mới một cách căn cơ dưới tác động của những chính sách và cơ chế quản lý. Nếu yêu cầu sắp xếp lại theo một khuôn khổ nào đó là duy ý chí. Trên cơ sở những kết quả đạt được, nếu quyết tâm và mạnh dạn tháo gỡ những rào cản bất hợp lý trong quản lý, từng bước trao quyền tự chủ cho viện, các trường, các doanh nghiệp có tổ chức nghiên cứu, thì mạng lưới các tổ chức KH&CN sẽ tự nhiên hợp lý hóa, ngày càng phù hợp với nền kinh tế đang trên đường đổi mới.

**Từ khóa**: Mạng lưới tổ chức, KH&CN, cơ chế quản lý, doanh nghiệp

**104. Làm mới, đổi mới nhãn hiệu : giải pháp giúp doanh nghiệp vực dậy sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh hậu Covid-19**/ Khổng Quốc Minh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 14-16.

**Nội dung**: Trình bày giải pháp giúp doanh nghiệp vực dậy sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh hậu Covid-19 bằng cách làm mới, đổi mới nhãn hiệu. Tác động từ đại dịch Covid tạo ra nhận thức mới, xu hướng chuyển dịch trong thị hiếu tiêu dùng, giao dịch thương mại… Trong điều kiện bình thường mới của đại dịch Covid-19, việc xác định thời điểm và phương pháp thích hợp để vực dậy sản xuất, kinh doanh là một trong những thách thức lớn đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh hậu Covid-19. Tìm kiếm sự khác biệt, tự làm mới mình với cách vận hành mới, hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường sẽ giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển mạnh mẽ hơn.

**Từ khóa**: Đổi mới nhãn hiệu, kinh doanh, bình thường mới, hậu Covid-19

**105. Logistics tại Việt Nam có điểm yếu nhưng chưa có đủ chính sách mạnh để giải quyết**/ Trà Giang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 247+248 .- Tr. 12-13.

**Nội dung**: Logistics Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế khi mở cửa hoạt động. Đại dịch Covid-19 càng thấy rõ bất cập trong hoạt động Logistics. Từ tình hình thực tế nếu ra những nguyên nhân, tình trạng và cách nhìn nhận đúng vai trò Logistics trong vận hành kinh tế.

**Từ khóa**: Logistics, chính sách, Việt Nam

**106. Lợi thế so sánh và sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam**/ Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Anh Thu, Nguyễn Quốc Việt// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 9(750).- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Trình bày lợi thế so sánh và sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam. Đối với sự tham gia vào GVCs theo ngành, giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thấp hơn đáng kể so với ngành sơ cấp gồm nông nghiệp, khai thác mỏ và ngành dịch vụ. Điều này phản ánh rõ bản chất gia công, chế biến và chế tạo của ngành công nghiệp Việt Nam, đồng thời cũng nhấn mạnh vai trò và tiềm năng của nhóm ngành nông nghiệp trong việc cải thiện vị thế của Việt Nam.

**Từ khóa**: Lợi thế so sánh, chuỗi giá trị toàn cầu, vị thế

**107. Luận cứ khoa học chính sách thuế trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Lê Thị Thuý Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu cơ sở khoa học và chính sách quản lý, cải cách thuế trên thế giới, từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách thuế của Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, tăng trưởng kinh tế

**108. Lực lượng lao động và tương lai trong lĩnh vực kiểm toán**/ Hồ Thị Vân Anh, Trần Thị Quỳnh Hương, Phạm Tú Anh// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 82-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tiến hành xem xét việc áp dụng Tự động hóa quy trình tự động (RPA - Robotic process automation) trong khu vực kiểm toán. Ngoài việc chứng minh ưu điểm của RPA cho việc phát triển nghề kiểm toán trong tương lai thì nghiên cứu còn đề xuất việc ứng dụng khung RPA (Hang và Vasarhelyi, 2019) nhằm giúp các kiểm toán viên giải phóng các công việc kiểm toán lặp đi lặp lại và khả năng đánh giá/phán đoán thấp, và cho phép kiểm toán viên tập trung vào các công việc đòi hỏi sự đánh giá/phán đoán chuyên nghiệp hơn trong bối cảnh hoạt động kiểm toán Việt Nam.

**Từ khoá:** Tự động hoá quy trình tự động (RPA), Nghề kiểm toán

**109. Marketing bền vững và ứng dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Viết Lâm// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 65-73.

**Nội dung**: Trên nền tảng của những thông tin thứ cấp, nghiên cứu này bắt đầu từ việc phân tích vai trò của phát triển bền vững trong thế giới ngày nay; chỉ ra sự cần thiết phải vận hành, phát triển loại hình marketing, khác biệt với marketing truyền thống của các doanh nghiệp, phục vụ cho phát triển bền vững. Nghiên cứu cũng chỉ ra bản chất của marketing bền vững là nhấn mạnh giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như thiết lập mối quan hệ khách hàng lâu dài, có lợi cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường. Theo kết quả nghiên cứu, marketing bền vững chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau thuộc môi trường bên trong và bên ngoài, đồng thời việc ứng dụng marketing bền vững trong các doanh nghiệp vừa có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Từ nhận thức bản chất của marketing bền vững, các nhân tố ảnh hưởng, các cơ hội và thách thức; nghiên cứu đã đề xuất các vấn đề chiến lược và các giải pháp để tạo nên thành công của marketing bền vững trong các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá:** Marketing xanh, marketing xã hội, phát triển bền vững, marketing bền vững

**110. Marketing online với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**/ Nguyễn Thị Kim Dung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ một số khái niệm liên quan đến marketing online và đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này cho các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh.

**Từ khóa:** Marketing online, doanh nghiệp, Hà Tĩnh

**111. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**/ Vũ Đức Minh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài báo phân tích mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp qua đó đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, đào tạo nghề, chất lượng đào tạo nghề

**112. Mô hình nghiên cứu về quản lý quan hệ khách hàng tích hợp mạng xã hội và kết quả hoạt động kinh doanh**/ Lê Giang Nam// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 43 – 45.

**Nội dung:** Xây dựng và đề xuất một khung thống nhất giải thích mối quan hệ giữa quản lý quan hệ khách hàng tích hợp mạng xã hội (S-CRM) và kết quả hoạt động kinh doanh. Theo đó, mô hình nghiên cứu đề xuất sẽ bao gồm các nhân tố chính: tiền đề để xây dựng S-CRM, các quy trình chính của S-CRM, giá trị tạo ra cho khách hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp, quan hệ khách hàng

**113. Mối quan hệ giữa cơ sở thuế thuế thu nhập doanh nghiệp và đầu tư trực tiếp nước ngoài**/ Lê Thu Hằng, Nguyễn Danh Nam// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.144 - 146.

**Nội dung:** Bài viết phân tích mối quan hệ nhân quả giữa cơ sở thuế thu nhập doanh nghiệp và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại 32 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2009 – 2019. Phân tích thực nghiệm dựa trên dữ liệu bảng của các quốc gia để kiểm tra tính chất nhân quả giữa các biến tạo thành bảng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tồn tại mối quan hệ đồng tích hợp trong dài hạn giữa cơ sở thuế thuế thu nhập doanh nghiêp và FDI. Đồng thời, có mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa các biến trong dữ liệu nghiên cứu, đặc biệt là mối quan hệ giữa FDI từ ""thiên đường"" thuế và cơ sở thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua đó bài viết đưa ra một số hàm ý về chính sách thuế đối với FDI tại các quốc gia, trong đó cần xem xét chọn lọc dòng vốn FDI từ những nhà đầu tư có uy tín, có trách nhiệm xã hội.

**Từ khoá:** Cơ sở thuế thuế thu nhập doanh nghiệp, quan hệ nhân quả , chính sách thuế

**114. Mối quan hệ giữa doanh nghiệp Logistics và hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại bị tác động bởi đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Đắc Hưng// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 35-41.

**Nội dung**: Ngân hàng thương mại (NHTM) là loại hình tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ và cung ứng các dịch vụ ngân hàng tiện ích khác trong nền kinh tế. Hoạt động ngân hàng và các doanh nghiệp trong hệ thống Logistics có mối quan hệ trực tiếp trên 6 góc độ: cùng hệ sinh thái giữa cơ sở hạ tầng Logistics với công nghệ ngân hàng số, hay dịch vụ ngân hàng điện tử; hoạt động thương mại điện tử, hay hệ thống cung ứng hàng hóa và dịch vụ điện tử; đầu tư vốn qua hình thức mua trái phiếu doanh nghiệp và cho vay vốn tín dụng các doanh nghiệp thuộc hệ thống Logistics; NHTM cung ứng dịch vụ bảo lãnh, mở L/C, bao thanh toán, chuyển tiền xuyên biên giới và các hoạt động tài trợ thương mại quốc tế, tài trợ xuất nhập khẩu khác cho các doanh nghiệp Logistics;... Do đó, Đại dịch Covid- 19 tác động tích cực, tiêu cực đến hoạt động Logistics cũng tác động trực tiếp đến hoạt động ngân hàng thương mại. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng này và đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Logistics, Ngân hàng, Tác động, Đại dịch Covid-19, Doanh nghiệp Logistics: Kinh doanh, Ngân hàng thương mại

**115. Mối quan hệ giữa mức độ chấp nhận rủi ro và kết quả hoạt động của doanh nghiệp**/ Đào Thị Thanh Bình, Phạm Thị Mỹ Phương// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.104 - 106.

**Nội dung:** Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp để hiểu rõ mối quan hệ giữa mức độ chấp nhận rủi ro và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, các biến chấp nhận rủi ro được nghiên cứu là: Đòn bẩy tài chính và chi phí nghiên cứu phát triển; bên cạnh đó, các biến Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA), Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) đại diện cho các thước đo kết quả hoạt động doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Rủi ro, kết quả hoạt động, doanh nghiệp

**116. Một số vấn đề lý luận về huy động nguồn nhân lực ngư dân phục vụ phát triển kinh tế biển ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Thị Thái Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 04-06.

**Nội dung**: Bài viết tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản nhằm định hướng cho việc nghiên cứu thực trạng quá trình huy động nguồn nhân lực ngư dân phục vụ phát triển kinh tế biển Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, kinh tế biển, biển Việt Nam

**117. Mối quan hệ giữa thu ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN/** Nguyễn Ngọc Hùng// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của thu ngân sách nhà nước (NSNN) đến tăng trưởng kinh tế (TTKT) ở các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu bảng thu thập từ Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng phát triển châu Á, kết quả nghiên cứu cho thấy thu NSNN có ảnh hưởng ngược chiều với TTKT. Qua đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị về thu NSNN hướng đến TTKT và ổn định kinh tế vĩ mô.

**Từ khoá**: Thu ngân sách nhà nước, tăng trưởng kinh tế, các nước ASEAN

**118. Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh**/ Hồ Trần Quốc Hải, Vũ Trực Phức// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 132-136.

**Nội dung**: Việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (DN) đóng vai trò quan trọng trong tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững cho các DNNVV tại TP. Hồ Chí Minh. Bài viết phân tích mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của DNNVV và hiệu quả tài chính qua yếu tố gồm: Sự hài lòng khách hàng, danh tiếng DNNVV và lợi thế cạnh tranh của DNNVV. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố danh tiếng DNNVV và lợi thế cạnh tranh đóng vai trò trung gian tác động đến hiệu quả tài chính DNNVV trong các hoạt động trách nhiệm xã hội của DNNVV.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hiệu quả tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa, TP. Hồ Chí Minh

**119. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics trong quá trình hội nhập quốc tế**/ Dương Thị Thúy Hà, Vương Hồng Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics trong quá trình hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Hội nhập quốc tế, dịch vụ logistics

**120. Một số khía cạnh về quyền cổ đông trong công ty cổ phần**/ Vũ Quang// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Thông qua quyền cổ đông trong công ty cổ phần, các cổ đông thực hiện các quyền sở hữu đối với cổ phần của mình đối với công ty theo các quy định của điều lệ và pháp luật. Hiện nay, có nhiều cách hiểu, quan điểm khác nhau về bản chất của quyền cổ đông tại công ty cổ phần dẫn đến khó khăn khi thực hiện các quyền cổ đông trong đời sống thực tiễn. Bài viết này sẽ phân tích một số khía cạnh lý luận, các học thuyết pháp lý liên quan đến quyền cổ đông để từ đó làm rõ bản chất pháp lý của quyền cổ đông và sự thay đổi trên thực tế quan điểm về quyền này trong pháp luật Việt Nam.

**Từ khoá:** Quyền cổ đông, học thuyết pháp lý, công ty cổ phần

**121. Một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp công nghệ cao**/ Trịnh Anh Tuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580.- Tr. 72 – 74.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra một số nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

**Từ khóa:** Công nghệ cao, nông nghiệp, quá trình sản xuất

**122. Một số vấn đề về thu hút đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp/** Nguyễn Thị Thao**/**/ Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 77 - 78.

**Nội dung:** Bài viết trình bày thực trạng thu hút đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp hiện nay và đề xuất giải pháp tăng cường thu hút đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp thời gian tới.

**Từ khóa:** Giáo dục nghề nghiệp, thu hút đầu tư, nguồn lực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

**123. Một số ý kiến về vấn đề ép buộc khách hàng trong bối cảnh dịch bệnh**/Trần Thăng Long, Nguyễn Văn Nhân//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 54 – 56.

**Nội dung:** Bài viết phân tích quy định ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác trong tình hình dịch bệnh từ đó nêu lên những tình huống mà luật chưa dự liệu hoặc chưa có hướng dẫn rõ ràng, đồng thời có hướng đề xuất để hoàn thiện các quy định của pháp luật đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh này.

**Từ khóa:** Đối tác kinh doanh, khách hàng

**124. Nắm bắt xu thế và chuyển đổi số : hành trình để doanh nghiệp kiến tạo tương lai**/ Vũ Minh Khương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Phân tích nắm bắt xu thế và chuyển đổi số, hành trình để doanh nghiệp kiến tạo tương lai. Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên mới với những thay đổi phi thường, trong đó công cuộc chuyển đổi số (CĐS) rộng khắp trên mọi lĩnh vực và ở mọi quốc gia đóng vai trò nền tảng và là động lực chủ đạo. Trong kỷ nguyên với những thách thức và cơ hội chưa từng có này, các quốc gia và doanh nghiệp có khát vọng lớn, tầm nhìn thời đại và chiến lược thực thi sắc bén có thể làm nên những thành quả phát triển vượt bậc. CĐS là một công cuộc nâng cấp toàn diện, không chỉ năng lực sản xuất kinh doanh mà cả chiến lược thích ứng với đổi thay của thời đại, để tăng sức cạnh tranh và phát triển của doanh nghiệp cả trong trước mắt và lâu dài. Vì vậy, nỗ lực CĐS cần bắt đầu bằng những nhận thứ thấu đáo về xu thế phát triển và nâng cấp toàn diện tư duy chiến lược trong các nội dung trình bày ở trên.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, doanh nghiệp kiến tạo tương lai, tư duy chiến lược

**125. Nâng cao chất lượng đào tạo lao động chuyên ngành kế toán trường Đại học Tây Bắc/** Nguyễn Anh Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 111-114.

**Nội dung**: Với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tác giả đã nghiên cứu đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Tây Bắc, kết hợp với khảo sát ý kiến của cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động và các sinh viên đang được đào tạo. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán, tại trường Đại học Tây Bắc.

**Từ khoá**: Kế toán, Lao động, Chương trình đào tạo

**126. Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về đào tạo nghề tại tỉnh Bắc Ninh**/ Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Thị Hương// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.222 - 224.

**Nội dung:** Bắc Ninh là Tỉnh có mật độ dân số cao, nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động khá dồi dào, tuy nhiên chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội là một trong những nhiệm vụ được Tỉnh đặc biệt quan tâm thời gian gần đây. Bài viết nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo nghề tại tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn Tỉnh trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Giải pháp, chất lượng, quản lý nhà nước, đào tạo nghề, Bắc Ninh

**127. Nâng cao chuỗi giá trị Artemia Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng**/ Vũ Thị Hiếu Đông// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Phân tích nâng cao chuỗi giá trị Artemia Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng. Artemia Vĩnh Châu là sản phẩm đặc trưng không chỉ riêng của tỉnh Sóc Trăng mà còn của cả Đồng bằng sông Cửu Long. Để tăng năng suất và sản lượng Artemia, gắn liền với bảo vệ môi trường, trong thời gian tới, Sóc Trăng sẽ từng bước mở rộng địa bàn nuôi trồng Artemia gắn với chế biến sâu các sản phẩm từ Artemia, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

**Từ khóa**: Chuỗi giá trị Artemia, Artemia Vĩnh Châu

**128. Nâng cao chất lượng nhân lực của các quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam**/ Đào Minh Phúc// Ngân hàng .- 2021 .- Số 11(6/2021) .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Việc tìm kiếm các giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực phù hợp với đặc trưng riêng của quỹ tín dụng nhân dân là rất cần thiết giúp các tổ chức này tiếp tục phát triển bến vững trong bối cảnh mới. Trên cơ sở đó, bài viết đề cập thực trạng nâng cao chất lượng nhân lực tại các quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam và một số gợi ý nhằm nâng cao chất lượng nhân lực của các quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam.

**Từ khoá**: Nâng cao, Chất lượng nhân lực, Quỹ tín dụng nhân dân

**129. Nâng cao chất lượng thành viên của quỹ tín dụng nhân dân - góc nhìn từ phía các quy định kết nạp và quản lý thành viên**/ PGS.TS. Mai Thanh Quế, TS. Trần Thanh Long// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Bài viết phân tích vấn đề nâng cao chất lượng thành viên của quỹ tín dụng nhân dân dưới góc nhìn từ các quy định về kết nạp và quản lý thành viên, từ đó đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thành viên một cách bền vững, phù hợp với mô hình và đặc thù của hê thống quỹ tín dụng nhân dân tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: quỹ tín dụng nhân dân, quản lý thành viên

**130. Nâng cao hiệu quả ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể**/ Nguyễn Minh Sơn, Trần Vũ Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Qua phân tích tình hình ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, các tác giả đã chỉ ra kết quả tích cực, những mặt còn tồn tại, hạn chế trong ban hành cũng như trong quá trình thực hiện để kịp thời kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện chính sách, pháp luật, nhất là pháp luật về hợp tác xã. Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể.

**Từ khoá**: Chính sách, Pháp luật, Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

**131. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý bán hàng đa cấp trong giai đoạn mới**/ Đặng Văn Sáng// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Bán hàng đa cấp là một phương thức bán hàng phổ biến và được pháp luật quốc tế và Việt Nam thừa nhận. Tuy nhiên, tại Việt Nam, trong những năm qua, tình trạng biến tướng mô hình này, tiềm ẩn hành vi có tính chất lừa đảo núp bóng loại hình kinh doanh theo phương thức đa cấp đang diễn biến rất phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Trong bối cảnh đó, cần sớm có giải pháp ngăn chặn và nâng cao hiệu quả công tác quản lý bán hàng đa cấp trong giai đoạn 2021-2025.

**Từ khoá:** Bán hàng đa cấp, quản lý nhà nước, hoạt động kinh doanh

**132. Nâng cao hiệu quả truyền thông về đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ trong các doanh nghiệp**/ Trần Quang Tuấn, Đinh Phương Hoàn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 10(751) .- Tr. 21-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu nâng cao hiệu quả truyền thông về đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ (ĐMƯD&LCCN) trong các doanh nghiệp (DN). Để có cái nhìn đầy đủ về thực trạng truyền thông trong lĩnh vực này tại các doanh nghiệp Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN đã thực hiện đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông về đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ trong các doanh nghiệp Việt Nam” đã chỉ ra một số vấn đề như: các DN chưa thực sự coi trọng công tác truyền thông về ĐMƯD&LCCN.

**Từ khóa**: Truyền thông, công nghệ trong doanh nghiệp, kênh thông tin

**133. Nâng cao khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên tài chính ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ TS. Nguyễn Thị Minh, ThS. Nguyễn Trọng Tuyến// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên tài chính ngân hàng trong bối cảnh mới hiện nay.

**Từ khoá**: nghề nghiệp, sinh viên, cách mạng công nghiệp 4.0, tài chính, ngân hàng

**134. Nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ Bùi Huy Trung, Mai Hương Giang// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.101 - 103.

**Nội dung:** Thời gian qua, cơ chế chính sách về tín dụng và hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày một kiện toàn, tạo điều kiện thuận lợi, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp khi tiếp cận vốn tín dụng. Tuy nhiên, thực tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận vốn, nhất là nguồn vốn tín dụng, điều này đòi hỏi phải tiếp tục có các giải pháp để tháo gỡ. Bài viết nghiên cứu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng và đề xuất, khuyến nghị giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

**Từ khoá:** Tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn hoạt động doanh nghiệp

**135. Nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trẻ từ tiếp cận đổi mới sáng tạo và đồng sáng tạo giá trị trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: tiền đề lý luận và những định hướng nghiên cứu quan trọng/**Nguyễn Thị Uyên, Đỗ Thị Bình, Hoàng Văn Mạnh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Chỉ ra vai trò có tính cốt lõi của đổi mới sáng tạo, đồng sáng tạo giá trị đối với doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp trẻ cả về mặt lý luận và thực tiễn. Hệ thống hóa cơ sở lý luận của các nghiên cứu trước có liên quan về các cách tiếp cận và đánh giá đổi mới sáng tạo trong mối quan hệ với lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp nói chung doanh nghiệp trẻ nói riêng từ đó kết hợp với sự hỗ trợ của lý thuyết nguồn lực, đề tài đã chỉ ra những định hướng nghiên cứu quan trọng về mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo với tiếp cận toàn diện.

**Từ khóa: Đ**ổi mới sáng tạo, đồng sáng tạo giá trị, cách mạng công nghiệp 4.0

**136. Nâng cao năng lực quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Trần Thu Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các doanh nhiệp nhỏ và vừa nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tĩnh Vĩnh Phúc còn phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Những hạn chế này đã tác động đến năng lực quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế này, cần có giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực quản lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh.

**Từ khóa**: năng lực quản lý, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh Vĩnh Phúc

**137. Nâng cao vai trò của công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị ngành điện tử Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Đỗ Trung Hiếu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Bài viết phân tích vai trò của công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị để lý giải cho hiệu quả thấp của ngành công nghiệp. Đồng thời phân tích thực trạng và đưa ra các giải pháp nâng cao vai trò của công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị ngành điện tử.

**Từ khóa**: công nghiệp, ngành điện tử, chuỗi giá trị

**138. Nâng cao năng suất trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam**/ Đoàn Hương Quỳnh, Đặng Phương Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 15-17,26.

**Nội dung**: Đóng góp khoảng 40% GDP, 30% ngân sách Nhà nước và thu hút khoảng 85% lực lượng lao động trong cả nước, khu vực kinh tế tư nhân đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng, trong sự phát triển kinh tế của đất nước. Mặc dù khu vực kinh tế tư nhân đã đạt được những thành tích đáng kể sau hơn 30 đổi mới, tuy nhiên năng suất lao động trong khu vực kinh tế tư nhân đang được xếp vào mức thấp nhất so với các khu vực còn lại. Vì vậy, tăng năng suất lao động trong khu vực kinh tế tư nhân chính là tiền đề quan trọng, để cải thiện năng suất lao động quốc gia. Bài viết trình bày thực trạng năng suất lao động của khu vực kinh tế tư nhân, qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao năng suất khu vực kinh tế tư nhân góp phần nâng cao năng suất toàn nền kinh tế.

**Từ khoá:** Năng suất lao động, Khu vực kinh tế tư nhân

**139. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế/**//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hội nhập quốc tế cần được coi trọng bởi lẽ loại hình doanh nghiệp này có vai trò lớn trong nền kinh tế với các lợi thế rất riêng trong hội nhập. Thực tế năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn rất khiêm tốn ở các yếu tố: Trình độ tổ chức quản lý, nguồn nhân lực, sản phẩm, khả năng liên kết, năng suất sản xuất kinh doanh, uy tín thương hiệu. Chính sách hỗ trợ của nhà nước là phần tất yếu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cần có những thay đổi để phù hợp với thực tế và để chính sách được thực hiện hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp, hội nhập kinh tế quốc tế

**140. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam**/ Hoàng Thị Mai Lan// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 50-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính trong doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên dữ liệu thu thập được thông qua phỏng vấn các giám đốc, kế toán trưởng, kiểm toán viên và người sử dụng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp này trên toàn quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính đạt mức trung bình và thấy có 7 nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính là năng lực nhân viên kế toán với ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán, kiểm toán viên độc lập, kiểm soát nội bộ, cơ chế tài chính, cấu trúc vốn và ngành nghề kinh doanh. Trên cơ sở đo lường sự tác động của các nhân tố tới chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Tài chính, Báo cáo tài chính, Chất lượng, Thông tin, Doanh nghiệp, Quản lý, Khai thác, Công trình thủy lợi

**141. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Như Quỳnh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Nghiên cứu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với mẫu nghiên cứu điều tra 315 cán bộ nhân viên làm việc tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn trong giai đoạn 3 năm. Sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định và mô hình cấu trúc tuyến tính, kết quả nghiên cứu chỉ ra có 6 nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại đó là: Khả năng quản trị, khả năng marketing, khả năng tài chính, khả năng đổi mới sản phẩm dịch vụ, khả năng tổ chức phục vụ, khả năng quản trị rủi ro.

**Từ khóa:** Hoạt động kinh doanh, ngân hàng thương mại, Thái Nguyên

**142. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**/ Mai Anh Vũ, Hà Thị Lan// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 80-88.

**Nội dung**: Bài báo này nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo. Nhóm nghiên cứu tập trung xây dựng mô hình nghiên cứu, đưa ra các giả thuyết nghiên cứu, sau đó thu thập dữ liệu và phân tích dựa trên các phần mềm thống kê như SPSS, Smart-PLS sem. Dữ liệu khảo sát 333 đối tượng là sinh viên năm 2,3,4 và sinh viên đã tốt nghiệp trên 17 ngành đào tạo tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (TUCST). Kết quả phân tích cho thấy có 6 nhân tố tác động tới sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo tại TUCST. Mức độ tác động xếp theo thứ tự là: Nhân tố Chất lượng giảng viên; Sự tin cậy vào nhà trường có tác động bằng nhau và mạnh nhất; Mức độ ảnh hưởng lớn thứ ba là nhân tố: Chương trình đào tạo; Cơ sở vật chất và thiết bị; Sự phù hợp về phí dịch vụ đào tạo và Môi trường giáo dục.

**Từ khoá**: Đào tạo, Chất lượng, Dịch vụ, Hài lòng, Sinh viên, Đại học, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

**143. Nghiên cứu các nhân tố tài chính ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của các công ty đại chúng chưa niên yết tại Việt Nam**/ Nguyễn Trà Ngọc Vy, Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm, Nguyễn Thanh Bình, Hà Thị Thanh Trà, Trần Thị Bích Ngân, Nguyễn Hoài Nam// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.79 - 81.

**Nội dung:** Nghiên cứu này xem xét tác động của những yếu tố đến khả năng thanh khoản của các công ty đại chúng chưa niên yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM). Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu thu thập từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 819 công ty UPCOM trong giai đoạn từ 2015 đến 2019. Bằng việc sử dụng các mô hình hồi quy dữ liệu bảng với cách tiếp cận theo phương pháp hiệu ứng cố định, hiệu ứng ngẫu nhiên, nghiên cứu chỉ ra bằng các nhân tố gồm quy mô doanh nghiệp, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ số thanh toán và tỷ lệ chỉ trả cổ tức có tác động cùng chiều đến khả năng nắm giữ tiền mặt của doanh nghiệp. Trong khi đó, đòn bẩy tài chính có mối quan hệ ngược chiều với khả năng nắm giữ tiền mặt của công ty.

**Từ khoá:** Thanh khoản, báo cáo tài chính, doanh nghiệp, UPCOM

**144. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ giữa các ngành kinh doanh**/ Đỗ Thị Vân Trang// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 47-54.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp trong các ngành kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2019. Dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của 485 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố thuộc về tình hình tài chính của doanh nghiệp như cấu trúc vốn, cơ cấu tài sản, khả năng thanh khoản và quy mô doanh nghiệp được cho thấy có tương quan cùng chiều đến cấu trúc kỳ hạn nợ trong hầu hết các ngành. Trong khi, các yếu tố kinh tế vĩ mô bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tốc độ tăng trưởng tín dụng chi tác động đến cấu trúc kỳ hạn nợ của một số ngành nhất định. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, tác giả gợi ý một số khuyến nghị nhằm giúp doanh nghiệp xây dựng được cấu trúc kỳ hạn nợ hợp lý. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý về chính sách đối với Chính phủ trong việc điều hành các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Cấu trúc kỳ hạn nợ, Kinh doanh, Doanh nghiệp, Niêm yết, Chính sách, Kinh tế vĩ mô, Thị trường chứng khoán, Phát triển

**145. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ khu vực phía Nam/**Bùi Phương Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 72 – 74.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ tại các tỉnh thành khu vực phía Nam. Qua đó xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ bao gồm các yếu tố môi trường vĩ mô, môi trường vi mô và môi trường nội bộ. Kết quả nghiên cứu và phân tích chỉ ra một số các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ như tiêu chí về độ tin cậy, tiêu chí về thời gian, tiêu chí về độ an toàn, tiêu chí linh hoạt, tiêu chí về giá.

**Từ khóa:** Dịch vụ vận tải hàng hóa, đường bộ, phía Nam

**146. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa**/Lê Danh Lượng/Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 40 – 42.

**Nội dung:** Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn từ quỹ tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

**Từ khóa:** Tín dụng vốn, doanh nghiệp

**147. Nghiên cứu hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Hưng Yên/**Lê Thị Hồng Quyên//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Hưng Yên thông qua nghiên cứu các chỉ tiêu như thời gian sử dụng internet, số lần mua sắm trực tuyến tổng năm, các sản phẩm thường xuyên được mua sắm của người tiêu dùng.

**Từ khóa:** Mua sắm trực tuyến, người tiêu dùng, Hưng Yên

**148. Nghiên cứu khám phá tác động của các nhân tố lập luận đạo đức đến thái độ và ý định hành vi mua của người tiêu dùng hàng nhái tại Việt Nam**/ Cảnh Chí Hoàng, Nguyễn Hữu Khôi// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 42-49.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung vào nhân tố lập luận đạo đức để giải thích thái độ và ý định tiêu dùng hàng nhái của người tiêu dùng Việt Nam. Cụ thể hơn, tác giả tập trung vào tác động trực tiếp và gián tiếp của cơ chế hợp lý hóa đạo đức và tách rời đạo đức đến ý định tiêu dùng hàng nhái thòng qua thái độ tích cực với hành vi này. Kết quả kiểm định với kỹ thuật PLS-SEM cho thấy rằng thái độ tích cực đối với việc tiêu dùng hàng nhái có tác động dương đến ý định mua hàng nhái. Quan trọng hơn, nghiên cứu cho thấy hai thành phần của nhân tố lập đạo đức gằm sự hợp lý hóa đạo đức và sự tách rời đạo đức có tác động trực tiếp và gián tiếp đến ý định mua hàng nhái thông qua thái độ. Do đó, nghiên cứu này đưa ra một vài hàm ý học thuật và quản lý quan trọng.

**Từ khoá:** Hàng nhái, Người tiêu dùng, Nhân tố lập luận đạo đức, Thái độ, Ý định hành vi, Mua hang

**149. Nghiên cứu mô hình bán lẻ mới trong thời kỳ 4.0, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho các nhàn bán lẻ Việt Nam/** Nguyễn Phan Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số mô hình bán lẻ mới và hàm ý một số định hướng cho các nhà bán lẻ Việt Nam học tập.

**Từ khóa:** Mô hình bán lẻ, thời kỳ 4.0, kinh nghiệm quốc tế

**150. Nghiên cứu mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin báo cáo tài chính: Bằng chứng tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Loan, Nguyễn Văn Bảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 57-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm đo lường mức độ tác động của các nhân tố chất lượng thông tin báo cáo tài chính đến sự hài lòng của người sử dụng. Nhóm tác giả đã thu nhập 252 mẫu nghiên cứu và sử dụng các kỹ thuật, để phân tích hồi quy. Thang đo của chất lượng thông tin báo cáo tài chính (BCTC) và sự hài lòng đều đạt giá trị hữu dụng và tin cậy, mô hình nghiên cứu phù hợp với dữ liệu và các giả thuyết đều được chấp nhận. Nhìn chung, nghiên cứu có giá trị tin cậy cho thấy người sử dụng thõng tin BCTC khá hài lòng về chất lượng thông tin BCTC của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Điều này cho thây chất lượng BCTC đáp ứng được kỳ vọng, nhu cầu của người sử dụng.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, sự hài lòng, người sử dụng báo cáo tài chính

**151. Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng APPS để đặt đồ ăn**/ TS. Nguyễn Bình Minh, Trần Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Lan Tiên, Nguyễn Trung Hiếu// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 46-50.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố tác động đến ý định sử dụng ứng dụng APPS để đặt đồ ăn. Mô hình nghiên cứu và các thang đo được xây dựa trên các lý thuyết; các nghiên cứu trong và ngoài nước. Phương pháp nghiên cứu được dùng là phương pháp định lượng.

**Từ khoá**: hành vi hợp lý, hành vi có kế hoạch, chấp nhận công nghệ, ứng dụng đặt đồ ăn, APPS

**152. Nghiên cứu vận dụng phương pháp trả lương 3P trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam/** Nguyễn Quốc Toản, Nguyễn Thị Tuyết Dung, Hoàng Thị Khánh Vân// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 90-95.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp chuyên gia khảo sát, đánh giá chính sách trả lương tại các doanh nghiệp xây dựng, tìm hiểu, phân tích các nghiên cứu tại Việt Nam và một số quốc gia đang phát triển về ảnh hưởng của phương pháp trả lương đến năng suất lao động ngành Xây dựng. Từ đó, giới thiệu và hướng dẫn triển khai hệ thống trả lương 3P cho các doanh nghiệp xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Phương pháp trả lương 3P, doanh nghiệp xây dựng, năng suất lao động

**153. Nguy cơ bong bóng tài sản tại Việt Nam và một số khuyến nghị**/ ThS. Nguyễn Ngọc Ân// Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 34-38.

**Nội dung**: Bài viết nhận định nguy cơ xảy ra bong bóng tài sản hiện nay tương đối thấp. Sự tăng giá chứng khoán và bất động sản trên cơ sở những yếu tố phản ánh cung cầu thông thường của thị trường, chưa xa rời giá trị nội tại của tài sản và chưa có yếu tố lạc quan phi lý trên thị trường.

**Từ khóa**: bong bóng tài sản, bong bóng chứng khoán, bong bóng bất động sản

**154. Nguyên tắc thực thi hiệu quả trong giám sát, thanh tra, xử phạt trên thị trường chứng khoán**/ Nguyễn Thị Thụy Hương// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 275(Tháng 09) .- Tr. 08-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét các nguyên tắc đã được IOSCO khuyến nghị nhằm đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin không chỉ giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với các bên tham gia thị trường chứng khoán trong nước và cả quốc tế.

**Từ khóa**: thị trường chứng khoán, nguyên tắc thực thi, giám sát, thanh tra, xử phạt

**155. Nhân tố ảnh hưởng đến việc mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng nông thôn đồng bằng sông Hồng**/ Phạm Thanh Bình// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.185 - 187.

**Nội dung:** Nghiên cứu này xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng nông thôn khu vực Đồng bằng sông Hồng đối với việc mua sắm trực tuyến. Mô hình kiểm định cho thấy, các yếu tố sự tiện lợi, chất lượng website, dịch vụ chăm sóc khách hàng, chính sách bán hàng và nhu cầu được công nhận có ảnh hưởng đến sự hài lòng với việc mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng nông thôn Đồng bằng sông Hồng.

**Từ khoá:** Mua sắm trực tuyến, sự hài lòng, đồng bằng sông Hồng

**156. Nhận diện bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến sự phát triển của đội ngũ doanh nhân Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030/**Nguyễn Anh Tuân//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 57 – 59.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các yếu tố trong nước và quốc tế ảnh hưởng tới sự phát triển của đội ngũ doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Đội ngũ doanh nhân, hội nhập quốc tế, Hải Phòng

**157. Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị để mua sắm của khách hàng tại Đà Nẵng**/ Hồ Diệu Khách// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.134 - 136.

**Nội dung:** Bài viết xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị để mua sắm của khách hàng tại TP. Đà Nẵng trong quý I/2021.Các vấn đề nổi bật trong nghiên cứu gồm: Xác định mục tiêu, đối tượng nghiên cứu, thời gian, địa điểm nghiên cứu, cơ sở lý luận để hình thành mô hình nghiên cứu, cách thức triển khai thực hiện và kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị để mua sắm của khách hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 3 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng TP. Đà Nẵng gồm: Hàng hoá, nhân viên và sự thuận tiện.

**Từ khoá:** Quyết định lựa chọn, siêu thị, mua sắm, khách hàng

**158. Nhận diện các rào cản chính ảnh hưởng đến dự án hạ tầng theo hình thức đối tác công tư ở Việt Nam/** ThS. Lê Hữu Đạt// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 38-41.

**Nội dung:** Xác địnhh các rào cản và lựa chọn các rào cản chính ảnh hưởng đến các dự án hạ tầng theo hình thức đối tác công tư tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Rào cản chính, đối tác công tư, dự án hạ tầng, Việt Nam

**159. Nhân tố tác động đến hệ thống kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp thương mại tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Cúc Hồng// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.125 - 127.

**Nội dung:** Trong thương trường cạnh tranh hiện nay, các doanh nghiệp luôn mong muốn ngày càng phát triển theo hướng bền vững. Để đạt được điều này doanh nghiệp phải nâng cao hiệu quả quản lý, trong đó hệ thống kiểm soát nội bộ phải được phát huy, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Bài viết này đồng thời sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, để tìm ra các nhân tố tác động đến hiệu quả kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp thương mại. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố tác động đến hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp thương mại gồm: Môi trường kiểm soát; Đánh giá rủi ro; Thông tin và truyền thông; Đặc điểm doanh nghiệp thương mại; Hoạt động giám sát; Hoạt động kiểm soát.

**Từ khoá:** Hệ thống kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp thương mại, kiểm soát

**160. Nhận thức của khách du lịch về vấn đề quản lý môi trường và một số giải pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Ba Vì**/ Trần Nho Đạt, Nguyễn Hoàng Nguyệt Anh, Nguyễn An Thịnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã đánh giá được các vấn đề môi trường nảy sinh trong hoạt động du lịch sinh thái, những yếu tố chính sách tác động tới môi trường Vườn Quốc gia Ba Vì. Từ đó đưa ra được các giải pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch sinh thái.

**Từ khoá**: khách du lịch, du lịch sinh thái, quản lý môi trường, vườn Quốc gia Ba Vì

**161. Nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn áp dụng mô hình sử dụng đất nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu: Nghiên cứu trường hợp của nông hộ ở vùng cát nội đồng tỉnh Quảng Bình**/ Nguyễn Đức Kiên// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp gắn liền với tăng thu nhập và cải thiện sinh kế cho nông hộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu là vấn đề cấp thiết ở Việt Nam. Nghiên cứu này đánh giá tổng thể về hiệu quả kinh tế, nhân tố ảnh hưởng và tác động đến thu nhập từ áp dụng mô hình canh tác bền vững ở vùng cát ven biển Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu chỉ ra hiệu quả kinh tế khá cao từ áp dụng ba mô hình canh tác. Có sự chênh lệch đáng kể về ảnh hưởng cận biên của các nhân tố liên quan đến lựa chọn mô hình; trong đó, tiếp cận tín dụng nông nghiệp có tác động rất hạn chế. Nghiên cứu cũng chứng minh ảnh hưởng tích cực của áp dụng các mô hình canh tác trên đến gia tăng thu nhập ở nông hộ. Nhìn chung, chính sách khuyến khích các mô hình canh tác nông nghiệp bền vững thông qua cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, thông tin thị trường và tiếp cận tín dụng cần được ưu tiên trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế, Kinh tế nông hộ, Sử dụng đất, Canh tác, Phát triển bền vững, Hiệu quả, Hộ nông dân, Biến đổi khí hậu

**162. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư**/ Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thị Minh Thuỳ// Ngân hàng .- 2021 .- Số 20(10/2021) .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng, qua phương pháp phân tích mô-men tổng quát hệ thống (System GMM) nhằm xử lý nội sinh trong mô hình ước lượng. Kết quả nghiên cứu khẳng định, hiệu quả kinh doanh trong quá khứ, sự thay đổi về mặt công nghệ, niêm yết cổ phiếu, cấu trúc vốn thiên về vốn chủ sở hữu có tác động tích cực lên hiệu quả tài chính của ngân hàng; trong khi nợ xấu, sở hữu của nhà nước có tác động tiêu cực lên hiệu quả tài chính.

**Từ khoá**: ngân hàng, công nghệ, hiệu quả

**163. Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đi làm thêm của sinh viên: Thực nghiệm từ Đại học Vinh**/ Nguyễn Thị Bích Thủy, Hoàng Vĩnh Thái, Trương Thị Thơ, Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Thùy Dương, Đào Nữ Hà Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 102-108.

**Nội dung:** Sinh viên có nên đi làm thêm hay không? là một thắc mắc mà những ai đã hoặc đang là sinh viên đều cảm thấy băn khoăn và có nhiều câu trả lời trái chiều cho vấn đề này. Nghiên cứu thực hiện khảo sát 400 sinh viên khoa Kinh tế - trường Đại học Vinh, nhằm nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đi làm thêm của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nơi cư trú, trợ cấp từ gia đình, tâm lý đám đông và thu nhập từ công việc làm thêm có tác động tiêu cực đến quyết định có đi làm thêm hay không của sinh viên, trong khi mức chi tiêu cá nhân (sinh hoạt phí) mong muốn tích lũy kinh nghiệm - kỹ năng sống lại có tác động tích cực.

**Từ khoá**: Làm thêm, Sinh viên, Đại học Vinh

**164. Nhân tố ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của nhân viên kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đồng Nai**/ Lâm Ngọc Nhẫn, Bùi Văn Thụy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 4(211) .- Tr. 94-98.

**Nội dung**: Mỗi năm, có hàng chục nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được thành lập trên cả nước, kéo theo nhu cầu tuyển dụng kế toán ngày càng tăng cao. Việc tuyển dụng và giữ chân nhân viên kế toán, đang là bài toán khó đặt ra cho các DNNVV. Một trong những điều quyết định đến sự trung thành của nhân viên kế toán đó là sự thỏa mãn, hài lòng trong công việc. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên kế toán trong các DNNVV, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Từ đó, tác giả cũng đề xuất các nhóm giải pháp giúp DNNVV cải thiện sự hài lòng công việc của nhân viên kế toán và giữ chân đội ngũ nhân viên kế toán, trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sự hài lòng, Các yếu tố ảnh hưởng, Nhân viên kế toán

**165. Những cơ hội và thách thức đối với nhượng quyền thương mại tại Việt Nam**/ Trần Kim Thoa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đã mở ra nhiều cơ hội, cách thức kinh doanh. Thay vì cần phải dành một thời gian dài nghiên cứu phát triển một thương hiệu, một sản phẩm mới như tiến trình kinh doanh thông thường, nhượng quyền cho phép chủ đầu tư kiếm tiền nhanh chóng ngay từ những thương hiệu đã xây dựng sẵn từ trước của người khác. Nhượng quyền thương mại không còn là một khái niệm kinh doanh mới tại Việt Nam. Các thương hiệu lớn trên thế giới hiện đã và đang xuất hiện với số lượng đáng kể và chính Việt Nam cũng đã phát triển một vài thương hiệu nhượng quyền của riêng mình. Chính phủ Việt Nam đã ban hành hành lang pháp luật về nhượng quyền thương mại, để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhượng quyền. Bài viết này cung cấp một số nội dung cơ bản về nhượng quyền thương mại và thực trạng nhượng quyền tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Nhượng quyền thương mại, Kinh doanh, Cơ hội

**166. Những nhân tố ảnh hưởng đến mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia : nghiên cứu tại các nước Asean đang phát triển và các nước phát triển**/ TS. Lâm Thanh Phi Quỳnh, ThS. Nguyễn Đăng Khoa, ThS. Nguyễn Thị Lệ Huyền// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 50-57.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Ordered Logit trên dữ liệu bảng nhằm mục đích xác định sự khác biệt trong tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia của các nước Asean đang phát triển và các nước phát triển.

**Từ khóa**: mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia, mô hình hồi quy Ordered Logit, yếu tố tác động đến mức xếp hạng, Asean

**167. Phát huy vai trò của các tổ chức cung ứng dịch vụ xã hội không vì lợi nhuậ**n/ Lê Thu Hằng, Nguyễn Danh Nam// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.88 - 92.

**Nội dung:** Dịch vụ xã hội là những dịch vụ đáp ứng các nhu cầu cộng đồng và cá nhân nhằm phát triển xã hội, có vai trò đảm bảo phúc lợi và công bằng xã hội, đề cao giá trị đạo lý, nhân văn, vì con người, là hoạt động mang bản chất kinh tế - xã hội. Khi nói đến hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội, thường nhắc đến vai trò của nhà nước mà đại diện cung cấp là các chủ thể thuộc khu vực công. Trong những năm gần đây, các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến vấn đề các tổ chức không vì lợi nhuận bởi chúng có vai trò quan trọng trong việc cung ứng các dịch vụ xã hội.

**Từ khoá:** Tổ chức, dịch vụ xã hội, cung ứng dịch vụ xã hội

**168. Phát triển chuỗi cung ứng hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam**/ Lưu Khánh Cường// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 132-134.

**Nội dung**: Bài viết dựa trên cơ sở nghiên cứu, phân tích thực trạng xuất khẩu hàng nông sản, thực tế tham gia vào chuỗi cung ứng hàng nông sản toàn cầu, đưa ra một số giải pháp phát triển chuỗi cung ứng hàng nông sản xuất khẩu nhằm tham gia hiệu quả chuỗi cung ứng toàn cầu hàng nông sản.

**Từ khóa**: chuỗi cung ứng, xuất khẩu nông sản, hàng nông sản

**169. Phát triển dịch vụ: một trong những yếu tố quyết định thành công của ngân hàng bán lẻ**/ Phạm Thị Hồng Minh// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 73 - 75.

**Nội dung:** Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ là xu hướng tất yếu trong hoạt động của các ngân hàng thương mại trong khu vực, trên thế giới nói chung và của các ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng. Trong cuộc đua trên lĩnh vực bán lẻ, các ngân hàng đều đầu tư vào công nghệ để dành vị trí tiên phong. Tuy nhiên, thực tế cho thấy công nghệ hiện đại mấy rồi cũng đến lúc lỗi thời, sản phẩm ưu việt mấy cũng dễ dàng bị sao chép, trong quá trình cạnh tranh khốc liệt, ngân hàng nào quản trị sản phẩm tốt hơn sẽ chiếm được ưu thế và thành công.

**Từ khóa:** Ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng bán lẻ, phát triển dịch vụ

**170. Phát triển kinh tế ban đêm tại các thành phố của Việt Nam : một số đánh giá và kiến nghị**/ Đào Trung Hiếu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 04-06.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với các thành phố lớn của Việt Nam trong việc thu hút du khách hàng năm, đồng thời tác giả cũng đề xuất một số biện pháp nhằm giúp phát triển nền kinh tế ban đêm tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: kinh tế ban đêm, phát triển kinh tế, thành phố

**171. Phát triển kinh tế số ở Trung Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam**/ PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 43-49.

**Nội dung**: Những thành tựu và nhân tố đóng góp vào phát triển kinh tế số Trung Quốc; Từ những hạn chế trong phát triển kinh tế số Trung Quốc, bài viết rút ra một số kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: kinh tế số, Trung Quốc, phát triển kinh tế số

**172. Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam: những thách thức và đề xuất giải pháp/**Phan Huy Đường//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 33 – 35.

**Nội dung:** Bài báo đánh giá một số yếu tố chính thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, bài báo cũng nêu ra những nguyên nhân chính cản trở việc phát triển và khai thác các nguồn năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển năng lượng tái tạo, Việt Nam

**173. Phát triển nguồn lực Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa**/ Nguyễn Việt Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:** Việc phát triển nhân lực, một mặt cần phải có tầm chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn nhưng đồng thời trong mỗi thời kỳ nhất định cần xây dựng những định hướng cụ thể, để từ đó đánh giá thời cơ thách thức, những khó khăn.

**Từ khóa:** Phát triển nguồn lực, nguồn nhân lực

**174. Phát triển du lịch thông minh dựa trên dự đoán ý định sử dụng ứng dụng di động du lịch: nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam**/ Lê Văn Huy, Trần Thị Thu Dung// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 83-92.

Nội dung: Cùng với sự phát triển của Internet, việc sử dụng ứng dụng di động trong du lịch (mobile apps) ngày càng tăng, hỗ trợ tốt cho du khách trước, trong và sau chuyến đi; nghiên cứu hành vi khách hàng sử dụng mobile apps đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trên thế giới; tuy nhiên, tại Việt Nam có rất ít nghiên cứu trong lĩnh vực này. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định hành vi sử dụng mobile apps du lịch trên cơ sở vận dụng lý thuyết hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ 2 (UTAUT2). Sau khi kiểm tra độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định, phương pháp mô hình phương trình cấu trúc được áp dụng để phân tích dữ liệu. Dữ liệu từ cuộc khảo sát với 617 người trả lời chỉ ra rằng giá trị giá cả là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định sử dụng ứng dụng di động du lịch. Ngược lại, các điều kiện thuận lợi không ảnh hưởng đến ý định sử dụng và hành vi sử dụng của du khách.

**Từ khoá:** Ý định sử dụng, ứng dụng di động, mobile apps du lịch, hành vi sử dụng, UTAUT2

**175. Phát triển kinh tế số ở Việt Nam: những bước đi ban đầu và giải pháp**/ Hồ Quế Hậu// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 1-11.

**Nội dung**: Bài viết này nhằm mục tiêu hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, phân tích đánh giá thành tựu, hạn chế của những bước đi ban đầu phát triển kinh tế số và đề xuất một số giải pháp tiếp tục phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy kinh tế số ở Việt Nam đã có những thành tựu bước đầu trên 5 lĩnh vực: phát triển mạng Internet, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và kinh tế chia sẻ. Những lĩnh vực khác còn nhiều hạn chế do môi trường pháp luật chưa đồng bộ, nguồn nhân lực còn nhiều tồn tại, đầu tư công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thỏa đáng. Bài viết cũng đề xuất một số giải pháp cho sự phát trển kinh tế số cho thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế số, chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0

**176. Phát triển mạng lưới đầu tư thiên thần đối với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**/ Đỗ Anh Đức// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng đầu tư thiên thần (ĐTTT) trên thế giới và ở Việt Nam, qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển mạng lưới các nhà ĐTTT đối với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) tại Việt Nam trong thời gian tới. ĐTTT là thuật ngữ dùng để chỉ những cá nhân giàu có, có khả năng cấp vốn cho một doanh nghiệp mới thành lập và thông thường để đổi lại, hộ sẽ có quyền sở hữu một phần công ty. Mạng lưới ĐTTT đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguông vốn và đồng hành cùng doanh nghiệp ĐMST.

**Từ khóa**: Đầu tư thiên thần, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

**177. Phát triển sản phẩm mới tại các doanh nghiệp sản xuất Châu Á: tiếp cận ở góc độ thị trường**/ Phan Chí Anh, Nguyễn Thu Hà// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 41-48.

**Nội dung**: Phát triển sản phẩm mới được xem là phương pháp tạo lợi thế cạnh tranh mọi doanh nghiệp sản xuất trên thế giới. Sản phẩm mới có chất lượng và tính sáng tạo vượt trội giúp doanh nghiệp gia tăng giả trí cho khách hàng, tăng sự hài lòng của khách hàng, mở rộng thị phần và thị trường, hướng tới phát triển bền vững doanh nghiệp. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực chứng phân tích ảnh hưởng của kiến thức thị trường (bao gồm: kiến thức về khách hàng, kiến thức về nhà cung cấp, kiến thức về đối thủ cạnh tranh) đến kết quả phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp sản xuất. Thông qua dữ liệu thu được từ 118 doanh nghiệp sản xuất ở 5 nước Châu Á bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam, kết quả nghiên cứu không chỉ cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa thu thập và khai thác các kiến thức thị trường và kết quả phát triển sản phẩm mới tại từng nước mà còn chỉ ra ảnh hưởng tích cực của yếu tố kiến thức về nhà cung cấp và kiến thức về đối thủ cạnh tranh đến kết quả việc nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, rút ngắn thời gian thiết kế và tác nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Sản xuất, Phát triển, Sản phẩm mới, Thị trường, Khách hàng, Đối thủ cạnh tranh

**178. Phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam trong bối cảnh đại dịch covid-19/** Vũ Thị Như Quỳnh// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.39 - 42.

**Nội dung:** Gần hai năm qua, Covid-19 đã lây nhiễm khắp nơi trên thế giới gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội của các quốc gia. mặc dù kinh tế toàn cầu đã phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức do tác động của đại dịch Covid - 19, nhưng một số ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế vẫn duy trì phát triển, trong đó có lĩnh vực bảo hiểm. Bài viết này khái quát tình hình phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam.

**Từ khoá:** Đại dịch covid-19, thị trường bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, quản trị rủi ro

**179. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn ngân hàng của các hộ nông dân sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Trần Văn Dũng// Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 589 .- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Xác định 2 nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định vay vốn ngân hàng của các hộ nông dân sản xuất chè đó là nhóm nhân tố thuộc về ngân hàng và nhóm nhân tố thuộc về các hộ sản xuất chè. Bài viết đã phát hiện ra sự phù hợp giữa hai nhóm nhân tố trên có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định vay vốn ngân hàng của các hộ nông dân. Thông qua phân tích nhân tố khám phá EFA và kết quả của hàm hồi qui Probit thấy được các nhân tố quyết định vay vốn ngân hàng của các hộ nông dân.

**Từ khóa:** Vay vốn ngân hàng, sản xuất chè, hộ nông dân, Thái Nguyên

**180. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng thực hành nông nghiệp trong canh tác lúa của nông hộ ở một số tỉnh ở Việt Nam**/ Nguyễn Đức Kiên// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 83-93.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích nhân tố tác động đến lựa chọn áp dụng thực hành nông nghiệp của hộ trồng lúa bằng cách sử dụng bộ dữ liệu bảng ở các tỉnh được lựa chọn. Chiến lược ước lượng hai giai đoạn được phát triển để đánh giá quyết định lựa chọn và mức độ áp dụng bốn thực hành nông nghiệp qua thời gian, đồng thời cho phép sự tác động qua lại giữa các quyết định đó trong mỗi nông hộ. Chúng tôi nhận thấy sự gia tăng rõ ràng và liên tục theo thời gian về sử dụng giống mới và cơ giới hóa, trong khi sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu cho thấy xu hướng tăng trong quá khứ nhưng đã giảm đi phần nào trong những năm gần đây. Lựa chọn của nông dân về việc áp dụng bốn thực hành nông nghiệp nêu trên bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quy mô trang trại, giá đầu vào và đầu ra, và điều kiện kinh tế xã hội vĩ mô như thu nhập bình quân từ sản xuất nông nghiệp và tỉ lệ dân số thành thị.

**Từ khoá**: Thay đổi thực hành nông nghiệp, ước lượng hai giai đoạn, dữ liệu bảng, Việt Nam

**181. Phân tích tác động của cấm bán khống trên thị trường chứng khoán**/ Hồ Đắc Nghĩa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 61 – 63.

**Nội dung:** Bài viết muốn hướng đến vấn đề liên quan đến bán khống, gợi mở vấn đề khi bán khổng thành thao túng và quan trọng hơn cả là tác động của lệnh hạn chế hay cấm bán khống đến thị trường chứng khoán trong giai đoạn khủng hoảng tài chính.

**Từ khóa:** Môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, Thanh Hóa

**182. Phân tích ý kiến khách hàng trực tuyến dựa theo phương pháp học máy**/ Bùi Minh Hiển, Nguyễn Thành Phát, Phạm Thị Thiên Hương, Nguyễn Thị Bảo Hương, Hồ Trung Thành// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 53-65

**Nội dung:** Phân tích cảm xúc hay khai phá ý kiến dựa trên những phản hồi của khách hàng trước, trong và sau mua sắm đóng vai trò rất quan trọng để doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp đối với từng sản phẩm, dịch vụ hay đối với từng phân khúc khách hàng. Thông qua việc khảo sát các mô hình phân tích và hiểu ý kiến khách hàng, bài báo trước hết tập trung vào đề xuất mô hình phân tích ý kiến khách hàng trực tuyến và thử nghiệm phương pháp với trường hợp cụ thể là tập dữ liệu được thu thập từ ứng dụng thương mại điện tử Lazada – một trong các sàn thương mại điện tử hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm đứng đầu thị trường. Tiếp theo, nhóm tác giả dựa vào phương pháp học máy có giám sát với hai thuật toán hồi quy Logistic và Random Forest để thực nghiệm mô hình, so sánh và đánh giá độ chính xác. Kết quả nghiên cứu hàm ý phương pháp phân tích và thấu hiểu trải nghiệm khách cho nhà quản lý để từ đó triển khai có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp hơn.

**Từ khoá**: Phân tích ý kiến khách hàng, thương mại điện tử, khách hàng trực tuyến, phân tích cảm xúc, học máy có giám sát

**183. Phương pháp nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, chia sẻ tri thức và đổi mới sáng tạo/**Phạm Thị Thu Thủy//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến các kỹ thuật phân tích định lượng và biện luận về các hệ số kiểm định được sử dụng để đánh giá độ phù hợp của mô hình nghiên cứu.

**Từ khóa: V**ăn hóa tổ chức, chia sẻ tri thức, đổi mới sáng tạo

**184. Phương pháp phân tích thành phần chính và ứng dụng trong xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo: tiếp cận từ các doanh nghiệp ngành chế biến chế tạo tại Việt Nam/** Chu Thị Mai Phương, Lê Đức Đàm//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Trình bày một phương pháp hiệu quả trong xử lý số liệu nhiều chiều là phương pháp phân tích thành phần chính. Sau đó, bài viết áp dụng phương pháp này để xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp ngành chế biến chế tạo tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Chế biến chế tạo, xử lý số liệu, doanh nghiệp, Việt Nam

**185. Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và cộng hòa Liên bang Đức nhìn từ khía cạnh hợp tác trong lĩnh vực dạy nghề**/ Đặng Hoàng Linh, Trần Thị Lan// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu những nét đặc trưng của hệ thống dạy nghề của Đức, so sánh với hệ thống dạy nghề của Việt Nam và từ đó phân tích việc hợp tác giữa công hòa Liên bang Đức và Việt Nam trong lĩnh vực dạy nghề đóng góp vai trò quan trọng như thế nào trong quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia.

**Từ khóa:** Quan hệ ngoại giao, cộng hòa Liên bang Đức

**186. Quan hệ giữa quản trị công ty trong ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Hưng, Phan Minh Anh, Đào Thị Huyền Anh, Nguyễn Huy Toàn, Nguyễn Thị Lan Chi// Ngân Hàng.- 2021 .- Số 9 .- Tr.16 - 26.

**Nội dung:** Bài viết này xem xét mối quan hệ giữa quản trị ngân hàng và hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại(NHTM), từ đó đề xuất mô hình đánh giá định lượng nhằm kiểm định mối quan hệ giữa quản trị ngân hàng với kết quả hoạt động của 18 NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2020. Kết quả cho thấy, yếu tố sỡ hữu của nhà đầu tư nước ngoài là một trong những yếu tố quan trọng có khả năng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và chất lượng trong hoạt động của các NHTM. Bên cạnh đó, việc hội đồng quản trị (HĐQT) có thành viên là nữ tham gia cũng là một yếu tố tác động tích cực đến kết quả hoạt động của các ngân hàng. Trên cơ sở kết quả kiểm định và nguyên tắc quốc tế về quản trị công ty trong NHTM, bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngân hàng, ngân hàng thương mại, quản trị

**187. Quản lý nguồn nhân lực tại Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế Tây Ninh/**Bùi Thị Thanh Trúc//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 68 – 70.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng; những hạn chế, nguyên nhân và đưa ra nững giải pháp quản lý nguồn nhân lực tại Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế Tây Ninh.

**Từ khóa:** Quản trị nguồn nhân lực, Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế Tây Ninh

**188. Quản lý nhà nước đối với ngành dịch vụ ở Việt Nam hiện nay**/Đặng Hoàng Thanh Nga//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 72 – 74.

**Nội dung:** Cơ cấu lại là quá trình chuyển đổi, sắp xếp và tổ chức lại từ cơ cấu cũ sang cơ cấu mới. Cơ cấu lại ngành dịch vụ là quá trình chuyển đổi, sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của ngành dịch vụ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước, ngành dịch vụ, Việt Nam

**189. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế ở Việt Nam**/ Ngô Thùy Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế là xu thế tất yếu khách quan và phù hợp với yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành Thuế. Việc áp dụng quản lý rủi ro đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý thuế; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế tự nguyện tuân thủ tốt các quy định của pháp luật về thuế, đồng thời góp phần phòng chống, phát hiện, xử lý kịp thời và hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

**Từ khóa**: Quản lý, quản lý thuế, quản lý rủi ro, người nộp thuế

**190. Quản trị quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số**/ Vũ Trường Sơn, Vũ Văn Hà// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Phân tích việc quản trị quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số. Chuyển đổi số là việc sử dụng công nghệ số để thay đổi cách thức sống, phương thức làm việc và quản trị, thay đổi mô hình kinh doanh, cung cấp dịch vụ mới, giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội theo phương thức mới. Chính vì vậy, quá trình này đòi hỏi quản trị quốc gia phải có bước chuyển kịp thời, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản nêu trên nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực.

**Từ khóa**: Quản trị quốc gia, công nghệ số, chuyển đổi số

**191. Quản trị tài sản trí tuệ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ **Nguyễn Ngọc Phương Hồng, Lưu Minh Sang**// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 7(748) .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Trình bày công cuộc chuyển đổi số trong thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) được triển khai cùng với các chương trình tuyên truyền, phổ biến về tài sản trí tuệ. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là một tài sản vô hình có vai trò rất quan trọng đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME). Vấn đề quản trị tài sản trí tuệ trở thành một trong những khía cạnh có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng của các SME.

**Từ khóa**: Quản trị tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, kinh tế số

**192. Quyết định lựa chọn thời trang công sở của người lao động tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Minh Tuấn, Lê Tấn Sơn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 76-78.

**Nội dung**: Mô hình nghiên cứu đề xuất bao gồm 6 yếu tố: giá cả, chất lượng sản phẩm, nhóm tham khảo, thương hiệu, hoạt động chiêu thị, sự sẵn có. Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị nhằm giúp các nhà sản xuất thời trang đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu thời trang công sở của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: quyết định chọn lựa, khách hàng, thời trang công sở, người lao động

**193. Rào cản phi thuế quan của các nước áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/ Trần Hoa Phượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng rào cản phi thuế quan và giải pháp thích ứng của Việt Nam đối với các rào cản phi thuế quan của các nước đối với hàng hóa xuất khẩu.

**Từ khóa:** Rào cản phi thuế quan, hàng hóa xuất khẩu

**194. Sử dụng công cụ định lượng phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần ở Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**/ Ngô Đức Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.106 - 108.

**Nội dung:** Từ khi được cổ phần hóa và thực hiện tái cấu trúc, Petrolimex đã đạt được những thành công bước đầu, đó là: thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh, từng bước xóa bỏ cấp hành chính chủ quan, từng bước đổi mới cấu trúc quản trị, nâng cao hiệu quả kinh tế ...; Tuy nhiên, từ sau cổ phần hóa, mô hình quản lý của Petrolimex cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, đặc biệt mô hình tổ chức quản lý ở tập đoàn chưa được định hình rõ. Điều này lầ do không chỉ các yếu tố bên trong mà còn ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài. Bài viết sau đây sẽ phân tích ảnh hưởng của các yếu tố này thông qua mô hình định lượng với việc sử dụng phần mềm SPSS 22.

**Từ khoá:** Công cụ định lượng, doanh nghiệp nhà nước

**195. Sử dụng kết hợp hai phương pháp PCA-DEA trong lựa chọn danh mục đầu tư trên thị trường chứng khoán**/ TS. Phạm Thị Mai Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 17(Tháng 09) .- Tr. 32-41.

**Nội dung**: Nội dung bài viết đề cập đến cách kết hợp DEA với phương pháp phân tích thành phần chính nhằm giảm bớt hạn chế của phương pháp DEA cơ bản. Trên cơ sở đề xuất lý thuyết kết hợp hai phương pháp, bài viết cũng minh họa tính khả thi khi kết hợp hai phương pháp PCA-DEA trong lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu với số liệu thu thập trên trang http://www.stockbiz.vn.

**Từ khóa**: thị trường chứng khoán, phương pháp PCA-DEA

**196. Sử dụng mạng Neural tích chập (CNN) nhận diện cảm xúc khuôn mặt làm cơ sở tạo động lực cho người lao động**/ Nguyễn Hùng Cường, Nhữ Thùy Liên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 87-89.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào giới thiệu mạng neural tích chập trong Deep Learning để dự báo phân loại trạng thái cảm xúc của người lao động thông qua một bộ dữ liệu thực tế, qua đó người đọc có thể hiểu và ứng dụng phương pháp vào nghiên cứu hoặc vấn đề nghiên cứu của chính mình.

**Từ khóa**: người lao động, nguồn nhân lực, cảm xúc nhân viên

**197. Sự hài lòng của công chức, viên chức về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trực thuộc bộ tài chính**/ Trần Thị Phương Dịu// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công chức viên chức đối với chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trực thuộc Bộ Tài chính, từ đó đề xuất giải pháp giúp các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trực thuộc Bộ Tài chính cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

**Từ khóa**: công chức viên chức, đào tạo, bồi dưỡng, Bộ Tài chính, sự hài lòng

**198. Sự hình thành và phát triển của báo cáo phát triển bền vững trên thế giới**/ Trịnh Quý Trọng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 214 .- Tr. 31-34,79.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sẽ giúp giải thích rõ hơn ý nghĩa của báo cáo phát triển bền vững cũng như quá trình phát triển và hình thành của báo cáo phi tài chính. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng giúp cho người đọc hiểu được tại sao các công ty tham gia vào việc thực hiện báo cáo phát triển bền vững và việc áp dụng loại báo cáo này tại các nước trên thế giới hiện nay.

**Từ khoá:** Báo cáo phát triển bền vững, Phát triển bền vững, Báo cáo phi tài chính

**199. Sự khác biệt về nhân tố tác động đến cơ cấu vốn của các công ty cổ phần niêm yết và chưa niêm yết tại Việt Nam**/ Lương Thị Thúy Diễm, Lê Trần Hạnh Phương, Trần Thu Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 5(212) .- Tr. 52-56.

**Nội dung**: Nghiên cứu điều tra các nhân tố tác động đến cơ cấu vốn (CS) của các công ty cổ phần tại Việt Nam - sự khác biệt giữa công ty cổ phần niêm yết và công ty cổ phần chưa niêm yết. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ báo cáo tài chính và báo cáo thường niên của 50 công ty cổ phần niêm yết và 50 công ty cổ phần chưa niêm yết, từ năm 2015 đến năm 2019.

**Từ khoá:** Cơ cấu vốn, Công ty niêm yết, Công ty cổ phần

**200. Tác động của cú sốc giá dầu thô đến thị trường chứng khoán tại các nước OECD**/ Lưu Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Ngọc Hòa// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 97-100.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng Mô hình Vecto tự hồi quy (VAR) để xem xét tác động của cú sốc giá dầu thô đến hoạt động thị trường chứng khoán của 10 quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Qua đó cho thấy, sự nhạy cảm của thị trường chứng khoán đối với các thông số kỹ thuật về cú sốc giá dầu thô được tìm thấy thông qua việc giám sát giá dầu của các nước trong thời kỳ diễn ra cú sốc. Về các phản ứng xung đột, nghiên cứu cũng cho thấy rõ những tác động của cú sốc giá dầu thô đến giá trị chứng khoán và ngược lại về cơ bản là khác nhau.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, các nước OECD

**201. Tác động của các chính sách điều tiết vĩ mô nền kinh tế Việt Nam**/ Phạm Duy Tính// Thị trường Tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 16 .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực nghiệm đế kiềm tra tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong giai đoạn từ 2003 - 2020. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy theo mô hình véc tơ tự hiệu chinh sai số cho chuỗi dữ liệu thời gian được thu thập. Kết quả cho thấy chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa mở rộng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Hơn nữa, trong các kênh truyền dẫn của chính sách tiền tệ thì tín dụng trong nền kinh tế có tác động lớn nhất. Việc thâm hụt ngân sách trong dài hạn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Từ đó hàm ý Ngân hàng Nhà nước cần chú ý kiếm soát lượng tín dụng trong nền kinh tế và Bộ Tài chính cần xây dựng cơ cấu thu ngân sách bền vững.

**Từ khoá:** Tác động, Chính sách, Điều tiết vĩ mô, Nền kinh tế

**202. Tác động của Cách mạng 4.0 tới dịch vụ kế toán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nga// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 được nhận định là sẽ mang đến sự thay đổi cơ bản trên hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, trong đó có ngành kế toán - kiểm toán. Bài viết đưa một số tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tới dịch vụ kế toán Việt Nam, những cơ hội cũng như những thách thức trong thời gian tới, từ đó đưa ra một số khuyến nghị phù hợp với giai đoạn hiện tại.

**Từ khoá**: Cách mạng 4.0, Dịch vụ kế toán, Kế toán

**203. Tác động của chi phí thất bại tới động cơ, nhận thức từ khởi nghiệp thất bại và ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân Việt Nam**/ Thái Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Kim Thoa// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là khám phá tác động của chi phí thất bại (chi phí xã hội và chi phí tâm lý) đến động cơ tái khởi nghiệp, nhận thức từ khởi nghiệp thất bại và ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân Việt Nam. Phân tích định lượng bằng mô hình cấu trúc tuyến tính PLS-SEM được tiến hành trên mẫu 334 các doanh nhân đã từng thất bại tại Việt Nam. Kết quả cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa chi phí thất bại mà cụ thể là chi phí xã hội, chi phí tâm lý ảnh hưởng đến động cơ tái khởi nghiệp và nhận thức khởi nghiệp, đồng thời ảnh hưởng gián tiếp đến ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân.

**Từ khoá**: Động cơ, chi phí thất bại, khởi nghiệp thất bại, Việt Nam

**204. Tác động của chiến lược kinh doanh đến hành vi quản trị lợi nhuận: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Khương, Nguyễn Thanh Liêm// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động của chiến lược kinh doanh bao gồm chiến lược dẫn đầu chi phí, chiến lược khác biệt hóa đến hành vi quản trị lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mẫu bao gồm 622 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong khoảng thời gian 2011-2019 và phân tích mô hình hồi quy dạng bảng động. Kết quả cho thấy chiến lược kinh doanh khác nhau có tác động khác nhau đến hành vi quản trị lợi nhuận. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý cho các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, cơ quan quản lý và doanh nghiệp niêm yết.

**Từ khoá:** Chiến lược kinh doanh, hành vi điều chỉnh lợi nhuận, công ty niêm yết

**205. Tác động của đa dạng hóa đến rủi ro phi hệ thống của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Uyên Uyên, Lê Trương Niệm// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 151 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Với mẫu dữ liệu gồm 240 công ty phi tài chính giai đoạn 2015-2019, bằng phương pháp hồi quy theo quy trình hai bước của Heckman (1979), bài nghiên cứu thực hiện để phân tích sự tác động của đa dạng hỏa đến rủi ro phi hệ thống của các công ty niêm yết ở Việt Nam. Nhóm tác giả phát hiện rằng cả đa dạng hóa khu vực địa lý và đa dạng hóa ngành kinh doanh đều đem lại rủi ro phi hệ thống cho công ty nhưng đa dạng hóa khu vực địa lý đem lại rủi ro phi hệ thống thấp hơn đa dạng hóa ngành kinh doanh. Thêm vào đó, bài nghiên cứu còn phát hiện ra rằng nếu như đa dạng hóa khu vực địa lý giảm thiểu rủi ro phi hệ thống thì đa dạng hóa ngành kinh doanh lại cổ tác động làm gia tăng rủi ro phi hệ thống. Kết quả nghiên cứu khuyến nghị rằng các công ty niêm yết nên thực hiện chiến lược tăng trưởng thông qua đa dạng hóa khu vực địa lý, còn khi đa dạng hóa ngành kinh doanh công ty cần phải phân tích, tính toán cẩn trọng khi quyết định.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Công ty niêm yết, Đa dạng hóa, Kinh doanh, Khu vực địa lý, Rủi ro, Phi hệ thống

**206. Tác động của đại dịch COVID-19 đến lao động, việc làm và một số giải pháp đề xuất/** Nguyễn Thị Thanh Nhàn// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã và đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội nói chung, nhất là trong lĩnh vực lao động, việc làm. Thất nghiệp gia tăng, số người không có việc làm, thu nhập giảm dẫn đến sự gia tăng các tệ nạn xã hội. Đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến lao động, việc làm, cũng như tìm kiếm giải pháp ứng phó là những vấn đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

**Từ khoá**: Thất nghiệp,việc làm, lao động, COVID-19

**207. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp nghiên cứu ở các nước ASEAN**/ Nguyễn Phúc Hiền, Lê Thùy Linh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xem xét tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế của 10 nước ASEAN (bao gồm Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippine, Brunei, Myanmar, Campuchia, Lao và Việt Nam) trong một thập kỷ từ sau khủng hoảng tài chính (2008). Trên cơ sở hàm sản xuất Cobb-Douglas, chúng tôi xây dựng mô hình ược lượng nghiên cứu ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế. Bằng việc sử dụng mô hình dữ liệu bảng với các phương pháp Pool OLS, Fixed Effects và Random Effects để nghiên cứu sự tác động của FDI lên tăng trưởng kinh tế của 10 nước thuộc khối ASEAN. Kết quả cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài không có ý nghĩa đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN giai đoạn 2009-2018, trong khi đó lao động và xuất nhập khẩu đóng góp tới sự tăng trưởng kinh tế của những nước này.

**Từ khoá**: Các nước ASEAN, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, dữ liệu bảng

**208. Tác động của hiệu quả quảng cáo cạnh tranh đến hành vi chuyển đổi trong sử dụng dịch vụ của khách hang cá nhân tại các ngân hang thương mại ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Cúc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 64-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định tác động của hiệu quả quảng cáo cạnh tranh đến hành vi chuyển đổi trong sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Thông qua phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, với quy mô mẫu điều tra là 518 khách hàng cá nhân của các ngân hàng thương mại, kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả quảng cáo cạnh tranh của ngân hàng tác động ngược chiều đến hành vi chuyển đổi khi sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân. Trong mối quan hệ giữa hai yếu tố này, danh tiếng của ngân hàng và lòng trung thành của khách hàng đóng vai trò như là các yếu tố trung gian. Dựa trên các kết quả này, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị nhằm tránh việc khách hàng rời đi và giảm thiểu những thiệt hại kinh doanh do việc chuyển đổi ngân hàng của khách hàng.

**Từ khoá:** Hiệu quả quảng cáo cạnh tranh, Danh tiếng, Lòng trung thành, Rủi ro trong chuyển đổi, Hành vi chuyển đổi

**209. Tác động của hoạt động xuất khẩu đến năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP): bằng chứng từ doanh nghiệp tại Việt Nam doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Hoàng Thanh Hiền// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 74-82.

**Nội dung**: Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) là một trong những chỉ số quan trọng đo lường hiệu quả của nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Bài viết này nghiên cứu tác động của việc tham gia vào hoạt động xuất khẩu đến TFP của các doanh nghiệp tại Việt Nam với dữ liệu điều tra của Ngân hàng Thế giới năm 2015. Để phân tích mối quan hệ trên, chúng tôi đã tiến hành tính toán giá trị TFP của các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu dựa trên 2 phương pháp bán tham số là phương pháp của Olley & Pakes (1996) và phương pháp của Levinsohn & Petrin (2003). Nghiên cứu cho thấy việc tham gia vào hoạt động xuất khẩu có tác động tích cực đến năng suất của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài cũng có năng suất cao hơn các doanh nghiệp khác. Ngược lại, các doanh nghiệp tư nhân lại thể hiện kém hơn so với các đối tác của mình.

**Từ khoá**: TFP, phương pháp bán tham số, dữ liệu điều tra, xuất khẩu, Việt Nam

**210. Tác động của hội nhập quốc tế đối với phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới**/ Huỳnh Thị Kim Quyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 92-97.

**Nội dung**: Trong bài viết, tác giả trình bày thực trạng phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tại ngoại thành TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, phân tích và đánh giá tác động của hội nhập quốc tế và mức độ đáp ứng yêu cầu bối cảnh mới của mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở ngoại thành TP. Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp hội nhập quốc tế trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Hợp tác xã, Hợp tác xã nông nghiệp, Hội nhập quốc tế

**211. Tác động của quyền sở hữu tới hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản lý doanh nghiệp/** Ngô Thị Khánh Linh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 80-81.

**Nội dung**: Liên quan đến tác động quyền sở hữu của nhà quản lý đối với sự điều chỉnh lợi nhuận (ĐCLN) của các nhà quản lý, các nghiên cứu đã xác định hai loại hiệu ứng trái ngược nhau, gồm hiệu ứng thúc đẩy và hiệu ứng cố thủ. Bài viết trình bày ảnh hưởng của quyền sở hữu tới thao tác quản trị lợi nhuận của nhà quản lý trong các công ty cổ phần, trên cơ sở tổng quan kết quả nghiên cứu của một số nghiên cứu thực nghiệm.

**Từ khoá**: Lý thuyết người đại diện, Sở hữu, Nhà quản lý, Công ty cổ phần, Điều chỉnh lợi nhuận

**212. Tác động của thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu đến hoạt động chống chuyển giá ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Cương// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến tác động của thỏa thuận thúc đẩy kế hoạch áp thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu đến hoạt động chuyển giá; nghiên cứu thực trạng và hệ thống pháp luật về chống chuyển giá tại Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp giúp Việt Nam chống chuyển giá hiệu quả, thu hẹp lỗ hổng trong quản lý thuế quốc tế, đảm bảo nguồn thu bền vững.

**Từ khóa**: Chuyển giá, thuế toàn cầu, giao dịch liên kết, đầu tư nước ngoài

**213. Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hoài Thu, Bùi Huy Nhượng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá tác động của việc nhận tiền gửi từ di cư nội địa đến tài chính toàn diện ở Việt Nam, biểu hiện qua khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Kết quả từ phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS) cho thấy nhìn chung việc nhận được tiền gửi làm tăng khả năng hộ có tài khoản tại ngân hàng và sử dụng các dịch vụ thẻ do ngân hàng cung cấp. Xét theo khu vực nông thôn và thành thị, nhận tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng mở tài khoản ngân hàng của hộ ở cả hai khu vực. Tuy nhiên, nhận được tiền gửi từ di cư nội địa chỉ có tác động làm tăng khả năng sử dụng dịch vụ thẻ đối với các hộ ở khu vực nông thôn. Kết quả nghiên cứu này cho thấy vai trò tích cực của tiền gửi từ di cư nội địa trong việc tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, từ đó góp phần tăng cường tài chính toàn diện ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, di cư nội địa, tiền gửi, 2SLS

**214. Tác động của tính cá nhân, tính nhất quán, tính liên tục của thương hiệu đến tính xác thực của thương hiệu**/ Võ Thị Ngọc Linh, Đinh Thu Quỳnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Điều tra, khảo sát và dựa trên kết quả khảo sát của 195 cá nhân trên 18 tuổi có tham gia mua hàng trực tuyến trên internet hay mạng xã hội, kết quả thu được là tính xác thực của thương hiệu có tương quan dương với ba nhân tố đó là tính cá nhân, tính nhất quán và tính liên tục của thương hiệu.

**Từ khóa:** Thương hiệu, doanh nghiệp

**215. Tầm quan trọng của logistics đối với xuất khẩu của Việt Nam**/ Huỳnh Thị Diệu Linh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 23-33.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tầm quan trọng của logistics đối với xuất khẩu của Việt Nam với 48 đối tác xuất khẩu lớn trong khoảng thời gian từ 2010 đến 2018. Dựa trên mô hình lực hấp dẫn (Gravity Model), nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp hồi quy khác nhau để kiểm định tính bền vững của kết quả. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định logistics có tầm quan trọng rất lớn đến xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, hiệu suất hoạt động logistics của cả Việt Nam và các nước đối tác đều có tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang các đối tác thương mại chính, và mức độ tác động của logistics là lớn hơn các yếu tố khác trong mô hình nghiên cứu.

**Từ khoá:** Logistics, chỉ số hiệu suất hoạt động logistics (LPI), xuất khẩu, mô hình trọng lực, Việt Nam

**216. Thị trường bán lẻ Việt Nam: thực tiễn và giải pháp/**Đoàn Đức Nam//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:** Khái quát về sự phát triển của thị trường bán lẻ Việt Nam; chính sách nhà nước đối với kinh doanh thương mại bán lẻ và giải pháp cho những năm tới.

**Từ khóa:** Thị trường bán lẻ, Việt Nam

**217. Thị trường chứng khoán Việt Nam trước đại dịch Covid 19: nhìn từ góc độ nhà đầu tư cá nhân/**Nguyễn Thị Phương//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 80 – 82.

**Nội dung:** Bài viết nêu lên thực trạng hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân và đưa ra một số khuyến nghị nhằm hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân trước tình hình đại dịch covid 19.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, Việt Nam, đại dịch Covid 19

**218. Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025**/ Nguyễn Đoan Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Trong giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn đầu tư công đã được sử dụng hiệu quả hơn nhờ sự cải thiện về thể chế, pháp lý đầu tư công và việc tăng cường phân cấp đầu tư. Mặc dù vậy, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, tình trạng lãng phí vốn đầu tư công còn phức tạp. Nguồn vốn dành cho đầu tư công còn phụ thuộc ngân sách nhà nước, chưa thu hút được sự tham gia của khu vực tư nhân. Trong giai đoạn 2021-2025, nhu cầu vốn đầu tư công tiếp tục tăng cao, trong khi nguồn vốn ngân sách nhà nước đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Do vậy, việc tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội và khắc phục các hạn chế nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công là yêu cầu cấp thiết đang được đặt ra.

**Từ khoá**: Đầu tư công, đầu tư, Vốn đầu tư công, kinh tế

**219. Thúc đẩy thương mại điện tử tại Việt Nam/** Nguyễn Thành Viên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 582.- Tr. 49 – 51.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam và đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy thương mại điện tử Việt Nam.

**Từ khóa:** Thương mại điện tử, thị trường thương mại điện tử, Việt Nam

**220. Thực tiễn ứng dụng blockchain tại một số sàn chứng khoán trên thế giới**/ Lê Vũ Linh Toàn// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 76-78.

**Nội dung**: Việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) trên thị trường chứng khoán đã và đang được nghiên cứu và áp dụng phổ biến tại nhiều quốc gia. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn để phân tích, tổng hợp các ứng dụng của công nghệ blockchain trên thị trường chứng khoán thông qua lược khảo các kinh nghiệm trên thế giới, từ đó trao đổi và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy ứng dụng blockchain cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, chuỗi khối, nhà đầu tư, blockchain

**221. Thực trạng và giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội/ Hoàng Bích Hồng**// Tài chính .- 2021 .- Số 746 + 747 .- Tr. 69 - 72.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo hướng bền vững.

**Từ khóa:** Bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, người lao động, bảo hiểm xã hội tự nguyện

**222. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý thuế ở Việt Nam**/ Trương Bá Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 09-12.

**Nội dung**: Quá trình cải cách hệ thống thuế của Việt Nam thời gian qua được thực hiện đồng bộ, đảm bảo sự kết gắn giữa đổi mới về chính sách với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý thuế (QLT). Tuy nhiên, bối cảnh mới đã và đang đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới hoạt động quản lý thuế, hướng đến quản lý thuế điện tử toàn diện, trên cơ sở tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế.

**Từ khóa**: quản lý thuế, thuế điện tử, tái cấu trúc, thủ tục hành chính

**223. Thực trạng và xu hướng phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp bất động sản ở Việt Nam**/ Trần Thị Bích Thuận// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Thông qua phương pháp tổng hợp, phân tích, bài viết đề cập đến quá trình phát triển của trái phiếu doanh nghiệp bất động sản trong 5 năm qua, những xu thế chuyển dịch chính của công cụ tài chính này hiện tại và trong vòng 5 năm tiếp theo tại thị trường Việt Nam.

**Từ khoá**: thị trường trái phiếu, doanh nghiệp, bất động sản

**224. Thương mại hóa tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa : một số lưu ý**/ Trịnh Thu Hải// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 8(749).- Tr. 7-12.

**Nội dung**: Trình bày thương mại hóa tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thương mại hóa tài sản trí tuệ (TSTT) là một đòi hỏi tất yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế ở các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Thực tế đã chỉ ra rằng, thương mại hóa TSTT còn là công cụ, động lực cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). TSTT đã và đang khẳng định vai trò, tầm quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội. Với xu thế hội nhập, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và những biến động có khả năng ảnh hưởng tới cục diện toàn cầu như hiện nay thì cạnh tranh giữa các nền kinh tế chính là cạnh tranh về TSTT.

**Từ khóa**: Tài sản trí tuệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hội nhập kinh tế, phát triển kinh tế

**225. Thương mại Việt Nam : thực trạng và định hướng phát triển đến năm 2025**/ Nguyễn Văn Lành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến: Thương mại Việt Nam trong 30 năm đổi mới; Thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ; Định hướng phát triển thương mại Việt Nam đến năm 2025.

**Từ khoá**: thương mại Việt Nam; thương mại điện tử

**226. Thuế đối với dịch vụ xuyên biên giới trong bối cảnh thương mại điện tử phát triển**/ Trần Thị Vân Anh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Bài viết nhằm làm rõ sự phát triển của dịch vụ xuyên biên giới và một số vấn đề liên quan tới cách thức đánh thuế cho những dịch vụ này trên thế giưới nói chung và Việt Nam nói riêng trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ.

**Từ khoá**: Thuế dịch vụ xuyên biên giới, thương mại điện tử

**227. Tính chất pháp lý của Incoterms và một số lưu ý trong sử dụng Incoterms2020**/ GS.TS. Nguyễn Văn Tiến, TS. Đoàn Ngọc Thắng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 18(Tháng 09) .- Tr. 39-45.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích các nội dung chính, tính chất pháp lý tùy ý và một số lưu ý trong sử dụng Incoterms2020.

**Từ khóa**: Incoterms2020, thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa

**228. Tổng quan về đo lường thành quả hoạt động của doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Dũng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, tác giả khái quát hoá các nghiên cứu về thành quả hoạt động của doanh nghiệp, từ định nghĩa, cách thức đo lường. Nghiên cứu kết luận, đánh giá thành quả không chi gắn với chỉ tiêu tài chính, mà còn là các chỉ tiêu phi tài chính.

**Từ khoá:** Thành quả, Đo lường, Doanh nghiệp

**229. Trách nhiệm xã hội đối với nhân viên và hiệu quả làm việc: Vai trò trung gian của hành vi công dân tổ chức trong bối cảnh dịch vụ khách sạn**/ Nguyễn Hữu Khôi// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 74-82.

**Nội dung**: Tác động của cảm nhận trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hướng đến nhân viên đến hiệu quả làm việc hầu như chưa được làm rõ trong bối cảnh khách sạn. Dựa trên lý thuyết bảo tồn nguồn lực, mục tiêu của nghiên cứu là thảo luận và kiểm định mối quan hệ gián tiếp giữa hai biến số thông qua biến số trung gian là hành vi công dân tổ chức hướng đến nhân viên và hành vi công dân tổ chức hướng đến tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đề ra, nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng trên một mẫu gồm 314 nhân viên khách sạn tại Nha Trang. Kết quả kiểm định cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy và độ giá trị, và các giả thuyết đều được ủng hộ bởi dữ liệu. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một vài hàm ý học thuật và quản trị cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn.

**Từ khoá**: CSR, OCBI và OCBO, hiệu quả làm việc, bảo tồn nguồn lực

**230. Triển khai kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam : nhìn từ góc độ quản lý chất lượng**/ Hà Minh Hiệp, Phạm Thu Hiền// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 11(752).- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Trình bày triển khai kinh tế tuần hoàn (Circular Economy – CE) từ góc độ quản lý chất lượng và chuỗi cung ứng nhằm cung cấp cho các doanh nghiệp một giải pháp thích ứng phù hợp. Để phát triển nền kinh tế một cách bền vững, Việt Nam hoạch định chính sách đang đề xuất tiếp cận mô hình CE như một giải pháp hiệu quả. CE đang là mô hình kinh tế tạo ra được những giá trị không chỉ về kinh tế mà cả môi trường đối với doanh nghiệp và đất nước. Dưới góc độ quản lý chất lượng, các doanh nghiệp áp dung mô hình CE vừa giúp đạt các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường, vừa góp phần tham gia vào quá trình ứng phó với biến đổi khí hậu đang diễn biến ngày một phức tạp.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, CE, quản lý chất lượng, biến đổi khí hậu

**231. Truyền thông xã hội ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trực tuyến của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bảo Trung//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 92 – 94.

**Nội dung:** Bài viết xác định và đo lường các yếu tố của truyền thông xã hội tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trực tuyến của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trực tuyến của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh với mức độ tác động lần lượt từ cao xuống thấp. Nghiên cứu cũng đề xuất hàm ý quản trị dựa trên các yếu tố trên để các doanh nghiệp kinh doanh điện tử có chính sách thu hút người tiêu dùng mua hàng ngẫu hứng trực tuyến.

**Từ khóa:** Truyền thông xã hội, hành vi mua hàng, người tiêu dùng, thành phố Hồ Chí Minh

**232. Tuổi giám đốc điều hành và hành vi quản trị lợi nhuận ở Việt Nam**/ Đặng Hữu Mẫn, Hoàng Dương Việt Anh, Lê Thị Phương Uyên, Võ Hàm Uyên// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thúc đẩy bởi bằng chứng của các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng những người lớn tuổi thực hiện hành vi đạo đức và bảo thủ hơn những người trẻ tuổi. Chúng tôi giả định rằng nếu các lãnh đạo lớn tuổi có đạo đức và bảo thủ hơn các lãnh đạo trẻ hơn, họ sẽ ít có khả năng thúc đẩy các hành vi quản trị lợi nhuận. Sử dụng mẫu gồm tất cả các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy các công ty có giám đốc điều hành càng lớn tuổi thường có xu hướng ít thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của tuổi của giám đốc điều hành công ty đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp nói chung và mức độ thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận nói riêng, cũng như cung cấp những hàm ý chính sách có giá trị tham khảo đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá:** Tuổi giám đốc điều hành, thị trường chứng khoán, quản trị lợi nhuận, Việt Nam

**233. Ứng dụng Blockchain trong thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc thuốc**/ Huỳnh Đệ Thủ, Dương Thanh Nguyên, Nguyễn Thị thu Quyên, Lương Hiểu Ngân/ Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 100-105.

**Nội dung**: Phát triển hệ thống thương mại điện tử kết hợp với truy xuất nguồn gốc thuốc dựa trên nền tảng công nghệ Blockchain với tên gọi là Parachain. Mô hình kết nối các bên liên quan trong chuỗi cung ứng thuốc nhằm cải thiện hiệu quả của chuỗi cung ứng, nâng cao chất lượng sản phẩm giảm tình trạng thuốc giả ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

**Từ khóa**: Ứng dụng Blockchain, thương mại điện tử, chuỗi cung ứng

**234. Ứng dụng mô hình UTAUT mở rộng vào môi trường mua sắm trực tuyến: Vai trò của tính kích thích đến hành vi mua hàng ngẫu hứng và hành vi mua hàng liên tục của người tiêu dùng Việt Nam**/ Lương Thu Hà, Nguyễn Ngọc Phương Thảo, Đàm Vũ Đức Hiếu, Đào Yến Nhung// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 66-76.

**Nội dung**: Dựa trên Lý thuyết về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT) (Venkatesh & cộng sự, 2003) và biến mới Tính kích thích, nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục của người tiêu dùng Việt Nam. Qua đó, nhóm đặt ra những giả thuyết và chứng thực mối liên kết giữa các biến độc lập: Tính hữu ích, Tính dễ sử dụng, Ảnh hưởng xã hội, Điều kiện vật chất hỗ trợ, Tính kích thích, và các biến phụ thuộc: Ý định mua hàng trực tuyến, Hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục. Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến gồm 583 quan sát cho thấy, Tính dễ sử dụng, Tính hữu ích và Tính kích thích đóng vai trò quan trọng tới Hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: Hành vi mua hàng, hành vi mua hàng ngẫu hứng, hành vi mua hàng liên tục, mua hàng trực tuyến, UTAUT, Việt Nam

**235. Ứng dụng tâm lý học đám đông trong xử lý khủng hoảng truyền thông cá nhân của Gustave Le Bon**/ Nguyễn Hồng Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 41-42.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu học thuyết tâm lý đám đông cuar Gustave Le Bon nhằm giúp các nhà quản lý, những người nổi tiếng hiểu được tâm lý đám đông để xử lý khủng hoảng truyền thông cá nhân một cách khoa học, hạn chế tối đa tổn thất.

**Từ khóa**: Tâm lý, tâm lý đám đông, khủng hoảng truyền thông

**236. Vắc-xin covid-19 : Vai trò của nhà nước và chương trình tiêm phòng quốc gia**/ PGS.TS. Nguyễn Hồng Nga, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang// Ngân hàng .- 2021 .- Số 15(Tháng 08) .- Tr. 02-08.

**Nội dung**: Bài viết khuyến nghị thực hiện chương trình tiêm phòng miễn phí đảm bảo công bằng tiếp cận dịch vụ và đạt mục tiêu miễn dịch cộng đồng.

**Từ khóa**: Vắc-xin, Covid-19, tiêm phòng, hiệu quả, công bằng, tiếp cận dịch vụ

**237. Vai trò của lãnh đạo chuyển đổi với cam kết với tổ chức và suất công việc của người lao động : bằng chứng từ các doanh nghiệp ngành chế tạo tại Việt Nam**/ Nguyễn Danh Nguyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 594 .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Phân tích từ 176 lao động tham gia cho thấy lãnh đạo chuyển đổi có ảnh hưởng tích cực đến sự cam kết của người lao động với tổ chức và hiệu suất làm việc. Nghiên cứu cũng đưa ra vài gợi mở để áp dụng phong cách lãnh đạo chuyển đổi với các doanh nghiệp để tăng hiệu suất và mức độ cam kết của người lao động.

**Từ khoá**: vai trò của lãnh đạo, người lao động, doanh nghiệp ngành chế tạo

**238. Vận dụng lý thuyết hành vi dự định mở rộng giải thích ý định tiêu dùng thực phẩm sạch của người dân Nha Trang**/ Nguyễn Thị Nga, Lê Thiên Lập// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Lý thuyết hành vi dự định (Theory of Planned Behavior - TPB) được sử dụng rất nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu hành vi tiêu dùng định hướng. Mục đích chính của nghiên cứu này giải thích sự tác động của các biến số trong mô hình TPB gốc và xem xét việc mở rộng mô hình TPB gốc bằng việc bổ sung biến quy chuẩn hình mẫu để giải thích tốt hơn sự biến thiên trong ý định tiêu dùng thực phẩm sạch. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu bán phần (PLS-SEM) để kiểm định mô hình dựa trên mẫu khảo sát 200 người dân Nha Trang. Kết quả cho thấy ba trong bốn giả thuyết đề xuất được ủng hộ bởi dữ liệu. Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng tạo ra những thông điệp quan trọng, hiệu quả và cần thiết cho nhà quản lý, nhà kinh doanh liên quan để dự báo hành vi tiêu dùng thực phẩm sạch.

**Từ khoá**: Thực phẩm sạch, ý định sử dụng thực phẩm sạch, Nha Trang, người dân, lý thuyết hành vi dự định

**239. Vận dụng lý thuyết "tài chính hành vi" để lý giải hành vi của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Loan// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Dựa trên lý thuyết “Tài chính hành vi”, bài viết lý giải hành vi của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đưa ra các đề xuất nhằm giúp nhà đầu tư có quyết định đúng đắn hơn trong đầu tư.

**Từ khóa**: đầu tư cá nhân, tài chính hành vi, thị trường chứng khoán

**240. Vận dụng Thẻ điểm cân bằng để đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai**/ Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hoài Thương// Kế toán và Kiểm toán .- 2021 .- Số 6(213) .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu này là nhằm vận dụng Thẻ điểm cân bằng (BSC) để đánh giá hiệu quả hoạt động phù hợp với doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai, xác định được nhân tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai đã vận dụng Thẻ điểm cân bằng với 4 khía cạnh: tài chính, khách hàng, quy trình nội bộ, đào tạo và phát triển để đánh giá hiệu quả hoạt động là khá tốt.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, FDI, Hiệu quả, Hoạt động, Kế toán

**241. Vốn trí tuệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam**/ Vân Thị Hồng Loan, Hoàng Thị Thu Hiền, Trần Phú Ngọc, Võ Hồng Đức// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 65-74.

**Nội dung**: Xác định mức độ ảnh hưởng của vốn trí tuệ đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019. Trong nghiên cứu này, mô hình hệ số giá trị gia tăng trí tuệ hiệu chỉnh (MVAIC) và uớc lượng mô men tổng quát (GMM) được sử dụng. Kết quả của nghiên cứu cho thấy vốn trí tuệ có tác động tích cực đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành dược phẩm của Việt Nam. Ngoài ra, khi các thành phần của vốn trí tuệ được xem xét, kết quả thể hiện rằng hiệu quả vốn nhân lực (human capital efficiency), hiệu quả vốn cấu trúc (structural capital efficiency) và hiệu quả sử dụng vốn (capital employed efficiency) cùng tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các hàm ý chính sách được đề xuất nhằm phát triển và phát huy vai trò của vốn trí tuệ trong tương lai.

**Từ khoá**: Hiệu quả hoạt động, vốn trí tuệ, GMM, mô hình hệ số giá trị gia tăng trí tuệ hiệu chỉnh, Việt Nam

**242. Xây dựng khung lý thuyết để triển khai quản lý giá trị dựa trên nền tảng BIM trong dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hải Lộc, PGS. TS. Nguyễn Thế Quân// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 197-202.

**Nội dung:** Mức độ chi tiết của thông tin trong mô hình BIM và các hoạt động xây dựng trong vòng đời dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Quản lý giá trị, quản lý dự án đầu tư xây dựng, BIM, mô hình thông tin công trình

**243. Xử phạt vi phạm hành chính trong bảo mật thông tin khách hàng hiện nay và hướng hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Kim Thoa// Ngân hàng .- 2021 .- Số 19 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến vai trò của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng, phân tích quy định của pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng, từ đó đưa ra một sổ khuyến nghị nhằm bảo đảm quyền được bảo mật thông tin khách hàng.

**Từ khoá**: Vi phạm hành chính, Xử phạt vi phạm hành chính, Bảo mật, Hoạt động ngân hàng, Tổ chức tín dụng

**244. Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Đỗ Minh Nam, Đỗ Văn Dũng, Trương Thị Thanh Loan// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 101-104.

**Nội dung**: Nghiên cứu tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn trước đại dịch (2015-2019) và đến khi đại dịch bùng phát (từ đầu năm 2020 đến nay), bài viết nhận diện những tác động của đại dịch COVID-19 đến xuất nhập khẩu của Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu nước ta trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Xuất nhập khẩu, tăng trưởng kinh tế, đại dịch Covid-19

**245. Xây dựng thương hiệu cho nông sản đặc trưng, đặc sản miền núi Thanh Hóa**/ Ngô Chí Thành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 580 .- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Phân tích tình hình xây dựng thương hiệu cho nông sản đặc trưng, đặc sản khu vực miền núi Thanh Hóa, từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy xây dựng thương hiệu ccho sản phẩm nông nghiệp địa phương góp phần thúc đẩy tiêu thụ qua kênh phân phối hiện đại.

**Từ khóa**: Xây dựng thương hiệu, nông sản, Thanh Hóa

**246. Xu hướng phát triển của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam/**Nguyễn Thị Minh Hương//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 39 – 41.

**Nội dung:** Thị trường bán lẻ Việt Nam được đánh giá là phát triển khá mạnh trong những năm gần đây khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội có mức tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, sự thay đổi của các yếu tố môi trường kinh doanh luôn đặt ra cho các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam những thách thức vô cùng to lớn đồi hỏi các doanh nghiệp phải có những bước "chuyển mình" để có thể tồn tại và phát triển.

**Từ khóa:** Thị trường bán lẻ, phát triển bền vững, doanh nghiệp bán lẻ,Việt Nam

**247. Xu hướng phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam/**Nguyễn Thanh Bình, Vũ Thị Thu Trang//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598.- Tr. 42 – 44.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu Việt Nam cần làm gì để phát triển thanh toán không dùng tiền mặt nhằm khai thác những lợi ích của hoạt động này cho phát triển kinh tế xã hội.

**Từ khóa: T**hanh toán không dùng tiền mặt, phát triển kinh tế xã hội

**248. Ý định lựa chọn sàn thương mại điện tử của người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam**/ Phạm Hùng Cường, Hoàng Ngọc Bảo Châu// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 152 .- Tr. 76-88.

**Nội dung**: Mục đích cho nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn sàn thương mại điện tử của người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam. Trên cơ sở kết hợp cả nguồn dữ liệu thứ cấp (các thống kê của Cục Thương mại điện từ và Kinh tế số - Bộ Công Thương, Hiệp hội Thương mại điện từ Việt Nam và một số thống kê xếp hạng trên thế giới) và sơ cấp (thông qua khảo sát được thực hiện với 300 đối tượng) bằng phương pháp phân tích định tính và định lượng, nghiên cứu chỉ ra, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn sàn thương mại điện tử của người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam, bao gồm: Kỳ vọng hiệu quả, Lòng tin, Thói quen và Hiệu ứng cái đuôi dài. Trong đó, yếu tố Thói quen có tác động mạnh nhất và yếu tố Lòng tin có tác động thấp nhất. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị giúp các doanh nghiệp kinh doanh sàn thương mại điện tử trên thị trường Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua hàng xuyên biên giới nâng cao hiệu quả hoạt động.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, Ý định lựa chọn, Sàn thương mại điện tử, Người tiêu dùng, Mua sắm hàng hóa

**249. Yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế thu nhập cá nhân tại Quảng Ngãi**/ Nguyễn Thanh Phương Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 762 .- Tr. 127-131.

**Nội dung**: Bài viết được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) của người dân tại Quảng Ngãi, từ đó đưa ra các khuyến nghị góp phần nâng cao sự tuân thủ thuế TNCN của người nộp thuế.

**Từ khoá**: Sự tuân thủ thuế, thuế thu nhập cá nhân, người nộp thuế, Quảng Ngãi

**250. Yếu tố ảnh hưởng đến ý định lòng trung thành của khách hàng tại MBBank**/ Nguyễn Minh Trí// Tài chính .- 2021 .- Số 761 .- Tr. 47-51.

**Nội dung**: Thông qua số liệu thu thập được từ 302 khách hàng hiện đang giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (MBBank), bài viết xác định yếu tố ảnh hưởng đến ý định lòng trung thành của khách hàng tại MBBank. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố như: Cam kết thương hiệu, trải nghiệm thương hiệu, giá trị cảm nhận có ảnh hưởng đến ý định lòng trung thành của khách hàng thông qua các yếu tố trung gian như: hình ảnh thương hiệu, sự tin tưởng, sự hài lòng và yếu tố yêu thích thương hiệu.

**Từ khoá**: Ý định lòng trung thành, hài lòng, giá trị cảm nhận, ngân hàng TMCP Quân đội

**251. Yếu tố tác động đến sự gắn bó của nhân viên các ngân hàng thương mại tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Văn Tuyên// Tài chính .- 2021 .- Số 760(Tháng 09) .- Tr. 65-69.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện thông qua việc gửi phiếu khảo sát đến 400 nhân viên ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh bằng thư điện tử, nhằm phân tích các yếu tố tác động đến sự gắn bó của nhân viên với NHTM trên địa bàn Thành phố. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực cho các NHTM trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: ngân hàng thương mại, động lực làm việc, nhân viên, TP. Hồ Chí Minh, nguồn nhân lực

**KIẾN TRÚC**

**1. Ảnh hưởng của công trình nghỉ dưỡng cao tầng đến đường chân trời thành phố Nha Trang/** ThS. KTS. Nguyễn Hải Bình, TS. KTS. Ngô Lê Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Việc lượng hóa các yếu tố đánh giá chất lượng thị giác của đường chân trời thông qua chiều cao của tòa nhà, sự chuyển đổi chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng cách của các tòa nhà và tỷ lệ các cạnh của hình khối tòa nhà dưới các góc quan sát khác nhau. Từ đó, đánh giá khách quan về quy hoạch và tổ chức tổng thể các công trình nghỉ dưỡng cao tầng khu vực ven biển.

**Từ khóa**: Công trình nghỉ dưỡng cao tầng, quy hoạch đô thị, khu vực ven biển

**2. Bảo tàng lịch sử quốc gia : những giá trị tiêu biểu của kiến trúc Đông Dương/** ThS. Nguyễn Thị Thu Hoan// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 236 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Quá trình ra đời và xây dựng bảo tàng tầm cỡ khu vực; Những giá trị kiến trúc nghệ thuật đặc sắc.

**Từ khóa**: Bảo tàng lịch sử, kiến trúc Đông Dương

**3. Bảo tồn kiến trúc Đà Lạt dưới góc độ giáo dục di sản/** ThS. KTS. Nguyên Thị Như Trang// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 65-69.

**Nội dung:** Đưa ra cách tiếp cận về bảo tồn di sản đô thị thông qua giáo dục cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ. Từ đó, tác giả nhấn mạnh định hướng giáo dục di sản cho cộng đồng và khẳng định đây là một cách tiếp cận bền vững để phát triển bảo tồn di sản ở Việt Nam nói chung và Đà Lạt nói riêng.

**Từ khóa**: Bảo tồn di sản, giáo dục di sản, di sản kiến trúc đô thị

**4. Các kiến trúc nhỏ phục vụ cho tổ chức không gian công cộng khu vực quận Hoàn Kiếm/** TS. KTS. Trần Minh Tùng// Kiến trúc .- 2021 .- Số 5 (313) .- Tr. 57-60.

**Nội dung:** Vai trò của các kiến trúc nhỏ trong không gian công cộng đô thị; Các vấn đề về kiến trúc nhỏ trong không gian công cộng khu vực quận Hoàn Kiếm; Gợi ý về các kiến trúc nhỏ phục vụ cho tổ chức không gian công cộng khu vực quận Hoàn Kiếm.

**Từ khóa**: Kiến trúc nhỏ, không gian công cộng, Hoàn Kiếm

**5. Cảnh quan tự nhiên và kiến trúc cảnh quan/** ThS. Nguyễn Hoàng Linh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Trình bày một số tìm hiểu cá nhân về thuật ngữ cảnh quan tự nhiên và mối quan hệ giữa cảnh quan tự nhiên với kiến trúc cảnh quan.

**Từ khóa**: Cảnh quan tự nhiên, kiến trúc cảnh quan

**6. Cấu trúc không gian đô thị Thuận An – Huế trong quy hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu/** ThS. KTS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 236 .- Tr. 68-71.

**Nội dung:** Những thách thức bởi tai biến trong biến đổi khí hậu; Mối liên hệ giữa cấu trúc không gian đô thị với khả năng thích ứng biến đổi khí hậu; Nguyên tắc kết nối cấu trúc không gian hướng đến tăng khả năng thích ứng biến đổi khí hậu tại Thuận An.

**Từ khóa**: Không gian đô thị, biến đổi khí hậu, quy hoạch đô thị

**7. Đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc cảnh quan tại Việt Nam : cơ hội và thách thức/** TS. KTS. Phạm Anh Tuấn// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 83-86.

**Nội dung:** Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc cảnh quan tại Việt Nam; Cơ hội và thách thức trong đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc cảnh quan tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, nguồn nhân lực

**8. Để cầu thực sự là một công trình kiến trúc/** ThS. KTS. Tạ Yến// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 80-82.

**Nội dung:** Dựa trên những nghiên cứu tổng quan về lịch sử phát triển kiến trúc cầu trên thế giới và thực trạng phát triển cầu ở Việt Nam để phân tích những đặc điểm về kỹ thuật và mỹ thuật đối với kiến trúc cầu. Từ đó, đề xuất các giải pháp thiết kế cầu như một công trình tích hợp các yếu tố kỹ - mỹ thuật mang tinh thần của thời đại.

**Từ khóa**: Công trình kiến trúc, kiến trúc cầu

**9. Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam : quan điểm và những nhiệm vụ trọng tâm/** ThS. KTS. Hồ Chí Quang// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1246/QĐ-TTg ngày 19/07/2021, với mục tiêu tiếp tục xây dựng phát triển kiến trúc Việt Nam hiện đại, bền vững, giàu bản sắc, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn với bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

**Từ khóa**: Kiến trúc Việt Nam, quan điểm, nhiệm vụ

**10. Giá trị di sản kiến trúc nhà thờ Công giáo thời kỳ đầu ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ/** Trần Quốc Bảo// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Giới thiệu một số nhà thờ tiêu biểu và những đặc trưng cơ bản của di sản kiến trúc nhà thờ Công giáo thời kỳ đầu ở đồng bằng Bắc Bộ.

**Từ khóa**: Kiến trúc nhà thờ, di sản kiến trúc

**11. Giá trị làng ấp hiện hữu tại Đà Lạt trong bối cảnh phát triển mô hình làng đô thị xanh/** ThS. KTS. Đoàn Anh Khoa// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 150-155.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan lịch sử hình thành, vai trò và đặc trưng của các làng, ấp xuyên suốt chiều dài lịch sử của Đà Lạt sẽ giúp chuyển tải them một số giải pháp cho mô hình Làng đô thị xanh, tăng khả năng nhân rộng mô hình trong phạm vi Đà Lạt và vùng phụ cận.

**Từ khóa**: Làng đô thị xanh, làng ấp hiện hữu, giá trị, Đà Lạt

**12. Giải pháp thiết kế nhà ở xã hội cao tầng ứng phó với biến đổi khí hậu tại các tỉnh duyên hải miền Trung/** Trần Vũ Thọ// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 68-71.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng xây dựng nhà ở xã hội cao tầng và một vài đề tài liên quan về nhà ở chống bão dành cho người thu nhập thấp tại các tỉnh duyên hải miền Trung, qua đó đưa ra những vấn đề tồn tại của loại hình nhà ở này trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và giải pháp xây dựng nhà ở xã hội cao tầng mới theo mục tiêu của đinh hướng kiến trúc Việt Nam trong việc phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Kiến trúc nhà cao tầng, biến đổi khí hậu, thiế kế nhà ở xã hội cao tầng

**13. Hành vi học môi trường trong nghiên cứu không gian cư trú tại các làng xã truyền thống của Hà Nội/** ThS. KTS. Dương Hoàng Trung// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 236 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Trình bày khái quát về lý thuyết môi trường hành vi và một số học thuyết liên quan đồng thời chỉ ra một số vấn đề trong việc nghiên cứu không gian cư trú tại các làng xã truyền thống hiện nay.

**Từ khóa**: Không gian cư trú, làng xã truyền thống

**14. Kiến trúc “ngoại nhập” và vấn đề hiện đại hóa kiến trúc bản địa ở Việt Nam/** TS. KTS. Nguyễn Việt Huy// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 24-27.

**Nội dung:** Làm sáng tỏ những quan niệm của xã hội về xu hướng quá trình hội nhập cũng như các đóng góp định hướng quản lý phát triển kiến trúc tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiến trúc bản địa, Việt Nam

**15. Kiến trúc thuật toán và những ứng dụng tại Việt Nam/** KTS. Trịnh Quốc Bảo// Kiến trúc .- 2021 .- Số 6 (314) .- Tr. 82-86.

**Nội dung:** Đưa ra một góc nhìn đa dạng về những ứng dụng của kiến trúc thuật toán trong bối cảnh hội nhập.

**Từ khóa**: Kiến trúc thuật toán

**16. Kinh nghiệm phát triển đô thị xanh, sinh thái tại Nhật Bản/** ThS. Nguyễn Việt Dũng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 88-93.

**Nội dung:** Quy hoạch và phát triển đô thị ở Nhật Bản; Một số trường hợp cụ thể về quy hoạch đô thị xanh, sinh thái; Mô hình đô thị sinh thái – thông minh tại Fujisawa tỉnh Kanagawa.

**Từ khóa**: Đô thị xanh, sinh thái, Nhật Bản

**17. Mosaic art in life and architecture = Nghệ thuật Mosaic trong đời sống và kiến trúc/** Dr. Arch. Truong Thi Thanh Truc, Arch. Nguyen Ty Phu// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 75-77.

**Nội dung:** Studying Mosaic art in life and architecture has the aim of identifying and synthesizing the values of this art and their contribution or application in architectural design and construction. These values bring more diversity in construction techniques and enrich the artistic creativity of the architect = Tìm hiểu nghệ thuật Mosaic trong đời sống và kiến trúc có mục đích xác định và tổng hợp các giá trị của nghệ thuật này trong việc đóng góp hay vận dụng vào việc thiết kế và xây dựng các công trình kiến trúc. Các giá trị nghệ thuật này giúp đa dạng hơn kỹ thuật xây dựng và làm phong phú hơn cho sự sáng tạo nghệ thuật của người kiến trúc sư.

**Từ khóa**: Mosaic art, artistic value, artistic creation, nghệ thuật Mosaic, giá trị nghệ thuật, sáng tạo nghệ thuật

**18. Một số định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan ở Việt Nam/** PGS. TS. Đặng Văn Hà, TS. Trần Đức Thiện// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Khái quát sự phát triển của lĩnh vực kiến trúc cảnh quan qua các thời kỳ phát triển kinh tế, xã hội ở nước ngoài và thảo luận một số định hướng phát triển lĩnh vực kiến trúc cảnh quan ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan

**19. Nghiên cứu hệ sinh thái nhân văn trong tổ chức không gian công cộng : trường hợp tuyến đi bộ khu vực 131 vòm cầu dẫn Phùng Hưng Ga Long Biên, Hoàn Kiếm, Hà Nội/** GS. TS. KTS. Doãn Minh Khôi, ThS. KTS. Doãn Minh Thu, ThS. KTS. Phạm Hồng Việt// Kiến trúc .- 2021 .- Số 5 (313) .- Tr. 52-56.

**Nội dung:** Khái niệm và lịch sử của hệ sinh thái nhân văn; Cấu trúc của hệ sinh thái nhân văn; Hệ sinh thái nhân văn trong tổ chức không gian công cộng; Trường hợp nghiên cứu không gian công cộng khu vực 131 vòm cầu tại phố Phùng Hưng, Hà Nội.

**Từ khóa**: Hệ sinh thái, không gian công cộng

**20. Nhận diện kiến trúc mặt đứng nhà cao tầng trên thế giới : phần 1/** Hoàng Hải Long, Lương Thị Hiền// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 89-93.

**Nội dung:** Trình bày ba thế hệ hình thức kiến trúc có sự biến đổi với những đặc điểm nhận dạng riêng biệt là: học phái Chicago, chủ nghĩa Chiết trung, kiến trúc hiện đại.

**Từ khóa**: Kiến trúc, nhà cao tầng

**21. Nhìn nhận về sáng tác kiến trúc của tư vấn quốc tế tại Việt Nam trong gần nửa thế kỷ phát triển kiến trúc/** TS. KTS. Phan Đăng Sơn// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 9-16.

**Nội dung:** Các dạng hội nhập môi trường tư vấn việt của kiến trúc sư quốc tế trong thời gian qua; Những được và mất của kiến trúc Việt Nam với sự tham gia của tư vấn quốc tế; Những kiến nghị đề xuất cho giai đoạn mới.

**Từ khóa**: Sáng tác kiến trúc, tư vấn quốc tế, kiến trúc Việt Nam

**22. Những nhân tố đảm bảo cho đô thị sinh thái vừa và nhỏ phát triển/** PGS. TS. Nguyễn Minh Hòa// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 19-20.

**Nội dung:** Ý tưởng về mô hình đô thị sinh thái vừa và nhỏ; Các nhân tố hỗ trợ cho các thành phố sinh thái vừa và nhỏ ra đời và phát triển.

**Từ khóa**: Đô thị sinh thái, nhân tốđảm bảo

**23. Phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị theo hướng kiến tạo thương hiệu đô thị để thúc đẩy nguồn lực phát triển đô thị/** TS. KTS. Đào Thị Như// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 86-93.

**Nội dung:** Tập trung tìm nguồn lực để phát triển đô thị thông qua phân tích về cơ hội, cách thức khai thác giá trị của di sản kiến trúc đô thị nhằm kiến tạo thương hiệu cho đô thị để sản sinh nguồn lực phát triển, áp dụng cho các đô thị Việt Nam.

**Từ khóa**: Di sản kiến trúc đô thị, thương hiệu đô thị, nguồn lực phát triển đô thị

**24. Phát triển không gian đô thị tại Hà Nam theo hướng bền vững/** KTS. Nguyễn Nam// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 76-79.

**Nội dung:** Xem xét phát triển không gian đô thị Hà Nam theo hướng phát triển bền vững trên cơ sở sự kết hợp hài hòa giữa không gian phát triển công nghiệp và không gian phát triển nông nghiệp hàng hóa, dựa vào công nghiệp hóa nông nghiệp, giúp kiểm soát quá trình đô thị hóa, tạo điều kiện cho không gian đô thị phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Không gian đô thị, phát triển bền vững

**25. Phát triển nông nghiệp đô thị : hướng đi góp phần hình thành vành đai xanh ven đô thị Trung tâm Hà Nội/** TS. KTS. Vũ Hoài Đức// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 235 .- Tr. 76-79.

**Nội dung:** Nông nghiệp đô thị được xem là một ngành sản xuất ở trong và ven đô thị, chú trọng vào sản phẩm và phương pháp canh tác nông nghiệp. Ngoài việc cung cấp lương thực còn có tác động làm giảm mặt tiêu cực của quá trình đô thị hóa nhờ tác động cải thiện vi khí hậu, bảo tồn và làm giàu tính đa dạng sinh học, giá trị cảnh quan, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

**Từ khóa**: Nông nghiệp đô thị, vùng ven đô thị

**26. Phát triển và nâng cao chất lượng cảnh quan sinh thái tại Hà Nội/** PGS. TS. KTS. Nguyễn Nam// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 73-76.

**Nội dung:** Trình bày một góc nhìn đối với cảnh quan sinh thái đô thị như một không gian mở công cộng, giúp nâng cao chất lượng môi trường sống cho cư dân cũng như thẩm mỹ cho Hà Nội.

**Từ khóa**: Cảnh quan sinh thái, phát triển đô thị, Hà Nội

**27. Phương hướng ứng dụng hình học Fractal trong sáng tác kiến trúc trường học/** Lê Thị Phương Chi, Doãn Minh Khôi// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 236 .- Tr. 72-77.

**Nội dung:** Sơ lược về kiến trúc trường học; Khái quát về hình học Fractal, cách tạo hình và đặc điểm tương đồng với tổ hợp kiến trúc; Đề xuất một số phương hướng ứng dụng hình học Fractal trong sáng tác kiến trúc trường học.

**Từ khóa**: Kiến trúc trường học, hình học Fractal

**28. Quản lý và phát triển kiến trúc : một số kinh nghiệm về định hướng, chính sách kiến trúc ở nước ngoài/** TS. Lý Văn Vinh// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 72-74.

**Nội dung:** Trình bày về kinh nghiệm định hướng, chính sách kiến trúc ở Liên Bang Nga, Cộng hòa Pháp, Trung Quốc, từ đó có cái nhìn toàn cảnh về quản lý hoạt động chính sách kiến trúc trên thế giới.

**Từ khóa**: Kiến trúc Việt Nam, định hướng, chính sách

**29. Sáng tạo kiến trúc : từ thị cảm đến tương tác/** PGS. TS. KTS. Lê Thanh Sơn, KTS. Trần Diễm Thanh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 63-68.

**Nội dung:** Trình bày về ba đặc tính trong sáng tạo kiến trúc là thị cảm, ý nghĩa và tương tác.

**Từ khóa**: Sáng tạo kiến trúc, thị cảm, tương tác

**30. Tái sử dụng vật liệu gỗ trong nội thất công trình nhà ở/** ThS. KTS. Trần Thanh Tùng// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Khai thác và nhìn nhận rõ về hiệu quả của gỗ tái sử dụng trong nội thất công trình nhà ở, qua đó sẽ có cơ sở, dữ liệu để đánh giá về quy trình tái sử dụng sản phẩm sạch.

**Từ khóa**: Gỗ tái sử dụng, nội thất công trình nhà ở

**31. Tạo dựng không gian bếp Việt trong nội thất nhà ở đương đại/** ThS. KTS. Ngô Minh Vũ// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Khái quát đặc trưng cơ bản của văn hóa ẩm thực Việt; Sự chuyển hóa của không gian bếp Việt xưa và nay; Quan điểm về bố cục của không gian bếp âu; Tạo dựng không gian bếp Việt trong nội thất nhà ở đương đại.

**Từ khóa**: Không gian bếp Việt, nội thất nhà ở

**32. “Thành phố trong thành phố” : lý luận và thực tiễn/** PGS. TS. KTS. Phạm Hùng Cường, ThS. KTS. Trần Quý Dương// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 48-53.

**Nội dung:** Chia sẻ một số quan điểm về lý luận và thực tiễn của mô hình “thành phố trong thành phố”.

**Từ khóa**: Cấu trúc đô thị, quy hoạch xây dựng

**33. Thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển đô thị biển Việt Nam/** ThS. KTS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 235 .- Tr. 80-83.

**Nội dung:** Đề xuất những bước đi khoa học đầu tiên trong việc tích hợp nội dung biến đổi khí hậu trong phát triển đô thị biển dưới góc nhìn cấu trúc đô thị.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, phát triển đô thị biển

**34. Thiết kế cảnh quan công cụ gia tăng giá trị bất động sản/** ThS. KTS. Trần Hoàng Hải Nam, Nguyễn Thị Thu Hằng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 112+113 .- Tr. 102-107.

**Nội dung:** Nêu lên vai trò quan trọng về tính cạnh trạnh của thị trường bất động sản ngày càng sôi động, các nhà đầu tư cần có tầm nhìn chiến lược trong việc nâng tầng giá trị sản phẩm và cảnh quan.

**Từ khóa**: Cảnh quan đô thị, bất động sản, kiến trúc cảnh quan

**35. Thiết kế cầu trong đô thị/** PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh// Xây dựng .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Vai trò của cầu trong đô thị; Vai trò của kỹ sư và kiến trúc sư trong thiết kế cầu trong đô thị; Đặc điểm thiết kế cầu trong đô thị; Kết luận.

**Từ khóa**: Thiết kế cầu, đô thị

**36. Thiết kế mô hình đô thị và ứng biến kiến trúc công trình cao tầng tại các đô thị sinh thái – mang đặc tính bản địa ở Việt Nam/** TS. KTS. Phan Đăng Sơn// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 25-31.

**Nội dung:** Trình bày hai vấn đề chính là: vấn đề xây dựng mô hình đô thị sinh thái tại Việt Nam và kiến trúc nhà cao tầng trong các đô thị sinh thái Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiến trúc công trình, nhà cao tầng, đô thị sinh thái, tính bản địa

**37. Thực trạng cảnh quan nông thôn trong xây dựng nông thôn mới/** Quyền Thị Lan Phương// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 65-67.

**Nội dung:** Các tác động đến cảnh quan nông thôn; Những thay đổi của cảnh quan nông thôn những năm gần đây; Định hướng giải pháp giữ gìn cảnh quan nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

**Từ khóa**: Cảnh quan đô thị, nông thôn mới

**38. Tính khoa học của việc ứng dụng phong thủy trong một số công trình kiến trúc cổ Việt Nam/** ThS. KTS. Ngô Hồng Năng// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 62-64.

**Nội dung:** Trình bày một số vấn đề về phong thủy như Âm dương, Tam tài, Ngũ hành và ứng dụng phong thủy trong một số công trình kiến trúc cổ, qua đó thấy được tính khoa học của nó.

**Từ khóa**: Phong thủy, công trình kiến trúc cổ, kiến trúc Việt Nam

**39. Tổ chức các tuyến phố đi bộ trên thế giới và kinh nghiệm phát triển không gian công cộng tại Hà Nội/** NCS. KTS. Nguyễn Hải Vân Hiền, PGS. TS. KTS. Nguyễn Quang Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 5 (313) .- Tr. 61-66.

**Nội dung:** Trình bày: Không gian công cộng trong đô thị; Không gian công cộng trong trung tâm đô thị; Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về tổ chức tuyến phố đi bộ trong trung tâm đô thị lịch sử; Kết luận.

**Từ khóa**: Tuyến phố đi bộ, không gian công cộng

**40. Tổ chức không gian công cộng tuyến phố Hàng Đào – Đồng Xuân trong khu phố cổ Hà Nội : phục vụ công đồng dân cư và góp phần phát triển du lịch quận Hoàn Kiếm/** NCS. Nguyễn Hải Vân Hiền, PGS. TS. KTS. Nguyễn Quang Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 6 (314) .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Tổng quan tuyến phố Hàng Đào – Đồng Xuân trong khu phố cổ Hà Nội; Hiện trạng sử dụng – tổ chức không gian công cộng tuyến phố Hàng Đào – Đồng Xuân; Định hướng việc tái tổ chức không gian công cộng trên tuyến phố Hàng Đào – Đồng Xuân.

**Từ khóa**: Không gian công cộng, tuyến phố Hàng Đào, Đồng Xuân

**41. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan vườn hoa công cộng trong khu nội đô lịch sử Hà Nội/** PGS. TS. Lê Quân, TS. KTS. Nguyễn Thái Huyền// Kiến trúc .- 2021 .- Số 5 (313) .- Tr. 67-69.

**Nội dung:** Khảo sát và nghiên cứu đề xuất tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hệ thống vườn hoa công cộng khu vực nội đô lịch sử Hà Nội là hết sức cần thiết để làm rõ và phát huy giá trị của các không gian công cộng này, góp phần tạo lập bản sắc đô thị Hà Nội phục vụ lợi ích của cộng đồng.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, vườn hoa công cộng

**42. Tổ chức không gian kiến trúc cao ốc văn phòng tại Tp. Hồ Chí Minh theo định hướng sinh thái/** Lê Thị Hồng Na, Tạ Công Tiến// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 32-37.

**Nội dung:** Hệ thống gồm 9 giải pháp thiết kế theo định hướng sinh thái áp dụng cho 6 loại không gian chức năng trong cao ốc văn phòng tại Tp. Hồ Chí Minh được đưa ra dựa trên kết quả khảo sát 50 cao ốc văn phòng tại khu vực trung tâm Tp. Hồ Chí Minh và áp dụng một số lý thuyết thiết kế theo định hướng sinh thái trên thế giới.

**Từ khóa**: Định hướng sinh thái, không gian kiến trúc, cao ốc văn phòng

**43. Từ công trình xanh tới khu đô thị xanh : giải pháp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững/** Lưu Thị Thanh Mẫu, Lê Thị Hồng Na// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 43-47.

**Nội dung:** Các tiêu chuẩn đánh giá công nhận khu đô thị xanh và các mô hình khu đô thị xanh điển hình trên thế giới được giới thiệu. Một số bài học kinh nghiệm về thực hành công trình xanh được làm rõ thông qua phân tích dự án thực chứng chưng cư cao tầng Diamond Lotus Riverside. Các tiêu chí xây dựng mô hình khu đô thị xanh đề xuất áp dụng trong thiết kế quy hoạch xây dựng khu đô thị mới hướng tới phát triển bền vững trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Công trình xanh, khu đô thị xanh, phát triển bền vững

**44. Ứng dụng hình chiếu phối cảnh trong môn học hình học họa hình cho các ngành kiến trúc, hội họa/** ThS. KTS. Trần Vũ Thọ// Kiến trúc .- 2021 .- Số 317 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Trình bày về lịch sử phối cảnh và các loại phối cảnh thường gặp trong môn học hình học họa hình cho ngành kiến trúc, hội họa.

**Từ khóa**: Phối cảnh, hình học họa hình, kiến trúc, hội họa

**45. Vai trò của thiết kế cảnh quan bề mặt với hiện tượng “đảo nhiệt đô thị”/** TS. KTS. Nguyễn Ngọc Nương// Kiến trúc .- 2021 .- Số 318 .- Tr. 81-83.

**Nội dung:** Bối cảnh hiện nay; Định hướng thiết kế cảnh quản bề mặt đô thị; Sử dụng vật liệu bề mặt cứng nhằm làm giảm đảo nhiệt đô thị; Kết luận.

**Từ khóa**: Thiết kế cảnh quan, đảo nhiệt đô thị

**46. Văn hóa kiến trúc bản địa kết hợp với công nghệ 4.0 : cuộc cách mạng hóa kiến trúc theo xu hướng bền vững/** TS. KTS. Nguyễn Tất Thắng// Xây dựng .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 50-55.

**Nội dung:** Sứ mệnh và vai trò của văn hóa kiến trúc bản địa theo dòng chảy lịch sự của văn hóa Việt Nam; Văn hóa kiến trúc bản địa kết hợp với công nghệ 4.0 có thể cách mạng hóa kiến trúc theo xu hướng bền vững.

**Từ khóa**: Kiến trúc bản địa, văn hóa kiến trúc, công nghệ 4.0

**47. Xây dựng công cụ phục vụ giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích Cố đô Huế/** ThS. KTS. Lê Ngọc Kiên// Quy hoạch Xây dựng .- 2021 .- Số 111 .- Tr. 96-99.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan tại Quần thể di tích Cố đô Huế.

**Từ khóa**: Di sản thế giới, kiến trúc, cảnh quan

**48. Xu hướng quốc tế hóa, bản địa hóa và công nghệ hóa không gian công cộng trong đô thị/** Nguyễn Hải Vân Hiền, Nguyễn Quang Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 8 (316) .- Tr. 69-73.

**Nội dung:** Luận bàn về xu hướng quốc tế hóa, bản địa hóa và công nghệ hóa không gian công cộng trong đô thị đã được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới những còn tương đối mới ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Quốc tế hóa, bản địa hóa, công nghệ hóa, không gian công cộng, đô thị

**49. Xu hướng sinh thái hóa không gian công cộng trong đô thị/** NCS. KTS. Nguyễn Hải Vân Hiền, PGS. TS. KTS. Nguyễn Quang Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 7 (315) .- Tr. 68-71.

**Nội dung:** Bàn về xu hướng đầu tiên hiện đang phát triển mạnh thành một trào lưu có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, cố gắng thu hẹp khoảng cách giữa môi trường nhân tạo và môi trường thiên nhiên do quá trình đô thị hóa thiếu kiểm soát gây ra.

**Từ khóa**: Không gian công cộng, đô thị

**THIẾT KẾ THỜI TRANG**

**1. Áp dụng công nghệ số vào chuỗi cung cấp sản xuất may mặc như thế nào**/ Hoàng Thu Hà// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Chúng ta sẽ thảo luận tất cả những gì để áp dụng công nghệ số và hiểu việc áp dụng công nghệ số vào một nhà máy may có thể dẫn tới hiệu quả tốt hơn, lợi nhuận tốt hơn và tính bền vững.

**Từ khóa:** Công nghệ số, Chuỗi cung ứng, may mặc

**2. Bước chuyển mình của Nhà máy May Nghi Lộc/** Quang Nam// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 396 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Vượt qua những khó khăn trong giai đoạn đầu đi vào hoạt động. Nhà máy May Nghi Lộc đã có những bước chuyển mình trở thành một trong những điểm sáng về lao động. Lãnh đạo Nhà máy May đề ra 4 mục tiêu chính: Tiếp tục giữ vứng đà tăng trưởng của năm 2021, tìm kiếm và đnah giá thêm khách hàng, đưa các đơn hàng FOB để sản xuất, lượng lao động dồi dào.

**Từ khóa**: Nhà máy May Nghi Lộc, bước phát triển

**3. Chuyển đổi số trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành dệt may**/ Hoàng Xuân Hiệp// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 36-41.

**Nội dung:** Chuyển đổi số là một trong những nhu cầu cấp thiết đối với hầu hết các tổ chức hiện nay trong đó có trường Đại học. Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục Đại học nói riêng, đặc biệt la do tác động của Đại dịch Covid-19 đòi hỏi các trường Đại học phải chuyển đổi số quyết liệt hơn để áp dụng nhu cầu của các bên liên quan trong bối cảnh giảng viên và sinh viên không thể tiếp xúc trực tiếp.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, nguồn nhân lực, dệt may

**4. Covid-19: Chất xúc tác dịch chuyển chuỗi cung ứng dệt may**/ Đặng Thanh Huyền// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 396 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Khi Đại dịch Covid-19 xảy ra và bùng phát trên toàn thế giới bắt đầu từ năm 2020 đã gây ra sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Nó cho thấy cần phải cải thiện tính linh hoạt để giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh trên diện rộng vì sự gián đoạn kéo dài và nghiêm trọng sẽ gây ra thiệt hại lớn về tài chính. Chính điều này như một chất xúc tác tạo ra một phong trào hướng tới xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng vừa đa dạng vừa phải nhanh nhẹn hơn.

**Từ khóa**: Covid-19, chất xúc tác, chuỗi cung ứng, dệt may

**5. Doanh nghiệp dệt may bắt nhịp xu hướng tương lai của thị trường thiết bị bảo vệ cá nhân**/ Nguyễn Sỹ Phương, Nguyễn Thị Phương Nga// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 396 .- Tr. 44-49.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 nhấn chìm toàn bộ thế giới. Khiến nhu cầu về trang thiết bị/sản phẩm bảo vệ cá nhân gia tăng mạnh mẽ. Thiết bị/sản phẩm bảo vệ cá nhân được đề cấp đến quần áo bảo hộ, mũ bảo hiểm, kính bảo hiểm, trang phục, trang thiết bị khác bảo vệ cơ thể người mặc khỏi bị chấn thương hay nhiễm trùng. Bài viết này đề cập đến các loại khẩu trang và bộ quần áo y tế là sản phẩm ngành công nghiệp dệt may.

**Từ khóa**: Dệt may, bảo vệ cá nhân, doanh nghiệp, thời trang

**6. Dự báo dệt may Thế giới và Việt Nam năm: “2022 lấy lại những gì đã mất”/** Văn phòng HĐQT// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 55-61.

**Nội dung**: Mặc dù đối mặt với nhiều yếu tố bất định, đặc biệt là các biến chủng của Covid nhưng mới đây quỹ tiền tệ Quốc tế và ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng GDP đạt 5,9% vào năm 2021 và 4,9% năm 2022. Dự báo nhu cầu dệt may thế giới sẽ quay trở lại bằng mức của năm 2019.

**Từ khóa**: Dệt may, dự báo, Thế giới, Việt Nam

**7. Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022: Mở cửa sớm, phục hồi nhanh**/ Trần Thị Thu Hà// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Do ảnh hưởng dịch Covid-19, bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2021 chủ yếu mang gam màu trầm nhiều chỉ số vĩ mô bị kéo tụt. Có hơn 90 ngàn danh nghiệp buộc phải rời thị trường, thâm hụt thương mại gia tăng, nhập siêu 9 tháng hơn 2 tỷ USD, hoạt động du lịch gần như đóng băng hoàn toàn.

**Từ khóa**: Phục hồi kinh tế, dự báo kinh tế, Covid-19

**8**. **Đầu tư nhà máy sợi 2 tầng – cách làm mới từ dự án của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài**/ Ban Đầu tư và phát triển// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr.10-13.

**Nội dung:** Công ty cổ phần Sợi Phú Bài là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sợi có thương hiệu trên thị trường trong nước cũng như xuất khẩu với quy mô 5 vạn cọc sợi được đầu tư và đưa vòa hoạt động năm 2002-2003. Dự án đầu tư máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ra đời nhằm mở rộng quy mô sản xuất, định hướng sản xuất đa dạng hóa thương hiệu, nhân rộng mô hình quản trị hiệu quả.

**Từ khóa:** Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, nhà máy sợi

**9. Định hướng phát triển của ngành dệt may Trung Quốc trong kế hoạch 5 năm lần thứ 14/** Vương Đức Anh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 391 .- Tr. 22-29.

**Nội dung:** Trong kế hoạch 5 năm ngành dệt may Trung Quốc sẽ thúc đẩy nâng cao chất lượng về công nghệ, thời trang và phát triển bền vững. Ngành dệt may lấy chất lượng làm khâu quan trọng đột phá. Nâng cao năng lực đổi mới, phát triển bền vũng, phân bổ nguồn lực. Dệt may Trung Quốc đặt mục tiêu trở thành trụ cột cho phát triển kinh tế và xã hội Quốc gia trong hợp tác Quốc tế và phát triển hội nhập.

**Từ khóa**: Dệt may, Trung Quốc, định hướng phát triển

**10. Gam màu nào cho bức tranh bán lẻ dệt may năm 2022**/ Đỗ Hồng Hạnh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã và đang gây ảnh hưởng nặng nề tới ngành dệt may thế giới. Sự đứt gãy chuỗi cung cùng với tình trạng giãn cách xã hội, đóng cửa cơ sở kinh doanh và cầu tiêu dùng suy giảm do sức khỏe kinh tế toàn cầu èo uột đã khiến nhiều doanh nghiệp thua lỗ, đẩy doanh nghiệp từ sản xuất thương mại đến bán lẻ lâm vào phá sản.

**Từ khóa**: Dệt may, Covid-19, doanh nghiệp

**11. Giải pháp tổ chức sản xuất chống đứt gãy chuỗi cung ứng từ kinh nghiệm Quốc tế**/ Đặng Bá Nam// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Hệ thống chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đại dịch phá vỡ các liên kết vận chuyển và cơ chế phân phối giữa nhà cung cấp, cơ sở sản xuất và khách hàng. Do đó cần có giải pháp cho mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững trong thời kỳ hậu dịch. Những thách thức về quản lý sản xuất vận hành trong đại dịch, chiến lược chính sách cải thiện khả năng phục hồi và bền vững của hệ thống.

**Từ khóa:** Quốc tế, chuỗi cung ứng, tổ chức sản xuất

**12**. **Giải pháp thúc đẩy cơ hội việc làm cho sinh viên**/ Hoàng Xuân Hiệp// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Tạo việc làm cho sinh viên là mong muốn của tất cả các trường Đại học và là cơ sở vững chắc để giáo dục phát triển. Tiêu chí để xác định việc làm cho sinh viên như: Thu nhập, cơ hội, ví trị, khả năng phát triển… . Tiêu chí quan trọng được nhà trường, xã hội, gia đình, quan tâm nhất là thu nhập.

**Từ khóa**: Sinh viên, cơ hội việc làm, Đại học

**13**. **Hành vi tiêu dùng mới**/ Hoàng Hân// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 56-61.

**Nội dung**: Một nhóm gồm 7 nhà nghiên cứu đã đưa ra nghiên cứu chỉ ra những thay đổi hành vi của người tiêu dùng trong dài hạn. Từ đó cung cấp kiến thức mà doanh nghiệp có thể áp dụng nhằm xây dựng chiến lược phát triển trước khi đối mặt với sự gián đoạn do đại dịch.

**Từ khóa:** Hành vi tiêu dùng

**14**. **Hệ thống quản lý chất lượng bông Mỹ**/ Phương Thanh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Hệ thống quản lý chất lượng bông Mỹ, tổng quan chung về hệ thống quản lý chất lượng bông Mỹ, quy trình phân loại bông Mỹ.

**Từ khóa**: Mỹ, chất lượng bông, hệ thống quản lý

**15. Hiến kế giải pháp căn cơ phục hồi kinh tế trong năm 2022**/ Hoàng Anh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Tại tọa đàm tham vấn chuyên gia về kinh tế - xã hội được tổ chức lần đầu tiên trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV diễn ra mới đây. Các đại biểu tập trung thảo luận, đề xuất nhiều giải pháp trọng tâm trước mắt và lâu dài để phục hồi kinh tế - xã hội trong và sau đại dịch Covid-19. Trong đó nhấn mạnh đến giải pháp xây dựng khung chương trình tổng thế phục hồi kinh tế trong và sau dịch.

**Từ khóa**: Phát triển kinh tế, phục hồi kinh tế

**16. Hướng tới đối tác chiến lược có tầm cỡ**/ Kiều Bích Hậu// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 392 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Ông Nguyễn Song Hải vừa nhậm chức tổng giám đốc Tổng công ty Dệt May miền Bắc Vinatex. Đã có buổi trao đổi phỏng vấn về diễn biến và thách thức mới trong thị trường dệt may hiện nay.

**Từ khóa**: Dệt may, thời trang, chiến lược kinh doanh, đối tác

**17**. **Kinh tế Việt Nam 8 tháng đầu năm và dự báo 4 tháng cuối năm 2021: Doanh nghiệp đối mặt với nhiều áp lực**/ Xuân Quý// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 26-27.

**Nội dung**: Theo báo cáo kinh tế xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2021 của tổng cục thống kê, Đại dịch Covid-19 đã ngấm sâu vào tất cả các ngành/lĩnh vực quan trọng như sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, chỉ số giá tiêu dùng (CPI), bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

**Từ khóa**: Kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam

**18.** **Lụa Hà Đông vẻ đẹp biểu tượng của thời trang truyền thống Việt Nam**/ Khanh Khanh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 392 .- Tr. 62-65.

**Nội dung**: Lụa bao đời nay được xem trọng như một biểu tượng của nét đẹp Việt với nhiều làng nghề dệt lụa vẫn còn được giữ gìn nguyên vẹn, tiếng tăm lừng lẫy. Từ Nha Xá, Cổ Chất đên Hội An, Tân Châu. Lụa Việt theo năm tháng đi vào huyền thoại và là niềm tự hào của lụa Việt Nam.

**Từ khóa:** Lụa Hà Đông, Việt Nam, thời trang

**19**. **Mấu chốt của chuyển đổi số là nguồn nhân lực**/ Giang Nguyễn// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 392 .- Tr. 60-61.

**Nội dung**: Năm 2021 tiếp tục nhiều thách thức với doanh nghiệp, trong đó có ngành dệt may. Chuyển đổi số hay số hóa doanh nghiệp vẫn được nhận định là xu hướng cho hầu hết các ngành hàng sản xuất xuất khẩu. Chuyển đổi số ngành dệt may có những chuyển động bứt phá mới.

**Từ khóa:** Nguồn nhân lực, chuyển đổi số, dệt may

**20. Nhân rộng mô hình thành công của ngành Denim tại Bangladesh**/ Vương Đức Anh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 396 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Denim trở thành một phần quan trọng đóng góp vào tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Bangladesh. Những năm gần đây vải Denim được nhập khẩu từ Trung Quốc, Pakistan, Ấn Độ. Tuy nhiên vải Denim sản xuất nội địa để cung cấp cho nhà máy may đã có sự tiến bộ và phát triển. Chất lượng vải Denim nội địa không thua akems hàng nhập khẩu, vải đa dạng phục vụ sản xuất nhiều mẫu mã khác nhau. Lĩnh vwucj sản xuất vải Denim tiếp tục thu hút các khoản đầu tư nâng cao công suất.

**Từ khóa**: Bangladesh, vải Denim, mô hình, thành công

**21. Những tín hiệu tích cực sau đại dịch**/ Quang Nam// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Đơn hàng dối dào cho 3 tháng cuối năm, biến động lao động không quá lớn là những tín hiệu tích cực cho phục hồi sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp dệt may khu vực Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam. Tuy nhiên các doanh nghiệp cần có sự thống nhất cơ chế giữa các địa phương giáp ranh để thuận tiện cho người lao động di chuyển.

**Từ khóa**: Đại dịch Covid-19, dệt may

**22**. **Ngành dệt may có thể coi Trung Quốc là đối tác phát triển**/ Kiều Bích Hậu// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 392 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Với nhiều thách thức, cam go trong phát triển kinh tế giữa làn sóng dịch Covid-19. Ngành dệt may Việt Nam lại đứng trước nghịch cảnh, khi đơn hàng nhiều và rủi ro cũng nhiều. Ông Nguyễn Đức Kiên chuyên gia kinh tế - tổ trưởng tổ tư vấn kinh tế đã đưa ra nhiều nhận định về vấn đề này.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Việt Nam, đối tác, ngành dệt may

**23**. **Quản trị trong khủng hoảng**/ Trần Văn// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Biến chủng Delta lây nhiễm nhanh, nguy hiểm và tác động nặng nền đến nước ta, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm phía nam và đồng bằng Sông Cửu Long với hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh và tiếp theo là thủ đô Hà Nội. Vì vậy các doanh nghiệp cần chủ động ứng phó, có định hướng, mục tiêu rõ ràng cho phát triển kinh tế lâu dài.

**Từ khóa**: Quản trị khủng hoảng, Covid-19, doanh nghiệp

**24. Sáng kiến và bước đi của chính phủ Ấn Độ hỗ trợ ngành dệt may bứt phá**/ Vương Đức Anh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 50-53.

**Nội dung:** Xuất khẩu toàn ngành dệt may Ấn Độ trong năm tài chính 2020 giảm mạnh 13% so với năm trước. xuất khẩu may mặc giảm 20%. Tuy nhiên Ấn Độ cho thấy khả năng phục hồi nhanh, kim ngạch 7 tháng đầu năm 2021 tăng 52%. Ngoài ra kể đến chính sách hỗ trợ và sáng kiến của chính phủ tạo nên chuyển động của ngành dệt may Ấn Độ.

**Từ khóa:** Ấn độ, dệt may, chính phủ Ấn Độ

**25. Sự gia tăng của dịch vụ cho thuê thời trang**/ Hoàng Ngọc Hân// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 394 .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây các nền tảng cho thuê thời trang trở nên phổ biến, thúc đẩy sự ra đời của nền kinh tế nền tảng cho thuê thời trang. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển và tác động đến tư duy nhận thức mua sắm.

**Từ khóa**: Thời trang, dệt may

**26**. **Sự phục hồi của Tập đoàn GAP sau đại dịch Covid-19**/ Minh Trí// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 391 .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Tập đoàn bán lẻ quần áo của Mỹ - GAP INC đã có bước chuyển mình ngoạn mục từ lỗ 932 triệu USD quý I năm ngoái sang lãi 166 triệu USD ở hiện tại. Sự phục hồi ngoạn mục cùng với những nỗ lực của GAP đánh dấu bước chuyển mình trong ngành thời trang Thế giới.

**Từ khóa:** Tập đoàn GAP, thời trang, Mỹ, Covid-19

**27. Tiêu dùng ở Châu Âu sẽ như thế nào sau đại dịch**/ Mạc Dung// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 392 .- Tr. 48-59.

**Nội dung**: Nền kinh tế Châu Âu đã chịu cú sốc lớn trong năm 2020 sau 2 đợt bùng phát dịch Covid-19, tỉ lệ tử vong cao. Hậu quả suy thoái kinh tế sâu sắc nhất trong lịch sử. Câu hỏi đặt ra đối với nhiều doanh nghiệp mọi thứ sẽ như thế nào sau khủng hoảng.

**Từ khóa**: Châu Âu, tiêu dùng, đại dịch Covid-19

**28. Triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 trong ngành dệt-may, da ở tỉnh Đồng Nai**/ Hà Thị Ngọc Oanh, Phạm Quang Văn// Phát triển & Hội nhập .- 2021 .- Số 60(70) .- Tr. 90-99.

**Nội dung**: Bài báo là một phần nội dung công trình nghiên cứu cấp tỉnh Đồng Nai, tác giả đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ 4.0 trong các doanh nghiệp dệt-may, da đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Bằng phương pháp phân tích SWOT nêu được điểm mạnh điểm yếu, cơ hội thách thức là cơ sở thực tiễn quan trọng đề xuất giải pháp cụ thể giúp doanh nghiệp tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 trên địa bàn tỉnh.

**Từ khóa**: Công nghệ 4.0, ứng dụng công nghệ, dệt may

**29. Triển vọng kinh tế 2022 và cơ hội phục hồi của ngành dệt may**/ Trần Văn// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Triển vọng đối với thị trường kinh tế đang phát triển đã giảm xuống cho năm 2021, nhất là đối với Châu Á vì đợt bùng phát dịch bệnh do biến chủng delta. Giá thành sản phẩm là tối quan trọng và các doanh nghiệp trên thế giới đều sống chết cắt giảm chi phí và xây dựng thương hiệu để định vị phân khúc thị trường cho sản phẩm hàng hóa của mình.

**Từ khóa**: Triển vọng kinh tế, ngành dệt may, phục hồi kinh tế

**30. Trung tâm thời trang Vinatex “nóng” lại nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng**/ Hoàng Anh//Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 396 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Ngay sau khi hoạt động trở lại vào cuối tháng 9/2021, trung tâm thời trang Vinatex đã nhanh chóng kích hoạt các kênh để thu hút và phục vụ nhu cầu mua sắm của khách hàng sau hơn 2 tháng đóng cửa phòng dịch. Để khách hàng có trải nghiệm mua sắm tốt hơn, bù lấp khoảng thời gian ở nhà giãn cách.

**Từ khóa**: Vinatex, người tiêu dùng, nhu cầu mua sắm

**31. Xây dựng doanh nghiệp thông minh để kiến tạo sự nhanh nhạy & khả năng phục hồi bền vững**/ Đặng Thanh Huyền// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 48-51.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã tạo ra cuộc khủng hoảng trên phạm vi toàn cầu. Nó tác động đến ngành kinh tế và tạo ra sự thay đổi lớn ở nhiều lĩnh vực. Đặc biệt các doanh nghiệp ngày nay bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch và đây là cơ hội thách thức phục hồi sau đại dịch.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, Đại dịch Covid-19, phục hồi sau dịch

**32. Vật liệu và sản phẩm dệt may thông minh**/ Nguyễn Sỹ Phương, Nguyễn Thị Phương Nga// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 391 .- Tr. 58-62.

**Nội dung**: Công nghiệp dệt may đã có bước tiến lớn chuyển mình từ việc cung cấp sản phẩm may mặc thông thường trở thành một ngành có tác động tích cực đến sự phát triển của xã hội. Những đổi mới công nghệ trong ngành dệt may không chỉ mang lợi ích cho ngành mà tác động đến cuộc sống con người trong lĩnh vực sức khỏe, thể thao, y tế, môi trường.

**Từ khóa:** Dệt may, vật liệu, thời trang

**33.** **Vinatex sáng tạo, linh hoạt, tự lực tự cường, hoàn thành mục tiêu kép**/ Giang Nguyễn// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 393 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Tập đoàn dệt may Vinatex đóng vai trò nòng cốt, đẫn đầu trong mục tiêu kép của ngành. Điều này cho thấy trong khó khăn vẫn có nhiều tấm gương sáng vươn lên vượt khó, có mô hình hiệu quả bảo vệ chăm lo cho đời sống công nhân và duy trì sản xuất tốt.

**Từ khóa**: Tập đoàn Vinatex, dệt may, mục tiêu kép

**34. Việt Nam có giữ được vị trí quốc gia xuất khẩu dệt may lớn thứ 2 Thế giới trong năm 2021**/ Vương Đức Anh// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam vươn lên vị trí thứ 2 Thế giới năm 2020 theo báo cáo tổ chức Thương mại Thế giới vào tháng 8/2021. Phải chăng ngành dệt may Việt Nam đã tích trữ đủ lượng để có thể chuyển mình về chất.

**Từ khóa**: Ngành Dệt may, xuất khẩu, Thế giới

**35. Vững vàng trên con đường đầy thử thách của năm 2022**/ Lê Tiến Trường// Dệt may & Thời trang Việt Nam .- 2021 .- Số 395 .- Tr. 6-7.

**Nội dung**: Năm 2022 là thời điểm đầu tiên của 3 năm phục hồi sau dịch Covid-19. Những thách thức lớn đặt ra cho doanh nghiệp bài toán xây dựng kế hoạch năm đảm bảo rõ mục tiêu, chỉ tiêu, đích đến trên cơ sở những dự báo sát với thực tiễn và mang tính khoa học là nội dung chính được đăng tải trên tạp chí Dệt may và Thời trang số này.

**Từ khóa**: Dệt may, thời trang, thách thức

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Bản dịch tiếng Việt tác phẩm thần khúc (cuốn địa ngục) của Dante Alighieri**/ Antonio Alessandro// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 10(596) .- Tr. 3-6.

**Nội dung**: Tìm hiểu và đánh giá vị trí của Dante. Phân tích vai trò của Thần khúc cũng như ý nghĩa của việc tái bản cuốn Địa ngục.

**Từ khóa**: Dante, thần khúc, địa ngục, văn học Ý

**2. Bước đầu nghiên cứu truyện thơ nôm Tày Đính Chi**/ Trần Thị Thu Hường// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Khảo sát đặc điểm văn bản truyện Đính Chi viết bằng chữ Nôm Tày, tìm hiểu những giá trị nổi bật của tác phẩm, như : tình yêu và hạnh phúc lứa đôi, sự hòa hợp của yếu tố tín ngưỡng tôn giáo, nghệ thuật mang nét riêng của dân tộc Tày vùng cao… góp phần khẳng định giá trị của truyện Đính Chi nói riêng và di sản văn học thành văn của dân tộc Tày trong kho tàng văn học trung đại nói chung.

**Từ khóa**: Văn học Tày, truyện thơ Nôm, truyện thơ Nôm Tày, truyện Đính Chi

**3. Bước đầu nghiên cứu truyện thơ nôm Tày Đính Chi**/ Trần Thị Thu Hường// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Khảo sát đặc điểm văn bản truyện Đính Chi viết bằng chữ Nôm Tày, tìm hiểu những giá trị nổi bật của tác phẩm, như : tình yêu và hạnh phúc lứa đôi, sự hòa hợp của yếu tố tín ngưỡng tôn giáo, nghệ thuật mang nét riêng của dân tộc Tày vùng cao… góp phần khẳng định giá trị của truyện Đính Chi nói riêng và di sản văn học thành văn của dân tộc Tày trong kho tàng văn học trung đại nói chung.

**Từ khóa**: Văn học Tày, truyện thơ Nôm, truyện thơ Nôm Tày, truyện Đính Chi

**4. Các bản dịch thần khúc và tiếp nhận thần khúc ở Việt Nam**/ Trần Hồng Hạnh// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 10(596) .- Tr. 26-33.

**Nội dung**: Khái lược một số nét về cuộc đời Dante và tác phẩm Thần khúc của ông, đồng thời đề cập và phân tích một nét về các bản dịch thần khúc ra tiếng Việt.

**Từ khóa**: Văn học Trung cổ, Dante Alighieri, thần khúc, bản dịch tiếng Việt

**5. Cảm quan “con người vũ trụ” trong văn chương Tản Đà**/ Lê Thanh Sơn// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Phân tích, nhận diện hình ảnh của “con người vũ trụ” và kiến giải những biểu hiện cốt lõi của nó trong văn chương Tản Đà. Đồng thời, thông qua quá trình phân tích này, tác giả bài viết cũng khẳng định them những khuôn diện độc đáo trong phong cách nghệ thuật và nét đẹp văn hóa nơi văn chương Tản Đà.

**Từ khóa**: Tản Đà, con người vũ trụ, văn hóa phương Đông, cổ mẫu, văn học cận đại

**6. Chuyện phi them của người Thái (Tây Bắc) Việt Nam**/ Phạm Đặng Xuân Hương// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 74-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu nội dung và chức năng của thần thoại dân tộc Thái (Tây Bắc) Việt Nam, dưới một cái tên của chính người bản địa là “chuyện Phi Then”.

**Từ khóa**: Thần thoại, chuyện Phi Then, vũ trụ quan vật linh, lễ Then

**7. Cốt cách thi sĩ của người viết truyện ngắn Ivan Bunin – hay mối tương liên của truyện Ngắn và thơ trữ tình Bunin**/ Đỗ Thị Hường// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 82-89.

**Nội dung**: Phân tích, xem xét mối liên hệ mát thiết giữa thơ và truyện ngắn trữ tình Bunin như một luận giải về sự hòa hợp và thống nhất trong con người thi sĩ và con người văn sĩ của nhà văn Nga đa tài này.

**Từ khóa**: Ivan Bunin, truyện ngắn, tính thơ, tính âm nhạc, trữ tình

**8. Dân ca Tây Nguyên từ góc nhìn địa văn hóa**/ Nguyễn Ái Học// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 40-48.

**Nội dung**: Dân ca Tây Nguyên là một tài sản văn hóa tinh thần vô giá của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Dân ca Tây Nguyên góp phần quan trọng tạo nên bản sắc nghệ thuật và bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên. Tiếp cận dân ca Tây Nguyên từ góc nhìn địa văn hóa là một hướng nghiên cứu khoa học gắn với cách tiếp cận các dân tộc học. Hướng tiếp cận khoa học này có thể vận dụng để tìm hiểu các loại hình nghệ thuật khác ở mọi vùng địa lí văn hóa.

**Từ khóa:** Dân ca, Tây Nguyên, văn hóa

**9. Di sản thơ văn trung đại Việt Nam trong công trình nghiên cứu của tác giả Miền Nam 1955-1975**/ Trần Thị Hoa Lê// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 21-34.

**Nội dung**: Khảo sát, mô tả, phác thảo một số khuynh hướng nghiên cứu văn học cổ trung đại và chọn giới thiệu một số nhà nghiên cứu tiêu biểu của văn học miền Nam giai đoạn 1955-1975.

**Từ khóa**: Tác giả miền Nam 1955-1975, thơ văn trung đại Việt Nam, công trình nghiên cứu

**10. F.Dostoevsky và cảm quan nghệ thuật của Nguyễn Huy Thiệp**/ Đỗ Hải Phong// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 7(593) .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của Dostoevsky tới Nguyễn Huy Thiệp thông qua hai danh ngôn của nhà văn Nga đươc nhà văn Việt Nam trích dẫn. Hai danh ngôn thể hiện cảm quan về thế giới và con người trong sáng tác của Dostoevsky thực chất cũng góp phần kiến tạo cảm quan nghệ thuật trong sáng tác của nhà văn Việt Nam.

**Từ khóa**: Dostoevsky, Nguyễn Huy Thiệp, cảm quan nghệ thuật

**11. Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết “những cảnh đời tỉnh lẻ” của John Maxwell Coetzee**/ Phạm Tuấn Anh, Trần Minh Trâm// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 8(315) .- Tr. 126-132.

**Nội dung**: Phân tích các giọng điệu chính trong tiểu thuyết “những cảnh đời tỉnh lẻ” giọng điệu khách quan, trung tính, giọng điệu hoài nghi, châm biếm và giọng điệu suy ngẫm, triết lý. Từ đó, góp phần đánh giá toàn diện về nghệ thuật đan cài các giọng điệu trong tiểu thuyết Coetzee, chỉ rõ những đóng góp của ông trong nền văn học hậu hiện đại thế giới.

**Từ khóa**: Giọng điệu nghệ thuật, những cảnh đời tỉnh lẻ, John Maxwell Coetzee, khách quan

**12. Hồng Đức Quốc âm Thi tập và công tác nghiên cứu văn bản học**/ Trần Thị Gáng Hoa// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Nghiên cứu các tiêu chí quyền tác giả, lịch sử, ngôn ngữ, đặc điểm của thể loại văn học, góp phần sang tỏ hơn vấn đề văn bản học của tác phẩm, giúp các nhà nghiên cứu có nhận định xác đáng hơn về thơ Nôm thế kỷ XV nói chung và thơ Nôm của vua Lê Thánh Tông nói riêng.

**Từ khóa**: Hồng Đức quốc âm thi tập, thơ Nôm thế kỷ XV, văn bản học

**13. Khát vọng tự do của Hồ Chí Minh trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc : tiếp cận qua tập thơ “nhật ký trong tù”**/ Lê Văn Toan// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 6(238) .- Tr. 53-61.

**Nội dung**: Khảo lược những dấu ấn trong thời gian Hồ Chí Minh hoạt động tìm kiếm độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam ở Trung Quốc. Giới thiệu khái quát lý luận về tự do; minh giải khát vọng tự do trong thời gian Bác Hồ hoạt động ở Trung Quốc qua tập thơ Nhật ký trong tù.

**Từ khóa**: Hồ Chí Minh, Trung Quốc, Nhật ký trong tù

**14. Kim, Ven, Kieu tiếng Tiệp 1926: Bản dịch Truyện Kiều sớm thứ hai sau bản dịch tiếng Pháp**/ Đoàn Lê Giang// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 15-20.

**Nội dung**: Giới thiệu về dịch giả và văn bản Kim, Ven, Kieu tiếng Tiệp Khắc. Nghiên cứu về văn bản nguồn bản dịch Kim, Ven, Kieu của A. Horký. Phân tích đoạn mở đầu và kết thúc bản dịch Kim, Ven, Kieu của A. Horký.

**Từ khóa**: Kim, Ven, Kieu, Kim Vân Kiều, Truyện Kiều, Nguyễn Du, dịch văn học

**15. Luận bàn về Phạm Thế Trung và Sứ Thanh Văn Lục**/ Lê Quang Trường, Nguyễn Thanh Lộc// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 7(593) .- Tr. 40-54.

**Nội dung**: Khảo sát tác phẩm và nêu lên các giá trị của nó trong dòng thơ văn đi sứ triều Nguyễn nói chung. Tác phẩm là tập hợn ghi chép từ văn thư ngoại giao, thơ ca xướng họa, tiễn tặng và những câu chuyện nhìn thấy trên đường đi sứ, do đó chúng có giá trị khảo cứu bổ khuyết cho những sự kiện lịch sử văn hóa, đồng thời nó còn mang giá trị nhất định trong công tác sưu tầm bổ sung tác phẩm và nghiên cứu văn chương đi sứ thời Nguyễn.

**Từ khóa**: Phạm Thế Trung, Phạm Thế Lịch, Sứ Thanh văn lục, thơ văn đi sứ, thời Nguyễn

**16. Một viễn cảnh về tự sự học hậu kinh điển và phương pháp tiếp cận của nó**/ Cao Kim Lan// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 11(597) .- Tr. 39-57.

**Nội dung**: Bài viết là một dẫn luận tổng quan về tự sự học hậu kinh điển, trong đó tập trung vào những nội dung sau: trước hết là nhìn lại những vấn đề của tự sự học kinh điển và cuộc khủng hoảng của nó những năm 1990. Từ đó, khảo sát sự chuyển đổi tất yếu của ngành nghiên cứu này theo hướng liên ngành, xuyên ngành; và cuối cùng là tập trung là sang tỏ phương pháp tiếp cận của tự sự hoch hậu kinh điển trên cơ sở giới thiệu một số mô hình mở rộng của khuynh hướng này.

**Từ khóa**: Tự sự học kinh điển, tự sự học hậu kinh điển

**17. Ngụ ngôn như một phương thức biểu đạt – nghiên cứu trường hợp Quốc văn giáo khoa thư**/ Nguyễn Việt Hùng// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 64-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu văn bản Quốc văn giáo khoa thư để thấy được khuynh hướng sử dụng truyện ngụ ngôn và các hình thức văn bản khác để phục vụ mục đích giáo huấn đạo đức, giáo dục nếp sống văn minh, hướng thiện. Từ đó, tác giả chỉ ra tính linh hoạt, mở rộng của ngụ ngôn với các loại hình văn bản khác, để đi đến đề nghị xem ngụ ngôn như một phương thức biểu đạt hơn là một thể loại văn học.

**Từ khóa**: Ngụ ngôn, Quốc văn giáo khoa thư, biểu đạt

**18. Nhật ký nhà văn của F. Dostoevsky: “vấn đề Phương Đông” và sự xác lập sứ mệnh nước Nga trong tương quan Âu - Á**/ Nguyễn Thị Thu Thủy// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 7(593) .- Tr. 79-89.

**Nội dung**: Khai thác một trong các chủ đề trọng tâm của Nhật ký nhà văn, đó là cách nhìn của Dostoevsky về “vấn đề Phương Đông” và vai trò của nước Nga trong tam giác quan hệ Châu Âu – Nga – Châu Á, hướng tới làm sang tỏ một số ý niệm trong Đông phương luận Nga.

**Từ khóa**: F. Dostoevsky, nhật ký nhà văn, “vấn đề phương Đông”. Đông phương luận Nga, chủ nghĩa Á - Âu

**19. Nhất Linh với việc xây dựng mô hình tiểu thuyết hiện đại**/ Nguyễn Thị Hoàng Mai// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 47-59.

**Nội dung**: Khảo sát một số tiểu thuyết của Nhất Linh giai đoạn trước năm 1945 thử dựng lại mô hình ấy, và cho thấy nhất Nhất Linh bước đầu thành công trong hoạch định một kiểu dáng tiểu thuyết hiện đại, đáp ứng những nhu cầu đặt ra của thời đại.

**Từ khóa**: Nhất Linh, tiểu thuyết hiện đại, tính khách quan của người trần thuật, văn bản nghệ thuật

**20. Nhìn lại tiểu thuyết Viêt Nam hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ Đỗ Hải Ninh// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 10(596) .- Tr. 34-47.

**Nội dung**: Phân tích, lý giải những chuyển động của tiểu thuyết qua sự thay đổi địa vị của thể loại, sự nối tiếp các thế hệ sang tác, ý thức về tinh thần tự do và sự quan tâm hơn đến cách kể. Bài viết hướng tới đánh giá những đóng góp của tiểu thuyết giai đoạn sau 2000 đối với văn học Việt Nam đương đại nói chung.

**Từ khóa**: Tiểu thuyết, thể loại, tiểu thuyết Việt Nam đương đại

**21. Những ám ảnh hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng**/ Thái Phan Vàng Anh// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 11(597) .- Tr. 102-111.

**Nội dung**: Trình bày những ám ảnh hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng qua ba phương diện: Những nổi loạn hiện sinh; những trốn chạy, kiếm tìm bản ngã; lối viết tự thuật.

**Từ khóa**: Nguyễn Thị Hoàng, tiểu thuyết, ám ảnh hiện sinh, lối viết tự thuật

**22. Những cú hích lịch sử - văn hóa và sự phát triển của Văn học Việt Nam đương đại**/ Nguyễn Đăng Điệp// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Phân tích tác động của bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội đến không gian sinh tồn của văn học, sự thay đổi về tư duy nghệ thuật của nhà văn và những đổi mới trên bình diện thu pháp.

**Từ khóa**: Văn học Việt Nam, giao lưu văn hóa, tư duy nghệ thuật, thi pháp

**23. Quang Dũng : đẹp mãi những mùa xanh xưa**/ Nguyễn Đăng Điệp// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 11(597) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Phân tích những nhân tố lịch sử, văn hóa đã góp phần hình thành khí chất nghệ sĩ Quang Dũng và phong cách nghệ thuật độc đáo của ông trong một giai đoạn lịch sử hào hung từ những điểm nhìn tham chiếu khác nhau.

**Từ khóa**: Văn hóa, khí chất, cổ điển, lãng mạn, phong cách

**24. Sưu tầm và cải biên truyện cổ tại Việt Nam từ năm 1945 đến 1986: Trường hợp viết lại Tây qua truyện (truyện dưa hấu)**/ Nguyễn Thanh Tùng, Trịnh Thùy Dương// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 9(595) .- Tr. 35-50.

**Nội dung**: Phân tích và chỉ ra những đặc điểm của hoạt động sưu tầm, cải biên truyện cổ tại Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1986 cúng như những yếu tố chính trị - xã hội – văn hóa tác dộng tới các đặc điểm, xu hướng đó.

**Từ khóa**: Viết lại, sưu tầm, cải biên, Tây qua truyện, văn học Việt Nam

**25. Tản Văn – Nhìn trong không gian văn học Việt Nam đầu thế kỷ XXI**/ Lê Hương Thủy// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 10(596) .- Tr. 48-60.

**Nội dung**: Phân tích, nhìn nhận các vấn đề: Cách người viết tham dự vào đời sống văn học, đời sống văn hóa, cách người đọc lựa chọn và thị hiếu tiếp nhận các tác phẩm, một số sắc thái của thị trường xuất bản.

**Từ khóa**: Không gian văn học, văn hóa, tản văn, xuất bản, tiếp nhận

**26. Thơ đi sứ triều Nguyễn : diện mạo và giá trị**/ Nguyễn Công Lý// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 7(593) .- Tr. 3-18.

**Nội dung**: Trên cơ sở thành tựu về văn bản và những nghiên cứu đã có, bài viết này sẽ trình bày diện mạo và những giá trị của thơ đi sứ triều Nguyễn (1802-1945).

**Từ khóa**: Triều Nguyễn, bang giao, sứ thần, thơ đi sứ, thơ tiễn sứ

**27. Tìm hiểu hiện tượng Quốc phong ca dao cổ Việt Nam : khảo cứu từ tư liệu Hán Nôn**/ Đỗ Thị Bích Tuyền// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 15-29.

**Nội dung**: Bài viết cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về ý thức, thái độ của nhà nho Việt Nam thời trung cận đại với vấn đề gìn giữ giá trị văn hóa dân tộc và nâng tầm văn học truyền miệng (văn học dân gian) trên văn đàn.

**Từ khóa**: Ca dao, chữ Nôm, chữ Hán, Quốc phong, Kinh thi

**28. Tư tưởng sinh thái trong sang tác của Diêm Liên Khoa**/ Nguyễn Thị Minh Thương// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 8(594) .- Tr. 90-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu, tiếp cận sáng tác của Diêm Liên Khoa từ góc độ phê bình sinh thái, thông qua các vấn đề luân lí sinh thái, triết học sinh thái, thẩm mỹ sinh thái, khám phá tư tưởng sinh thái trong tác phẩm của ông.

**Từ khóa**: Diêm Liên Khoa, phê bình sinh thái, tư tưởng sinh thái

**29. Ý thức dân tộc, quốc gia và đối trọng văn hóa trong thơ đi sứ Triều Nguyễn**/ Lê Quang Trường// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 7(593) .- Tr. 19-31.

**Nội dung**: Bằng những phân tích nghĩa hàm ẩn và tái giải mã văn hóa trong các tác phẩm tiền nhân, dưới góc nhìn ý thức dân tộc và văn hóa, người viết chỉ ra tinh thần hay ý thức dân tộc, ý thức lãnh thổ quốc gia và sự đối trọng văn hóa của các tác giả nhà nho trong vai trò sứ thần Việt Nam trên chặng đường làm nhiệm vụ bang giao.

**Từ khóa**: Ý thức dân tộc, lãnh thổ quốc gia, đối trọng văn hóa, thơ đi sứ, triều Nguyễn

DU LỊCH

**1. Ao Bà Om : điểm nhận diện thương hiệu du lịch của tỉnh Trà Vinh**/ Lê Văn Tấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Vài nét về Ao Bà Om; Từ vẻ đẹp của những câu chuyện kể đến quá trình thiêng hóa điểm đến; Một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Du lịch, khu du lịch, thương hiệu du lịch, Ao Bà Om, tỉnh Trà Vinh

**2. Ảnh hưởng của tôn giáo đến thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên**/Bùi Thị Vân Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 16 - 18.

Nội dung: Bài viết tập trung làm rõ những ảnh hưởng của tôn giáo đến thiết chế xã hội của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên và đặt ra một số vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới nhằm phát huy hơn nữa vai trò của thiết chế ấy trước những ảnh hưởng không thuận chiều của tôn giáo.

Từ khóa: Thiết chế xã hội, dân tộc thiểu số, Tây Nguyên

**3. Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái biển cho phát triển bền vững**/ TS. Nguyễn Đình Đáp, ThS. Đoàn Thị Minh Phượng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 14(Tháng 07) .- Tr. 08-11.

**Nội dung**: Bài viết nêu khái niệm, vai trò và nguy cơ đe dọa hệ sinh thái biển; Từ đó đưa ra giải pháp bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển.

**Từ khóa**: du lịch biển, hệ sinh thái biển, phục hồi và bảo tồn

**4. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn điểm đến của khách du lịch MICE nội địa tại vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc**/ Phạm Thị Hải Yến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu này là xác định là những yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn điểm đến của khách du lịch MICE nội địa tại vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, kết quả chỉ ra mức độ quan trọng của các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch MICE; Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần phát triển du lịch MICE tại vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

**Từ khóa**: du lịch, khách du lịch, MICE, lựa chọn của khách du lịch

**5. Các yếu tố tác động đến quyết định mua tour tham quan thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy của du khách quốc tế**/Nguyễn Minh Trí, Lâm Thành Phương, Đinh Vũ Hoàng Tuấn//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 46 – 48.

Nội dung: Bài viết tập trung vào việc xác định yếu tố tác động đến quyết định mua tour tham quan thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy của du khách quốc tế. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 253 du khách quốc tế đã sử dụng tour tham quan thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy. Kết quả nghiên cứu, phân tích đã chỉ ra có 7 yếu tố tác động đến quyết định mua tour tham quan thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy của du khách quốc tế: Động cư du lịch; sở thích du lịch; sẵn có và chất lượng tour; giá sản phẩm; quảng cáo; địa điểm đạt tour; nhóm tham khảo. Trong đó, yếu tố sẵn có và chất lượng tour có ảnh hưởng nhiều nhất, yếu tố nhóm tham khảo có mức độ ảnh hưởng thấp nhất trong quyết định mua tour tham quan thành phố Hồ Chí Minh bằng xe máy của du khách quốc tế.

**Từ khóa**: Du khách quốc tế, tour tham quan, thành phố Hồ Chí Minh

**6. Chiến lược Đại dương xanh trong phát triển du lịch : thực tiễn từ trường hợp hang Sơn Đòong**/ Lê Đình Tân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Bài viết phân tích ứng dụng chiến lược Đại dương xanh trong phát triển du lịch cho thấy du lịch của Việt Nam được đánh giá mạnh trên nguồn tài nguyên du lịch, theo đó tác giả đề xuất một số khuyện nghị nhằm mở rộng việc ứng dụng Chiến lược Đại dương xanh trong phát triển du lịch tại Việt Nam.

**Từ khóa**: du lịch, du lịch Việt Nam, chiến lược Đại dương xanh, phát triển du lịch, hang Sơn Đòong

**7. Chính sách tài chính tiền tệ hỗ trợ ngành du lịch và lữ hành trong bối cảnh dịch Covid 19 kéo dài**/Thân Thị Vi Linh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 598 .- Tr. 75 – 77.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến du lịch, dịch vụ, lữ hành của cả nước và đưa ra một số phân tích về chính sách tài chính tiền tệ cho lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Du lịch lữ hành, chính sách tài chính tiền tệ, dịch Covid 19

**8. Du lịch Lào Cai tìm hướng phục hồi tăng trưởng và phát triển bền vững**/ Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Tâm// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.197 - 199.

**Nội dung:** Sau 2 năm thực hiện Chương trình hành động số 148-CTr/TU của Tỉnh uỷ Lào Cai du lịch Lào Cai đã có bước chuyển mạnh mẽ, thực sự trở thành khâu “đột phá” trong phát triển kinh tế của Tỉnh và được đánh giá là địa phương dẫn đầu khu vực Tây Bắc về phát triển du lịch. Tuy nhiên, tăng trưởng của du lịch Lào Cai không chỉ dựa hoàn toàn vào những con số, mà còn phải đảm bảo tính bền vững trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Du lịch, Lào Cai, miền núi phía Bắc, kinh tế mũi nhọn.

**9. Du lịch Tây Bắc : thực tại và giải pháp phát triển du lịch bền vững**/ Nguyễn Bảo Châu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 592(Tháng 07) .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Bài viết phân tích kỹ hơn những tiềm năng du lịch mà Tây Bắc đang nắm giữ cũng như những khó khăn đang gặp phải cần lời giải đáp trong quá trình phát triển mô hình du lịch vùng núi Tây Bắc, và chìa khóa giải pháp để khắc phục những tồn tại trên.

**Từ khóa**: Du lịch, du lịch Tây Bắc, phát triển du lịch, du lịch bền vững

**10. Đô Thị Thông minh: Xu hướng phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng/** Lê Huy Kim Hoàng Anh// Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng .- 2021 .- Số 140 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Tổng quan về đô thị thông minh, tình hình phát triển đô thị thông minh tại Đà Nẵng và một số giải pháp nhằm phát triển đô thị thông minh tại Đà Nẵng.

**Từ khóa**: Đô thị thông minh, Đà Nẵng,phát triển bền vững

**11. Giá trị lịch sử - văn hóa địa danh Hán Việt ở Đà Nẵng**/ Nguyễn Hoàng Thân// Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng .- 2021 .- Số 138 .- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu một số đặc điểm văn hóa của những địa danh Hán Việt đã từng có trong lịch sử Đà Nẵng, nhiều địa danh vẫn đang được sử dụng. Có thể cung cấp thêm một phần tư liệu giúp chính quyền và người dân Đà Nẵng hiểu rõ hơn về những địa danh Hán Việt trên mảnh đất mình đang sinh sống.

**Từ khóa:** Lịch sử, văn hóa, Đà Nẵng, địa danh

**12. Một số giá trị văn hóa tiêu biểu của làng cổ Lộc Yên trong nhận diện thương hiệu du lịch huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam**/ Lê Văn Tấn, Võ Thành Nhân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Một số giá trị văn hóa đặc sắc của làng cổ Lộc Yên; Định hướng bảo tồn và phát triển không gian nhà Cổ phục vụ phát triển du lịch ở Lộc Yên; Một số giải pháp cụ thể.

**Từ khóa**: du lịch, văn hóa tiêu biểu, làng cổ Lộc Yên, thương hiệu du lịch

**13. Nghệ thuật truyền thông mới cơ hội phát triển và thách thức cho Việt Nam**/ Trần Thị Phương Thảo// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 85-94.

**Nội dung**: Xuất hiện vào năm 2000 tại Việt Nam nghệ thuật truyền thông mới đã được định hình và tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu thực tiễn tại thị trường nghệ thuật Việt. Một đất nước đang phát triển công nghệ truyền thông kỹ thuật số như Việt Nam đã mở ra nhiều cơ hội nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều thách thức chưa thể khai thác hết tiềm năng nghệ thuật truyền thông mới. Chúng ta cần thống nhất tên gọi và mạnh dạn đẩy mạnh đào tạo chuyên ngành nghệ thuật truyền thông mới thành một ngành học riêng, chuyên sâu như ngành báo chí, văn hóa nghệ thuật.

**Từ khóa**: Nghệ thuật truyền thông mới, đào tạo, thách thức, cơ hội

**14. Nhận diện các điểm du lịch tỉnh Lai Châu hiện nay**/ Vũ Yến Hải// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Bài viết điểm khái quát những điểm du lịch quan trọng của tỉnh Lai Châu, như một phác họa toàn cảnh về các điểm đến vô cùng hấp dẫn đối với du khách khi có dịp đặt chân đến mảnh đất biên cương này.

**Từ khóa**: du lịch, điểm đến du lịch, Lai Châu

**15. Những đặc điểm, giá trị đặc sắc của lễ hội Chùa Hương trong phát triển du lịch tín ngưỡng, tâm linh**/ Nguyễn Kim Thanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Bài viết khái quát những đặc điểm, giá trị đặc sắc của lễ hội chùa Hương nhằm hướng đến phát triển loại hình du lịch tín ngưỡng tâm linh.

**Từ khóa**: Du lịch tín ngưỡng, văn hóa du lịch, chùa Hương

**16. Phát huy nguồn lực văn hóa Thăng Long – Hà Nội trong phát triển thương hiệu “Thành phố Sáng Tạo**”/ Bùi Văn Tuấn, Trần Thị Hiên// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 59-68.

**Nội dung**: Bài viết vận dụng cách tiếp cận liên ngành và phương pháp phân tích tài liệu , kế thừa nghiên cứu từ các công trình đi trước đã chỉ ra Hà Nội là vùng đất địa linh nhân kiệt. Nếu phát huy tốt các nguồn lực nội sinh, Hà Nội sẽ hướng tới trở thành Kinh đô sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và trở thành một trong những điểm sáng văn hóa của khu vực và Thế Giới.

**Từ khóa**: Nguồn lực, văn hóa, Thanh Long, Hà Nội, thành phố Sáng Tạo

**17. Phát triển du lịch bền vững dựa vào cộng đồng từ thực tiễn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa**/ Lê Ngọc Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Các nguồn lực phát triển du lịch cộng đồng tại Bá Thước, Thanh Hóa; Mức độ tham gia của cộng đồng vào quá trình phát triển của loại hình du lịch cộng đồng tại địa phương thời gian qua; Định hướng phát triển loại hình du lịch bền vững dựa vào cộng đồng tại Bá Thước, Thanh hóa.

**Từ khóa**: du lịch, phát triển du lịch, Thanh Hóa

**18. Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng : thực trạng và giải pháp góp phần xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch miền núi**/ TS. Nguyễn Thị Loan, TS. Ngô Chí Thành// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 07(216) .- Tr. 54-58.

**Nội dung**: Tác giả tập trung đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại 11 huyện miền núi của tỉnh Thanh Hoá, từ đó kiến nghị các giải pháp phát triển du lịch sinh thái cộng đồng góp phần xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch miền núi Thanh Hoá trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Du lịch, sinh thái cộng đồng, thương hiệu, điểm đến

**19. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể ở Tây Nguyên hiện nay**/Bùi Thị Vân Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 597.- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ vai trò của cộng đồng trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Tây Nguyên và đề xuất số kiến nghị nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò của cộng đồng trong công tác này ở Tây Nguyên thời gian tới.

**Từ khóa:** Di sản văn hóa phi vật thể, bảo tồn di sản văn hóa, Tây Nguyên

**20. Phường múa rối cạn Tế Tiêu – bản sắc văn hóa trong từng trò diễn**/ Nguyễn Đức Nam// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 49-58.

**Nội dung**: Múa rối là một loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, từ lâu đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của dân tộc Việt Nam. Phường rối cạn Tế Tiêu đã xây dựng được một hệ thống các trò diễn và phong cách biễu diễn riêng, tạo nên một thương hiệu đặc trưng. Bài viết giải quyết hai vấn đề: Giới thiệu khái quát về phường rối cạn Tế Tiêu và hệ thống trò diễn của phường. Từ đó đi vào phân tích những đặc sắc trong nọi dung các trò diễn để khẳng định bản sắc văn hóa, gần gũi, giản dị.

**Từ khóa:** Múa rối, phong tục tập quán, Tế Tiêu, trò diễn

**21. Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai**/ Nguyễn Thị Như Quỳnh// Tài chính .-  2021 .- Số 761 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Du lịch cộng đồng không chỉ giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, mà còn bảo tồn và phát huy những nét văn hoá độc đáo của địa phương. Mang trong mình nhiều giá trị đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ cũng như bản sắc văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc, Lào Cai hiện là một điểm đến du lịch cộng đồng gắn với du lịch sinh thái và văn hóa được nhiều du khách trong và ngoài nước yêu thích. Phát triển du lịch cộng đồng đã góp phần nâng cao đời sống cho người dân bản địa.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng, du lịch, văn hóa, Lào Cai

**22. Tác động của đại dịch covid-19 và giải pháp ứng phó của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch** / Vũ Thị Kim Thanh// Tài chính.- 2021 .- Số 754.- Tr.107 - 109.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại nặng nề đến mọi ngành nghề, lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực du lịch. Bài viết nhận diện những tác động của đại dịch Covid-19, cũng như xu hướng phát triển du lịch Việt Nam trong thời gian tới, từ đó gợi mở giải pháp giúp các doanh nghiệp du lịch Việt Nam thích ứng và phục hồi trong bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Covid-19, doanh nghiệp, ngành du lịch, cơ sở lưu trú, đào tạo.

**23. Tạo dựng không gian công cộng tại các khu đô thị mới hiện nay trên địa bàn Hà Nội (Nghiên cứu trường hợp không gian thiêng)/** Lê Việt Liên// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 33-39.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến việc tạo dựng một không gian công cộng mang tính chất truyền thống trong đời sống của người dân Việt Nam trong bối cảnh không gian là các khu đô thị mới, đó là không gian thiêng. Đây là không gian quen thuộc đối với mỗi người dân trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Qua đó bài viết lập luận rằng dù trong những không gian sống khác nhau, con người vẫn luôn mong muốn được giao tiếp, hòa nhập với nhau thông qua những sinh hoạt cộng đồng tại những không gian công cộng.

**Từ khóa**: Không gian công cộng, đô thị mới, Hà Nội

**24. Tăng trưởng của ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và vấn đề đặt ra giai đoạn hậu Covid - 19**/Trần Thị Hằng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Phục hồi và phát triển ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống nhằm phát triển du lịch của Việt Nam trong giai đoạn hậu Covid 19 đang là vấn đề đặt ra. Mặt khác việc phát triển du lịch giai đoạn này hướng đến an toàn với dịch bệnh, thân thiện với môi trường cũng là vấn đề khó khăn đặt ra đối với ngành.

**Từ khóa:** Dịch vụ lưu trú, ăn uống, covid 19

**25. Tín ngưỡng và phong tục ở làng cổ Lộc yên trong thực tiễn phát triển du lịch huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam**/ Nguyễn Thị Hưởng, Võ Thành Nhân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Bài báo tập trung mô tả và luận giải để làm rõ các đặc điểm của tín ngưỡng và phong tục làng cổ Lộc Yên trong thực tiễn phát triển du lịch của huyện Tiên Phươc, tỉnh Quảng Nam giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Du lịch, văn hóa, tín ngưỡng và phong tục, phát triển du lịch

**26. Triển vọng phát triển du lịch quốc tế inbound của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập AEC**/ Lê Xuân Hoàn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 593(Tháng 07) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Bài viết phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển du lịch quốc tế inbound của Việt Nam, cùng với cơ hội và thách thức đối với phát triển du lịch quốc tế inbound của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập AEC, từ đó đánh giá triển vọng phát triển du lịch quốc tế inbound của Việt Nam trong thơi gian tới.

**Từ khóa**: Du lịch, du lịch quốc tế, inbound, Việt Nam

**27. Thuyết tương quan và văn hóa đô thị**/ Trần Ngọc Khánh// Văn hóa & Nguồn lực .- 2021 .- Số 3 (27) .- Tr. 21-32.

**Nội dung**: Qua việc so sánh các đặc điểm của tương quan và tương tác, chúng tôi khái quát tính nhị nguyên, tương đối của các sự vật và hiện tượng để chỉ ra vai trò trung tâm của con người là không chỉ tác động mà còn thích nghi với các quy luật vận động của tự nhiên và xã hội. Từ đó bước đầu vận dụng thuyết tương quan trong nghiên cứu văn hóa đô thị để tìm hiểu chuyển biến của các sự vật, hiện tượng tỏng quá trình đô thị hóa, góp phần xác định tầm quan trọng của lý thuyết này đối với các ngành khoa học và nhân văn.

**Từ khóa**: Đô thị hóa, thuyết tương quan, văn hóa đô thị

**28. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng Tây Nguyên**/ Hà Thị Kim Duyên// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.188 - 190.

**Nội dung:** Khu vực Tây Nguyên gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) với tổng diện tích 54.641,0 km², chiếm 16,8% diện tích cả nước; không chỉ là một cao nguyên duy nhất mà bao gồm hệ thống cao nguyên liền kề với độ cao trung bình từ 500 - 1.500 m. Tây Nguyên có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số (thuộc 47 dân tộc khác nhau). Xét về khía cạnh du lịch, Tây Nguyên là vùng có tiềm năng lớn để áp dụng mô hình du lịch cộng đồng một cách rộng rãi.

**Từ khoá:** Kinh tế, phát triển, du lịch cộng đồng, Tây Nguyên.

**29. Xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố Sáng tạo từ ý tưởng đến thực tế/** Lê Đức Viên// Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng .- 2021 .- Số 138 .- Tr. 7-10.

**Nội dung:** Triển khai xây dựng mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO trong năm 2021 nhằm tăng cường phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường. Đồng thời Đà Nẵng chuẩn bị kế hoạch truyền thông cho thương hiệu thành phố trên bình diện trong nước và quốc tế giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19 của Việt Nam và Thế giới.

**Từ khóa**: Đà Nẵng**,** thành phố Sáng tạo, kinh tế, xã hội

**30. Xu hướng phát triển du lịch trong thời kỳ mới và quảng bá du lịch trên sóng truyền hì**nh/Lương Quốc Huy//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 599 .- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Du lịch là một trong những trụ cột chính của thương mại quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới và là động lực tăng nguồn thu nhập quan trọng đối với nhiều nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, phát triển du lịch trong bối cảnh hiện nay bị tác động rất lớn bởi quá trình hội nhập hóa, toàn cầu hóa, cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học, công nghệ.

**Từ khóa:** Du lịch, quảng bá du lịch, sóng truyền hình.

**31. Yếu tố quyết định đến thời gian lưu trú của khách du lịch tại Đà Nẵng**/ Nguyễn Thị Thanh Thúy// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.200 - 203.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tìm hiếu các yếu tố quyết định thời gian lưu trú của khách du lịch tại Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, một số yếu tố như độ tuổi, thu nhập quyết định đén thời gian lưu trú của du khách; những du khách có thu nhập cao thường ở lại lâu hơn những du khách có thu nhập thấp. Ngoài ra, các đặc điểm như tần suất du lịch, mục đích chuyến đi, khí hậu, chất lượng chỗ ở ... cũng là những yếu tố tác động đến thời gian lưu trú. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp du lịch lập kế hoạch và quản lý điểm đến để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch tại Đà Nẵng.

**Từ khoá:** Du lịch, thời gian lưu trú, du khách, Đà Nẵng.